

THE NEW YORK TIMES BESTSELLER

IA DRANG—THE BATTLE THAT  
CHANGED THE WAR IN VIETNAM

# WE WERE SOLDIERS ONCE... AND YOUNG



LT. GEN. HAROLD G. MOORE (Ret.)  
and JOSEPH L. GALLOWAY

"A powerful and epic story . . . raw, gutsy and eye-opening. This is the best account of infantry combat I have ever read, and the most significant book to come out of the Vietnam War." —*Commander David Hackworth*

THE NEW YORK TIMES BESTSELLER

LA DRANG—THE BATTLE THAT  
CHANGED THE WAR IN VIETNAM

# WE WERE SOLDIERS ONCE... AND YOUNG



LT. GEN. HAROLD G. MOORE (Ret.)  
and JOSEPH L. GALLOWAY

"A powerful and epic story . . . raw, gutsy and eye-opening. This is the best account of infantry combat I have ever read, and the most significant book to come out of the Vietnam War." —Colonel David Hackworth

# CHÚNG TÔI ĐÃ TỪNG LÀ NGƯỜI LÍNH TRẺ

**LT.GEN.HAROLD G. MOORE & JOSEPH L. GALLOWAY**

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

## NỘI DUNG

Lời nói đầu

## RA TRẬN

1. Điểm điểm của trận đánh
2. Nguồn gốc cuộc chiến
3. Boots and saddles (xỏ giày và mặc yên ngựa?)
4. Vùng chiến và Đối thủ

## X- RAY

5. Bay vào Thung Lũng
6. Trận đánh bắt đầu
7. Tiến sát quân thù
8. Trận đánh bão táp
9. Những phi công dũng cảm
10. Giương lê
11. Thác đêm
12. Cuộc tấn công lúc bình minh
13. Đạn thân thiện (friendly fire)
14. Giải cứu Trung đội bị bao vây
15. Những chiến binh đêm
16. Thu dọn chiến trường
17. Nó sẽ không kết thúc cho tới khi nó kết thúc

## ALBANY

18. Đi dạo dưới ánh Mặt trời
19. Địa ngục ở một nơi rất bé
20. Chết trong đám cỏ voi
21. Đào thoát và Lẩn trốn
22. Đêm dài không sáng
23. Trung sĩ và Hồn Ma

## KẾT CỤC

24. Tin tức đang tới
25. "Bộ trưởng quốc phòng vô cùng thương tiếc báo tin...."
26. Phê phán và Nhận Thức

## LỜI BẠT



## Lời nói đầu

Đây là câu chuyện về những kỷ niệm của một thời. Đó là năm 1965, 1 năm rất khác biệt, một năm đánh dấu một thời đại kết thúc cho nước Mỹ và một thời đại mới bắt đầu. Lúc đó chúng ta đã cảm nhận được nó, bằng nhiều cách khác nhau cuộc sống của chúng ta thay đổi quá lớn, quá đột ngột, và bây giờ nhìn lại chúng khi 1/4 thế kỷ đã đi qua chúng ta hoàn toàn chẳng mấy may nghi ngờ về những điều đó. Đó là năm nước Mỹ quyết định dính líu trực tiếp với những mối quan hệ theo kiểu Byzantine (phức tạp) tới một đất nước xa xôi, mơ hồ với nhiều người, Việt Nam. Đó là năm chúng ta bước vào chiến tranh. Theo nghĩa đen “chúng ta” những người bước vào cuộc chiến là tất cả chúng ta, những người Mỹ, cho dù có một sự thật là phần đông không có hiểu biết gì, chẳng quan tâm tới và không có mối quan hệ nào đáng kể tới những gì đang xảy ra ở một nơi rất xa.

Vì vậy câu chuyện này kể về một nhóm người nhỏ hơn trong số chúng ta ở trên: Những người lính Mỹ chiến đấu đầu tiên, những người ngồi trên những tàu biển chở quân của thời Thế chiến thứ II, đi tới một nơi chưa biết bao giờ, và chiến đấu trong một trận đánh quan trọng đầu tiên của một cuộc chiến mà sẽ kéo dài tới 10 năm và gần như hủy diệt nước Mỹ như nó đã hủy diệt Việt Nam.

Chiến dịch Ia Drang trong chiến tranh Việt Nam giống như cuộc nội chiến Tây Ban Nha khủng khiếp trong Thế chiến thứ II. Một cuộc diễn tập; nơi mà những chiến thuật, kỹ thuật, và vũ khí mới được thử nghiệm, được hoàn thiện hay vứt bỏ đi. Tại Ia Drang cả hai phía đều tuyên bố dành chiến thắng và cả hai đều nhận những bài học, một vài trong số chúng đối trá một cách nguy hiểm, mà tiếng vang và tầm ảnh hưởng của chúng kéo dài suốt một thập kỷ chiến tranh đẫm máu.

Đây là những gì chúng tôi đã làm, đã thấy, đã chịu đựng trong 34 ngày chiến dịch tại thung lũng Ia Drang, cao nguyên trung phần, Miền Nam Việt Nam tháng 1 năm 1965, khi đó chúng tôi trẻ, tin tưởng và yêu nước trong khi những người dân chúng tôi không biết và ít quan tâm tới những hy sinh của chúng tôi.

Một câu chuyện chiến tranh, bạn nghĩ như vậy? Không chính xác lắm, cho những mục đích cao hơn đây là một câu chuyện tình, những hành động của chúng tôi được kể theo ngôn ngữ của chúng tôi. Chúng tôi là những đứa trẻ của những năm 50 và chúng tôi đi tới những nơi được điều tới bởi vì chúng tôi yêu đất nước này. Hầu hết chúng tôi là lính nghĩa vụ nhưng chúng tôi tự hào khi có cơ hội phục vụ tổ quốc giống như cha chúng tôi đã từng trong thế chiến thứ II, như anh chúng tôi đã từng trong chiến tranh Triều Tiên. Chúng tôi là những thành viên của một sư đoàn chiến đấu tinh nhuệ, dày dặn kinh nghiệm được huấn luyện nghệ thuật chiến tranh không vận cơ động mới theo chỉ thị của Tổng thống John F. Kennedy.

Ngay trước khi chúng tôi lên tàu sang Việt Nam, quân đội đã trao cho chúng tôi những lá cờ lịch sử của Sư đoàn kỵ binh bay số một và tất cả chúng tôi tự hào gắn lên cầu vai một tấm vải cứng hai màu vàng đen với một hình đầu ngựa nhìn nghiêng. Chúng tôi ra trận bởi vì Tổ quốc

yêu cầu chúng tôi, bởi vì vị tổng thống mới của chúng tôi Lyndon B. Johnson ra lệnh cho chúng tôi, nhưng quan trọng hơn là bởi vì chúng tôi coi đó là nhiệm vụ của chúng tôi. Đó chính là một dạng của tình yêu.

Có một thứ tình yêu khác huyền ảo hơn nhiều đến với chúng tôi một cách tự nhiên trên chiến trường, cũng giống như là nó có mặt tại mọi chiến trường trong các cuộc chiến tranh mà con người đã phải chiến đấu. Tại một nơi giống như địa ngục chúng tôi khám phá ra tình yêu của mỗi chúng tôi dành cho nhau. Chúng tôi bắn giết vì nhau, chết cho nhau, khóc than cho nhau. Và tới một lúc nào đó chúng tôi thương nhau như anh em ruột thịt. Trong trận chiến, thế giới của chúng tôi co lại còn có 2 người bên trái và bên phải của mình cùng với quân thù vây xung quanh. Chúng tôi nắm giữ tính mạng của người khác trong tay mình và chúng tôi đã học cách chia sẻ nỗi sợ hãi, niềm hy vọng, những giấc mơ của nhau cho nhau.

Chúng tôi là những đứa trẻ của những năm 50 và là những thanh niên vạm vỡ của tổng thống Kennedy đầu những năm 60. Ông ấy nói với thế giới rằng người Mỹ sẽ “trả bất kỳ giá nào, chịu đựng bất kỳ gánh nặng nào, đương đầu với bất kỳ khó khăn nào” để bảo vệ tự do. Chúng tôi chính là khoản thanh toán cho cái hợp đồng tổn kém đó, nhưng người đã ký nó không còn đó khi chúng tôi hoàn tất lời hứa của ông. John Kennedy đã đợi chúng tôi trên một ngọn đồi tại Nghĩa trang quốc gia Arlington, và tới khi hàng ngàn người trong chúng tôi đã đến, phủ kín những sườn đồi đó với những tấm bia màu trắng và hỏi ông ấy trong những tiếng rì rầm của gió, đó có phải thật sự là cái tương lai ông ấy hình dung cho chúng tôi.

Trong số chúng tôi có những người là cựu chiến binh, những trung sĩ tóc đã hoa râm, họ là những người đã chiến đấu ở Châu Âu và Thái Bình Dương, đã sống sót từ địa ngục bằng giá ở Triều Tiên, và bây giờ đang muốn gắn thêm một ngôi sao lên băng huân chương của người lính bộ binh chiến đấu. Có những người là lính tòng quân tình nguyện, những thanh niên trẻ từ những thị trấn nhỏ khắp nước Mỹ, cha họ nói với họ rằng họ sẽ học được tính kỷ luật và trở thành người đàn ông thật sự trong quân đội. Có những thanh niên trẻ đã chọn quân đội thay vì phải chịu một thời gian tương đương trong nhà tù. Bằng cách này hay cách khác số mệnh gọi họ lên đường. Nhưng đa số chúng tôi là lính quân dịch, những cậu bé 19, 20 tuổi bị gọi đi từ khắp các miền đất Mỹ bởi Ban tuyển quân địa phương để hoàn thành nghĩa vụ của họ trong 2 năm. Binh nhất được trả 99.37 Dollar 1 tháng, trung sĩ nhất 343.50 dollar một tháng.

Chỉ huy chúng tôi là những người bước ra từ trường West Point và những thiếu úy trẻ từ những trường huấn luyện sĩ quan dự bị Rutgers và Citadel, và thậm chí cả từ trường Đại học Yale, những người đã nghe được và hưởng ứng lời kêu gọi của Kennedy. Cũng có những lính tình nguyện trẻ và những hạ sĩ quan những người đã trải qua trường lớp. Tất cả đều cười bối rối khi nghe một thống kê lạnh lùng rằng cuộc đời chiến đấu của một chuẩn úy được tính bằng phút và giây chứ không phải bằng giờ. Những chuẩn úy của chúng tôi được trả 99.37 dollar một tháng.

Thế hệ của năm 1965 thoát ra khỏi một nước Mỹ cũ, một đất nước đã biến mất vĩnh viễn trong những đám khói bốc lên từ những bãi chiến trường rừng núi mà chúng tôi đã chiến đấu và đổ

máu. Cái đất nước đã gửi chúng tôi tới cuộc chiến đã không còn ở đó để chào đón khi chúng tôi trở về nhà. Nó không còn tồn tại nữa. Chúng tôi hưởng ứng lời kêu gọi của một tổng thống mà giờ đã chết; chúng tôi theo lệnh của một vị khác, người sẽ bị đuổi ra khỏi văn phòng và bị ám ảnh bởi cuộc chiến tranh mà ông ấy đã điều hành quá tệ.

Rất nhiều người dân chúng tôi bắt đầu căm ghét cuộc chiến tranh mà chúng tôi đang chiến đấu. Trong những người đã căm ghét nó hầu hết - theo cảm nhận chuyên nghiệp - đã không cảm nhận được sự khác biệt giữa cuộc chiến và những người lính phải nhận lệnh chiến đấu cho nó. Họ cũng căm ghét chúng tôi, và chúng tôi lại nằm dưới làn đạn như là chúng tôi đã phải nhận chúng trong những cánh rừng nhiệt đới.

Theo thời gian những trận đánh của chúng tôi bị quên lãng, những hy sinh của chúng tôi bị xếp xó. Tư cách của chúng tôi và khả năng hoà nhập vào cuộc sống trong một xã hội Mỹ tử tế bị đặt câu hỏi trước công luận. Trong những hộp các tông chứa đầy những huân huy chương có những bức ảnh chân dung đã ố vàng, những gương mặt chưa trẻ đã già ấy, gồ gề và hốc hác, hậu quả của những trận sốt, cái nóng nung người và những đêm không ngủ, giờ đây đang nhìn trừng trừng vào chúng tôi, những kẻ xa lạ bị lên án và nguyên rủa.

Chúng tôi phải tái dựng lại cuộc sống, kiếm công ăn việc làm, lập gia đình, và kiên nhẫn chờ đợi nước Mỹ cảm nhận được nỗi niềm của mình. Thời gian trôi qua chúng tôi tìm kiếm nhau và khám phá ra rằng lòng tự hào vẫn được sẻ chia giữa chúng tôi như đã từng chia sẻ mọi thứ cho nhau. Với họ và chỉ với họ chúng tôi có thể nói về những gì đã thực sự xảy ra ở nơi đó - Những gì chúng tôi đã thấy, đã làm, đã sống sót.

Chúng tôi biết Việt Nam là gì, và khi đó chúng tôi hành động, nói chuyện, cười đùa và trông như thế nào. Không ai ở Mỹ có thể biết. Hollywood luôn luôn sai lầm mỗi khi làm một bộ phim quái quỷ, khoét sâu con dao chính trị trên xương cốt của những đồng đội chúng tôi.

Vậy lần này, và chỉ lần này mà thôi: Đây là tất cả những gì đã thực sự xảy ra, những gì có ý nghĩa với chúng tôi và những gì chúng tôi mang lại cho nhau. Đây không phải phim ảnh. Khi kết thúc, người chết sẽ không đứng dậy phủi bụi và bước đi. Những người bị thương không tẩy rửa những phẩm đỏ trên người tiếp tục cuộc sống bình thường. Với những người may mắn một cách thần diệu không có lấy một vết xước không có nghĩa không bị tổn thương. Không ai trong chúng tôi rời Việt Nam vẫn giống như cái người trẻ tuổi đã đến đất nước này trước đó.

Câu chuyện này là sự tưởng nhớ tới 243 người Mỹ trẻ chết bên cạnh chúng tôi trong 4 ngày tại bãi đáp X-Ray và Albany trong thung lũng tử thần năm 1965. Đó là số người Mỹ chết nhiều hơn bất kỳ một trung đoàn nào, của phía Bắc hay Nam, tại trận Getty Burg (nội chiến), và nhiều hơn rất nhiều so với những người bị chết trong toàn bộ cuộc chiến tranh vùng Vịnh. Thêm 70 đồng đội của chúng tôi chết tại Ia Drang trong những cuộc giao tranh lẻ tẻ trước và sau những trận đánh lớn tại X-Ray và Albany. Tất cả những tên tuổi đó, 305 người bao gồm cả một phi công không lực, được khắc trên tấm bia số 3, Panel 3-east, của bức tường tưởng niệm Chiến tranh Việt Nam, tại Washington, D. C, và trong tim của chúng tôi. Đây cũng là câu chuyện về

những gì mà các gia đình đã phải chịu đựng khi cuộc sống của họ bị tan nát bởi cái chết của cha, con, chồng, anh, em tại thung lũng đó.

Và để cho những ai chưa hề biết tới chiến tranh khỏi bị ngộ nhận, câu chuyện này cũng bày tỏ lòng kính trọng tới những thanh niên trẻ tuổi của các trung đoàn 320, 33, 66 Quân đội nhân dân Việt Nam, những người đã chết bởi bàn tay của chúng tôi tại nơi đó. Họ cũng đã chiến đấu và chết một cách dũng cảm. Họ đúng là một đối thủ xứng đáng. Chúng tôi những người đã giết họ, cầu nguyện cho xương cốt của họ được tìm thấy từ nơi hoang dã và đơn độc ấy, nơi mà chúng tôi đã bỏ họ lại, được trở về nhà trong những lễ tang trang trọng nhất.

Đây là câu chuyện của chúng tôi và của họ. Cho một thời chúng tôi là những người lính và còn rất trẻ.

## 1/ ĐỈNH ĐIỂM CỦA TRẬN ĐÁNH - HEAT OF BATTLE

*You cannot choose your battlefield  
God does that for you;  
But you can plant a standard  
Where a standard never flew.  
-Stephen Crane, "The Colors"*

Một hố đất nhỏ đầy máu nơi được dùng làm hầm chỉ huy đại đội C của đại úy Bob Edwards giờ đang chật ních người. Trung sĩ Hermon R. Hostuttler, 25 tuổi, người hạt Terra Alta, bang West Virginia, nằm nát bấy trong bụi đỏ, bị bắn chết bởi một viên AK-47 xuyên qua cổ họng. Hạ sĩ Ernest E. Paolone, người Chicago, lính thông tin, cúi rạp thấp, máu đang tuôn ra từ cẳng tay trái. Trung sĩ James P. Castleberry, trinh sát pháo binh và cậu lính thông tin của anh ta, binh nhất Ervin L. Brown, Jr., ngồi xồm ngay bên cạnh Paolone. Đại úy Edwards bị một viên đạn xuyên từ vai trái qua nách, bị dồn ngồi xuống ở một tư thế khó khăn, không thể di chuyển được và đang chảy nhiều máu. Cách tay lành còn lại của anh ta đang cố ghì chặt ống nghe vào tai. Một tay súng máy Bắc Việt đang ở trên đỉnh một gò mối lớn ở cách đó không quá 10 mét và có thể nhìn rõ tất cả họ.

“Chúng tôi nằm đó nhìn những viên đạn bắn tung bụi mù mịt khắp vòng công sự nhỏ bé quanh rìa hố.” Edwards nhớ lại. “Tôi không biết mình bị thương nặng cỡ nào chỉ biết rằng tôi không thể đứng dậy, không thể làm được gì nhiều. 2 trung đội trưởng tôi liên lạc được, thiếu úy William W. Franklin ở bên phải tôi và thiếu úy James L. Lane ở bên phải Franklin, vẫn tiếp tục báo cáo bị bắn dữ dội nhưng vẫn chưa bị thủng phòng tuyến. Tôi biết rằng 2 trung đội còn lại của mình đang trong tình trạng rất tệ và đã bị chọc thủng và quân địch đã lọt vào trong tầm ném lựu đạn tới vị trí chỉ huy của tôi.”

Đợt tấn công điên cuồng của hơn 500 quân chính quy Bắc Việt dội trực tiếp vào 2 trung đội của Edwards, một hàng mỏng 50 lính kỵ binh bay, tất cả những người này đứng giữa quân thù

và vị trí chỉ huy tiểu đoàn của tôi, được đặt trong một lùm cây chính giữa bãi đáp X-Ray, Thung lũng Ia Drang, Cao nguyên trung phần Nam Việt Nam vào sáng sớm ngày 15 tháng 1 năm 1965.

Đã không có gì lay chuyển được nước Mỹ khi nó chậm chạp lao vào cuộc chiến ở nơi xa xăm này. Trước đây số người chết trong một trận đánh, ít nhất ở phía chúng ta, chỉ vào khoảng “một hai” người trong “kỷ nguyên cổ vắn” đã kết thúc, tiếp đó đã tăng lên “bốn năm” người khi những Thủy quân lục chiến Mỹ nhận lấy trách nhiệm chiến đấu vào đầu năm này. Còn bây giờ ngay tại đây, một cánh rừng ma quái trong thung lũng nằm ngay dưới chân dãy núi Chu Pong uốn lượn 10 dặm hướng về biên giới CPC này, số người chết đã được tính theo số bán sỉ. Sư đoàn kỵ binh bay số một vừa mới đến đã ngăn cản và làm thay đổi kế hoạch táo bạo đánh chiếm Cao nguyên Trung Phần của thiếu tướng Bắc Việt Chu Huy Mân. Bây giờ mục tiêu của ông ta là dụ quân Mỹ vào một trận chiến để tìm hiểu cách họ đánh đấm và hướng dẫn lính của ông cách giết họ.

Một tiểu đoàn thiếu đã liều lĩnh nhảy từ trực thăng xuống ngay chính giữa những doanh trại của tướng Mân, một căn cứ lịch sử hẻo lánh đến nỗi suốt 20 năm qua chưa có một người lính Pháp hay Miền Nam Việt Nam nào dám cả gan bén mảng tới. Chính cái tiểu đoàn của tôi, 450 người của tiểu đoàn một trung đoàn kỵ binh số 7, Lục quân Mỹ đã tới để tìm kiếm rắc rối ở Ia Drang; chúng tôi đã gặp tất cả những gì chúng tôi muốn và hơn thế nữa. Một ngày trước, khi chúng tôi nhảy xuống, có hai trung đoàn quân chính quy Quân đội Nhân Dân Việt Nam - hơn 2 ngàn người - đang nghỉ ngơi, tái tổ chức tại ở căn cứ gần đó và đang chuẩn bị cho những chiến dịch chiến đấu. Những chỉ huy dưới trướng tướng Mân đã phản ứng quyết liệt ngay tức thì, và giờ đây chúng tôi đang chiến đấu cho mạng sống của chính mình.

Một người lính của đại úy Edwards, hạ sĩ Arthur Viera vẫn còn nhớ từng giây phút thống khổ của đại đội C sáng hôm đó. “Tiếng súng rất lớn, chúng tôi bị tràn ngập bên cánh phải. Thiếu úy [Neil A. Kroger, 24 tuổi, người hạt Oak Park, Illinois] tiến ra chặn trước cửa mở. Tôi nghĩ điều đó thật có ích. Anh ấy hét lên với tôi, tôi phải nhóm dậy để nghe được anh. Anh ấy hét tôi giúp yểm trợ phía bên trái.”

Viera tiếp, “Tôi chạy qua chỗ anh ấy và lúc tôi chạy đến nơi anh ấy đã chết. Anh ấy đã chặn trước cửa mở được nửa giờ. Tôi quỳ bên cạnh, tháo thẻ bài của anh đút vào túi áo tôi. Tôi ngẩng lên tiếp tục bắn bằng khẩu M79 tới khi tôi trúng đạn vào khuỷu tay phải. Khẩu M79 văng đi và tôi bị ngã ngửa đè lên người thiếu úy. Tôi rút khẩu colt 45 và bắn bằng tay trái. Tiếp đó tôi bị trúng đạn ngay cổ, viên đạn đi ngay giữa cổ họng. Giờ tôi thể nói hay phát ra một âm thanh nào hết.\*

*\* Viera chính là người lính bị thương được một y sĩ chọc thủng cổ họng để cứu sống trong những cảnh quay kinh hoàng vừa mới chiếu trên VTV, thật kỳ lạ là Viera vẫn còn sống. đoạn sau có nói nhiều về người y sĩ này cùng với hai người quay phim.*

“Tôi đứng dậy và cố gắng chiến đấu tiếp, và tôi bị trúng đạn lần thứ 3 khiến tôi gãy chân và ngã dúi xuống. Viên đạn xuyên vào từ phía trên đầu gối đi ngược lên, xuyên qua chân, chui vào háng và dừng lại ở lưng nằm ngay cạnh xương sống. Tiếp sau đó 2 trái lựu đạn nổ ngay chỗ tôi,

xé nát hai chân. Tay trái tôi mò xuống đựng phải những mảnh lựu đạn và nó giống như tôi đựng phải một quân bài Poker tẩy nóng bỏng, tay tôi cháy xèo xèo.”

Khi Edwards trúng đạn anh gọi radio cho sĩ quan điều hành của mình, thiếu úy John Arrington, một người South Carolina 23 tuổi, đang ở vị trí chỉ huy tiểu đoàn lo tiếp tế trở ra đảm nhiệm chỉ huy đại đội C. Edwards nói, “Arrington vượt qua làn đạn tới vị trí của tôi và sau một lúc nói chuyện với tôi trong khi đang nằm kề bên rìa của hố cũng bị trúng đạn và bị thương. Anh ta sợ rằng vết thương quá nặng và nói với tôi nhớ chuyển lời tới vợ rằng anh rất yêu cô ấy. Tôi nghĩ: Không lẽ anh ta không biết tôi cũng bị thương rất nặng sao?” Anh ta bị bắn vào tay, viên đạn xuyên vào ngực sượt qua phổi.

Bây giờ quân Bắc Việt đang tiến sát vị trí trung đội 2 của thiếu úy John (Jack) Geoghegan. Họ đã chiếm được vị trí của trung đội một của thiếu úy Kroger và đang cơ động thẳng tới hố của Bob Edwards. Clinton S. Poley, 23 tuổi, cao 1m85, con trai của gia đình nông dân Ackley, Iowa, là xạ thủ số 2 của một trong những khẩu súng máy M-60 của thiếu úy Geoghegan. Xạ thủ số một là hạ sĩ James C. Comer, người Seagrove, North Carolina.

Poley nói, “Khi tôi đứng dậy có một thứ gì đó đánh mạnh vào sau gáy, đầu tôi chúi lên trước và mũ sắt rơi xuống hố. Tôi nghĩ một gã nào đó đã lén phía sau và nện tôi bằng báng súng, nó quả là cú trời giáng. Chẳng có ai ở phía sau cả, đó là một viên đạn bắn từ phía sau hoặc bên ngang. Tôi băng bó và dùng mũ sắt để giữ cho bông băng khỏi rơi ra. Tôi lại đứng dậy và quan sát, có 3 hoặc bốn tên địch ngay trước tầm bắn phía bên phải. Tôi nói với Comer quay súng nhiều hơn nữa về phía phải. Ngay lúc đó tôi nghe một tiếng la và tôi nghĩ đó là thiếu úy Geoghegan.”

Không phải. Lúc này thiếu úy Geoghegan đã chết. Trung sĩ trung đội 2 Robert Jemison, Jr nhìn thấy anh ấy đang cố giúp một người bị thương. “Willie Godbolt cách tôi khoảng 20 mét về phía phải. Anh ta bị thương và đang gào: “Ai giúp tôi với”. Tôi hét: “Tôi sẽ tới đó”, thiếu úy Geoghegan hét lại “Không, để tôi”. Anh ta di chuyển khỏi hố để giúp Willie Godbolt và trúng đạn. Chỉ mới đón sinh nhật lần thứ 24 cách đó 5 ngày, John Lance Geoghegan, người vùng Pelham, New York, con trai duy nhất của một gia đình danh giá, chồng của Barbara và là cha của Camille, sáu tháng tuổi, bị bắn vào đầu và lưng, nằm chết trong những đám cỏ voi cao ngút và trong đám bụi đỏ của thung lũng Ia Drang, Binh nhất Willie F. Godbolt, người vùng Jacksonville, Florida, cũng 24 tuổi, chết trước khi nhận được hỗ trợ.

Trung sĩ Jemison, người đã từng chiến đấu với 5 sư đoàn quân Trung Quốc ở Chipyong-ni trong chiến tranh Triều Tiên, dính một viên đạn vào bụng nhưng vẫn cố tiếp tục chiến đấu. 20 phút sau, các trung đội nhận lệnh phải ném lựu đạn khói ra để đánh dấu vị trí cho pháo binh và hỏa lực không quân. Jemison đứng dậy ném một trái và lại dính đạn, lần này viên đạn trúng vai trái khiến anh ngã xuống. Anh đứng dậy một cách khó khăn tiếp tục bắn bằng khẩu M-16 cho tới khi bị trúng đạn lần thứ 3. “Đó là một vũ khí tự động, nó bắn trúng tay phải tôi và xé nát súng của tôi thành những mảnh vụn. Tất cả những gì còn lại là cái báng nhựa. một viên đạn khác cắt đứt cái khoá sắt của dây cài mũ và lật mũ sắt của tôi xuống. Tôi như bị quăng xuống đất. Khi tôi đứng dậy chẳng có thứ gì còn lại. Không súng, không lựu đạn, không có gì cả”

James Comer và Clinton Poley, ở cách phía trái Jamison 10 mét, đã bắn đại liên M-60 gần một giờ đồng hồ, khoảng thời gian dài tưởng như vô tận. “một trái lựu đạn cán dài rơi ngay trước hố. Comer hét lên: “nằm xuống” và đập nó ra xa được một chút. Nó không nổ. Lúc này chúng tôi bắn gần hết đạn và khẩu súng lại bị tắc. Dựa vào đám khói mù mịt chúng tôi rời hố súng máy để tìm các vị trí khác của trung đội 2. Đó là lúc tôi bị trúng đạn ngay ngực và ngã sập xuống đất.

Poley tiếp. “Tôi đứng dậy và bị bắn vào hông lại ngã xuống đất. Trong đám cỏ cao Comer và tôi mất liên lạc với mọi người. Chúng tôi đã không còn người vác đạn [Binh nhất Charles H. Collier, Mount Pleasant, Texas], anh ta đã bị giết ngày hôm trước. Cậu ta mới có 18 tuổi và vừa tới Việt Nam được vài ngày. Tôi cố chạy khoảng 20 mét một lần và đến lần thứ 3 thì gặp một bộ phận của trung đội súng cối. một Trung sĩ cho 2 người giúp tôi vượt qua bãi trống để tới vị trí chỉ huy tiểu đoàn nơi gò mồi lớn. Bác sĩ tiểu đoàn, một đại úy, đã sơ cứu cho tôi.

Trong lúc này hạ sĩ Viera đang chứng kiến toàn cảnh của sự kinh hoàng: “Quân địch ở khắp mọi nơi, ít nhất khoảng 200 người đang lùng sục xung quanh, lúc đó chỉ khoảng chừng 3 hoặc 4 phút mà cứ ngỡ 3, 4 tiếng. Họ bắn vào những người bị thương và cười rúc rích. Tôi biết họ sẽ giết tôi nếu thấy tôi còn sống. Khi họ tới gần, tôi giả chết. Tôi mở mắt trừng trừng hướng về một cái cây nhỏ. Tôi biết rằng người chết thường mở to đôi mắt.”

Viera tiếp, “một lính Bắc việt lại gần, nhìn vào tôi, đá đá vào tôi, tôi lật sấp lại. Tôi đoán hẳn ta nghĩ tôi đã chết. Máu trong miệng tôi đang tuôn ra, tay và chân tôi cũng be bét máu. Hẳn ta lấy chiếc đồng hồ đeo tay và khẩu colt 45 của tôi rồi bỏ đi. Tôi trông thấy họ tước hết tất cả vũ khí của chúng tôi; rồi biến mất vào nơi mà họ hiện ra. Tôi nhớ pháo, bom, và Napan dội xuống khắp nơi, thật gần chỗ tôi. Nó rung chuyển mặt đất dưới lưng tôi. Nhưng nó cũng dội lên những người lính Bắc Việt.”

Tất cả những sự việc trên và nhiều thứ nữa diễn ra giữa 6h40 và 7h40 sáng ngày 15 tháng 1 1965. Nổi thống khổ của đại đội C diễn ra trên một chiến tuyến dài 130 mét. Nhưng cái chết còn ập tới cả phía còn lại trong chu vi phòng thủ mỏng manh của chúng tôi. Tại chính tâm chu vi, tôi đang nắm giữ sinh mạng của những người này trong tay mình. Lúc này đại úy đang bị thương rất Edwards nặng diện cho tôi xin viện binh. Tất cả quân dự bị của tôi có là trung đội trinh sát 22 người. Có phải đợt tấn công vào đại đội C là mũi chính yếu? Đại đội D và vị trí súng cối hỗn hợp cũng đang bị tấn công. Một cách miễn cưỡng tôi phải nói với đại úy Edwards rằng họ phải chiến đấu một mình một lúc dài nữa.

Trận địa vang lên những tiếng nổ đinh tai nhức óc. Súng trường, đại liên, cối, lựu đạn nổ ầm ầm. Hai khẩu đội pháo 105, 12 nòng súng lựu pháo đặt cách 5 dặm tại một bãi đáp khác, bắn không ngại ngùng, những viên đạn pháo phát nổ cách những dãy hố chiến đấu của chúng tôi không quá 50 mét.

Bên cạnh tôi tại vị trí chỉ huy tiểu đoàn, kiểm soát viên tiền phương Không Quân, Thiếu úy Charlie W. Hasting, 26 tuổi, người vùng La Mesa, New Mexico, phát đi một mật mã đặc biệt,

“Mũi tên gãy- Broken Arrow”, có nghĩa là “một đơn vị Mỹ đang trong nguy hiểm, sắp bị tràn ngập”, và trong một thời gian ngắn tất cả các máy bay chiến đấu hay ném bom có thể có trên bầu trời Nam Việt Nam bay tới trên các độ cao khác nhau từ 7000 feet cho tới 15000 feet để đợi đến lượt ném bom yểm trợ cho quân dưới đất với tất cả vũ khí mình có bom, napan, tên lửa, súng trọng liên..

Trong số những trung sĩ của tôi có những người đã trải qua 3 cuộc chiến - những người đã nhảy dù xuống Normandy ngày D-day và đã sống sót từ chiến tranh Triều Tiên - và chính những cựu chiến binh này đã bị sốc bởi những âm thanh hỏa ngục và man rợ này của trận đánh. Nghẹt thở bởi từng đám mây bụi và khói bao phủ khắp trận địa, miệng chúng tôi khô rát trong nỗi khiếp đảm trước bom đạn trong lúc quân thù vẫn tiếp tục tràn lên như những đợt sóng.

## 2/ NGUỒN GỐC CUỘC CHIẾN

*There never was a time when, in my opinion, some way could  
not be found to prevent the drawing the sword.  
General Ulysses S. Grant.*

Một tháng di chuyển, tấn công, rút lui, cài bẫy, phục kích và tàn sát đầm máu trong thung lũng Ia Drang mùa thu 1965 là buổi bình minh thật sự của chiến tranh Việt Nam - khi mà 2 bên đối nghịch thực hiện chiến tranh trực tiếp vào bên kia. Những chỉ huy Bắc Việt có một nỗi lo thầm kín rằng những kinh nghiệm mà họ có được khi đánh bại người Pháp một thập kỷ trước đây đã không còn phù hợp với những vũ khí kỹ thuật cao và chiến thuật trực thăng vận mang tính cách mạng mà người Mỹ đang sử dụng chống lại họ.

Quân Bắc Việt muốn người lính bộ binh của họ thử sức với các loại vũ khí này và tìm cách vô hiệu hóa chúng. Chỉ thị của họ là dụ những người Mỹ mới tới vào những trận đánh để kiểm nghiệm cái ý nghĩ cho rằng một đội quân của một đất nước thuộc thế giới thứ 3, những người hành quân bằng chân đất và chiến đấu tại một nơi phải mất 2 tháng các chuyến tiếp tế mới đến được, không chỉ sống sót dài ngày được mà còn có thể từng bước làm chủ cuộc chiến, mà đối với họ đang chuyển qua một giai đoạn mới.

Sư đoàn kỵ binh bay số một (không vận cơ động) ra đời từ quyết định của tổng thống Kennedy rằng, hơn một thập kỷ qua quân đội chuyên chú trọng huấn luyện để chiến đấu cho thế Chiến thứ III trên những đồng bằng của Châu Âu, nay phải đương đầu cho những cuộc chiến nhỏ trên những mặt trận của cả thế giới. Với ý nghĩ đó Kennedy đã trao cho Lực lượng đặc biệt Mỹ chiếc mũ bê rê xanh lá cây riêng biệt. Lực lượng đặc biệt đã thực hiện tốt nhiệm vụ của họ, chiến tranh chống du kích, nhưng rõ ràng là họ không phải là lực lượng dùng để đối phó với những tiểu đoàn, trung đoàn của một quân đội giải phóng cộng sản. Tương tự với những sư đoàn bộ binh thông thường đang tập trung vào chiến tranh ở Đức. Một lực lượng mới và hoàn toàn khác biệt cần được hình thành để đối phó với thách thức từ những cánh rừng Đông Dương.

Nhưng nó thật sự là cái gì? Không một ai hoàn toàn chắc chắn, nhưng có một nhóm những đại tá và chuẩn tướng trẻ thuộc ban Nghiên cứu và Phát Triển của Lục quân trong Lầu năm góc có một ý tưởng một giấc mơ mà họ luôn nghĩ tới trong nhiều năm.

Vào mùa hè 1957, Trung tướng James M. Gavin, người đã sớm có vinh quang và thăng tiến mau chóng với Sư đoàn Không vận 82 trong Thế chiến thứ 2, là trưởng ban Nghiên cứu và Phát Triển Lục quân. Ông có một cái nhìn về một lực lượng chiến đấu mới, như ông mô tả trong một bản tham luận hội thảo là “Kỵ binh - Nhưng không phải Ngựa”. Tầm nhìn của ông tập trung vào Trực thăng, những con ong vung vè, đã từng xuất hiện rất hạn chế trong Chiến tranh Triều Tiên, chủ yếu dùng chở thương binh rút về tuyến sau.

Mơ ước của Gavin là những trực thăng lớn hơn, nhanh hơn, và tốt hơn sẽ chở lính bộ binh thẳng tới chiến trường, vĩnh viễn thoát khỏi những cản trở của địa hình, và đưa chiến tranh lên một tầm mới nhanh hơn nhiều so với bước chân của bộ binh. Gavin tin rằng Trực thăng có khả năng biến chiến trường thực sự là một cơn ác mộng 3 chiều đối với các chỉ huy đối phương.

Giấc mơ của Gavin được chia sẻ với Chuẩn tướng Hamilton W. Howze, cục trưởng hàng không Lục quân (Army Aviation), và những người tiên phong khác như đại tá John Norton, đại tá George P. (Phip) Seneff, đại tá John J. Tolson, đại tá Bob Williams và đại tá W. O. Kinnard. Thế chiến thứ 2 đã cho thấy trên thực tế có những giới hạn đối với tác chiến không vận. Nhưng tác chiến cơ động không quân (Airmobile) có thể vượt qua hầu hết những giới hạn đó, nếu không muốn nói là tất cả.

Giữa năm 1962, Bộ trưởng quốc phòng Robert S. McNamara, bị thuyết phục theo tầm nhìn của tổng thống Kennedy, tập trung vào ý tưởng cơ động không quân. McNamara ra lệnh cho Lục Quân xác định xem loại trực thăng UH - một Huey mới, trực thăng vận tải khổng lồ CH-47, và những những máy bay cách quạt khác có thể tham gia chiến trường trong tương lai hay không.

Một Ban thực nghiệm Cơ động Không quân được hình thành và tiếp theo, Sư đoàn Không quân Xung kích(thử nghiệm) ra đời tại Fort Benning, Georgia, vào tháng 2 năm 1963. Tư lệnh của nó là Chuẩn tướng Harry Kinnard. Lữ đoàn không quân vận tải số 10 (thử nghiệm) cũng được thành lập dưới sự chỉ huy của Đại tá Delbert Bristol, tương tự Nhóm Không quân hỗ trợ (thử nghiệm) cũng được hình thành dưới sự chỉ huy của đại tá Phip Seneff. Để quản lý chung là Ban T.E.C (Test/Evaluation/Control) dưới sự chỉ huy của Thiếu tướng Bob Williams. Để tránh những rắc rối trong việc phối hợp giữa các đơn vị này, công việc điều phối vốn quan liêu được giao cho phụ tá tư lệnh chuẩn tướng John Norton.

Sư đoàn Không quân Xung kích (thử nghiệm) được xây dựng từ đáy đi lên, bắt đầu với chỉ 3000 người khi huấn luyện cơ động không quân theo cá nhân và tập trận ở mức trung đội và đại đội. Vào tháng 6 1964, Lục quân điều thêm 2 lữ đoàn bộ binh cùng với các đơn vị pháo binh và trợ chiến lúc này sư đoàn mới bắt đầu huấn luyện và tập trận những chiến thuật cấp tiểu đoàn, lữ đoàn và sư đoàn.

Vào thời gian này nước Mỹ vẫn chưa hồi phục sau cú sốc từ vụ ám sát tổng thống Kennedy và mới chỉ bắt đầu làm quen với người thay thế ông, Lyndon B. Johnson. Johnson đang phải vượt qua những làn sóng phản đối đầu tiên về dự luật Xã hội lớn (Great Society), dự luật sẽ tái cấu trúc lại nước Mỹ, đó chính là nghị trình làm việc chính của ông. Nhưng ông không thể tránh xa được những rắc rối ở Nam Việt Nam và cũng không thể lơ đi được một cách an toàn trong năm bầu cử.

Cái đất nước mà ông gọi là “Veet - Nam” đã trở thành một món ăn khó tiêu nằm trong dạ dày của ông. Đó không phải là nơi ông đã chọn để đứng lên chống lại những người cộng sản. Năm 1954, khi người Pháp đang đứng run rẩy trước thảm họa thất bại ở Điện Biên Phủ, những cố vấn của tổng thống Eisenhower tranh luận ủng hộ hay phản đối sự can thiệp của nước Mỹ vào Đông Dương - thậm chí sự can thiệp bằng bom nguyên tử - lúc đó Thượng nghị sĩ Lyndon Johnson đã đứng lên phản đối mạnh mẽ ý nghĩ điên rồ đó, phản đối bất kỳ một cuộc chiến nào diễn ra trong lục địa châu Á. Johnson vẫn tự hào về điều này.

Nhưng Johnson đã thừa kế chính sách đối ngoại vừa năng nổ vừa nông nổi của Kennedy cũng như thừa hưởng những cố vấn của Kennedy những người mà ông chế nhạo bằng cách đặt cho biệt danh “You-Harvards”. Trong một ngàn ngày cầm quyền của Kennedy đất nước đã đi từ sự kiện Vịnh Con Heo, cuộc khủng hoảng Bức tường Berlin, cuộc khủng hoảng tên lửa trên đảo Cuba cho tới cuộc khủng hoảng vụn vụn nhỏ bé tại kinh đô vương quốc Lào. Vài ngày trước khi Kennedy bị giết bởi một viên đạn ám sát, Ngô Đình Diệm nhà độc tài của Miền Nam Việt Nam bị lật đổ và bị giết bởi một cuộc đảo chính quân sự ít nhất có sự đồng ý nếu như không muốn nói là bảo trợ của Washington.

Người thay thế Kennedy, mới mẻ với công việc và phải bước vào năm bầu cử, không thể chấp nhận bị coi là yếu mềm trước Chủ nghĩa Cộng sản. Tổng thống Johnson chấp thuận việc tăng số cố vấn Mỹ cho Việt Nam một cách từ từ nhưng kiên định.

Lúc này, vào mùa hè 1964, thủ đô của Miền Bắc Cộng sản Việt Nam, cũng có những quyết định quan trọng được đưa ra.

Có một nhóm người cấp tiến trong Ủy Ban Trung Ương Đảng Cộng Sản muốn nâng tầm mức của cuộc chiến tranh để tiến tới giải phóng hoàn toàn nửa phía Nam của đất nước. Họ chủ trương rằng nếu chỉ đơn giản tiếp tục cung cấp súng và đạn cùng những lời động viên cho những du kích Việt Cộng thôi thì không đủ: Đã đến lúc can thiệp trực tiếp vào chiến trường miền nam bằng những trung đoàn và sư đoàn chính quy của Quân đội nhân dân Bắc Việt Nam.

Họ lập luận rằng những người lính được trang bị và huấn luyện cũng như động viên tốt hơn này sẽ giáng những quả búa đập tan cái quân đội yếu kém và không có tinh thần chiến đấu của Nam Việt Nam. Chỉ vài chiến dịch họ sẽ giải phóng các vùng đất cũng như nhân dân dưới vĩ tuyến 17. Đại tướng Võ Nguyên Giáp phản đối dữ dội. Ông cho rằng việc gia tăng cường độ chiến tranh là hấp tấp, vội vã và thúc giục tiếp tục chiến tranh du kích vốn đang dành được những thắng lợi to lớn.

Chủ tịch Hồ Chí Minh ngã theo những người cấp tiến và bộ chỉ huy tối cao đã lên một kế hoạch liều lĩnh cho chiến dịch mùa khô năm 1965. Ba trung đoàn chính quy sẽ được bồi dưỡng, huấn luyện và trang bị sau đó gửi vào Nam theo đường mòn Hồ Chí Minh qua Lào và CPC để mở một đợt tấn công bất ngờ vào mùa thu, bắt đầu tại Cao nguyên trung phần xa xôi và có thể kết thúc ở Sài Gòn.

Những người hoạch định kế hoạch của Hà Nội đã vẽ ra một chiến dịch cổ điển để nghiền nát Quân đội VNCH, bắt đầu từ tháng mười 1965. Sau khi mùa mưa nhiệt đới kết thúc trên những vùng núi và đất đai của tỉnh Pleiku. Họ sẽ bao vây một trại của Lực lượng đặc biệt Mỹ tại Pleime nơi có 12 cố vấn Mỹ và khoảng 400 lính người thượng.

Cuộc bao vây sẽ dụ quân Nam Việt Nam hành quân giải toả với một hàng lính và xe cộ từ Pleiku xuôi theo đường 14 sao đó hướng về tây nam trên một con đường đất gọi là Tỉnh lộ 5 - nơi một trung đoàn lính Bắc Việt chuẩn bị kỹ lưỡng cho một cuộc phục kích. Một khi lực lượng giải toả bị tiêu diệt và trại Pleime bị san phẳng, những lính Bắc Việt trên đà thắng lợi sẽ chiếm tỉnh lỵ Pleiku và dọn sạch con đường 19 tiến quân thẳng xuống Qui Nhơn và biển Đông. Bất kỳ ai kiểm soát đường 19 sẽ kiểm soát Cao Nguyên Trung Phần và bất kỳ ai chiếm được Cao nguyên trung phần sẽ chiếm được Việt Nam. Những chỉ huy của Bắc Việt chắc rằng vào đầu năm 1966 Nam Việt Nam sẽ bị cắt làm đôi và sẽ run rẩy đầu hàng.

Sự chuẩn bị của Bắc Việt tiến triển rất tốt cho tới cuối thu năm 1964, trong lúc đó Lyndon B. Johnson đang vận động tranh cử khắp nước Mỹ với lời hứa "Thanh niên Mỹ sẽ không bị gửi đi để làm những gì mà bản thân những thanh niên Châu Á làm được". Mùa thu đó Sư đoàn không vận xung kích (thử nghiệm) số 1 thực hiện một cuộc tập trận quan trọng kéo dài 2 tháng ở Carolinas. Lý thuyết trực thăng vận đã được chứng minh và làm thỏa mãn Lục Quân Mỹ trong cuộc tập trận thực binh lớn nhất kể từ Thế chiến thứ 2. Giờ đây Lầu Năm Góc bắt đầu xếp Sư đoàn không vận xung kích vào đội ngũ các đơn vị chiến đấu của Lục Quân.

Khi sư đoàn cơ động không quân đang thành hình hài thì tại sân khấu nơi mà nó sẽ đóng một trong các vai, nơi mà Lyndon B. Johnson đã từng gọi "that damned little pissant country", Việt Nam đang suy sụp cả về chính trị và quân sự. Tướng lĩnh Sài gòn thay nhau làm đảo chính và trở thành những người nắm quyền trong tháng, trong khi Việt Cộng mở rộng tầm kiểm soát của họ lên những cánh đồng lúa của đồng bằng sông Me Kong và vươn tới những cánh rừng cao su của miền đông.

Cùng với việc giới thiệu bản thân là một người của lý lẽ, hòa bình đối lập với đối thủ điều hâu của Đảng cộng hoà, Thượng nghị sĩ Garry Goldwater, Johnson chống lại đề nghị của những cố vấn gia tăng toàn diện sự có mặt quân sự của Mỹ ở Việt Nam. Một khi đánh bại Goldwater để trở thành tổng thống chính thức được bầu, Lyndon B. Johnson chắc rằng, ông ấy có thể thương lượng được một thoả hiệp với những người cộng sản Bắc Việt đúng với truyền thống Texas.

Mang tâm trạng hoàn toàn thất vọng bởi hàng loạt các vụ tấn công khủng bố nhằm vào người Mỹ ở Việt Nam, Johnson phát khùng, vào đêm 6 tháng 2 1965, đặc công Việt cộng dùng súng

cối tấn công vào một khu của cố vấn Mỹ và căn cứ không quân ở Pleiku Cao nguyên trung phần. 8 người Mỹ bị giết và hơn 100 người bị thương. “Tôi đã nhận đủ những thứ này rồi” Johnson nói trước Ủy ban An ninh quốc gia.

Để trả đũa, trong vòng vài giờ những phản lực cơ từ những tàu sân bay hải quân đã tấn công lần đầu tiên những mục tiêu bên trong lãnh thổ Bắc Việt Nam. Vào ngày 2 - 3 Chiến dịch Sấm rền, ném bom có hệ thống và liên tục xuống Miền Bắc, bắt đầu. Trong khi những máy bay của Hải quân cất cánh và hạ cánh an toàn trên các hàng không mẫu hạm ngoài khơi, thì những máy bay của Không lực đặt căn cứ ở Đà Nẵng trở thành những mục tiêu tiềm tàng cho sự trả đũa của quân địch.

Khi tướng William C. Westmoreland, Tư lệnh quân Mỹ tại Việt Nam, yêu cầu thủy quân lục chiến tới canh phòng các căn cứ không quân, ông ta được đáp ứng tức thì. Ngày 8 -3 một tiểu đoàn thủy quân lục chiến đổ bộ xuống bãi China. Ngày 1-4 tổng thống Johnson chấp thuận yêu cầu của Tướng Westmoreland tăng thêm 2 tiểu đoàn thủy quân lục chiến cộng 20,000 lính hậu cần. Ông cũng đồng ý với tướng Westmoreland rằng thủy quân lục chiến sẽ không bị giới hạn vào công việc phòng thủ xung quanh căn cứ, giờ họ có thể đi ra và bắt đầu giết Việt Cộng. Lần đầu tiên kể từ sau chiến tranh Triều Tiên, lính Mỹ được triển khai chiến đấu trên lục địa Châu Á.

Trong một bài diễn văn quan trọng Tổng thống thúc giục Bắc Việt đàm phán một giải pháp hợp lý và hứa hẹn tài trợ một dự án phát triển kinh tế khổng lồ cho vùng sông Me kong. Hà nội trả lời rằng không thể có đàm phán một khi máy bay Mỹ vẫn ném bom Bắc Việt Nam.

Tới ngày 15-4, Nhà trắng đáp ứng yêu cầu của Westmoreland tăng thêm 40,000 quân. Giữa tháng 6 Westmoreland đòi hỏi khẩn cấp tăng thêm gấp đôi số lính Mỹ tăng viện. Bây giờ ông ta muốn có 180,000 lính hầu hết là người Mỹ, một ít quân Nam Hàn vào cuối năm 1965. Và ông tướng còn có dự định xin thêm 100,000 quân hoặc hơn nữa vào năm 1966.

Tổng thống Johnson phải ngả theo chiều hướng đáp ứng những gì mà Westmoreland muốn, nhưng ông cũng xác định tiến hành cuộc chiến ở mức không làm công chúng Mỹ quá lo lắng. Chắc rằng một đất nước quá giàu và đầy sức mạnh có thể chịu đựng được một cuộc chiến thoáng qua và chương trình “Xã hội Lớn” của ông.

Johnson quyết định, ngược với những cố vấn của những tham mưu trưởng, sự gia tăng sự can thiệp của Mỹ vào Miền Nam Việt Nam sẽ được thực hiện với sự hạn chế. Sẽ không điều động quân dự bị và những đơn vị vệ binh quốc gia; không tuyên bố tình trạng khẩn cấp để cho phép Quân đội kéo dài thời hạn phục vụ của những người lính quân dịch đã được huấn luyện tốt và những binh lính có kinh nghiệm nhất. Thay vào đó cuộc chiến sẽ được nuôi dưỡng bằng người và phương tiện tốt nhất của những sư đoàn ở Châu Âu và ở nước Mỹ cộng với những lính quân dịch mới, 20,000 người mỗi tháng.

Với việc thủy quân lục chiến bắt đầu hành quân chiến đấu tại phía bắc Nam Việt Nam và Lữ

đoàn không vận 173 mới tới đang hoạt động tại miền trung Nam Việt Nam, những nhà quân sự tại Hà Nội buộc phải có cái nhìn mới về chiến dịch Đông - Xuân đã xây dựng cho tỉnh Pleiku. Thiếu tướng Chu Huy Mân, người chỉ huy chiến dịch, nói rằng vào tháng 6 năm 1965 đó bộ chỉ huy quyết định ngừng kế hoạch táo bạo chiếm Cao Nguyên và tấn công dọc đường 19 xuống bờ biển.

"Kế hoạch phải ngừng trong 10 năm", tướng Mân nói, "Nó được hoàn thành vào năm 1975". Kế hoạch mới sẽ tuân theo những bước đầu của kế hoạch ban đầu: Quân Bắc Việt sẽ bao vây trại Lực lượng đặc biệt Pleime, phục kích đoàn quân giải toả của quân đội Miền Nam Việt Nam khi nó bỏ ra khỏi tỉnh lỵ Pleiku, và sau đó đợi quân Mỹ khi chúng được ném vào trận đánh để cứu quân Nam Việt Nam.

"Chúng tôi muốn dụ hổ ra khỏi rừng" Tướng Mân nói, "Chúng tôi sẽ đánh quân Nam Việt Nam - nhưng chúng tôi cũng sẵn sàng để đánh nhau với quân Mỹ". Thiếu tướng Hoàng Phương, giờ là viện trưởng Viện Lịch Sử Quân sự ở Hà Nội và là một cựu chiến binh của trận Ia Drang nhớ lại: "Bộ chỉ huy ra lệnh chúng tôi phải chuẩn bị thật kỹ lưỡng để đánh nhau với quân Mỹ. Vấn đề của chúng tôi là chúng tôi chưa từng đánh nhau với lính Mỹ trước đây, chúng tôi chưa có kinh nghiệm chiến đấu với người Mỹ. Chúng tôi biết cách đánh quân Pháp. Chúng tôi muốn dụ những đơn vị chiến đấu của Mỹ vào trận với mục đích học cách đánh họ. Chúng tôi muốn bắt kỳ quân chiến đấu nào; chúng tôi không quan tâm đó là thứ quân nào".

Những người Mỹ mà Mân và Phương sẽ gặp hiện vẫn chưa rời nước Mỹ vào tháng 6-1965, nhưng họ đã nghe được những lời đồn đoán nào đó. Vào đầu tháng 5-1965, những chỉ huy của Sư đoàn không quân xung kích 1 bắt đầu nhận được những báo cáo các báo cáo sau trận đánh trong các cuộc hành quân của Lữ đoàn không vận 173. Cuối tháng 5, chỉ huy các tiểu đoàn, lữ đoàn, sư đoàn và sĩ quan tham mưu được tập trung tại những phòng học được canh gác cẩn mật tại Trường Lục quân trong Fort Benning, Georgia, để nghiên cứu những bản đồ tối mật. Địa hình của những tấm bản đồ này chính là Cao Nguyên trung phần của Miền Nam Việt Nam.

Tới giữa tháng 6 Lầu Năm Góc ra lệnh cho các chỉ huy Sư đoàn bắt đầu một chương trình huấn luyện sẵn sàng chiến đấu kéo dài 8 tuần, tập trung vào việc triển khai quân tại Nam Việt Nam. Bộ trưởng quốc phòng McNamara công bố vào ngày 16-06, Sư đoàn cơ động không quân được giao cho Lục quân trở thành một thành viên trong lực lượng gồm 16 sư đoàn của nó.

Đầu tháng 7, Lầu năm góc tuyên bố Sư đoàn xung kích không vận (thử nghiệm) được đổi tên thành Sư đoàn Kỵ Binh số một và nó sẽ kế thừa những lá cờ của một sư đoàn lịch sử đã từng nổi bật trong chiến tranh Triều Tiên và trong mặt trận Thái Bình Dương thế Chiến thứ 2. Tất nhiên là không đề cập tới những cuộc giao tranh nhỏ với những băng đảng ăn cướp dọc biên giới Mexico bang Texas và bang New Mexico đầu những năm 1920.

Trong một buổi lễ phát trên truyền hình quốc gia, vào sáng 28-07-1965, tổng thống Johnson mô tả tình hình ngày càng tồi tệ ở Nam Việt Nam và tuyên bố: "Hôm nay tôi ra lệnh cho Sư đoàn kỵ binh sang Việt Nam."

Vào ngày hôm đó, với suy nghĩ rằng việc Tổng thống gia tăng chiến tranh mà không tuyên bố tình trạng khẩn cấp là một hành động điên rồ, Tướng Harold K. Johnson, Tham mưu trưởng Lục quân, chạy xe tới Nhà trắng nhằm mục đích từ chức để phản đối. Ông ta đã tháo 8 ngôi sao bạc ở 2 bên cầu vai của bộ quân phục mùa hè ra. Khi chiếc xe tới cổng Nhà Trắng, ông cân nhắc lại cách giải quyết của mình, ông tự thuyết phục rằng ông ta có thể làm được nhiều việc hơn khi tiếp tục giữ chức vụ trong bộ máy hơn là từ chức để phản đối. Vị tướng ra lệnh cho lái xe quay lại và chở ông ta về Lầu Năm góc. Quyết định này đã ám ảnh ông suốt cuộc đời còn lại.

Tại Miền Nam Việt Nam, trung đoàn 320 của Quân đội Nhân dân VN đang tiến hành được một nửa cuộc bao vây kéo dài 2 tháng trại huấn luyện lực lượng đặc biệt Đức Cơ trên Cao Nguyên. một thiếu tá lục quân trẻ, H. Norman Schwarzkopf, học viên khoá 1956 trường West Point, là cố vấn cho một tiểu đoàn dù miền Nam VN, đang bị lún sâu vào trận đánh bao vây tại Đức Cơ. (....)

Tuần đó, trung đoàn 33 Quân đội Nhân dân VN rời Quảng Ninh bắt đầu cuộc hành quân dài 2 tháng trên đường mòn Hồ Chí Minh xuyên qua Lào và CPC để tới Nam VN. Thiếu tướng Chu Huy Mân đã vào Nam đang chỉ huy những chiến dịch chống lại Lính thủy đánh bộ Mỹ tại Chu Lai Đà Nẵng, nhưng ông được lệnh quay lại Cao Nguyên để thành lập mặt trận B-3, một bộ chỉ huy mở rộng và linh hoạt có nhiệm vụ chỉ huy cả quân Việt cộng và quân Bắc Việt trên Cao Nguyên. Sự bổ nhiệm mới này của tướng Mân là để chuẩn bị cho cuộc tiếp đón nồng hậu dành cho người Mỹ ở Pleiku.

Những bước chân hành quân đầu tiên của một sư đoàn mới, công nghệ cao lại chẳng có gì là hiện đại. Bắt đầu từ tháng 8 Sư đoàn kỵ binh số một sẽ ra trận trên những chiếc thuyền chở lính có từ thời Thế Chiến Thứ 2 và những chiếc trục thăng của nó sẽ được chở trên những tàu sân bay già cỗi tới 4 thế hệ.

Lính kỵ binh nhận nhiệm vụ với việc chuẩn bị quân trang, chụp hình, viết thỉnh nguyện, khám sức khoẻ cuối cùng, tìm chỗ ở cho vợ con phải ra ngoài doanh trại. Đầu tháng 8 một bộ phận tiền phương gồm 1100 sĩ quan và lính bay tới Việt Nam để chuẩn bị căn cứ cho Sư đoàn tại An Khê, một thị trấn miền núi nằm trên đường 19 giữa Quy Nhơn vùng biển và Pleiku vùng núi.

Một trong những tiểu đoàn chuẩn bị lên đường là của tôi. Tên tôi là Harold G. Moore, Jr., nhưng chỉ cần gọi "Hal" là đủ. Năm 1957 là một thiếu tá trẻ mới tốt nghiệp trường Chỉ huy và Tham mưu tại Fort Leavenworth và được bổ nhiệm vào ban nghiên cứu và phát triển của Bộ quốc Phòng. Tôi có mặt ngày từ buổi đầu của sư đoàn cơ động không vận. Tôi là thành viên duy nhất của ban không vận trong Sư đoàn cơ động không vận suốt 2 năm rưỡi. Tôi làm việc cho Thiếu tướng Gavin, đại tá Norton, đại tá Seneff và đại tá Williams.

Tôi đã từng làm việc với Hary W. O. Kinnard khi ông là trung tá chỉ huy bộ phận không vận thực nghiệm tại Fort Bragg vào năm 1948. Là một chuẩn úy 26 tuổi tôi tình nguyện làm người nhảy dù cho những kiểu dù thử nghiệm cho Kinnard. Có một sự việc chắc chắn làm Kinnard

luôn luôn nhớ tới tôi: Trong lần nhảy đầu tiên một chiếc dù lái mà tôi phải dùng đã vướng vào đuôi chiếc máy bay C-46, tôi bị kéo xoắn tít sau máy bay ở vận tốc 110 dặm/giờ và ở độ cao 450m. cuối cùng tấm lưới cũng đứt sau vài phút và chiếc dù dự phòng đã giúp tôi xuống đất an toàn. Khi tôi đến báo cáo sự việc cho Kinnard, tất cả những gì ông ấy nói là: "Xin chào, người may mắn".

Khi tôi đang mòn mỏi hoàn tất nhiệm kỳ 3 năm trong NATO ở Na uy đầu những năm 1960, tôi nghe những lời đồn về việc bộ sậu của Kennedy đang xem xét đặc biệt tới ý tưởng cơ động không quân. Vào tháng 8-1963 tôi hoàn tất nhiệm kỳ tại NATO và bắt đầu cho một năm tại trường Chiến Tranh Hải Quân (Naval War) ở Newport, Rhode Island. Tôi đã là trung tá được 4 năm và đang tranh đấu để nhận được một tiểu đoàn cho sự bổ nhiệm kế tiếp.

Lúc này Lục quân đã thành lập sư đoàn Xung kích không vận số 11, với trung tướng Kinnard là tư lệnh. Tôi viết một bức thư cho người chủ cũ xin chỉ huy một tiểu đoàn bộ binh trong sư đoàn mới của ông. (Trong thời gian đó 1 tư lệnh sư đoàn có thể chọn chỉ huy tiểu đoàn, lữ đoàn đơn giản bằng cách yêu cầu tên tuổi họ với cấp trên. Từ giữa những năm 70 những chỉ huy được lựa chọn thông qua những Ban tuyển lựa dựa vào thành tích cá nhân.). Tháng 4-1964 tôi hoàn thành khoá học, Lầu năm góc thông báo cho tôi biết, Kinnard đã yêu cầu bổ nhiệm tôi là Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 2, trung đoàn 23 bộ binh, đơn vị được tách ra từ sư đoàn bộ binh số 2 và được phân bổ cho sư đoàn Xung kích không vận số 11.

Thứ 7 ngày 27-06 tôi tới Fort Benning, Georgia. Tôi được bố trí cho một lớp bổ túc 5 ngày để tái huấn luyện kỹ năng chỉ huy một tiểu đoàn. Nhưng những ý nghĩ về sự bổ túc biến mất ngay khi đại tá Thomas W. (Tim) Brown, tư lệnh Lữ đoàn 3 và là chỉ huy mới của tôi, đến và bảo tôi gấp những cuốn sách lại. "Anh sẽ nhận quyền chỉ huy tiểu đoàn vào 9 giờ sáng thứ 2 và chúng ta sẽ có một cuộc luyện tập thực binh kéo dài 3 ngày ngay sau đó". Ông đưa cho tôi số điện thoại của đại úy Gregory (Matt) Dillon, S-3 tiểu đoàn, (sĩ quan hành quân). Dillon nói doanh trại và sở chỉ huy tiểu đoàn nằm ở đồi Kelly cách khu doanh trại chính tại Benning 5 dặm. Vợ tôi và 5 đứa trẻ đang ở nhà ông bà ngoại gần Auburn, Alabama, cho tới khi chúng tôi nhận được một căn hộ tại khu gia binh.

Vào thứ 2 ngày 29-06 như kế hoạch tôi nhận quyền chỉ huy tiểu đoàn. Tôi đã 42 tuổi, một người tốt nghiệp West Point khoá 1945 với 19 năm phục vụ bao gồm 14 tháng chiến đấu ở Triều Tiên. Trong buổi nói chuyện ngắn với binh sĩ tiêu đoàn tôi nói đây là một tiểu đoàn tốt nhưng có thể tốt hơn nữa. "Tôi sẽ làm việc hết mình" và "Tôi cũng mong điều tương tự với mọi người ở đây".

Ngay trước khi nhận quyền chỉ huy tôi có cuộc nói chuyện dài với người quan trọng nhất trong bất kỳ 1 tiểu đoàn nào: Thượng sĩ. Basil L. Plumley, 44 tuổi, cao 1m85, 1 người xù xì xuất thân từ West Virginia. Lính tráng hay gọi anh ta là "Hàm răng sắt già" nhưng chỉ dám gọi ở sau lưng.

Plumpei là người trải qua 2 cuộc chiến và đeo 2 huy hiệu đôi cánh dù thương hạng với 5 ngôi sao nhảy dù chiến đấu. Anh là người mà những lính dù trẻ gọi là "Những gã 4 lần nhảy".

Plumley đã sống sót qua 4 lần nhảy dù chiến đấu ở sư đoàn dù 83 trong Thế chiến thứ 2: Sicily và Salerno năm 1943, D-day ở Normandy và Market-Garden ở Hà Lan năm 1944. Tương tự anh cũng nhảy dù chiến đấu một lần trong Chiến tranh Triều Tiên với Trung đoàn bộ binh không vận 187. Kết thúc Thế Chiến thứ 2 anh là trung sĩ và được thăng chức thượng sĩ năm 1961.

Thượng sĩ được mọi người tin (như tôi tin) là 1 người khổ luyện, kỷ luật nghiêm và rắn rỏi. Cho đến ngày hôm nay, nhiều cựu binh của tiểu đoàn bị thuyết phục rằng, Chúa trời có thể trông giống như Thượng sĩ Basil Plumley, nhưng Ngài không thể cứng rắn trước tội lỗi như là chàng Thượng sĩ. Cá nhân, tôi phải cảm ơn ngôi sao may mắn đã ban cho tôi 1 tài sản quý như vậy. Tôi nói với Thượng sĩ Basil Plumley, anh có thể liên hệ với tôi vào bất kỳ lúc nào và vì bất cứ chuyện gì.

Sau buổi lễ các chỉ huy đại đội và ban tham mưu tiểu đoàn có những hiểu biết đầu tiên về viên tiểu đoàn trưởng mới cũng như các tiêu chuẩn mà tôi đặt ra. Chúng thật đơn giản: Chỉ có những tiêu chuẩn bậc nhất được tồn tại trong tiểu đoàn. Những tiêu chuẩn khác nếu được chấp nhận đồng nghĩa với việc bị đánh bại trên chiến trường và cái chết cho mỗi cá nhân trong chiến đấu. Không có những sĩ quan hay binh lính mập. Quá trình ra quyết định sẽ được mở rộng. Hạ quyền lực xuống, nó sẽ được sử dụng khi chiến tranh. Lòng trung thành cũng được khuyến khích. Tôi kiểm tra mọi thứ. Tôi luôn sẵn sàng cả ngày lẫn đêm để nói chuyện bất kỳ sĩ quan nào trong tiểu đoàn. Và cuối cùng thượng sĩ chỉ làm việc cho tôi và chỉ nhận lệnh từ tôi. Anh ta là cánh tay phải của tôi.

Những lý lịch cá nhân của các nhân vật chính trong Sư đoàn và trong tiểu đoàn tôi sẽ giúp ích cho người đọc. Những người này sẽ xuất hiện xuyên suốt trong câu chuyện.

Trung tướng Harry W O. Kinnard, tư lệnh sư đoàn, người Texas, 49 tuổi. Học viên West Point khoá 1939, tốt nghiệp dù năm 1942. (...). Đại tá năm 29 tuổi.

Chuẩn tướng Richard T. Knowles, phụ tá tư lệnh sư đoàn, 45 tuổi, người Chicago, ông nhận bằng sĩ quan dự bị trong thời gian học Đại học Illinois. Là lính diệt xe tăng trong WW II(...)

Đại tá Thomas W. Brown, tư lệnh Lữ đoàn 3, 44 tuổi, cao 183, khóa West Point năm 1943, người New York, lính dù trong WWII. Anh ta và tôi cùng là học viên Khóa Nâng Cao của trường Bộ Binh năm 51-52 và cùng phục vụ trong trung đoàn bộ binh số 7 trong chiến tranh Triều Tiên. Giai đoạn 52-53 anh là tiểu đoàn trưởng trong trung đoàn bộ binh số 32, trong khi tôi chỉ huy 2 đại đội và là sĩ quan hành quân của trung đoàn bộ binh số 17. Brown là người trầm tĩnh, lạnh lùng, sắc sảo và hoàn hảo. Đúng theo kiểu của Kinnard, anh chỉ cho những tiểu đoàn trưởng những hướng dẫn sau đó để họ tự do chỉ huy đơn vị của mình. Anh chỉ huy Lữ đoàn từ đầu năm 1963 và tham gia từ ban đầu những bước phát triển về chiến thuật, kỹ thuật, học thuyết cơ động không vận.

Những sĩ quan của tiểu đoàn tôi là hỗn hợp những người đến từ West Point, ROTC (Reserve Officers' Training Corps), OCS (Officer candidate School) và những trường quân sự như

Citadel. Hầu hết nhưng chuẩn uý đều qua OSC và chương trình ROTC ở đại học. Có 3 đại đội súng trường trong tiểu đoàn - Alpha, Bravo, Charlie - mỗi một đại đội đầy đủ có 6 sĩ quan và 164 lính.

Mỗi một đại đội có 3 trung đội súng trường cộng với một trung đội súng cối gồm 3 khẩu đội cối 81mm yểm trợ. Mỗi trung đội có 3 tiểu đội súng trường cộng với một tiểu đội hỏa lực gồm 2 khẩu đại liên M-60.

Bên cạnh, tiểu đoàn có một đại đội hỏa lực hỗ trợ chiến đấu, đại đội Delta, bao gồm một trung đội trinh sát, một trung đội cối, và một trung đội chống tăng. Chúng tôi thay thế trung đội chống tăng không cần thiết bằng trung đội súng máy M-60 cho chiến trường Việt Nam. Đại đội D có 5 sĩ quan và 118 lính.

Tiểu đoàn bộ (HHC- headquarters & headquarters company) có 14 sĩ quan và 119 lính. HHC bao gồm những cá nhân chỉ huy, tham mưu, thông tin, quân y, vận tải và sửa chữa, và hậu cần. Trung đội quân y trong HHC bao gồm đội phẫu thuật tiểu đoàn, một đại uý và một thiếu uý quân y MSC (Medical service Corps) có nhiệm vụ đi cùng các cuộc hành quân. Họ tổ chức trạm y tế trong doanh trại và trên chiến trường và cung cấp cho mỗi trung ở các đại đội khác những y sĩ - những người tận tâm và dũng cảm này vẫn được là Doc.

Một vài sĩ quan tiểu đoàn:

Đại úy Gregory P. (Matt) Dillon, sĩ quan hành quân. Matt, 32 tuổi con trai một sĩ quan chỉ huy cấp thấp của Hải quân trong WW I, người New York, đã có vợ và 2 con. Anh nhận bằng sĩ quan từ ROTC ở Đại học Alabama, nơi anh là thành viên chạy tốc độ của đội điền kinh. Anh đã 2 lần chỉ huy đại đội trong đó có cả đại đội B của tiểu đoàn này. Anh được trời phú cho một bộ óc sáng suốt và nhanh nhạy và anh là người vì mọi người. S-3, hay sĩ quan hành quân, của bất kỳ đơn vị nào là một phần của bộ não của vị chỉ huy, người biến những ý tưởng thành nhữn kế hoạch và sau đó kết hợp tất cả các bộ phận trong một cuộc hành quân quân sự. Matt là S-3 của tôi trong 2 năm cả ở tiểu đoàn và lữ đoàn và anh ta đơn giản là tuyệt vời.

Đại úy Gordon P. (Rosie) Rozanski, đại đội trưởng HHC. Sau này ở VN, anh là sĩ quan hậu cần của tiểu đoàn, S-4. Rosie, 26 tuổi, người Elysian, Minesota, được nhận bằng sĩ quan từ OSC. Anh ta có bằng cử nhân, một người vui tính, thẳng thắn. Anh có trách nhiệm lựa chọn và bảo vệ sở chỉ huy tiểu đoàn trên chiến trường; cơm nước cho sĩ quan và binh lính trong ban chỉ huy và bộ phận trợ giúp và bảo dưỡng bảo vệ cho một kho khổng lồ vũ khí, thiết bị thông tin, điện tử.

Đại úy John D. Herren, đại đội trưởng đại đội B, một cử nhân 29 tuổi, hút thuốc bằng tẩu, có dòng dõi quân đội- Cha là trung tướng Lục quân - và là người tốt nghiệp West Point khóa 1958. Trầm tính, suy nghĩ chín chắn, hoà đồng và kiên định. Chưa ai trông thấy cậu ấy bị kích động.

Đại úy Robert H. (Bob) Edwards, đại đội trưởng đại đội C. 27 tuổi, có vợ, người New Jersey.

Anh là là người tôi nghiệp quân sự xuất sắc của chương trình ROTC tại Đại học Lafayette năm 1960. Mỏng người, cao 1m70. Rất thông minh và rất ít nói, anh nói ngắn gọn và đi thẳng vào vấn đề. Anh là người có khả năng vượt trội cũng như những sĩ quan và binh lính anh chỉ huy trong đại đội C.

Đại úy Ramon A. (Tony) Nadal, Đại đội trưởng đại đội A, lúc đầu Nadal là S-2 của tiểu đoàn, (sĩ quan tình báo), 29 tuổi, bạn cùng lớp với John Herren ở West Point, con trai của một đại tá Lục quân. Cha của Tony, một người Puerto Rico, là chuyên gia quân quân đội trong Ban Trung và Nam Mỹ của Bộ Ngoại Giao và Tony lớn lên ở những nơi đó. Anh ta đã có vợ và một đứa con. Trong những ngày cuối cùng trước khi lên tàu sang Việt Nam, Tony đến phòng chỉ huy của tôi và thỉnh cầu được chỉ huy một đại đội. Anh đã có một năm chiến đấu ở VN, chỉ huy một nhóm Lực lượng Đặc Biệt, và muốn quay lại đó. Anh đã được bổ nhiệm qua Triều Tiên và đang trên đường nhận nhiệm vụ từ Oklahoma thì một người bạn trong ban quân lực Lục quân nói cho biết Sư đoàn kỵ binh số một đang chuẩn bị sang VN. Nadal lấy xe của gia đình và lái nửa vòng đất nước. Tới Fort Benning, người đánh máy của phòng quân lực sư đoàn nói anh có thể nhận vị trí sĩ quan thông tin của Lữ đoàn. Anh đã dành 2 ngày để đi khắp Sư đoàn để tìm một vị trí chỉ huy quân chiến đấu. Tôi thích những gì đã thấy và được nghe kể về anh ta. Tôi nói với Nadal rằng tôi chưa thể cho anh ta một đại đội ngay tức thì, nhưng tôi sẽ nhận anh ta làm sĩ quan tình báo của tiểu đoàn. Trên chuyến tàu, những cuốn sách của Nadal, chọt ních trong một cái hộp lớn, được yêu cầu đọc trong toàn tiểu đoàn. Và anh ta cũng dạy trong những lớp học về địa hình và kẻ thù.

Đại úy Louis R. (Ray) Lefebvre, đại đội trưởng đại đội D. Giống như Nadal, Ray đến chỗ tôi để tìm một vị trí chỉ huy đại đội, và được bổ nhiệm là phụ tá sĩ quan hành quân trước khi được toại nguyện. 32 tuổi, người Bonners Ferry, Idaho, có vợ và 4 con. Nhận bằng sĩ quan từ ROTC tại trường Đại học Gonzaga, Ray cũng đã phục vụ một nhiệm kỳ ở VN (1963-1964) và rất thông thạo tiếng Việt. Bởi vì khả năng ngoại ngữ, anh được trao cho một công việc trong ban quan hệ cộng đồng của Sư đoàn bộ. Ray xin tôi một công việc để ra ngoài Sư đoàn bộ, và ra chiến trường với binh lính. "Có điều gì sắp xảy ra và tôi muốn được tham gia với nó", anh ta nói. Tôi nói rằng, nếu anh nhận việc trong S-3 dưới quyền của Matt Dillon, anh sẽ có cơ hội nhận một đại đội.

Thiếu úy không quân Charlie W. Hastings, 26 tuổi, tốt nghiệp ROTC tại trường Đại học Bắc Colorado, và là một phi công huấn luyện máy bay F-4, được bổ nhiệm là kiểm soát viên tiền phương không quân của tiểu đoàn 6 tuần trước khi chúng tôi sang VN. Charie nhận nhiều trò đùa của các tay tiểu lâm lục quân nhưng anh ta làm tốt công việc và dễ dàng chứng tỏ sự thành thạo với khẩu M-16.

Sức mạnh thật sự của tiểu đoàn tôi là những trung sĩ, hầu hết là những cựu binh chiến đấu, đã từng phục vụ trong tiểu đoàn từ 3 tới 5 năm. Một trong những hạ sĩ quan tiểu biểu này là Trung sĩ nhất Larry M. Gilreath, một cựu chiến binh của Chiến tranh Triều Tiên, người hạt Anderson, South Carolina. Anh là trung sĩ trung đội của trung đội 1, đại đội Bravo, và đã ở trong tiểu đoàn từ năm 1961. Trong thời gian đó anh ta đã huấn luyện nhiều thiếu úy chỉ huy

trẻ, nhiều hơn số ngón tay trên hai bàn tay. Những thiếu ứ đến và đi nhưng Gilreath thì ở lại mãi. Anh là sự ổn định và liên tục của trung đội; anh ta biết mọi người trong trung đội, những điểm mạnh yếu của họ. Luôn có những người như anh trong mỗi trung đội của tiểu đoàn của tôi.

Một khi tôi nắm tiểu đoàn, mục tiêu của tôi là tạo ra một tiểu đoàn xung kích bộ binh không vận tốt nhất trên thế giới và đáng tự hào nhất. Mỗi người trong tiểu đoàn phải biết và tin rằng anh ta là một bộ phận quan trọng trong cái tốt nhất đó. Chúng tôi huấn luyện và diễn tập. Nhưng quan chức cấp cao từ toàn quân đội Mỹ và đồng minh thường xuyên tới thăm chúng tôi: một mệnh lệnh được phát ra: đây là nơi sáng tạo ra một cái gì đó mới, khác biệt, hủy diệt trong nghệ thuật chiến tranh. Hàng trăm trực thăng được chuyển giao cho chúng tôi, những phi đội không quân và lính bộ binh trở thành một đội hình gắn chặt với nhau trong những chuyến bay hành quân trên những cánh rừng và đầm lầy của bang Georgia và Carolinas.

Nếu hệ thống này được vận hành, những người lính sẽ chỉ lo chiến đấu chứ không phải mất thời gian chờ đợi xe tải hay lo lắng về hậu cần có thể tới được hay không. Giống như con hậu trên bàn cờ, bây giờ chúng tôi có thể tấn công bên sườn hay sau lưng quân địch chỉ trong thời gian tính bằng phút. Trực thăng nhanh hơn quân bộ 110 dặm/giờ.

Trong 14 tháng trước khi sang VN chúng tôi chủ yếu ở trên bãi tập, thực hành đổ bộ từ trực thăng phối hợp với một hệ thống phức tạp pháo binh yểm trợ, không quân chiến thuật, và phi pháo không quân (Aerial rocket artillery) và lộ trình tiến vào và rút ra vùng chiến của trực thăng.

Những chỉ huy phải học cách nhận biết các địa hình khác nhau để nhanh chóng tìm ra những bãi đáp (LZ - landing zone), bãi di tản (PZ- Pickup zone) trong mọi trường hợp. Chúng tôi luyện tập đổ và rút quân cùng với trang thiết bị thật nhanh chóng để giảm thiểu tình trạng nguy hiểm của trực thăng khi đứng yên.

Có một thực tế tàn khốc mà tôi nhấn mạnh trong mỗi cấp huấn luyện lần này là: Chúng tôi tuyên bố 1 trung đội trưởng chết và để trung sĩ của anh ta thay thế và tiếp tục nhiệm vụ. Hoặc tuyên bố trung sĩ chết và cho một trong những binh nhất của anh ta nắm quyền tiểu đội. Chúng tôi huấn luyện cho chiến tranh, khi những chỉ huy bị giết trên chiến trường. Tôi muốn mỗi người được huấn luyện khả năng đảm nhiệm các vị trí của người chỉ huy cấp trên.

Lễ tốt nghiệp của Sư đoàn xung kích không vận 1 là một chương trình diễn tập cuối cùng, Air Assault II, diễn ra ở Carolinas trong 2 tháng 10 và 11 năm 1964. Có khoảng 35,000 lính tham dự, Sư đoàn xung kích không vận 1 được tổ chức chống lại quân "xâm lược", sư đoàn dù 82. Hàng trăm VIP từ Washington nhận nhíp tới lui để xem chiến thuật trực thăng vận chiến đấu trên chiến trường. Sự hiện diện của họ làm tăng thêm tin đồn chúng tôi huấn luyện cho chiến trường VN.

Thật mỉa mai, vào một đêm khuya ở vị trí chỉ huy tiểu đoàn chúng tôi nghe được trên máy

radio chiến trường mới, PRC-25, một kiểm soát viên không quân tiền phương, đang hướng dẫn một cuộc dội bom ở VN. Chúng tôi có thể nghe thấy tiếng đạn bắn, tiếng bom nổ, ở cách xa 12 ngàn dặm trên làn sóng radio đứt quãng, điều này mang tới cảm giác của một cuộc chiến tranh thật sự trên những cánh rừng thông hoang vắng vùng South Carolina nơi chúng tôi đang chơi trò chơi chiến tranh.

Đây là lần duy nhất tiểu đoàn của tôi có đầy đủ (hoặc gần như đầy đủ), quân số bao gồm 37 sĩ quan, một chuẩn úy, và 729 hạ sĩ quan và binh lính. Số này thay đổi vào mùa xuân năm 1965, khi chúng tôi bị lấy đi 8 trong số 15 trung úy trung đội trưởng. Hầu hết là sĩ quan dự bị những người đã kết thúc thời hạn trực chiến theo luật; những người khác bị chuyển hoặc tái bổ nhiệm đi nơi khác. Giữa tháng 4 và tháng 10 chúng tôi cũng bị mất người do giải ngũ và tái bổ nhiệm các vị trí: sĩ quan tình báo, phẫu thuật, sĩ quan quân lực, sĩ quan hành quân không quân, phụ tá quân y, cha tuyên úy, và 2 đại đội trưởng.

Đầu tháng 6 chúng tôi được nhận 6 thiếu úy mới ra trường. Chúng tôi dùng họ lấp vào các vị trí trung đội trưởng súng trường còn trống và dành cho họ một khoá huấn luyện 6 tuần ngay tại chức về những chiến thuật cơ động không vận gọi là, "get rich quick". Nhưng đầu tháng 8 ít ngày trước khi chúng tôi lên đường, cả 6 người này được lệnh ở lại Fort Benning để tham dự Khoá học Sĩ quan Bộ binh Cơ bản 6 tháng. Ai đó đã khám phá ra một chính sách của Lục quân, những thiếu úy sẽ không được ra trận nếu chưa qua khoá học này. Chính sách nghe rất có lợi, nhưng hậu quả của nó đối với tiểu đoàn tôi là binh lính dưới quyền cứ rối tinh rối mù vì sự thay đổi chỉ huy không cần thiết.

Mỗi Đại đội súng trường có 3 trung đội trưởng mới, ngoại trừ đại đội Alpha có 2. Mỗi một đại đội có một trung đội súng cối, nhưng chúng tôi không có sĩ quan để chỉ huy nó. đại đội Delta có một trung đội trưởng trinh sát mới, Trung úy John Arrington, và một trung đội trưởng súng cối mới, trung úy Raul E. Taboada-Requera.

Có rất ít thời gian trong khoá huấn luyện 14 tháng để dạy chiến thuật cơ động không vận cho những trung úy trẻ này. Chúng tôi cố hết sức và họ cũng vậy. Khi họ tới trình diện, tôi gọi tất cả lại cùng với những trung sĩ trung đội của họ, và nói với họ rằng chúng ta đang chuẩn bị cho chiến tranh và thời gian thì gấp. Tôi ra 2 mệnh lệnh: Một, những trung sĩ sẽ dạy cho họ tất cả những gì có thể về chiến thuật cơ động không vận, tác chiến theo đơn vị nhỏ, những binh sĩ dưới quyền và cách thức chỉ huy họ. Hai, trừ khi đặt câu hỏi những trung úy mới này sẽ phải ngậm miệng lại, lắng nghe và ghi nhớ mọi thứ.

Đầu tháng 7 Lầu Năm Góc công bố Sư đoàn xung kích không vận (thử nghiệm) sẽ phục vụ cho đất nước; bây giờ được đổi tên thành Sư đoàn Kỵ Binh số một (Cơ động không vận). Đại tá Brown, một người luôn coi trọng truyền thống và di sản quân sự, đã yêu cầu trao những lá cờ lịch sử của Trung đoàn số 7 Kỵ Binh Hoa Kỳ cho 2 tiểu đoàn của ông. Tiểu đoàn của tôi được khai sinh lại thành Tiểu đoàn 1, Trung đoàn số 7 Kỵ Binh. Tiểu đoàn anh em của chúng tôi trở thành Tiểu đoàn 2, Trung đoàn số 7 Kỵ Binh.

Vào những ngày trung tá George Armstrong Custer chỉ huy Trung đoàn số 7 Kỵ Binh, trung đoàn dùng một bài hát của những gã say rượu Ireland ồn ào, có tên là “Garry Owen” làm bài hát vui của trung đoàn. Dòng chữ “Garry Owen” được viết dọc 2 bên đường vào doanh trại trung đoàn và những sĩ quan, binh lính dần dần chào hỏi nhau bằng câu “Garry Owen, sir!”. Chúng tôi tiếp nối truyền thống này với sự hồ hởi của binh lính.

Những sĩ quan và phi công mang dòng máu nóng của phi đoàn 3 trung đoàn kỵ binh 17 dưới sự chỉ huy của trung tá John B. Stockon giờ trở thành Phi đoàn 1, trung đoàn 9 kỵ binh - họ đã tiếp nhận từng chi tiết của tinh thần kỵ binh năm xưa. Họ để những bộ ria mép lớn và đội những chiếc mũ rộng vành Stetson, họ đựng giấy tờ trong những chiếc túi da mà các kỵ binh năm xưa đeo trên lưng ngựa, bắt chước việc những bộ phận bảo thủ trong Ban chỉ huy sư đoàn làm mọi thứ để ngăn cản họ. Stockon và những người của anh ta thậm chí còn mang lựu con thú biểu tượng vui của họ (mascot), Con la Maggie, sang VN, bắt chước một lệnh cấm nghiêm ngặt mọi con vật nuôi lên tàu được ban ra nhằm vào việc ngăn cản con la này sang VN.

Thật không may, tiểu đoàn của tôi và những tiểu đoàn khác trong sư đoàn giờ đây đang phải gánh chịu hậu quả của việc tổng thống Johnson từ chối ban bố quốc gia trong tình trạng khẩn cấp và gia hạn thời gian phục vụ của lính quân dịch và sĩ quan dự bị. Một lệnh được ban xuống, bất cứ ai có thời gian phục vụ còn lại 60 ngày hoặc ít hơn tính từ ngày lên đường sẽ được ở lại.

Chúng tôi như bị đâm ngay tim. Chúng sắp sửa ra trận mà không có đủ sức mạnh, bị què quặt bởi sự mất đi gần một trăm binh lính chỉ trong tiểu đoàn của tôi. Những người rất hiếm hoi có khả năng chiến đấu hữu hiệu - vì được huấn luyện lâu nhất những kỹ thuật mới của chiến tranh trực thăng vận - vì lệnh này bị đưa ra khỏi đội ngũ chúng tôi.

Đêm cuối cùng của chúng tôi ở Fort Benning là thứ 6 ngày 13- 8-1965. Tôi về nhà sớm hơn thường lệ, khoảng 7 giờ tối, ăn cơm với Julie, vợ tôi, cùng với 5 đứa con tuổi từ 13 tới 3. Tôi nói với tất cả ngày mai tôi sẽ đi rất sớm, trước khi mọi người thức giấc, và tôi sẽ lên đường tới chiến tranh ở VN. Sau đó tôi ngồi đọc truyện cho con gái của tôi, Celice, 6 tuổi. Nó nhìn vào một điểm và hỏi: “Cha ơi, chiến tranh là gì?”. Tôi cố hết sức để giải thích, nhưng sự hoang mang vẫn bao trùm trong đôi mắt nó.

Tôi đặt đồng hồ báo thức lúc 1 giờ 30 và vào lúc 3 giờ 30 sáng toàn tiểu đoàn đã ngồi trên những chiếc xe bus hướng về Cảng Charleston, South Carolina, nơi tàu vận tải USNS Maurice Rose đang đợi. Chúng tôi rời Cảng Charleston sáng ngày 16-08-1965 và phải mất gần một tháng chiếc “Ramblin Rose” vượt qua kênh Panama, Thái Bình Dương để tới VN. Cũng đúng vào ngày đó, 16-08, những đơn vị cuối cùng của Trung đoàn 66, quân đội nhân dân VN rời căn cứ của họ tại Thanh Hóa, Bắc VN. Họ sẽ mất gần 2 tháng hành quân bằng đôi chân vượt qua chặng đường 500 dặm dọc đường mòn Hồ Chí Minh để đến điểm gặp gỡ với chúng tôi trong Thung lũng Ia Drang.

Tàu Rose thả neo tại Cảng Qui Nhơn, miền trung Nam VN, vào giữa tháng 9, chúng tôi được chào đón tại bến bởi những bộ phận tiền phương của sư đoàn. Với sự giúp đỡ của sư đoàn dù

101, một vùng rộng lớn rừng rậm phía bắc An Khê được phát quang và đảm bảo an ninh. An Khê, nằm cách 42 dặm về phía tây Qui Nhơn trên đường 19, sẽ là căn cứ của Sư đoàn kỵ binh số 1. Thật quý giá những gì tướng Kinnard đấu tranh quyết liệt cho lính cơ động không vận của ông: một trại huấn luyện nằm giữa Vùng Indian.

Kinnard vận động hành lang nhiều ở Washington, Saigon, và Bangkok để sư đoàn mới của ông được đặt căn cứ bên trong Thái Lan. Từ đó nó sẽ thực hiện những cuộc hành quân vào Nam VN và những đường tiếp tế của Bắc VN bên trong Lào và Cam pu chia. Những yêu cầu của Kinnard chẳng những không nhận được sự đồng tình nào mà những phản ứng lại thì chẳng lấy gì làm lịch sự. Sư đoàn của ông bây giờ phải xây dựng, đóng quân và canh gác trong một doanh trại, những công việc này sẽ làm giảm số lượng quân chiến đấu sẵn sàng cho mục đích tìm và diệt quân thù.

Khi những chiếc trực thăng vận tải Chinook chở tiểu đoàn tới An Khê, chúng tôi bay qua một đường băng nhỏ, có một toà nhà 3 gian màu vàng nằm phía cuối tây bắc. Khi chiếc tàu còn lênh đèn trên biển, tôi đọc lại cuốn "Street Without Joy" của Bernard Fall và tôi nhận ra đường băng chính là điểm xuất phát của Binh đoàn cơ động 100 của người Pháp, vào ngày 24-06-1954 khi nó tiến lên phía tây trên đường 19, đâm thẳng vào một trận phục kích lịch sử của Việt Minh, một trận đánh góp phần đóng dấu sự lụi tàn của chế độ thực dân Pháp ở Đông Dương.

Chúng tôi bước ra ngoài trực thăng tới một khoảng không trước mặt đầy những cây lớn nhỏ, những bụi rậm nối tiếp nhau, đây là nơi sẽ trở thành sân bay của chúng tôi, "sân Golf". Chuẩn tướng John M, Wright, phụ tá tư lệnh sư đoàn, tuyên bố sân bay của 450 trực thăng và máy bay của sư đoàn kỵ binh sẽ "mềm mại như một sân Golf". Ông không muốn bất cứ một chiếc xe ủi đất nào cày xới đất đai của nơi này biến chúng thành những bãi bùn trong mùa mưa và những cơn bão bụi đỏ trong mùa khô.

Binh lính của sư đoàn cùng với khoảng 2000 lao công VN đã dọn sạch vùng đất bằng tay, với cuốc và xẻng, và Tướng Wright có ngay một sân Golf. Họ cũng xây dựng một hệ thống vòng chiến hào phòng thủ kiên cố dài 12 dặm và rộng khoảng 100 thước, gọi là đường ngăn chặn (Barrier Line), xung quanh căn cứ. Chúng tôi sống trong điều kiện dã chiến: dựng lều, khẩu phần C, chỉ tắm khi trời mưa. Các tiểu đoàn thay phiên nhau cử người canh gác những điểm báo động bên ngoài Barrier Line và tuần tra để ngăn chặn Việt Cộng từ xa. Tiểu đoàn tôi mất 2 người vì chết đuối khi phải vượt Sông Ba trong các cuộc tuần tra vào tháng đầu tiên.

Trong những ngày đầu tiên có những đốm sáng (được phóng ra từ những quả lựu đạn flash cài nhằm phát hiện từ xa sự đột nhập của đối phương) do du kích địa phương phát ra, và những người lính mất bình tĩnh đã bắn dữ dội vào nhiều hàng cây xanh trước khi một kỷ luật nổ súng được ban bố. Trời a, một trong những nạn nhân của những người lính mất bình tĩnh này chính là con vật vui của đại tá Stockon, Con la Maggie, nó bị bắn hạ bởi một lính thuộc đại đội Charlie của tôi khi nó đang lang thang trong một đêm tối trời. (...)

Một lần một ngày mỗi người trong chúng tôi, dưới sự giám sát kỹ lưỡng, phải khó nhọc uống

một viên thuốc chống sốt rét màu vàng. Nếu ai đó bị bắt gặp ngủ ngoài mùng chống muỗi cũng sẽ bị phạt (không án), cho dù trời có nóng cỡ nào. Tuy vậy chúng tôi bắt đầu mất người bởi vì sốt rét trong vòng 2, 3 tuần. Trong 6 tuần 56 lính trong tiểu đoàn tôi được chuyển tới Bệnh viện vì bị sốt rét nặng. Vấn đề là có một chủng loại vi rút đặc biệt của riêng vùng Cao Nguyên, và khả năng chống sốt rét của các loại thuốc lúc đó cũng hạn chế.

Sự thất thoát nhân lực của tiểu đoàn vì hết hạn quân dịch vẫn tiếp tục. Cuối tháng 9 tiểu đoàn tôi có 679 sĩ quan và lính so với 767 người khi đầy đủ như yêu cầu. 4 trung sĩ và 17 lính về nhà vào tháng 10. Tháng 11, 6 trung sĩ và 132 người của tiểu đoàn được lên lịch trở về nhà.

Tháng 10 chúng tôi nhận được 2 sĩ quan, 2 hay 3 hạ sĩ quan thông qua chương trình "Infusion Program", chương trình này chuyển giao cho chúng tôi những quân nhân đã từng phục vụ ở VN trong những đơn vị khác, những người có thể coi là có kiến thức về đất nước và kẻ thù nơi này. Một trong những sĩ quan này là đại úy Thomas C. Metsker, một người lực lưỡng cao tới 1m80, là sĩ quan lực lượng đặc biệt, tốt nghiệp Citadel khoá 1961(...)

Tony Nadal giờ chỉ huy đại đội Alpha; tôi đưa Metsker lên làm sĩ quan tình báo của tiểu đoàn và để tên anh ta đầu tiên trong danh sách cho vị trí chỉ huy một đại đội nếu có dịp. Metsker thường cùng tôi chạy 5 dặm thể dục buổi sáng trong doanh trại.

Một người mới đến khác là thiếu úy William J. Lyons, 25 tuổi, người California, tốt nghiệp cao đẳng Ripon. Giống như Metsker, Lyons tốt nghiệp lính dù và lính biệt động, anh ta đến với chúng tôi từ vị trí cố vấn cho tiểu đoàn biệt động quân số một quân Nam VN. Anh thông thạo tiếng Việt. Tôi bổ nhiệm anh vào vị trí sĩ quan hành quân đại đội C của Bob Edwards. Vào cuối buổi chiều ngày 4-11, Lyons và trung sĩ Roy Hitt, một người Alabama 33 tuổi, bị chết trong một vụ đụng 2 trực thăng Huey trong khi nhận thư và thức ăn cho đại đội C trên đường băng.

Tiểu đoàn của tôi thực hiện 2 cuộc hành quân càn quét quanh khu vực căn cứ An Khê trong thời kỳ này, chúng tôi có vài người bị thương vì bắn tỉa và thu được một lá cờ Việt Cộng khổng lồ.

Cuối tháng 10 Lữ đoàn một của Sư đoàn kỵ binh di chuyển lên Trại Holloway ở Pleiku và bắt đầu truy kích những đơn vị quân dịch đã tham gia cuộc tấn công vào Trại Lực lượng đặc biệt Pleime và đang phục kích đoàn quân giải tỏa Nam VN.

Đại tá Stockton và phi đội trực thăng vũ trang nhanh chóng theo dấu một đoàn quân Bắc VN đang rút lui. Ngày 1-11, một nhóm lính kỵ binh phát hiện khoảng một tá quân dịch cách Pleime 8 dặm về phía tây. Họ (quân Bắc VN) bị bắn và bỏ chạy, ít phút sau thêm nhiều quân dịch bị phát hiện. Stockton cho quân đổ bộ xuống đất và trong vòng vài phút họ chiếm được một bệnh viện dã chiến của Trung đoàn 33 Quân đội nhân dân VN. 15 quân dịch bị giết, 44 người bao gồm nhân viên bệnh viện và bệnh nhân bị bắt sống cùng với hàng tấn trang bị y tế, tài liệu, gạo và vũ khí. Chiều hôm đó quân Bắc Việt phản công; trận đánh diễn ra trong nhiều giờ trước khi tiểu đoàn 2, trung đoàn kỵ binh 12 (lữ đoàn 1), đến tăng viện cho Stockton. Có 1 lính Mỹ bị

chết, 51 bị thương, so với thương vong khoảng 250 người của quân địch.

Cũng trong ngày đó, 1-11, những đơn vị đi đầu của Trung đoàn 66 Bắc VN, bắt đầu vượt qua biên giới CPC tiến vào Miền Nam VN, họ di chuyển dọc theo sông Drang. Trong số những tài liệu lấy được ở bệnh viện có một tấm bản đồ thung lũng Ia Drang của quân địch chỉ rõ những đường đi mà quân Bắc Việt sử dụng. Ngày 3-11, tướng Dick Knowles chỉ dẫn cho Stockton bay trinh sát một con đường đặc biệt chạy dọc theo Ia Drang bên trong biên giới khoảng 2 dặm.

Stockton chuyển sở chỉ huy hành quân lên Trại Lực lượng đặc biệt Đức Cơ và khi thấy rằng Lữ đoàn một đã hành động quá chậm khi tới tăng viện cho anh trong trận đánh Bệnh viện, Stockton thuyết phục Knowles điều động đại đội Alpha tiểu đoàn một trung đoàn kỵ binh 8 của đại úy Theodore S. Danielsen cùng lên Đức Cơ.

Tối đó Stockton đặt ba điểm phục kích cỡ trung đội, một dọc theo đường mòn Ia Drang, các vị trí còn lại ở phía bắc cách khoảng một dặm. Trung đội ở xa nhất phía nam trông thấy một đại đội tiếp viện lại gần họ trên đường mòn, 2,2 dặm bên trong biên giới. Những người lính Bắc Việt ngừng lại nghỉ trong chốc lát chỉ cách vị trí phục kích có 110 mét và sau đó lúc 9 giờ tối tiếp tục hành quân về phía tây.

Những người Mỹ để cho các bộ phận đầu đi qua, nhưng khi những đơn vị vũ khí nặng tiến vào tầm đạn, lính Mỹ cho nổ 8 quả lựu đạn Claymore tạo ra một vùng chết chóc với hàng ngàn mảnh đạn bi nhỏ, cùng lúc đó bắn xối xả đạn đại liên và tiểu liên vào những người sống sót trong bãi mìn. Đại úy Charles S. Knowlen sau đó ra lệnh rút tất cả các toán phục kích rút về bãi trống bao quanh chốt tuần tra tiền phương, trong vòng nửa giờ họ phải chịu một đợt tấn công dữ dội của một lực lượng lớn quân Bắc Việt đang rất giận dữ. Khi người của anh báo họ đang gặp nguy hiểm có thể bị tràn ngập, đại tá Stockton ra lệnh cho đại đội của đại úy Danielsen tiến vào tiếp viện bằng trực thăng.

Hành động này đã cứu nguy cho lính Mỹ, nhưng cũng làm cho Stockton bị "mất đầu". Tướng Knowles nói rằng ông đã ra lệnh cho Stockton phải có sự cho phép trực tiếp của ông mới được đưa đại đội Alpha của đại úy Ted Danielsen vào chiến đấu. Vụ việc kết thúc với việc Stockton bị chuyển sang một công việc tham mưu ở Sài Gòn, vậy là sư đoàn mất đi một trong những chỉ huy tiểu đoàn thành công nhất nhưng cũng gây tranh cãi nhất.

Cho dù có bất cứ điều gì xảy ra sau đó, ban chỉ huy sư đoàn đã không khai thác những thành công khi đó của cuộc phục kích của Stockton và truy đuổi lực lượng địch được xem là quân tiếp viện vừa mới đến từ đường mòn Hồ Chí Minh. Thay vào đó, ngày 6-11, họ ra lệnh cho Lữ đoàn một trở về An Khê và Lữ đoàn 3 lên tiếp quản chiến trường Pleiku, hoàn tất việc thay quân này vào ngày 10-11.

Những tiểu đoàn của Lữ đoàn 3 là: Tiểu đoàn 1, Kỵ Binh 7 của tôi, Tiểu đoàn 2, Kỵ Binh 7 của trung tá Robert McDade và Tiểu đoàn 2, Kỵ Binh 5 của trung tá Robert Tully. McDade một cựu binh chiến tranh Triều Tiên, đã từng là sĩ quan quân lực của sư đoàn (G-1), gần 2 năm và mới

được giao chỉ huy tiểu đoàn anh em của tôi vào cuối tháng 10.

Ngày 9-1 Đại tá Brown và tôi tới sở chỉ huy tiền phương sư đoàn ở Pleiku để nhận chỉ thị về tình hình chiến trường. Bản đồ tình báo treo trên tường có một ngôi sao lớn trên vị trí dãy núi Chu Pong phía trên thung lũng Ia Drang, phía tây Pleime. Tôi hỏi một người thuyết trình Ngôi sao đầy ấn tượng đó là gì?, anh ta trả lời: "Căn cứ quân địch." Ngày hôm sau tiểu đoàn tôi bay tới sở chỉ huy dã chiến của Lữ đoàn nằm trong đồn điền chè Catecka, nơi ban tham mưu của Brown báo cáo tình huống cho chúng tôi và giao nhiệm vụ: tấn công đổ bộ xuống một vị trí cách Pleime 5 dặm về phía *đông*, tìm và diệt quân địch ở đó. Tôi bất ngờ và bối rối. Tất cả những giao tranh của Lữ đoàn một với quân thù đều nằm ở phía *tây* của Pleime, vậy mà họ ra lệnh cho chúng tôi đánh vào những bụi cây ở phía ngược lại. Thế mà vẫn có một ngôi sao lớn màu đỏ trên bản đồ tình báo, chỉ rõ mục tiêu lớn nhất nằm ở phí tây.

### 3/ BOOTS AND SADDLES (xỏ giày và mặc yên ngựa?)

*Come on, boys, and grab your sabers*

*Come on, boys, and ride with me.*

*Give the cry of "Garry Owen",*

*Make your place in history.*

*- author unknown, Viet Nam 1965*

Trước cuộc tấn công, Đại úy Matt Dillon và tôi bay một chuyến trinh sát ngắn, lực chọn bãi đáp và lên kế hoạch hành quân. Trong chuyến bay chúng tôi phát hiện một ngôi làng nhỏ của người Thượng Jarai, và tôi đã đánh dấu cho binh lính biết có sự hiện diện của người dân trong vùng. Và tôi quyết định không dùng pháo hay không quân bắn chuẩn bị trước khi đổ bộ. Hầu hết những bãi trống trong vùng này đều là những nương rẫy đốt của người dân Giarai. Những bãi sắn và khoai nhỏ xíu này sẽ tan nát khi chúng tôi giẫm đạp lên khi đổ bộ; chúng tôi không cần thiết phải thổi tung chúng lên bằng những cơn mưa đạn pháo, hơn nữa nó cũng có thể gây thương vong cho người dân.

Chúng tôi dùng 16 chiếc trực thăng vận tải Huey, gọi là "slick" để phân biệt với những chiếc Huey vũ trang được trang bị súng máy và tên lửa, để chuyển quân con thoi. Plumley và tôi cùng đổ xuống cùng những đơn vị đầu tiên của đại đội Alpha của đại úy Nadal. Không có một hành động thù nghịch nào hết. Nhưng những bãi trống thì có người, khoảng nửa tá người Thượng trần trụi đang phát quang bụi cỏ. Tất cả họ biến mất vào trong rừng rậm một cách nhanh chóng. Tôi vui mừng vì đã không cho bắn pháo chuẩn bị.

Trong 2 ngày rưỡi kế tiếp chúng tôi điều những đội tuần tra các vùng xung quanh. Joe Galloway, phóng viên UPI, 23 tuổi, người Refugio, Texas, gia nhập chúng tôi. Mấy ngày trước Joe đã trèo lên một trực thăng bay tới Trại Lực lượng đặc biệt Pleime trong lúc nó đang bị bao vây, vì thiếu người cậu ta đã tự nguyện trở thành một tay súng máy hạng nhẹ. Khi anh nhảy xuống chỗ chúng tôi, anh khoác trên vai một khẩu M-16 do chỉ huy Lực lượng đặc biệt, thiếu tá

Charles Beckwith, trao cho lúc trận đánh Pleime kết thúc. Galloway nói với Beckwith một cách nghiêm chỉnh rằng, theo Hiệp định Geneva anh ta là một người dân sự phi vũ trang (a civilian noncombatant). Beckwith trả lời “không có cái thứ đó ở vùng núi này đâu, cầm lấy súng đi, con trai”.

Galloway nhớ lại: “Lần đầu tiên tôi “ba cùng” với tiểu đoàn 1, Kỵ binh 7 của Hal Moore, là chuyển dã ngoại tới một ngôi làng nhỏ xa xôi của người Thượng. Tôi nhảy xuống đứng ngay vào một vùng đầy bụi cây trên đất bùn, chúng rậm rạp và nhiều gai đến nỗi phải dùng dao để mở đường. Chúng tôi vượt qua một quãng đường chỉ khoảng 300 mét mất tới 4 giờ, và lội qua một dòng suối nước sâu tới ngực, chảy rất xiết khi trời bắt đầu tối. Sau đó chui vào những ponchos (túi cá nhân dùng để ngủ ngoài trời và đựng xác khi chết), ướt và lạnh suốt đêm.”

“Khi sáng ra, tôi véo một mẩu nhỏ thuốc nổ dẻo C-4 từ trong bộ đồ khẩn cấp trong ba lô, và dùng nó để nấu nước sôi trong một lon thiếc pha cà phê. Nếu bạn đốt C-4 một cách rất cẩn trọng bạn có thể uống một ly cà phê nóng trong 30 giây, nhưng nếu bạn bất cẩn nó sẽ thổi bay cánh tay của bạn. Hút xong liều thuốc tôi bắt đầu quan sát lính của Moore. Trước tiên họ cạo râu. Cạo râu? Ngay ở đây? Tôi sửng sốt. Sau đó tới lượt vị trung tá, tóc vàng, hàm răng bạnh ra, rất sôi nổi, một người vùng Bardstown, Kentucky và học viên West Point, đang đi kiểm tra mỗi sáng cùng với thượng sĩ Plumley. Moore nhìn tôi từ trên xuống dưới và nói: “Tất cả chúng tôi đều cạo râu mỗi sáng - phóng viên cũng vậy”. Nước suối pha cà phê của tôi được dùng để cạo râu và rửa mặt và tôi nhận được một bài học về sự kính trọng con người.”

Ngày hôm đó chúng tôi đi vào một làng của người Thượng, nằm sâu trong những dãy núi. Một ông già móm mém hiện ra từ một ngôi nhà dài, lóng ngóng trong chiếc áo chèn của quân đội Pháp, cũ kỹ và vá vúi khắp nơi, ông đang tự hào vẩy lá cờ tam tài của nước Pháp, nghĩ rằng những đồng đội của thời trai trẻ cuối cùng cũng đã trở lại. Tôi không chắc có thể giải thích được cho ông ta về sự thay đổi của thời cuộc cũng như quốc tịch của chúng tôi.

Nhân viên quân y chữa trị cho những người bị thương và bị bệnh, trong khi Tom Mestker và người thông dịch tìm kiếm thông tin về quân địch trong vùng. Họ nhận được thông tin về một đoàn quân có thể có quân địch trong vùng. Nhân viên quân y phát hiện một cậu bé có một cánh tay bị bỏng nặng cần được chữa trị tại bệnh viện. Già làng và cha cậu bé cuối cùng cũng đồng ý cho đưa cậu bé đi. Chúng tôi một chiếc trực thăng để chuyển đưa bé đi, vết thương của nó là do một chiếc trực thăng khác gây nên.

Cậu bé và người cha mang theo 1 ống nước, một miếng thịt sống lớn gói trong những chiếc lá xanh, và một cái nỏ treo lên máy bay với đôi chút sợ hãi. Họ vừa mới bước từ thế kỷ 19 sang thế kỷ 20 trong có một phút.. Galloway vừa quan sát vừa chụp ảnh sự việc và suy nghĩ: “Không có gì đơn giản trong cuộc chiến tranh này; và có thể trong bất cứ một cuộc chiến tranh nào.”

Chúng tôi tiếp tục tuần tra xuống phía Nam và phía Tây, chẳng có thứ gì và càng lúc càng thất vọng, chán nản. Nhưng chúng tôi không phải là những người duy nhất. Tướng Dick Knowles thật sự thất vọng về chuyển hành quân không kết quả: “Có những tranh cãi về việc quân thù đã

chuyển xuống một vùng trong khu vực tây nam Pleiku và chúng tôi được chỉ thị thực hiện những cuộc hành quân ở nơi đó. Ngay sau khi cuộc hành quân bắt đầu, Thiếu tướng Stanley (Swede) Larsen, Tư lệnh vùng, tới chỗ chúng tôi hỏi về sự tiến triển của nó. Tôi báo cáo không phát hiện gì và cũng không thể trông đợi được gì. Larsen hỏi liền: "Tại sao các anh hành quân ở đó", tôi trả lời: "Đó là lệnh bằng giấy của ông chỉ thị cho chúng tôi". Ông tướng trả lời rằng nhiệm vụ chung của chúng tôi là: Tìm kiếm quân địch và truy đuổi chúng."

Knowles biết phải làm gì với những mệnh lệnh kiểu đó. Cuối buổi chiều ngày 12-11, ông bay xuống phía Nam Pleiku trên chiếc trực thăng chỉ huy để tìm đại tá Tim Brown, người đang ở chỗ chúng tôi. Ông trèo ra ngoài trực thăng, tay cầm xì gà, và hỏi tình hình. Brown, người vốn rất tiết kiệm lời nói, trả lời: "Trống rỗng, thưa ngài". Knowles quay sang tôi: "Anh nghĩ sao?". "không phát hiện được gì thưa Tướng quân; Chúng ta đang làm hao sức quân lính." Ông quay lại Brown: "Tim anh nghĩ sao nếu quay lại phía tây, nhảy xuống Thung Lũng Ia Drang?" Brown nói rằng nó sẽ tốt hơn ở đây: "Tôi nhớ, ban S-2 của Ngài nói về một căn cứ của địch ở nơi đó".

Knowles bật đèn xanh cho chúng tôi. Sau đó ông nói rằng ông ra lệnh "Dựa trên những tin tình báo chắc chắn và tin tưởng". Vài phút sau Knowles và Brown lên trực thăng của họ và bay đi. Tôi nói với ban tham mưu của mình nghiên cứu bản đồ vùng thung lũng Ia Drang và bắt đầu hoạch định một cuộc hành quân. Tôi tin là tiểu đoàn tôi sẽ được chọn để tấn công xuống Thung Lũng Ia Drang. Cho tới lúc này, Brown vẫn giao những nhiệm vụ có khả năng phải đánh nhau với quân địch cho tiểu đoàn 1, Kỵ binh 7. Tiểu đoàn 2, Kỵ binh 7, một tiểu đoàn khác của ông, có 1 chỉ huy và ban tham mưu mới, và Brown cố gắng để họ quen thuộc với công việc.

Knowles, Brown, và tôi rất hiểu nhau, chúng tôi đã làm việc cùng nhau suốt 18 tháng qua. Họ có sự hiểu biết thông thạo về cơ động không quân và chiến thuật trực thăng vận và tôi phải học hỏi những thứ ấy ở nơi họ. Họ biết có thể dựa vào tôi và tôi biết họ sẽ cung cấp toàn bộ những yểm trợ cần thiết cho tôi, ngay cả trước khi tôi biết tôi cần chúng. Tướng Harry Kinnard đã khuyến khích kiểu chỉ huy đó trong toàn Sư đoàn kỵ binh số 1. Kinnard đến từ một trường Nhảy dù vĩ đại với suy nghĩ quyền hành phải được trao cho những người đang ở ngay trên điểm nóng, bởi vì bạn sẽ không bao giờ biết những chỉ huy sẽ hạ dù xuống đâu một khi các đơn vị của họ nhảy ra khỏi máy bay. Những gì thực tế xảy ra cho lính dù cũng tương tự như những đơn vị cơ động không vận di chuyển nhanh nhảy qua những địa hình phức tạp.

Sáng thứ 7, 13-11, Đại tá Brown, chuyển tiểu đoàn của tôi tới vùng mới ở phía nam và tây nam Pleime, chúng tôi cũng thực hiện những cuộc tuần tra rộng cách xa doanh trại. Chúng tôi thiết lập sở chỉ huy tiểu đoàn tại một trại lính Pháp cũ bên ngoài hàng rào của trại Lực lượng đặc biệt Pleime. Lực lượng đặc biệt Hoa kỳ thường đặt vị trí trại của họ dựa trên những doanh trại quân đội cũ của người Pháp, thường được đặt một có chủ ý trên những đường thâm nhập của những người Cộng sản.

Quân thù vẫn không thay đổi hoặc nhận thấy không cần thiết phải thay đổi những đường di chuyển quân này. Trong hầu hết các trường hợp người Pháp đã lựa chọn trí đúng, đặt những vị trí tai mắt để có thể kiểm soát được tất cả những đường tiếp tế của quân thù trong những vùng

núi lở chồm này. Nhưng đối với người Pháp, cũng như với những người Mỹ tới thay thế, Những căn cứ tuần tra này rất xa và cô lập, rất khó nhận sự tiếp ứng vì đường xá quá tệ. Chúng là những vị trí dễ kích thích, thường bị tấn công và đôi khi bị san phẳng.

Mỗi bề của cái trại hình tam giác này là một bờ tường được đắp bằng đất cao từ 1m8 cho tới 2m4 và dài khoảng 80 mét. Nhiều năm bị bỏ hoang dưới mưa nắng bức tường bị sụp đổ nhiều chỗ nhất là ở những vị trí đặt súng, các bậc thang. Trại Lực lượng đặc biệt kè sát rừng cũng chẳng khá hơn. Trong cuộc bao vây hồi cuối tháng 10, trại bị bắn phá bởi súng cối, bộc phá của đặc công, và súng máy cùng với các loại súng hạng nhẹ khác. Một vài mái nhà và một số cột kèo mỏng manh mà quân thù không bắn phá được thì lại bị đổ sụp vì những hòm pallet chứa đồ tiếp tế ném xuống từ những máy bay vận tải bằng dù.

Chiều hôm đó, Đại tá Brown ra lệnh cho tôi điều một đại đội trở lại Trại trại chè Catecca để giúp bảo vệ vùng xung quanh Sở chỉ huy Lữ đoàn 3 của ông. Đại đội Bravo của đại úy John nhận nhiệm vụ này. Đêm trước khoảng 2 đại đội du kích Việt Công đã tấn công sở chỉ huy Lữ đoàn và kho nhiên liệu cùng thiết bị công binh gần đó. Cuộc tấn công bị đánh bại sau một giờ nhưng có tới 7 lính Mỹ chết và 23 người bị thương. Sáu xác chết trong bộ đồ bà ba màu đen của quân địch được tìm thấy.

Cách lều dã chiến của Brown không quá 1/4 dặm vượt qua các gốc cây chè là một căn nhà xinh xắn theo kiểu thuộc địa màu trắng. Người quản lý trại người Pháp sống ở đó và nếu bạn đứng ở bên kia đường chạy ngang qua ngôi nhà, nhìn qua bạn có thể bắt gặp một người phụ nữ trẻ trong bộ Bikini đang tắm nắng cạnh một cái hồ bơi. Ngôi nhà chẳng bị tấn công hay bị dội dù là một quả đạn cối trong cuộc tấn công đêm trước. Tình báo quân đội nói rằng những người chủ Pháp trả cho Việt Cộng một triệu đồng mỗi năm để nhận sự bảo vệ và trả cho chính quyền Sài Gòn 3 triệu tiền thuế mỗi năm. Các trại yêu cầu chính phủ Mỹ trả 50 USD cho mỗi cây chè và 250 USD cho mỗi cây cao su bị phá huỷ trong các cuộc hành quân. Lại thêm một điều phi lí nữa ở đây.

Chiều đó, thứ 7, 13-11, Joe Galloway quá giang một trực thăng từ Pleiku để tới Catecka Sở chỉ huy của Brown. Anh nói: “2 phóng viên người Pháp đi cùng với tôi đã khôn khéo để nhận được lời mời qua đêm trong ngôi nhà của những người đồng hương. Tôi đào một cái hố cáo dưới một gốc chè có giá 50 USD đó ngay bên ngoài vòng sở chỉ huy lữ đoàn cùng với đại đội Bravo. Đào thật sâu, đặt một vài băng đạn bên cạnh khẩu súng, và tự mừng sinh nhật lần thứ 24 của mình với một lon nước đào trong khẩu phần C cùng một vài cái bánh. Có lệnh tiểu đoàn của Moore sẽ tiến vào rừng sáng hôm sau.”

Có thể Galloway nhận được mệnh lệnh này trước cả tôi. Vào khoảng 4 giờ chiều Đại úy Tony Nadal và đại đội A đang hành quân tuần tra thì gặp một dòng sông nhỏ nước trong vắt có tên là Glae. Nadal đồng ý yêu cầu của lính cho từng nhóm nhỏ thay nhau xuống sông tắm rửa dưới sự canh gác chặt chẽ.” Khi tôi đang quay trở lại cùng với trung sĩ nhất Newton cùng một vài lính khác thì nghe tiếng rocket nổ” Nadal nhớ lại, “Chúng tôi chạy trở lại và nhìn thấy trực thăng của mình đang phóng một chùm rocket xuống tôi. Tôi vồ lấy radio và hét lên: Get this

goddamn thing away from me"

Thượng sĩ Plumley và tôi bay tới để quan sát và gặp Nadal cùng thiếu tá Roger (Black Bart) Bartholomew, chỉ huy của đại đội trực thăng vũ trang đó, người bay tới để điều tra. Đường như một đơn vị của tiểu đoàn 2, kỵ binh 7 đã nhầm lẫn bản đồ khi gọi yểm trợ hoả lực. 4 người của Nadal bị thương và được di tản bằng trực thăng cứu thương.

Không lâu sau đó, đại tá Brown bay tới kiểm tra tình hình ở đại đội Alpha và gọi tôi tới bên cạnh." Hal, Tôi sẽ chuyển tiểu đoàn của cậu sang phía tây sáng ngày mai", ông nói, trải tấm bản đồ của mình ra. "Đây là vùng hành quân của cậu - bắc Chu Pong trong Thung lũng Ia Drang. Nhiệm vụ của cậu cũng giống như từ trước tới giờ: Tìm và diệt quân thù." Ông nhanh chóng đề ra những nhiệm vụ của cuộc hành quân và những hỗ trợ ông có thể cấp cho chúng tôi: 16 chiếc Huey UH-1D để chuyển quân, 2 khẩu đội pháo 105 trong tầm bắn yểm trợ, và ít nhất 2 ngày tuần tra dưới mặt đất.

Ông nói thêm, đại đội Alpha của tiểu đoàn trực thăng xung kích 229 sẽ cung cấp trực thăng; chỉ huy đại đội, thiếu tá Bruce Crandall đang trên đường tới đây. "Còn một điều nữa Hal, Trong vùng đó phải bố trí các đại đội thật gần nhau để có thể hỗ trợ lẫn nhau được". Sau khi ông đi, tôi báo cho đại úy Nanal những gì sắp diễn ra và bay trở lại trại lính Pháp. Trên trực thăng tôi đánh dấu những việc cần làm và điện cho Matt Dillon, sĩ quan hành quân của tôi, nói anh báo động cho những chỉ huy đại đội khác và những đơn vị hỗ trợ cùng ban tham mưu tập hợp lại. Chúng tôi có nhiều việc phải làm mà thời gian còn rất ít.

Bruce Crandall, 34 tuổi, từng là một ngôi sao bóng chày trong trường trung học, người Olympia, Washington. Anh sử dụng biệt danh riêng biệt trên radio gọi là "Ancient Serpent 6". Crandall tới cùng sĩ quan liên lạc trực thăng, Mickey Parrish, người sẽ ở cùng chúng tôi trong suốt cuộc hành quân để điều phối các hoạt động trực thăng. Đây là một quy trình hành quân tiêu chuẩn của Sư đoàn kỵ binh số 1: Lên kế hoạch chi tiết cho sự kết hợp giữa đơn vị trực thăng chuyên chở và lính bộ binh.

Tất cả chúng tôi cùng những phi công trực thăng chưa từng đổ máu của Bruce Crandall sắp phải thử nghiệm điều chưa từng có ở VN, đánh nhau ở cấp tiểu đoàn. Crandall là kiểu người mà tôi thích: luôn cố làm tốt công việc của mình, nói thẳng, và chân thật nhất. Anh ta biết người của mình giỏi - và anh ta mong muốn những người làm việc cùng cũng phải giỏi tương đương. Thật không sai khi gọi Ancient Serpent 6 hay "Old Snake" hay "Snakeshit 6" là người vui tính nhất còn sống. Những phi công và phi hành đoàn lấy làm tự hào khi chịu những ảnh hưởng về tinh thần phục vụ và tính chuyên nghiệp của anh, và Crandall yêu quý họ.

"Chúng tôi có 16 chiếc trực thăng bay được trong tổng số 20 chiếc phân bổ cho đơn vị" Crandall nói. Chúng tôi thiếu kinh nghiệm chiến đấu nhưng bù lại chúng tôi có nhiều giờ bay. Những phi công trẻ có khoảng 700 giờ bay trực thăng. Hầu hết được huấn luyện bay cả trực thăng lẫn máy bay. Hầu hết chúng tôi đều có mặt ở tiểu đoàn khi bắt đầu huấn luyện cơ động không vận, thêm nữa đại đội của tôi đã từng bay cùng lực lượng tinh nhuệ được gửi tới Cộng

Hòa Dominica giữa năm 1965".

Crandall tiếp tục: "Ngày 13-1 tôi tham dự buổi họp của trung tá Moore. Chúng tôi cùng thống nhất những vấn đề về cách thức thực hiện cuộc tấn công, vị trí pháo binh, không quân yểm trợ chiến thuật... và chuẩn bị một chuyến bay trinh sát vào sáng sớm hôm sau. Moore muốn chúng tôi, những đơn vị không quân, có mặt lúc lên kế hoạch và giao nhiệm vụ cho tiểu đoàn, và là một bộ phận của ban tham mưu và các chỉ huy của ông. Khi nằm trong một đội ngũ chúng tôi cho thấy sự kết hợp với nhau bao giờ cũng tốt hơn là từng bộ phận hoạt động riêng lẻ.

Đại úy Paul Patton Winkel, có người ông cố từng cưỡi ngựa cùng với William Tecumseh Sherman, là 1 trung đội trưởng của đại đội Bravo, tiểu đoàn 229 biệt phái cho Crandall trong cuộc hành quân Ia Drang. Anh nói về những điều đã làm nên thể hệ phi công cơ động không vận đầu tiên: "Chúng tôi được huấn luyện từ tháng 7-1964, cho tới khi chúng tôi tới VN với Sư đoàn Kỵ binh số, cách bay đặc biệt bốn chiếc theo hình chữ V ở tốc độ 80 - 120 Knots và chỉ ở độ cao bằng với những ngọn cây, theo hướng tiến quân của bộ binh. Huấn luyện Radio, liên lạc hàng không, bay trong mọi thời tiết, (....)

Lúc này đã có lệnh cho Tony Nadal và Bob Edwards rút quân ra khỏi những hàng cây và bố trí họ ở những khoảng trống lớn nhất có thể trong khu vực của họ để trực thăng bốc đi vào sáng sớm ngày mai. Cả 2 đại đội đều đang hoạt động cách Pleime 6 dặm về phía nam. đại đội Bravo của John Herren đã bố trí sẵn sàng ở sở chỉ huy Lữ đoàn.

Ban tham mưu và tôi cùng với những sĩ quan liên lạc thảo luận hàng trăm lần từng chi tiết trong kế hoạch hành quân: địa hình, những bãi đổ bộ có thể có trong vùng rừng đầy bụi rậm đó, dự báo thời tiết, quân địch, quân số trong từng đại đội, hỏa lực yểm trợ, và khả năng chuyên chở của trực thăng.

Những chiếc trực thăng chuyên chở của Bruce Crandall, 16 chiếc Huey, sẽ tới Trại Pleime lúc 9giờ 30 sáng. Năm chiếc trực thăng Chinook khổng lồ sẽ tới sớm hơn để chuyển một khẩu đội 6 khẩu pháo 105mm tới Falcon, tới đó chúng sẽ kết hợp với một khẩu đội khác đã ở sẵn đó. Tôi yêu cầu một chuyến bay trinh sát trên vùng Thung Lũng Ia Drang vào sáng sớm, gồm 2 chiếc Huey Slick và 2 chiếc vũ trang. Matt Dillon; Bruce Candall; John Herren; chỉ huy pháo binh, đại úy Don Davis; chỉ huy bộ phận trực thăng vũ trang, đại úy Rickard; điều phối hỏa lực hỗ trợ, đại úy Jerry Whiteside; kiểm soát không quân tiền phương, trung úy Charlie Hastings và tôi sẽ cùng bay trong chuyến này.

"Khi đại đội Bravo sẵn sàng nó sẽ được bốc đi, nó sẽ là đại đội tấn công đầu tiên", tôi nói với những người có mặt." Theo kế hoạch 1 đợt bắn chuẩn bị kéo dài 20 phút của pháo binh, tiếp đó là 30 giây của phi pháo không quân, cuối cùng là 30 giây của trực thăng vũ trang. đại đội Bravo sẽ tiếp đất ngay sau khi trực thăng vũ trang bay ra. Tôi sẽ đi cùng đại đội B trong chuyến đổ bộ đầu tiên. Hãy nói với các chỉ huy ra lệnh cho binh lính mang cơ sở đạn tối đa, một khẩu phần ăn C, và 2 bi đông nước mỗi người. "Có thắc mắc gì không?" Không có một câu hỏi nào cả.

Giờ là 8 giờ tối và mọi việc đang nhộn nhịp trong Sở chỉ huy tiểu đoàn, nơi có 4 chiếc lều nhỏ - một cho trạm quân y và phẫu thuật tiểu đoàn, một cho S-2 và S-3 (tình báo và hành quân), một cho S-một và S-4 (quân lực và hậu cần) và một cho chỉ huy tiểu đoàn bộ.

Những người còn lại ngủ ngoài trời, cuộn tròn trong những túi Ponchos. Thức ăn đã chiến thường là khẩu phần C, một hộp gồm đậu Lima và giảm bông, hoặc mì Spaghetti và thịt viên, mở với một cái đồ mở hộp P-38, chúng tôi luôn đeo sợi giây xích có gắn thẻ bài trên cổ.

Thượng sĩ Plumley và tôi ăn tối, sau đó đi một vòng quanh trại lính Pháp. Sở chỉ huy được canh gác bằng trung đội trinh sát và trung đội súng máy của đại đội Delta. Thỉnh thoảng chúng tôi ngừng lại nói chuyện với một vài người lính trên đường đi. Đêm thật tĩnh lặng, tiếng chim kêu và tiếng tắc kè hoà quyện với tiếng hút gió của những cây đèn Hoa Kỳ đang chiếu sáng bên trong những ngôi lều tạo nên một âm thanh ma quái.

Tôi lại nghĩ tới những người lính Pháp ngày trước, những người đã xây dựng và đứng gác trong những chốt hoang tàn này, để bảo vệ cho một đế quốc nay đã chết. Mọi thứ đổi thay, nhưng đòi lính thì không. Không biết tay chỉ huy người Pháp nghĩ gì khi chuẩn bị cho một cuộc hành quân 15 năm về trước.

Những suy nghĩ tôi lại quay về với cuộc hành quân ngày mai. Tôi cảm thấy rõ ràng rằng quân địch đã sử dụng Thung lũng Ia Drang làm bàn đạp cho cuộc tấn công vào trại Pleime và dường như đã quay trở lại đó để tái tổ chức và chữa trị cho những người bị thương. Sông Drang có nhiều nước để nấu nướng. Đây là vị trí tốt nhất cho quân Bắc Việt vì nó nằm trên biên giới với CPC. Những người Cộng Sản VN qua lại biên giới bất cứ khi nào họ muốn còn chúng tôi bị cấm vượt qua.

Tôi biết rằng Lữ đoàn một của Sư đoàn, trại Pleime, phi đoàn trực thăng kỵ binh của sư đoàn và hỏa lực không quân và pháo binh của chúng tôi đã làm cho quân Bắc Việt thiệt hại nặng nề trong suốt 3 tuần qua. Bên tình báo nói với tôi rằng họ đoán chắc có 1 tiểu đoàn ở căn cứ trong dãy Chu Pong cách chỗ chúng tôi sẽ đổ quân 2 dặm về phía tây - bắc, có khả năng quân thù sẽ ở rất gần bãi trống mà chúng tôi định dùng làm bãi đổ bộ, và có khả năng tồn tại một căn cứ bí mật cách vùng mục tiêu khoảng nửa dặm về phía đông. Chỉ cần một trong những khả năng này là hiện thực chúng tôi sẽ gặp phải sự phản kháng mãnh liệt.

Tiểu đoàn của tôi đã sẵn sàng cho chiến đấu hay chưa? Chúng tôi chưa bao giờ vận động cả tiểu đoàn trong chiến đấu, cho dù tất cả 3 đại đội súng trường đều đã có những trận đánh nhỏ. Hầu hết binh lính thậm chí chưa bao giờ nhìn thấy một người lính đối phương, sống hoặc chết. Chúng tôi mới chỉ giết dưới 10 địch quân, trong những bộ bà ba màu đen, trong các cuộc tuần tra và hành quân càn quét nhỏ từ khi tới An Khê.

Bốn đại đội trong đội hình có 20 trong tổng số 23 sĩ quan thuộc biên chế, nhưng binh lính chiến đấu thì bị thiếu nghiêm trọng vì hết hạn quân dịch, sốt rét, và yêu cầu của việc canh phòng và làm việc ở căn cứ dưới An Khê. Đại đội Alpha có 115 người, ít hơn 49 so với biên chế.

Đại đội Bravo có 114 người, thiếu 50 người. Đại đội Charlie còn có 106 người giảm tới 58 người. Và đại đội hỏa lực Delta chỉ có 76 người, 42 người ít hơn so với biên chế. Tiểu đoàn bộ cũng bị thiếu lực lượng và tôi buộc phải cắt giảm người nhiều hơn nữa bằng việc gửi những y sĩ hay lính thông tin lấp vào những chỗ bị bỏ trống thiết yếu trong 4 đại đội kia.

Tôi không thích bị thiếu người, nhưng mọi chuyện cũng chẳng khác mấy so với thời chiến tranh Triều Tiên, và cách chúng tôi xoay sở, bạn phải chấp nhận và đương đầu với nó. Những sĩ quan và hạ sĩ quan phải làm những gì có thể để thay thế sự thiếu hụt. Đó là những gì chúng tôi đã làm ở Triều Tiên.

Tôi chỉ có thể hy vọng rằng quân địch, bị thương vong nặng nề trong những trận đánh trước đó, cũng suy giảm sức mạnh. Và ít ra tôi cũng có thể dựa vào hỏa lực yểm trợ mạnh mẽ để giảm đi phần nào sự thiếu hụt quân số. Dự báo thời tiết cho biết ngày nắng và đêm có sáng trăng sẽ đảm bảo cho không quân và 2 khẩu đội 12 khẩu 105 ly yểm hộ chính xác cho chúng tôi.

Nhưng mối bận tâm nhất của tôi là việc chúng tôi chỉ có 16 chiếc Huey để vận chuyển tiểu đoàn tới khu vực đổ bộ. Một lần bay trung bình khoảng 15 dặm từ nhiều điểm bốc quân khác nhau.

Điều đó có nghĩa là có chưa tới 80 người - không đủ một đại đội - sẽ tiếp đất trong đợt đầu tiên và sẽ là những người lính duy nhất trên mặt đất cho tới lúc những chiếc trực thăng trở lại Pleime, bốc khoảng 80 người khác và quay lại. Sau đó những chiếc trực thăng sẽ có thể chở nhiều lính hơn - khoảng 90 tới 100 - vì đã nhẹ hơn do đốt đi một phần nhiên liệu.

Đó là một hành trình kéo dài 30 phút mỗi lần, và nếu được như tính toán ban đầu sẽ mất hơn 4 giờ đồng hồ để chuyển hết tiểu đoàn. Những chiếc Huey cũng cần phải tiếp nhiên liệu trong suốt hành trình nên thậm chí sẽ phải mất nhiều thời gian hơn nữa; và nếu bãi đổ quân trở nên nguy hiểm và bất cứ 1 trong những chiếc Huey bị bắn rơi cũng sẽ ảnh hưởng tới thời gian đã tính toán.

Suốt đêm đó khi nằm trên những bờ đất của trại lính Pháp, đầu óc tôi luôn đầy ắp những câu hỏi “Nếu..” dường như vô tận. Và việc mất thời gian với chúng không bao giờ lãng phí: Nếu chỉ cần một trong số những cái “Nếu..” đó thành hiện thực người chỉ huy sẽ có những khoảnh khắc quý giá để đối phó với trận chiến. Kịch bản tồi tệ nhất của tôi là một bãi đáp nguy hiểm - trận đánh bắt đầu trong khi hoặc ngay sau khi đổ bộ - và tôi chắc rằng quân thù sẽ làm như vậy. Trong bất kỳ một cuộc tấn công nào vào vùng quân địch kiểm soát - dù đó là bãi biển hay bãi nhảy dù, dù có phải vượt sông hay trong trường hợp của chúng tôi, đổ bộ xuống căn cứ của quân thù - thời gian nguy hiểm nhất chính là giai đoạn trước khi quân lính được bố trí và tổ chức ổn định và tiến lên.

Tôi lại nghĩ tới những gì mình có thể làm được nếu điều tồi tệ nhất xảy ra. Trước tiên tôi sẽ nhảy xuống đất từ chiếc trực thăng dẫn đầu, được điều khiển bởi Crandall. Điều này cho phép tôi có được cái nhìn ở mức gần nhất về bãi đổ quân và địa hình xung quanh. Cùng với Crandall

ngồi phía trước chúng tôi có thể bàn với nhau những thay đổi vào phút chót, nếu cần thiết, về một bãi đổ quân thay thế và kiểm soát những vấn đề của chuyến bay.

Trong cuộc nội chiến của nước Mỹ, có 1 nguyên tắc là một chỉ huy giỏi phải hạn chế tối đa việc cưỡi trên lưng ngựa. Có những lý do của nó, nếu bạn cưỡi ngựa và quân lính của bạn hành quân bộ theo sau, làm sao bạn đánh giá được họ mệt mỏi đến đâu, họ khát nước hay không, hay quân trang họ mang nặng đến mức nào?

Tôi cũng áp dụng nguyên lý đó ở VN, nơi mà mỗi vị chỉ huy tiểu đoàn đều có trực thăng chỉ huy riêng. Một vài chỉ huy tiểu đoàn sử dụng trực thăng như giống như việc cưỡi ngựa. Tôi không bao giờ thích chuyện đó. Bạn phải ở cùng với binh lính dưới mặt đất để nghe và thấy những gì đang diễn ra. Bạn phải tiếp nhận những thông tin nóng bỏng để có thể ra những quyết định chính xác. Thêm nữa thật dễ dàng tách ra ngồi trên trực thăng ở độ cao 450 mét an toàn, mát mẻ để ra những mệnh lệnh ngoài khả năng của quân lính, để dễ dàng phạm những sai lầm gây nên cái chết cho những con người đang vật lộn dưới bùn đất, máu me, và hoảng loạn phía dưới.

Cùng với tôi trong chiếc trực thăng dẫn đầu sẽ là thượng sĩ Plumley; đại úy Tom Metsker; người điều khiển radio của tôi, hạ sĩ Bob Ouellette; và người thông dịch, ông Nik - một người Thượng.

Bước thứ hai của kế hoạch của tôi để giải quyết bất kỳ một vấn đề nào xảy ra tại khu vực đổ bộ sẽ diễn ra như sau. Tôi sẽ để đội hỗ trợ hỏa lực ngay ở phía trên, trong trực thăng chỉ huy của tiểu đoàn với sự điều phối của Matt Dillon. từ độ cao 750 mét ngay trên đầu chúng tôi, Dillon sẽ giữ liên lạc với Sở chỉ huy Lữ đoàn 3, với sở chỉ huy cơ bản của tiểu đoàn ở Pleime và với các đại đội đang tập trung tại những điểm bốc quân. Anh có thể theo dõi tất cả những gì nói trên sóng radio chỉ huy của tiểu đoàn. Jerry Whiteside sẽ hướng dẫn cho pháo binh và trực thăng phóng hỏa tiễn. Charlie Hastings sẽ làm việc với không quân yểm trợ. Và Mickey Parrish sẽ kết hợp với Bruce Crandall và phi hành đoàn trực thăng.

Bước thứ 3, tôi phải sử dụng tối đa khả năng của 80 người có mặt trên chiến trường trong nửa giờ rất quan trọng đầu tiên. Quy trình hành quân tiêu chuẩn của chiến thuật cơ động không vận mới quy định rằng đơn vị dẫn đầu phải trải rộng 360 độ và tiến hành tấn công ra ngoài toàn chu vi. Lần này thì không, tôi nghĩ tới một kỹ thuật mới dường như được thiết kế duy nhất cho tình huống này. Đại đội Bravo sẽ bố trí ở trung tâm bãi đổ bộ như là một lực lượng dự bị và tấn công. Bốn tiểu đội 7 người sẽ được điều ra 4 hướng khác nhau để kiểm tra chu vi và vùng xung quanh. Nếu một trong bốn tiểu đội này gặp địch tôi sẽ lập tức cho cả đại đội di chuyển theo hướng đó, và đẩy trận đánh và quân địch ra xa bãi đổ quân càng xa càng tốt.

Khoảng 10 giờ 30 tối Plumley và tôi quay trở lại lều hành quân để kiểm tra mọi sự chuẩn bị. Mọi thứ đều tiến triển tốt. Plumley đề nghị chúng tôi nên đi ngủ, nói rằng sẽ rất lâu chúng tôi mới có cơ hội ngủ lại. Chúng tôi quay trở lại nơi để quân trang, lấy túi Ponchos, cuộn tròn trong đó, dưới đất, vũ khí để sát bên, và rơi vào giấc ngủ.

## 4/ VÙNG CHIẾN VÀ ĐỐI THỦ

*He who controls the Central Highlands controls South Vietnam.*  
*-Vietnamese military maxim.*

Cao nguyên Trung Phần là một vùng đất đẹp; từ những vùng ven biển đông đúc dân cư với những bãi biển cát trắng và những cánh đồng lúa gạo bằng phẳng bao quanh bởi những bờ đất, đất đai cao dần lên tới những vùng đồi núi, cắt ngang dọc bởi những dòng suối, sông và cuối cùng tới một vùng núi cao từ 700 tới 1000 mét, nơi đây người Pháp đã xây dựng những đồn điền chè và cà phê. Năm 1965 Cao nguyên là lãnh địa của lính Mũ Nồi Xanh, Lực lượng đặc biệt Hoa Kỳ. Nhưng trước khi lính Mỹ và trước cả người Pháp đặt chân tới, đây là vùng đất của những bộ tộc người Thượng khác nhau, mỗi bộ tộc có một ngôn ngữ và vùng đất riêng, họ sống 1 cuộc sống không mấy thay đổi từ thời kỳ đồ Đồng, khi họ bị buộc phải rời bỏ miền nam Trung Hoa để định cư tại những rặng núi vùng Đông Dương, quần đảo MaLay và thậm chí tới những hoang đảo Indonesia.

Họ đốt nương làm rẫy, trồng những loại cây như ngô, sắn, khoai trên lớp đất mỏng của đồi núi, khoảng 2-3 năm đất sẽ cần cỗi và họ sẽ tìm một nơi khác. Những người Thượng sống trên những căn nhà sàn dài có mái dốc. Họ vẫn luôn luôn tránh xa những người Việt Nam sống ở vùng thấp phía dưới, những người gọi họ là man di và đối xử với họ một cách tàn nhẫn và khinh bỉ họ. Sự căm hờn là hậu quả ngược lại, những người Thượng sẵn sàng đi lính cho người Pháp, sau đó cho người Mỹ, để chống lại người Việt Nam. Họ là những lính đánh thuê dũng cảm, trung thành đến chết, và luôn là những người đầy hiệu quả trên những lãnh địa của họ.

Con đường chuyên chở và thông tin chiến lược dọc Cao Nguyên là Đường 19 được làm từ thời thực dân, chạy từ cảng Quy Nhơn theo phía tây tới Pleiku, thành phố lớn nhất Cao Nguyên, và tiếp tục chạy sang CPC. Căn cứ của Sư đoàn Kỵ Binh số một tại An Khê nằm giữa quãng đường từ Quy Nhơn tới Pleiku, cách mỗi nơi 40 dặm.

Không lâu sau khi tới VN, thượng sĩ Plumley và tôi lái một chiếc xe Jeep, súng trong tay, chạy qua 10 dặm về phía tây An Khê trên đường 19, tới một vùng đất không người ở, có một cột mốc PK15. Ở đó, Việt Minh đã tiêu diệt gần như toàn bộ Binh đoàn Cơ động 100 của Pháp trong một cuộc phục kích ngoạn mục 10 năm về trước. Chúng tôi bước đi trên nơi đã từng là bãi chiến trường, tại đó có một đài tưởng niệm làm bằng một hòn đá tảng cao 1m8 chỉ chit vết đạn ghi rõ bằng tiếng Pháp và Việt: “Tại đây ngày 24-6-1954, những người lính Pháp và Việt Nam đã chết cho Tổ quốc họ.” Trong tay tôi là cuốn sách “Street Without Joy” của Bernard Falls, nó mô tả chi tiết trận đánh. Plumley và tôi thăm dò nơi đó hơn 2 giờ đồng hồ. Những mảnh xương, những mảnh vũ khí, xe cộ, mâm xe, những vỏ đạn, thùng đạn vẫn còn vương vãi trên mặt đất. Chuyển đi đó cho tôi một bài học: Cái giá phải trả cho sự xem thường đối thủ lợi hại này là Cái chết.

Phía bắc đường 19 và phía tây của đèo Mang Yang, chỉ toàn đồi và núi cùng với những khoảnh rừng rậm và một vài đoạn đất bằng. Một vài con đường đất không thể đi lại được trong mùa mưa. Trong tam giác biên giới Lào- CPC - Nam VN có những rừng rập 3 tầng cây, dày đến nỗi ánh nắng mặt trời không thể lọt qua, đất phía dưới thì luôn luôn ẩm ướt, phải rất khó nhọc mới rút chân ra được những đoạn đường rừng đầy bùn đất này. Phía nam Pleiku và đường 19, phía bắc Buôn Ma Thuột và trại Pleime là rừng cây đầy các bụi rậm cùng với những cây gỗ cứng. Chỉ có những con suối, đường đi của các con thú, và các lối mòn của người Thượng đan xen nhau trong cánh rừng này.

Đặc điểm nổi bật nhất của địa hình nơi đây chính là dãy núi Chu Pong. nằm trên độ cao 720 mét, một vùng đầy núi, thung lũng, hẻm núi, chạy dọc về phía tây hơn 15 dặm, năm dặm cuối cùng nằm trong lãnh thổ CPC. Từ phía bắc xuống phía nam dãy núi dài khoảng 10 tới 13 dặm. Bao quanh vùng núi Chu Pong là những khe suối, và các hang động. Dọc theo mạn bắc của dãy núi là Ia Drang (Ia có nghĩa là sông trong một thổ ngữ của người Thượng). Ia Drang được hình thành bởi hai con sông nhỏ hơn gặp nhau ở một điểm gần trang trại chè Catecka trên đường 14 giữa Pleiku và trại Pleime. Khi nó chạy qua Chu Pong nước chảy xiết và sâu hơn. Nó chảy về hướng tây vào đất CPC, tại đó nó hòa vào sông Me Kong và quay trở lại VN xa dưới phía Nam trong đồng bằng sông Cửu Long.

Những người lính của Thiếu tướng Chu Huy Mân đã được huấn luyện trong 18 tháng. Khi họ gia nhập Quân đội nhân dân, mỗi tân binh được phát 2 bộ đồ Ka-ki, một bộ kim chỉ, và một đôi dép cao su “Hồ Chí Minh” được làm từ vỏ xe tải cũ. Những quân phục này được dùng trong 5 năm. Thời kỳ huấn luyện cơ bản kéo dài 13 tuần, 6 ngày một tuần, từ 6 giờ sáng tới 9 giờ 30 tối. Những huấn luyện viên chú trọng tới sử dụng vũ khí và chiến thuật, trong khi những chính trị viên mỗi ngày lên lớp về chiến tranh, tại sao phải chiến đấu chống Mỹ. Những tân binh được nhắc nhở liên tục rằng cha anh họ đã đánh thắng Thực dân Pháp, và bây giờ nhiệm vụ của họ là đánh bại đế quốc Mỹ. Họ được thấm nhuần bởi khẩu hiệu của Hồ Chí Minh: Không có gì quý hơn độc lập tự do. Sau huấn luyện cơ bản, một số người được lựa chọn đi học ở trường Hạ sĩ quan, đào tạo thành những hạ sĩ mới. Những người còn lại được huấn luyện bộ binh nâng cao bao gồm huấn luyện thành thạo với tất cả các loại vũ khí, sử dụng chất nổ, chiến thuật phục kích, kỹ năng trinh sát, điều chỉnh đạn cối và kỹ thuật tuần tra. Vào tháng 6-1964 những người lính của Mân di chuyển lên vùng núi Miền Bắc VN, có địa hình tương tự như Tây Nguyên của Nam VN. Tại đây việc huấn luyện thể lực được chú trọng; họ leo trèo lên xuống những sườn dốc với một ba lô chất đầy đá, nặng khoảng 25-30 kg. Giờ đây việc huấn luyện nâng cao tập trung vào nghệ thuật ngụy trang. Họ cũng nhận được những huấn luyện quan trọng về chống máy bay. Bắn thẳng ở chế độ tự động hoàn toàn ngay phía trước đường bay của máy bay, máy bay hay trực thăng sẽ bay vào một bức tường đạn. Khi bắt đầu 2 tháng gian khổ hành quân trên đường mòn Hồ Chí Minh, những Trung đoàn của tướng Mân sẽ được chia nhỏ thành những tiểu đoàn vì mục đích giữ bí mật, mỗi tiểu đoàn sẽ hành quân cách nhau ít nhất 3 ngày. Mỗi người lính sẽ mang theo 2 kg gạo - khẩu phần ăn trong 7 ngày - cộng với 4 ký thực phẩm khác, đây là số thực phẩm sẽ dùng cho toàn cuộc hành quân: 1 kg muối, 1 kg kem nước mắt, và 2 kg thịt muối. Một người trong mỗi một tiểu đội mang theo một nồi nhôm để nấu cơm. Mỗi người cũng đem theo 50 viên thuốc chống sốt rét, uống dọc đường mỗi viên một ngày, và 100

viên B1 được uống 3 viên một tuần. Cho dù có những viên thuốc, hầu như tất cả mọi người đều bị sốt rét trên đường hành quân và trung bình 3 đến 4 lính chết trong mỗi đại đội 160 người. Sốt rét, tiêu chảy, tai nạn, rắn độc, và những trận bom Mỹ là nguyên nhân dẫn đến những cái chết đó.

Dọc đường những người lính sẽ gặp những đội công binh xây dựng, rất nhiều trong số họ là những cô gái trẻ những người tình nguyện ra tuyến đường nhằm phát triển và bảo dưỡng nó, đồng thời xây dựng những lán trại - mỗi lán trại được dựng cách nhau 9 dặm - làm trạm nghỉ chân cho bộ đội hành quân. Mỗi trạm có thể chứa được khoảng 1 đại đội trong những lán làm bằng tre nứa, nằm cách mặt đường khoảng nửa dặm nhằm tránh máy bay oanh tạc. Mỗi người lính mang theo một chiếc võng dùng để ngủ cùng với một tấm nylon màu xanh dùng làm màn che chắn. Đêm trên rừng lạnh giá, ban ngày thì thoải mái hơn. Những người lính của tướng Mân hành quân 9 dặm mỗi ngày, từ trạm này tới binh trạm kế tiếp, nghỉ đêm ở đó. Cứ mỗi bốn ngày hành quân họ được nghỉ một ngày để hồi sức, giặt giũ quần áo, và chữa trị những bệnh nhẹ.

Những dân công đẩy những chiếc xe thổ, được gia cố với một cây gỗ buộc chặt ở tay lái và một cái khác ở phía sau. Hàng hóa nặng tới hơn 180 kg gồm gạo, vũ khí, thuốc men được buộc chặt vào thành xe. Người dân công đi bên cạnh và đẩy chiếc xe cho tới nơi được yêu cầu. Thô sơ, không có khoa học kỹ thuật, giản đơn tối đa, nhưng những chiếc xe này vận chuyển được nhiều hàng hoá hơn người ta tưởng rất nhiều. Ngựa thồ cũng được sử dụng để vận chuyển hàng hóa trên tuyến đường này.

Bên cạnh lương thực và thuốc men, người lính cũng phải mang theo vũ khí và cơ sở đạn cơ bản. Những vũ khí họ đã từng được huấn luyện sử dụng trong suốt thời gian trước, là sản phẩm của những nhà máy của Liên Xô, Trung Quốc, Tiệp Khắc, và Albania. Trong số đó là khẩu tiểu liên Kalashnikov AK-47, một vũ khí bộ binh siêu hạng; súng trường SKS (CKC) Siminov bán tự động với 1 lưỡi lê sắc bén; trung liên Degtyarev, đại liên Maxim; các loại cối 60mm, 82mm, và 120mm; súng máy 12,7 ly bắn máy bay, lựu đạn có cán và một khẩu súng ngắn 9mm dành cho sĩ quan do Trung Quốc sản xuất.

Những người lính của Quân đội nhân dân, cả già và trẻ, đều rất thích viết nhật ký tới mức say mê. Hầu như ai cũng mang theo một cuốn sổ tay nhỏ, anh ta chép vào đó những bài thơ tình, lời của những bài hát nổi tiếng, và những dòng riêng của anh. Họ luôn mong ngóng tới quê nhà và gia đình. Những cuốn sổ tay và một vài tấm hình của người yêu hoặc vợ con được bọc vào trong những miếng ny-lông.

Lúc này, vào cuối tháng 9, khi những người lính kỵ binh bay đang gián mình dưới căn cứ mới của mình bên ngoài những cánh rừng An Khê, một trong những trung đoàn của tướng Mân, trung đoàn 320 đã bố trí xong trên đất Nam VN; trung đoàn thứ 2, trung đoàn 33, thì mới tới vùng biên giới VN - CPC ; và trung đoàn thứ 3, trung đoàn 66, vẫn còn trên đường mòn với những tiểu đoàn bị trải dài ngoãng. Địa hình mà họ sẽ hoạt động trong vòng 2 tháng tới, từ trại Pleime hướng ra phía tây tới biên giới CPC , là những trảng cỏ voi cao tới 1,3m với những bụi

cây rậm rạp, không giống như những bụi sồi nước Mỹ, và những loại cây cỏ khác cao hơn và dày hơn, đặc biệt là dọc theo những khe nước và lòng suối cạn. Trong vùng này không có đường đi, chỉ có một vài đường mòn. Vùng đất này được tưới bởi hai con sông, la Meur về phía Tây, và la Tea về phía đông. Cho dù trên tấm bản đồ địa hình chúng tôi mang theo có những chấm đen đánh dấu khoảng 20 làng người Thượng, nhưng chúng tôi không thấy một ngôi làng hay một người Thượng nào ở đó.

Nhà lịch sử quân đội nhân dân VN, trung tướng Hoàng Phương, khi còn là trung tá được điều đến tới thung lũng la Drang mùa thu 1965 để nghiên cứu về trận đánh và viết một bản báo cáo sau trận đánh cho bộ chỉ huy tối cao, nói: “Khi chúng tôi nhận được tin Sư đoàn kỵ binh bay số 1 của Mỹ đã tới VN, các chỉ huy của các sư đoàn chúng tôi rất bối rối, rất lo lắng bởi những gì họ được nghe về đơn vị rất mạnh, rất cơ động được vũ trang tối tân cùng với sự yểm trợ của trực thăng. Quân giải phóng di chuyển chủ yếu bằng chân, được trang bị kém. Quân y và quân lương của chúng tôi không được tốt lắm. Làm sao chúng tôi chiến đấu và chiến thắng lính kỵ binh bay?”.

Trung tướng Phương nói thêm: “Vào tháng 9 năm 1965, khi các anh đáp xuống An Khê, các chỉ huy của chúng tôi nghiên cứu cách đối phó. Chúng tôi tiên liệu cuộc chiến sắp tới sẽ rất ác liệt. Trước tiên chúng tôi cho di tản dân thường và những trại huấn luyện. Chúng tôi củng cố vị trí, đào hầm và dự trữ lương thực, đưa bệnh viện xuống hầm. Chúng tôi biết sớm muộn gì các ông cũng tấn công vùng của chúng tôi và chúng tôi cố gắng chuẩn bị công sự có thể vô hiệu hoá các ông. Chúng tôi biết nó sẽ không đủ dù chỉ là tuyên truyền rằng chúng tôi là người chiến thắng. Chúng tôi phải nghiên cứu cách đánh lại người Mỹ.”

Phương tiếp tục: “Ngày 19 tháng 10 chúng tôi bắt đầu cuộc tấn công vào Pleime lúc 11g50 tối. Chúng tôi đánh từ 3 hướng. Đây là trung đoàn 33. Họ đánh đi đánh lại nhiều lần. Khi chúng tôi bao vây Pleime, quân đội VNCH điều một trung đoàn đến giải tỏa. Ngày 23-10, những bộ phận quân tăng viện đầu tiên lọt vào ổ phục kích. Trung đoàn 320 đặt ổ phục kích này. Trận đánh trải dài 4km dọc theo tỉnh lộ 5. Quân địch dùng nhiều đợt máy bay thả bom dữ dội vào những vị trí của chúng tôi. Trận đánh kéo dài tới ngày 25-10. Chúng tôi tiêu diệt nhóm đầu quân VNCH nhưng những nhóm khác chiếm được vùng đất cao và tiếp tục chống trả. Chúng tôi không thể tiêu diệt toàn bộ quân giải tỏa. Có rất nhiều trong số chúng còn sống. Trung đoàn 320 bị tổn thất nặng bởi không kích và lúc 5 giờ chiều ngày 25-10 chúng tôi ra lệnh rút quân ra khỏi vùng chiến sự kể cả quân đang bao vây Pleime. Họ được lệnh rút lui thật nhanh và chuẩn bị để đánh nhau với quân Mỹ. Đến đây kết thúc giai đoạn I của chiến dịch.

“Hai trung đoàn tham gia vào trận đánh này vừa mới tới đây từ miền Bắc, và họ không có nhiều hiểu biết về vùng này. Những chỉ huy hai trung đoàn này cũng là những người mới. Trong kháng chiến chống Pháp họ là những chỉ huy đại đội. Chỉ huy của trung đoàn 320 là trung tá Mã Văn Minh. Chỉ huy của trung đoàn 66 là thiếu tá Lã Ngọc Châu. Ngày 28-10 quân Mỹ thả một vài nhóm quân xuống phía sau căn cứ của chúng tôi. Lúc này sở chỉ huy của tướng Chu Huy Mân, mặt trận B-3, đặt ở Plei Bong Klo.

“Chúng tôi bắt đầu giai đoạn II của chiến dịch từ ngày 29-10 tới ngày 9-11. Lúc này binh lính chúng tôi rất lộn xộn. Chúng tôi gặp nhiều khó khăn. Các ông đã ném quân xuống gần sở chỉ huy của chúng tôi và rất gần với những đơn vị chúng tôi. Các đơn vị bị chia cắt, tan tác và sau đó lính Mỹ nhảy xuống Plei The gần biên giới CPC vào ngày 3-11. Các ông đã phá huỷ rất nhiều hầm lương thực cùng với bệnh viện của chúng tôi. Chúng tôi mất vũ khí, lương thực, phương tiện chiến tranh, và thông tin liên lạc. Khi chúng tôi rút lui các ông thả quân xuống chia cắt các đơn vị. Chúng tôi mất liên lạc với những đơn vị đang rút lui. Trong 10 ngày này các ông đã khiến chúng tôi kiệt quệ và tan tác. Lính chúng tôi không có thời gian nghỉ ngơi và tái tổ chức. Khi chúng tôi rút tới đây [Chu Pong], chúng tôi phải gửi lính đi lấy gạo và nấu nướng ở những chỗ rất xa về dùng cho đơn vị họ. Thông thường phải mất hai ngày cả đi lẫn về. Chúng tôi thiếu thốn các phương tiện thông tin. Chúng tôi có rất ít radio, nếu có thì ở trong tình trạng rất tồi tệ. Cuộc tấn công của các ông rất hiệu quả. Chúng tôi lợi dụng ưu thế địa hình tránh đụng độ, và tránh thương vong. Sở chỉ huy của tướng Mân hiện đang ở Plei The. Ông ấy phải chuyển gần hơn tới biên giới, tới phía nam của Chu Pong.”

Trung tướng Nguyễn Hữu An, giờ là giám đốc Học viện quân sự cao cấp, mùa thu 1965 là thượng tá, phó tư lệnh mặt trận B-3. Từ vị trí chỉ huy tiền phương gần địa điểm phục kích, ông đã chỉ huy cuộc phục kích quân VNCH giải cứu cho Pleime bị thất bại. Trong quá trình rút lui ông phải rút vị trí chỉ huy quay lại một điểm trên sườn dãy Chu Pong.

Trong hàng thập kỷ, hình ảnh những chỉ huy cao cấp của Bắc Việt có tính biểu tượng bí ẩn và xuất hiện như những cái bóng. Họ che dấu danh tính qua những cái bí danh dùng cho chiến tranh. Không có nhiều hiểu biết về họ từ xuất thân cho tới tiểu sử; thậm chí trong những hồ sơ mật của CIA hay Tình báo quân đội cũng không có nhiều thông tin. Tiểu sử của An là một người lính với hơn 40 năm quân ngũ, chủ yếu trên chiến trường trong 2 cuộc kháng chiến vĩ đại:

"Tôi sinh năm 1926 tại Hà Nội. Cha tôi là một kỹ sư làm việc trong sân bay Bạch Mai. Ông tham gia vào các hoạt động chống Pháp từ năm 1937 và bị người Pháp bỏ tù năm 1939. Vì vậy tôi có được sự ảnh hưởng từ cha tôi và đó là một đam mê của tôi từ thời trai trẻ. Khi Cách Mạng tháng 8 thành công năm 1945, tôi gia nhập quân đội. Cấp bậc đầu tiên của tôi là lính trơn. Sau đó tôi được cho đi học trường huấn luyện tiểu đội trưởng. Tôi cũng xin học trường chính trị và trở thành một chính trị viên đại đội. Vì vậy tôi đã trải qua hết các cấp bậc trong quân đội: hạ sĩ, trung sĩ, đại đội trưởng, tiểu đoàn trưởng. Tôi trở thành trung đoàn phó rồi trung đoàn trưởng ở Điện Biên Phủ. Trung đoàn của tôi chiến đấu trên đồi Eliane I (A1), ngay trên đầu hầm chỉ huy của Pháp, tướng Castries. Khi kháng chiến chống Pháp kết thúc tôi trở thành sĩ quan tham mưu sau đó là Sư đoàn trưởng. Tôi đã từng chỉ huy 4 sư đoàn khác nhau: 325, 1, 308, 1 sư đoàn rất nổi tiếng với lịch sử vẻ vang. Tôi nhận chức giám đốc học viện quân sự cao cấp này cách nay 4 năm. Trước đó tôi là giám đốc học viện quân sự trung cấp, nơi huấn luyện chỉ huy cấp trung đoàn. Tôi có 3 con, con gái tôi là một trung úy và nó cưới một trung úy. Con trai thứ của tôi là một kỹ sư. Thằng con trai khác của tôi là kiến trúc sư thiết kế công trình thủy. Tôi có 3 đứa cháu, toàn gái. Vợ tôi là giáo viên dạy hóa, đã về hưu".

Về chiến dịch Ia Drang, An nói: “khi chúng tôi tấn công trại Pleime, giai đoạn I, chúng tôi bao

vây, để nhử quân tiếp viện lên và tiêu diệt chúng. Mục đích của chúng tôi là buộc quân Sài Gòn ra ngoài vị trí. Chúng tôi có một lực lượng mạnh, nhưng không có ý định giải phóng đất đai. Chúng tôi muốn tiêu diệt sinh lực quân địch. Khi chúng tôi tiến hành chiến dịch này chúng tôi biết quân Mỹ đã vào VN. Chúng tôi tin rằng ở giai đoạn I nếu chúng tôi tấn công Pleime, quan VNCH sẽ tới và chúng tôi sẽ phục kích quân tiếp viện. Trong giai đoạn II chúng tôi tin rằng quân Mỹ sẽ tới và chúng tôi sẽ tấn công chúng. Chúng tôi cũng biết rằng người Mỹ có thể đổ quân sâu phía sau lưng chúng tôi. Vì vậy trong giai đoạn III chúng tôi phải sẵn sàng đánh quân Mỹ ngay trong hậu phương của chúng tôi. Chúng tôi lập một sở chỉ huy tiền phương gần nơi phục kích, do chính tôi, phó tư lệnh B-3 và thượng tá Vũ Đức Hiệp phó chính ủy mặt trận B-3 chỉ huy, bây giờ ông ấy cũng là một trung tướng. Chúng tôi chỉ có một nhóm lính hộ tống rất nhỏ chỉ vào khoảng 40 người. Một vài sỹ quan tình báo và tác chiến. Đó là một ban chỉ huy rất gọn và rất cơ động.

Đại tướng Chu Huy Mân nguyên chủ nhiệm tổng cục chính trị QĐND VN và gần đây vẫn còn là Ủy viên TW ĐCS, giờ đã bước vào tuổi 80. Ông mới chỉ nghỉ hưu năm 1990 với quân hàm Đại tướng, bậc hàm cao nhất trong quân đội VN, tương đương với tướng 5 sao trong quân đội Mỹ; chỉ có 5 người kể cả Đại tướng Võ Nguyên Giáp đến lúc này đạt được cấp bậc này. Câu chuyện của Mân: “Tôi gia nhập phong trào cách mạng năm 1930 ngay sau khi Đảng CS Đông Dương thành lập. Tôi bị Pháp bắt đi tù ở Kontum. Năm 1945, trong Cách mạng Mùa thu, tôi gia nhập quân đội và trở thành trung đoàn trưởng. Tôi chỉ huy một số trung đoàn và tham dự vào hầu hết các chiến dịch trong kháng chiến chống Pháp. Ở Điện Biên Phủ, tôi là chính ủy đại đoàn 316. Tướng Nguyễn Hữu An là một trong số trung đoàn trưởng của tôi tham gia đánh Điện Biên Phủ. Tôi vào Miền Nam năm 1964. Lúc đầu tôi ở đồng bằng miền trung VN sau đó di chuyển lên Cao nguyên trung phần vào năm 1965.”

Tướng Mân nói sự có mặt của quân chiến đấu Mỹ ở Nam VN, đặc biệt là sư đoàn kỵ binh bay, đã buộc phải thay đổi kế hoạch tác chiến thu đông ban đầu được đề ra sớm vào tháng 6-1965: “Chúng tôi sử dụng kế hoạch mới dự hồ ra khỏi rừng. Trước tiên chúng tôi tấn công Pleime, sau đó là quân tăng viện VNCH rơi vào ổ phục kích. Sau đó, tôi tin chắc rằng quân Mỹ sử dụng trực thăng đổ quân vào phía sau chúng tôi, vùng Ia Drang. Đó là kế hoạch của chúng tôi nhằm kéo quân Mỹ ra khỏi An Khê. Chúng tôi không có dự định giải phóng đất đai; chỉ có mục tiêu là tiêu diệt quân thù.” Mân nói ông đã dùng 5 tiểu đoàn cho giai đoạn I - một tấn công và bao vây Pleime, 4 chuẩn bị phục kích trên đường số 5 - trong khi một tiểu đoàn thứ 6 được dùng làm dự bị. “Chúng tôi không đủ quân” Mân giải thích cho sự thất bại của cuộc phục kích.

Tính chất của chiến dịch thay đổi hoàn toàn khi quân Bắc Việt bãi bỏ cuộc tấn công vào Pleime và bỏ dở nỗ lực phục kích. Tướng Mân ra lệnh cho trung đoàn 320 và 33 rút về vùng căn cứ Chu Pong để nghỉ ngơi và tái tổ chức. Trung đoàn 320 giữ một vị trí dọc theo biên giới CPC phía nam dãy Chu Pong, thực tế là nơi không thể đụng tới [với quân Mỹ], nhưng trung đoàn kém may mắn 33, dù đã chịu thương vong nặng nề và hiện kém sức chiến đấu lại phải chịu những cú đánh bồi thêm không thương xót của lính kỵ binh bay Lữ đoàn một trên đường rút lui về phía tây.

Những tài liệu thu được và việc thẩm vấn tù binh cho thấy lúc về tới căn cứ Chu Pong trung đoàn 33 Bắc Việt báo cáo khoảng 40% sỹ quan và binh lính đã bị giết trong đó có 2 trên 3 tiểu đoàn trưởng. Trung đoàn 33 mất toàn bộ 18 khẩu 12ly7 bắn máy bay và 1 khẩu cối 81, và tiểu đoàn một trung đoàn 33, tiểu đoàn đã bao vây Pleime chỉ còn sức chiến đấu bằng một đại đội. Tướng Mân nói rằng trung đoàn 33 được bổ sung một vài quân và hồi phục thành đoàn quân với khoảng 900 người khi nó về tới căn cứ. Nhưng hy vọng và kế hoạch của vị tướng bây giờ dồn vào trung đoàn 66 mới tới, nó không tham gia cuộc tấn công Pleime. Ba trung đoàn của tướng Mân đang tái tổ chức trong vùng căn cứ Ia Drang - Chu Pong. Vùng này đã trở thành căn cứ vững chắc của Việt Minh trong suốt cuộc kháng chiến dài với người Pháp. Những người kế thừa Việt Minh, Việt Cộng, rất ít khi sử dụng Ia Drang là nơi trú náu trong những năm qua từ 1954. Tướng Mân không thể nghĩ ra một nơi lý tưởng hơn để lập căn cứ bí mật và vùng chuyển tiếp cho chiến dịch 1965-1966. Nó có nguồn nước phong phú cho nấu nướng, tắm giặt và chăm sóc thương binh. Nó có những hẻm núi sâu được che phủ bởi nhiều cây cối và những thung lũng được bao bọc bởi rừng nhiệt đới rậm rạp thật lý tưởng để làm doanh trại, dựng bệnh viện, và dự trữ lương thực. Dưới tấm màn rừng rậm là những bãi huấn luyện tuyệt vời và những đường mòn trên đó quân lính có thể di chuyển mà không sợ bị phát hiện từ trên không. Trên hết thung lũng Ia Drang là nơi thuận tiện để lập căn cứ bất khả xâm phạm dọc theo biên giới CPC.

Các dân công Bắc Việt đã vận chuyển, trên những chiếc xe đạp được gia cố thành xe thồ và trên lưng ngựa một số lượng khổng lồ gạo, lạc, và muối cùng với những can dầu nấu ăn lớn, để cung cấp cho binh sỹ. Những người khác thì chở hàng tấn vũ khí, đạn dược, điện thoại chiến trường EE-8, dây điện thoại WD30. Một điểm hậu cần khổng lồ của Bắc Việt trải rộng 1 dặm vuông dọc theo Ia Drang. Chỉ cách không quá 3 dặm về phía bắc một bãi trống lớn dưới chân núi Chu Pong.

Trung đoàn 66 của mặt trận B-3 gồm các tiểu đoàn 7, 8, 9, mỗi tiểu đoàn có hoặc gần có đủ sức mạnh với 40 sỹ quan và 515 lính. Vẫn còn trên đường mòn và dự trữ sẽ tới vào khoảng giữa tháng 1 là tiểu đoàn súng cối 120mm và một tiểu đoàn súng máy 12ly7 chống máy bay rất cần thiết. Tướng Mân cũng có thể huy động tiểu đoàn chủ lực địa phương H-15, 600 người, cho nhiệm vụ vận chuyển, liên lạc, và chiến đấu.

Tháng 10 và đầu tháng 1 không phải là thời gian tốt nhất cho tướng Mân. Nếu kế hoạch cũ chiếm Pleyku và tấn công dọc đường 19 xuống vùng ven biển đã bị bãi bỏ do lệnh của Hà Nội, và kế hoạch mới tập trung vào việc tìm hiểu cách đánh bại quân chiến đấu Mỹ, những bài học phải trả giá rất đắt. Trò chơi giữa cáo và chó săn, do phi đội 1 thuộc phi đoàn 9 của John B. Stockton thủ vai, kết thúc với phần thắng của chó săn.

Nhưng tướng Mân dường như đã nhận được những gì mà ông ấy nói ông ấy muốn: Một cuộc đụng độ với một tiểu đoàn kỵ binh bay Mĩ ngay tại sân sau của mình. Và địch quân ở đâu khi tiểu đoàn một kỵ binh số 7 đến đáp lại lời thách đấu? Thật gần một cách bất tiện. Theo lời của Mân, An, và Phương hầu hết trung đoàn 33 đang nằm rải rác trên một quãng dài 2 dặm dọc theo bờ mặt phía tây của dãy Chu Pong. Tiểu đoàn 9, trung đoàn 66 ở cách 500m về phía nam

và tây của một bãi trống lớn dưới chân núi Chu Pong. Tiểu đoàn 7, trung đoàn 66 đang ở trên triền núi ngay trên bãi trống đó, không xa hơn 90 phút đi bộ. Tiểu đoàn 8, trung đoàn 66 vẫn còn cách nửa ngày đường về hướng đông bắc dọc theo Ia Drang. Tiểu đoàn H-15 Việt Cộng cách khoảng 8 giờ đi bộ. Trung đoàn 320 ở cách đó 10 dặm về phía tây bắc trên biên giới CPC.

Tướng An nói: “khi các ông đổ bộ xuống đây, các ông nhảy xuống ngay giữa 3 tiểu đoàn của trung đoàn 66, lực lượng dự bị của chúng tôi. Đây là quân mạnh nhất mà chúng tôi có. Sức mạnh đầy đủ của mỗi tiểu đoàn khi có đủ 450 người, cùng với trung đoàn bộ có sức mạnh tương đương một tiểu đoàn. Lực lượng toàn bộ của trung đoàn vào khoảng 1600 người.”

Tới lúc cần phải lập một tên mật mã, để hiệu chỉnh bản đồ và thông tin liên lạc, cho bãi trống trên, mà cuối cùng chúng tôi chọn làm bãi đáp cho cuộc đổ bộ xuống chân núi Chu Pong, đại úy Dillon, sĩ quan hành quân của tôi, đã được vinh dự thực hiện. Anh thường chọn những từ ngắn - tên của con thú hoặc chim chóc; một chữ số; một chữ cái Alphabet như được hướng dẫn trong hệ thống ngữ âm NATO. Hôm đó anh ta chọn chữ “X” - hay “X-Ray”, trong bảng chữ cái của NATO. Bắc Việt năm 1965 đó cũng chọn mật mã, để mã hóa trung đoàn của mình. Tướng An nói rằng mật mã của trung đoàn 66 là “X.”

Vậy là sân khấu đã kéo màn.

## PHẦN II - X-RAY

### 5/ BAY VÀO THUNG LŨNG

*The great joy of the Cavalry was to be so far away, out in the clear air, the open spaces, away from those damned councils. Buford...felt the beautiful absence of a commander, a silence above him, a windy freedom.*

*-Michael, Shaara, The Killer Angels*

Thượng sỹ Plumley và tôi lăn ra khỏi túi ponchos trong ngôi trại cũ kỹ của người Pháp bên ngoài lớp hàng rào thép gai của trại lực lượng đặc biệt Pleime. Bây giờ là 4g30 sáng chủ nhật, ngày 14-11, và tiểu đoàn một kỵ binh 7 có việc làm ngày hôm nay. Chúng tôi quay vào lều hành quân, trong đêm không có thay đổi cho những mệnh lệnh trước đó. Nhưng sau một ly cà phê, Matt Dillon chuyển tới một thông tin thú vị rằng đơn vị dò tìm sóng radio phối thuộc cho sở chỉ huy chúng tôi đã đến. Dillon nói: “Họ chặn được một bản tin được mã hoá nói bằng tiếng Quan thoại, giống như một bản báo cáo tình huống, từ một nơi nào đó trên trục đường từ trại Pleime thẳng tới bãi trống dưới chân núi Chu Pong. Viên trung úy tình báo với một tấm bản đồ kẻ 1 đường thẳng. Anh nói máy điện đài ở đâu đó trên đường thẳng này. Tôi không nhớ bản tin dài bao lâu, nó không làm phiền tới tôi. Điều quan trọng là cái hướng mà nó tới. Trung úy nói anh ta nghĩ rằng có thể có một trung đoàn Bắc Việt ở đâu đó ngoài kia gần núi Chu Pong.”

Plumley và tôi cạo râu và ăn sáng bằng khẩu phần C và uống một chút cà phê đen. Sau đó tôi

chuẩn bị ba-lô và đạn dược sẵn sàng, và lau sạch khẩu M-16 cùng khẩu colt 45. Buổi sáng đó Pleime trời lạnh và trong lành với vài đám sương mù dưới gót chân. Lúc này là giữa mùa khô và mặt trời vừa mới ngoi lên trên đường chân trời báo hiệu một ngày thật nóng.

John Herren và đại đội của anh đang bay tới tù sở chỉ huy lữ đoàn trên những chiếc Chinook. Tôi bước ra ngoài đường băng bụi mịt mờ để gặp anh và nhóm trinh sát trên không. Những chiếc Chinook này khi chờ đại đội Bravo xong, sẽ chở những khẩu pháo lớn của khẩu đội Alpha, tiểu đoàn 1, pháo binh 2 tới bãi Falcon nơi họ có thể yểm trợ chúng tôi sâu hơn vào trong thung lũng. Quân của Herren kéo tới nghỉ ngơi trên những bãi đất phía nam đường băng. Họ cần thời gian để ăn, hứng đầy nước, kiểm tra và làm sạch vũ khí. Thật không may, họ không thật tỉnh táo như cần thiết. Lữ đoàn đã đặt họ vào tình trạng báo động 100% suốt đêm qua.

Tôi bước tới chiếc Huey của Bruce Crandall và nhanh chóng hội ý những người đi cùng tôi trên chuyến bay trinh sát trên khu vực thung lũng Ia Drang. Đại tá Tim Brown đã nói một cách tổng quát nơi ông ấy muốn chúng tôi phải hoạt động ngay sau khi đổ bộ, nhưng bây giờ chúng tôi phải chọn được một bãi đáp tốt nhất có thể, để có thể đậu được cùng một lúc tối đa số 16 chiếc Huey của chúng tôi.

Tất cả chúng tôi đều không muốn bay trinh sát một chút nào, chúng tôi không muốn đánh động quân địch trong vùng và có thể báo động cho chúng về một cuộc tấn công sắp xảy ra. Nhưng chúng tôi không thể lựa chọn bãi đáp đơn giản bằng một bản đồ tỷ lệ 1/50,000, chúng tôi phải bay thám sát trên vùng đổ quân. Chúng tôi giảm thiểu khả năng bị phát hiện bằng cách bay thật cao, khoảng 1500 mét, và vượt qua phía đông nam núi Chu Pong theo đường bay thẳng thông thường tới vùng căn cứ trại lực lượng đặc biệt Đức Cơ. Sau khi bay vòng quanh trại khoảng 5 phút chúng tôi sẽ quay lại theo một đường khác. Chúng tôi hy vọng rằng nếu có chỉ huy nào của địch quân thấy được 2 chiếc trực thăng chở quân và 2 chiếc trực thăng vũ trang này sẽ nghĩ chúng đang bay đi đâu đó làm nhiệm vụ ở nơi khác. Với ống nhòm chúng tôi sẽ tìm bãi đáp có ít chướng ngại nhất và có không gian rộng nhất.

Chuyến bay tiến hành tuyệt như kế hoạch. Chúng tôi không bị bắn và không thấy bất kỳ một địch quân nào; trong lúc bay về chúng tôi nhanh chóng quyết định 3 bãi đáp có thể chọn: X-Ray, Tango, và Yankee. Thiếu tá Henri (Pete) Mallet, sĩ quan hành quân của Lữ đoàn 3 bay tới với một mẫu giấy ghi lệnh của Đại tá Brown. Một trong những bãi đáp mà chúng tôi chọn, Yankee ở cách khoảng một dặm về phía nam của vùng chỉ định hoạt động. Mặt đất hơi dốc nhưng có thể nhận được 6 hoặc 8 chiếc Huey. Tango ở giữa thung lũng gần với Ia Drang hơn chỉ cách khoảng một dặm, điều này rất tốt, nhưng nó quá nhỏ chỉ có thể bố trí từ 2 tới 3 chiếc Huey một lần, tệ hơn nữa nó như một cái giếng, bao quanh bởi những cây cổ thụ rất to. Những phi công rất ghét những cái giếng. Để hạ cánh, họ phải bay chậm gần như lơ lửng, sau đó rơi xuống cái giếng đó. Những chiếc trực thăng đang lơ lửng là những miếng mồi ngon. Chúng tôi gạch bỏ Tango. Còn lại X-Ray. Nó bằng phẳng; cây cối xung quanh không phải tất cả đều cao; và nó dường như có thể nhận được tới 8 chiếc Huey đáp cùng một lúc.

Tôi nói với nhóm chỉ huy rằng tôi đã nhắm chọn X-Ray trước nhưng muốn có thêm nhiều

thông tin hơn. Bất liên lạc với đại úy Rickard, chỉ huy phi đội một trực thăng scout (2 chỗ), kỵ binh số 9, tôi yêu cầu anh dùng chiếc trực thăng quan sát H-13 nhỏ bé của mình làm một chuyến bay nhanh tới khu vực mục tiêu để lấy thêm thông tin về X-Ray, Yankee và vùng xung quanh.

Lúc này tất cả các chỉ huy đại đội đã tập trung ở sở chỉ huy tiểu đoàn. Trong lúc đợi những chiếc Scout quay về với những thông tin mới, tôi yêu cầu các đại đội trưởng phải chắc chắn rằng lính của họ phải mang ít nhất cơ số đạn tối thiểu là 300 viên, 2 dây lựu đạn cùng với số quân trang mà anh cảm thấy có thể đem theo được. Mỗi xạ thủ M-79 cần đem ít nhất 36 trái đạn 40mm tròn. Mỗi tiểu đội phải mang theo 2 trái rocket LAW (light antitank weapon) mới, dùng để phá boong ke và kèm theo khẩu đội súng máy. Tôi nhắc nhở các đại đội trưởng phải theo sát các đơn vị, chờ tới lượt họ để được chở tới bãi đáp, phải luôn mở làn sóng chỉ huy lắng nghe những gì đang xảy ra để không mù mờ về những gì bên dưới X-Ray cho tới khi họ đáp được xuống đất.

Lúc này những phi công Scout đã quay về và báo cáo. Yankee có thể dùng được nhưng nó sẽ có rủi ro vì nó được bao bọc bởi những gốc cây cổ thụ. X-Ray hoàn toàn có thể tiếp nhận 8 tới 10 chiếc Huey một lần. Cuối cùng họ nói đã phát hiện 1 đường dây điện trần - một đường dây điện thoại - chạy từ đông sang tây trên một đường mòn phía bắc X-Ray. Điều này củng cố thêm quyết tâm chọn X-Ray bởi vì nó cho thấy bằng chứng rõ ràng về sự hiện diện của quân địch ngay trong vùng. X-Ray sẽ là bãi đổ bộ chính, Tango và Yankee là những giải pháp dự bị.

Vào lúc 8g50 sáng, tại góc trái của trại Pleime tôi ra lệnh cho những chỉ huy đại đội, sĩ quan liên lạc, phi công, và ban tham mưu: Tấn công xuống bãi X-Ray để tìm và diệt quân địch. Đại đội Bravo đổ bộ đầu tiên cùng với nhóm chỉ huy của tôi, tiếp đó là Alpha, tới Charlie, và tới đại đội Delta. Bravo và Alpha sẽ di chuyển theo hướng tây bắc theo hướng của tôi. Đại đội Charlie sẽ di chuyển hướng tây nam thẳng tới ngọn núi cũng theo hướng của tôi. Đại đội Delta sẽ sử dụng tất cả súng cối. Các trung đội trinh sát và súng máy là lực lượng dự bị của tiểu đoàn. Pháo binh sẽ bắn 8 phút vào Yankee và Tango để nghi binh, sau đó là 20 phút bắn chuẩn bị vào X-Ray và vùng lân cận. 30 giây cho máy bay phóng rocket và 30 giây cho trực thăng vũ trang sẽ bắn dọn đường theo sau. Sở chỉ huy hậu quân [sở chỉ huy cơ bản] được chỉ huy bởi sĩ quan điều hành của tôi, thiếu tá Herman Wirth, cùng với điểm hậu cần và trạm quân y được chuyển tới bãi Falcon nơi có 2 khẩu đội pháo 105 ở đó.

Đại tá Brown tới, tôi trình bày kế hoạch. Ông đồng ý với mọi thứ, kể cả việc lựa chọn X-Ray là bãi đáp cho cuộc tấn công. Ông nói chuyện ít phút với một vài sĩ quan và binh lính. Sau đó, ngay trước khi ông rời đi, ông đã làm một việc rất khác bình thường. Matt Dillon nói: “Đại tá Brown gọi Moore và tôi tới. Ông nói với chúng tôi: “Tôi muốn hai anh đặc biệt chú ý tới cuộc hành quân này”. Trông ông ấy rất nghiêm trang. Khi chúng tôi đi cùng với Brown ra trực thăng ông lặp lại lời chỉ dẫn: “Luôn tập trung” và “Đừng để các đại đội của anh tách rời nhau”. Vào lúc 9g15 2 khẩu đội pháo báo cáo họ sắp vào vị trí và sẽ sẵn sàng nhả đạn sớm. Tôi đặt thời điểm nhảy xuống là 10g30. Các chỉ huy trở về đại đội của mình, ban tham mưu quay về sở chỉ huy. Các phi hành đoàn trực thăng đang nhận chỉ thị từ phi công của họ.

Sau đó chúng tôi nhận được tin báo vì di chuyển bị chậm trễ, pháo binh vẫn chưa vào vị trí tại bãi Falcon và không thể bắn chuẩn bị vào các mục tiêu ở Ia Drang trước 10g17. Theo đó giờ H cũng bị lùi lại, và lệnh cũng đã truyền xuống tất cả các đơn vị liên quan. Dillon bay trên chiếc trực thăng chỉ huy của tiểu đoàn cùng với nhóm yểm trợ hỏa lực và nhóm điều phối trực thăng. Bruce Crandall và tôi đứng cạnh trực thăng của anh và thảo luận những chi tiết cuối cùng. Thời gian bay từ điểm bốc quan tại Pleime tới điểm đổ bộ ở X-Ray được tính toán. Phi công phụ của Crandall, đại úy Jon Mills, 25 tuổi người vùng kênh đào Panama, tính toán vài phút và nhìn lên nói: “13 phút 50 giây”. Tôi cá với anh ta một ly bia là anh ta không thể bay nhanh như vậy được. Anh chấp nhận cược, và 3 ngày sau anh nhận ly bia thắng cược tại Trại Holloway, gần Pleiku.

Chúng tôi lên máy bay, Crandall và Mill làm công việc chuẩn bị bay. Sau đó Crandall khởi động động cơ và châm một điều xì gà to tướng. Chúng tôi bị bao phủ bởi một lớp bụi đỏ đặc quánh khi tất cả 16 chiếc Huey nổ máy xếp hàng chờ tới lượt cất cánh. Crandall, ngồi ghế bên trái, quay lại. Tôi giơ ngón tay cái lên báo hiệu mọi thứ đều ổn. Anh ta kéo cần lái và cất cánh, chúng tôi đang chuẩn bị lao tới X-Ray.

Chúng tôi bay qua một vùng đất bằng rộng bao la có những gò đất nhỏ được điểm chấm bằng những cây cao từ 10 tới 15 mét, xen kẽ vào đó là rải rác những bãi nương rẫy của người Thượng, những dòng suối uốn lượn, và những rãnh cạn nước. Chúng tôi không thấy một bản làng nào cũng không thấy một bóng người quanh đó. Hôm nay là chủ nhật nhưng tôi không hề nhận ra điều đó: ở đây chúng tôi không chú ý tới ngày tháng. Trên chiến trường VN tất cả mọi ngày đều giống nhau: nắng và ướt, hoặc nắng và khô, nhưng luôn luôn nguy hiểm. Lúc này ở Columbus, Georgia, là đêm thứ 7. Vợ tôi chắc đã cho đám trẻ đi ngủ và đang xem bản tin buổi tối. Bộ trưởng quốc phòng McNamara công bố kế hoạch giải tán các đơn vị dự bị Lục quân, bao gồm 6 sư đoàn quân dự bị. Chiếc tàu khách sang trọng Yarmouth Castle bị cháy và đắm xuống biển, 91 hành khách mất tích. Tờ New York Times giật tít: Washington: War on the installment plan, một bài báo của James Reston. Joe Natmath, người được trả một khoản thưởng không thể tưởng tượng nổi 400,000 USD cho việc ký hợp đồng với New York Jets, đang có một mùa bóng tuyệt vời đầu tiên ở giải bóng đá nhà nghề Mỹ.

Cánh cửa dành cho phi hành đoàn ở phía sau của chiếc Huey mở toang. Chúng tôi bay ở độ cao 650 mét để giảm thiểu khả năng bị bắn bởi vũ khí hạng nhẹ, bởi lúc này chúng tôi đang bay một khoảng 14.3 dặm trong vùng địch kiểm soát. Chúng tôi chia ra làm 4 nhóm, mỗi nhóm 4 chiếc Huey. Mỗi nhóm bay theo đội hình nặng về phía trái và có 4 chiếc trực thăng vũ trang bảo vệ 2 bên sườn chúng tôi, 2 chiếc mỗi bên bay trước chúng tôi không xa. Đại úy John Herren, nhớ lại: “Đó là một buổi sáng lạnh và có sương mù bao quanh khi chúng tôi cất cánh, nhưng khi lên cao một ít phút sau trời quang đãng và có thể thấy pháo 105mm đang giã vào khu vực xung quanh bãi đáp chúng tôi phải đổ xuống. Việt Nam ngay cả trong chiến tranh, rất gợi sức với những rừng cây xanh, những dãy núi cây cối bao phủ rậm rạp, và những con sông hoang dã chảy uốn lượn khắp vùng.”

Cách X-Ray khoảng 4 dặm, Bruce Crandall ra hiệu, và các phi công hạ thấp độ cao xuống, bằng với các ngọn cây để bay kiểu nap-on-the-earth trong đoạn cuối cùng. Những con chim nháo nhác khi chúng tôi lướt vèo vèo ở tốc độ 110 dặm/giờ ồn ào ngay trên tổ của chúng. Lệnh tập trung cao đến từ trực thăng chỉ huy, Matt Dillon đang cho bắn hoả lực chuẩn bị: “Thời điểm khó khăn nhất của bất kỳ cuộc hành quân nào là lúc đổ bộ từ trên không xuống. Chúng ta phải tính toán thời gian của máy bay và pháo binh thật khớp. Những chiếc Huey có một phút ngay sau viên đạn pháo cuối cùng để đến đúng vị trí nếu không nó ăn đạn khi hạ cánh. Chúng như là tình nhân của nhau, bởi vì nếu pháo binh ngừng quá sớm quân địch có thể ngóc đầu dậy và chờ những chiếc máy bay trở tới. Thời gian là yếu tố sống chết ở đây.”

Lúc này chúng tôi còn cách 2 phút bay và có thể thấy khói và bụi bay xung quanh bãi trống. Người ta giảm thiểu hướng pháo bắn vào bãi trống; nếu ở đó có quân địch họ sẽ không ở trên bãi trống mà ở những điểm được nguy trang xung quanh rìa của nó. Tới lượt những chiếc trực thăng vũ trang phóng rocket (ARA), chúng ngốn hết chu vi đó bằng rocket, lựu đạn, súng máy, chúng bắn khoảng 24 trên tổng số 48 rocket mà mỗi chiếc mang theo. Họ giữ lại một nửa phòng trường hợp chúng tôi cần yểm trợ khi chúng tôi đã ở dưới đất. Khi những chiếc ARA lượn vòng qua bên sườn để chờ đợi gần đó, 4 chiếc vũ trang hộ tống bỏ chúng tôi lại và xông tới tiếp tục xả đạn để ngăn quân địch ngóc đầu dậy khi chúng tôi sà xuống đất.

Thiếu tá Bruce Crandall nhớ lại: “Chúng tôi bay thấp và tới đúng lúc tại điểm thả quân trong bãi đáp. Bãi đáp không thật trống trải như chúng tôi thích, chúng tôi đưa máy bay vào đúng chỗ mà không gặp một trở ngại thật sự nào. một chuyển động duy nhất mà chúng tôi phát hiện được trong bãi đáp là thứ gì đó giống như một con chó chạy nhোঙ vào một bụi rậm ở phía xa. Nó có thể là một lính địch.” Bây giờ những khẩu súng máy hai bên hông của những chiếc Huey chĩa quân bắn xối xả vào những hàng cây khi chúng tôi nhảy xuống bãi đáp. Tôi tháo dây đai an toàn, đặt chế độ tự động hoàn toàn cho khẩu M-16- rock’n’roll – và bắn hàng băng đạn vào những bụi cây phía bên trái, hướng về phía ngọn núi, là lúc Crandall in hot and flared [phi công nâng đầu và hạ đuôi trực thăng giảm đột ngột tốc độ trước khi hạ cánh] trên đầu những ngọn cỏ voi cao tới 1,5 mét. Khi những thanh đỡ chạm mặt đất tôi hô, “tiến lên!” và nhảy ra, chạy tới một cái cây nằm trên sườn phía tây của bãi trống, xả đạn rào rào.

Giờ là 10g48, thượng sĩ Plumley, đại úy Metsker, Bob Ouellette, và Nik, người thông dịch, ở ngay phía sau tôi. Herren và lính của mình đang nhảy ra khỏi trục thăng, trông giống như một buổi trình diễn thời trang. Không quá 10 giây 8 chiếc trục thăng đầu của Crandall đã bay ngược lên cao, giữ sườn phải. Tám chiếc trục thăng đợt thứ 2 sà xuống thả quân.

Tôi dẫn đầu nhóm chỉ huy chạy vượt qua một vùng đất thoáng khoảng 25m, rồi vượt qua một khoảng đất sâu - một lòng suối cạn rộng khoảng 3 mét - và tiếp tục chạy khoảng 70 mét nữa tới một bụi rậm lớn. Chúng tôi dừng lại nạp đạn mới. Cho tới lúc này chúng tôi vẫn chưa vấp phải một sự chống đối nào. Chúng tôi ở trong một vùng có những cây gỗ lưa thưa, những cây cao khẳng khiu từ 7 tới 16 mét và giữa chúng là những đám cỏ voi khô màu nâu. Vùng này lấm chấm những lớp bụi đỏ, hầu hết những bụi rậm và đám cỏ leo trên những gò mồi cao. Những gò mồi này có kích cỡ từ bằng một chiếc xe hơi nhỏ đến một chiếc bán tải loại lớn [pick up], nó cung cấp một chỗ nấp và nguy trang tuyệt vời. Thung lũng thật hẻo lánh không có dân cư hay mái nhà nào, cách nơi đây 10 dặm về phía tây là điểm rẽ trái vào Nam Việt Nam từ CPC của đường mòn Hồ Chí Minh.

Những rặng núi mặt tây của dãy Chu Pong, được che phủ bởi rừng cây rậm rạp, dốc ngược và tối thui, cao hơn bãi trống khoảng 300 mét. Những triền núi thấp hơn bị bao phủ bởi những cây đại rậm lá màu xanh, cỏ voi và những bụi cây rậm rạp có gai. Những khe nước khô cùng với những rãnh ngoằn ngoèo của nó xuất phát từ chân núi uốn lượn trên mặt đất kéo tới chỗ có cây gỗ và lòng suối cạn nơi chúng tôi đang đứng. Rất nhiều chỗ cho người ta ẩn nấp. Lòng suối cạn nằm ngay phía trong rìa phía tây của bãi trống là đường tiếp cận lý tưởng cho quân địch tiến vào từ phía dãy núi hoặc từ thung lũng cũng lý tưởng cho chúng tôi đi ra các hướng đó. Lòng suối cạn này là yếu tố tối quan trọng.

Quay trở lại bãi trống chúng tôi đụng một vài lính của đại đội Bravo chỉ huy bởi trung sỹ Larry Gilreath đang di chuyển tới các bụi cây. Gilreath la lên: "Nhóm của Moore đã làm sạch chỗ này rồi" - Plumley nghe rồi cười. Anh biết rằng đám lính thích Ông Già (chỉ Plumley) đi đánh đám với họ cùng chia sẻ rủi ro. Gilreath và lính tiến sâu hơn vào những bụi cây trên hướng tây. Plumley và tôi vượt lòng suối cạn trở lại và thăm dò xung quanh bãi trống, kiểm tra địa hình và các chốt tuần tra. Lính của Herren đang triển khai. Vẫn chưa gặp địch quân, tôi rất mừng vì điều đó. Chúng tôi không muốn đánh nhau trước khi toàn tiểu đoàn đáp xuống bãi trống.

Bãi trống dài khoảng 90 mét, từ đông sang tây, và có hình cái phễu với miệng phễu rộng khoảng 80 mét nằm trên rìa phía tây ngay gần lòng suối cạn. Đáy phễu rộng 40 mét vắt qua rìa đông của bãi trống. Ở trung tâm của bãi trống là một vòng nhỏ các cây gỗ khẳng khiu quây lại thành một vòng rộng khoảng nửa sân tennis. Nói chung không gian bằng phẳng của X-Ray không rộng hơn một sân bóng đá kiểu Mỹ.

Tôi dừng lại và nhìn lên những triền dốc cao của ngọn núi. Tôi có linh cảm mạnh mẽ rằng chúng tôi đang nằm dưới sự quan sát trực tiếp của quân địch. Vấn đề là ở chỗ, cho tới giờ mọi việc vẫn tiến triển rất tốt đẹp, làm tôi bối rối. Mọi thứ đều ổn ngoại trừ việc mọi thứ đều ổn [Nothing was wrong except that nothing was wrong]. Tôi tiếp tục quan sát. Không có những

dòng suối cạn ở phía bắc, phía đông, hay phía nam. Rìa phía nam của bãi trống là chỗ gần chân núi nhất, những chân núi và những nhánh của nó trồi lên trên vùng đất cao. Địa hình phía bắc và phía đông tương đối bằng phẳng. Tôi vẫn tiếp tục hướng sự chú ý của mình về phía tây và nam.

Tôi phải làm hai việc lúc này. Tôi ra lệnh cho trung đội một của Herren gia tăng thăm dò phía tây của lòng suối cạn và kiểm tra để đảm bảo tất cả phần còn lại của đại đội Bravo phải tập trung bên những hang cây gần lòng suối cạn để sẵn sàng hành động. Lính của Herren đã đáp xuống gần hết số ít còn lại bay ở chuyển sau.

Bãi trống này là bãi duy nhất giữa Ia Drang và Chu Pong thích hợp để đáp trực thăng xuống trong khoảng cách 2 dặm từ đông sang tây. Cuộc đổ bộ của chúng tôi cho tới lúc này có thể nói đã dành được sự bất ngờ hoàn toàn. Quân địch đã không chờ chúng tôi ở bên rìa của bãi trống. Nhưng chúng tôi đã bị phát hiện khi đang đổ quân và quân Bắc Việt chắc đang di chuyển tới hướng chúng tôi đứng.

Chỉ huy chiến trường của QĐND, sau này là Thượng tướng Nguyễn Hữu An nói, “Khi các ông đang đổ quân xuống X-Ray, thì tôi đang ở núi Chu Pong. Chúng tôi có một vị trí rất vững chãi và một ban chỉ huy mạnh và cơ động. Chúng tôi đã sẵn sàng, đã chuẩn bị để đón tiếp các ông và mong chờ các ông tới. Câu hỏi duy nhất là “khi nào?”. Cây cao và bụi rậm hạn chế tầm nhìn của chúng tôi khi trực thăng đang hạ cánh, nhưng chúng tôi có những đài quan sát trên đỉnh núi và họ đã báo cho chúng tôi khi các ông đổ quân và khi các ông điều chuyển lính.”

Trí nhớ của trung sĩ Larry Gilreath về buổi sáng hôm đó vẫn còn nguyên vẹn: “Trung đội một được lệnh tiến thẳng lên phía trước khoảng 130 mét từ chỗ nhảy ra khỏi trực thăng. Và từ chỗ đó mỗi tiểu đội điều 2 hay 3 người đi ra xa thêm nữa theo tất cả các hướng. Trung sĩ John W. Mingo ở tiểu đội một cùng với 2 người khác đi thẳng tới và chẳng lâu sau anh ta tìm thấy một ‘cậu bé’ đang trốn quanh đó. Khi Mingo đem cậu ta lại, cậu nói chính xác của tôi lúc đó là: “Thằng nhóc hả? Quỷ tha ma bắt! Đó không phải là một thằng bé đâu”. Mingo và nhóm trinh sát chỉ cho người lính ngồi xuống đất; bất thành linh hấn ta đứng dậy và chạy. Sau một cuộc truy đuổi ngắn zic zac qua các bụi cây. Trung sĩ ngáng hấn ta ngã và bắt làm tù binh. Herren báo sự việc cho tôi. Tôi rất hài lòng việc trung đội một bắt sống được hấn ta, và không bất ngờ việc Mingo là người tóm được hấn. Mingo là một cựu Biệt động quân của chiến tranh Triều Tiên anh ta biết rất rõ giá trị của 1 tù binh còn sống kể sẽ cung cấp những thông tin.

Giờ là 11g30, ngay khi đó, 16 chiếc trực thăng của Crandall trở lại đem tới phần còn lại của đại đội Bravo và trung đội 3 của đại đội Alpha cộng với nhóm chỉ huy đại đội của đại úy Tony Nadal. Họ chạy tới những bụi cây nằm trên rìa phía bắc của bãi trống, gần với lòng suối cạn. Tình hình vẫn yên ắng, chưa có gì xảy ra, vì vậy hầu hết binh lính xé khẩu phần C ra và ăn trưa nhanh chóng. Tôi đang trên đường đi ra để tra hỏi tù binh và vẫn chưa gặp được Nadal để chỉ dẫn bất cứ điều gì. Chúng tôi đã ở X-Ray được 32 phút và mọi chuyện sắp xảy ra.

John Herren để số còn lại vừa tới sau của đại đội ở vòng cây cùng với viên sĩ quan điều hành

của của anh, thiếu úy Ken Duncan và anh đi nhập với nhóm của tôi khi chúng tôi chạy qua dòng suối cạn để tới chỗ bụi cây nơi mà người của Gilreath đang giữ tù binh. Hắn ta chẳng mang lại gì nhiều, nhưng đây là tù binh đầu tiên mà tiểu đoàn bắt được ở Việt Nam: cao khoảng 1m65, trạc 20 tuổi, gày gò, đôi mắt đờ đẫn, run rẩy vì sợ hãi. Hắn ta không có vũ khí và đi chân đất; mặc một chiếc áo ka ki bẩn thỉu bỏ lửng thùng bên ngoài quần kaki của hắn. Có một số hiệu trên một bên cầu vai áo. Hắn mang một bi-đông nước nhưng đã hết nước. Hắn không có giấy tờ, không thức ăn, không đạn dược.

Khi chúng tôi bắt được tù binh trên chiến trường Triều Tiên chúng tôi không chú ý vào những cuộc thẩm vấn dài dòng. Không có thời gian cho chuyện đó. Tất cả những gì chúng tôi muốn biết là “Các anh có bao nhiêu người?” và “Các anh ở đâu?”. Mặt của Nik dần dần trở nên lo sợ khi ông run run dịch lại lời của tên tù binh: “Anh ta nói có 3 tiểu đoàn trên núi đang rất nóng lòng giết quân Mỹ nhưng vẫn chưa gặp được một người Mỹ nào”. Điều người tù binh nói thật khớp với những gì bên tình báo đã nói với tôi về cái ngôi sao màu đỏ trên bản đồ trong sở chỉ huy sư đoàn. Tôi vẫn còn chưa biết người lính kia đang làm gì ngoài đó khi không có lương thực, nước uống hay một vũ khí nhưng anh ta là một món quà của Chúa.

Ba tiểu đoàn quân địch cộng lại hơn 1600 lính chống lại hơn 160 người Mỹ hiện đang ở trên khoảnh đất này. Tôi quay lại John Herren và ra lệnh cho cậu ta ngay lập tức gia tăng tuần tra vùng họ tìm thấy tù binh. Tôi nói với Herren rằng ngay sau khi lính đại đội Alpha của Nadal tới đủ để giữ vững bãi đáp, đại đội Bravo sẽ bị cắt nhỏ ra để tuần tra vùng triền núi thấp, chú ý đặc biệt tới những mạch núi và chân núi trĩa ra hướng tây bắc. Nếu những tiểu đoàn địch đang trên đường xuống núi, chúng tôi cần đụng độ với họ tại một điểm càng xa bãi trống càng tốt.

Tôi điện cho Matt Dillon và nói anh ta tới để chở tù binh quay về Lữ đoàn để thẩm vấn thêm. Dillon đáp xuống lúc 11g40. Kiểm soát viên tiền phương không quân, thiếu úy không quân Charlie Hastings, nói khi Dillon để tên tù binh lên máy bay và nhắc lại lời của nó rằng có rất nhiều quân địch trong vùng đang rất muốn giết lính Mỹ “chiến tranh bất ngờ chiếm trọn sự chú tâm của tôi.”

Đại úy Nadal đã tìm tôi khi tôi đang ở chỗ có tù binh. Chúng tôi gặp nhau sau khi tù binh được đưa lên máy bay chỉ huy của tiểu đoàn. Tôi nhanh chóng thông báo tình hình cho Nadal và nói rằng đại đội Alpha sẽ nhận trách nhiệm bảo vệ bãi đáp ngay khi chuyển chuyển quân kế tiếp mang phần còn lại của đại đội tới. Những chiếc trực thăng của Crandall quay lại vào lúc 12g10, chuyển thứ 3 tới X-Ray, đem theo số lính còn lại của Nadal chỉ thiếu một vài người. Giờ Tony đã có đủ người để hoạt động có hiệu quả.

Bất thành lĩnh, một vài tiếng súng nổ trong vùng vừa mới phát hiện tên tù binh. Quân của trung sĩ Gilreath đã đụng địch! Đó là lúc 12g15. Chúng tôi phải hành động thật nhanh nếu chúng tôi muốn sống. Phải nhanh chóng di chuyển ra xa bãi đáp và đánh chúng trước khi chúng có thể đánh chúng tôi. Chỉ khi chúng tôi đón đánh được quân địch ở sâu trong những đám cây và bụi rậm thì chúng tôi còn có một chút cơ may giữ được bãi đáp cho tới khi toàn bộ tiểu đoàn đáp hết xuống đất. Khoảng trống có kích cỡ một sân bóng này là đường sống của chúng tôi và là

đường tiếp tế cho chúng tôi. Nếu quân địch chặn được đường ra vào của trục thăng, tất cả chúng tôi sẽ chết ở nơi này. Ngay trước khi tiếng nổ đầu tiên tôi đang điện cho Herren thúc sổ lính tới sau của đại đội Bravo di chuyển nhanh thẳng hướng lên núi để phát triển tình thế. Quay sang Nadal tôi nói với cậu ấy kế hoạch ban đầu đã ngoài dự liệu, rằng đại đội Alpha của anh phải ngay lập tức nhận bảo vệ LZ và sẵn sàng tiến lên bên sườn trái của đại đội Bravo khi lính đại đội Charlie tới trên chuyến bay kế tiếp đủ để đảm nhiệm an toàn cho LZ.

Trong vòng cái vòng nhỏ cây khô, hai trung đội khác của đại đội Bravo vừa mở khẩu phần C và đang nhai những miếng đầu tiên thì họ nghe thấy tiếng súng nổ trong những bụi cây. Những trung sĩ già liếc nhau và gật đầu. Ăn nhanh lên, họ nói với quân lính, và sẵn sàng hành động.

Trận đánh của LZ X-Ray đã bắt đầu.

## 6/ TRẬN ĐÁNH BẮT ĐẦU

*When the first under fire and you're wishful to duck,  
Don't look or take heed at the man that is struck.  
Be thankful you're living and trust to your luck,  
And march to your front like a soldier.*  
- Rudyard Kipling, "The Young British Soldier"

Giờ là 12g20 chỉ huy đại đội Bravo John Herren điện cho 4 trung đội trưởng tới hội ý tại chỗ của mình gần lòng suối cạn chạy băng qua rìa tây của bãi trống; họ sẽ bàn bạc tổ chức cuộc tấn công lên núi. Herren nói ngắn gọn về người của mình: "Trung úy Al Devney trung đội một là một sĩ quan hăm hở và nhiệt huyết, rất nóng lòng đối mặt với quân thù; Trung úy T. Herrick trung đội 2 là một người hung hăng, anh ta quần lính của mình như tử và từng nói với tôi rằng anh ta muốn kiếm một chiếc huân chương Danh Dự; Trung úy Dennis Deal trung đội 3, một người trầm lặng nhưng là một sĩ quan rất hiệu quả; và Trung sĩ nhất Ed Montgomery, một tay súng cồi xuất sắc, đang là quyền trung đội trưởng trung đội hỏa lực yểm trợ."

Đại đội trưởng nói, "Tôi nói với Devney và Herrick tiến lên ngang hàng nhau, Herrick bên phải, Deal sẽ theo sau trung đội của Devney như là quân dự bị. Trung đội hỏa lực sẽ yểm trợ bằng khẩu cối 81 duy nhất của họ với 40 viên đạn."

Gần 12g30, cuộc giao tranh của đại đội Bravo tiếp tục tăng lên. Binh nhất I [Specialist 4- một trong cấp bậc của lính quân dịch Mỹ], Galen Bungum, 22 tuổi, thấp đậm, con trai của một nhà nông lâu đời vùng Hayfield, Minnesota, thuộc trung đội của Herrick. Anh ta sử dụng một khẩu súng phóng lựu và một khẩu súng lục 45. Các xạ thủ súng phóng lựu thường có cơ số đạn thông thường là 36 trái M-79. Hôm nay Galen Bungum chỉ đem theo có 18 trái gài trên dây đai màu xanh. Anh ta bắt đầu ngày mới thật dễ chịu nhưng rồi bỗng quay ngoắt sang tồi tệ, rồi trở nên tệ hơn nữa sau đó.

Bungum nhớ lại: “Sớm buổi sang hôm đó Trung sĩ nhất Robert F. Mohr nói tôi trao lại đạn được cho tay lính nào khác bởi vì tôi sẽ quay về An Khê và rời tới Bangkok vì tôi tới hạn R & R [giải ngũ và trở về]. Khi tôi làm xong chuyện đó thì ông ta trở lại và nói: “Bungum, không có một máy bay nào quay về An Khê ngày hôm nay cả, vậy hãy lấy đạn của cậu lại và đi cùng chúng tôi”. Tôi không lấy lại được tất cả số đạn đã cho, chỉ còn 18 trái”. Giờ bữa trưa của Bungum bị cắt ngắn. Trung úy Herrick chạy về từ cuộc họp với đại đội trưởng, và la lên: “Xếp hàng và theo tôi. Chúng ta đi thôi.” Trung sĩ trung đội Carl Palmer, 39 tuổi, người Pelham, Georgia, đã có gia đình và là cựu binh chiến tranh Triều Tiên, liền sắp đội hình của 4 tiểu đội. Trung đội đạp qua những đám cỏ voi, tiến lên.

Đại úy Herren nhớ lại: “Hai trung đội đi đầu tiến khá nhanh, tôi theo phía sau cùng với lính điện đài và trinh sát pháo binh, trung úy Bill Riddle. Tôi định ở ngay phía sau lưng trung đội của Devney nhưng phải dừng lại để thiết lập liên lạc điện đài ổn định với sở chỉ huy của Moore.” Trong khi Herren đang làm việc này thì 2 trung đội của anh vượt lên cách khá xa vị trí mà anh đang đứng trên rìa phía tây của lòng suối cạn. Bởi vì sự dừng lại này mà Herren bị cắt khỏi lính của mình nhiều giờ sau.

Trung đội một của Al Devney đang dẫn đầu và nhanh chóng tiến lên được vài trăm mét phía tây dòng suối cạn. Trung đội 2 của Herrick vượt qua dòng suối cạn tiến tới những bụi cây rậm rạp phía bên phải và ở ngay phía sau Devney một chút. Galen có thể nghe thấy tiếng súng rồi rạc ngay ở phía trước khi anh tiến lên.

Bungum nói: “Trong khi chúng tôi đang tiến tới, Trung sĩ Palmer lại gần phía sau tôi, ông đặt bàn tay lên vai tôi và nói: ‘Bungum, ngày kia tôi sẽ được 40 tuổi, nhưng tôi không tin là mình có thể sống tới ngày đó.’ Tôi không biết trả lời thế nào với Palmer, vì vậy tôi chỉ nói: ‘Thôi nào, Sarge, ông không thể ra ngoài kia với trạng thái như vậy được.’ Đó là lần thứ 3 trong những ngày gần đây Palmer nói trước về cái chết của mình. Trung sĩ Larry Gilreath và đại úy Herren nói họ cũng có những cuộc nói chuyện tương tự với Palmer và đã cố gắng trấn an ông.

Đến 12g45 giao tranh đã tăng lên mức độ trung bình và chúng tôi nhận những thương vong đầu tiên. Ngay lúc mức độ trận đánh tăng lên tôi đã xác định chúng tôi sẽ có 1 buổi chiều dài và số người bị thương có thể sẽ vượt qua khả năng chăm sóc của trung đội quân y hiện có trên mặt đất. Lúc này tôi điện cho Matt Dillon, hiện đã quay lại trên chiếc trực thăng chỉ huy bay ngay trên đầu chúng tôi, nói với anh ra lệnh cho bác sĩ tiểu đoàn, đại úy Robert Carrara, cùng với trạm cứu thương của anh ta tới X-Ray. Nói họ đừng quan tâm tới mấy cái lều mà hãy mang thật nhiều thuốc và trang bị theo. Tôi nói.

Mọi việc rõ ràng đang trở nên nóng bỏng đối với những người lính của Devney, tại vị trí đầu ngọn giáo. Trung sĩ Gilreath nhớ lại: “Chỉ huy tiểu đội 3, trung sĩ Carl R. Burton, phát hiện thấy 1 hàng quân địch đang di chuyển xuống núi. Trông chúng không có vẻ như đang trong một cuộc tấn công, chúng đi một hàng dọc. Một vài người còn đeo súng trên vai. Tôi không nghĩ họ biết chính xác vị trí của chúng tôi. Chúng tôi kiểm tra lại với đại úy Herren để chắc chắn rằng không có một đơn vị Nam VN nào ở trong khu vực, sau đó chúng tôi nổ súng vào toán quân.

Chúng tôi không hề biết số lượng quân địch nhưng nhanh chóng nhận ra khi nhận một cơn mưa đạn, do những vũ khí hạng nhẹ và súng tự động vãi ra. Lúc đó tôi mất liên hệ với trung úy Devney và chỉ tập trung vào việc đặt những lính gần tôi nhất vào vị trí thuận lợi để có thể bắn trả một cách hiệu quả.

Trong vòng vài phút trung đội của Devney, đang dẫn đầu đội hình tiến công, bị tấn công dữ dội bởi khoảng 30 tới 40 quân Bắc Việt trong đồng phục Ka ki, đội mũ cối, và bắn bằng súng tự động. Lúc này là gần 1 giờ chiều; lính của Devney đang bị tấn công từ cả hai bên sườn, và họ thực sự gặp khó khăn. Quân Bắc Việt sử dụng một lối mòn như là trục tiến quân chính. Trung sĩ Gilreath nói: “Chúng tôi bị ấn bẹp dí xuống mặt đất và bắt đầu nhận thương vong.” Trung úy Dennis Deal nhớ lại khoảnh khắc đó: “Trung đội của Devney đang bị bắn liên hồi. Tất cả chúng tôi đều có thể nghe thấy tiếng nổ qua các tán lá cây, và tôi nghe thấy chúng trên sóng của máy điện đài. Al đang gặp rắc rối nào đó. Rồi tiếng súng gia tăng cả về khối lượng và cường độ; lúc đó tôi thấy thương binh đầu tiên, có thể là người Mỹ đầu tiên bị thương ở X-Ray. Anh ta bị bắn vào cổ hay miệng, hoặc là cả hai, nhưng vẫn còn cầm được súng của mình, anh ta chạy tới chạy lui và bắt đầu choáng. Khi anh ta hỏi tôi phải đi đâu, tôi choàng tay ôm lấy anh ta và chỉ ngón tay về hướng lần cuối cùng tôi thấy sở chỉ huy tiểu đoàn.”

Đây là những gì trung sĩ Jimmie Jakes, người thành phố Phenix, Alabama, nhớ lại - anh là người dẫn đầu một nhóm 4 người trong 1 tiểu đội của Devney: “Khi chúng tôi tiến lên thẳng tới chỗ quân địch, 2 người của tôi và một người của tiểu đội khác bị trúng đạn súng máy. Tôi ra lệnh cho lính ở hai bên trái phải của tôi; một số thậm chí không phải của trung đội tôi bắn yểm trợ cho tôi, sau đó tôi bò lên trợ giúp cho những người bị thương. Tôi đã kéo được hai người bị thương trở lại hàng phòng thủ. Chúng tôi bị chặn lại tại chỗ này. Khi tôi cố gắng để lùi người thứ 3 về thì tôi bị thương”. Một viên AK-47 đã chui vào bên sườn của Jake và xuyên ra nơi vai trái.

Ngay bên phải và lùi sau một chút so với lính của Al Devney, trung úy Henry T. Herrick đang cơ động trung đội 2 tiến lên sườn dốc, thẳng tới một điểm hẹn của định mệnh. Đại đội trưởng của anh, đại úy Herren nói: “Trung đội của Herrick có thể là đơn vị nổi trội nhất của tôi, với những hạ sĩ quan (NOC - non commissioned officer) xuất sắc. Họ được dẫn dắt bởi một tay chuyên nghiệp già đời, Trung sĩ nhất Carl Palmer, người mà tôi dựa vào để dìu dắt và giúp đỡ trung úy Herrick, nhiều hơn là tôi đã từng trông cậy đối với cả hai trung sĩ còn lại - Larry Gilreath của trung đội một và Larry Williams của trung đội 3. Nhưng trung đội 2 còn có những NOC xuất sắc khác: Ernie Savage một trung sĩ công tử, trẻ, từ Alabama, là tiểu đội trưởng; là trung sĩ nhất Emanuel (Mac Ranger) McHenry, đã 40 tuổi nhưng có thể chạy bằng những chàng trai nửa tuổi anh ta, trung sĩ Paul Hurdle, chỉ huy trung đội hoả lực, cựu binh chiến tranh Triều Tiên, và trung sĩ Ruben Thompson, chỉ huy nhóm súng phóng lửa, có tiếng là người không bao giờ bỏ cuộc.”

Henry Toro Herrick cao 1m75, tóc đỏ 24 tuổi, con trai của một giáo sư vũ trụ học của trường UCLA. Anh ta gia nhập tiểu đoàn vào tháng 7 và được giao cho một trung đội súng trường; anh ta là một con ngựa bất kham. Khi vị trí trung đội trưởng trung đội trinh sát, 1 vị trí được nhiều

người thêm thường, bị trống vào tháng 10, tôi dự tính đưa cậu ấy vào vị trí này. Tôi đề cập với thượng sĩ Plumley và phản ứng của anh thật dữ dội và kiên quyết: “Trung tá, nếu ông đặt trung úy Herrick vào vị trí đó anh ta sẽ khiến tất cả chúng ta bị chết”. Chúng tôi có một bầu trung úy mới đến với tiểu đoàn, và tôi rất ngạc nhiên vì một trong số họ lại có một ấn tượng xấu đến như vậy đối với thượng sĩ của tiểu đoàn. Herrick, khỏi cần nói, đã không nhận được vị trí trung đội trưởng trinh sát.

Trung sĩ trung đội của Herrick, Carl Palmer, đã từng lên tiếng nhận định riêng của mình về trung úy với đại úy Herren sau khi 1 lính của ông bị chết đuối khi vượt sông trong một lần tuần tra. “trung sĩ Palmer kéo tôi ra một bên sau vụ chết đuối và nói rằng Herrick sẽ khiến tất cả bọn họ bị giết bởi cái tính hung hăng của anh ta.” Herren nói. “Nhưng tôi không thể bắt lỗi anh ta về chuyện đó, tất cả chúng tôi đều nóng lòng truy tìm quân địch và tôi đã nghĩ có thể kiểm soát được những hành động bốc đồng của cậu ấy.”

Devney điện báo cho đại úy Herren rằng trung đội của anh đang bị ghim xuống từ cả hai bên sườn. Herren nói: “Tôi muốn trung úy Herrick làm giảm sức ép, ra lệnh cho anh ta phải tiến lên phía bên phải của Devney và bắt được với trung đội một của Devney.” Lúc này là khoảng 1g15 và những bụi cây giữa trưa nóng giống như một cái lò nướng bánh trên 35°C. Một vài viên đạn cỡ 60 và 82mm của địch đang xối tung khu vực của Devney. Đại úy Herren và trinh sát pháo binh của mình, trung úy Bill Riddle, bắt đầu điện kêu hoả lực hỗ trợ từ pháo binh và không quân.

Trung sĩ trung đội của Devney, Larry Gilreath, đang mong để thấy Herrick và quân của anh tiến lên bên phải của mình. Anh đã thấy, nhưng chẳng được lâu. Khi di chuyển, Herrick điện báo cáo với đại úy Herren rằng trung đội 2 của mình đang bị bắn từ bên phải, rằng anh đã thấy khoảng một tiểu đội quân địch và đang đuổi theo chúng. Herren gọi lại: “Tốt thôi, nhưng cẩn thận; tôi không muốn anh bị ghim đầu xuống hay bị kẹt vào bất thứ thứ gì.”

Gilreath nói: “Tôi thấy trung úy Herrick ở cách khoảng 50 mét. Chỉ huy tiểu đội hoả lực của anh, trung sĩ Hurdle, là người gần nhất với tôi. Tôi hỏi anh ta, ‘Các anh đi tới chỗ quỷ nào thế?’. Họ triển khai theo hàng ngang và đi rất nhanh. Tôi muốn anh ta dừng lại và bố trí 2 khẩu súng máy của anh ta ngay ở sườn phải tôi. Họ vẫn tiếp tục tiến lên. Tôi nghĩ họ đang cố liên kết chặt với quân của tôi.”

Đại úy Herren quan tâm tới tình thế của Devney nhưng lại hưng phấn với việc đụng địch của Herrick, anh báo điều này cho tôi biết. “Không lâu sau đó” Herren nói, “Tôi quay ra bắt liên lạc lại với Devney. Anh ta báo cáo đang bị bắn dữ dội và đang nằm bẹp dí xuống đất. Tôi lập tức gọi trung úy Deal chuyển vòng ra trái và giúp Devney.”

Dennis Deal mới chỉ nắm quyền điều khiển trung đội 3 được có 2 tuần. “Trung sĩ trung đội của tôi là Leroy Williams, một người đàn ông thực sự. Ông đã từng ở Triều Tiên 1 năm rưỡi. Chỉ huy trung đội hỏa lực của tôi là trung sĩ Wilbur Curry, người mang dòng máu của thổ dân da đỏ Seneca, đến từ New York, anh đã ở Triều Tiên 2 năm với danh tiếng là xạ thủ súng máy giỏi

nhất tiểu đoàn, nếu không nói là cả sư đoàn. Trước khi chúng tôi rời doanh trại, anh ta nhận rất nhiều lời khiển trách, anh đã lấy 1 con ngựa từ một người VN và cưỡi nó lên Pleiku theo đường 19. Bởi vì Moore biết anh ta là một người lính cừ khôi, nên ông đã bỏ qua cho anh ta chuyện này.”

Cho tới lúc này trung đội của Deal vẫn chưa thấy một tên địch nào, nhưng khi họ tiến lên được 50 mét và bắt kịp sườn trái của Devney, họ nhận ngay một cơn mưa đạn. Trung sĩ Gilreath nhớ rằng đã thấy trung đội 3 gặp phải những khó khăn “Tương tự như mình gặp phải khi phải ăn đạn từ những khẩu súng máy của địch quân. Nó đến từ một khẩu súng máy được ngụy trang kín và nó đang chụp khít lên chúng tôi.”

Trung sĩ William N. Roland, có tới 22 năm tuổi quân, người vùng Andrews, South Carolina, là một trong số chỉ huy trung đội của Deal. “Chúng tôi bắt đầu gặp những thương binh từ trung đội 1, sau đó thì bị ăn đạn quân địch, gồm cả đạn cối nổ rất gần.” Trung úy Deal nói, “Sự thử thách đầu tiên trong chiến tranh của tôi đang diễn ra, tôi quay lại trung sĩ Curry: “Thầy ơi! Tôi chưa bao giờ bị bắn trước đây. Đây có giống như âm thanh của nó không?” và ông ấy cười ‘Đúng thừa sếp, đây chính là âm thanh của nó. Chúng ta đang bị bắn đấy’. Chúng tôi phải hét vào tai nhau để có thể nghe được.

Nhà lịch sử quân sự S. L. A. Marshall viết rằng, tại điểm khởi đầu của một trận đánh, các đối thủ phân chia và dò dẫm lẫn nhau, hình hài của trận đánh hình thành tất cả từ điều này. Marshall đã đúng. Đó là điều đã hoàn toàn đang xảy ra ngoài đám bụi rậm phía trên bãi X-Ray kia. Và không có một sự kiện riêng lẻ nào lại có ảnh hưởng tới kết cục của trận đánh lớn hơn bằng việc trung úy Herrick đã xử lý tình huống. Herrick vượt qua quân của Devney và đảo quân qua cánh phải trong một cuộc truy đuổi vội vã theo vài tên địch đang tháo lui, và biến khỏi tầm nhìn trong những bụi cây.

Trung sĩ Ernie Savage nói về mệnh lệnh của Herrick: “Anh ta đã có một quyết định tồi tệ, và chúng tôi lúc đó đã biết đó là quyết định rất tồi. Chúng tôi bị mất liên hệ với phần còn lại của đại đội. Chúng tôi đã định tiến lên tới và giữ sườn phải của trung đội 1; thế mà chúng tôi lại vượt ra xa họ. Chúng tôi mất sự liên hệ với mọi người.”

Herrick dẫn đầu trung đội cùng với tiểu đội của trung sĩ McHenry khi toán quân tiến qua những bụi cây, đuổi theo những tên địch xuống một dốc thoải hướng tây bắc, trên một lối đi trong rừng khá thoáng. Trung đội của anh bị kéo dài ra tới 50 mét. Theo sau tiểu đội của McHenry là tiểu đội của trung sĩ Jerry Zallen và tới quân của Savage. tiểu đội hoả lực của Hurdle với 2 khẩu súng máy M-60 bọc hậu.

Quân địch đã nhanh chóng biến mất nhưng Herrick vẫn tiếp tục đuổi xuống theo lối rừng đó. Anh ta đã tự làm cách xa phần còn lại của đại đội tới hơn 90 mét khi vượt qua một rãnh nước cạn sâu khoảng 1,2 mét. Herrick vượt qua nó và kêu toàn trung đội đi theo sau. Những cây có cành và lá ở rãnh nước rất rậm rạp nhưng vượt qua chỉ 5 mét là lại thưa thớt. Trung đội xích lại gần nhau, hai tiểu đội dẫn đầu dàn hàng ngang, McHerry bên bên phải, Zallen bên trái, Savage

và Hurdle ở phía sau. Một gờ đất nhỏ, chạy dọc xuống từ 1 vùng đất nhô lên hơi cao nằm trên phía tây, song song với rãnh nước cạn và băng ngang qua đội hình của 2 trung đội đi đầu.

Một doi đất nhỏ, chạy dọc xuống từ 1 vùng đất nhô lên hơi cao nằm trên phía tây, song song với rãnh nước cạn và băng ngang qua đội hình của 2 trung đội đi đầu.

Đại úy Herren nói “Vài phút sau Herrick báo cáo rằng anh ta gặp một bãi trống và hỏi anh ta nên tiến thẳng qua nó hay là đi vòng qua. Anh nói nếu đi vòng qua anh ta sẽ mất liên hệ với trung đội Devney.” Thật ra, lúc này anh ta đã hoàn toàn mất liên hệ với trung đội 1. Khi hai trung đội ở phía sau đang vượt qua suối cạn thì Herrick dồn quân lên của vùng đất cao. Tại đỉnh của mô đất cao đó 2 tiểu đội bất ngờ đụng phải 40 hoặc 50 quân Bắc Việt đang chạy xuống từ lối mòn, hướng về phía có tiếng súng của trung đội Devney. Hai bên lập tức nổ súng vào nhau, quân địch chia ra làm hai, một nửa qua trái, một nửa qua phải.

Một tổ mìn khổng lồ nằm giữa hai trung đội dẫn đầu của Herrick khi súng nổ. Herrick điện cho Savage, kêu anh đánh tạt sườn quân địch từ bên phải. Với những khẩu súng máy của Hurdle ngay đằng sau, Savage cùng người của mình đã làm thật xuất sắc, nhảy bổ ra khỏi đám cây, khẩu M-16 bắn ở chế độ hoàn toàn tự động [full automatic]. Địch quân bất ngờ vì bị đánh tạt sườn. Nhiều người lao đảo gục xuống trong làn mưa của đạn cùng với lựu đạn M-79 do binh nhất I Robert M Hill bắn. Hill phóng hết viên này tới viên khác vào những người VN đang la hét. Tiếng súng dữ dội từ cả 2 phía, nhưng bất ngờ một nhóm đông hơn khoảng 50 hoặc hơn quân địch trườn ra từ hàng cây, tấn công trực diện lên tổ mìn, chúng bị chìm trong làn đạn dữ dội của 2 tiểu đội nằm trên mô đất cao và đạn của tiểu đội Savage phía bên phải. Một tổ súng máy cùng với khẩu đại liên của địch bị hạ trong đợt này. Savage nói: “Chúng tôi có khoảng 3 hoặc 4 phút bắn tuyệt như lên đồng mà không mất một người nào. Chúng tôi giết rất nhiều địch. Tôi bắn trúng rất nhiều đứa. Tôi nhìn thấy chúng ngã. Chúng cố gắng đặt một khẩu súng máy phía bên phải, chúng tôi hạ tên xạ thủ và giết luôn 2 tên bên cạnh.”

Trên điện đài với đại úy Herren, Herrick báo cáo rằng anh ta gặp phải địch cả hai bên sườn trái và phải và lo rằng anh sẽ bị chia cắt (với phần còn lại của đại đội). Herren nói “Tôi nói cậu ấy cố gắng và cố tái liên lạc với trung đội một và di chuyển trở lại theo hướng của tôi. Đồng thời tôi báo cho trung đội một và hỏi họ xem có thể tới đón Herrick hay không. Dường như chỉ một vài phút sau Herrick gọi lại và nói rằng có rất đông quân địch ở giữa cậu ta và Devney, rằng cậu ta đang bị bắn dữ dội và đang nhận thương vong. Tôi nói cậu ta cố chiếm lấy một vài vị trí và giữ chúng, cho tới khi chúng tôi tới đón. Tôi cũng nói cậu ấy sử dụng cối và pháo binh yểm trợ.”

Bọc hậu đoàn quân của Herrick là cựu binh chiến tranh Triều tiên và là phù thủy súng máy, Paul Hurdle, chỉ liếc qua một cái là nhận ra hết tình hình, cả hai tiểu đội McHenry và Savage đang phải cố hết sức và cần giúp đỡ ngay lập tức. Hurdle chọn lấy một vùng cao rậm cỏ gần lạch suối cạn, đặt hai khẩu M-60, nhắm vào đỉnh doi đất phía trên đầu Savage và nhả đạn.

Ở phía dưới bãi đáp, tôi nghe thấy những tiếng nổ hỗn độn dội về từ phía núi. Đó là tiếng nổ

khanh đều đặn của súng máy, tiếng tanh tách liên hồi của tiểu liên bắn tự động; tiếng nổ của lựu đạn, đạn cối và rocket. Tất cả lớn hơn nhiều và trải rộng hơn nhiều so với những gì chúng tôi từng biết. Lúc này Herren liên lạc qua radio với tôi, báo cáo lính của anh đang bị tấn công dữ dội bởi ít nhất 2 đại đội địch và trung đội 2 đang có nguy cơ bị bao vây và cắt rời ra khỏi đại đội. Ngay khi anh đang nói, đạn cối và rocket rơi trúng bãi trống nơi tôi đang đứng. Kịch bản xấu nhất mà tôi dự liệu đã đến: Chúng tôi phải đánh nhau lớn sớm trước khi toàn bộ tiểu đoàn đổ bộ được hết xuống mặt đất. Và bây giờ tôi phải xử trí một trung đội bị chia cắt khỏi đội hình. Phản ứng của tôi là “Shit” giận dữ.

Ước đoán của Herren rằng lính của anh đang phải đương đầu với 2 đại đội địch là quá ít so với thực tế. Một tiểu đoàn đầy đủ, với hơn 500 lính đầy quyết tâm đang tuôn xuống từ ngọn núi thẳng tới trung đội 2 bị mắc bẫy của Herrick và đang cơ động gần trung đội một nằm bẹp dí dưới đất của Devney. Đại đội Bravo bước vào trận đánh với 5 sĩ quan và 114 lính. Sự tiến triển của trận đánh biến ảo như trong cái kính vạn hoa, John Herren đang đối phó một cách liều lĩnh trước sự áp đảo của quân địch, anh phải giữ cho đại đội không bị tràn ngập [overrun] đồng thời phải luôn thông báo tình hình cho tôi.

Những gì đang xảy đến với đại đội Bravo càng làm tăng mối quan tâm của tôi về cái lòng suối cạn chạy tới rìa tây của bãi đáp đó. Bản năng mách bảo tôi rằng chỉ huy quân địch dường như sẽ tấn công vào sườn trái của chúng tôi, để tiến vào bãi trống. Chúng tôi cần được giúp đỡ nhanh chóng, và sự giúp đỡ đang trên đường tới.

Old Snake, Bruce Crandall liên lạc qua sóng, bị trễ vì cần phải nạp nhiên liệu nên chuyển thứ 4 trong ngày của anh ta giờ mới tới đem theo vài người cuối cùng của Nadal, và những đơn vị đi đầu của đại đội Charlie, Bob Edwards. Khi 8 chiếc trực thăng đầu tiên hạ xuống, tôi nói với Nadal nhặt hết quân của mình và di chuyển nhanh tới bên trái của Herren và kết hợp chặt với họ. Sau đó, tôi nói, tôi muốn anh cho Herren mượn một trung đội để giúp cậu ấy đón trung đội bị cắt rời về. Tôi chạy ra bãi đáp để tìm Edward. Tôi quyết định xua đại đội Charlie, ngay khi họ vừa tới, tiến thật nhanh về dãy núi, và chấp nhận rủi ro rằng phía sau của tôi sẽ không được bảo vệ từ phía bắc và phía đông. Sẽ không có lực lượng dự bị cho tiểu đoàn trong một thời gian.

Những người lính của đại đội Charlie nhảy ra khỏi trực thăng và đâm bổ về phía rìa nam của bãi trống nơi có những hàng cây gỗ, cảm ơn Chúa. Tôi tóm được Edwards, nói sơ tình hình, và kêu anh đưa quân ra ngoài bãi trống hướng phía nam và tây nam, và phải lập một vị trí chốt chặn bảo vệ cho sườn trái của đại đội Alpha. Tôi hét lên: “Tiến đi” và Edwards cùng 2 điện đài viên làm một cuộc chạy nước rút, hô hào vẫy gọi toàn đại đội theo sau.

Edwards nói: “Vị trí chỉ huy của tôi đặt ngay trước rìa của bãi trống, gần sát phía sau trung đội 2 của trung úy Jack Geoghegan. Một sự kết hợp của may mắn, sự phản ứng nhanh nhạy với mệnh lệnh, và những người lính được huấn luyện tốt, kỷ luật cao luôn chấp hành lệnh đã giúp cho đại đội nhanh chóng thiết lập được một hàng phòng thủ tạm cách bãi trống từ 45 cho tới 90 mét. Cỗ voi gây khó khăn: khi bạn nằm xuống tầm nhìn bị hạn chế rất nhiều.”

Lúc này tôi và điện đài viên tái nhập với thượng sĩ Plumley và đại úy Tom Metsker gần chỗ lòng suối cạn. Người thông dịch, Nik, đang nằm dưới đất, Metsker quỳ một chân đang bắn bằng khẩu M-16 về phía cửa mở chỉ cách có 70 mét về hướng nam. Vài phút sau, Metsker trúng một viên đạn vào vai, và được băng bó bởi trung sĩ nhất Arthur J. Newton thuộc đại đội Alpha, và được chuyển về vòng cây.

Tôi bị cảm dỗ gia nhập với người của Nadal hay của Edwards, nhưng cưỡng lại được. Tôi chẳng thể liên quan tới hành động của một đại đội duy nhất; tôi có thể bị kẹt lại và đơn giản trở thành một tay súng thông thường. Nhiệm vụ của tôi là “lãnh đạo” họ.

Ngay lúc này, tiếng rít và nổ lách tách của những viên đạn bay gần qua tạo nên một âm thanh rất khác biệt, giống như một đàn ong đang bay trên đầu. Tôi đang nắm điện đài, cố lắng nghe một liên lạc nào đó giữa những tiếng ồn, có một bàn tay nắm lấy vai phải tôi. Đó là thượng sĩ Plumley. Anh ta hét lên giữa âm thanh hỗn độn của bom đạn: “Sếp, nếu ông không kiểm một chỗ nấp, ông sẽ bị trúng đạn, và nếu ông bị hạ thì tất cả chúng ta sẽ bị hạ theo!”

Như mọi khi, Plumley luôn luôn đúng. Bất kỳ ai đang hò hét, vẫy tay, ra hiệu và nói chuyện bên điện đài ngay lập tức trở thành mục tiêu cho kẻ địch. Những gã này nhanh chóng phát hiện và bắn vào các chỉ huy, điện đài viên, và các y sỹ. Tôi chưa từng bị thương trong chiến đấu ở Triều tiên và ở đây. Nhưng Plumley đã kéo tôi lại, trận đánh chỉ mới bắt đầu và tôi không được rời khỏi nó quá sớm.

Thượng sĩ chỉ một tổ mỗi lớn, cao khoảng 2 tới 2,5 mét, nằm lọt giữa những cái cây ngay chỗ thắt giữa bãi trống. Chỗ đó cách chúng tôi khoảng 30 mét; 3 người chúng tôi quay lại và chạy thẳng tới đó giữa lúc đạn bắn tung bụi đỏ dưới chân và bay vèo vèo như ong trên đầu. Tổ mỗi có kích cỡ bằng một chiếc xe hơi lớn đó sẽ trở thành điểm chỉ huy, trạm cấp cứu, điểm hậu cần, nơi giao nhận tù binh địch, vũ khí, đạn dược, và là nơi những người chết được mang đi.

Ngay lúc 1g38, đợt 8 chiếc trực thăng thứ 2 với lính của đại đội Alpha và Charlie đáp xuống. Lần này họ đã bị nhận một vài viên đạn bắn từ dưới đất lên. Edwards và Nadal lọc quân mới đến của mình và nhập họ vào số quân tới trước. Cùng bay chuyển này là một chiếc trực thăng quân y mang theo nhóm cứu thương của tiểu đoàn tôi. Chũr thập đỏ lớn sơn ở hai bên máy bay chỉ làm cho nó nhận thêm nhiều đạn bắn tới. Trên trực thăng là đại úy Robert Carrara, bác sĩ phẫu thuật; trung sĩ trung đội quân y, Thomas Keeton và trung sĩ Earl Keith. Tổng thống Johnson đã cắt giảm nhiều thứ trong nhiều bộ phận khi điều chúng tôi tới cuộc chiến tranh, nhưng không có sự cắt giảm nào lại gây nên sự nghiêm trọng như đối với bộ phận quân y. Trạm quân y được biên chế có 13 người. Keith và Keeton là tất cả những gì chúng tôi có. Từng lúc, đại úy Carrara và hai trung sĩ của anh đã làm những điều diệu kỳ trong 50 giờ tới.

Trung sĩ Keeton mô tả lúc họ đáp xuống: “Khoảng giữa 1g30 và 1g45 chúng tôi tới X-Ray trên một đoàn gồm 4 chiếc trực thăng và có thể nhìn thấy quân ta và lính Bắc Việt ở dưới.” Lính Bắc Việt ở trong hàng cây gỗ đang bắn vào trực thăng. Viên phi công trực thăng quân y dường

truyền cái lạnh công vì sợ sang chúng tôi và anh ta gặp rắc rối khi hạ cánh. Trực thăng đã không đạt được sự ổn định để chúng tôi có thể nhảy ra. Toàn bộ những người trên trực thăng phải nhảy xuống từ độ cao 1,8 mét. Chúng tôi chạy lom khom tới chỗ Moore, gần một tổ mối lớn. Có khoảng 20 tới 25 người bị thương nằm tùm tùm ở dưới mặt đất. Chúng tôi đặt những người chết qua một chỗ khác và bắt đầu làm việc.”

Bây giờ có khoảng 250 của tiểu đoàn đã ở dưới đất và vẫn còn tiếp tục triển khai vào vị trí. Thương vong tiếp tục tăng lên. Khi chúng tôi nấp xuống sau tổ mối đó, tôi thoáng nghĩ tới người tiền nhiệm lưng lầy của tôi ở trung đoàn 7 kỵ binh, Trung tá George Armstrong Custer, và trận đánh cuối cùng của ông trong thung lũng vùng Little Bighorn, Montana, 89 năm về trước. Tôi xác định rằng lịch sử sẽ không lặp lại ở cái thung lung la Drang này. Chúng tôi là một lực lượng gắn bó, được huấn luyện tốt và chiến đấu có kỷ luật và chúng tôi có một thứ mà Custer đã không có: Hỏa lực yểm trợ.

Giờ là lúc gọi tới tất cả những gì mà tôi có thể dựa vào. Tôi điện cho Matt Dillon và những điều phối viên hỏa lực yểm trợ ở trên đầu và nói họ đem tất cả không quân, pháo binh, ARA đội xuống phần sườn thấp của dãy núi, đặc biệt là những chỗ tiếp cận bãi trống từ phía tây và phía nam. Ưu tiên hỏa lực chỉ viện cho những yêu cầu có mục tiêu của các đại đội bộ binh. Trong lúc không chi viện cho những mục tiêu như vậy, thì những mục tiêu khác sẽ phải bị bắn phá liên tục. Tôi nói Dillon và những người khác phải chú ý tới bất kỳ vị trí súng cối nào của quân địch. Tôi hy vọng không quân và pháo binh có thể làm giảm đi phần nào áp lực đang đè lên lính của tôi cũng như cắt sự tăng viện của quân địch từ đỉnh núi tràn xuống.

Trong vòng vài phút bầu trời thung lũng tràn ngập khói và bụi khi một cơn mưa của sự tàn phá rơi xuống từ trên không. Tuy nhiên, các chỉ huy đại đội và các trinh sát pháo binh và súng cối đều gặp khó khăn khi định vị chính xác các đơn vị đi đầu của mình. Đại tá Tim Brown, bay ở ngay trên, trong chiếc trực thăng chỉ huy, hối thúc tôi kéo hỏa lực ra khỏi dãy núi và mang chúng lại thật gần nhất có thể.

Herren gặp phải khó khăn lớn nhất: cố gắng xác định vị trí của trung đội 2 bị mất tích. Herrick và lính mình không chỉ bị tách khỏi đội hình của đại đội mà còn bị cuốn vào một cuộc vận động chiến. Vấn đề là trung đội này ở xa phía trước hàng quân và Herren đã phải hoãn gọi pháo binh yểm trợ gần trong một lúc. Nhưng bằng việc dẫn hỏa lực yểm trợ quay lại vùng núi, những chỉ huy của đại đội đã làm một việc hết sức có ích. Những dòng thác của pháo binh dội xuống triền núi đã thổi bay lực lượng tăng viện của quân địch.

Nhưng khẩu Cannon này nhả đạn thật khiếp sợ, tiếng nổ sấm sét của nó như một dàn giao hưởng dội vào tai chúng tôi. Những viên đạn pháo bay qua đầu chúng tôi với những rít riêng biệt, tiếp theo, chúng phát nổ trong tầm nhìn thấy được gần kề đó. Những chiếc ARA lượn vòng vòng trên X-Ray xả xuống những trái rocket 2.75 inch. Những chiếc máy bay ném bom hay chiến đấu của Không quân âm ỉ vượt qua bầu trời ném xuống những trái bom 250 và 500 pound cùng với những thùng napalm khủng khiếp. Lẫn lộn là những tiếng súng tiểu liên nổ gần, súng máy, và tiếng nổ của lựu đạn và đạn cối.

Lúc này rõ ràng là vùng trống rộng phía nam tổ mối đặt vị trí chỉ huy, nơi trực thăng dùng để hạ cánh, đã trở nên đặc biệt nguy hiểm. Đây là vùng trống lớn nhất, nhưng cũng gần nơi địch đang tấn công nhất. Tôi nhìn thấy một vùng trống nhỏ hơn ngay phía tây của vị trí chỉ huy của tôi, ở đó có thể nhận được 2 chiếc trực thăng nếu chặt đi một vài cái cây. Chỗ này sẽ là điểm hậu cần và di tản ra phía sau của chúng tôi nếu bãi đáp trở nên nóng bỏng hơn.

Tôi quay sang chỉ huy nhóm phát quang [demolition-team], trung sĩ George Nye, thuộc tiểu đoàn công binh 8 và nói anh ta hạ những cái cây đó xuống. Nye, 26 tuổi, người Bangor, Maine, chỉ huy 6 người tới X-Ray: Binh nhất 4 James Clark, binh nhất 5 Scott O. Henry, Binh nhất 4 Robert Deursch, Binh nhất Jimmy D. Nakayama, binh nhất Melvin Allen, và binh nhất David Willson. "Thình lình tiếng súng ngày càng mạnh lên và toàn bộ chu vi bỗng trở nên hỗn độn với những tiếng nổ không dứt." Nye nhớ lại. "Bạn có thể thấy quân địch ở xung quanh và chúng tôi trở thành một thành viên của tiểu đoàn 1, Kỳ binh 7. Thật vất vả để cố trở thành một lính bộ binh và một lính công binh cùng một lúc, nhưng chúng tôi đã làm được. Chúng tôi thổi bay mấy cái cây, không dùng cưa. Bom đạn nổ khắp nơi khiến cho việc dùng cưa trông rất kì dị. Bằng việc nổ tung những cái cây đó chúng tôi tiết kiệm thời gian cho chiến đấu. Tôi nghe thấy một người trong chúng tôi bị giết, một cậu nhóc có tên Herny, Binh nhất Henry, người Columbus, Georgia. Cuối ngày tôi mới phát hiện ra chúng tôi đã thực sự mất Henry.

Trong vòng một vài phút tôi đi cùng đại đội Charlie tiến ra phía nam, và trên điện đài gọi hỏa lực yểm trợ, và nói chuyện với Nye về việc dọn sạch bãi trống nhỏ đó. Đại úy Nadal bắt đầu chuyển lính đại đội Alpha ra hướng tây nam vượt qua một vùng đất thoáng thẳng tới lòng suối cạn.

\*Note: Trong quân đội Mỹ, những lính quân dịch nhưng phụ trách một số việc chuyên môn (như điện đài, súng máy, công binh...) được gọi là Specialist 4 hoặc Specialist 5- ở đây dịch chung là Binh nhất.

## 7/ TIẾN SÁT QUÂN THÙ

*If your officer's dead and the sergeants look white  
Remember it's ruin to run from a fight;  
So take open orde, lie down, and sit tight,  
An' wait for supports like a soldier,  
-Rudyard Kipling, "The Young British Soldier"*

Trung úy Robert E. Taft là chỉ huy của trung đội 3, đại đội Alpha. Anh nhận lệnh di chuyển từ đại úy Nadal và lập tức đem quân đi ngay. Gầy gò, trông như trẻ con, mới chỉ 23 tuổi, người Highland Park, Illinois, Bob thiết lập một vị trí chỉ cách hàng cây bên rìa bãi trống có một bước chân. Điện đài viên của anh, Binh nhất 4, Robert Hazen, cũng 23 tuổi và là người Chicago rất khó khăn để lên tới đó bởi ngoài khẩu M-16 với một lô đạn, anh còn chất trên lưng một

radio đã chiến PRC-25 to tướng.

Đại úy Nadal đang di chuyển 2 trung đội của mình hướng về lòng suối cạn để chiếm lấy chốt địa hình quan trọng này, cũng như bảo vệ sườn trái đại đội Bravo như là tôi đã ra lệnh. Nadal nói: “Tôi mới chỉ ở phía tây của lòng suối cạn thì bất ngờ tôi gặp người bạn cùng lớp ở West Point đang nằm dài trên đất cùng với điện đài viên của cậu ta. Anh nhìn lên và nói: “Rất nhiều VC ở phía trước”. Herren cũng nhớ cuộc gặp tình cờ đó: “Tôi nói cậu ta nằm xuống nếu không muốn cái mông của cậu nát bầy. Nadal liền nằm xuống.”

Xa hơn ngoài kia trong những bụi cây rậm, trung đội một và 3 của Herren đang liên kết với nhau để tiến lên, cố bắt được trung đội bị cô lập của Herrick. Nadal cho Herren mượn trung đội 2 do trung úy Walter J. (Joe) Marm chỉ huy, để cùng tấn công. Phải mất 1lúc lâu mới đưa được trung đội của Marm vào đội hình tấn công, và khi đó Deal và Devney đã bắt đầu cuộc tiến quân, Marm chậm mất 90 mét ở phía sau.

Deal nhớ lại những gì xảy ra sau đó: “Tôi ở bên trái, Devney ở bên phải, chúng tôi ở ngoài tầm liên hệ với ban chỉ huy đại đội. Cả 2 trung đội tiến thẳng tới chỗ của Herrick và chúng tôi gặp phải vài loạt đạn súng máy cùng súng hạng nhẹ bắn tới gây ra vài thương vong nhẹ và vừa. Khi đạn bắn dần dần tăng lên tới mức dữ dội thì chúng tôi buộc phải rút lui tới một vị trí phòng thủ, nơi chúng tôi có thể đánh giá tình hình.”

Vào lúc đó, trung úy Taft và trung đội 3 của mình thuộc đại đội Alpha đụng độ với khoảng 150 quân địch đang tấn công xuống dọc theo cả 2 bên bờ suối cạn. Nadal, người đã ở VN một năm với Lực lượng đặc biệt, nhìn qua lòng suối cạn khi quân địch đang tuôn xuống, vọt ra ngoài những hàng cây, anh biết rằng đây không phải là du kích Việt Cộng mà là quân Bắc Việt. Anh ta hét lên trong làn sóng của tiểu đoàn: “Quân Bắc Việt! Quân Bắc Việt!”

Binh nhất 4 Carmen Miceli, người vùng North Bergen, New Jersey, nhớ lại: “Chúng tôi được lệnh bỏ ba lô xuống. Chúng tôi phải dàn hàng ngũ tiến lên phía trước tấn công. Tôi thấy binh nhất 4 Bill Beck xách một khẩu M-60 phía bên trái tôi. Đại úy Nadal ở ngay đó với chúng tôi. Đạn chụp ngay lên chúng tôi và nhiều người bắt đầu ngã xuống. Chúng tôi có thể thấy quân địch rất rõ ràng. Chúng tôi đang tấn công. Rất nhiều người đã bị trúng đạn ngay tức thì.”

Trung sĩ Steve Hansen ở ngay sau phía trái của trung úy Taft. Anh nói: “Chúng tôi chạy những bước dài vượt qua một khoảng cỏ trống thẳng tới hàng cây và nghe thấy tiếng súng nổ trên mỏm đất cao phía tây, nơi chúng tôi đang lao đầu tới. Người bạn điện đài viên của tôi, Binh nhất 4 Ray Tanner, và tôi vượt qua dòng suối cạn. Nhóm của đại úy Nadal và hai trung đội khác ở chếch về phía bên phải. Trung úy Taft dẫn đầu khi chúng tôi vượt qua tới những hàng cây. Trung sĩ nhất Lorenzo Nathan, Ray Tanner và tôi ở rất gần phía sau, có lẽ chỉ 3 mét. Chúng tôi đang di chuyển rất nhanh. Binh nhất 4 Pete Winter ở gần sau tôi.

“Chúng tôi chạy vào một bức tường đạn. Mọi người trong tiểu đội đi đầu đều trúng đạn. Khoảng thời gian chúng tôi nhận lệnh di chuyển cho tới lúc có người bị chết chỉ vào khoảng 5

phút. Quân địch ngay sát chúng tôi và đã tràn qua một vài người bị chết. Đạn bắn dữ dội. Trung sĩ Nathan kéo chúng tôi lại rút khỏi hàng cây quay về dòng suối cạn.”

Hazen, điện đài viên của Taft nhớ lại: “Trung úy Taft ở ngay trước mặt tôi. Tôi đứng sau phía trái của anh. Anh ta cầm ống nghe bên tay trái, nối với điện đài trên lưng tôi bằng 1 dây co dẫn. Khi dây căng ra tôi bị kéo lại gần trung úy, tôi la lên: “Chúng ta vọt ra khỏi hàng rồi”. Anh liếc tôi, rồi quay lại phía trước, tiến thêm lên 4 bước, bắn vào thứ gì đó hai phát. Tôi không thể thấy đó là gì.

“Sau đó anh ngã úp mặt xuống đất. Taft đã bị trúng đạn. Tôi không thể nhận ra vết thương tề đến thể cho tới khi tôi lật anh ta lại. Anh bị bắn ngay vào cổ họng và viên đạn chui xuống xuyên qua sườn trái. Anh đã chết và rất khó khăn để lật anh ấy lại cho dù anh là một người nhẹ cân.”

Nadal nói: “Quân địch bắt đầu di chuyển xuống núi rất nhanh trong những cuộc tấn công dường như không có sự phối hợp. Chúng tràn xuống phía vùng đất cao, rồi xuống lòng suối cạn. Quân địch hiểu rõ vùng này, chúng tiến theo một đường được che chắn rất tốt. Trung đội 3 ở vào chỗ dữ dội nhất và những tiếng súng nổ nhiều nhất đến từ bên trái tôi. Vào lúc này tôi mất liên lạc điện đài với trung đội của Taft.”

Nơi trung tâm của cơn thịnh nộ, Bob Hazen, đã cố kéo và lật người trung đội trưởng của mình lên. “Anh ấy đã chết và không thể làm gì hơn. Điều đầu tiên mà tôi nghĩ tới là những gì họ đã dạy tôi: Không bao giờ để lọt vào tay quân địch bản đồ và Bảng ký hiệu mật mã. Tôi lấy những thứ đó ra khỏi người trung úy Taft và đang lúc nửa quỳ để kéo anh lại thì chiếc điện đài của tôi bị trúng đạn. Một mảnh vỡ của nó đập vào phía sau đầu tôi. Nó không làm đau đớn lắm, nhưng sự bất ngờ đã làm tôi ngã sấp mặt xuống đất ngay kế Taft. Tôi cảm thấy có thứ gì đó chảy xuống cổ rồi tới vai, và cuối cùng máu chảy tràn ra mặt đất.” Carmen Miceli nằm ở phía bên phải của Hazen: “Chúng tôi biết chuyện gì đã xảy ra. Tin tức lan nhanh: “Chúng đã hạ được trung úy Taft!”

Trung đội một của trung úy Wayne O. Johnson ở ngay bên phải quân của Taft. Trung sĩ trung đội của Johnson, trung sĩ nhất Troy Miller, nhớ lại: “Chúng tôi có thể thấy quân địch đuổi theo trung đội 3 như điên dại. Đó là một vùng phơi lộ ra nhiều hơn vùng của chúng tôi và quân Bắc Việt có một đường tiến quân được che chắn và dấu mình tốt hơn họ. Quân địch được ngụy trang rất tốt và bạn rất khó nhìn ra họ bởi vì quân phục ka ki, mũ cối của họ có cùng màu sắc với những đám cỏ màu vàng nâu. Chúng trông dường như rất kỷ luật và không hề sợ chết một chút nào.

Binh nhất William A. Kreischer, 21 tuổi, người vùng Hauppauge, New York, là một tay súng trong trung đội của Taft. Kreischer nói: “Chúng tôi dàn hàng ngang tấn công; sau đó bị đâm bật trở lại, trông dường như chúng tôi bị bắn từ đằng sau, từ vùng suối cạn.”

Giống như các đơn vị khác trong tiểu đoàn, tiểu đội hỏa lực của trung đội 3 bị thiếu quân số. Nó có 2 tổ súng máy M-60, mỗi tổ theo biên chế gồm một xạ thủ, một trợ lý xạ thủ, và 2 người

tiếp đạn. Thực tế, nó bị giảm xuống còn 3 người một tổ, tổ kia thậm chí chỉ có 2 người. Tổ một gồm xạ thủ, binh nhất Russell E. Adams, 23 tuổi, người vùng Shoemakersville, Pennsylvania; trợ lý, binh nhất Bill Beck, 22 tuổi, người vùng Steelton, Pennsylvania; và người tiếp đạn binh nhất John Wunderly. Adams còn chính xác 14 ngày nữa là hết thời gian chấp hành quân dịch khi nhảy xuống X-Ray. Chỉ cao có 1m7 và nặng 145 pound, Adams nhỏ con nhưng dẻo dai; anh ta sách khẩu M-60 khá dễ dàng. Beck cao 1m85 gầy và chắc. Tổ 2 chỉ gồm binh nhất Theron Ladner, xạ thủ, 22 tuổi, một người cao và mỏng đến từ Biloxi, Mississippi, và người trợ lý, binh nhất Rodriquez E. Rivera.

Beck nói Adams là người bạn tốt nhất của anh, một người trầm tĩnh, dễ nói chuyện, có hai bàn tay rất lớn. “Anh ấy chẳng nói nhiều, không bao giờ tranh cãi, chỉ lau chùi khẩu M-60 của mình.” Beck nói thêm, “Chúng tôi tiến thẳng tới suối cạn sau khẩu lệnh. Bất ngờ, đạn bắn khắp nơi và Kirsch chỉ trước tôi có 3 mét bị trúng đạn súng máy, đổ xuống và la hét, anh ấy lăn lộn trên đất, miệng kêu tên mẹ. Việc này làm tôi sợ chết khiếp và lập tức nhảy xuống bên trái để ẩn nấp, ngờ đâu ngay bên cạnh là một người lính khác cũng đang nằm dưới đất. Anh ấy ở tư thế đang bắn súng và trợn mắt nhìn tôi. Đó là trung sĩ Alexander Williams. Anh ấy có một lỗ nhỏ trên trán và anh ấy đã chết.” Williams, 24 tuổi, tới từ Jacksonville, Florida.

Beck nói: “Tôi nhảy lên cũng nhanh như lúc nhảy xuống và chạy thẳng phía trước, tới chỗ của Adams, anh vừa mới vượt qua chỗ Kirsch nằm. Chúng tôi ở trong một bãi trống dài khoảng 30 mét bên trái suối cạn, di chuyển song song với nó thẳng tới núi Chu Pong. Không ai nói với chúng tôi phải tiến lên bao xa, vì thế chúng tôi cứ tiếp tục tiến tới. Tôi nghe thấy Hazen la lên rằng trung úy Taft đã trúng đạn. Tôi thấy anh ta nằm trên người Taft khi một lính Bắc Việt thối tung anh ta và chiếc điện đài lên thành từng mảnh. Lưng anh ấy hướng về suối cạn. Tất cả những thứ đó xảy ra cùng một lúc, bạn biết đấy, khoảng 30 giây. Chúng tôi vẫn tiếp tục di chuyển. Adams cặp súng ngang hông và xả đạn, thối bay một lính Bắc Việt đang chĩa khẩu AK-47 vào chúng tôi từ một cái chạc cây.”

Trên bờ đông của dòng suối Hazen nằm đó, bất tỉnh một lúc, bên cạnh trung úy đã chết của anh. Khi anh tỉnh lại, anh giúp y sĩ kéo xác của Taft lùi về phía suối cạn. “Chúng tôi bị bắn. Tôi quay qua nhìn phía bên phải, phía sau tôi là một lính Bắc Việt, đang dựa vào một cái cây. Chúng tôi vượt qua anh ta lúc nào. Người y sĩ và tôi đều trông thấy anh ta, mặt úp vào phía trong, mũ cối trên đầu, quần phục màu nâu, có dây đeo súng ngắn và một cây súng. Tôi không có súng. Anh ta nhìn qua chúng tôi, ngay lúc đó có ai đó ở bên trái tôi bắn trúng anh ta. Anh bị tổng mạnh vào cây và sụp xuống.”

Binh nhất Kreischer, choáng váng trước sức mạnh của hỏa lực địch, nói, “Binh nhất Kirsch bị trúng đạn vào bụng dường như cùng lúc với trung úy Taft, và điện đài viên Hazen. Trung sĩ Travis Poss, binh nhất 4 Albert Witcher, và trung sĩ Williams sau đó đều trúng đạn. Chúng tôi thối lui về phía suối cạn. Kirsch la toáng lên vì vết thương nơi bụng- nó thật nặng.”

Cho dù bị đánh rất rát và chịu vài thương vong, nhưng trung đội của Taft, giờ được chỉ huy bởi, cựu binh chiến tranh Triều Tiên, trung sĩ Nathan, đã đứng vững và đã chặn được cao trào của

đợt tấn công. Quân địch lùi lại, và từ từ chuyển sang bên trái của chúng, vẫn tiếp tục cố gắng đánh vào sườn của đại đội Bravo. Điều này dẫn chúng tới ngay trước mặt hàng quân của Joe Marm, họ đã kịp tiến lên kết hợp được với Bravo. Khoảng 80 lính Bắc Việt bị bất ngờ bởi từng loạt từng loạt mưa đạn súng máy M-60, tiểu liên, lựu đạn mà lính của Marm dội xuống sườn phải bị hở của họ. Chúng chết như rạ. Hai tên bị bắt làm tù binh.

Một vài người vẫn còn nhớ cách hành động lạ lùng của lính Bắc Việt, những người nằm dưới làn đạn tàn sát này. Nadal nói: “Nó không giống như là đang đánh nhau; trung đội 2 chỉ như đang tàn sát họ.” Trung sĩ Les Staley nhớ lại: “50 quân Bắc Việt tới gần, chúng đi ngang trước mặt chúng tôi và bị hạ gục gần hết hầu như ngay lập tức và chúng không quay lại để bắn trả chúng tôi.” Những tên địch sống sót lùi trở lại phía bên phải của chúng, điều này đưa chúng lại tới ngay trước mặt của trung đội một và 3 thuộc đại đội Alpha, lúc này được che chắn vì nằm dưới lòng suối cạn sâu tới 1m2. Một lần nữa họ bị hạ gục bởi đạn bắn ngang sườn ở thật gần từ phía phải. Họ như bước vào một trường bắn.

Trung sĩ Troy Miller thuộc trung đội một lúc đó ở ngay vùng nóng bỏng nhất: “Tôi thấy một lính Bắc Việt trong lòng suối cạn, bị bắn vào phần trên của cơ thể, bị một trung sĩ của trung đội 3 và một tiểu đội trưởng thuộc trung đội tôi giết. Anh ta cách không quá 3 mét. Sau đó, chúng tôi lục soát người hấn và phát hiện thấy hấn đang giữ miếng thẻ bài của Taft (dog tags).

Đại úy Nadal, bị mất liên lạc điện đài với trung đội của Taft, di chuyển lên chỗ bắn nhau dữ dội nhất nằm phía trái của mính để tìm hiểu chuyện gì đang xảy ra. Nadal nói: “Điện đài viên của tôi, trung sĩ Jack E. Gell, trưởng nhóm thông tin đại đội, người đã xung phong mang một trong 2 cái điện đài của tôi, chạy cùng với tôi rời khỏi lòng suối cạn ra vùng đất trống thẳng tới vị trí của trung đội Taft. Chúng tôi tới chỗ trung sĩ Nathan, tôi hỏi anh chuyện gì xảy ra. Anh nói trung đội bị đánh vào sườn trái; tiểu đội ở đó bị thương vong nặng và phải lùi ra khỏi lòng suối, nhường lại sườn trái của họ cho quân địch. Nathan nói, Taft bị trúng đạn và bị bỏ lại ở lòng suối.

“Điều đó làm tôi giận điên lên. Chúng tôi đã được dạy rằng không bao giờ bỏ bất kỳ người bị thương hay chết nào ngoài chiến trường. Trung sĩ Gell và tôi bò lên phía trước đội hình của chúng tôi, tới chỗ lòng suối đó, nơi có quân địch, để tìm Taft. Chúng tôi bị tấn công bằng lựu đạn ném từ phía bờ tây của dòng suối nhưng được che chắn bởi một vài cái cây ở đó. Chúng tôi xác định được Taft, đã chết. Trong khi đang lúi cúi ấy về thì chúng tôi phát hiện một người khác cũng bị bỏ lại phía sau. Sau khi để thi thể Taft lại cho trung đội của anh, Gell và tôi quay lại và đưa người lính đó về.”

Bill Beck và Russell Adams lúc này đã đi được hơn 90 mét về phía núi và dừng độ nặng nề với một toán đông quân địch cách họ 30 mét về phía tây và nam đang ở xung quanh suối cạn. Beck nói phần việc của họ thật có tác động: “Khi tôi đang bám theo Adams, trong những tiến ồn của súng nổ ai đó hét lên: “Lựu đạn!”, và ngay trước mặt tôi một quả lựu đạn có cán lẫn long lóc và dừng lại, chỉ cách không quá 2 mét. Tôi nhóm người định lăn xuống đất, gối tôi sụp xuống; tiếp theo là một tiếng nổ cùng một ánh chớp màu vàng-trắng. Tôi đã không nằm xuống đất và tiếp

tục di chuyển, xách theo những thùng đạn M-60.

“Phía bên phải, cách 20 mét, là một gò tổ kiến lớn, có một bụi cây mọc trên đó, ngay phía ngoài lòng suối. Những người lính Mỹ nằm một bên và bên kia là 2 lính Bắc Việt. Tôi không nghĩ là họ có thể thấy quân địch. Tôi hét muốn nổ phỏi, nhưng không ai nghe thấy tôi bởi tiếng đạn bao trùm mọi thứ. Ai cũng như điếc đặc. Vũ khí duy nhất mà tôi có là khẩu súng ngắn 45”

Becks nói: “Lúc đó tôi nhảy, chạy té lên té xuống đám bụi cỏ, tôi rút khẩu .45 ra bắn nguyên cả băng đạn và 2 lính Bắc Việt gục xuống. Adams gọi tiếp đạn, tôi tiến lên gần anh gần một gốc cây. Chúng tôi lúc này ở vị trí xa nhất, tôi nhồi hết dây đạn này tới dây đạn 7.62mm khác. Chúng tôi đều nằm xoài ra mặt đất, Adams bắn vào quân địch ở phía trước và bên phải. Phía bên phải cách khoảng 3 mét là những đồng đội của chúng tôi, Ladner và Rivera bên khẩu M-60 của họ. Chúng khó thể nhìn thấy họ lẫn trong đám cỏ.”

Beck nói tiếp: “Tôi có nhiệm vụ xác định những chuyển động ở phía trước, và chỉ cho Adams bắn. Chúng tôi tiếp tục như vậy nhắm vào vài đợt tấn công. Chúng tôi lọt vào góc tứ giác của tầm bắn địch, đạn của chúng chỉ trúng thân cây hay bay vèo qua đầu. Russ đã chặn được các đợt tấn công này, khi đó chúng tôi bắt đầu tìm người tiếp đạn của tổ, John Wunderly. Tôi vẫn còn nhớ tới giờ cái nóng khủng khiếp và sự kiệt sức rã rời, như thể tôi không hít thở nổi lấy một hơi. Chúng tôi ướt đầm mồ hôi, mặt trời rất nóng, nhất là khi chúng nằm dưới đất trong đám cỏ, không có một vật gì che chắn bảo vệ, ngoại trừ cỏ.”

Một trong những lần bò ra ngoài để đưa thi thể của Taft và những lính bị thương về, Nadal nhìn thấy ra Beck và Adams phía bên trái cách khoảng 20 mét và đang chạy về phía núi. Beck cùng Adams và tổ M-60 khác chỉ dừng lại điểm cuối cùng khi cách hàng quân của trung đội 3 ít nhất là 70 mét. Adams nói đơn giản: “không ai nói chúng tôi dừng lại, vì vậy chúng tôi tiếp tục tiến lên.

Khi ngồi ghép lại những mảnh của bức tranh về trận đánh lộn xộn và biến đổi nhanh chóng này, tôi thấy rõ ràng rằng những xạ thủ súng máy dừng cảm đó đã gây những tổn thất nặng nề cho một nhóm đông quân Bắc Việt, đang vội vã tràn xuống núi tăng viện cho đợt tấn công vào sườn trái của đại đội Alpha. Beck và đồng đội đã phải một cái trả giá thật khủng khiếp, nhưng vô tình họ đã ngăn quân địch chiếm sườn trái của Nadal và tạo ra một lỗ thủng giữa 2 đại đội Alpha và Charlie.

Trên cao, một trong số những hỏa lực yểm trợ hiệu quả nhất được thực hiện bởi những chiếc A-1E Skyraider, loại máy bay một động cơ cánh quạt cổ lỗ từ thời chiến tranh Triều Tiên, chúng cho thấy giá trị rất lớn của mình khi cung cấp những hỗ trợ từ trên không chiến thuật cho lính dưới mặt đất. Nó bay chậm, nhưng giáp dày, và dễ sản xuất; nó bắn rất chính xác, và hơn cả là nó có thể vòng vòng ở trên khu chiến tới 8 giờ đồng hồ.

Đại úy Bruce M. Wallace, một lính quân địch thời chiến tranh Triều Tiên và đã tốt nghiệp West Point năm 1956, đang thực thi nhiệm kỳ thứ 2 của mình ở VN trong Không quân năm 1965, lần

này bay trên một chiếc “Spads”, nickname của những chiếc A-1E. Wallace nói: “Chiếc Skyraider thích hợp tuyệt đối cho việc thả bom chính xác, cả về thời gian và vị trí, xuống chỗ mà những chỉ huy mặt đất yêu cầu. Nó chậm chạp, vụng về, kèn càng và là miếng mồi cho địch quân. Nhưng bạn có thể treo mọi thứ dưới cái cánh của nó. Khi trận đánh Ia Drang trở nên dữ dội, tất cả máy bay và phi đoàn có thể có của phi đội Không quân xung kích 602 [Air Commando] được tập trung cho phi vụ này.

Khoảng 2 giờ, một trong số những chiếc A-1E này bay tới từ phía nam trên dãy núi, bay rất chậm, và chỉ cao hơn ngọn cây, thả bom xuống vị trí xuất phát tiến công của quân địch. Bất ngờ có một tiếng nổ và chiếc Spad bốc cháy. Nó tiếp tục chúi xuống dọc theo suối cạn, kéo theo một đuôi khói và lửa, vượt qua đầu chúng tôi, lượn lại phía đông và loạng choạng khoảng 2 dặm trước khi rơi xuống đất tạo thành một quả cầu lửa và khói đen. Chúng tôi không thấy ai nhảy dù. Phía trên, đại úy Matt Dillon trong chiếc trực thăng chỉ huy có cái nhìn rõ ràng hơn: “Chiếc máy bay bốc cháy, đổi hướng và rơi xuống phía đông X-ray. Có một tiếng nổ và một đám cháy. Chúng tôi bay tới để xem có ai sống sót hay không. Không lâu sau tiếng nổ, nhiều quân địch, khoảng 20 hoặc 30 tên chạy tới chỗ máy bay rơi. Tôi gọi những chiếc ARA tới phóng rocket vào chúng.”

Tài liệu của Không quân cho biết, phi công chết trong chuyến bay đó là đại úy Paul T. McClellan, Jr., 34 tuổi, người West Stayton, Oregon, là phi công phi đội một Không Quân xung kích. Wallace nói: “Paul có thể bị hạ bởi chính những mảnh bom của anh ấy. Chúng tôi đem theo cả hai loại bom thường và bom napalm trên cùng một chiếc máy bay và độ cao [thả bom] an toàn của hai loại bom này khác nhau. Rất dễ chọn nhầm nút trong khoang lái trong lúc khẩn cấp khi phải bay ở cao độ thấp dưới những làn đạn bắn lên. Tuy nhiên nguyên nhân chính xác của vụ rơi máy bay không bao giờ được chính thức xác nhận”.

Trong lúc này, quay trở lại sở chỉ huy lữ đoàn 3, Chuẩn tướng Dick Knowles được thông báo đầy đủ chi tiết về trận đánh đang tiến triển rất mau lẹ của chúng tôi.

Tù binh mà chúng tôi bắt đã được khai thác; hắn xác nhận đơn vị của mình là một tiểu đoàn thuộc trung đoàn 33 QĐND. Tình báo cho biết trung đoàn 66 và trung đoàn 320 cũng ở trong khu vực. Khi Knowles hối thúc, Tư lệnh sư đoàn, trung tướng Harry Kinnard, bay từ sở chỉ huy sư đoàn ở An Khê tới để hội ý. Knowles nói: “Khi tướng Kinnard tới, tôi chỉ cho ông thấy bản đồ tình huống. Ông ấy nhìn một cái và nói: “Các anh làm cái quái gì trong vùng đó?” Tôi trả lời: “Vâng, thưa Tướng quân, mục đích của hành quân là tìm kiếm quân thù và chúng tôi chắc chắn là thứ quý ấy có ở đấy”. Sau một khoảng lặng ngượng ngịu cùng với một vài câu hỏi, ông ấy nói: “OK, có vẻ hay đấy. Cho tôi biết các anh cần những thứ gì”.

Trong khi mọi chuyện trên đang diễn ra, John Herren vẫn cố vươn tới trung đội bị chia cắt của trung úy Herrick một cách tuyệt vọng. Những trung đội khác của anh đang phải đối đầu với một số đông quân địch di chuyển giữa họ và Herrick. Trong lúc hỗn loạn, trung úy Bill Riddle, trinh sát pháo binh của Herren, tự mình tiến lên phía trước và nhập với trung úy Devney. Herren vẫn còn ở lòng suối cạn, phía phải vị trí của đại đội Alpha của Nadal, cố gắng lấy được

trung đội của trung úy Marm để tăng viện cho Deal và Devney.

Những loạt súng ngang sườn huỷ diệt của đại đội Alpha tuôn vào quân địch cùng với những chấn động của bom đạn mà pháo binh và máy bay liên tục yểm trợ đã khiến cho quân Bắc Việt lùi lại và giảm dần tấn công. Điều này tạo cơ hội cho lính của trung đội Marm tiến lên và bắt tay được với 2 trung đội của đại đội Bravo. Bây giờ họ có thể thực hiện một đợt tấn công với đội hình 3 trung đội hướng tới chỗ những người bị chia cắt. Ba trung đội dàn hàng ngang, sát nhau, từ trái qua phải: Deal, Devney và Marm.

Deal nhớ lại: “Chúng tôi tiến hàng ngang được khoảng 90 cho tới 130 mét thì bị một hàng rào đạn chặn lại. Chúng tôi bị thương vong rất nhiều. Tôi điện cho trung đội của Herrick và nói: “Tôi nghĩ chúng tôi đang ở rất gần các cậu. Hãy bắn một viên đạn rồi ngừng lại đếm đến 3 thì bắn tiếp 2 viên nữa”. Điện đài viên hay một ai đó cầm ống nghe, đã làm như vậy, chúng tôi có một chút định hướng được nơi anh ta đang ở. Chúng tôi đứng dậy và bắt đầu tấn công lần nữa. Chúng tôi đi được khoảng 10 mét thì nhận ngay những cái tát trời giáng. Quân địch đã lọt qua vị trí giữa chúng tôi và Herrick, nay xuất hiện ở phía sau chúng tôi.

“Tôi thấy trung sĩ trung đội Leroy Williams bắn vào một cái cây, một vũ khí rớt xuống nhưng xác người thì không. Nó được buộc chặt trên ngọn cây. Có ít nhất 15 người bị thương hay chết nằm ngoài trước, lúc này y sĩ của chúng tôi, binh nhất 5 Calvin Bouknight, vọt dậy khỏi chỗ nấp và bắt đầu sơ cứu cho những người bị thương. Anh ta băng bó được cho khoảng 4-5 người, luôn luôn dùng thân mình chắn giữa làn đạn và người mà anh đang băng bó. Bouknight bị thương nặng đến chết khoảng năm phút sau khi anh thực hiện cái hành động anh hùng gây sửng sốt ấy. Bouknight, 24 tuổi, từ Washington D.C.

Deal nói: “Bất ngờ một khoảng im ắng diễn ra trên khu chiến. Trong khoảng im ắng đó một người thuộc trung đội tôi nhón lên quỳ bằng đầu gối trong khi chúng tôi tất cả nằm bẹp dí dưới đất. Ngay tức thì anh ta bị bắn vào phần trên của cơ thể, cách tôi 3 mét, tôi nghe thấy viên đạn cắm phập vào phần thịt người. Âm thanh của nó giống hệt như khi bạn cầm một mái chèo ca-nô và đập nó xuống bùn vậy. Một viên đạn, một người bị trúng, và một người nữa bị hạ. Cũng trong khoảng lặng ấy, cái hông của điện đài viên của tôi bị nổ tung, thật khủng khiếp nếu như bạn thấy, trước khi máu trào ra tôi thấy một mẩu xương lỏm chồm trắng hếu ròi ra. Tôi sơ cứu cho anh ta và cố giúp anh ta khỏi bị shock. Anh ấy nói: “Tôi sẽ không sao đâu. Chỉ cần chỉ cho tôi tới chỗ nào thôi.” Anh ấy tự một mình quay lại trạm cứu thương.”

Trung úy Deal nói thêm về chuyện anh và 2 trung đội trưởng kia bàn kế hoạch thực hiện một nỗ lực nữa để vượt qua quân địch tới chỗ của Herrick. “Các chỉ huy chạy tới chạy lui để cùng phối hợp tấn công thì tiếng súng lại bất ngờ nổ ra dữ dội. Khoảng lặng biết mất thật nhanh chóng. Lần này thì trung sĩ trung đội trưởng trung đội hỏa lực của tôi Curry, ‘The Chief’ bị giết. Câu nói cuối cùng của anh là: “Lũ khốn kiếp này đang cố hạ tôi!” Anh bị bắn trúng khi đang lăn tròn trên đất. Sau này, khi người của tôi mang anh ấy về, tôi họ đặt anh ấy xuống, tôi ôm lấy mặt anh ấy hướng vào mắt mình, tôi không thể tin được anh ấy đã chết.” Trung sĩ Wilbur Curry, Jr đến từ Buffalo, New York, 35 tuổi.

Deal nói trung đội của mình và 2 trung đội kia đứng dậy và bắt đầu đợt tấn công mới và một lần nữa bị đẩy lùi vì hỏa lực bắn thẳng rất dữ dội. “Chúng tôi đã thể hiện tất cả những gì mình có nhưng cuối cùng có quá nhiều người bị thương khiến chúng tôi phải dừng lại và phải nói với nhau “Hãy ra khỏi chỗ này thôi”. Trung sĩ trung đội Larry Gilreath nói, “Chúng tôi bắn, vận động, và tấn công theo đội hình hàng ngang nhưng lần nào cũng vậy, quân Bắc Việt đợt sẵn chúng tôi và nổ súng.”

Cách xa không quá 90 mét, lính của Herrick phải chạy đua cho sinh mạng của mình. Ngay sau khi trung sĩ Savage quét gọn khẩu súng máy và đám xạ thủ của nó. Anh phát hiện thấy chuyển động nơi cuối mắt mình, phía sau cái suối cạn nhỏ. Quay lại theo hướng đó anh phát hiện một lượng lớn quân địch đang di chuyển rất nhanh. Savage nói: “Có khoảng 50, hoặc thậm chí 70 tên, chúng không bắn vào chúng tôi; chúng đang cố vòng qua bên phải cố gắng ra phía sau chúng tôi. Chúng tôi bắn vào chúng cùng tiếp tục bắn về phía trước mặt. Sau đó chúng thọc qua sườn chúng tôi. Không có cách nào chúng tôi kiểm soát được tình thế, chúng tôi có quá ít người.”

Lúc này 2 khẩu súng máy của Hurdle đang bắn ra hai hướng, trước mặt và bên phải. Tiểu đội của Savage, cũng phải chiến đấu trên 2 hướng, ở phía trước những khẩu súng máy khoảng 27 mét. Và họ bắt đầu rút lui theo phương thức, một nhóm bắn cho nhóm kia rút rồi đảo lại, hướng về phía trung đội đang ở phần thấp hơn của mỏm đất. Savage nói: “Những khẩu súng máy đã đặt ở phần thấp hơn của mỏm đất rồi và đang nhả đạn.Ồn ào khủng khiếp, khi chúng tôi bắt đầu rút lui, tôi thấy cả hai khẩu súng máy vẫn ở đó và nổ súng vào phía trên mô đất trời lên và chỗ sườn dốc xuống của gò đất. Chúng tôi lùi qua quá chỗ 2 khẩu súng. Binh nhất Bernard Birenbaum là một trong những xạ thủ, anh ấy bám chặt vào khẩu súng, chắc chắn đã gây cho quân địch những tổn thất lớn trước khi ngã xuống. Những luồng đạn của anh cho phép chúng tôi rút lui, chúng tôi vượt qua ngay chỗ của anh. Cứ tưởng như anh ấy bắn vào chúng tôi, không, quân địch ngay phía sau chúng tôi và anh ấy bắn vượt qua chúng tôi. Mọi thứ tiến triển thật nhanh.”

Herrick và hai tiểu đội kia đang tạm thời giữ được một mô đất nhỏ gần với chân của mỏm đất. Savage nhập với tiểu đội của McHenry, đang bị ấn bẹp dí xuống đất. Herrick ở cùng với tiểu đội này. Tiểu đội của trung sĩ Zallen nằm ở phía sau, bên trái. Savage kiểm điểm lại lính mình khi nhập với McHenry. Anh biết rằng binh nhất 4 Robert M. Hill, xạ thủ M-79 không còn đi với mình nữa. “Hill bị giết ở một nơi nào đó ngoài kia. Cậu ấy có một khẩu M-79 và 1 khẩu súng ngắn 45 và cùng một lúc bắn bằng cả hai khẩu đó.” Hill, 23 tuổi, người Starkville, Mississippi.

Lúc này tất cả lính của Herrick tập trung trên mô đất nhỏ, nằm dưới làn đạn dữ dội của quân địch từ phía bắc và phía đông. Thật không may, 2 tổ M-60 ở cách họ một khoảng 30 mét, dưới thấp. Khi Savage triển khai quân mình vào vị trí chiến đấu, quân Bắc Việt tiến hành một đợt tấn công mới, đã có tăng viện, từ 3 hướng; hướng bắc từ trên mỏm đất xuống; hướng tây nam từ dưới chân mỏm đất lên và tệ nhất là, 50 tới 70 tên vượt qua rãnh nước cạn tiến thẳng tới sau lưng hai tổ súng máy. Trung úy Herrick và trung sĩ trung đội Carl Palmer ở ngay trung

tâm của cuộc tấn công. Tới lúc này Savage một mình đã giết được 15 tới 20 tên địch. “Hai khẩu súng máy vẫn tiếp tục bắn và chúng tôi chiến đấu quyết liệt hết mức có thể, để ngăn quân địch lại gần. “Chúng quá đông, ở khắp mọi nơi.” Savage nhớ lại.

Herrick hét gọi tổ súng máy chạy lên mô đất. Một tổ lùi về và tới chỗ chân mỏm đất, cùng với trung sĩ Hurdle. Tổ kia, gần hơn, tháo súng và bò lên mỏm chui vào vòng tròn bé tẹo của quân Mỹ. Khẩu súng của trung sĩ Hurdle vẫn tiếp tục bắn để yểm trợ cho cuộc rút lui. Nó bị tấn công bởi một nhóm đông quân Bắc Việt đang vây xung quanh. Đây là khoảng thời gian tuyệt vọng nhất mà trung đội phải chịu đựng, họ mất nhiều người nhất và mất một trong 2 khẩu súng máy.

Savage nói: “Quân địch vượt qua tổ súng máy trước khi họ ngưng tiếng súng. Tôi có thể nghe thấy Hurdle chửi rủa lúc ngã xuống. Thậm chí tiếng súng nổ ầm ỉ xung quanh, tôi vẫn nghe thấy anh. Anh ấy nổi tiếng với câu: “Motherfucker! Son of a bitch!” Tôi có thể nghe thấy anh hét lên như thế, dưới đó. Sau đó chúng ném lựu đạn xuống chỗ anh.” Hurdle, 36 tuổi, từ Washingto D.C. Birenbaum, 24 tuổi, người New York City. Binh nhất Donald Roddy, 22 tuổi, Ann Arbor, Michigan. Cả ba người họ chết dưới cơn mưa đạn và lựu đạn của quân thù.

Khi trung sĩ Wayne M. Anderson và người trợ lý xạ thủ rút lên mỏm đất, mang theo khẩu M-60, quân địch ở dưới quay ngược khẩu M-60 của Hurdle lại và dùng nó bắn vào lính Mỹ ở trên mỏm cao. Số đạn của khẩu súng chỉ còn lại là dây đạn duy nhất đang gắn trên súng. Anderson la toáng lên rằng mặt anh ấy đang bốc cháy. Đúng vậy, những mảnh vỡ của trái lựu đạn phốt pho trắng đang dính trên mặt anh, bốc khói và cháy âm ỉ trên da mặt. Trung sĩ Zallen đỡ Anderson, với sự giúp đỡ của Savage, họ dùng lưỡi lê để gạt những mảnh “Willy Peter” đang cháy ra khỏi mặt.

Quân địch, hơn 150 người, đang tấn công lên mỏm đất theo 3 hướng- bắc, nam, và đông- những người lính của 2 bên đều ngã xuống. Herrick chạy từ người này tới người khác cố gắng tổ chức phòng ngự. Một loạt đạn chụp vào người Herrick; điện đài viên, binh nhất 4 John R. Steward; trinh sát pháo binh, trung sĩ John T. Browne, làm bị thương cả 3, Herrick và Brown rất nặng, Steward bị một viên đạn xuyên vào chân.

Herrick điện cho đại đội trưởng Herren nói rằng anh đã bị thương nặng và đang trao quyền chỉ huy trung đội lại cho trung sĩ Carl Palmer. Sau đó chỉ dẫn rõ ràng cho người của mình cách phá huỷ bảng ký hiệu mật mã, tái phân phối đạn dược, gọi pháo yểm trợ và nếu có thể, mở một đường thoát. Herren nói: “Tôi đã chuyển tới Herrick tấn cả niềm tin trên đời này rằng cậu sẽ kéo được trung đội sát cánh bên nhau và sẽ đứng vững.”

Nào chúng ta nên cùng nhau đánh giá đúng cậu ấy. Savage và Zallen đã vẽ nên một bức tranh rõ ràng về một người trung úy trẻ đầy nhiệt huyết, người đã làm một việc phi thường trong cơn bão đạn lửa. Trung đội của anh đã chặn đứng một đơn vị lớn quân Bắc Việt rõ ràng đang đổ xuống nhập vào đợt tấn công vào bãi đập. Lâu rồi, trước đây, tôi đã kết luận rằng sự hiện diện quý giá của Herrick tại nơi xa phía tây bắc ấy đã làm bối rối những chỉ huy quân địch khi xác

địch vị trí của chúng tôi và xác định chúng tôi đã thâm nhập được bao xa vào trong vùng, trên tất cả các hướng, và vì vậy giúp chúng tôi rất nhiều khi trận đánh tiến triển.

Savage nhớ lại những phút cuối cùng của Herrick: “Cậu ấy nằm dài dưới đất ngay cạnh tôi trên mỏm đất, cậu ấy nói: ‘Nếu tôi phải chết, tôi rất hài lòng hiến dâng đời mình cho tổ quốc tôi.’ Tôi nhớ cậu ấy nói như vậy. Cậu ấy bắt đầu bị sốc, bị bắn trúng hông và rất đau đớn. Cậu chẳng sống được lâu nữa. Cậu ấy chết khi trận đánh còn quá sớm, nằm kế một gốc cây nhỏ”. Binh nhất 5 Charles R. Lose, 22 tuổi, người Mobile, Alabama, là y sĩ trung đội, “Trung úy Herrick đang quỳ thì trúng đạn, một viên trúng ngay vào hông của anh. Anh nói với tôi hãy đi chăm sóc những người khác.

Carl Palmer bị trúng đạn ngay cùng lúc với trung úy Herrick, ngay khi chúng tôi quay lại. Đó là một vết thương dài trên đầu. Nó không phải là một vết thương chết người, nhưng nó làm anh gục xuống. Anh ngã xuống ngay phía sau tôi. Tôi nghĩ anh ấy đã chết nhưng không. Palmer bò tới và nói: “Chúng ta hãy đưa những người này ra khỏi đây.” Tôi nói với anh rằng chẳng có cách nào ra khỏi đây cùng với tất cả những người bị thương này. Palmer vẫn còn nói về chuyện đưa mọi người rút ra thì dần xui đi và bất tỉnh.”

Bây giờ là 2g30, sự thử thách của trung đội bị chia cắt đã kéo dài hơn một giờ. Palmer bị thương nằm dài dưới đất, bên cạnh một gốc cây. Người gần nhất với anh là Galen Bungum. Bungum nói: “Palmer nằm đó, băng cuốn đầu nằm lệch về phía khác, vì vậy tôi giúp để nó trở lại đúng vào chỗ bị thương. Khi tôi đang làm, thì một lính Bắc Việt ném một trái lựu đạn thẳng tới chỗ chúng tôi. Nó tới ngay sau Palmer và nổ tung, giết chết anh ấy. Một mảnh lựu đạn trúng đầu gối tôi, tôi kéo nó ra. Tên lính Bắc Việt ném trái lựu đạn đứng ngay đó và cười vào chúng tôi. Binh nhất 4 Micheal L. Patterson phải bắn nguyên cả băng đạn vào bụng nó. Tôi thề là tôi thấy ánh sáng xuyên qua người nó trước khi nó gục xuống.”

Trung sĩ Carl A. Palmer chết trong chiến đấu 2 ngày trước sinh nhật lần thứ 40 của mình, như là anh ấy đã đoán trước, anh ấy không thể sống để thấy nó.

Binh nhất Bungum nhanh chóng dùng hết số đạn M-70 mình có và phải tìm một thứ khác để chiến đấu. “Tôi bò xung quanh để kiếm một khẩu M-16. Tôi lấy được một khẩu, nhưng binh nhất Marlin T. Dorman nói: “Nó không bắn được đâu; tôi sẽ cho anh một khẩu khác.” Sau đó anh lại hét lên: “Nó cũng hóc rồi”. Tôi kiếm khẩu thứ 3, binh nhất Donald Jeffrey cũng hét lên: “nó hỏng rồi”. Cuối cùng tôi cũng kiếm được một khẩu M-16 với vài băng đạn đầy từ những người đã chết. Khoảng lúc đó binh nhất Boswell [32 tuổi, người Eatonton, Georgia] trúng đạn ở hông, nó chảy máu dữ dội. Anh ấy nói với tôi: “Tôi sẽ đứng dậy và chạy khỏi chỗ này” tôi nói với anh: “Anh sẽ không làm vậy được đâu”. Anh bắt đầu đứng dậy. Tôi nắm lấy chân anh ấy, kéo anh lại với chúng tôi, nhưng anh chết một lúc sau. Trung sĩ Robert Stokes trúng đạn ở chân, ‘Bác sĩ’ Lose băng bó cho anh ấy và tiếp tục cho những người khác.”

Savage đã sớm điều binh nhất Boswell, trung sĩ Joaquin Vasquez và binh nhì Russell Hicks gấp ra ba mặt của vòng phòng thủ đang bị tấn công. Anh cũng đang cùng với trung sĩ Stokes gọi còi

và pháo binh bắn yểm trợ. Anh cũng chuyển 2 người bị thương là binh nhất Calix Ramos và binh nhất Stewart qua phía bắc của mỏm đất. Tay trái của binh nhất Clarence Jackson trúng 1 viên đạn, anh chuyển súng sang tay phải và bắn cho tới khi bị trúng đạn lần thứ 2. Trung sĩ Vasquez và một vài người bị thương khác cũng như vậy tiếp tục chiến đấu, bằng nỗ lực của mình và nhờ sự sơ cứu của y sĩ Lose. Binh nhất James Blythe bị bắn đứt mất ngón cái. Patterson, Hicks và Jeffrey tất cả đều bị thương. Trung sĩ Thompson bị một viên đạn ngay phía trên tim và nó chui ra phía cánh tay trái; máu chảy leng lênh, anh vẫn dang lấy một khẩu súng và tiếp tục chiến đấu. Những người lính bị bao vây của trong đội Mất Tích đã từ chối đầu hàng.

Binh nhất Dorman: “Tất cả chúng tôi đều nằm trên mặt đất, nếu bạn di động bạn sẽ bị bắn. Việc huấn luyện kỹ càng của chúng tôi lúc này rất có ích. Chúng tôi dần chuyển sang các vị trí phòng thủ. Chúng tôi có 5 người bị giết trong vòng 25 phút. Sau đó bất thần chúng cố làm một đợt tấn công toàn diện vào chúng tôi từ cả 3 hướng, chúng chạy từ bụi cây này tới bụi cây khác, xả súng vào chúng tôi. Chúng tôi để khẩu M-16 ở chế độ full automatic và giết hầu hết bọn chúng.” Gallen Bungum: “Chúng tôi gom tất cả những băng đạn mà chúng tôi có thể kiếm được lại, mở sẵn, đặt trước mặt. Không thể nào đào được một lỗ cáo. Cán xẻng của tôi bị thổi bay lúc nào và trong những bi đông nước của tôi bị thủng một cái lỗ to. Đạn bắn quá mạnh, nếu bạn cố nhóm lên để đào bạn sẽ bị chết. Chết chóc và sự huỷ diệt ở khắp xung quanh.

Lúc này 8 người của trung đội đã bị chết và 13 người khác bị thương. Chu vi 25 mét rộng là một vòng tròn của sự đau đớn, cái chết, nỗi sợ hãi, và những nỗ lực bản năng. Y sĩ Lose bò từ người này tới người khác dưới làn đạn, làm tới mức tốt nhất, băng bó cho những người bị thương với những đồ cứu thương hạn chế trên ba lô. Cho dù bản thân bị thương 2 lần, Lose đã không ngừng dù chỉ một bước. Anh sẽ giữ tất cả 13 người bị thương này còn sống sót suốt 26 giờ dài và khủng khiếp sau. Lose nói, “trong một vài trường hợp tôi phải đứng hoặc ngồi để băng bó cho người bị thương. Mỗi lần như vậy VC là bắn dữ dội vào tôi.” Lose dùng khẩu 45 của mình và 1 khẩu M-16 để bắn trả lại.

Đại úy Herren nhận một cuộc điện đài tuyệt vọng từ trinh sát trung đội hỏa lực đi với trung đội Herrick: “Trung sĩ Stokes đang nói họ đang bị tiêu diệt và anh ấy muốn thoát ra.” Tôi nói với anh ta không có hy vọng thoát ra đâu. Anh ta bị bắn trúng ngay sau đó. Trong vị trí đặt súng cối kết hợp nằm trong bãi đáp, binh nhất 4 Vincent Cantu, 23 tuổi, người Refugio, Texas, là một pháo thủ súng cối của đại đội Bravo, người chỉ còn 14 ngày trong tổng số 2 năm quân dịch nữa thôi, nói: “Chúng tôi đặt súng và từ những lời của Stokes chúng tôi chỉnh góc nâng và độ vồng. Lời yêu cầu yểm trợ của anh ấy rất tuyệt vọng. Tất cả chúng tôi đều có thể nghe được anh. Họ bị bao vây. Anh ấy gọi chúng tôi bắn tới bằng tất cả những gì chúng tôi có. Trong vòng vài phút tất số đạn cối mà chúng tôi có hết veo.”

Cantu nói những xạ thủ súng cối bị dày vò bởi sự bất lực khi không cung cấp thêm những hỏa lực yểm trợ cho trung đội bị mắc bẫy và bởi những lời kêu gọi giúp đỡ thảm thiết của những người bạn của họ. Anh nói: “Trung sĩ Montgomery nói chúng tôi đi tới chỗ Stokes. Chúng tôi lấy vũ khí cá nhân và khởi hành, nhưng chúng tôi không thể tiến được. Đạn bắn rất dữ dội. Chúng tôi quay trở lại”.

“Vào lúc 2g30, trông dường như một nửa tiểu đoàn của tôi không chết thì cũng bị thương. Tôi nhớ khi kéo một người lính của mình lại trong chiếc Poncho. Mặt anh úp xuống khi tôi lật anh ấy lên. Tôi thấy quân hàm trung úy trên người anh. Tôi chụp lấy nó; Tôi tự nghĩ, những viên đạn này chẳng có một chút thương xót gì. Gary Cooper, Audie Murphy, họ đều đã từng ăn đạn, nhưng đó là trên phim ảnh.”

Trung sĩ Savage, nằm kế trung sĩ Stokes, nhớ lại: “Có rất nhiều đạn bắn về phía chúng tôi, và có vài người trong chúng đã mò lên được chỗ chúng tôi, nhưng chúng nhận ngay những loạt đạn bắn xuống người chúng. Những xạ thủ súng cối đang gọi pháo binh bắn xung quanh chúng tôi và chúng tôi cũng cùng bắn ra ngoài từ chu vi phòng thủ của mình. Thứ che chắn duy nhất cho chúng tôi chính là sự nhô cao của mỏm đất. Nếu bạn muốn di chuyển, bạn phải bò, và nếu bạn bò bạn sẽ ăn đạn. Sau khi Palmer bị giết, trung sĩ Stokes nói: ‘Chúng ta phải ra khỏi chỗ này’. Anh đứng dậy.

“Có rất nhiều quân địch ngoài kia, ngay trên mặt đất, nếu chúng thấy mũ sắt của bạn chúng bắn. Và, Stokes bị bắn ngay vào đầu, 2 phút vào xuyên qua mũ, một phút dưới mép, anh ngã ngửa ra trên một gốc cây với chiếc điện đài đeo trên lưng, anh đè lên nó. Tôi thò tay dưới gốc cây, móc lấy ống nói, và gọi thêm pháo binh và cối. “Trung sĩ Robert L. Stokes, 24 tuổi, người Salt Lake City, Utah.

Quyền chỉ huy chuyển từ trung úy Herrick tới trung sĩ Palmer rồi tới trung sĩ Stokes, và tới lượt người nào thì người đó chết. Giờ nó chuyển tới trung sĩ công tử Savage. “Trung sĩ Savage nói trên điện đài”, Herren nhớ lại. “Anh ấy nói Herrick, Palmer, và Stokes đã chết; hãy cho anh ấy nhiều pháo nữa và anh sẽ hướng pháo lại gần nhất có thể. Chúng tôi đã không bao giờ có thể xác định chính xác vị trí của trung đội nhưng trung úy Riddle có thể điều chỉnh pháo theo cảm giác của Savage, anh ấy bắt đầu làm điều đó.”

Sự kháng cự cứng đầu, phi thường mà hơn một chục người lính thiện chiến đã thể hiện cùng với những loạt pháo binh mà Savage đang dẫn tới, cuối cùng cũng đã đánh bại cuộc tấn công mãnh liệt của quân địch. Trong một khoảng lặng ngắn, những người lính Mỹ, thu lượm đạn dược, lựu đạn, và vũ khí của những người chết và những người bị thương nặng không thể chiến đấu được, phân chia đều cho những người còn lại. Một vài người chuyển sang những vị trí chiến đấu tốt hơn. Trung sĩ Zallen thu nhặt bản đồ, sổ tay, và những cuốn sổ ghi ký hiệu chỉ dẫn hành quân từ những chỉ huy đã chết, rồi đốt tất cả chúng. Chiếc điện đài PRC-25 của trung úy Herrick được lấy lại. Đại úy Herren giờ đang nói chuyện với Savage, nói cho anh biết những nỗ lực tuyệt vọng để phá vòng vây ma không tới được chỗ các anh.

Ernie Savage cùng với những người lính của mình, nắm lấy tay nhau, xác định họ sẽ giữ vị trí tới lúc cuối cùng.

## 8/ TRẬN ĐÁNH BẢO TẬP

*The most precious commodity with which the Army deals is the individual soldier who is the heart and soul of our combat force.*

*--General J. Lawton Collins*

Mục tiêu của chúng tôi trong cuộc tấn công với chiến thuật trực thăng vận vào bãi trống dưới chân núi Chu Pong này là tìm kiếm quân địch, và chúng tôi hiển nhiên là đã đạt được vượt xa những mong đợi điên cuồng nhất. Trung tá QĐND Nguyễn Hữu An, nằm sâu trong một hầm kiên cố cách đó không quá 1,5 dặm, vào chiều ngày thứ 7, 14 tháng 1 đó, đang ra lệnh bằng chiếc điện thoại rải dây dọc trên mặt đất - Hãy nhớ lại những chiếc dây trần mà những chiếc trực thăng H-13 đã phát hiện - cũng như bằng chiếc điện đài walkie-talkie cổ lỗ, không đáng tin cậy, và bằng những người đưa tin chạy bằng chân. Mệnh lệnh của ông cho những tiểu đoàn trong vùng rất đơn giản: Tấn Công!!

Khoảng sau 2 giờ chiều, khi mà trận đánh đã diễn ra, chỉ huy của trung tá An, Thiếu tướng Chu Huy Mân đã tới chỗ an toàn trong sở chỉ huy của mình gần biên giới CPC cách khu chiến tới 10 dặm. Trong khi đó chỉ huy của tôi, ở ngay trên đầu tôi. Khi trận chiến diễn ra dữ dội ở hai phía của bãi trống, Đại tá Tim Brown bất ngờ xuất hiện trên sóng radio của tôi từ trên chiếc trực thăng chỉ huy của ông, hỏi ông có thể đáp xuống đất để đánh giá sơ qua tình hình được không.

Tôi xua ông đi mà không giải thích. Có quá nhiều thứ đang phải đối phó, không thể sao lãng, để đón tiếp một cuộc tới thăm của tư lệnh lữ đoàn, bên cạnh đó, chiếc trực thăng chỉ huy của ông được cắm vô số những khay ăng ten lớn sẽ trở thành mục tiêu săn đón của quân địch. Brown không hỏi lại, ông hiểu ngay ra vấn đề.

Những báo cáo về trận chiến dữ dội tiếp tục ở cả hai vị trí của Nadal và Herren ở phía tây lại nhắc tôi nhớ tới việc toàn bộ phía đông và phía bắc của bãi đáp hiện vẫn chưa được bảo vệ. Tôi đang cầu nguyện để chuyển chuyên chở trực thăng kế tiếp mang tới những người lính cuối cùng của đại đội Charlie và những đơn vị đầu tiên của đại đội Delta, sẽ tới sớm. Và họ đã trên đường tới.

Chỉ huy đại đội Delta, đại úy Ray Lefebvre, ở trong chiếc trực thăng đầu, do Bruce Crandall lái. Cùng với anh là nhóm chỉ huy đại đội. Trong những chiếc trực thăng phía sau là trung đội súng máy, một phần trung đội cối của anh và những đơn vị cuối cùng của trung đội Charlie của Edwards. “Lúc chúng tôi bước vào máy bay là 2g30, có rất nhiều thứ đang diễn ra. Chúng tôi bay được 1 phút, đang tiến vào X-Ray, tôi đang lắng nghe điện đài” Lefebvre nói. “Trong chiếc trực thăng đi đầu là điện đài viên của tôi, binh nhất Gilbert Nicklas; chỉ huy trung đội súng cối, trung úy Raul E. Taboada, và điện đài viên của anh cùng những người khác. Tôi có thể nghe được chỉ huy tiểu đoàn trên điện đài.”

Bạn có thể thấy pháo binh và máy bay dội bom xuống. Bạn đang bay trên một chiếc trực thăng và bạn theo dõi trận đánh và lắng nghe tất cả những thứ chết tiệt này diễn ra trên sóng radio. Viên phi công, Crandall, quay lại, lắc lắc cái đầu và nhăn mặt như muốn nói: “Các ông, chúng ta

đang đâm đầu xuống cái quái gì vậy?" Tôi vẫn còn nhớ cách diễn đạt đó của phi công. Chúng tôi có thể thấy rất nhiều đạn bắn. Tôi cố gắng hình dung ra chính xác nơi chúng tôi sẽ tới. Tôi đang ngồi bên trái, hướng mặt về hướng núi, ở giữa 2 điện đài viên." Crandall nói trên radio rằng anh đang bay đoạn ngắn để tiếp cận bãi đáp, tôi nói với anh ấy hãy tiến hành đi nhưng nhớ là rút ra cho nhanh.

Khi những chiếc trực thăng của chuyển chở quân thứ năm đang xoay cánh trên đầu những ngọn cây, thì bãi đáp bất ngờ trở nên nóng bỏng. Quân địch ở lòng suối càn quay súng vào những chiếc trực thăng và làm ngập bầu trời với những loạt đạn súng tiểu liên và súng máy. Crandall nói: "Khi tôi chuẩn bị chạm đất, chúng tôi bắn đầu bị bắn từ dưới đất lên rất mạnh. Tôi chạm đất ở vị trí đầu của bãi đáp, nhìn qua bên trái, tôi thấy một lính Bắc Việt đang bắn vào máy bay của tôi từ một chỗ ngay bên ngoài cánh quạt trực thăng của tôi. Một tên lính khác đang bắn từ phía bên kia. Đường như mọi người đều nghĩ nếu chúng không bắn trúng chúng tôi thì chúng sẽ bắn vào nhau.

"Thời gian tưởng dài như vô tận, nhưng thực tế lính bộ binh quét sạch những gã này rất nhanh. Cho dù quân địch ở rất gần như vậy, những xạ thủ trực thăng của tôi không thể hành động để bảo vệ chính họ. Lính đang ở dưới mặt đất hoặc những người mới nhảy ra khỏi những chiếc máy bay sẽ giải quyết quân địch ở trong bãi đáp, Chúng tôi không thể bắn mà không giết phải quân mình trong vòng tròn đó, vị vậy chính sách của chúng tôi là không bắn.

"Chuyến này tôi đậu dưới đất lâu hơn một chút để nhận thương binh. Khi tôi kéo cần, 4 chiếc cùng tôi bay lên và 4 chiếc kế tiếp hạ cánh ngay lập tức. Tôi báo cho những chiếc sắp hạ cánh về giao tranh dữ dội ở dưới và hướng dẫn họ tiếp tục hạ xuống. Tôi biết một vài chiếc trực thăng bị trúng đạn nhưng tôi không thể cứ dích mãi quanh đó, việc của tôi là đưa những người bị thương trên máy bay quay trở lại Pleime để chăm sóc y tế và lấy những thứ tăng viện cho những người dưới mặt đất. Trên máy bay tôi có 3 người chết và 3 thương binh. Trong số người bị thương có cả trưởng nhóm phi hành đoàn, anh bị bắn trúng cổ họng. Khi chúng tôi hạ cánh chúng tôi thấy các viên đạn đều trúng đầu và cổ những người bị thương. Những kẻ bắt tĩa tuyệt vời phía bên kia, là một ý nghĩ chẳng tốt lành gì, ít ra là cho những phi công.

Đại úy Ray Lefebvre, chỉ huy đại đội Delta, sau trận này nhận huân chương Bộ binh Chiến đấu, một chiếc Silver Star, và một chiếc Purple Heart, bố trí tất cả lính xuống hết trong vòng 7 phút. Anh nhớ lại: "Khi chúng tôi tới nơi, ngọn núi nằm ở xa phía trái chúng tôi, chúng tôi bị bắn rất rát. Chúng tôi hạ cánh gần một hàng cây gỗ, có rất nhiều đạn bắn ra từ những cây gỗ. Taboada bị trúng đạn vào bàn tay khi máy bay còn lơ lửng.

"Tôi tháo dây an toàn khi tôi cảm thấy một viên đạn sượt qua sau cổ tôi. Tôi quay qua phải và thấy điện đài viên của tôi bị trúng đạn vào đầu. Chính viên đạn sượt qua cổ tôi đã giết anh ấy. Anh sụp xuống phía trước, dây đai an toàn vẫn còn thắt quanh người. Nicklas là một chàng trai trẻ, chỉ mới 20, tới từ Thác Niagara, New York. Tôi nhảy ra khỏi máy bay. Đạn bắn từ phía núi xuống, 3 hoặc 4 người chúng tôi di chuyển khoảng 45 tới 65 mét thẳng tới nhưng cây đại, hướng về hướng tiếng súng nổ dừng lại quay thành một vòng nhỏ dưới đất."

Lái cùng Crandall chiếc Serpent Yellow 3, là chuẩn úy (Chief Warrant Officer) Riccardo J. Lombardo, 34 tuổi, Hartford, Connecticut. Anh ngồi trên chiếc ghế phi công, nhớ lại chuyến bay đó: “Khi chúng tôi bay tới tôi nhìn thấy khói bốc lên rất nhiều ở khu chiến. Khi càn máy bay chạm đất, lính vọt ra. Tôi thấy nhiều người nằm trên mặt đất. Tôi nghe thấy và cảm thấy một tiếng nổ ở phía sau ghế mình. Tôi nhìn ra trước, và thấy một gã đang đứng trước khoảng 45 mét trên rìa của bãi đáp. Hắn ta đứng rất đường hoàng, chĩa súng về phía chúng tôi. Tôi đã tưởng đó là một trong những người của mình, nhưng có điều gì rất khác. Quân phục của hắn màu ka ki và hắn ta không đội mũ sắt. Trước cả khi tôi nhìn thấy chớp lửa đầu súng, kính chắn gió đã có ba lỗ thủng. Tôi tự hỏi trong đầu: “Tại sao gã khốn đó lại bắn mình? Rồi nhanh như lúc xuất hiện, gã biến mất. Sau đó tôi bay lên vọt qua sườn phải, bụi đỏ mù mịt cuốn theo sau. Đó chính là chuyến chở quân cuối cùng của tôi tới X-Ray.”

Đó là chuyến bay duy nhất của Lombardo tới X-Ray, khi Crandall sử dụng máy bay của anh khi chiếc trực thăng của Crandall bị trục trặc. Sau đó Crandall quay lại chiếc máy bay của mình khi thợ máy sửa xong. Suốt buổi chiều còn lại Lombardo ngồi nghe trận đánh qua radio chiến thuật ở Pleime và nốc bia.

Trung úy một Roger K. Bean, bay ở lượt hạ cánh thứ hai sau đợt của Crandall. “Khi hạ cánh tôi đang bay ở phía cánh phải của đại úy Ed Freeman. Tất cả chúng tôi đều bị bắn và chiếc thứ 4 trông như không thể bay ra được. Tôi đang ngồi ở ghế phi công và đại úy Gene Mesch ngồi ghế trái. Tôi đang nhìn qua vai về phía chiếc trực thăng thứ 4 thì chúng tôi trúng đạn AK-47. Một viên đạn tới từ phía cửa của Gene, trúng vào phía sau chiếc mũ bay của tôi, làm rách một đường bên đầu đôi rồi chui ra phía trước chiếc mũ. Máu chảy giống như con lợn bị chọc tiết, chiếc mũ xoay ngang, chiếc mi-cro trùm lấy mắt tôi. Lúc đầu tôi nghĩ tôi bị mù. Điều này làm tôi lo lắng bởi vì tôi vẫn còn đang lái máy bay. Gene dành quyền điều khiển và xạ thủ súng máy đỡ tôi xuống. Tôi rời X-Ray về trại của Lực lượng đặc biệt, và quay lại đơn vị sau khi người ta may lại vết thương cho tôi.”

Suốt buổi chiều còn lại, chuẩn úy Alex S. (Pop) Jekel, 43 tuổi, Seattle, Washington, bay trên chỗ của Bean. Pop Jekel là cha của 9 đứa trẻ. Suốt Thế chiến thứ II, ở tuổi 20, anh lái B-24s, tại Anh, và B-29s những năm sau đó, cho tới khi anh giải ngũ năm 1950. Năm 1953 Pop tái nhập ngũ và bắt đầu lái trực thăng từ năm 1963. Pop bay tới X-Ray 7 lần dưới làn đạn. Anh nói: “Ý nghĩ phải quay lại cái địa ngục đó thật khủng khiếp.”

Một vài chiếc đầu tiên trong số 8 chiếc Huey đợt đầu đáp xuống bị trúng đạn, nhưng không có chiếc nào rơi, bốc cháy, hay phải bỏ lại tại bãi đáp. Tôi điện ra lệnh cho 8 chiếc còn lại của chuyến chuyên chở thứ 5 bay ra khỏi vùng và chờ cho tới khi tôi giải quyết bãi đáp được an toàn hơn và nằm dưới tầm kiểm soát. Họ quay lại Pleime, hạ cánh, thả lính xuống, nạp nhiên liệu, tắt máy và đợi.

Giờ đại úy Lefebvre lao vào trận đánh. Hoàn toàn tình cờ, anh và vài người thuộc đại đội Delta chạy tới đúng chỗ rất quan trọng của bãi trống, một lỗ thủng chưa được bịt lại nơi sườn trái

của đại đội Alpha của Nadal. Lefebvre nhớ lại: “Sỹ quan điều hành của tôi và trung sĩ trưởng không bay cùng chuyến đó, vì vậy trung sĩ duy nhất mà tôi có là George Gonzales, trung sĩ tiểu đội thuộc trung đội súng máy, nhưng anh ta lại chạy ra một hướng khác.

“Không có ai chắn giữa chúng tôi và hàng cây; trước mặt chúng tôi có 1tầm nhìn không bị vướng khoảng 40 mét. Trung úy Taboada bên trái tôi. Tôi gọi cậu ấy rằng tôi cần chiếc điện đài của cậu ta. Anh nói lại là anh đã bị thương nhưng vẫn OK. Khi điện đài viên của anh tới chỗ tôi, tôi liên lạc với trung sĩ Gonzales và nói anh ta mang những khẩu súng máy của mình lại vị trí của tôi. Anh ấy ở phía sau tôi khoảng 140 mét và nói rằng đang trên đường tới. Tôi gọi anh ấy 3, 4 lần nhưng chúng tôi đã không gặp được nhau.”

Cho dù quân Bắc Việt dường như đang tấn công theo mục đích, chỉ huy địch, trung tá Nguyễn Hữu An, lại thất vọng và giận dữ. Ông nói: “Tôi ra lệnh cho chỉ huy trung đoàn 66, trung tá Lã Ngọc Châu, sử dụng tiểu đoàn 7 tấn công các ông liên tục, bao vây, và không cho các ông rút đi bằng trục thẳng. Trong những đợt tấn công đầu tiên [vào vị trí của đại đội Bravo và Alpha] do tiểu đoàn 9 và trung đoàn 33 thực hiện, những trinh sát của chúng tôi nắm được vị trí của các ông- nhưng chỉ huy của tiểu đoàn 7 thì không. Tôi ra lệnh cho anh ta tiếp tục tìm kiếm các ông. Tôi nói chính bản thân anh ta phải tiến ra mặt trận để anh ta có thể kiểm soát được tình hình và có thể bao vây các ông đúng chỗ.”

Chỉ huy tiểu đoàn 7 QĐND, trung úy Lê Tiến Hòa, nghĩ rằng cuối cùng ông ta cũng đã tìm ra cửa mở để tiến vào Bãi đáp X-Ray ở phía nam của chu vi, và ông lừa tiểu đoàn mình, cơ động một vòng rất rộng bao vây quanh sườn trái của Nadal, tiến thẳng vào phía nam bãi trống. Nhưng nhờ đại đội Charlie, cửa mở đó được đóng lại nhanh chóng.

Chỉ huy đại đội Charlie, đại úy Bob Edwards, đưa tới hàng quân mới tới, lựa ra những lính của mình, hối thúc họ vào vị trí cùng với những người đã tới trước của đại đội ở trên bờ nam và tây nam của bãi trống. Anh bố trí những khẩu súng máy và những người lính bộ binh thành một vị trí chốt chặn hàng ngang dài khoảng 110 mét.

Không đầy 5 phút sau, một đợt sóng khổng lồ quân Bắc Việt, những đơn vị tiên phong thuộc tiểu đoàn 7 của trung úy Hoà, đánh thẳng vào hàng quân Mỹ mỏng manh gồm 112 người. Cộng thêm vào sự âm ỉ của trận đánh đang diễn ra ở khu vực đại đội Alpha và Bravo là những tiếng đạn nổ dữ dội trong những cây gỗ nơi đại đội Charlie bố trí. Đại úy Edwards lập tức thông báo trên sóng radio của tiểu đoàn: “Chúng tôi đang bị tấn công dữ dội, Ước khoảng 170 tới 200 quân địch. Mẹ nó! những gã này được lắm.”

Đại úy Edwards nói: “Quân địch di chuyển rất nhanh thẳng tới bãi đáp, hướng tây bắc. Một số khác tiến thẳng tới trung tâm, nơi những chiếc trục thẳng đang đậu. Chắc chúng phải bất ngờ lắm khi gặp phải chúng tôi. Ngay khi chúng tôi vào vị trí, có rất nhiều đạn bắn, sau đó, sau khi bắn như vài đạn ban đầu, chúng dường như giảm cường độ xuống. Bạn có thể thấy chúng. Cứ y như là đi săn vịt trời ngoài đó vậy.”

Cùng một lúc, tiểu đoàn 9 của trung đoàn 66 tổ chức một đợt tấn công mạnh mẽ vào đại đội Alpha của Nadal, vì hình như họ cảm giác được một lỗ trống 40 mét sườn trái của đại đội Alpha và sườn phải đại đội Charlie cùng với việc nỗ lực liều lĩnh dành quyền kiểm soát lòng suối cạn đó. Những xạ thủ súng máy dừng cảm của Nadal-Beck và Adams; Ladner và Rivera- đang kiểm soát khoảng trống đó với những loạt đạn chết người của họ. Giờ với sự giúp đỡ của những người lính của đại đội Delta dẫn đầu bởi đại úy Lefebvre vừa mới tới họ đã cùng nhau đẩy lùi áp lực của quân thù.

Lefebvre đã bố trí một vòng phòng thủ trên mặt đất trên rìa tây của bãi trống, rất gần với hàng cây: “Đại úy Herren đi ra từ hàng cây phía bên phải tôi và nói: ‘Có cả một lũ quỷ chúng ngoài đó đang tiến vào khu vực của chúng tôi’. Sau đó tôi thấy khoảng 16-17 quân địch thật gần, 20 mét, đi xuống lòng suối cạn ngay tại rìa của bãi đáp. Chúng dường như không biết mình đang làm gì, vọt ra ngoài tiến vào bãi trống. Chúng tôi có một khẩu súng máy cùng những khẩu M-16 và chúng tôi ném lựu đạn. Tôi bắn tới 2 băng đạn M-16 vào chúng, và sau đó chúng biến mất. Xạ thủ súng máy bên phải tôi trúng đạn. Tôi nghĩ anh ấy đã chết. Sau đó tới lượt tôi bị trúng đạn, điện đài viên mới thay thế của tôi cũng vậy. Tôi gọi trung sĩ Gonzales một lần nữa và nói: “Anh phải tới đây thật nhanh’. Tôi nằm dưới đất và Herren giúp ga rô vết thương. Tôi điện cho Moore và nói tôi đã bị thương.”

John Herren nói, “Sau khi hoàn tất báo cáo cuối cùng của mình cho Matt Dillon ở trên máy bay chỉ huy, tôi ngược lên nhìn thấy một lính Bắc Việt cùng với 1 khẩu AK-47 ngay trước bờ suối cạn nơi tôi và 2 điện đài viên đang đứng sau. Tôi xả một loạt đạn M-16, lúc này nó muốn rã ra từng mảnh rồi. Đinh ghim giữ cò súng với thân đã gãy hoặc rơi từ lúc nào. Tên lính Bắc Việt, hiển nhiên là người dẫn đầu đơn vị mình, ngã xuống phía sau một gờ đất, nên tôi móc một trái lựu đạn và ném về hướng của hắn. Nó nổ nhưng tôi không biết hắn có chết hay không, và sợ rằng có thêm quân địch trong lòng suối phía sau hắn ta, có nghĩa là chúng đã lọt vào sau 2 trung đội của tôi, tôi cùng với 2 điện đài viên vượt suối cạn và quay trở lại bãi trống, sau đó tới hướng tây nam, nơi tôi nghĩ một trung đội của Deal ở đó.

“Tôi nghĩ những người trong hào đất là của Deal, tôi thấy một tổ súng máy ở phía phải. tôi chạy tới và nói với họ rằng có quân Bắc Việt ở trong lòng suối cạn. Chúng tôi ngay lập tức nằm dưới làn đạn đến từ hướng nam, và rút xuống kế vài người lính nằm sau mô đất nhỏ, nếu có thể nói như thế về cái chỗ che chắn cho chúng tôi đó. Họ là những người của đại đội Delta, tôi đến bên đại úy Lefebvre. Ngay sau đó, đạn của súng tự động lia qua chỗ chúng tôi. Điện đài viên của tôi, binh nhất Dominic De Angelis, 19 tuổi, từ Queena, bất ngờ quay lại tôi sau khi một viên đạn xé toạc cánh tay, nói chưa hết câu ‘Đại úy! Tôi ăn đạn rồi’, tôi thấy một lỗ nhỏ xuất hiện ngay chính giữa mũ sắt của cậu ấy, cậu ấy chết rồi.

“Bên phải tôi, đại úy Lefebvre cũng bị trúng đạn, máu đang chảy ra xối xả từ cánh tay. Anh ấy cố tự cầm máu. Tôi móc lấy bộ cứu thương của mình, và bọc chỗ vết thương của cậu ấy, rồi dùng một số vải áo khác để ga-rô nó. Lefebvre yếu dần đi, khoảng 20 phút sau — công việc của tôi trong khoảng đó là nằm dí sát dưới đất và thò tay bắn súng lên, liên lạc với trung úy Herrick, và kiểm tra vết thương của Lefebvre — tôi cùng một người nằm gần tôi nhất đưa

Lefebvre về phía sau. Tôi quay lại để kiểm Nadal trong vùng đó, nơi chúng tôi bị ấn bẹp gí xuống, lôi được một số người chết của Nadal về. Đó là cảm giác khổ sở và bức dọc của tôi, không sát cánh cùng với lính của mình và bị kẹt cứng trong khi trung đội của Herrick gặp khó khăn.”

Lefebvre, bị thương nặng, đuổi đi rất nhanh: “Tôi mất quá nhiều máu. Tôi có thể thấy mọi người đang bắn nhau, nhưng không thể nghe thấy bất kỳ âm thanh nào. Tôi nói với Herren ai đó phải nhận lấy quyền chỉ huy của tôi. Tôi lại gọi cho Moore và nói tôi sẽ giao quyền chỉ huy đại đội lại cho trung sĩ Gonzales. Sau đó y sĩ tới băng bó vết thương cho tôi. Một lúc sau, tôi nhớ ai đó đặt tôi lên poncho và kéo tôi đi về khu vực đặt sở chỉ huy tiểu đoàn. Ở đó sau một lúc tôi gặp lại trung úy Taboada, chúng tôi đã không nói gì nhiều- còn cái cục cút gì mà nói nữa - Đó quả là một kết thúc quá khốn nạn.”

Ray Lefebvre và những người lính hữu ích của mình đã không biết rằng họ đã tham gia vào trận đánh của Nadal đúng vào một thời khắc quan trọng nhất. Khoảng 30 quân Bắc Việt đang tấn công sườn trái của quân Nadal, và bộ phận của Lefebvre đã chạy đúng vào ngay chỗ đó, hạ knock out, và giết hầu hết chúng. Lính của Nadal làm nốt lũ còn lại, Lefebvre đã không biết một chuyện, trung sĩ Gonzales đã bị trúng 1 viên đạn vào mặt. Gonzales nói đơn giản, “Roger” khi Lefebvre nói rằng anh sẽ chỉ huy đại đội, và anh đã làm chuyện đó cho tới một giờ rưỡi sau.

Lefebvre và Taboada được mang tới trạm cứu thương tiểu đoàn ở tổ mối lớn trên những chiếc Poncho. Vết thương trông rất kinh khủng. Cánh tay phải và bàn tay của Lefebvre bị xé toạc ra nam nhở, xương lòi trắng ra ngoài, anh phải rên khe khẽ. Một chân của Taboada vỡ toác ra, thớ thịt rách toạc, máu nhuộm đỏ từ hông xuống ngón chân; anh la hét trong sự đau đớn cực độ. (Trung úy Taboada trông giống như một người bí hiểm. Có một chuyện lan truyền rằng anh là người gốc Cu ba, và vì vậy anh đã từng chiến đấu chống lại Fidel trong vụ xâm chiếm Vịnh Con Heo.)

Trong lòng suối cạn cùng với trung đội 3 của đại đội Alpha, trung sĩ Steve Hansen đã bắn hết số đạn cối và giờ trở thành một tay súng tiểu liên. Anh mô tả những sự kiện này như sau: “Đại đội Delta đáp xuống sau khi đợt giao tranh đầu tiên của chúng tôi xảy ra. Họ nhận ngay đạn bắn tới, và có thương vong. Một trong số đó là trung úy Taboada, bị bắn vào tay và chân. Tôi tìm thấy anh ta ở một nơi gần với đại đội Alpha. Trung sĩ Jose Robles-Claudio, một tiểu đội trưởng của đại đội Alpha, nói chuyện với anh ta bằng tiếng Tây Ban Nha. Tôi nhớ Taboada giữ một tấm hình vợ con trong bàn tay đầy máu của anh ấy. Anh nói lảm nhảm bằng tiếng TBN. Tại sao anh ta lại tới chỗ đại đội Alpha ngoài bãi đáp? Tôi cho rằng đã có một sự thiếu thông tin về bãi trống và những vị trí mà lũ xấu xa kia có mặt.

“Những chiếc trực thăng tới bãi đáp từ hướng đông và những chiếc đi đầu hạ cánh xuống nơi chỉ cách những tên bắn tỉa Bắc Việt trong hàng cây có vài bước. Sườn bên trái của đại đội Alpha chúng tôi phô ra cho tới cuối buổi chiều khi đại đội Charlie kéo dài hàng phòng thủ của họ và đứng ở vị trí đó. Lỗ thủng lúc đầu giữa đại đội Alpha và Charlie chỉ được bảo vệ bởi hỏa lực mà thôi. Đó là một điểm quan trọng, một đường mở cho quân địch tiến vào. Khi đại đội Charlie bị

tấn công, đại đội Alpha cũng bị tấn công từ lòng suối cạn. Chúng tràn xuống từ dãy núi.”

Trong lúc này, Bill Beck và Russell Adams và tổ súng máy khác đang ở ngoài trước hàng quân, như một cái neo ở xa bên sườn trái của đại đội Alpha, những luồng đạn súng máy của họ đã bẻ nát những đợt tấn công của quân địch. Beck lúc này cũng trở thành y sĩ. Beck nhớ lại: “Tôi nhìn thấy một cánh tay giơ lên giữa những ngọn cỏ, phía bên trái tôi cách khoảng 20 mét, cùng với một bi đông nước GI. Trông như anh ta đang cố lấy những giọt nước cuối cùng ra khỏi bi đông. Adams yểm trợ cho tôi chạy tới đó. Đó là 1điện đài viên, mũ sắt đã rơi xuống, điện đài nằm dưới đất. Anh ta cao và gầy với mái tóc nâu. Anh ta xin tôi nước và nói anh ta bị trúng đạn. Tôi cởi áo anh ấy ra, có một lỗ nhỏ màu đen ở trên ngực anh. Tôi cố đặt anh ta cho thoải mái, nói rằng anh ấy sẽ không sao, vết thương không nặng lắm. Tôi nhẹ xoay anh ta lại, và thấy trên lưng cũng một lỗ đen nhỏ khác. Tôi lấy đồ cứu thương của anh, bọc vết thương lại, cuốn một miếng bọc nhựa lên cả hai lỗ đạn, hét lên gọi y sĩ, lấy khẩu M-16 của anh cố bắn trả quân NVA đang bắn vào chúng tôi.. Tôi lại hét gọi y sĩ và kéo anh ấy lại phía sau khoảng 10 tới 15 mét, lúc đó y sĩ Nall tới được chỗ anh. Sau đó tôi thấy một sĩ quan — tôi nhớ ngôi sao bạc trên áo của anh — anh ta đang bị sốc, rên rỉ, tay anh bị thối bay và đùi anh ấy trông thật kinh khủng. Anh đang ngồi quay mặt về hướng lòng suối. tôi biết anh ấy bị bắn từ hướng đó. Và tôi sợ đá ra quần rằng tôi sẽ bị bắn vào lưng khi đang chăm sóc cho anh ấy.

Beck quỳ xuống búng bọ cho người sĩ quan và hét gọi y sĩ. Anh nói thêm: “Tôi ở với anh ta không quá một phút. Tôi lấy khẩu M-16 của anh, cố bắn, nhưng nó không hoạt động. Rồi tôi lấy khẩu 45 cũng của anh ấy, bắn vào phía rừng cây chỗ quân địch. Ở một chỗ nào đó dọc đường tôi nhặt một khẩu M-79 của một người chết, cố bắn, nhưng nó vô dụng. Tôi bắn thêm nhiều phát 45 nữa vào rừng cây. Tiếng súng địch giảm bớt.

Ngay lúc đó tôi nghe thấy Ladner hét lên. ‘Beck, Beck, giúp! Adams trúng đạn rồi’ tôi chạy trở lại. Russ đang ngã người chăm chăm nhìn tôi, khẩu M-60 ngã nghiêng bên cạnh. Một bên đầu anh nát vụn. Anh cố nói với tôi điều gì, nhưng không thể. Quân địch biết rằng chúng đã hạ được anh và đang tiến lại gần ngay trước mặt và phía phải chỉ cách chúng tôi có 30 mét. Tôi dựng khẩu M-60 lên thật nhanh và bắt đầu bắn vào chúng. Mỗi lần tôi bắn, Adams rúm rỏ lại. Anh ấy nằm ngay cạnh khẩu súng, vì vậy tôi cố không bắn quá nhiều. Bên cạnh đó chúng tôi còn ít đạn và đây không phải là trận đánh nhỏ.

“Thình lình khẩu M-60 bị hóc. Chúng tôi đang bị tấn công và tôi có thể thấy quân địch chỉ cách 25 mét. Trong tình huống như vậy bạn sẽ suy nghĩ và hành động nhanh tới mức chính bạn phải bất ngờ. Nằm soài ra tôi mở nắp nhồi đạn, giơ súng lên và đập nó xuống đất. Viên đạn kẹt rơi ra. Đất đá dính vào dây đạn khi Adams bị trúng đạn ngã xuống. Tôi đặt súng vào đúng vị trí, nhồi dây đạn lại, đóng nắp, và bắt đầu bắn tiếp. Nó tưởng như kéo dài cả một đời, nhưng thật sự không quá 5 hay 10 giây.

“Tiếng súng của địch giảm đi, mũ của Adams nằm ngay trước mặt tôi. Tôi có thể nhìn thấy một lỗ đạn trên nó, tôi với tay lật nó lại. Dường như cả bộ óc của Adams rơi xuống đất ngay trước mặt tôi. Tôi khiếp đảm! Tôi hét đi hét lại, kêu y sĩ, và cố nói với anh, vết thương không sao cả,

rằng anh sẽ khỏe thôi. Tôi nói trực thăng sẽ tới đưa anh đi sớm. Tôi lấy khẩu súng ngắn 45 của anh, giờ tôi có tới 3 khẩu như vậy. Tôi nhớ Adams nằm đó ít nhất nửa giờ đồng hồ. Ladner và Rivera đang bắn, tôi thấy có thêm nhiều chuyển động ngay trước mặt và phía bên phải. tôi lại tiếp tục bắn. Tới một lúc tôi đứng dậy, dùng một cái poncho để gạt những làn đạn đang bay về phía chúng tôi.”

Bill Beck, khát, kiệt sức, và sốc bởi vết thương khủng khiếp của người bạn, giờ lại nghe tiếng kêu từ vị trí súng máy kia. Anh nói: “Ladner gào thét tới tôi, giọng anh đầy khiếp đảm, ‘Rodriguez trúng đạn rồi! giúp với. Ruột nó rơi cả xuống đất này!’ Y sĩ Nall tới băng đầu cho Adams, và mang anh ta về phía sau, tôi yểm trợ cho họ. Y sĩ sau đó quay lại để lo cho Rodriguez nhưng Ladner đã đưa cậu ấy về phía sau rồi.”

Rodriguez và người tiếp đạn binh nhất Edward F. Dougherty nhanh chóng tái nhập với Beck, họ là những người còn lại của 2 tổ súng máy M-60. Họ ở cách nhau 15 mét và mỗi người đều bắn vào quân địch ở gần, một cách vững vàng. Ai đó mang tới một cơ số đạn súng máy. Beck nói: “Nó làm tôi thật hài lòng. Không có ai phía bên trái tôi trong một khoảng dài. Cô độc như dưới địa ngục cho tới khi một đại úy tới chỗ tôi từ sau, phía trái và ra lệnh cho tôi phải ‘đi tới. Anh bây giờ đi với đại đội này!’ [nt: stay put. You are with such-and-such a company now!] tôi không bao giờ quên điều đó. Tôi không thể nhớ anh ta nói đại đội gì, Quý thật, tôi không biết chuyện quái gì đang xảy ra. Tôi tự mình ra ngoài đó. Tôi chỉ là một thằng nhóc mới 20 tuổi. tôi không biết làm gì. Tôi đi theo Adams; tôi là trợ lý của anh ấy vì thế tôi đi chỗ nào mà anh ta đi. Đó là lý do tôi đang ở đây.”

Người đại úy đó là Herren của đại đội Bravo. Bob Edwards và lính đại đội Charlie của anh đang ở phía trái của Beck, nhưng ngoài tầm liên lạc trực tiếp. Beck, Ladner, và Dougherty—và trước khi họ bị trúng đạn là Adams và Rivera--tất cả là lính nghĩa vụ, không có ai có kinh nghiệm chiến đấu, đang trải qua những kinh nghiệm sẽ hằn sâu và làm đảo lộn cuộc đời của họ. Russell Adams sống sót một cách kỳ diệu qua chấn thương đầu ấy, nó chỉ khiến anh phải đi khập khiễng mà thôi. Anh nhớ lại những cây gỗ và mảnh vỏ cây văng tứ tung khi loạt đạn tuôn như suối bắn vào hàng cây gần với khẩu M-60 của mình. “Loạt đạn kế tiếp đã bắn trúng tôi.”

Trong cái khoảng thời gian kinh hoàng đó, Beck nhớ lại cảm giác sợ hãi đã xâm chiếm người như thế nào: “Trong lúc y sĩ Nall chăm sóc Adams, nỗi sợ hãi, nỗi sợ hãi thật sự, xâm chiếm lấy tôi. Sự sợ hãi mà tôi chưa bao giờ biết đến trước đây. Khi nó tới, nếu bạn nhận ra và chấp nhận nó, đó qua đi rất nhanh, như lúc nó tới vậy, và bạn sẽ không còn thực sự bận tâm tới nó 1 chút nào nữa. Bạn chỉ làm những điều bạn phải làm, nhưng bạn hiểu được ý nghĩa thực sự của nỗi sợ hãi, của sự sống và cái chết. Trong 2 giờ kế tiếp, tôi cô độc bên cây súng đó, bắn vào quân thù. Quân địch cũng bắn vào tôi, những viên đạn bắn tung bụi đất xung quanh tôi và làm rơi gãy những nhánh cây trên đầu. Chúng cố hạ gục tôi giống như Adams, và tôi cố bắn thật nhiều nhất có thể. Khẩu M-60 của tôi như bị đun chín. Tôi phải làm cho nó nguội, vì vậy tôi nghiêng người qua một bên, kéo quần xuống và đá vào nó, vừa làm vừa bị bắn.”

Phía bên trái của Beck, đại đội Charlie đang phải gặp những thử thách đầu tiên của súng đạn.

Trung sĩ nhất Robert Jemison, Jr., là trung sĩ trung đội 2 của trung úy John Geoghegan. Jemison, người vùng Aliceville, Alabama, có vợ và 4 đứa con, là một trong những cựu binh kỳ cựu, người đã làm nên lịch sử ở Triều Tiên. Nhập ngũ năm 1947, anh ở lại với quân đội. Vào tháng 2, 1951 một anh là một lính bộ binh trong đại đội K, tiểu đoàn 3, trung đoàn bộ binh 23. Ở Chipyong-ni, 12 dặm sâu trong chiến tuyến của địch, trung đoàn bộ binh 23 bị bao vây bởi 2 quân đoàn Trung Quốc, và đã đánh bại chúng một cách kì diệu.

Số mệnh và Quân đội Hoa Kỳ đã không cho Jemison được nghỉ ngơi. Bây giờ anh cũng đang bị bao vây, và một lần nữa làm nên lịch sử. Jemison nói: “Chúng tôi bị bắn ngay khi ở bãi đáp. Chúng tôi có một người bị chết, một binh nhất 4 đến từ Phenix City, Alabama và có một binh nhì thay thế cậu ta. Chúng tôi di chuyển vào vị trí và bắt đầu đào hầm. Chúng tôi gửi một bản báo cáo về đạn dược và thương vong cho chỉ huy trung đội, trung úy Geoghegan. Chúng tôi báo một người bị giết. Anh nói: ‘Cầu Chúa rủ lòng thương cho linh hồn cậu ấy.’ Vị trí mà chúng tôi dựng lên bị tấn công suốt ngày, hết lần này tới lần khác.”

Binh nhất 4 George J. McDonald, Jr., 24 tuổi, người Pass Christian, Mississippi, là một pháo thủ súng cối của đại đội Charlie. Khi anh nhảy ra khỏi trực thăng xuống X-Ray anh chỉ còn 14 ngày quân ngũ. “LZ X-Ray không bao giờ phai nhạt trong tâm trí tôi. Sáng Chủ nhật, tiểu đội tôi thấy LZ. Có những người lính đang nằm dài và dương khẩu M-16 của họ bắn vào những hàng cây, vẫy gọi và ra hiệu cho chúng tôi rằng họ đang bị tấn công. Ngay khi chúng tôi ở trên mặt đất, chúng tôi bắt đầu bị dính đạn súng tự động từ phía trái, trên triền núi Chu Pong. Chúng tôi phải nằm sát xuống đất trong một lúc; đạn bắn trúng khắp xung quanh và rất gần. Tôi có thể thấy những chớp sáng đầu súng trong những hàng cây. Bởi chúng ngoài tầm bắn của khẩu M-79, tôi mượn một khẩu M-16 của người nằm bên cạnh, anh ấy không nhìn thấy chúng, tôi bắn cho tới lúc những chớp sáng dần biến mất.

“Sau đó chúng tôi vác súng cối và di chuyển lên phía hàng cây, thiết lập vị trí và nhanh chóng bắn cối. Có một vài người lính Kỳ binh nằm chết trên mặt đất, có những tiếng hét truyền tới rằng đang bắn nhau rất dữ dội ở phía trước và họ cần giúp đỡ. Tôi chạy tới hướng đang có tiếng súng mạnh đó, sử dụng hết tất cả đạn dược từ các loại vũ khí mà tôi có, rồi quay lại chỗ súng cối”

Từ vị trí chỉ huy của tôi ở tổ mối, có thể thấy quân địch rõ ràng cách khoảng 90 mét về hướng nam. Chúng là những chiến binh giỏi đáo chịu được [damned good soldiers], sử dụng vật chắn và nguy trang tới mức hoàn hảo, và là những tay quý sứ thiện xạ: Hầu hết lính bị chết và bị thương của tôi bị bắn vào đầu và vào phần trên của cơ thể. Quân Bắc Việt đặc biệt chú ý vào những điện đài viên và những chỉ huy. Họ không có điện đài; họ điều khiển người của họ bằng những tiếng hô, vẫy tay, chỉ tay, huýt sáo và thỉnh thoảng bằng tiếng kèn.

Quân chính quy Bắc Việt giỏi, nhưng đại đội Charlie hạ được họ bằng những làn đạn cắt ngang qua những gốc cổ voi cao. Bob Edwards và lính của mình đã chặn được mối nguy hiểm nhất vào buổi chiều hôm đó. Edwards đã chỉ huy đại đội được 19 tháng. Trung sĩ đại đội của anh, John James, đang ở trong bệnh xá vì sốt rét, và quyền trung sĩ trưởng cho cuộc hành quân này

là trung sĩ nhất Glenn F. Kennedy, một người Mississppi, 30 tuổi, ăn nói nhỏ nhẹ.

Edwards có 3 trung úy mới tinh làm 3 trung đội trưởng trước khi rời Fort Benning lên tàu sang VN. Chỉ huy trung đội một là Neil A. Kroger, 24, Oak Park, Illinois, người vừa tốt nghiệp OSC. Trung sĩ trung đội của Kroger là trung sĩ nhất Luther V Gilreath, 33 tuổi, một người cao, mảnh khảnh đến từ Surgoinsville, Tennessee. Chỉ huy trung đội 2 là John Geoghegan, một sĩ quan trẻ đẹp trai, tóc đỏ, nhận cấp từ Trường Quân sự Pennsylvania, mới đón sinh nhật thứ 24 trước đó 4 ngày. Geoghegan đã có vợ và là cha của một bé gái sinh 3 tháng trước khi anh lên đường sang VN. Trung sĩ trung đội của anh là Robert Jemison. Chỉ huy trung đội 3 là William Franklin, một người tốt nghiệp OSC khác, già hơn Kroger và Geohegan; anh đã có vợ và là cha của 2 đực trẻ. Trung sĩ trung đội 3 là trung sĩ nhất Charles N. Freeman, một người lính chuyên nghiệp kỳ cựu nữa.

Tiểu đoàn 7 Bắc Việt tấn công thẳng vào một đại đội bộ binh Mỹ trong một vùng chỉ vài phút trước đây hoàn toàn không được bảo vệ. Họ bị dội lại. Bây giờ trung úy Hoà cố tái tập hợp quân lại dưới những làn đạn bắn như dội nước từ mặt đất, từ trên không, và từ pháo binh yểm trợ. Edwards báo cáo rằng đại đội Charlie vẫn trong tình trạng tốt, bị dính chặt vào một cuộc giao tranh dữ dội nhưng mọi thứ vẫn trong tầm kiểm soát.

Giờ là 2g45. Cả 3 đại đội bộ binh của tôi đều đang giao chiến dữ dội. Chúng tôi đã không sử dụng được bãi trống lớn làm bãi đáp cho trực thăng. Những người bị thương đang dồn chặt trạm cứu thương tại sở chỉ huy. Chúng tôi đang ở trong tình trạng quá tải, và tôi sợ rằng nó còn tệ hơn nữa. Tới lúc này tôi tin rằng chúng tôi đang đánh với ít nhất 2 tiểu đoàn QĐND, thực ra là 3 tiểu đoàn. Họ rất lì lợm và rất quyết tâm quét sạch chúng tôi, nhưng sự khác biệt chính giữa trung tá QĐND VN Nguyễn Hữu An và trung tá sư đoàn kỵ binh số một Hal Moore là tôi có hỏa lực yểm trợ mạnh mẽ, còn ông ấy thì không.

Đại úy không quân Bruce Wallace và những người bạn phi công A-1E Skyraider của anh, cũng như những chiếc máy bay ném bom-chiến đấu khác từ cả 3 binh chủng, đã giúp tạo nên lợi thế đó, bay tới 50 phi vụ yểm trợ thật gần vào chiều Chủ nhật đó. Wallace nói: “Tầm quan trọng của máy bay trong một trận đánh là xà thấp xuống những ngọn cây, giữa những người lính, thả bom đạn xuống đất đúng thời điểm, đúng vào vị trí mà người chỉ huy dưới mặt đất muốn.”

Trong lúc đang bay trên bầu trời X-Ray, Wallace quan sát những đợt tấn công của những chiếc trực thăng ARA thuộc Sư đoàn Kỵ Binh Bay số 1, không chỉ vì sự thu hút thoáng qua. Anh nói: “Đó luôn là một kinh nghiệm quý giá cho những phi công Không lực khi theo dõi một bầy Huey tấn công một mục tiêu. Chúng tôi vẫn thường tự hào là linh động trong suy nghĩ, thời gian phản ứng nhanh, khả năng đối phó với những tình huống thay đổi liên tục, nhưng chúng tôi buộc phải tuân theo một quy trình đã vạch sẵn nào đó. Trong mỗi đợt tấn công mục tiêu luôn ở ngay trước mặt chúng tôi. Những chiếc Huey thì không như vậy. Quan sát 4 hay 8 chiếc Huey cơ động lên xuống, qua hai bên, thậm chí lùi lại làm cho những phi công máy bay chiến đấu rợn tóc gáy. Những tay này vờn quanh mục tiêu giống như những bầy ong bu vào mật.

Chúng tôi phải nhường lại những điều trên cho những tay lái trực thăng, họ thật sự xuống dưới những hàng cây đó với những người lính.”

Những chiếc ARA lượn lên lượn xuống những sườn núi Chu Pong kia là từ khẩu đội Charlie, tiểu đoàn 2, pháo binh (ARA) 21, chỉ huy bởi thiếu tá Roger J Bartholomew, “Black Bart” huyền thoại, sau này anh bị giết trong chiến đấu ở VN. Một trong những phi công của Black Bart, đại úy Richard B. Washburn, lúc đó 31 tuổi, nhớ lại: “Khẩu đội đã bắn suốt ngày yểm trợ cho X-Ray. Chúng tôi nạp nhiên liệu vào mỗi chuyến thứ 3, không bao giờ tắt máy. Mỗi chiếc trực thăng mang 48 rocket. Với 6 chiếc trực thăng cùng với chỉ huy khẩu đội chúng tôi tiếp đạn trong vôi vãi, một chỉ huy tiểu đoàn pháo binh, một trung tá, và người lái xe của ông là hai trong số những người đã giúp chúng tôi khai những thùng rocket và gắn chúng lên trực thăng. Những chiếc Chinook chở đạn bay hết chuyến này tới chuyến khác giúp chúng tôi không bị gián đoạn, họ cũng như chúng tôi bay nguyên cả ngày.”

Pháo binh mặt đất, chúng tôi gọi là “tube artillery”, để phân biệt những khẩu lựu pháo với những chiếc trực thăng pháo binh ARA, tự hào gọi mình là Vua Chiến Trường. Trong thời kỳ huấn luyện tại Fort Benning, điều phối viên hỏa lực yểm trợ của tiểu đoàn tôi, đại úy Robert L. Barker, cho tôi xem một bức ảnh về một sĩ quan pháo binh trong quân phục hoàn hảo, từ thời 1860s, đang chiêm ngời một khẩu thần công nhỏ nhắm vào một đám người dơ bẩn đang đánh nhau bằng kiếm, nắm đấm, và súng. Dòng chữ khắc ở phía dưới có ghi: “Artillery Lends Dignity to What Would Otherwise be a Vulgar Brawl.”

Vào thời điểm trận X-Ray, nơi hiển nhiên cũng là một Vulgar Brawl, Bob Barker là chỉ huy khẩu đội C, tiểu đoàn 1, pháo binh 21, 6 khẩu 105mm của họ yểm trợ cho chúng tôi từ bãi Falcon, cách hơn 5 dặm. Trung úy Bill Riddle, trinh sát pháo binh đi cùng với đại đội Bravo của Herren, và Tim Blake, người bị giết khi đi cùng đại đội Alpha của Nadal, là những trinh sát phối thuộc cho chúng tôi từ khẩu đội C của Barker. Cùng bố trí ở Fancol còn có 6 khẩu pháo khác của khẩu đội A, tiểu đoàn 1, pháo binh 21, chỉ huy bởi đại úy Donald Davis, 28 tuổi người Ohio.

Những pháo thủ anh hùng ở Falcon không ngủ trong suốt 3 ngày đêm để giữ cho chúng tôi nằm trong một bức tường lửa. 12 khẩu pháo này đã bắn hơn 4000 viên đạn chỉ trong ngày đầu tiên. Barker nói: “Vào buổi chiều đầu tiên cả 2 khẩu đội đã bắn hiệu lực trong 5 giờ liên tiếp không nghỉ [trực tiếp vào mục tiêu].” một trong những phi công Huey của Crandall, đại úy Paul Winkel, trong một lần hạ cánh gần ngủ xuống Falcon vào buổi chiều đầu tiên đã sững sờ trước những gì nhìn thấy: “Có hàng đồng vỏ đạn, mỗi đồng cao ít nhất là 3 mét, và những pháo thủ kiệt sức. Tới lúc đó họ đã bắn liên tục được 3 tiếng đồng hồ thậm chí không nghỉ để gạt mồ hôi. Một khẩu súng đã cháy đỏ, 2 phải dội nước. Thật đó mới là bắn pháo.”

Cho dù đang phải đối phó với những điều tồi tệ nhất trong cuộc chiến vì sự sống còn của mình, những người lính Mỹ chúng tôi nhìn ra những đám bụi cỏ, cây kia ở tất cả các hướng, nơi đạn pháo 105mm, rocket 2,75-inch, bom Napalm, bom 250-500 pound và đạn súng máy 20mm đang biến chúng thành địa ngục và cảm ơn Chúa và những ngôi sao may mắn của mình rằng chúng tôi không phải bước qua đó để đánh nhau.

## 9/ NHỮNG PHI CÔNG DŨNG CẢM

*I knew wherever I was that you thought of me, and if I got in a tight place you would come-if alive.*

*-William Tecumseh Sherman, in a letter to Ulysses S. Grant*

Trong suốt 20 tháng huấn luyện cơ động không vận, một giao kèo đã được đóng dấu giữa những người lính bộ binh và những người chuyên chở họ, những phi công và phi hành đoàn trực thăng Huey. Giờ mỗi cam kết của giao kèo đang được thử thách tại nơi chiến địa nóng bỏng nhất. Nếu cầu không vận này thất bại, những người bị kẹt của tiểu đoàn 1, Kỵ binh 7 chắc chắn sẽ chết giống như cách những kỵ binh của George Armstrong Custer chết trong thung lũng Little Bighorn—bị chia cắt, bao vây bởi một địch thủ vượt trội về số lượng, bị tràn ngập và làm thịt tới người cuối cùng.

Tôi đã yêu cầu những sự hiến thân tận cùng, sự phục vụ vượt xa những giới hạn của trách nhiệm và nhiệm vụ của những phi đội anh dũng của Bruce Crandall, và họ đã đáp ứng hoàn toàn như tôi biết họ sẽ như vậy. Trong cách nhìn của nhiều người chúng tôi, đây là lần đầu tiên nhiều nhiệm vụ khó khăn nhất phải được thực hiện cùng với nhau trong một trận chiến. Đạn dược cũng như nước và trang bị y tế là những thứ vô cùng cần thiết với chúng tôi- những chiếc Huey của Crandall đem chúng lại cho chúng tôi. Những thương binh, đang gào thét vì đau đớn, âm thầm rên rỉ trong cái sốc, phải được di tản nếu không họ sẽ chết trên những chiếc poncho sau tổ mối.

Rút người bị thương ra không phải là việc của những phi đội trực thăng slick. Người của Crandall là phi hành đoàn của phi đội trực thăng tấn công đổ bộ, được huấn luyện để chở bộ binh vào trận đánh. Chở thương binh ra khỏi khu chiến là nhiệm vụ của những chiếc trực thăng di tản quân y. Nhưng đây là thời kỳ đầu của cuộc chiến tranh, những người chỉ huy quân y tuyên bố rằng trực thăng của họ sẽ không hạ cánh xuống một bãi đáp nóng bỏng-hoặc nói cách khác họ sẽ không xuống chỗ cần họ vào lúc mà người ta cần họ nhiều nhất. Ngay cả trước khi tôi yêu cầu, Crandall đã quyết định bắt đầu làm tất cả mọi thứ mà anh thấy cần phải làm.

Khi chiếc Huey bay lên, với đầy thương binh, quay về hướng đông, Old Snake nghĩ tới tình hình nguy hiểm trên mặt đất tại LZ X-Ray. Crandall nhớ lại: “Thời gian quay trở lại Pleime tưởng như kéo dài vô tận, cho dù chúng tôi đã bay nhanh nhất có thể. Tôi tự xác định rằng trong trận này nếu như tiểu đoàn một bị thua thì đó sẽ không phải lỗi của trực thăng hỗ trợ. Tôi biết binh lính và sĩ quan dưới mặt đất là những người giỏi nhất trong công việc của họ, và giờ là lúc chúng tôi phải chứng tỏ mình tương đương với họ trên không.

“Trước khi hạ cánh xuống Pleime tôi quả quyết rằng lúc này Moore cần nhiều đạn dược hơn là thêm nhân lực. Kế hoạch của tôi là thay những chiếc trực thăng, 2 chiếc sẽ chất đầy đạn dược

quay lại X-Ray. Thả đạn xuống và đưa thương binh ra. Tôi cảm thấy chúng tôi có thể xuống được LZ nếu chúng tôi cố bay theo cao độ bằng những ngọn cây. Nếu chúng tôi không thể quay trở lại, thì ít ra số đạn được cũng sẽ ở đó và những người lính bộ binh sẽ bảo vệ chúng tôi.”

Crandall điện cho Orange một Lead, đại úy Paul Winkel, đang ngồi đợi tại đường băng ở Pleime, nói với anh ta điều 2 chiếc Huey thuộc quyền anh tới Trại Holloway lấy vũ khí nhiều tới hết mức máy bay có thể chuyên chở. Winkel điều 2 chiếc Huey Orange 3 và 4, lái bởi CWO Dallas và CWO Ken Faba. Thời gian bay cộng với xếp đạn được vào khoảng một giờ.

Lúc này Crandall hạ cánh xuống đường bay đầy bụi đỏ ở Pleime. “Khi chúng tôi chạm đất ở Pleime thì gặp những người lính bộ binh và cứu thương vẫn đang chờ được bốc tới X-Ray. Họ chuyển những người chết và bị thương ra khỏi trục thăng của tôi- hình ảnh này ăn sâu vào tôi hơn bất kỳ thứ gì khác mà tôi đã gặp trong suốt 2 nhiệm kỳ phục vụ tại VN. Một người lính da đen cao lớn, chỉ mặc chiếc áo thun GI và đi giày boots, đôi bàn tay còn lớn hơn một chiếc đĩa ăn, trèo lên máy bay để đưa một trong những người lính da trắng chết xuống. Nước mắt rơi dài trên má, anh dịu dàng ôm người lính chết vào lòng bước xuống máy bay chậm chậm đi tới trạm quân y. Tôi không hề biết người chết đó có phải là bạn thân của anh lính hay không. Tôi nghĩ là không. Đó là sự đau buồn của anh dành cho người đồng đội bị ngã xuống và cũng là do sự tàn bạo của những cái chết trước mặt những người phải chứng kiến nó.”

Crandall gọi những phi công lại cùng nhau hội ý về tình hình nguy hiểm trên mặt đất vùng X-Ray. Anh vạch một kế hoạch quay lại đó với 2 chiếc trục thăng chở đạn được, và hỏi xem có ai tình nguyện đi không. Anh nói: “Đại úy Freeman, người bạn cả chục năm nay của tôi, người chỉ huy những đợt bay thứ 2 suốt buổi sáng, nói anh sẽ bay chuyến đó. Big Ed đã không hiểu tôi. Tôi chỉ muốn một phi đội tình nguyện cho chiếc thứ 2. Tôi dự định chính bản thân mình sẽ dẫn đầu chuyến này. Tôi tính để Ed lại phía sau với nhiệm vụ tái tiến hành chuyên chở lính ngay khi Moore đảm bảo được hành lang an toàn từ LZ.”

Đại úy Ed Freeman, 36 tuổi, đã từng chiến đấu trên Port Chop Hill ở Triều tiên như là một lính quân dịch và đã được phong sĩ quan ngay ở đó. Với chiều cao 1m95, Freeman cao hơn 10 cm giới hạn tối đa cho phép đối với phi công Lục Quân khi anh tới học tại trường huấn luyện bay, vì vậy anh có nickname: “Too Tall to Fly”. Crandall và Freeman ở trong một đội đã nhiều năm, cùng chia sẻ những phi vụ bay trên những vùng khó khăn nhất trên thế giới. Cùng nhau họ đã bay qua những vùng hoang vu Bắc Cực, những sa mạc ở Trung Đông và Bắc Phi, và những cánh rừng bạt ngàn vùng Trung và Nam Mỹ trên những phi vụ vẽ bản đồ cho Quân đội. Điều duy nhất mà họ chưa bao giờ tranh luận với nhau là ai trong 2 người họ là phi công trục thăng giỏi thứ 2 trên thế giới. Pop Jekel mô tả về Too Tall Ed vào thời điểm đó như là “một tay đảo mả tổ [shit-kicker] lộc lõi, số tiền ăn bài poker của gã có thể trả được phân nửa số dư nợ quốc gia.”

Crandall hiểu Freeman quyết tâm như thế nào. “Big Ed và tôi thảo luận về chuyến bay trong vài giây và biết rằng tranh cãi với anh ấy chỉ lãng phí thời gian. Tôi quyết định cả 2 chúng tôi đều bay phi vụ này.

Cho tới trước khi LZ trở nên nóng bỏng, Matt Dillon và Mickey Parrish đã kiểm soát tất cả các chuyến bay ra vào X-Ray trên chiếc trực thăng chỉ huy ở phía trên. Không được nữa. Tôi giành lấy quyền kiểm soát bởi vì chỉ có tôi biết lính của tôi ở đâu, đạn địch bắn từ hướng nào tới, và điểm nào an toàn nhất để hạ cánh cũng như thời khắc của nó. Từ lúc này trở đi, mỗi chiếc trực thăng bay tới X-Ray phải điện cho tôi để nhận được những hướng dẫn hạ cánh.

Những phi đội Huey đã làm việc một cách tuyệt vời, chấp nhận đạn địch bắn vào hết lần này tới lần khác. Họ không bao giờ từ chối khi được gọi. Ngược lại, chúng tôi cố hết sức gọi họ chỉ khi tiếng súng giảm thiểu nhất, và chúng tôi có những đội chờ sẵn để đỡ đỡ tiếp tế xuống cũng như xếp thương binh lên trong thời gian nhanh nhất, giảm thiểu sự nguy hiểm cho trực thăng khi phải đậu dưới đất.

Quay lại đường băng đầy bụi ở Pleime, Crandall và phi công của anh, Jon Mills, chuyển đồ bay từ trực thăng bị thương của họ sang chiếc của Lombardo; chiếc trực thăng mới và chiếc của Freeman được chất đầy đạn dược từ dự trữ của đoàn Kỵ Binh 7 tại sân bay. Sau đó Crandall chỉ định một trong những chỉ huy tổ phi đội làm chỉ huy đội bay 8 chiếc đã bị xua khỏi X-Ray lúc này. Anh nói họ chờ đợi và chờ phần còn lại của đại đội Delta khi tôi ra lệnh.

Crandall nói: “Big Ed và tôi cất cánh và bay về hướng X-Ray. Chúng tôi mở sóng thông tin, biết rằng mọi chuyện vẫn chẳng khá hơn. Bay được khoảng 5 phút tôi liên lạc với trung tá Moore, giải thích tại sao chúng tôi đang tới, và ông ấy cho biết họ rất cần đạn dược. Điều này như một sự thôi thúc chúng tôi bay tới, cho dù phải gặp tình cảnh tồi tệ nào đi nữa. Moore hiểu được vấn đề và hướng dẫn chúng tôi hướng tiếp cận và nơi đáp xuống. Chúng tôi bắt đầu bị đạn bắn tới rất rát trong lúc tiếp cận. Tôi báo cho Ed và cậu ta trả lời lại một cách bình tĩnh: “Roger. Cậu muốn tớ làm gì khi nói vậy. Chuồn hả? Tớ đeo nghĩ tới nửa chữ đâu.”

“Người của Moore đang nằm bắn bảo vệ cho chúng tôi, và chúng tôi đập những ngọn cây và xà xuống LZ, tôi có thể thấy Hal Moore đang đứng đằng xa, phía cuối bãi trống. Giờ mình ra trước làn đạn địch để có thể đưa chúng tôi vào vị trí an toàn nhất có thể trong LZ. Tôi đáp xuống nơi ông chỉ và phi đội của tôi cùng người của ông bắt đầu đỡ những thùng đạn xuống, thật nhanh như họ có thể. Cùng lúc đó những người bị thương được chuyển lên máy bay.”

Trong số những thương binh được đưa lên máy bay có đại úy Lefebvre và trung úy Taboada, những người thuộc đại đội Delta, mà Crandall đã bốc tới X-Ray trên chuyến vừa rồi. Một người bị thương còn đi được, đang đứng gần cửa là sĩ quan tình báo tiểu đoàn, đại úy Tom Metsker, đã bị bắn vào vai trước đó khi cùng với đại đội Alpha đánh địch ở suối cạn. Lefebvre nhớ lại, “Chúng tôi đang chờ được đưa lên trực thăng, tôi nhớ Metsker đã giúp tôi, ông đẩy tôi lên và ngay lúc đó ông nói: “tôi trúng đạn nữa rồi.’ Trưởng nhóm phi đội đã kéo ông lên máy bay.”

Crandall nhớ lại, “Trực thăng của tôi chở tới 8 người bị thương nặng. Trong khi tôi đang còn dưới đó một sĩ quan bị thương giúp một sĩ quan khác lên chiếc Huey của tôi và bị giết. Chúng tôi cũng đưa anh ấy đi luôn. Ed chỉ có thể mang được có 5 người trên chiếc Huey của anh.” Đại úy Tom Metsker, có vợ và là cha của một bé gái 7 tháng tuổi, chết trước khi tới được Pleime.

Bận bịu với trận đánh. Tôi đã không thấy Metsker bị bắn ở bãi trống bên cạnh những chiếc Huey của Crandall, nhưng đó là điều xấu. Nó có nghĩa là có quân Bắc Việt phía bờ đông của bãi trống, gõ vào cái cửa sau đang mở toang của chúng tôi.

Crandall giờ đang cố đưa chiếc Huey quá tải của mình lên, thì những chiếc cánh quạt va phải vài ngọn cây. Anh nhớ lại: “Suýt chút nữa là chúng tôi không ra được. Trong huấn luyện thỉnh thoảng chúng tôi cần trọng dụng cặp còng máy bay vào ngọn cây, đủ để làm tụi lính bộ binh phọt cút ra ngoài, đặc biệt là những lính mới. Nhưng cánh quạt mà đụng vào ngọn cây thì làm tôi phọt cút ra ngoài. Khi mà chúng tôi quét sạch những ngọn cây đó thì chúng tôi lại bị bắn. Khi chúng tôi về tới Pleime tôi lại chuyển qua máy bay của mình, nó đã được kiểm tra và nạp nhiên liệu.”

Ở Pleime, đại úy Paul P. Winkel, 34, tuổi, người Cicero, Indiana, West Point khoá 1956, đang đợi 2 chiếc trực thăng Orange Flight trở về từ Pleiku với nhiều đạn dược lấy được. “Trên sóng điện đài của bộ binh âm thanh nghe như là một bộ phim chiến tranh cổ điển. Tiếng của trung tá Moore, Trojan 6, chỉ huy vang khắp một cánh bình tĩnh, với những lời động viên và ra lệnh. Nó làm cho những cậu bé dưới X-Ray ngày hôm đó trở thành đàn ông thực thụ. ‘OK, hiểu tình hình của cậu rồi...cố bình tĩnh....chúng tôi đang cố dựng một hàng rào pháo binh xung quang cậu. Điều tất cả người của cậu.....tất cả họ....và từ từ cùng nhau lùi lại khi đạn pháo trum tới. Hãy lùi xuống cùng lúc với pháo binh và các cậu sẽ OK. Đợi ở đó nhé.’”

CWO Leland C. Komich điện cho Winkel báo rằng họ đang trên đường về và hỏi họ sẽ bỏ đạn xuống chỗ nào. Winkel trả lời: “Đợi chút” rồi chuyển sóng, liên lạc với Crandall, đang trên đường bay về từ X-Ray với đầy thương binh trên máy bay, và lặp lại câu hỏi. Câu trả lời của Old Snake rất ngắn gọn: “LZ X-Ray”

Winkel nói: “Tôi nghĩ, Chúa ơi, làm sao tôi dẫn 2 chiếc trực thăng nặng chịch đạn và vũ khí này xuống X-Ray, giờ đang bị bao vây bởi quan địch cùng với không quân ném bom, trực thăng ARA xả rocket, hàng rào pháo binh đang dội xuống từ mọi hướng, mà không bị trúng đạn và nổ tung. Tôi chuyển sóng và gọi Kormich: ‘Đáp xuống Pleime ngay’. Khi 2 chiếc trực thăng đập bụi xuống, tôi chạy tới một chiếc, thấy Kormich ngồi ở ghế trái, nói với viên đồng phi công của anh xách dít đi [unass] khỏi máy bay, tới chiếc Huey của tôi và bay cùng với viên phi công ở đó, CWO Walter Schramm. Tôi nói với Kormich chúng ta sẽ cùng tới X-Ray. Mắt của Lee nhú lại. Tôi biết anh ta đang nghĩ giống như mình đã nghĩ vậy. Chúng tôi đang chở đầy đạn, chỉ cần một viên đạn bắn trúng, cũng có thể biến chúng tôi thành một ông mặt trời thứ 2 theo sau là một đụn khói đen trên những ngọn cây của LZ X-Ray.

“Tôi chuyển sóng tới Moore liên tục. ‘Trojan 6, đây là Orange 1, chuyển bay gồm 2 chiếc chở đầy đạn, đang trên đường tới X-Ray. Xin hướng dẫn hạ cánh, thưa ông’. Từ chiếc trực thăng chỉ huy tiểu đoàn có lời hướng dẫn: ‘Bay thẳng 275 độ so với chiếc A-1E nằm dưới đất, sau đó rẽ trái thật thẳng và khi anh bắt đầu bị đạn bắn, đếm 10 giây, rẽ phải 90 độ ngay lập tức. Anh sẽ hướng trực tiếp tới trung tâm của LZ’. Moore thêm vào: ‘bay đúng như vậy. Chúng tôi sẽ sắp một ký hiệu nơi hạ cánh. Không được đậu sai, tôi nhắc lại: Không Được Đậu Sai [do not

Overshoot], nếu anh bay quá, hãy quay thẳng về hướng bắc và cố thêm một lần nữa. giữ độ cao đầu ngọn cây.'

“Chúng tôi tới chỗ chiếc A-1E đang cháy. Tôi nói: ‘Qua trái! tốc độ 80 knots và trượt trên các ngọn cây.’ Cú điều khiển của thật chính xác. Tiếp đến là những tiếng súng nổ bốp bốp, và ngay bên phải chúng tôi là những dấu hiệu phát sáng đánh dấu điểm hạ cánh. ‘qua phải ngay, Lee, phải! Nhìn cái dấu kia!’ Tôi thấy nó ngay trước mặt, bên dưới. Nó đây rồi. Xuống ngay. Lee lôi chúng tôi xuống vừa lúc chiếc càng đậu trên thanh chắn ra hiệu. Tôi nhìn ra ngoài, thấy lính của mình đang nằm dài, ép sát xuống đất, phi hành đoàn của tôi nhanh chóng chuyển những thùng đạn xuống. Tôi nhìn chăm chú về phía trước. Thẳng phía trước, cao lù lù, là ngọn Chu Pong. Tôi nơm nớp sợ rằng một loạt đạn nào đó sẽ nã tới bất cứ lúc nào. Mắt tôi nhòe hết cả đi, dường như chẳng thấy màu sắc gì và dường như phải mất cả tiếng đồng hồ để dỡ đạn xuống. Sự sợ hãi làm mọi thứ biến đổi.

“trưởng phi hành đoàn nói: ‘OK, hãy rời khỏi chỗ khốn này!’ Sau đó Moore gọi: ‘Các anh có thể nhận vài thương binh và 2 tên tù binh không?’ Tôi nói được. Họ lên máy bay, Lee kéo cần và chúng tôi bắt đầu nâng tốc độ cánh quạt, thật chậm chúng tôi vươn tới cao độ ngọn cây. Vài giây sau, tôi liếc qua vai trái mình để xem Dallas Harper có theo sau không. Thật thất vọng, tôi thấy những đám khói trắng bất thường cuộn theo sau động cơ của anh ấy. Tôi hét lên: ‘Hạ xuống đi, anh đang cháy đó’. Harper hành động ngay tức thì. Anh ấy vẫn ở trên LZ và hạ xuống bãi trống của Moore. Lee nhanh chóng đổi hướng cánh quạt, sau đó bọc bệ hạ cánh xuống gần chiếc trực thăng bị thương của Harper. Moore gọi tới: ‘Các anh định làm gì thế?’ Tôi trả lời: ‘Chúng tôi quay lại bỏ thấy thẳng tù binh xuống và bốc phi hành đoàn cùng những người bị thương lên. Và ra.’ Moore đồng ý”

Dallas Harper và phi hành đoàn của mình cùng những người bị thương từ chiếc trực thăng đang bốc khói được chuyển sang trực thăng của Winkel. Winkel nói: “Tôi trông thấy một người bị thương đang nhảy lò cò và vấp té ngoài những hàng cây, lưng anh ấy từ cổ xuống tới eo ướt sũng máu đỏ. Tôi hét lên với xạ thủ súng máy của mình: “Thấy người kia không? Bị thương đó! Cho người nào tới giúp anh ta lên đây đi. Chúng ta sẽ không đi chừng nào chúng ta chưa đem hết những người cần thiết lên máy bay. Đi đưa anh ta lại đây!’ Hai người chạy tới chỗ anh ta. Những tiếng bốp, bốp vẫn nổ đều. Lee vẫn giữ trực thăng ở tình trạng sẵn sàng cất cánh.

“Chúng tôi chất khoảng 15, 16 người lên khoang. Tôi hy vọng chúng tôi đã đạt đủ tốc độ [cánh quạt] để cất cánh, Lee kéo cần và chúng tôi bay lên, máy bay lắc lư một chút trước khi lấy lại được thăng bằng. Chiếc trực thăng thứ 2 vẫn đang âm ỉ bốc khói phía bên trái chúng tôi. Sau này sĩ quan bảo trì nói, ống dầu và ống nước làm mát của chiếc trực thăng đó đã bị bắn trúng, và hỏng nặng, nếu nó bay thêm 5 phút nữa động cơ sẽ bị kẹt cứng lại và máy bay sẽ rơi xuống những cánh rừng ở tốc độ 120 knots. Chúng tôi sẽ mất một phi hành đoàn 4 người dũng cảm, 7 thương binh của Moore và một hành khách- 1 đại úy bộ binh. Gã đó là ai nhỉ? ¼ thế kỷ sau tôi mới biết đó là đại úy Gordon P. Rozanski, sĩ quan hậu cần của tiểu đoàn, người đã bay ra bay vào X-Ray suốt những ngày hôm đó để dỡ đạn xuống và xếp thương binh lên.

Chiếc Huey lướt qua những ngọn cây hương về phía bắc vọt ra ngoài trên một cung đường bay nguy hiểm. Tôi châm một liều thuốc, quay xuống phía trái, nhìn thấy một lính máu me đầy mình đang nằm dựa đầu vào thân một người khác. Tôi để liều thuốc qua một bên, châm một liều khác rồi nhét vào miệng anh ta. Vào lúc đó người lính máu me đó mở to mắt nhìn tôi, như muốn gửi một lời cảm ơn nồng nhiệt nhất mà tôi từng nhận được từ trước tới nay. Kính chắn gió của tôi lúc này lấm chấm những vệt máu do gió từ những cánh cửa mở hai bên cuốn tới. Chưa 30 phút sau, tôi gọi đài chỉ huy ở Pleiku: “Orange một đang trên đường về với 7 thương binh. Cần gấp sự hỗ trợ”. Tôi nói họ thông báo cho những đơn vị cứu thương, sẽ có thêm nhiều chuyển chở thương binh về trong buổi chiều, có thể tới 100 người. Hãy gọi thêm trợ giúp y tế mau. Chúng ta có một trận đánh tồi tệ ngoài kia. Các anh hiểu chứ?”

“Chúng tôi hạ cánh, chuyển thương binh xuống, rồi nạp nhiên liệu trong lúc máy vẫn nổ. Harper và phi hành đoàn của anh chạy đi kiếm một chiếc trực thăng khác. Khi chúng tôi chuẩn bị cất cánh Lee nói: “Trên đường quay về chúng ta có thể chở thêm một số đạn.” Tôi nói: ‘Đồng ý, lượn tới kho của tiểu đoàn đi’. Chúng tôi đậu ngay giữa những kho đạn và phi hành đoàn của chúng tôi chất những thùng đạn lên. một đại úy chạy đến hô: ‘Các anh không thể làm như vậy. Những thứ này thuộc về Lữ đoàn 3, và phải có lệnh bằng văn bản.’ Tôi chẳng có thời gian để giải thích cho cái thằng mặt trắng ấy, chỉ nói: ‘Lee, đi quách cho rồi.’ Chúng tôi mặc cái tay đại úy đang huênh hoang ở dưới đám bụi đỏ đó.”

Thiếu tá Bruce Crandall và Ed Freeman làm thêm 2 chuyển chở đạn tới X-Ray. Crandall nhớ lại, “Chúng tôi mất thời gian, vào khoảng nào đó trong buổi chiều tôi quyết định cố gắng điều được 2 chiếc trực thăng cứu thương của sư đoàn tới X-Ray. Để chỉ cho họ đường an toàn nhất khi bay xuống và bay ra X-Ray, chúng tôi bay vào ở độ cao thấp, với sự trợ giúp của Moore. Cho dù chúng tôi bị bắn từ cả hai hướng nhưng chúng tôi ra vào OK. Những phi đội cứu thương chẳng thích quy trình này, và đặc biệt không ưa bay thấp ngang với ngọn cây khi bay vào. Họ quyết định xuống đó cùng một lúc từ cao độ 450 mét như là đường tiếp cận bình thường. Tất nhiên điều này khiến cho họ phơi mình ra cho đạn địch nhiều hơn, nhưng tôi không quan tâm nếu như họ hạ được xuống. Thật tình một chiếc đã xuống được và chuyển được 2 thương binh đi trước khi chiếc thứ 2 báo cáo bị trúng đạn và cả hai hủy bỏ nỗ lực cứu người.

Từ lúc đó, thay vì phải bay cả đoạn đường trở lại Pleiku. Tôi bay tới bãi Falcon. Vị trí này gần hơn rất nhiều và chúng tôi có thể chuyển thương binh từ máy bay của mình sang những chiếc trực thăng cứu thương để họ bay về Trại Holloway. Chúng tôi thực hiện được thêm nhiều chuyển bay từ X-Ray tới Falcon, chở thêm nhiều đạn tới và đưa được nhiều thương binh ra hơn. Tới lúc tôi hoàn thành chuyển thứ 3, cả đại đội của tôi đều xung phong đi, nên tôi thực hiện theo kiểu con thoi. Họ xếp hàng xoay vòng chờ tới lượt mình.

Trên mặt đất, trận đánh đã lên tới đỉnh điểm của ngày với những tràng dài tiếng nổ lớn gây điếc đặc. Nơi này nơi kia, chỉ huy quân địch điên cuồng dò dẫm những vị trí yếu của chúng tôi, những cửa mở cho phép ông ta chọc thủng một lỗ trên tuyến phòng ngự mỏng manh của những người đang bảo vệ bãi trống. Đó là những hành động hỗn loạn và thay đổi nhanh chóng. Họ đang nóng lòng muốn giết chúng tôi; họ đang khát, muốn uống máu của những người chết

của chúng tôi. Giờ họ đang lao vào chúng tôi trên cả 4 hướng.

Trước đây chưa bao giờ địch quân VN lại thực hiện một trận đánh vào một đơn vị quân đội Mỹ với sự dai dẳng như vậy. Cho tới lúc này Quân Mỹ chưa hề biết tới một kinh nghiệm tương tự đối phó với đối thủ này. Chúng tôi bị dính chặt vào một trận đánh tàn khốc của hỏa lực và vận động chiến, một trận đánh để sống sót, chỉ một bên được phép chiến thắng. Một người chỉ huy có 3 cách để tác động tới trận đánh: Hỏa lực hỗ trợ, giờ đang đang trút xuống như mưa khắp vùng; hành động chỉ huy cá nhân trên khu chiến; và cách sử dụng lực lượng dự bị.

Lực lượng dự bị của tôi bây giờ chỉ có Thượng sĩ Plumley, điện đài viên Bob Ouellette, và bản thân tôi. Tôi quyết định rằng nếu cần thiết chúng tôi sẽ nhập với đại đội Alpha của Nadal để chiến đấu trong lòng suối cạn. Để chuẩn bị cho tình huống xấu này, tôi tới chỗ trạm cứu thương, lấy đạn và lựu đạn từ những chiếc túi của thương binh, nhét vào áo mình cũng như gắn những băng đạn mới vào khẩu M-16. Cho dù phần phía đông của bãi trống vẫn bị quân địch nã đạn, nhưng tiếng súng đã giảm đi rất nhiều nhờ vào những hành động của đại úy Ray Lefebvre và một vài lính của anh cùng với những đợt dội bom, bắn pháo dữ dội vào vùng đó. Chỉ huy đại đội Charlie, Edwards đã làm một việc tuyệt vời, Edwards nói: “các trung đội của tôi giữ vững được vị trí của họ, bên cạnh đó đảm bảo được đường tiếp tế cũng như phối hợp được với hỏa lực yểm trợ. Tôi có thể tập trung vào những vấn đề nảy sinh khác. Sườn trái của tôi trưng ra một cách nguy hiểm, làm tôi lo ngại.”

Edwards, biết rằng Lefebvre đã chuyển quyền chỉ huy đại đội Delta cho trung sĩ Gonzales, kiểm được anh ta và với sự chấp thuận của tôi, điều lính của đại đội Delta tới sườn trái đang bỏ trống của mình, cột họ chặt xung quanh triền đông nam của bãi trống. Sau đó Edward, mà trước những người của anh đã chặn đứng một tiểu đoàn Bắc Việt tiến xuống, trình diện ở sở chỉ huy của tôi để nhận thêm nhiệm vụ, và hỏi rằng anh ta có thể giúp tổ chức các trận địa súng cối được không.

Edwards phát hiện ra rằng các khẩu súng cối thuộc 3 đại đội bộ binh, đáng lẽ phải được tập trung dưới sự điều khiển của đại đội Delta, vẫn đang hoạt động độc lập bởi vì những sĩ quan của đại đội Delta đã bị thương. Anh tập trung những khẩu cối của 3 đại đội bộ binh lại đặt xung quanh phía đông của sở chỉ huy: “tôi xếp họ vào một vòng, nói với chỉ huy bộ phận súng cối của tôi, trung sĩ tiểu đội Harold Matos-Diaz, tạm kiểm soát cho tới khi những sĩ quan của Delta tới. Anh ấy sắp xếp bố trí họ vào vị trí, và khi tôi về tới đại đội Charlie anh ấy báo trên sóng chỉ huy đại đội rằng họ đã sẵn sàng nổ súng.

Chúng tôi cố đưa họ bắt liên lạc với từng đơn vị, nhưng trận đánh quá hỗn loạn và bụi, khói trùm lên tất cả, tình hình phát triển quá nhanh mà không có một vị trí quan sát tin cậy, nên đã không yểm trợ một cách hiệu quả được.”

Lúc này, Tim Brown, tư lệnh lữ đoàn lại xuất hiện trên radio, và yêu cầu báo cáo tình hình. Tôi nói với ông rằng chúng tôi đang giao chiến dữ dội, bị áp đảo về số lượng, nhận nhiều thương vong; bãi đáp đang nóng bỏng, một trung đội bị chia cắt, và tôi vẫn chưa có đủ tiểu đoàn của

mình dưới này. Tôi nói với đại tá rằng nếu trận đánh vẫn tiếp tục như thế này tôi cần một đại đội bộ binh làm lực lượng tăng viện. Ông nói rằng sẽ gửi tới một đại đội, nhưng cả 2 chúng tôi đều biết rằng phải mất ít nhất 2 hoặc 3 tiếng để quân tăng viện tới được X-Ray. Brown báo động cho đại đội Bravo của tiểu đoàn 2, Kỵ Binh 7, và họ đã xếp hàng chờ ở điểm bốc quân.

Giờ là gần 3 giờ chiều, đại đội Charlie đánh bại cuộc tấn công của NVA và đã chặn những nỗ lực của họ đánh tạt sườn trái của chúng tôi và mở ra một cơ hội cho tôi đưa toàn bộ phần còn lại của tiểu đoàn tới. nếu chúng tôi đưa từng chiếc hoặc 2 chiếc vào một lần và nếu những phi công nghe theo những chỉ dẫn của chúng tôi, chúng tôi có cơ hội đón được lính mình xuống, tôi thực sự cần tới họ.

Vẫn còn chờ ở Pleime là vài người lính còn lại của đại đội Charlie; phần còn lại của đại đội Delta, gồm cả quyền đại đội trưởng, trung úy James L. (Larry) Litton, và trung sĩ trưởng Warren E. Adams; và trung đội trinh sát của tiểu đoàn. Tôi điện cho Dillon trên chiếc Charlie-Charlie [command and control] và nói anh đưa họ tới.

Chuyển chuyển quân cuối cùng của tiểu đoàn tới vào khoảng 3g20. Đây cũng là khoảng thời gian chiếc trực thăng thứ 2 trong số những chiếc trực thăng mà chúng tôi mất ở X-Ray bị bắn hạ. Vụ việc vẫn còn in đậm trong tâm trí tôi: một phi công xuất hiện trên sóng và hỏi tôi chỉ dẫn hạ cánh. Tôi nói với anh ta bay theo độ cao ngọn cây từ phía đông và hạ xuống bờ đông của bãi trống. Anh ta trờ tới xuyên qua những đám khói, tôi thấy anh bay quá nhanh và quá cao và sẽ vượt qua bờ đông đậu xuống phía bờ tây của bãi trống ngay trước mặt ngọn núi. Tôi nói anh bay thấp hơn nữa và hạ xuống phía bờ đông. Anh ta bay ngang qua tôi và tất nhiên là sẽ đậu sai chỗ anh được hướng dẫn. Tôi hét vào anh ta trên điện đài: 'Anh sẽ bị bắn! anh sẽ bị bắn trúng đấy!'

Máy bay anh ta quạt ầm ầm ngay trên đầu tôi, 15 mét cao, rồi rung rầm rập, sau đó lượn nặng nhọc qua phải hướng về phía bắc và phía đông. Tiếp đó, viên phi công, CWO Donald C Estes, lái chiếc trực thăng đang rơi của mình, cánh quạt đang rung lên bần bật, vào những hàng cây ngay ngoài bãi trống. Trực thăng và phi đoàn ngay lập tức được bảo vệ bởi những người lính gần nhất. Hai trong số 16 chiếc trực thăng của chúng tôi giờ đang nằm bất động trên LZ. Estes, 30 tuổi, người Auburn, Alabama, sau này bị giết khi đang làm nhiệm vụ vào ngày 24-06, 1966.

Một trong những chiếc trực thăng chở tới Larry Litton, ngay lập tức nhận quyền chỉ huy đại đội Delta từ trung sĩ Gonzales đã bị thương. Tôi nói anh ta bổ sung 4 khẩu cối của mình để tăng cường sức mạnh cho vị trí súng cối đã được thiết lập nên trước đó bởi người của Edwards và kiểm soát tất cả 7 khẩu cối ở đó theo một hướng chỉ huy duy nhất. Hướng hỏa lực về phía đại đội Alpha và Bravo, những pháo thủ súng cối cũng có nhiệm vụ bảo vệ bãi đáp nhỏ vừa cỡ 2 chiếc trực thăng của chúng tôi ở phía đông.

Tôi cũng nói Litton rải trung đội trinh sát, chỉ huy bởi trung úy James Rackstraw, dọc theo rìa bắc và đông của bãi trống tới ngay vị trí súng cối như là một biện pháp bảo đảm an toàn thêm nữa cho bãi đáp nhỏ xíu kia. Trung đội trinh sát cũng được coi như là đơn vị dự bị của tiểu

đoàn. Lần đầu tiên trong ngày, tôi giờ có vẻ như đã tạo được một chu vi hoàn chỉnh và phía sau chúng tôi đã được bảo vệ.

Đại đội Charlie của Edwards đã đánh nhau với địch được hơn một giờ. Họ đã có lợi thế khi có được một chiến địa bằng phẳng hơn. Họ có thể điều chỉnh pháo binh và không quân yểm trợ chính xác hơn, và những phi công trên cao có thể nhìn thấy quân địch đang di chuyển từng đàn trong đám cỏ voi, nhờ thế có thể giết chúng hiệu quả hơn. Cuối cùng quân địch đang choáng váng phải lùi lại phía nam và tây nam, lùi theo một vài người bị thương hoặc chết của chúng. Khi chúng rút khỏi vùng chết chóc của đại đội Charlie, những hoạt động của chúng xung quanh đại đội Alpha cũng giảm dần.

Một cách lạ lùng, quân Bắc Việt ở phía trước các trung đội của Deal, Devney và Marm đã không khai thác lợi thế của mình. Trong khoảng ngừng bắn này, những người chết và bị thương của các đại đội Alpha và Bravo được đưa về phía sau tới trạm cứu thương tiểu đoàn. Trung sĩ đại đội Alpha nói: “Chúng tôi đang chuyển một lính thật nặng cân của Alpha, binh nhất Jerry Kirsch, về trên một chiếc poncho, thì một người đang xách góc bên trái của tấm poncho bị bắn vào lưng. Cậu ta, binh nhất Scott Henry, ngã xuống ngay lập tức. Viên đạn trúng Henry tới từ một điểm rất gần. Tôi để Henry cho thoải mái rồi tiếp tục đưa Kirsch về. Kirsch bị bắn lòi ruột nhưng vẫn còn sống. Khi chúng tôi quay lại với Henry, thì cậu ấy đã chết. Tôi vẫn thường nghĩ tới cậu ấy, phải nằm chết cô độc trên một vùng hoang dại. Cậu ấy là một công binh phối thuộc cho tiểu đoàn chúng ta.”

Ở phía triền cao, trung úy Marm đang cố di tản những thương vong của mình. “Chỉ huy tiểu đội hỏa lực của tôi, trung sĩ Robert L. Parker, tổ chức một tổ đưa thương binh về. 20 phút sau anh ta quay lại nói anh không thể đi ra bởi vì chúng tôi đã bị bao vây. Có thật sự như vậy không bây giờ vẫn còn là câu hỏi với tôi; nó có thể là đạn ‘thân thiện’. Nhưng quân địch vẫn đang cơ động xung quanh sườn chúng tôi. Tôi xin phép được rút lui với những người bị thương. Chúng tôi sẽ thu những người bị chết sau. Thật khó khăn khi đưa những thương binh về, nhưng chúng tôi gặp rất ít sự ngăn cản nào của quân địch cho tới khi chúng tôi tới đường xuất phát tiến công của mình trước đây. Những người bị thương được di tản về bãi trống, và chúng tôi nhận tiếp tế đạn dược, nước tiếp tế lúc đó rất ít.”

Trong số những người bị thương theo về tới trạm cứu thương đặt tại sở chỉ huy trong khoảng thời gian lằng lộn này là binh nhất 5 Calvin Bouknight, y sĩ đi với trung đội 3 của trung úy Deal. Bouknight được điều về trạm quân y tiểu đoàn được hơn 18 tháng như là một trong 2 trợ lý quân y cho bác sĩ phẫu thuật. Cuối tháng 10, những đại đội chiến đấu của chúng tôi thiếu hụt y sĩ nghiêm trọng, chỉ còn tất cả có 8 y sĩ trung đội. Chúng tôi kiểm tra lý lịch nhân sự của trạm quân y tiểu đoàn và kiểm soát ai có kinh nghiệm là y sĩ. Vài người được đưa thẳng xuống phục vụ trung đội, những người khác được đưa đi tái huấn luyện và được chỉ định là y sĩ dự bị. Joe Marm mô tả tình hình trung đội như sau: “Y sĩ trung đội tôi có rất ít kinh nghiệm thực hành, và đã không đi cùng chúng tôi xuống Chu Pong. Trung sĩ nhất George McCulley, trung sĩ trưởng, mang theo bộ cứu thương, và chúng tôi định dùng trung sĩ Thomas Tolliver như là y sĩ khi cần thiết. Anh ấy đã từng là y sĩ chiến đấu suốt chiến tranh Triều Tiên và có tay nghề cao.”

Dầu vậy chúng tôi vẫn không đủ y sĩ cho mọi nơi, vì vậy chúng tôi gửi binh nhất Bouknight và binh nhất 5 Charles Lose, trợ lý quân y chính, cho đại đội Bravo làm y sĩ trung đội. Giờ Bouknight vẫn còn sống nhưng bị thương rất nặng, đang nằm dưới đất máu của anh nhuộm đỏ trên tấm poncho cao su, trước mặt anh là trung sĩ trung đội quân y, Trung sĩ nhất Keeton, người bạn và là đồng đội của anh suốt 2 năm qua: “Bouknight vẫn chưa chết. Anh bị bắn vào ngay giữa 2 vai. Anh gượng dậy cố cầm lấy tay tôi và nói: “Sarge, tôi không cố được nữa’. Chúng tôi tiêm moocphin lên người anh, và băng vết thương bằng một băng áp lực. Nhưng tất cả vô ích. Chúng tôi đưa được anh lên trực thăng cứu thương, nhưng anh ấy đã chết”.

Văn chương nói rằng không có tình yêu nào lớn hơn việc bạn hy sinh cuộc sống của mình cho bạn bè. Đó là những gì Bouknight làm trong cái đám rừng đầy đạn lửa ấy. Anh che chở những người bị thương mà anh đang chăm sóc bằng chính thân hình của mình, xoay lưng lại những khẩu súng đang khạc lửa của quân thù.

Trên chiếc bi đông nước đã cạn khô, Rudyard Kipling, viết lên đó bài thơ ‘Gunga Din’ của mình, có đoạn:

*But if it comes to slaughter  
You will do your work on water,  
An’ you’ll lick the bloomin’ boots of ‘im that got it.*

Kipling đã đúng. Nóng, bụi, khói, và nỗi sợ hãi làm khô miệng những người dưới X-Ray. Một chút nước còn lại trong các bi đông được dành cho những người bị thương. Trung úy Deal nói: “Vào khoảng 3-4 giờ chiều chúng tôi đã dùng gần hết nước, hầu như dành cho những người bị thương. Chúng tôi khát cháy họng. Thật khủng khiếp cho những người bị thương mất nhiều máu. Sau đó chúng tôi lấy khẩu phần C ra và chắt nước uống. Tôi mở nắp hộp ra, đó là giấm bông và đậu lima-là những thứ mặn nhất trong tất cả các loại khẩu phần C. Tôi uống thứ nước đó và lại càng khát hơn. Thất ngu không chịu nổi.”

Khi Deal đang đưa những người bị thương di tản thì anh bắt gặp những dấu hiệu lạ. “Đó là một trong những điều tôi hối tiếc nhất về trận đánh. Tôi thấy một hàng, không đi theo đội hình, chỉ là một hàng dọc người, có thể tới 200, di chuyển bên sườn phải của mình cùng với hướng di chuyển của chúng tôi khi chúng tôi quay lại phía đông mang thương binh về. Tôi lập tức dương súng lên, chờ chúng đi vào tầm bắn thật rõ ràng. Tôi gọi những người gần mình cầm súng lên bởi vì tôi nghĩ chúng là quân NVA. Nhưng vẫn còn khá xa để phân biệt đó là quân Mỹ hay NVA, vì vậy tôi đã chọn không nổ súng.”

Thật ra tôi cũng sợ gây nên sự chú ý của chúng tôi tới trung đội đã kiệt sức của tôi. Lính của tôi lúc này đã chết hay bị thương quá nhiều, số người còn lại chỉ còn khoảng 2 tiểu đội, 18 người. Hai trăm tay lính này di chuyển song song với chúng tôi, hướng tới bãi trống. Marm, trung đội đã ở bên phải tôi đã rút về, Khi mọi thứ rõ ràng là chính số quân NVA này đã đánh chúng tôi vào cuối ngày hôm đó, những kẻ đã tạo nên số thương vong khủng khiếp cho chúng ta, tôi đã lấy

hồi hận khi không đứng lại và bắn vào chúng.”

Cách Deal không quá 100 mét phía trên, Trung đội bị chia cắt gan lì bám chặt lấy một móm đất nhỏ bé bị tra tấn liên tục. Cho tới lúc này, Ernie Savage và những người sống sót của trung đội 2 của trung huý Herrick đã đẩy lui được 4 đợt tấn công riêng lẻ của địch. Quân địch tin rằng họ đã quét sạch người Mỹ, 3 lính Bắc Việt trong quân phục có lá nguy trang đi ngay vào trong vòng phòng ngự từ hướng X-Ray, và bị giết tức thì. Galen Bungum nhìn thấy một vài tên địch, cách không quá 3 mét, đi từng bước, súng đeo ngang vai, và nói cười như thể “chúng đang đi dạo vào ngày Chủ nhật vậy.”

Từ những vị trí nằm dài sát xuống nền đất, những người sống sót của trung đội bị chia cắt nhanh chóng thịt ngay những mục tiêu thơm như mỡ trên. Khi Savage nhóm dậy để bắn 3 tên địch kia thì phát hiện súng hết đạn. Savage nói: “Tôi chẳng biết làm cái gì nữa, vì vậy tôi nói “Hi” và cười. Cả 3 thằng đó nhìn tôi ngơ ngác, nhưng liền sau đó tôi lấp ngay băng đạn mới vào và tưới lên chúng.”

Dorman nhớ lại: “Chúng cố bò về phía chúng tôi. Chúng tôi để súng xuống thật thấp, chỉ cách mặt đất khoảng 5-8 cm và bắn vào chúng. Chúng tôi bắn thật thấp và chặn được chúng lại. trong lúc này có những tên bắn tỉa chỉ cách có 3 tới 5 mét. Nếu bạn ngược đầu lên chúng sẽ bắn bạn. Nhưng chúng tôi giết chúng từ phải qua trái. Mỗi khi chúng ngo ngoáy cái đầu chúng tôi bắn chúng.

Bây giờ là 3g45, ngoại trừ tình trạng khó khăn của trung sĩ Savage cùng với trung đội bị chia cắt, tôi cảm thấy tình hình có khá hơn một chút. Chúng tôi đã có đầy đủ quân số xuống dưới này; hỏa lực yểm trợ khổng lồ đang được tiến hành; một đại đội tăng viện đang trên đường tới; bãi đáp nhỏ xíu 2 trực thăng đã được bảo đảm; hầu hết những người bị thương đã được di tản hoặc đang chờ được di tản; chúng tôi vẫn vững vàng. Tôi xác định sẽ tiến hành một nỗ lực nữa để cứu Savage và những người bị thương và chết trên triền núi ngoài kia. Tôi ra lệnh cho đại đội Alpha và Bravo di tản hết thương vong của mình về, rút khỏi những vị trí gần với địch dưới sự yểm trợ của hỏa lực, và chuẩn bị tiến hành một đợt tấn công kết hợp, được yểm hộ bởi một đợt pháo bắn chuẩn bị mạnh mẽ, để tới được chỗ trung đội bị chia cắt. Tôi bị hành hạ bởi ý nghĩ rằng họ đang chìm dần vào tay quân địch và cần phải cứu họ.

## 10./ GIƯƠNG LÊ

*There are only three principles of warfare: Audacity, Audacity, and AUDACITY*

Đại đội Alpha và Bravo, những đơn vị đầu tiên xuống đất, đã dính vào giao tranh giữ dội trong hơn 2 tiếng, đã chịu những thương vong không nhỏ, đặc biệt là những trung sĩ và điện đài viên, và đã bắn gần hết số đạn họ có. Hai người chỉ huy, Nadal và Herren, cần thời gian để tái tổ chức và tái phân bổ những trung đội thiếu hụt quân số của mình, chỉ định những chỉ huy mới và bổ sung đạn dược. Họ có 40 phút để hoàn thành tất cả những việc đó; sau đó pháo binh sẽ khai

hỏa mạnh mẽ ngay phía trước họ, cũng là lúc họ phải khởi động một nỗ lực nữa để chọc thủng phòng tuyến của quân địch và cứu những người sống sót thuộc trung đội 2 của Herrick.

Trong lúc đó, sự giúp đỡ đang trên đường tới. Ở sở chỉ huy Lữ đoàn 3, đặt tại trang trại chè, mệnh lệnh được phát ra: Tiểu đoàn anh em của chúng tôi, tiểu đoàn 2, Kỵ binh 7, nhận thông báo một đại đội của họ, đại đội Bravo, được phối thuộc và gửi tới X-Ray tăng viện cho chúng tôi. Khi tới X-Ray, đại đội Bravo, tiểu đoàn 2 sẽ chịu sự chỉ huy của tôi trong suốt quá trình chiến đấu.

Ba trung đội của đại đội Bravo, tiểu đoàn 2 được kéo về bố trí bảo vệ xung quanh sở chỉ huy Lữ đoàn của Brown, ở gần nhất và dễ dàng di chuyển nhất khi Brown quyết định tăng viện. Tất cả những đại đội khác của tiểu đoàn 2 đang phân tán trong những cánh rừng khộp làm nhiệm vụ tuần tra và phải mất nhiều thời gian hơn để bố trí đội hình. Vì vậy lính đại đội Bravo của đại úy Myron Diduryk đã bị trái cầu ngũ sắc rơi trúng lên đầu.

Đại đội Bravo, tiểu đoàn 2 có những hạ sĩ quan giỏi, kiên cường, chuyên nghiệp và lính của họ đã phục vụ được một thời gian dài. Đó là 1 đại đội bộ binh tốt và tôi rất hạnh phúc khi có được nó. Diduryk 27 tuổi, là một người sinh ở Ukraina, anh theo gia đình định cư ở Mỹ năm 1950. Anh tốt nghiệp ROTC tại trường St Peter ở Jersey City, New Jersey và được phong sĩ quan vào tháng 7 1960. Anh đã hoàn tất khóa huấn luyện dù và biệt động, đã từng phục vụ vài nhiệm kỳ ở Đức và ở Fort Benning. Anh đã có gia đình với 2 đứa con. Anh đang ở cùng với trung đội súng cối của mình thì nhận được mệnh lệnh qua sóng radio nhiệm vụ mới của đại đội.

Binh nhất 5 Jon Wallenius, 22 tuổi, người Gloucester, Massachusetts, ở trong trung đội cối 81mm của Diduryk, đơn vị đã không bị điều trở lại sở chỉ huy tiểu đoàn như các trung đội kia. Anh nói: “Chúng tôi chờ đợi trong đám bụi đỏ quạch bên ngoài trại Pleime. Những chuyến trực thăng bay ra vào liên tục đến nỗi nói chuyện với nhau cũng là điều không thể. Tin tức lan truyền đi là tiểu đoàn một đang đánh nhau và chúng tôi phải sẵn sàng đi giải toả bất cứ lúc nào. Tôi được chỉ định bay chuyến đầu tiên với đại úy Diduryk; điện đài viên của anh, binh nhất Joe Keith; trung sĩ trung đội John A. Uselton; và điện đài viên của ông ấy, binh nhất 4 Virgil Hibbler, Jr.”

Trong lúc những lực lượng tăng viện đang xếp hàng tại Catecka và Pleime, đại đội Alpha và Bravo của tôi bắt đầu tiến hành nỗ lực thứ 2 của họ nhằm tới được trung đội bị mắc kẹt của trung úy Herrick. Nadal và Herren đã lùi quân về suối cạn trong lúc tạm ngưng tiếng súng, vì vậy họ bắt đầu tiến quân từ chỗ đó.

Nadal ở bên trái với 3 trung đội của mình. Herren ở bên phải với 2 trung đội còn lại của đại đội Bravo. Herren sẽ được dành cho sự ưu tiên về hỏa lực yểm trợ vì anh gần với trung đội bị chia cắt nhất và anh chỉ còn lại 2 trung đội dưới quyền mình.

Nadal và lính mình cởi bỏ ba lô và bổ sung đạn dược. Chút nước còn lại được chia đều cho nhau. Nadal nhận thức rõ mối đe dọa đến từ trên núi và dưới triền núi: “Tôi lên kế hoạch sử

dụng đội hình echelon-left ban đầu [Trong đội hình này, chỉ huy đại đội bố trí một trung đội đi đầu; trung đội thứ 2 đi theo sau chệch một góc 45 độ về phía trái, và trung đội thứ 3 theo sau cũng chệch 45 độ về phía trái. Một đội hình như vậy được sử dụng để đối phó với mối đe dọa mà người chỉ huy cảm thấy được, đến từ phía trái.], vì cho tới lúc đó tất cả những chuyển động của quan thù đều nằm bên trái chúng tôi, và sau đó sẽ chuyển sang đội hình hàng dọc nếu như không gặp sức kháng cự nào từ quân địch.” John Herren thì lên kế hoạch cho đại đội Bravo tiến quân theo kiểu “Bắn và Chạy”, với một trung đội tiến lên dưới sự yểm trợ của trung đội kia.

Nadal gọi 3 trung đội trưởng của mình lại hội ý ở lòng suối cạn: “Tôi nói với họ nhiệm vụ sắp phải thực hiện và chỉ dẫn đội hình tiến quân. Tôi cũng yêu cầu Joe Marm luôn theo hướng Bravo vì chúng tôi không biết vị trí trung đội bị chia cắt kia ở đâu. Rồi tôi tập trung hầu hết đại đội lại nơi suối cạn nói những lời động viên họ về nhiệm vụ đi cứu trung đội kia của Bravo và nói với họ cách tiến hành cuộc tiến quân.” Trung sĩ trung đội Troy Miller nhớ lại hình ảnh lúc đó: “Tinh thần của chúng tôi rất cao sau đợt giao tranh đầu tiên. Trước khi đi cứu trung đội bị kẹt, đại úy Nadal tập trung chúng tôi lại và nói: ‘Các bạn, chúng ta có một trung đội lính Mỹ bị kẹt lại ngoài kia và chúng ta sẽ đi cứu họ!’ Những câu trả lời là: ‘Hãy đi đưa họ về’ và ‘Garry Owen!’”

Nadal lo lắng về một vấn đề lớn mà anh đã phát hiện ra lúc đánh nhau trước đây: “Chỉ có một làn sóng radio cho tất cả các trinh sát pháo binh tiểu đoàn. Nó gây khó khăn cho việc kêu hỏa lực yểm trợ cho hơn một đại đội cùng một lúc, và người trinh sát nóng tính nhưng nhiều kinh nghiệm đi với đại đội Bravo đã kiểm soát nó. Khi chúng tôi chuẩn bị tiến quân, tôi cố gắng kêu hỏa lực yểm trợ nhưng trinh sát của tôi không thể liên lạc được với các khẩu đội pháo 105mm.”

Những người lính rời suối cạn và bắt đầu tiến công lúc 4g20. Họ chẳng đi được xa. Quân Bắc Việt phản ứng mãnh liệt ngay tức thì, chúng hiển nhiên là có nhiều lợi thế nhờ vào việc rút lui tạm thời của người Mỹ, chúng tiến xa hơn xuống triền núi và vây chặt chúng tôi lại hơn. Có những tên trèo lên cây, những đứa khác đào những cái hố ở trên đỉnh hoặc bên cạnh tổ mối. Có cả những hố chiến đấu chúng đào vội vàng trên đất. Chúng đã lọt vào bên trong bức tường lửa mà pháo binh dựng lên và chúng tôi đã chịu một tổn thất nặng.

Nadal là người đầu tiên ra khỏi lòng suối cạn, dẫn đầu trung đội một tấn công. Anh nhớ lại: “Chúng tôi tiến lên được khoảng 40 mét thì đụng phải lực lượng địch, hiển nhiên là đã xuống đó từ vùng núi. Tôi đoán là chúng đang chuẩn bị tiến công cùng với lúc chúng tôi tiến lên. Trận chiến nhanh chóng trở nên vô cùng tàn ác, ở cự ly gần. Chúng tôi bị thương vong rất nhiều. Trung sĩ Wayne Johnson, chỉ huy trung đội một bị trúng đạn. Ít nhất 3 tiểu đội trưởng cũng bị trúng đạn, 2 người trong số đó chết-một người chết trong lúc nhảy ra phía trước để cứu một lính của mình mà bất chấp lệnh phải giữ nguyên vị trí.”

Trung sĩ Troy Miller ở ngay trung tâm của trung đội một khi đánh nhau. “Tôi trở thành quyền trung đội trưởng khi trung úy Johnson bị thương, trung sĩ Billy Elliott, một tiểu đội trưởng của tôi, hét lên: ‘một người của chúng ta bị giết rồi’. Đó là trung sĩ Ramon Bernard (người

Mayaguez, Puerto Rico, còn 5 ngày nữa thì được 26 tuổi). Chúng tôi đang xốc tới cũng là lúc chúng tôi bắt đầu bị bắn bởi vũ khí nhẹ, và vũ khí tự động, chủ yếu là AKs.” Bản thân trung sĩ Elliott sau đó cũng bị giết sau khi anh thông báo cái chết của trung sĩ Bernard.

Ở phía phải của Nadal, những người lính của đại đội Bravo của Herren cũng đâm sầm vào một sân đấu bò đầy chết chóc. “Bắn và Chạy” bị quên mất tiêu. Vì sự cần thiết, Bravo dàn hàng ngang đánh trực tiếp một lực lượng định không rõ số lượng đang núp sau những bụi cây ngay trước mặt họ.

Deal, trung đội của anh giữ sườn phải cho đại đội, lại một lần nữa nằm trong cơn bão lửa của đạn địch. “Chúng tôi đứng dậy và bắt đầu tiến công- ra khỏi suối cạn và cả bầu trời sập xuống. Tôi không biết có bao nhiêu người chúng nó ở đó, tôi không thể nhìn thấy tới 90% số chúng, nhưng tôi chắc chắn nghe thấy tiếng vũ khí của chúng. Người của chúng tôi gục xuống khắp nơi. Cuối cùng hàng quân tấn công khởi đầu thẳng trên đôi chân, bắt đầu khụy xuống đầu gối. Rồi xụp xuống bò thấp. một người ở ngay trước mặt tôi, ăn nguyên một trái rocket-propelled grenade (B40) vào người. Tiểu đội trưởng của anh ta ở phía sau tôi, nấp sau một cái cây, vẫn tiếp tục gọi: ‘Cố lên Joe, cố lên, cậu có thể tới được đây mà’. Tôi bò lên chỗ cậu ta, lấy vũ khí, và ném nó về phía sau. Khẩu M-16 đó rơi ngay trên một tổ mối, trong tầm nhìn rõ ràng của quân địch.

Người lính nát bấy. Cậu ta hỏi tôi có chút Moocphin nào không. Tôi nói không, chẳng có gì cả. tôi nói: ‘Joe, bỏ về cái cây kia kìa’. Cậu ấy làm được. Cậu tới được đó và người trung sĩ chăm sóc cho cậu. Tôi thế vào vị trí của cậu ấy và trở thành một chiến đấu viên bình thường. Khi tôi quay lại tôi thấy quân NVA đang tới xung quanh phía phải và chúng tôi là những đơn vị dàn hàng ngang canh sườn phải này. Tôi gào, hét lên và một trong những xạ thủ súng máy của tôi đứng dậy kẹp súng ngang hông, vượt qua lưới đạn, xả súng vào chúng. Tôi đi sát theo anh ấy, và chúng tôi giết hết bọn chúng. Rồi chúng tôi thoát về hàng phòng ngự của mình, không hề hấn gì, nằm xuống.”

Quay lại đại đội Alpha, xạ thủ súng máy Bill Beck giờ đã tái nhập lại với đại đội của mình, đang ở trong nhóm đầu tiên rời khỏi lòng suối cạn. Beck nói: “Đại úy Nadal là người đầu tiên trên hàng quân, tôi ở bên phải anh, lùi sau 5 mét. Tôi nhìn thấy quân Bắc Việt ngay phía trước.” Tony Nadal ra lệnh cho binh lính cắm lữi lê lên để tấn công xáp la cà. Bill Beck, đang bắn hàng tràng đạn từ khẩu M-60 của mình vào ngay phía trước, phải sửng sốt trước những gì anh thấy chỉ ngay trước mặt: “Trung sĩ John Rangel chọc lữi lê vào ngực một tên lính Bắc Việt. Nó giống hệt như lúc luyện tập với người nộm vậy: Bước tới, đâm, rút ra, và đi tiếp. Một, hai, ba.”

Beck tiếp tục đi tới cho tới khi bất thành lình một đàn ong vò vẽ hay ong bắp cày- lần này là ong thật- bay vào mũi của anh. Người lính dũng cảm này, người đã đứng vững trước mọi thứ mà quân Bắc Việt đã ném vào mình, giờ bị hạ gục bởi những con côn trùng đang đốt một cách giận dữ. Beck nói: “Chỉ một chốc tôi quăng khẩu súng máy xuống, cởi mũ ra. Đầu tôi sưng vù, vẫn vẹn. Tôi không thể tin rằng có thứ nào đó có thể làm tôi quên mình đang đánh nhau, nhưng tôi

bị đau đớn thật sự.”

Binh nhất 4 Bill Kreischer nhớ lại: “Chúng tôi bắt đầu vượt qua khỏi suối cạn là lúc chúng tôi bị bắn dữ dội từ phía trước. Đây là lúc tôi bị bắn trúng vào sườn trái của mình, ngay dưới vai. Lúc đầu nó đẩy tôi ngã xuống, nhưng tôi đứng dậy và cố tiếp tục bắn cho tới khi tôi ngã xuống lại lòng suối. Vết thương càng lúc càng đau đớn. Áo chống đạn của tôi chuyển sang màu nâu sẫm khi máu thấm vào. Tôi cố đứng dậy, tôi không muốn bị rút lại phía sau. Tôi lại ngã xuống và ai đó đã băng bó cái vai tôi lại. Một hồi lâu sau, một người nửa lôi nửa vác tôi về trạm cứu thương. Tôi nhớ là mình hỏi xin một liều thuốc và tôi hút nó, cho dù tôi chưa bao giờ hút thuốc trước đó. Tôi đoán đó là điều mà bạn phải làm khi bị bắn; trong những bộ phim chiến tranh, khi ai đó bị bắn họ luôn luôn hút một liều thuốc. Tôi hút hết liều thuốc đó, rồi thêm 3 liều nữa trong lúc tôi nằm dưới nền đất.

Đại úy Nadal có 4 người thuộc nhóm chỉ huy của mình theo sau khi họ lao vào những bụi cây: 2 điện đài viên của anh-trung sĩ Jack Gell, 25 tuổi, người New Yorker, và binh nhất 4 John Clark từ Michigan- cùng với trinh sát pháo binh đại đội trung úy Timothy M.Blake, 24 tuổi, người vùng Charleston, West Virginia; và trung sĩ trinh sát của Blake, trung sĩ Floyd L. Reed, Jr., 27 tuổi, người Heth, Arkansas. Khi họ tiến tới, Nadal đang áp ống nghe vào tai mình. Một loạt đạn xả quét qua nhóm. Trung sĩ Gell trúng đạn và ngã xuống không kêu lấy một tiếng. Nadal vẫn di chuyển cho tới khi sợi dây điện đài đen ngòm kéo anh lại. Anh ta quay lại nhìn xung quanh xem chuyện gì đã xảy ra. Loạt đạn đã giết Gell cũng giết luôn trung úy Blake và trúng vào trung sĩ Reed, anh chết sau đó một lúc. Trung sĩ Sam Hollman Jr., người Pennsylvanian, quỳ bên cạnh người bạn bị thương sắp chết của mình, Jack Gell và nghe anh thều thào những lời cuối: “Nói với vợ tôi rằng tôi yêu cô ấy.”

Tony Nadal không có thời gian để khóc lóc cho Gell, một người anh rất kính trọng. Có nhiều mạng sống hơn đang nằm trong tay anh. Anh quay lại chiến đấu ngay: “Tôi tháo điện đài khỏi lưng anh ấy, cho vài lính đưa anh về trạm cứu thương, và nói một người lính khác đeo điện đài lên.” Người lính đó là binh nhất Ray Tanner, 24 tuổi, đến từ Codes, South Carolina. Tanner đang là điện đài viên của trung sĩ Steve Hansen, nhưng họ đã lạc nhau và bây giờ Tanner đang đi cùng trung đội 1.

Bên sườn phải của hàng quân thuộc đại đội Bravo, trung úy Deal đang lăn tròn trên mặt đất trong một cố gắng liều lĩnh dùng từng loạt đạn súng máy cắt những đám cỏ cao bao bọc xung quanh. Bất ngờ, cách anh 25 mét, một người Mỹ đứng dậy tiến lên phía trước trong khi mọi người xung quanh đều nằm sát bụng dưới mặt đất. Deal nói: “Tôi thấy anh ném một trái lựu đạn vào phía sau một tổ mối, và bắn hết cả băng đạn vào nó. Rồi anh ngã xuống gối. tôi thầm nói: ‘Lạy trời, đứng dậy đi, đừng bị thương nhé.’ Tôi không biết đó là ai, tôi không thấy hình dáng người, khói và bụi tràn ngập trận địa.” Đó là trung úy Joe Marm. Anh đã phát hiện một tổ súng máy quân địch chôn dưới một tổ mối lớn; nó đang nhai cả hai trung đội của Bravo trong họng súng của nó. Sau khi không hạ được nó bằng ống LAW và một trái lựu đạn, anh quyết định giải quyết nó một cách trực diện. Anh tiến thẳng tới nó băng qua làn đạn, ném một trái lựu đạn mở vệt vào phía sau tổ mối, và quét sạch những đứa sông sót bằng khẩu M-16 của mình. Ngày

hôm sau, trung úy Al Devney tìm thấy một sĩ quan Bắc Việt và 1 lính nằm co quắp phía sau tổ mối lớn đó. Deal nói: “Joe Marm cứu mạng tôi và rất nhiều người khác.”

Marm bị một viên đạn bắn trúng quay hàm và xuống cổ. Trung sĩ tiểu đội Les Staley, 38 tuổi, Pike County, Kentucky, chạy ra và cùng với một binh nhì lính người trung úy bị thương về. Giúp anh ấy, họ nhập vào một dòng người bị thương ngày càng đông đang bước về phía trạm cứu thương tiểu đoàn. Trung sĩ Keeton chăm sóc vết thương cho Marm, và 1 chiếc trực thăng của Crandall chuyển anh ấy về hậu phương. Những ngày sau, Marm được hồi sức tại Bệnh viện quân đội Valley Forge ở gần nhà anh tại Pennsylvania. Vào tháng 12 năm 1966, Joe Marm trình diện ở Pentagon, tại đó Bộ trưởng quốc phòng, nhân danh tổng thống Johnson, trao tặng anh Huân Chương Danh Dự, phần thưởng cao quý nhất của quốc gia dành cho sự dũng cảm.

Đây là những lời mô tả khiếm tốn nhất của trung úy Marm: “Tôi ở vị trí sườn phải của trung đội, còn sườn trái là trung sĩ nhất McCulley. Phía bên phải tôi là trung đội của Devney. Như thế tôi ở trung tâm của đội hình. Ụ súng đó đang kiểm soát hàng quân và tôi lúc đầu bắn một trái LAW vào nó. Chẳng có một lỗ thủng nào trên tổ mối và đạn vẫn từ một bên nó tuôn ra như mưa. Có những cái cây rậm rạp bao xung quanh nó, làm cản đường ném hiệu quả của lựu đạn. Tôi nghĩ không khó khăn gì chạy lên thẳng tổ mối và tương một trái lựu đạn lên đỉnh của nó. Tôi cố nói những gì mình muốn cho một trong những người lính ở gần. Tiếng ồn quá mức nên người trung sĩ gần tôi đã nghĩ rằng tôi muốn ném lựu đạn từ vị trí của chúng tôi. Nó rơi xuống ngay gần chúng tôi. Để tiết kiệm thời gian và để việc này nhanh chóng kết thúc. Tôi nói với lính cả hai bên mình rằng họ phải coi chừng đừng bắn vào tôi bởi vì tôi sắp chạy lên tổ mối. Tôi bị thương liền ngay sau khi làm câm họng ụ súng.

Hành động anh hùng của Joe Marm cũng không mở được cánh cửa để tới trung đội bị chia cắt, một cách thiếu may mắn. Đại đội Bravo đã tiến lên được khoảng 65 mét, đại đội Alpha được nhiều hơn một chút. Lúc này cả 3 trung đội trưởng của Nadal đều đã chết hoặc bị thương cùng với rất nhiều hạ sĩ quan. Chưa hết, trung đội một của Alpha đang ở dẫn đầu cách khá xa so với 2 trung đội còn lại, đang phải chiến đấu rất khó khăn với số đông quân địch, có thể lên tới 100 người. Một vài lính Alpha xen kẽ với quân Bắc Việt trong những bụi cây rậm rạp. Và quân Bắc Việt này nổ súng vào lưng họ. Không chỉ không có khả năng cứu được trung đội của Herrick, giờ chúng tôi lại phát sinh một mối nguy khi có thêm một trung đội có thể bị chia cắt nữa.

Giờ tới lượt trung đội 1. Trung sĩ trung đội Gilreath nhớ lại: “Chắc chúng phải cướp được một khẩu M-60 từ trung đội bị chia cắt và đang quay nó lại chĩa vào chúng tôi. Chúng tôi bị ấn nằm bẹp dí xuống đất sau một cái cây gãy bởi hỏa lực súng máy và không thể di chuyển. Tôi nhớ mình có nói rằng trung sĩ Hurdle chắc phát điên rồi nên mới chĩa súng bắn chúng tôi. Đó là bởi vì sự khác nhau giữa tiếng súng máy đặc biệt của M-60 với những tiếng súng khác đang bắn vào chúng tôi.”

Gilreath và người của anh thật ra đã không phải bị đạn “thân thiện” bắn trúng. Trung sĩ Paul Hurdle đã bị giết trước đó khi đang bắn chặn cho đồng đội của mình ở trung đội của Herrick

rút lui. Nhưng đôi tai thính của Gilreath đã không đánh lừa anh: Đúng là tiếng súng mà anh nghe được chính là từ khẩu M-60 của Hurdle phát ra. Sau khi Hurdle và tổ súng máy của mình bị giết, quân địch trước tiên đã dùng nó bắn vào trung đội bị chia cắt và sau đó vào những người lính đang cố đánh tìm đường cứu những người của Herrick.

Giờ đã gần 5 giờ, và Crandall đang điều khiển 13 chiếc Huey trên đoạn tiếp cận cuối cùng xuống X-Ray mang theo quân tăng viện thuộc đại đội Bravo, tiểu đoàn 2 do đại úy Myron Diduryk chỉ huy. Binh nhất Jon Wallenius ở trên chiếc trực thăng thứ 1. “Có quá nhiều khói và bụi đến nỗi không thể nhìn xa được ở X-Ray, nhưng tôi có thể thấy những triền núi của Chu Pong mờ mờ hiện trước mặt, và nghe thấy những tiếng súng hạng nhẹ nổ. Rồi chúng tôi tiếp đất, và chạy ra khỏi trực thăng. Tôi chạy tới một vùng đầy tổ mối bởi vì nó là chỗ nấp duy nhất mà tôi có thể thấy được và nó rất gần. Đại úy Dudiryk vượt lên và chào người sĩ quan chỉ huy.”

Trung sĩ John Setelin, 22 tuổi, mảnh dẻ, đến từ South Carolina, chỉ huy tiểu đội 2 của trung đội 2 trên chiếc Huey thứ 3 tới LZ. “Chỉ huy phi đoàn nói: Chúng ta sắp vào một LZ nóng bỏng và hover [tình trạng trực thăng đang lơ lửng cách mặt đất chỉ một vài gang tay]; Cho quân của anh xuống thật nhanh và chạy qua bên phải!’ Rồi từ trên không tôi nhìn thấy những người lính xuất hiện trong áo quần Khaki. Tôi nghĩ chúng tôi sẽ phải liều lĩnh lắm nếu như đưa họ về R and R mà không cho họ có thời gian thay những bộ quân phục dơ dáy kia. Sau đó tôi nhận ra súng của họ đang chĩa vào chúng tôi; chúng là quân địch! Khi chúng tôi nhảy ra, người ta bắn vào chúng tôi. Có những đứa trèo lên trên cây bắn xuống.

Diduryk chạy tới chỗ tôi và hô: “Garry Owen, sir! Đại úy Diduryk và đại đội Bravo, tiểu đoàn 2, Kỵ binh 7, 120 người, báo cáo sẵn sàng nhận nhiệm vụ.” Mặt cậu ta sáng lên phần chấn trước tình huống đầy thách thức này. Tôi nói Diduryk bố trí lính ở một vòng cây cách sở chỉ huy khoảng 30 mét về phía tây bắc có vai trò như là đơn vị dự bị của tiểu đoàn cho thời gian kế tiếp. Một đơn vị khác tới X-Ray cùng lúc đó, không được yêu cầu, không báo trước, và thực ra họ không gây chú ý tới tôi. Đó là một đội từ Ban Hình Ảnh Đặc Biệt Quân Đội gồm 2 trung sĩ, Jack Yamaguchi và Thomas Schiro, trang bị với những máy quay phim cầm 16mm. Phải mất ¼ thế kỷ sau chúng tôi mới khui những cuộn phim của họ lên từ kho tư liệu của quân đội và nhìn thấy những hình ảnh màu kỳ lạ của chính bản thân trong trận đánh.

Trở lại những bụi cây rậm rạp ngoài kia, lúc trận đánh đang quyết liệt, chỉ huy đại đội Alpha, Nadal đã đi tới một quyết định. Anh đang có một trung đội đang bị quân địch vây chặt không di chuyển được và anh biết rằng nếu càng kéo dài thì càng khó khăn để đưa được họ ra. Giờ là 5h10 Nadal ra lệnh cho đơn vị dự bị của mình, trung đội 3, tiến lên phía trái trong một nỗ lực bao vây quân địch. Chẳng ích gì họ đụng ngay vào những mũi kim mà này giờ đang khâu lên khâu xuống các trung đội kia.

Ở phía bên phải, trung sĩ Gilreath chẳng có gì khác hơn. Đại úy Herren hỏi Gilreath rằng có còn cách nào mà họ chưa thử chưa. Gilreath nói: “Câu trả lời của tôi là ‘Không thừa xếp’. Cho dù ngay cả khi bỏ mặc những người chết và người bị thương lại, thời gian đang chống lại chúng tôi.”

Nadal nói: “Trận đánh còn kéo dài thêm khoảng 20 hoặc 30 phút nữa mà không có bên nào tiến lên. Trời đang tối dần, và số thương vong tăng cao nên tôi tin rằng chúng tôi không có khả năng chọc thủng được quân địch. Tôi gọi cho trung tá Moore và xin phép được rút lui.” John Herren, lúc đó cũng đang mở làn sóng tiểu đoàn, nghe thấy đề nghị của Nadal và ngay lập tức tán thành. Giờ là 5g40; tôi ra lệnh cho cả hai đại đội rút lui dưới sự yểm trợ mạnh mẽ của pháo binh.

Trời đang tối khiến không có một sự lựa chọn nào khác. Tôi không muốn những đại đội của tiểu đoàn bị phân tán trong đêm tối, họ sẽ không hỗ trợ lẫn nhau được và sẽ là những mục tiêu cho quân địch tiêu diệt từng đơn vị một. Đêm nay, trung đội bị chia cắt phải phơi mình trên cái mỏm đất nhỏ bé ấy một mình thôi. Chúng tôi phải lui lại, đưa những người chết và bị thương về và bổ sung đạn dược, nước uống. Sau đó chúng tôi phải đặt các đơn vị vào vị trí sẵn sàng chiến đấu, phối hợp chặt chẽ với nhau cùng với việc cho pháo binh và súng cối sẵn sàng yểm trợ cả một đêm dài phía trước.

Đối với Nadal và Herren, phần khó khăn nhất là làm sao rút khỏi giao tranh với quân địch, kéo ra ngoài khu chiến. Rút lui luôn luôn là một trong những hành động quân sự khó thành công nhất. Yếu lĩnh yêu cầu: một kế hoạch nghi binh, những đơn vị chặn hậu, hỏa lực yểm trợ, an ninh, vẽ bản đồ đường đi, một lịch trình chính xác và cách sử dụng khói. Chúng tôi có hỏa lực hỗ trợ, có thể tung khói mù, nhưng chúng tôi không có đủ người cũng như thời gian để làm hết

những công thức sách vở kia.

Đại úy Nadal, chẳng còn ai, cả hai trinh sát pháo binh và điện đài viên pháo binh đều đã chết, nên anh phải tự mình gọi và điều chỉnh pháo binh trên sóng chỉ huy của tiểu đoàn. Anh nhớ lại, “Tôi bảo tất cả các chỉ huy trong các trung đội rằng không ai trong họ được rút lui cho tới khi tất cả mọi người, sống hay chết, đều rút về tới nơi. Để che chắn cho cuộc rút lui, tôi gọi trung tá Moore và yêu cầu ông cho tôi pháo khói và bắn vào gần phía chúng tôi so với tầm bắn của đạn nổ hơn 90 mét, điều này sẽ khiến cho khói bao trùm hoàn toàn lên chúng tôi.”

Yêu cầu của Nadal được lặp lại cho chiếc trực thăng chỉ huy và ở đó đại úy Jerry Whiteside chuyển cho trung tâm chỉ huy pháo binh tại LZ Falcon. Câu trả lời về trong vài giây: “Không có sẵn pháo khói”. Dựa trên những kinh nghiệm của mình trong chiến tranh Triều Tiên, tôi hỏi họ có đạn phosphorus trắng (WP) không. Họ trả lời có. Tôi nói họ bắn yểm trợ nguy trang bằng Willy Peter.

Những viên WP phát nổ sẽ tạo ra một đám khói dày đặc với màu trắng sáng và phun ra những mảnh phốt pho, những mảnh này sẽ cháy sáng khi phát tán vào trong không khí. Tôi tính rằng nếu những tên lính Bắc Việt chưa bao giờ trông thấy WP chúng sẽ há hốc miệng ra mà coi. Chưa đầy một phút những viên đạn bay tới, ngang qua đầu chúng tôi. Những tiếng nổ nhanh chóng bẻ gãy quân Bắc Việt và nhanh chóng làm tắt tiếng súng của bọn chúng.

Binh nhất Ray Tanner, đang làm vai trò điện đài viên cho Nadal, nói: “Chúng tôi bắt đầu lui lại, mang theo những người chết và bị thương. Chúng tôi bị đạn bắn rất mạnh khiến cho việc di chuyển rất khó khăn. Đại úy Nadal gọi đạn khói để nguy trang. Trung tá Moore báo rằng pháo binh sẽ dùng WP. Chúng tôi nằm sát xuống đất thật thấp khi những viên đạn bắn tới. Tiếng ồn và ánh sáng trắng loá của nó gây sốc cho mọi người. Không ai bị thương do pháo cả, và chúng tôi xoay sở rút ra. Những viên đạn WP nổ chỉ cách vị trí của chúng tôi vài mét. Tôi vẫn còn nhớ nó phát sáng thế nào khi nó phát nổ.”

Đại úy Nadal phản ứng lại Willy Peter đúng theo trình tự sau: giận dữ, ngạc nhiên rồi biết ơn. Anh nhớ lại: “Khi những viên WP đầu tiên nổ trên đầu chúng tôi, tôi thất vọng nhiều hơn. Nhưng thật kỳ diệu, không một người lính của Alpha bị thương bởi những viên WP này. Nó thật hiệu quả. Tất cả các tiếng súng đều ngừng lại và chúng tôi bắt đầu thu dọn những người chết và bị thương. Sự thành công của loạt đạn khiến tôi phải yêu cầu thêm những loạt khác. Và một lần nữa nó nổ ngay giữa chúng tôi và lại không có ai bị thương. Tôi tin rằng chính những viên WP đã giúp chúng tôi rút lui tới lòng suối mà không phải chịu thêm một thương vong nào nữa. Tôi vẫn cùng với điện đài viên ở sau cùng để chặn hậu cho cuộc rút lui và là người cuối cùng về tới suối cạn.” Thấy rõ sự lợi hại của Phosphorus trắng với đại đội Alpha, chúng tôi cũng ném nó xuống phía trước đại đội Bravo. Chúng đã giúp chúng tôi có những khoảnh khắc rất cần thiết mà chúng tôi dựa vào đó để được an toàn.

Ở phía trái, trung úy Deal nhận lệnh dừng lại và rút về lòng suối cạn-“Những gì chúng tôi làm là chạy, trung úy Ken Duncan, người đang giải quyết chuyện thương binh tử sĩ, ngược lên và nói:

‘Các anh bị truy đuổi hả?’ tôi nói rằng không. Chúng tôi đã lấy lại được tất cả các điện đài, nhưng khẩu M-16 đó vẫn còn nằm trên tổ mối ngoài đó, và tôi biết chính xác nó nằm đâu. một trong số các trung sĩ và tôi quay lại, không mang theo thứ gì, và chúng tôi chạy rất nhanh. Anh ấy yểm trợ cho tôi. Chúng tôi chạy khoảng 90 mét. Tôi đến đúng chỗ tổ mối đó, lấy lại khẩu súng và chạy trở về- ngay trước mặt khoảng 200 lính Mỹ, những người đang chĩa súng về hướng chúng tôi. Chỉ tới lúc đó tôi mới nhận ra rằng mình đã quên không nói chuyện này với ai, và trời đã tối hẳn. Ông Chúa họ đã không bắn. Nếu không chúng tôi sẽ là một tay trung úy ngốc nghếch và một trung sĩ dũng cảm chết đại.

Trong lúc nỗ lực tiến tới trung đội của Herrick đang phải trả giá đắt ngoài những bụi cây, ở cách đó 100 mét, trung sĩ Ernie Savage và những đồng đội đang bị bao vây, đang gan lì bám lấy mảnh đất nhỏ bé của mình. Savage đã gọi pháo binh bắn vòng xung quanh họ thật gần và mỗi khi anh nghe thấy tiếng nói hay chuyển động nào đẩy anh liền kêu pháo đội tới tấp xuống. ‘Chúng dường như chẳng quan tâm tới bao nhiêu người của chúng đã chết. Một vài tên lầm lẫn bước thẳng tới vị trí của chúng tôi. Vài đứa khác thì đeo ngược súng, bước vào với 2 bàn tay không. Tôi thì chẳng phải tiếc đạn- có tới 30 băng đạn trong ba-lô. Và khẩu M-16 bắn rất tốt. Một giờ trước khi trời tối, có 3 gã bước vào khu vực. Tôi giết cả 3 tên ngay lập tức, chỉ cách có 4,5 mét. Chúng mang những khẩu AK. Lúc đầu tôi nghĩ chúng là quân Nam VN, chúng mặc quân phục có nguy trang. Trung sĩ McHerry giết thêm 3 tên nữa ở bên phía tây.’

Đại úy Herren luôn ở trên điện đài để thông báo cho Savage tiến triển của nỗ lực giải cứu. Cuối cùng Herren nói với Savage họ không thể tới được trước khi trời tối và đang rút về. Herren nói với Savage: ‘Đừng lo. Anh sẽ thắng trận này một lần nữa thôi.’ Savage và McHerry tin rằng họ sẽ sống sót nếu giữ vững được qua đêm nay. Binh nhất Galen Bungum và những người khác thì có một chút nghi ngờ: ‘Lệnh truyền trên radio rằng chúng tôi phải nằm lại ngoài này cho tới sáng. Tôi không tin vào những gì nghe thấy. Tôi đã nghĩ chẳng có cách nào chúng tôi có thể làm được điều đó. Những người khác cũng nghĩ tương tự. Binh nhất Clark hỏi tôi liên tục: ‘Anh nghĩ chúng ta có làm được không?. Tôi không biết, nhưng tôi nói chúng ta phải cầu nguyện, và cầu nguyện cho dữ vào. Đó là một câu hỏi lớn lơ lửng trên đầu chúng tôi. Chúng tôi phải cố bình tĩnh và chịu đựng.’

Khi đại đội Bravo rút về suối cạn, trung sĩ Gilreath mới biết về tình hình những người chết. ‘trung sĩ Roland nói với tôi, Sếp Curry đã bị giết. tôi đi cùng Roland và giúp đem anh ấy về. Anh ấy sẽ không bị bỏ lại phía sau. Tôi nợ anh ấy nhiều lắm. Tôi có một tình cảm đặc biệt với Curry. Anh ấy là một tiểu đội trưởng của tôi trước khi anh ấy được chuyển qua trung đội 3. Tôi thân thiết với Curry từ hồi còn ở Kelly Hill [Fort Benning]. Anh ấy chẳng bao giờ nói nhiều về gia đình hay những người thân. Anh ấy không lấy vợ. Anh được biết đến như một quân nhân trọn đời cho quân đội.’

Chỉ huy đại đội Bravo, Herren, đang phải tái bố trí lại đại đội cho việc phòng thủ vào ban đêm. ‘Tôi ra lệnh cho đại đội đào hố chiến đấu, ngay phía trước suối cạn, nơi chúng tôi có thể có sự liên kết chặt chẽ với đại đội Bravo, tiểu đoàn 2 bên phải và đại đội Alpha của Nadal bên trái. Chúng tôi duy trì hàng rào pháo binh xung quanh Savage.’

Tôi nghĩ về tình hình tạm thời và quyết định củng cố vòng tròn phòng ngự mỏng manh bằng cách cho triển khai đại đội Bravo của Diduryk, và tiếp tục giữ trung đội trinh sát tiểu đoàn làm lực lượng dự bị.

Tôi ra lệnh cho Diduryk bố trí 2 trung đội ở giữa đại đội Bravo của Herren và đại đội Delta của Litton, nằm vào phía đông bắc của vòng phòng ngự. Tôi cũng nói Diduryk chuyển trung đội cối 8môt cùng với các pháo thủ của anh cho trung tâm chỉ huy súng cối của đại đội Delta.

Tôi cũng ra lệnh cho Diduryk chuyển trung đội 2 của mình, chỉ huy bởi trung úy James L. Lane tăng viện cho đại đội Charlie của Bob Edwards, hiện đang phải dàn mỏng trên 110 mét phía bờ nam và đông nam. Edwards nói: “Sự tăng cường của trung đội 2 rất quan trọng với chúng tôi. Tôi đặt họ vào sườn phải của mình, họ trám vào lỗ thủng giữa đại đội Alpha và trung đội 3 của tôi. Khả năng phối hợp các trung đội của mình với các đại đội khác là rất quan trọng.”

Khi trung đội của Lane bắt đầu triển khai, một sự việc gây sốc xảy ra. Trung sĩ John Setelin bố trí lính mình vào những hố cáo (hố chiến đấu cá nhân) mà đại đội Charlie bỏ trống khi họ dịch qua trái. “Tôi cho mọi người nằm xuống và bắt đầu thăm dò phía bên trái nhằm móc với đại đội Charlie. Khi tôi bước đi, tôi nghe thấy một viên đạn réo ngay trên đầu. Tôi nghe thấy tiếng kim hỏa và tiếng đạn rít. Tôi chưa bao giờ thấy ai hay đứng gần với ai bị bắn. Viên đạn găm vào người Glenn Willard, xạ thủ súng máy của chúng tôi, phía trái của ngực. Tôi chạy tới chỗ cậu ấy; Tôi để ý nhiều tới Willard. Cậu là người nhỏ bé nhưng không bao giờ để ai mang hộ khẩu M-60 hay đạn dược. Máu chảy ra ồ ạt, mắt trợn ngược. Cậu ấy trông giống như bị một cơn đau tim vậy.”

Setelin xoay Willard lại và cởi bỏ quân trang và áo của anh ra. “Cậu ấy bị một vết thương chí mạng vào ngực và tôi nhớ cách băng bó cho nó. Tôi phải làm cho đúng bảo vệ vết thương cho cậu ấy nhưng khi tôi cố dựng cậu ấy dậy tay tôi không với tới được phần thấp ở lưng nơi viên đạn chui ra. Lamothe tới giúp tôi. Nước mắt chảy dài trên mặt tôi. Tôi cứ gào lên: “Cậu ấy chết trên tay tôi mất!” Willard là thương vong đầu tiên của tôi và tôi cảm thấy mình chẳng làm được việc gì. một gã cao lớn nào đấy tới và bế Willard dậy, mang cậu tới trạm cứu thương tiểu đoàn ở sở chỉ huy.” Willard dũng cảm qua được vết thương và sống sót.

Khói bụi như cái áo choàng khoác lên thung lũng, khoảng trời chạng vạng này sẽ qua mau. Chúng tôi có rất ít thời gian để thiết lập chu vi phòng thủ quanh X-Ray. Trong việc bố trí 5 đại đội bộ binh tôi dựa vào những yếu tố sau: sức chiến đấu của mỗi đại đội; yêu cầu phải bảo vệ bãi đáp trực thăng nhỏ-dành cho 2 chiếc; đường tiếp cận tấn công của quân địch; và đặt trung đội súng máy của đại đội Delta với 6 khẩu M-60 vào nơi họ có thể phát huy hết hiệu quả. Tôi muốn những khẩu súng máy sẽ được đặt vào vùng bằng phẳng và thoáng hơn ở triền đông của bãi trống.

Giờ tôi xem sét số thương vong trong chiến đấu suốt ban ngày. Đại đội Alpha của Nadal mất 3 sĩ quan và 3môt lính, chết và bị thương và báo cáo lực lượng bây giờ chỉ còn 2 sĩ quan và 84

lính. Đại đội Bravo của Herren mất một sĩ quan và 46 lính và giảm chỉ còn 4 sĩ quan và 68 lính với một trung đội, Herrick, bị kẹt bên ngoài. Những đại đội còn ít người hơn này được giao cho ít khu vực hơn là đại đội Charlie của Edwards, nó mới chỉ mất có 4 người và báo cáo lực lượng còn lại là 5 sĩ quan và 102 lính. Dù vậy tôi vẫn tăng cường cho nó trung đội của Lane từ đại đội Bravo, tiểu đoàn 2. Diduryk và 2 trung đội kia của mình được bố trí vào phần đông bắc của bãi đáp nhỏ nhằm tăng cường khả năng phòng thủ của cả bãi trống, 8 khẩu cối cùng với trạm cứu thương-sở chỉ huy-bộ phận hậu cần được bố trí gần tổ mối khổng lồ. Trung đội trinh sát tiểu đoàn được giữ lại làm lực lượng dự bị sắp xếp gần sở chỉ huy của tôi. Tôi đặt trung đội súng máy trong tầm liên lạc chặt với sườn trái của Edwards ở phần phía đông nam.

Vào khoảng 6g30, tôi điện cho Matt Dillon xuống X-Ray ngay khi có thể, mang theo Hastings và Whiteside, 2 điện đài viên, và thật nhiều đạn cùng với nước trên 2 chiếc Huey. Giờ chúng tôi có liên lạc trực tiếp với sở chỉ huy lữ đoàn trong tình trạng tốt mà không còn cần thiết tới chiếc trực thăng chỉ huy bay trên đầu để chuyển những liên lạc của mình nữa. Điều này là nhờ vào trung sĩ nhất Warren Adams của đại đội Delta, anh đã mang một antenna dã chiến RC-292 tới X-Ray. Được lắp trên một cây cao, cây antenna dài cho phép chúng tôi liên lạc tới Lữ đoàn ở trang trại chè, cách hơn 25 dặm. Bên cạnh đó, trận đánh này còn lâu mới kết thúc, tôi cần Dillon để giúp điều khiển trận đánh. Với những điều phối viên hỏa lực dưới mặt đất, chúng tôi sẽ giảm bớt được thời gian phản ứng với những tình huống tiên tiếp thay đổi dưới này.

Trong gần 8 tiếng đồng hồ, tôi từng phút dính chặt vào trận đánh. Giờ tôi muốn tự mình đi vòng quanh chu vi phòng thủ để kiểm tra sự chuẩn bị cho một đêm hứa hẹn nhiều khó khăn phức tạp và cho cả ngày mai nữa. Ngay trước lúc tối xập, thượng sĩ Plumley và tôi ra khỏi sở chỉ huy và đi kiểm tra chu vi. Nói chuyện với vài người lính và cảm nhận tình hình trên chiến trường. Điều khiến tôi quan tâm là tinh thần của binh lính, sự kết hợp giữa các đại đội thế nào, kế hoạch phòng thủ của họ và tình hình cung cấp đạn dược và nước uống.

Tinh thần của binh lính là cao, cho dù có sự đau buồn có thể hiểu được dành cho những người bạn mà chúng tôi đã mất. Người lính mà tôi đã nói chuyện nhận ra rằng chúng tôi đang phải đối mặt với một kẻ thù cừ khôi và đầy ý chí, nhưng chúng đã thất bại khi muốn chọc thủng hàng quân của chúng tôi. Họ biết trận đánh chưa kết thúc. Tôi nghe thấy những người lính đang mỗi một nói những câu như: “Chúng ta sẽ diệt chúng, thừa sếp” và “Chúng sẽ không vượt qua được chúng tôi đâu, chỉ huy ạ.” Tinh thần chiến đấu của họ không hề giảm xuống, họ khiến tôi tự hào và cảm thấy xấu hổ vì nghi ngờ họ. Trong mỗi đại đội nhảy xuống dưới này sáng nay đều có từ 15 tới 20 người chỉ còn không quá 2 tuần quân ngũ nữa và họ sắp trở về Mỹ. Vài người trong số họ giờ nằm chết, được gói trong những túi poncho, gần sở chỉ huy của tôi. Những người còn lại đang ở trên chu vi này, vai kề vai với những đồng đội, sẵn sàng tiếp tục chiến đấu.

Tôi và Plumley về tới tổ mối đặt sở chỉ huy thì trời đã hoàn toàn tối, khoảng 7g15. Tôi liên lạc với Savage và những người sống sót trong trung đội bị chia cắt của Herrick. Savage báo cáo qua điện đài là họ chưa bị thêm một thương vong nào nữa và đang giữ chặt với nhau. Tôi nghiền ngẫm những khả năng có thể để cứu họ: một đợt tấn công đêm; thâm nhập đêm để tăng

viện cho trung đội; hoặc một đợt tấn công hoàn toàn mới vào lúc sáng sớm. Họ sẽ luôn luôn ở trong tâm trí tôi suốt đêm nay, một nhóm người dũng cảm bị bao vây và cô độc trong một biển người của quân địch

## 11/ THÁC ĐÊM

*If we are marked to die, we are enow  
To do our country loss; and if to live,  
The fewer man, the greater share of honor.*

*-Henry V, Act IV, Scene 3*

Mức độ của trận đánh hồi chiều đã giảm hẳn, giờ chỉ còn vang lên những tiếng súng rời rạc. Bãi đáp được thiết lập như là một bãi hành quân dã ngoại ban đêm, và pháo binh cũng như súng cối đã xác định điểm bắn toàn bộ vị trí xung quanh chu vi. Trong trạm cứu thương, trung sĩ Keeton và trung sĩ Keith dựng lên một cái lều quây bằng những tấm poncho giúp họ an toàn sử dụng ánh sáng để chăm sóc thương binh. Giờ họ có đầy đủ số moocphine và bông băng. “Khoảng 5 giờ chiều chúng tôi dùng hết số moocphine và trung tá Moore gọi về lữ đoàn xin thêm. Tới tối chúng tôi nhận được khoảng 125 cho tới 130 liều moocphin,” Keeton nói, “dường như tất cả những đơn vị Mỹ nghe thấy yêu cầu của chúng tôi và gửi nó tới. Khi trở về căn cứ tôi có moocphin đủ dùng cho đến hết chiến tranh VN.”

Phóng viên UPI Joe Galloway dành suốt buổi chiều cho những cố gắng tuyệt vọng nhằm bịp được ai đó đưa anh ấy tới X-Ray, tất nhiên không thành công. Galloway đã ở trên trục thăng của đại tá Brown khi tôi vẫy tay xua ông ấy ra khỏi X-Ray vào quá trưa. Ở sở chỉ huy tiểu đoàn Galloway xếp hàng cùng với lính của đại đội Bravo của tiểu đoàn 2, và leo lên được một chiếc Huey-nhưng chỉ được một lúc thôi. Trung úy Rick Rescorla nói: “Khi chúng tôi lên trục thăng, một phóng viên to bè đội một mũ bê-rê màu cát, đeo một khẩu M-16 và những chiếc máy ảnh nhảy lên một trong những chiếc Huey. Thiếu tá Pete Mallet bước tới và kéo anh ta xuống. Chúng tôi cần chỗ cho một y sĩ đại đội.” Galloway chuyển qua LZ Falcon và ở đó anh phát hiện Dillon đang chuyển đồ lên 2 chiếc Huey tiếp tế. Anh khẩn cầu được đi nhờ. Dillon nói anh không thể quyết định được nhưng sẽ chuyển lời tới tôi thông qua điện đài. Tôi nói với Dillon rằng nếu Galloway điên khùng đến thế và nếu có chỗ thì anh có thể mang anh ta vào.

Trong những lần chạy bộ xung quanh Pleime tôi quen thuộc với Galloway. Anh ấy khác biệt với những phóng viên khác, đang bu quanh sư đoàn kỵ binh bay số một lúc ấy. Anh dính chặt với một tiểu đoàn cả trong những lúc sợ hãi và khổ, cuộn tròn trong một túi poncho trên nền đất và ngủ qua đêm thay vì bò lên một trục thăng tiếp vận và quay về nơi có một cái giường ấm áp cùng với một bữa ăn nóng hổi tại hậu phương. Trong thời gian tôi ở VN, tôi chỉ gặp 2 phóng viên khác có cùng tinh thần làm việc như vậy: Bob Poos của AP và Charlie Black của tờ Columbus Ledger-Enquirer.

Còn một điều khác nữa: Tôi kết luận rằng người dân Mỹ có quyền biết những gì mà những người con họ đang làm trong cuộc chiến tranh này, trên chiến trường. Tôi chào đón những phóng viên tới thăm tiểu đoàn, sau này là lữ đoàn, của tôi. Tôi nói họ có thể đi bất cứ đâu mà họ muốn với lính của tôi, chỉ có 2 giới hạn: Không được đưa những thông tin gây nguy hiểm cho chúng tôi và đừng có quấy rầy các cuộc hành quân. Tôi không bao giờ phải hối tiếc về sự cởi mở này.

Quá 9 giờ tối một chút, Bruce Crandall tới trên sóng radio Pathfinders [Pathfinders phục vụ như là những kiểm soát không lưu chiến đấu]. Tin nhắn của anh tới tôi thông qua trung úy Dick Tifft, một người California nóng nảy đã mang một đội tới nhằm điều hành việc trực thăng hạ cánh, là anh và Big Freeman còn 5 phút nữa sẽ tới, 2 chiếc Huey slick hộ tống bởi 2 chiếc vũ trang, mang tới đội của Dillon cùng với đạn và nước.

Khi những chiếc Huey hạ thấp độ cao để đáp xuống X-Ray, Dillon nhìn ra phía Chu Pong. Có thể nhìn thấy rõ ràng dọc theo các triền núi là hàng trăm những đốm sáng lấp lánh trong cánh rừng đêm. Anh cũng phát hiện một ánh sáng chớp nháy liên hồi ngay dưới đỉnh núi nằm thẳng phía trên X-Ray và một ánh sáng chớp nháy thứ 2 trên một triền núi phía bắc của một đỉnh núi cao 400 mét xuôi xuống phía nam. “Tôi tin rằng những ánh sáng nhấp nháy đó là những ánh sáng ám hiệu. Từ những nơi đặt trên núi, nó sẽ không thể bị phát hiện từ X-Ray.” Dillon nói.

Nhưng đó là màn trình diễn ánh sáng làm mê hoặc Dillon, Galloway, và những người khác trên trực thăng: một vòng e-líp những đốm sáng nhỏ xíu lấp lánh từ tây bắc sang đông nam dài hơn nửa dặm và rộng hơn 270 mét, đang di chuyển xuống trên bề mặt của dãy núi. Galloway, đang ngồi trên một dây thừng lựu đạn và đạn, cứng người vì những ánh sáng nhấp nháy này. Trong một khoảnh khắc đứng tim, anh nghĩ anh đang nhìn thấy chớp sáng đầu nòng của những khẩu súng đang bắn vào 2 chiếc trực thăng.

Dillon hiểu hơn một chút: “Những ánh sáng này được quân Bắc Việt, hàng trăm người chúng, sử dụng khi chúng di chuyển xuống núi ngay trên LZ, trên đường vào vị trí cho cuộc tấn công vào buổi sáng. Pháo binh được gọi nã vào những đốm sáng này cũng như những ánh sáng ám hiệu trên 2 đỉnh núi. Sau nửa đêm có một loạt tiếng nổ lần thứ hai trên vùng núi ngay trên X-Ray.

Chiếc Pathfinder đậu ở bãi trống nhỏ trong khi Tifft chỉ đường cho Crandall và Ed hạ xuống xuyên qua tấm màn khói và bụi đang treo lơ lửng trên X-Ray. Old Snake và Big Ed đáp xuống trong đêm tối, phạt đứt vài ngọn cây, và vài giây sau, Dillon, Galloway và những người khác tuôn ra đồng thời những thùng đạn nặng nề và những bình nước 5 gallon được ném xuống những đám cỏ cao; sau đó 2 chiếc trực thăng vọt lên. Galloway nhớ lại, “Chúng tôi núp mình trong bóng tối, cố đeo lên mình hết đồ mang theo, và đợi ai đó tới dẫn đi. Một giọng nói phát ra trong đêm tối: ‘Hãy theo tôi và coi chừng dưới chân các anh đó. Có rất nhiều người chết nằm trên đất và tất cả là người mình đấy.’ Đó là giọng của thượng sĩ Plumley, người dẫn chúng tôi tới sở chỉ huy.”

Tôi chào Galloway bằng một cái bắt tay nhanh chóng rồi hội ý với Dillon, Whiteside và Charlie Hastings, kiểm soát không quân tiền phương của Không Lực (FAC) trong lúc đó Joe ngồi nghe. Mệnh lệnh đầu tiên là đem không quân và pháo binh dội xuống những chỗ có những đốm sáng mà họ nhìn thấy. Thứ hai là đảm bảo cho trung sĩ Savage và trung đội bị chia cắt tất cả pháo binh yểm trợ mà họ thấy cần thiết. Dillon và tôi thảo luận tìm cách cứu trung đội của Savage. Galloway tìm một gốc cây ngã lưng, và chờ đợi.

Đây là một đêm không ngủ. Tất cả các đơn vị được lệnh báo động 100%. Herren và đại đội Bravo của mình trải qua đêm thứ 2 liên tiếp không ngủ. Chỉ huy của địch quân chắc ít nhất cũng phải có hiểu biết về lực lượng của chúng tôi nếu ông ta đếm những chiếc trực thăng lên xuống suốt cả ngày, và ông ta cũng biết một điều là người của ông ta bào mòn lực lượng của chúng tôi. Trăng tròn lên cao trên núi Chu Pong vào khoảng 1 giờ cho phép chỉ huy địch nhìn thấy rõ hơn chu vi phòng thủ. Dillon và tôi rất vui mừng vì quân địch đã không đưa bất kỳ một khẩu súng bắn máy bay nào vào trận đánh, nhưng vẫn còn sợ rằng họ sẽ sớm làm như thế. Chúng tôi phải gọi pháo binh dội liên tục xuống những triền núi để chặn thứ vũ khí này trước khi chúng có thể bắn lên đầu chúng tôi.

37 dặm về phía đông bắc, Crandall và Freeman cuối cùng cũng tắt máy những chiếc trực thăng đậu trên một sân khổng lồ, có biệt danh là Turkey Farm, bên ngoài hàng rào kẽm gai của trại Holloway, gần Pleiku. Họ đã bay không nghỉ từ 6 giờ sáng tới giờ là quá 10 giờ tối, trước khi Crandall tắt máy và bước ra khỏi trực thăng. “Đó là lúc tôi kiệt sức bởi những hoạt động suốt ngày qua. Chân tôi như rời ra khi tôi bước xuống còng máy bay, và tôi ngã xuống đất. vài phút sau tôi nôn thốc ra. Tôi rất ngượng và phải mất một lúc tôi mới lấy lại được sự bình tĩnh. Ai đó dúi một chai Cognac vào tay tôi và tôi tu một ngụm lớn. Nó như một thứ thuốc thần. Nó xuống tới đâu thì người tôi nóng rực tới đó. Tôi cuối cùng cũng đứng vững và bước vào lều hành quân xem lại hoạt động nguyên ngày nay và lên kế hoạch cho ngày mai. Những đơn vị không quân có một ngày đầy vất vả. Chúng tôi đã không phải chịu một thương vong chết người nào và cũng không bỏ một phi vụ nào. Khi những người anh em bộ binh gọi, chúng tôi lập tức trả lời. Tiêu chuẩn cho những cuộc tấn công đổ bộ với trực thăng đã được thiết lập ngày hôm đó. Tôi tự hỏi về ngày mai, nó có tệ hơn không? Tôi không chắc tôi có thể xoay xở một ngày nữa giống như ngày hôm nay. Rồi tôi nghĩ tới những người lính đang ở dưới X-Ray. Sự chọn lựa không dành cho tôi.”

Crandall vẫn còn nóng máu vì sự từ chối quay trở lại X-ray để mang thương binh ra của những phi công quân y. “Sĩ quan chỉ huy quân y hạnh hộc tôi vì đã dẫn người của ông ta vào một bãi đất nóng bỏng, và cảnh cáo tôi không bao giờ được làm như vậy nữa. tôi không thể hiểu nổi tại sao ông ta lại đối đầu với tôi trong khi ông ta từ chối đối đầu với quân địch. Nếu một vài phi công của tôi không ngăn cản, gã sĩ quan đó đã nhận ngay một Ngôi sao Tím trên mặt rồi. Từ ngày đó, khi lên kế hoạch cho mỗi phi vụ tôi đều tính đến việc những người lính bộ binh sẽ không phải trông chờ vào ai ngoài chúng tôi cho việc di tản thương binh của họ.”

Tất cả những thương binh của chúng tôi được đoàn trực thăng của Crandall đưa về đại đội Charlie, Tiểu đoàn quân y 15, sư đoàn kỵ binh bay số 1, được dựng lên tạm thời trong những

cái lều ở Trại Holloway. Sĩ quan điều hành của Charlie Med là đại úy George H. Kelling, 28 tuổi, đến từ St. Louis Missouri. 5 bác sĩ phẫu thuật của Charlie Med cố ổn định những người lính xuống từ trực thăng. “Những chữa trị mà chúng tôi làm là tìm cách giữ cho máu luôn luôn lưu thông trong cơ thể thương binh cho tới khi anh ta có thể được đưa tới bệnh viện, nơi có nhân sự và thiết bị để thực hiện những phẫu thuật sống còn.” Những bác sĩ của Charlie Med cố bịt chặt những mạch máu bị đứt để tránh sự mất máu, sau đó tiếp vào rất nhiều máu cho họ.

Kelling nhớ rằng rất nhiều thương vong là do mất máu tới chết, vì vậy anh phải chạy đua với thời gian để tiếp máu cho những người lính nhanh hơn là số máu của họ chảy ra ngoài, ngay cả trong lúc những bác sĩ phẫu thuật đang cố bịt những vết thương đang chảy máu. “Chúng tôi chẳng để ý tới những quy tắc, thường chọc tới 4 lỗ vào mạch máu một người và với 4 y sĩ bóp mạnh hết sức vào những túi máu. Nó gây cho thương binh những cảm giác ớn lạnh, run rẩy, co giật và mất nhiệt vì phải nhận quá nhiều máu lạnh trong một thời gian quá nhanh- nhưng không còn cách nào khác hoặc anh ta sẽ chết.”

Chiếc máy bay vận tải Caribou Lục quân thuộc đại đội không quân 17 đang đợi sẵn sàng di tản những thương binh đã ổn định từ Pleiku về những bệnh viện quân y ở Quy Nhơn và Nha Trang. Sau những cuộc phẫu thuật điều trị ở đó, hầu hết những trường hợp nghiêm trọng sẽ được chở tới Clark Field ở Philippine, và sau đó được đưa về Mỹ. Những người khác mà khả năng phục hồi trong khoảng 2 hoặc 3 tháng sẽ được chuyển tới những quân y viện ở Nhật Bản- và sẽ quay trở lại VN cho tới hết khoá phục vụ của họ.

Ở LZ X-ray đêm đầu tiên, quân địch tiến hành quấy rối và thăm dò vào hầu hết các vị trí của các đại đội, ngoại trừ Delta ở phía đông và đông bắc, chiếm  $\frac{1}{4}$  chu vi. Và lúc nào chúng cũng nhận được câu trả lời bằng pháo binh hoặc là bằng M-79. Những khẩu súng máy M-60 được ra lệnh nghiêm ngặt không nổ súng trừ khi có lệnh; chúng tôi không muốn bộc lộ vị trí chúng ra sớm.

Edwards và lính đại đội Charlie được tăng cường một trung đội của Diduryk, chiếm một khu vực dài nhất trong chu vi, lên tới 125 mét dài từ bờ phía nam và tây nam, nối với đại đội Alpha bên tay phải và Delta bên tay trái.

Edwards nói: “Những hoạt động thăm dò của quân địch chủ yếu diễn ra ở khu vực của trung úy Lane phía bên phải tôi. Những nhóm thám thính nhỏ khoảng 5 tới 10 người. Tôi nghĩ chúng đang cố cảm nhận các vị trí chúng tôi cho các khẩu súng tự động, chúng tôi bắn trả bằng M-16 và M-79. tôi không biết số lượng quân địch tối hôm đó, nhưng tôi sẵn sàng đón chờ bất cứ điều gì đến và nói với những chỉ huy trung đội của tôi rằng giữ binh lính ở tình trạng báo động 100% và sẵn sàng chiến đấu.”

Đại đội Charlie bước ngay vào chiến đấu khi vừa đặt chân xuống LZ, điều này ngăn không cho họ đào được những hố chiến đấu tốt hay tạo những khoảng trống cho hỏa lực giữa những đám cỏ cao. Họ vội vàng đào những lỗ nông chỉ bảo vệ được cho họ nếu họ nằm dài xuống. Giờ họ có thời gian đào những hố tốt hơn nhưng lại bị ngăn cản bởi lệnh hạn chế tối đa tiếng động vào

ban đêm của đại úy Edwards, anh không muốn những tiếng động của việc đào đất làm lộ vị trí quân Mỹ và át đi những tiếng chuyển động của quân địch.

Lực lượng tăng cường của Edwards, trung đội 2 của trung úy Lane tách ra từ đại đội của Diduryk, giữ sườn phải của đại đội Charlie, và nối với đại đội Alpha của Nadal phía bên phải ở suối cạn. Họ đã đào những chỗ có thể đào hầm, nhưng thật khó khăn bởi vì rễ cây chằng chịt và đá cứng ngay dưới bề mặt khô và cứng của đất nơi đó. Trung sĩ John Setelin, sau khi chứng kiến người bạn kiên cường của mình được chăm sóc ở trạm cứu thương tiểu đoàn, quay trở lại vị trí của trung đội mình trước khi nửa đêm.

Setelin quay lại, đã lấy lại bình tĩnh, và nói với Lamothe canh chừng những cái cây. “Tôi không di chuyển người của mình nữa. Tôi giữ tất cả mọi người nằm xuống cho tới khi tôi xác định được tên bắn tĩa này ở đâu, và chỉ 5 phút sau hắn ta đã phạm một sai lầm chết người khi đu khỏi cái cây của hắn. Hắn chằng người vào một sợi dây thừng và cột đầu kia trên một ngọn cây cao. Hắn đu qua đu lại trên cái cây đó như một nghệ sĩ xiếc trên không vậy và rải đạn bừa bãi khi hắn đu đưa qua lại. Chúng tôi chờ hắn vọt ra và hắn làm điều đó một lần nữa. Khi hắn làm, chúng tôi đã sẵn sàng. Chúng tôi tình cờ bắn vào ngay cái nút buộc hắn và hắn rơi xuống đất, chết. Chúng tôi thật hài lòng vì chính hắn là người đã bắn Willard.

“Chúng đánh thăm dò chúng tôi suốt cả đêm. Chúng tôi có một vài người bị thương. Tôi chưa bao giờ ở trong một tình huống như thế. Khi chúng tới chúng hò hét và chúng tôi có thể nghe thấy những tiếng kèn.”

Đại đội Delta giờ được chỉ huy bởi trung úy Larry Litton, giữ một phần nhỏ hơn trong hàng quân, ngay ở phía trái của đại đội Edwards. Delta bảo vệ phần đông nam và đông của chu vi. Trung sĩ nhất của Delta, Warren E. Adams, đang ở trong một hố có hình L cùng với Litton và 2 điện đài viên. Adams là cựu binh của Thế chiến thứ II và chiến tranh Triều Tiên và đã ở cùng đại đội qua nhiều đời chỉ huy rất thành công từ trung đội tới đại đội

Trung sĩ Adams bố trí 6 khẩu M-60 gần và chặt chẽ với đơn vị xa nhất về phía trái của đại đội Charlie, trung đội 2 của trung úy Geoghegan. Những khẩu súng máy này có một tầm bắn bằng phẳng tới phía nam vượt qua sườn trái của Geoghegan tới phía đông nam và thẳng tới phía đông. Sáu khẩu súng này cấu thành một vị trí hỏa lực ghê gớm, có khả năng tạo ra một bức tường lửa đan xen vào nhau. Những khẩu súng này và những xạ thủ phía sau nó đã đóng một vai trò quan trọng trong việc bảo vệ X-Ray trong vòng 48 tiếng sắp tới.

Phía bên trái của sáu khẩu M-60 là vị trí của 8 khẩu súng cối, giờ đã được tái bố xung hàng trăm viên đạn, và đã được làm hào bảo vệ chắc chắn. Từ vị trí này những khẩu súng cối có thể yểm trợ cho bất kỳ khu nào của vòng phòng thủ bằng những viên đạn có sức công phá lớn. Những pháo thủ súng cối không chỉ có trách nhiệm với những khẩu cối của họ mà còn có nhiệm vụ như là một lính bộ binh, giúp đại đội Delta bảo vệ phía bờ này của chu vi. Bên trái họ là trung đội trinh sát của trung úy Jim Rackstraw với 3 khẩu súng máy nữa. Họ bảo vệ 2 chiếc trực thăng bị hỏng đậu bên rìa bãi đáp.

Binh nhất Vincent Cantu, được chỉ định là một tiểu đội trưởng trung đội súng cối chiều hôm đó để thay thế một người bị thương, luôn trong tình trạng báo động, anh nói: “đêm đó giống như là ban ngày vậy, đó là nhờ những gã pháo binh yểm hộ chúng tôi. Lúc chúng xuống hầm, tôi đã đào cho mình một hầm tiêu chuẩn, đủ rộng cho tôi ngồi, chứa hết đạn, vũ khí và lựu đạn. Tôi có một khẩu .45, một AR-15, một khẩu M-79, một cái máy cày dài 15 inch, cộng với đạn cối 81mm và các loại đạn khác cho số vũ khí trên. Và có cả 15 mét dây dù nylon dùng cho vượt sông.”

Đại đội Bravo, tiểu đoàn 2, của đại úy Diduryk, thiếu trung đội của trung úy Lane, nằm phía bên trái của đại đội Alpha và bãi súng cối của tiểu đoàn, bảo vệ phần bắc và đông bắc của chu vi, và giúp che chắn cho nhóm pháo thủ súng cối và bãi đáp nhỏ. “Trung tá Moore chỉ tôi chiếm giữa phần nối dài từ sườn phải đại đội Bravo, tiểu đoàn 1, ở suối cạn tới sườn trái của đại đội Delta. Trung đội một chỉ huy bởi trung úy Cyril R. (Rick) Rescorla ở bên trái, còn trung đội 3 của trung úy Ed Vernon ở bên phải.”

Lính của Diduryk đào hầm, dọn quang tầm bắn, và chuẩn bị đón đêm dài. Trung úy William Lund, trinh sát pháo binh đã cho pháo binh bắn tiêu chuẩn nhằm phối hợp mục tiêu cho từng đợt pháo binh. Suốt đêm họ bị quấy rối bởi những kẻ bắn tỉa và một vài đợt đánh thăm dò nhỏ.”

Bên trái của Diduryk là hàng quân của đại đội Bravo của Herren, tiểu đoàn 1, bảo vệ phía bắc và tây bắc. Herren nhớ lại lính của mình đã đào hầm bằng hết khả năng có thể: “Tôi nói với lính rằng ít nhất hố cũng sâu đủ để nằm dài ra được. Cái suối cạn đã cho một chỗ che chắn tự nhiên. Tôi đặt vị trí chỉ huy của mình ở đó. Những vị trí chiến đấu ở ngay phía trước. Tôi đặt những khẩu súng máy của mình vào một vị trí có thể bảo vệ phía trước mặt tôi. Vị trí của chúng tôi có tầm bắn trống trải, thoáng. Diduruk thì khó khăn hơn vì địa hình trước mặt của họ không trống trải như chúng tôi. Có những đường tiếp cận được che chắn tiến tới sát vị trí phòng thủ của họ. Quân địch có thể tiến tới vị trí của chúng tôi nhưng tôi không hề e ngại bởi vì chúng tôi đã bố trí hỏa lực phòng thủ tập trung. Tôi có thể bắn vào tất cả các nơi khi quân địch tấn công vào vị trí từ xung quanh suối cạn.”

Bên trái của Herren, bảo vệ dọc theo con suối cạn trên phần phía tây của chu vi, là đại đội Alpha của Tony Nadal. Những người lính Alpha được bố trí chiếm giữ con suối cạn trọng yếu này. Nhưng một phần nhỏ của hàng quân rẽ cong qua trái để liên kết chặt chẽ với sườn phải của Edwards, 20 mét bên bờ đông của suối cạn. Nadal nói: “Chúng tôi đẩy lùi những cuộc tấn công nhỏ, chủ yếu ở trên phía trái nơi trung đội 3 chiếm giữ và ở trung tâm nơi có trung đội 1. Cuộc tấn công xảy ra vào khoảng 1, 2 giờ sáng, tôi đã tin tưởng sai lầm rằng điều tồi tệ đã qua.”

Điện đài viên mới của Nadal, binh nhất Ray Tanner, nói rằng với số quân tăng viện vừa tới mọi người đều cảm thấy tình hình khá hơn. “Trong lúc tĩnh lặng chúng tôi mất nhiều thời gian để nghĩ lại những gì đã diễn ra ngày hôm đó. Sau buổi chiều đó, tôi không nhớ còn cảm nhận sự sợ hãi thật sự nữa. Chúng tôi sẽ sống và chúng tôi biết rằng mình sẽ chiến thắng. Tôi nhớ thấy ánh nắng rọi xuống từ dãy núi. Tôi không ngủ 1 chút nào. Pháo binh và súng cối bắn suốt đêm,

và chốc chốc lại có những tiếng súng rộ lên. Đó là một đêm thật dài.”

Trong khu vực của đại đội Alpha tối đó, binh nhất Bill Beck nhớ tới “những chớp lửa, tiếng kèn, nỗi sợ hãi, tiếng nói, nỗi nhớ nhà, những bóng ma, những hình bóng quân NVA, những hàng quân địch màu xanh lá. Chúng tôi vẫn còn nằm dưới đất trống trải, bằng phẳng ngoài đó và những chớp sáng có thể bùng lên và đốt cháy chúng tôi ngay lập tức. Nó làm tôi sợ hãi chết đi được. Tôi nằm thật thấp và tay giữ cò súng.”

Có 2 binh sĩ của đại đội Alpha không thể bình tĩnh để tuân thủ mệnh lệnh kiểm soát nổ súng. Cứ vài phút chúng tôi lại nghe thấy tiếng “pung” trên nòng một khẩu M-79, rồi sau đó là tiếng nổ của lựu đạn 40mm bên ngoài hàng quân của đại đội Alpha, Cứ mỗi lần điều này xảy ra tôi lại nói Dillon gọi Nadal hỏi xem có chuyện gì. Cuối cùng Dillon nói với Nadal: “Nếu các anh không dừng khẩu M-79 đó lại, Charlie sẽ đập vào đầu các anh những thứ chết tiệt bây giờ đây” Nadal kiểm tra và báo lại: Hai lính của anh sắp hết hạn tại ngũ, chỉ còn vài ngày nữa thôi. Họ quyết định rằng phải sống để lên được chuyến bay về nhà, và đang bắn vào những bụi cây với khẩu phóng lựu nhằm ngăn không cho một tên địch nào chui vào đó. Họ không muốn bắt kỳ một tên Bắc Việt nào nấp ở đó rồi huỷ hoại kế hoạch du lịch của mình.

Ngoài kia trong những đám cây bị bom đạn cày nát, cách suối cạn và chu vi phòng thủ của chúng tôi 115 mét về hướng tây, trung đội bị chia cắt dọc những giọt nước cuối cùng từ những chiếc Bi-đông và những chiếc hộp thiếc đựng khẩu phần C, và những chiến binh phải đối mặt với 1đêm dài với cái khát cháy cổ, với sự dửng dưng đến gan lì, và với sự rung chuyển ầm ầm xung quanh bởi những loạt pháo. Họ rải đều trên một vòng có hình thoi, chia thành 2 nhóm đông và tây. Mac Mc Herry ‘biệt động quân’ kiểm soát một nhóm sáu người ở phía tây, trung sĩ Savage chỉ huy một tá người sống sót ở phần đông.

Hoàn toàn do tình cờ khi Savage, một trung sĩ 3 sọc và trẻ tuổi hơn Trung sĩ nhất McHerry, là người cuối cùng điều khiển trận đánh sống còn của trung đội Herrick: anh ở gần điện đài nhất khi trung sĩ Stokes bị giết. Dù chỉ ở cách có 30 mét, cấp trên của Savage, Trung sĩ nhất McHerry, hoàn toàn ngoài tầm với.

Khi màn đêm bao phủ, Savage luôn giữ liên lạc điện đài với trung úy Bill Riddle, trinh sát pháo binh của Herren, dựng một hàng rào pháo binh xung quanh trung đội bị chia cắt. “Tất cả chúng tôi bị nhắc khỏi mặt đất vì chấn động, và bụi đất cùng cành, lá cây phủ đầy lên người,” Galen Bungum nhớ lại, “Savage nói trên điện đài: ‘Đúng đấy! Ngay vị trí mà chúng tôi muốn.’ Chúng tôi hét lên rằng pháo bắn quá gần. Nhưng tôi nhìn lại những chỗ mà những viên đạn pháo đầu tiên rót chúng, và thấy 3 đũa chạy thẳng tới chỗ chúng tôi. Chúng tôi nổ súng. Chúng hiển nhiên đang bò tới vị trí của chúng tôi khi pháo dội tới. Chúng lùi lại gần chúng tôi chỉ cách có 10 mét hoặc gần hơn và rất nhiều lần chúng chỉ đứng dậy và cười vào chúng tôi. Những loạt đạn phạt ngang người chúng. Tôi vẫn còn thắc mắc tự hỏi: Chúng cười cái gì vậy? Tôi không thể tin được.”

Cứ mỗi lần Savage nghe thấy tiếng chuyển động trong những bụi cây là anh lại gọi pháo binh

đội tới, và thường thường anh hài lòng vì nghe thấy tiếng địch la hét sau mỗi tiếng nổ. Những tiếng súng bắn tĩa giảm dần khi bình minh lên và những đợt tấn công của quân địch giảm xuống khi pháo binh dội xuống xung quanh trung đội. John Herren, Matt Dillon, trung sĩ Gilreath và những người khác luôn liên lạc chặt chẽ với Savage suốt cả đêm. “Tới lượt tôi nói chuyện với Savage”, Gilreath nói “Tiếng nói của cả 2 chúng tôi đều có một chút gì ngẹn ngẹn, tôi nói anh ấy cố giữ và chúng tôi sẽ đón anh ấy vào sáng mai.” Dillon trước đây chỉ huy đại đội Bravo trong vòng 18 tháng và anh quen thuộc với hầu hết người của trung đội Herrick. Anh nói chuyện với Savage thường xuyên suốt đêm.

Cách hơn 5 dặm về phía đông bắc của X-Ray, ở LZ Falcon, sở chỉ huy hậu quân của tôi nổi và cắt những tín hiệu điện đài trên làn sóng của tiểu đoàn. Sĩ quan điều hành của tôi, thiếu tá Herman L. Wirth, người Pennsylvania, chỉ huy ở đó. Thiết lập một sở chỉ huy hậu quân nhỏ chỉ huy bởi sĩ quan điều hành của tiểu đoàn là cơ cấu hành quân tiêu chuẩn của một tiểu đoàn trên chiến trường. Sở chỉ huy hậu quân này có trách nhiệm bảo đảm đường tiếp tế cho tiểu đoàn và giữ liên lạc thông tin, di tản thương vong, và hàng trăm thứ hăm bà lẩn khác nhưng rất quan trọng, những chi tiết mà người chỉ huy tiểu đoàn không có thời gian giải quyết trong lúc bom rơi đạn nổ.

Trong lều hành quân, trung úy Richard Merchant, người Pontiac, Michigan, là người chỉ huy, với sự trợ giúp của trung sĩ Raymond L. Wills về tình báo, trung sĩ Noel Blackwell về hành quân. Merchant từng trải qua một năm làm việc ở đại đội Bravo dưới sự chỉ huy của cả Dillon và Herren. “Tôi bị xúc động mạnh. Tôi từng chỉ huy trung đội 2, đại đội B, trong suốt quá trình kiểm tra thử nghiệm chiến thuật cơ động không vận và biết tất cả mọi người ngoại trừ những người mới thay thế. Những trung sĩ trong trung đội bị chia cắt thân thiết với tôi như người trong gia đình. Chúng tôi đi lính cùng một lúc với nhau. Thiếu tá Wirth, nhận thấy sự đau đớn của tôi, kêu tôi nghỉ một chút, tránh xa khỏi điện đài.”

Quân Bắc Việt tiến hành 3 cuộc tấn công riêng rẽ nhằm duy trì áp lực lên trung đội bị mắc bẫy trong suốt cả đêm dài, mỗi lần có khoảng 50 quân chống lại những người Mỹ và lần nào cũng bị đẩy lùi bởi pháo binh và hỏa lực của trung đội. Savage có 7 người lành lặn và 13 người bị thương. 9 người khác đã chết. Một vài thương binh vẫn tiếp tục chiến đấu, trong đó có trung sĩ Ruben Thompson dù anh đã bị một viên đạn trúng ngực.

“Savage gọi chúng tôi và nói: “Tôi thấy chúng đang tập hợp ngay sau tôi, và tôi chắc rằng vài phút nữa chúng sẽ tấn công.” Những người trong trung đội bị chia cắt sau đó nói với tôi rằng họ chắc chắn quân địch đã tìm mọi cách để tiến đến được vị trí của họ trong suốt các cuộc tấn công ban đêm.” Herren nói, “Chúng chia ra thành từng nhóm nhỏ, trời thì tối, và quân địch phải đối phó với pháo binh, tôi không nghĩ chúng biết chính xác vị trí của trung đội bị chia cắt.”

Đợt tấn công đầu tiên, trước nửa đêm, tới khi những người của Savage nghe thấy tiếng quân lính đang đi về hướng LZ theo 2 đường, một ở phía nam và một ở phía bắc mồm đất của họ. Đợt tấn công này bị đánh bại bởi những tay súng và pháo binh mà Savage gọi tới.

Khoảng 3g15 một loạt những tiếng kèn, ban đầu khì khe khẽ sau đó lớn dần, vang lên từ vùng núi và xung quanh trung đội của Savage. Kiểm soát viên không quân tiền phương, Charlie Hastings, ngay lập tức gọi Không quân thả pháo sáng và dội bom xuống những triền núi phía trên Savage. Pháo sáng và bom 20 phút sau mới tới được, ngay trước khi và trong lúc đợt tấn công thứ 2 xảy ra, và đã giúp bẻ gãy nó. Savage cho dù rất biết ơn sự yểm trợ nhưng anh gọi cho Herren báo chấm dứt việc thả pháo sáng bởi vị họ ngại rằng ánh sáng sẽ làm lộ vị trí bấp bênh của mình. Nhưng trong ánh sáng của những trái pháo sáng cuối cùng thả xuống đêm đó họ trông thấy quân Bắc Việt đang vội vã kéo những xác chết và người bị thương của chúng vào những bóng cây.

Trung đội sau đó còn nghe thấy một đoàn quân lớn hơn khác di chuyển ồn ào xuống X-Ray qua con đường mòn phía bắc, và một lần nữa gọi pháo binh bắn vào chúng. Rồi tiếp theo là họ quăng lựu đạn cả trước và sau từ mỏm đất của mình vào khoảng 4g30. Một giờ sau, những ánh sáng đầu tiên từ phía trời đông cho thấy hàng tá quân địch trong những bộ kaki chết rải rác xung quanh mỏm đất nhỏ đó. Trung đội bị mắc bẫy đã qua một đêm dài nhất trong cuộc đời họ. Họ kiểm tra lại đạn dược và chuẩn bị đương đầu với đợt tấn công vào lúc bình minh

## 12/ CUỘC TẤN CÔNG LÚC BÌNH MINH

*A brave Captain is a root, out of which as branches the courage of his soldier doth spring.*  
-Sir Phillip Sidney

Giờ là 6g20, thứ 2, ngày 15 tháng 11, trong lúc trời mờ mờ sáng trước bình minh, sĩ quan hành quân tiểu đoàn, đại úy Dillon, quỳ xuống lục lọi ba lô tìm kiếm khẩu phần C để làm một cốc Chocolate nóng. Dù đang đứng cạnh bên tôi cũng chẳng lấy gì làm phiền bởi tôi đang chăm chăm nhìn vào khoảng lờ mờ xung quanh bãi trống. Không có gì lo lắng với Savage và trung đội bị chia cắt. Họ đã sống sót qua đêm mà không chịu thêm một thương vong nào nữa, và tôi và Dillon đã tìm ra một kế hoạch giải cứu họ. Không. Có thứ gì đó làm tôi lo lắng. Xung quanh quá yên tĩnh. Quá yên lặng. Quay qua Dillon, tôi nói anh ra lệnh cho tất cả các đại đội cử những nhóm tuần tra trinh sát phía trước vị trí của họ nhằm kiểm tra những hoạt động của quân địch. Dillon phát lệnh đó đi, trong khi điện đài viên của anh đang châm lửa dưới đáy cái hộp thiếc cho bữa chocolate nóng.

Trong lúc những nhóm tuần tra đang chuẩn bị ra ngoài khu phòng thủ nhằm kiểm tra sự thâm nhập của quân địch, tôi nói Dillon điện cho tất cả các đại đội trưởng họp với tôi tại vị trí chỉ huy của Bob Edwards, phía sau hàng quân của đại đội Charlie, nhằm thảo luận đường tấn công tốt nhất nhằm cứu Savage. Tôi đã quyết định chọc thủng hàng quân địch với 3 đại đội- Bravo của Herren, Alpha của Nadal, và Charlie của Edwards- triển khai theo đội hình mũi tên. Tôi sẽ đi cùng Bravo, để Dillon lại phụ trách LZ. Chúng tôi sẽ nhảy ra khỏi suối cạn sau khi một đợt bắn chuẩn bị mạnh mẽ thật gần của pháo binh và không quân và sẽ giữ pháo binh liên tục trước mặt chúng tôi khi chúng tôi di chuyển tới vị trí của Savage. đại đội của Diduryk và Litton sẽ ở lại phía sau làm lượng lượng dự bị cũng như bảo vệ LZ. Đây là một kế hoạch tốt, nhưng đã

không bao giờ diễn ra.

Đại úy Edwards nhớ lại: “Mới sáng sớm Moore đã lên kế hoạch tấn công tiến tới chỗ trung đội bị chia cắt. Các chỉ huy đại đội họp ở vị trí chỉ huy của tôi để thảo luận về điều này. Ông cũng hướng dẫn chúng tôi tuần tra bên ngoài vị trí nhằm phát hiện những tên bắn tỉa và những kẻ thâm nhập khác đã lén vào gần chỗ chúng tôi trong đêm. Tôi chuyển lệnh đó tới từng trung đội, nói họ cho một tiểu đội tiến ra khoảng 180 mét tuần tra. Các nhóm tuần tra của trung đội 2, trung úy Geoghegan, và trung đội một của trung úy Kroger, đi dò dẫm được khoảng 135 mét thì họ bị đạn từ các súng hạng nhẹ bắn dữ dội. Họ bắn trả và lùi trở lại.”

Trung sĩ trung đội của Geoghegan, Robert Jemison, nhớ lại ngay trước khi trời sáng anh và trung úy Geoghegan đã chia nhau ngậm nước cuối cùng trong hộp thiếc; 3 hộp khác của họ đã khô khốc. “Rạng sáng chúng tôi điều một nhóm tuần tra. Trung sĩ Sidney Cohen, binh nhất Arthur L. Bronson, và 3 người khác được chọn.” Jemison nói, “Họ đã giúp chúng tôi khỏi bị bất ngờ, họ phát hiện quân địch đang trên đường tiến công vào vị trí của chúng tôi. Họ chạy về và Bronson hét lên: ‘Chúng đang tới, Sarge! Đông lắm. Sẵn sàng nào!’ Tôi nói xả thủ súng máy đội cho chúng tôi thật gần mới được bắn.”

Ở sở chỉ huy tiểu đoàn cuộc tấn công làm phá vỡ buổi sáng sớm tĩnh lặng bằng một tiếng nổ lớn. Tiếng súng nổ ngày càng tăng nhất là ở khu nam và đông nam cho thấy địch đang tiến hành một đợt tấn công thật dữ dội. Tôi hét Dillon gọi tất cả các hỏa lực yểm trợ có thể có. Đạn bay vèo vèo dọc ngang LZ và vào thẳng sở chỉ huy của tôi. Lúc này là 6g50. Sau này-trung tá Hoàng Phương, người được điều tới Ia Drang để viết báo cáo sau trận đánh của quân Bắc Việt, nói, “Chúng tôi dự định tấn công các ông vào lúc 2g sáng nhưng vì bom đạn và một bộ phận của tiểu đoàn đi lạc, nên phải hoãn tới 6g30. Đợt tấn công được thực hiện bởi tiểu đoàn 7, trung đoàn 66. Tiểu đoàn H-15 quân chủ lực, một đơn vị Việt Cộng địa phương, cũng tham gia trong đợt tấn công đó.”

Bob Edwards cố gắng liên lạc điện đài với cả 4 trung đội của mình một cách tuyệt vọng. Tiếng súng dữ dội nhất nổ trên khu vực của trung đội một và 2, những đơn vị chiếm giữ phía trái của hàng quân. Anh không thể liên lạc với cả trung úy Kroger và trung úy Geoghegan. Chỉ có trung úy Franklin và trung úy Lane, những người giữ phía phải hàng quân, trả lời; họ vẫn giữ vững vị trí. Đại úy Edwards và năm người ở chung hầm chỉ huy bắt đầu nổ súng vào những tên địch đang chạy tới chỗ họ.

Một lúc sau, có một cuộc điện đài từ Edwards: “Tôi cần giúp đỡ!” Tôi nói với anh rằng không được; anh phải giữ lấy vị trí và hỏa lực trong một khoảng thời gian. Sẽ là hành động sai về chiến thuật, thậm chí tự sát, nếu sử dụng lực lượng dự bị nhỏ bé của mình quá nhanh, trước khi chúng tôi cảm nhận được những gì quân địch đang làm trên toàn bộ chu vi phòng thủ. Đại đội Charlie hiển nhiên là bị tấn công dữ dội nhưng họ vẫn chưa bị chọc thủng. Edwards ước chừng lính của mình phải chống lại từ 2 tới 3 đại đội địch và điều tồi tệ hơn nữa là, một số lớn quân địch đã tiến sát tới trung đội của Kroger và Geoghegan trước khi pháo binh bắn chặn. Quân Bắc Việt giờ đã vượt qua và nằm bên trong vùng an toàn của tầm pháo.

Sở chỉ huy của tôi cùng với của đại đội Alpha và Bravo, nằm ngay sau những hố chiến đấu của Charile, chỉ cách một khoảng đất bằng phẳng và thoáng, giờ đang phải chịu những viên đạn bắn tới, khi chúng vọt qua hàng quân của Charlie.

Chỉ huy đại đội Bravo Herren nói: “Tôi ra lệnh cho người của mình quay lại và hướng súng về hướng đối nghịch nếu quân địch chọc thủng vào chu vi từ phía sau chúng tôi.” Ở đại đội Alpha, điện đài viên của Nadal, binh nhất Tanner nhớ lại: “Khi trời sáng, mọi thứ lại bắt đầu, tôi nhớ mình dùng một khúc gỗ lớn để che chắn. Mỗi khi tôi nhìn thấy chớp sáng đầu nòng súng loé lên trên những ngọn cây, chúng tôi cùng nhau bắn vào chúng.

Edwards không thể gọi được Kroger và Geoghegan trên điện đài bởi vì 2 trung úy này và những người lính của họ đang phải chiến đấu cho mạng sống của họ, cố xua địch quân đang chạy bổ vào họ. Trung sĩ Jemison nói lính của Geoghegan cứ 2 người nằm dài trong một hố chiến đấu, được đào sâu tới đầu gối, mỗi hố cách nhau 10 mét. Jemison nói: “Quân địch đội mũ với mảnh lưới bọc xung quanh và cỏ được cắm vào mảnh lưới. Chúng trông như những cái cây nhỏ. Có khoảng hơn 100 tên xông tới sườn phải chúng tôi và phía trên trung đội 1. Hầm của Geoghegan và tôi ở trung tâm của khu vực trung đội chiếm giữ. Ngay lúc đầu chúng xông tới chỗ chúng tôi, rồi bị đẩy lùi lại, chúng chia ra làm 2 nhóm. Một nhóm đánh vào sườn trái nhưng khẩu súng máy của binh nhất Jame Comer đã chặn chúng lại. Nhóm kia vẫn tiếp tục tiến đánh bên phải. Một trong những người đầu tiên bị trúng đạn là trung sĩ Cohen ở bên phải tôi; sau đó tiếp tục có những người khác bị thương.”

Binh nhất Willie F. Godbolt, 24 tuổi, người Jacksonville, Florida, bị trúng đạn khi đang bắn từ vị trí cách Jamison khoảng 20 mét. Jemison nhớ lại: “Godbolt đang la hoảng: ‘Ai đó giúp tôi với!’ tôi hét lên, ‘Tôi sẽ tới chỗ anh ấy.’ Trung úy Geoghegan giữ tôi lại và nói: ‘Không, để tôi!’ Geoghegan di chuyển khỏi hố để giúp Godbolt và bị trúng đạn. Lúc đó là khoảng 10 phút hoặc ít hơn kể từ tiếng súng đầu tiên vang lên.” Bị bắn vào đầu và lưng, trung úy Geoghegan bị chết ngay lập tức, người mà anh định cứu, binh nhất Godbolt cũng chết vì vết thương quá nặng ngay sau đó.

Quân địch lúc này ở thật gần hàng quân của Edwards chỉ cách có 65 mét. Chúng bắn như điên, một vài tên cúi mình thật thấp và đôi lúc bò bằng đầu gối. Những đứa khác không cao hơn cây cỏ voi [Việt Nam gọi là cỏ le], lẩn vào trong cỏ vừa chạy tới vừa bắn. Chúng tiến công, la hét động viên lẫn nhau và uy hiếp tinh thần những người của Edwards. Những tên chỉ huy thổi còi và sử dụng cánh tay làm hiệu. Một vài tên vác nòng súng cối cùng mâm cối. Đây rõ ràng không phải là cách đánh bắn-rồi-chạy. Chúng tới để chiếm lấy trận địa.

Binh nhất 4 Arthur Viera, Jr., 24 tuổi, người Riverside, Rhode Island, được trang bị một khẩu M-79 và một súng ngắn 0.45. “Khi tiếng súng nổ ra, trước tiên là ở ngoài chỗ nhóm tuần tra, rồi bùng lên rất nhanh. Họ chạy về khoảng 10 phút. Tôi nhớ có một người la hoảng lên: “Nhìn bọn chúng kìa! Tất cả chúng nó! Có ít nhất 200 tên đang tiến tới chỗ chúng tôi rất nhanh. Tôi hét lên với anh ta rằng hãy bắn đi và đẩy anh ta xuống hố. Tôi bắn liên hồi bằng khẩu M-79. Y sĩ của

chúng tôi bị bắn vào cả 2 chân và đang trở nên điên loạn, anh đang có vết trên mặt đất bằng 2 cánh tay.”

Trung sĩ Jamison nói: “Có một người từ trung đội một chạy thẳng tới chỗ chúng tôi. Anh bị bắn vào đầu và nói với tôi: ‘Mẹ kiếp, Trung sĩ ơi, chúng nó làm thịt hết chúng tôi rồi!’” Jamison nói một trong những tiểu đội của anh-dưới quyền chỉ huy của trung sĩ Reginald A. Watkins, 25 tuổi, người Charlotte, North Carolina-ở xa nhất bên phải, gần với vị trí của trung đội một của Kroger, gần như bị quét sạch khi trung đội của Kroger bị đánh mạnh. Trung sĩ Watkins nằm trong số những người chết.

Đóng vai trò quan trọng nhất trong việc chống chọi cho trung đội Geoghegan không bị tràn ngập là 2 khẩu súng máy M-60- một được điều khiển bởi binh nhất James C. Comer người Seagrove, North Carolina và binh nhất 4 Clinton S. Poley, khẩu kia là của binh nhất 4 George Foxe, người Rocky Mount, North Carolina, và binh nhất 4 Nathaniel Byrd người vùng Jacksonville, Florida. Comer và Poley bên trái; Byrd và Foxe xa bên phải, kế với trung đội 1. Súng máy của Comer kết hợp tầm bắn chặt với đại đội Delta phía bên trái, trong khi Byrd và Foxe lại chia sẻ với trung đội 1. Hai khẩu súng máy này đã giúp cắt đứt cuộc tấn công.

Giờ thì trung đội 3 của Edwards chỉ huy bởi trung úy Franklin, bị tấn công, nhưng may mắn là không giống như đợt tấn công dữ dội và áp đảo về quân số của quân địch đánh vào vị trí của trung đội Kroger và Geoghegan. Một trận đấu súng qua lại gia tăng phía bên phải của Franklin, nơi thuộc trung đội của trung úy Lane được tăng viện từ đại đội Bravo, tiểu đoàn 2. Trung sĩ Setelin ở trong những bụi cây đó: “Dường như có khoảng một nửa tiểu đoàn đánh vào chỗ chúng tôi cùng một lúc. Chúng đánh dài theo hàng quân và chúng đánh rất mạnh. Tôi đã nghĩ chúng tôi sẽ bị tràn ngập. Khi Charlie đánh, chúng dùng cách bắn rất lạ. Chúng bắn thấp ngay trên mặt đất cố gắng phạt đứt chân chúng tôi, hoặc, nếu bạn không cúi xuống đủ thấp trong hầm cá nhân, chúng sẽ bắn nát đầu bạn. Khi chúng bắt đầu nổ súng, đạn bay rào rào như một cơn mưa. Bạn không thể ngước đầu lên được để bắn trả. Bạn chỉ có thể nằm xuống, giơ khẩu súng lên, bóp cò cho tới hết băng đạn.”

Ở sở chỉ huy phía đằng sau, tai tôi dính chặt vào ống nghe khi giọng nói đại úy Edwards vỡ ra một tiếng cùn ngùn: “tôi trúng rồi!” Tôi hỏi anh vết thương có nặng không và anh có thể tiếp tục chỉ huy được hay không. Anh trả lời anh đã ngã và tay trái đã không cử động được, nhưng anh sẽ cố hết sức để tiếp tục chỉ huy. Binh nhất 4 Ernie Paolone, cùng nằm chung hầm với chỉ huy của mình, nói Edwards đang chảy máu rất nhiều, từ nách trái và lưng bên vai trái.

Trung sĩ của Edwards, Hermon R. Hostuttler, bị trúng đạn ngay cổ và ngã xuống, máu chảy dữ dội. Edwards sau đó thấy 2 hoặc 3 tên địch “ngay phía trước mình. Tôi đứng dậy, ném một trái lựu đạn và ngay lập tức cảm thấy như bị đập một cú trời giáng vào lưng. Tôi thấy mình nằm dưới đáy hố cáo. Tôi thấy không còn điều khiển được tay trái nhưng không bị ngắt đi. Tôi gọi cho Moore nói chuyện xảy ra và yêu cầu ông gửi sĩ quan điều hành của tôi tới nhận quyền chỉ huy.”

Sĩ quan điều hành của Edwards là trung úy John W. Arrington, 23 tuổi, người North Carolina, tốt nghiệp West Point khoá 1964. Tôi gọi cậu ta lại từ khu chứa đạn, thông báo sơ tình hình rồi ra lệnh cậu đi ra nhận quyền chỉ huy đại đội Charlie. Arrington lom khom chạy thật thấp vượt qua vùng đất trống trải khoảng 50 mét để tới được vị trí chỉ huy của đại đội.

Lúc này Edwards đang nói chuyện điện đài với Matt Dillon, anh lo rằng quân địch sẽ khai thác chỗ bị chọc thủng. “Khi tôi thấy quân địch ngay trước mặt vị trí của mình, tôi biết tôi cần ít nhất một trung đội nữa để trợ giúp tôi. Tôi muốn có người để bịt chỗ thủng đó. Tôi cố thuyết phục Dillon rằng ai ở vị trí của tôi cũng rất cần tăng viện, bởi vì quân tôi đã trải ra quá mỏng. Tôi cố đẩy 2 trung đội của mình qua để bị lỗ thủng. Họ đã thử nhưng bị bắn dữ dội nên không thể làm gì được.”

Vị trí bị chọc thủng mà Edwards nói tới chính là vị trí của trung đội một của Neil Kroger thẳng ngay phía trước hầm chỉ huy của Edwards. Quân địch hiển nhiên là ào vào từ điểm đó.

Trình sát pháo binh của Edwards đã bị ấn nằm bẹp xuống trong hầm chỉ huy, không có khả năng điều chỉnh pháo binh. Điều phối viên hỏa lực yểm trợ của tiểu đoàn, đại úy Jerry Whiteside, bình tĩnh đứng dậy, nhìn chằm chằm qua ổ mối, hướng mặt trực tiếp với làn đạn địch và điều chỉnh pháo binh cùng những chiếc trực thăng vũ trang đội pháo và phóng hỏa tiễn vào ngay phía trước đại đội Charlie.

Trung úy Charlie Hastings, kiểm soát viên không quân tiền phương của chúng tôi, lao vào hành động. Cảm nhận được thảm họa sắp đến, Hastings có một quyết định xuất sắc tức thì: “Tôi sử dụng mật mã ‘Mũi tên gãy [Broken Arrow]’-có nghĩa là một đơn vị Mỹ đang chiến đấu và đang bị đe dọa tràn ngập- và chúng tôi nhận được tất cả những máy bay hiện có trên bầu trời Nam Việt Nam cho những phi vụ yểm trợ thật gần. Những chiếc máy bay bay cao cách nhau 300 mét, từ độ cao 2100 mét tới 10500 mét, xếp hàng đợi tới lượt mình nhào xuống trút bom đạn.”

Giờ là 7g15, bất ngờ tiếng súng nổ ngay trước vị trí súng cối và súng máy của đại đội Delta. Đó là một đợt tấn công mạnh, riêng rẽ vào khu vực của chu vi phòng thủ ngay bên trái đại đội Charlie của Edwards. Những báo cáo ban đầu ước khoảng có 2 đại đội quân địch, rất nhiều người mặc quân phục màu đen. Đó là một tiểu đoàn Việt Cộng, tiểu đoàn quân chủ lực H-15, lần đầu tiên xung trận trên khu chiến.

Trung sĩ nhất của đại đội Delta, Warren Adams, một cựu binh của 3 cuộc chiến tranh, đang nằm trong những hố cáo trên hàng quân. Anh nhớ lại: “Có những tên địch đã lén vào rất gần và bắn chúng tôi. Điện đài viên của tôi và tôi phải tránh những mảnh vỡ từ những quả lựu đạn nổ khắp xung quanh. Một trong số chúng rơi ngay vào hầm của trung tâm điều khiển hỏa lực thối bay đôi chân của trung sĩ Walter Niemeyer. Điện đài viên của tôi và tôi quyết định tiêu diệt cái tổ mối, nơi xuất phát của những trái lựu đạn. Chúng tôi rút chốt an toàn 2 trái lựu đạn, mỗi tay một trái, và luồn lách qua những cái cây, bụi rậm, ra được phía sau tổ mối đó và ném chúng. Quá đủ, 2 hay 3 xác chết trong quân phục, 2 khẩu AK-47 ở ngay đó khi quay về chúng tôi nhìn thấy. Một người chắc phải là sĩ quan, chúng tôi lấy khẩu súng ngắn của hắn.”

Binh nhất 4 George McDonald, một pháo thủ súng cối của Delta, ở bên cạnh những khẩu súng cối đặt gần vị trí của trung sĩ Adams. “Khi khu vực chúng tôi bị tấn công, chúng quá gần nên chúng tôi không thể sử dụng cối. tôi được lệnh dùng khẩu M-79 của mình và lựu đạn cầm tay để chiến đấu và tôi rất hài lòng với hiệu quả của chúng. Tôi nhớ có nói chuyện với một lính mới, vừa gia nhập quân đội. Cậu ấy nói mới chỉ 17 tuổi. Một lúc sau một viên đạn rocket trúng ngay một cái cây gần với cậu và những mảnh đạn làm thủng lỗ chỗ lưng cậu ta. Cậu bé mặc một chiếc áo thun và tôi cá rằng đó là chiếc áo thun màu trắng duy nhất ở Sư đoàn kỵ binh số 1. [Tất cả lính Kỵ binh đều nhuộm áo lót của họ màu xanh lục quân, theo lệnh. trước khi họ lên tàu tới Vn.] Điều cuối cùng tôi nghe được là cậu ấy đã được di tản.”

Ở giữa bãi đáp, nằm sát dưới đất dưới những làn đạn bắn tía qua sở chỉ huy tiểu đoàn là phóng viên Joe Galloway. “Tôi nằm thật thấp, giữ chặt lấy khẩu súng tiểu liên, chờ đợt cái khoảnh khắc quân địch chọc thủng qua bãi trống. tôi có thể thấy những đám bụi do những viên đạn thổi tung lên, thỉnh thoảng là những viên RPG và cối hạng nhẹ nổ xung quanh. Giữa quang cảnh đó, một cậu nhóc mặc một chiếc áo thun trắng vọt ra từ những cái cây, loạng choạng chạy thẳng tới chỗ chúng tôi. Tất cả chúng tôi đều hét gọi và vẫy tay làm hiệu cho cậu ấy quay lại tìm chỗ nấp. Cậu vẫn cứ chạy tới, nhưng cuối cùng cũng nhìn thấy chúng tôi. Khi cậu quay lại chúng tôi có thể thấy lưng cậu ta bị xé nát, máu đỏ bắt đầu nhuộm lên áo thun trắng. Sau đó cậu nhóc cũng tới được trạm cứu thương tiểu đoàn.”

Tới lúc này, tôi đã bị thuyết phục rằng quân địch đang nỗ lực tràn ngập chúng tôi chủ yếu từ phía nam và đông nam, và tôi báo động cho trung đội dự bị có thể được điều tới khu vực của đại đội Charlie hoặc Delta. Tiếng ồn ào của trận đánh thật không thể tin được. Chưa bao giờ trước đây, trong 2 cuộc chiến tranh tôi nghe thấy những âm thanh tương tự như vậy. Tôi muốn giúp Edwards, nhưng quyết định vẫn còn sớm khi đưa lực lượng dự bị tham chiến. Thay vào đó tôi nói Dillon chỉ dẫn cho Nadal của đại đội Alpha nhanh chóng di chuyển một trung đội dọc theo bãi trống để tăng cường cho đại đội Charlie.

Không muốn làm suy yếu cánh trái quan trọng của mình, nơi gần với trung đội Charlie nhất và để giữ được chỗ rẽ trái trong hàng quân ngay bên bờ đông của suối cạn, Nadal chọn kéo ra trung đội 2 của Joe Marm, đang giữ sườn phải của Alpha, giờ được chỉ huy bởi trung sĩ trung đội George McCulley, và gửi họ đi giúp Edwards. Sau đó Nadal ra lệnh cho chỉ huy trung đội 3, trung sĩ Nathan, kéo hàng quân dài ra nhằm bịt vào chỗ trống mà lính của McCulley để lại. McCulley cùng với 16 người, là tất cả những gì còn lại của trung đội Marm, tới ngang qua sở chỉ huy tiểu đoàn, tôi ra lệnh ngắn gọn và chỉ hướng vị trí chỉ huy của Edwards.

McCulley và người của mình chạy lom khom, di chuyển nhanh trên những đoạn ngắn, vượt qua vùng đất trống trải dưới làn đạn dữ dội của quân địch. Họ mất 4 người- 2 chết, 2 bị thương, trong đó có cả trung sĩ McCulley, anh bị thương ở cổ- trong quá trình tiến ra đầy nguy hiểm nhưng cuối cùng cũng tới ngay trung tâm của đại đội Charlie, khoảng 15 mét phía sau hàng quân. Ở đó họ dành được vị trí có tầm bắn rất tốt, và những người còn lại của trung đội 2 đã tạo được một hỏa lực phòng thủ theo chiều sâu cho đại đội Charlie. Nhưng với việc mất 4

người khi vượt qua bãi trống khiến tôi nghĩ rằng không nên ra lệnh di chuyển cho tới khi chúng tôi làm giảm được hỏa lực bắn xung quanh bãi trống của quân địch.

Có một cuộc giao tranh nhỏ nhưng rất dữ dội không được chú ý ở sở chỉ huy của tôi bởi vì tất cả đang bị cuốn theo những diễn biến từ khu vực của đại đội Charlie và Delta, nó xảy ra ở cách 40 mét về phía bắc, nơi binh nhất Wallenius và những đồng đội của anh, những pháo thủ súng cối của đại đội Bravo, tiểu đoàn 2, đang chiếm giữ. “Khoảng 6g50 tôi quan sát thấy một người lính trong quân phục Khaki có mũ và quân trang đầy đủ đứng ngay trước hàng quân của chúng tôi, và hắn giơ tay lên xuống liên tục. Hắn ta đang đứng trong 1 đám cỏ cao và hiển nhiên là đang ra hiệu. Tôi báo cho trung sĩ Uselton và ngay lúc đó thấy 4 tên có đội mũ khác vọt ra từ những ngọn cỏ phía bên trái chúng tôi, rồi chúng chuyển qua phải, mang theo một khẩu súng máy hạng nhẹ. Chúng tôi tưởng rằng mình đang ở phía sau của lính đồng minh và cho rằng những người lính trông lạ và được trang bị tốt như thế này phải là quân Australia. Chúng tôi gọi điện đài và được thông tin rằng không có một người Úc nào trong khu vực cả- và phía trước chúng tôi là khu không được bảo vệ. Ngay lúc đó, khẩu súng máy của quân Bắc Việt bắn vào chúng tôi.

Có một cái cây nhỏ có chạc cây hình chữ Y cách mặt đất 1,2 mét và cách chúng tôi khoảng 27 mét phía bên trái. Đó là nơi mà tổ súng máy của địch nấp rồi từ đó chạy dọc theo hàng quân của chúng tôi phía bên phải. Tôi thấy một cái đầu ngó lên giữa chạc cây nhìn chăm chăm vào chúng tôi, tôi liền bắn nhanh một phát. Một cái đầu khác, hoặc là cái đầu đó lần thứ 2, xuất hiện và tôi lại cẩn thận nhắm chính xác bắn một viên khác. Tôi thật ngạc nhiên khi lại cái đầu ấy hiện ra cùng một điểm. Tôi là một tay bắn cừ và khoảng cách quá gần. Tôi điều chỉnh tầm bắn và lại tiếp tục bắn nắn nót. Cái đầu đó cứ biến đi rồi lại xuất hiện lại. Tôi cứ đứng đó và cứ tiếp tục bắn vào cái mục tiêu không đổi ấy. Tôi bắn thêm 10 lần nữa, từng phát một cho tới khi mục tiêu đó không còn nữa.

Sự chú ý của Wallenius giờ chuyển qua bên phải, nơi những khẩu cối đang chịu những viên đạn từ khẩu súng máy bắn thẳng của quân địch. “Cả ba hố súng cối đều hạ nòng cối xuống khiến cho khẩu súng máy của địch không thể thấy chính xác vị trí của họ trong đám cỏ cao. Khẩu súng máy đặt ngay giữa hố cối của trung sĩ Alvarez-Buzo và trung sĩ Jame Gother của tiểu đội 2. Trung sĩ James Ratledge và nhóm pháo thủ tiểu đội một của anh cùng với Gother và tiểu đội 2, đang cố rút người và súng lui lại ngay trước mũi khẩu súng máy đang khạc đạn. Giờ chỉ còn Alvarez-Buzo và 2 người khác vẫn còn giữ vị trí. Chúng tôi không nổ súng đồng loạt vì sợ bắn phải họ. Ratledge thử bằng cách bắn một viên M-79 vào khẩu súng máy. Sự quấy rầy này cho phép binh nhất Fred S. Bush chạy về được vị trí tái bố trí các khẩu đội cối theo sau là binh nhất Jose Gonzalez. Bush thì ổn, nhưng Gonzalez bị trúng đạn mấy lần. Ratledge và một vài người khác bị những mảnh lựu đạn dường như nổ khắc nơi găm phải.

“Chúng tôi đón được Bush và Gonzalez; Bush nói Alvarez vẫn còn ở hố súng cối, bị thương. Không một chút ngần ngại, Virbie Hibbler tháo quân trang và bò tới hố súng cối của tiểu đội 3. Tôi vội theo sau anh. Được nửa đường, khoảng 15 mét, thì khẩu súng máy bắn đầu bắn vào những ngọn cỏ đang chuyển động ngay trên đầu chúng tôi. Chúng tôi tới được hố, một hố tròn

nông, nhỏ, rộng khoảng 2 mét cách khẩu súng máy không quá 3 mét. Nó vẫn bắn qua quá đầu chúng tôi. Alvarez-Buzo trông có vẻ đã chết. Tôi không thấy một vết thương rõ ràng nào, nhưng anh ấy không còn thở nữa và chúng tôi không thể thấy một nhịp thở nào."

Hibbler và Wallenius vẫn chưa được nghỉ. Wallenius nói: "Chúng tôi bò trở lại và báo rằng Alvarez đã chết. Khi người ta hỏi anh ấy bị trúng đạn vào đâu thì chúng tôi không có câu trả lời. Một vài khuôn mặt nghi ngờ liệu anh ấy đã chết thật hay chưa, hay là chúng tôi thật ra chưa tới được chỗ của anh. Đây là thương vong đầu tiên của trung đội chúng tôi và không ai muốn tin vào điều đó. Ai đó nói rằng nên đặt một chiếc gương dưới lỗ mũi và nếu nó bám hơi nước thì chứng tỏ anh ấy vẫn còn sống. Chỉ bấy nhiêu thôi, có người đưa một chiếc gương ra, Virgie lại đi trước, và chúng tôi bò một lần nữa tới chỗ Alvarez cho chắc chắn. Chiếc gương không bám hơi, nhưng chúng tôi vẫn còn nghi ngờ. Lần này thì khẩu súng máy không thèm để ý tới chúng tôi, vì thế chúng tôi quyết định mang anh ấy về. Anh nặng tới 90 kg; khẩu súng máy ngay lập tức phát hiện ra chúng tôi. Ngay trước khi chúng xác định chính xác vị trí của chúng tôi, thì những đồng đội nhìn thấy chúng tôi quay về lập tức nổ súng vào chúng. Mọi người giờ đều đồng ý là Alvarez đã chết trước đó. Không còn ai cản tầm bắn tới khẩu súng máy nữa, chúng tôi quyết định tung hết số lựu đạn. Sau quả lựu đạn thứ 2 thì tiếng súng ngừng." Trung sĩ Elias Alvarez-Buzo, từ Ponce, Puerto Rico, 25 tuổi.

Lần này viên chỉ huy của quân địch đã tổ chức tấn công khá hơn. Đợt tấn công của ông ta vào đại đội Charlie và Delta được hoạch định khá tốt và đã gần như đạt được sự bất ngờ hoàn toàn. Và không giống như ngày hôm qua khi ông ta điều quân vào khu chiến một cánh từ từ, hôm nay có thể ông ta đã ném tới 1000 quân đánh chúng tôi trong một cuộc tấn công kéo dài tới 25 phút nhằm thắt cổ chúng tôi. Lúc này tôi đã mất quá nhiều thời gian để lo lắng cho trung đội của Herrick và tìm cách cứu họ. Giờ tôi cần phải quan tâm nhiều hơn tới số lượng quân địch, nếu vậy tôi phải gọi những chiếc trực thăng scout H-13 lập tức bay thám sát thật thấp, phát hiện quân địch.

Một điều rõ ràng là suốt đêm qua chỉ huy quân địch đã chuyển quân vào vị trí tấn công. Mục tiêu của ông ta là bố trí quân của mình thật gần, ngay trước mũi chúng tôi, nhằm tránh pháo binh, sau đó đánh thẳng qua hàng quân của đại đội Charlie tiến vào bãi trống. Điều này sẽ cho phép ông ta kéo tới sở chỉ huy của tôi và tấn công vào phía sau của đại đội Alpha và Bravo. Vào sáng sớm chỉ có duy nhất trung đội trinh sát là bố trí ở đó có thể ngăn ngừa được thảm họa.

Quân địch đã gần như đánh giáp lá cà với số quân ít ỏi hơn nhiều của trung đội Geoghegan và Kroger. Hàng tá người Việt Nam và người Mỹ chết trong cơn bão táp đạn lửa.

Trong căn hầm ngập máu nơi đặt vị trí chỉ huy của Bob Edwards giờ chứa một đồng người. Trung sĩ Hermon Hostuttler nằm chết gục trong đám bụi. Binh nhất 4 cúi mình thật thấp, máu chảy ra từ những vết thương do mảnh đạn trên tay trái. Trung sĩ James P. Castleberry, trinh sát pháo binh, điện đài viên của Castleberry, binh nhất Ervin L Brown, Jr., người duy nhất không bị thương, nằm sát cạnh Paolone. Bob Edwards bị trúng đạn từ vai và nách trái, khiêu người xuống, không thể di chuyển, ngồi trong tư thế méo mó, vẫn giữ được tay nghe điện đài trên tai

phải. “Tôi cố tiếp tục chỉ huy với tất cả những gì mình có thể,” Edwards nói “Hố cáo chỉ huy nằm ngay dưới góc chết của một khẩu súng tự động, chúng tôi nằm đó nhìn những viên đại bắn tung bụi đất của viên đất nhỏ đập xung quanh hố.”

Edwards không biết anh bị thương nặng ở mức nào, chỉ biết rằng anh không thể đứng dậy. Hai trung đội anh có thể liên lạc được báo cáo họ đang bị tấn công dữ dội nhưng vẫn chưa bị thâm nhập vào phòng tuyến. Không có ai trả lời với đại đội trưởng từ 2 trung đội bị đánh mạnh nhất và quân địch đã lọt được vào tầm ném lựu đạn tới hố chỉ huy của Edwards. Tất cả điều này xảy ra chỉ trong khoảng có 10 tới 15 phút kể từ lúc súng nổ.

Trung đội của trung úy Kroger chịu phần dữ dội nhất của cuộc tấn công. Cho dù pháo binh và không quân đã đánh vào đám quân địch theo sau (thê đội 2), nhưng một số lớn quân địch đã tiến vào hàng quân của Kroger và sự chém giết giờ chuyển qua bằng những đôi tay.

Binh nhất Arthur Viera đang núp dưới một hố nhỏ và bắn bằng khẩu M-79. “Tiếng súng nổ điếc cả tai. Chúng tôi bị tràn ngập phía bên phải. trung úy Kroger vọt tới nhằm bịt cửa mở. Tôi nghĩ điều đó thật tốt. Anh gọi tôi, tôi nhóm người lên để nghe anh ấy nói gì. Anh hét tôi lên yểm trợ bên trái. Tôi chạy tới và lúc tôi tới được chỗ anh, thì anh đã chết. Anh ấy thoi thóp hơn nửa giờ. Tôi quỳ bên cạnh anh, tháo thẻ bài, đút nó vào túi tôi. Tôi quay sang tiếp tục bắn bằng khẩu M-79 rồi bị trúng đạn vào khủy tay phải. Khẩu M-79 rơi ra, tôi ngã lên người trung úy.”

Viera móc khẩu súng ngắn và bắn bằng tay trái. “Sau đó tôi bị trúng đạn ở cổ, viên đạn chui sâu xuống. Tôi không thể nói chuyện hay thậm chí không thể phát ra một âm thanh nào. Tôi đứng dậy cố tiếp tục chiến đấu, và bị trúng viên đạn thứ 3. Nó phạt đứt chân phải tôi, và quật tôi ngã xuống. Cẳng chân của tôi giờ quay ngược trên đầu gối, qua cả háng và cuối cùng đụng vào chỗ thắt lưng. Tiếp ngay sau đó 2 quả lựu đạn nổ tung ngay gần tôi và xé toạc cả 2 chân tôi ra. Tôi mò mẫn xuống bằng tay trái và chạm phải một mảnh lựu đạn trên chân trái và nó giống như tôi đụng phải con bài tẩy Poker nóng bỏng. tay tôi cháy xèo xèo.”

Trung sĩ Jemison ở ngay trên hành quân của trung đội 2 của trung úy Geoghegan. “Khẩu súng máy của tôi tiếp tục làm cho bọn chúng sụp xuống. Quân địch chuyển qua bên phải tôi. Ít nhất chúng có một tiểu đoàn ngoài đó.”

Khoảng 33 mét phía sau bên phải của Jemison, trung úy Arrington đã an toàn vượt qua bãi trống để tới được chỗ hàng quân của đại đội Charlie và nhận quyền chỉ huy từ người đại úy bị thương nặng Edwards. “Arrington tới được hố chỉ huy của tôi” Edwards nói, “chỉ sau vài phút nói chuyện với tôi trong lúc đang nằm bên rìa của hố, thì bị thương. Cậu lo rằng mình bị thương quá nặng và nhờ tôi nói với vợ của cậu rằng cậu ta rất yêu cô ấy.”

“Tôi nghĩ: Cậu ta có biết tôi cũng đang bị thương không? Arrington bị trúng đạn vào cánh tay, nó xuyên qua ngực, và làm thủng phổi. Cậu ta rất đau, nằm im chịu đựng. Cậu ấy cũng bị trúng một vài mảnh đạn M-79 mà rõ ràng quân địch đã cướp được từ tay ai đó và đang bắn vào những cái cây trên đầu chúng tôi.”

Quân địch giờ tiến sát với trung đội của Geoghegan. Chúng đã tràn vào lẫn lộn với những người sống sót của trung đội Kroger và đang đưa tới hồ của Edwards.

Vào lúc 7g45 quân địch đánh vào sườn trái của đại đội Alpha của Nadal, ngay vào chỗ gấp khúc mà 2 đại đội Alpha và Charlie bắt tay với nhau. Giờ chúng tôi bị tấn công trên 3 hướng. Dạn bắn thẳng từ vũ khí tự động và súng máy hạng nặng phạt đứt ngang những đám cỏ voi và quét qua sở chỉ huy tiểu đoàn và trạm cứu thương. Lá cây, vỏ cây và những khúc cây nhỏ vương vãi khắp lên người chúng tôi. Ở sở chỉ huy tiểu đoàn một vài lính bị thương và ít nhất có một người bị giết. Điện đài viên của tôi, binh nhất 4 Robert Ouellette, 23 tuổi, cao 1m8, đeo kính cận, người Madawaska, Maine bị trúng đạn và nằm thượt ra, không cử động và trông như đã chết. Tôi vẫn giữ tay nghe điện đài bên tai, tình hình quá nghiêm trọng nên chẳng có thời gian để coi tới Ouellette.

Khoảng lúc này chừng 15 hoặc hơn viên đạn cối và rocket nổ xung quanh tổ mối chỉ huy. Chúng tôi bị khoá chặt vào một trận đánh sống chết, chịu nhiều thương vong nơi đại đội Charlie, và không còn chần chừ để kêu gọi sự giúp đỡ. Tôi điện cho đại tá Brown và yêu cầu ông chuẩn bị một đại đội khác để tăng viện, họ phải được đưa tới nhanh chóng khi bãi đáp được bảo đảm. Brown, vốn là người nhìn xa trông rộng, đã báo động cho đại đội Alpha tiểu đoàn 2 và họ đã xếp hàng chờ bên trục thẳng chờ lệnh.

Joe Galloway nhớ lại: “Những viên đạn bay tới thật thấp chỉ cách mặt đất có hơn nửa mét và tôi nằm sát nhất xuống mặt đất mà tôi có thể, lúc đó tôi cảm thấy một chiếc giày thúc vào sườn mình. Tôi quay lại và ngược lên. Đứng đó, cao lớn, là thượng sĩ Basil Plumley, nghiêng người và hét lên giữa những tiếng súng nổ: ‘Cậu không thể chụp được một tấm ảnh nào nếu nằm dài trên mặt đất đâu, con trai ạ’ Ông bình tĩnh, chẳng hề sợ hãi, và cười ngạo. Tôi nghĩ: ‘Ông ấy đúng, dù sao thì tất cả chúng tôi sẽ chết, vì vậy tại sao tôi không tự đứng dậy và làm gì đó.’ Tôi đứng dậy và bắt đầu chụp vài tấm hình.” Plumley di chuyển tới trạm cứu thương, móc khẩu súng ngắn .45 nhét vào một viên đạn và thông báo với bác sĩ Carrara và các y sĩ: “Các quý ông, chuẩn bị tự bảo vệ mình đi nhé!”

Đợt tấn công vào khu vực của đại đội Delta của chỉ huy địch đã không thu được hiệu quả. Thực ra ông ấy có thể thành công hơn nếu tấn công vào bất kỳ khu vực nào khác ngoại trừ Delta. Họ có 6 khẩu M-60 của mình cùng với 3 khẩu M-60 của trung đội trinh sát, rải đều trên tuyến phòng thủ dài 70 mét. Mỗi khẩu có một tổ 4 người và 3 cơ sở đạn cơ bản- gồm 6000 viên 7.62mm. Phía sau bên trái những khẩu súng máy là những khẩu cối 81mm của tiểu đoàn, những pháo thủ của nó đang bắn yểm trợ cho đại đội Charlie, đồng thời họ cũng dùng tiểu liên và M-79 để nã vào những tên địch ở cự ly gần.

Binh nhất Willard F Parish, 24 tuổi, người Briston, Oklahoma, là trợ lý tiểu đội trưởng của một tiểu đội súng cối của đại đội Charlie. Parish là người đã lắp ráp, sửa chữa những khẩu súng máy và tiểu liên của những người chết và bị thương rồi chuyển đến khu vực của đại đội Delta. “Khi chúng tôi bị tấn công tôi nhớ tất cả những viên đạn vạch qua và tôi tự hỏi làm sao mà

những viên đạn này có thể vọt qua cái hàng rào bom pháo đến con kiến cũng không lọt qua được vậy. Ở phía sau bên phải, chúng tôi nghe thấy có ai đó đang hét lên: “Chúng đang tới! Chúng đang tới!” tôi ở trong một cái hố cùng với một gã người Chicago, binh nhất James E. Coleman, anh ta có một khẩu M-16. tôi thì giữ khẩu .45 của tôi và khẩu .45 của anh ta luôn, và tôi đang bắn bằng khẩu M-60 của mình. Chúng tôi đã dàn sẵn, đối mặt với những đám cỏ cao.

“Tôi đang nhìn ra trước thì thấy một vài cây cỏ bị sụp xuống giống như có ai đang bò trong nó vậy. Tôi hét lên: ‘Ai ngoài đó’ Không có ai trả lời, tôi lại hỏi một lần nữa, cũng không có tiếng trả lời. Tôi quay lại Coleman: ‘Quất vào đít chúng đi’ Coleman nói: ‘Súng tôi hóc rồi!’ Tôi nhìn anh và anh ta nhìn tôi. Rồi tôi quay lại phía trước mặt, bọn chúng đang vọt ra từ những đám cỏ. Tôi chỉ còn nhớ mình cứ ôm khẩu súng máy và từ lúc đó trở đi tôi không nhớ gì cả. Tôi đoán là mình đã làm những gì được huấn luyện, đầu óc tôi như để ở một nơi nào khác, bởi vì tôi thực sự không nhớ chính xác là tôi đã làm những gì. Tôi hoàn toàn không nhận biết về thời gian, và không gian.”

Trên khẩu súng M-60 đó, theo những gì trích ra từ giấy chứng nhận phong huân chương Silver Star, binh nhất Parish đã nổ những làn đạn chết chóc vào hết lớp này tới lớp khác quân địch cho tới khi hết đạn. Tiếp đó, đứng đối mặt với quân địch với 2 khẩu súng ngắn .45 trên 2 hai tay, Parish bắn hết ổ đạn này tới ổ đạn khác vào những tên địch chỉ cách có 20 mét; anh đã chặn đứng đợt tấn công của chúng. Parish nói: “Tôi cảm thấy mình không làm gì hơn những điều mà những người khác cũng đang làm ngoài đó. Tôi nhớ tiếng ầm ầm, rất nhiều tiếng la hét và rồi tất cả im bật.” Hơn 100 xác quân Bắc Việt sau đó được tìm thấy nơi họ ngã xuống, quây xung quanh một nửa vòng tròn từ hố của Parish.

Binh nhất 4 Vincent Cantu bị gọi đi quân dịch một ngày trước khi Tổng thống Kennedy bị ám sát ở Dallas. Anh ấy còn một tuần nữa là hết hạn phục vụ và anh đang cầu nguyện được sống sót để quay trở về nhà ở Refugio, Texas, nơi anh là một tay guitar lead và là giọng ca chính của một ban nhạc địa phương có tên gọi The Rockin’ Dominoes. Cantu nói, “Trận đánh không kéo dài quá lâu. Pháo binh dội xuống xung quanh chúng tôi liên tục. Những chiếc phản lực biến những triền núi phía trên thành hỏa ngục. Tôi nhận được một tin là một người bạn của tôi từ Houston, Hilario De La Paz đã bị giết. Anh ấy chỉ còn 4 ngày nghĩa vụ nữa thôi. Anh ấy có 2 đứa con gái nhỏ ở quê nhà Houston.” Hilario De La Paz, Jr., bị giết vào buổi sáng hôm đó trên khu vực của đại đội Delta. Anh ấy mới đón sinh nhật lần thứ 26 của mình trước đó 18 ngày.

Trong lúc cuộc tấn công dữ dội đang đánh vào phòng tuyến của đại đội Charlie và Delta, Cantu nhớ lại: “Tôi nằm sát xuống mặt đất còn giỏi hơn một con rắn, lúc đó tôi nhìn thấy có một người lính trong áo nguy trang với 2 hoặc 3 chiếc máy ảnh treo lưng lửng trên cổ. Anh ta tới sau một cái cây và bấm 2 hay 3 kiểu ảnh rồi nhảy xuống núp sau một tổ mối lớn. Tôi nghĩ: ‘Trời, hắn ta muốn chụp ảnh cho cuốn sổ tang của mình sao.’ Tôi nằm đó, một chút sau bắt đầu nghĩ ngợi: ‘Người này làm tôi nhớ tới ai đó.’ Tôi bò lại cái cây bởi vì tôi muốn nhìn rõ anh ta hơn khi anh ta xuất hiện lần thứ 2- và tôi cũng muốn núp ở cái cây đó. Tôi chẳng phải đợi lâu; và đã không lầm. Trời thì nóng, mặt anh ta đỏ bừng; đó là người bạn cũ của tôi, Joe Galloway. Tôi cảm thấy vui mừng khi thấy một người cùng quê Refugio ở đây, cùng lúc đó là sự lo lắng

buồn rầu bởi vì tôi không hề muốn người đồng hương bị giết ở đây, còn anh ấy thì dường như sắp bị dính đạn vậy.”

Galloway và Cantu là bạn cùng lớp; năm 1959 họ tốt nghiệp trường trung học Refugio cùng với 55 người khác. Cantu vượt qua lửa đạn, chạy hết tốc lực vượt qua bãi đáp trống trải, nhào xuống một bụi cây, nơi Galloway đang quỳ ở đó. “Joe Galloway, Còn nhớ mình không, ông bạn? Vincent Cantu ở Refugio đây.” Hai người ôm chầm lấy nhau và đồng ý rằng đây là chỗ “thật tệ như cục cứt vậy” và trong vài phút rút ra khỏi trận đánh đang ồn ào xung quanh họ, họ nói chuyện về quê nhà, gia đình, và bạn bè. Cantu nói với người phóng viên: “Nếu tôi sống, tôi sẽ về đón Giáng sinh ở nhà.”. Cantu đã sống sót và quay trở về Refugio, Texas, nơi có 4944 cư dân, vừa kịp lễ giáng sinh.

### 13/ ĐẠN THÂN THIỆN

*Dulce bellum inexpetis. ("War is delightful to those who have no experience of it.")*  
--Erasmus

Sự thử thách của người lính Arthur Viera, đang nằm co quắp dưới đất bên cạnh xác của trung úy Kroger với những vết thương khủng khiếp, mới chỉ bắt đầu. “Quân địch ở khắp nơi, ít nhất phải có 200 tên lục lọi xung quanh trong khoảng 2, 3 phút-mà giống như 2, 3 giờ vậy-bắn và chọc vào xác những người bị thương, chúng cười rúc rích, và nhạo báng chúng tôi,” Viera nhớ lại, “Tôi biết chúng sẽ giết tôi nếu phát hiện ra tôi còn sống. Khi chúng tới gần, tôi giả chết. Tôi trợn ngược mắt, nhìn không chớp vào một cái cây. Tôi nhớ là người chết thì hay mở mắt. Một trong những tên Bắc Việt lại gần, nhìn tôi, rồi đá vào người tôi, và tôi trượt xuống. Tôi đoán là hấn nghĩ tôi đã chết. Máu đang chảy ra từ miệng tôi, tay và chân. Hấn ta lấy chiếc đồng hồ và khẩu .45 của tôi rồi bỏ đi. Tôi trông thấy chúng tước hết vũ khí của chúng tôi, rồi rút đi, trở lại hướng nơi chúng xuất hiện. Tôi còn nhớ pháo, bom đạn, bom napalm, nổ khắp nơi xung quanh tôi. Chúng làm rung chuyển mặt đất dưới lưng tôi, nhưng chúng dội xuống trúng vào đám quân Bắc Việt.”

Ở phía khu vực của trung đội 2, trung sĩ Jemison bị một viên đạn trúng bụng. Anh quên đau đón tiếp tục bắn, và động viên những người còn sống bắn mạnh hơn và cố giữ vị trí. Clinton Poley, một cậu bé nông dân vùng Iowa, vẫn còn sống trong cơn bão đạn: “Khi tôi nhóm lên có cái gì đó đập rất mạnh vào phía sau cổ tôi, hất tôi chồm tới và làm rơi mũ của tôi xuống đáy hố. Tôi nghĩ có một gã nào đó đã lên xuống phía sau tôi, rồi dùng báng súng đập vào tôi một cú trời giáng. Chẳng có ai cả; đó là một viên đạn bay tới từ phía sau hoặc bên sườn. Tôi đặt tấm bông băng vào đó rồi đội mũ lên cố giữ chặt chỗ băng bó. Tôi lại đứng dậy và nhìn ra phía trước, có 4 tên địch đang xách những khẩu Carbines ở bên phải. Tôi nói Comer chĩa súng về bên phải. Chỉ một lúc sau tôi nghe thấy tiếng la hét và tôi nghĩ đó là của trung úy Geoghegan.” Poley và người đang bóp cò súng máy M-60, binh nhất Cormer đã thổi bay một lượng lớn quân địch ở ngay trước mặt.

Trời không có gió, bụi và khói cứ treo lơ lửng trên khu chiến và ngày càng mù mịt hơn, càng gây khó khăn cho những chiếc máy bay của Không Lực, Hải Quân, và Thủy quân lục chiến cùng với những chiếc Huey của Lục quân trong việc phân định phòng tuyến của chúng tôi. Theo lệnh của tôi, vào lúc 7g55 tất cả các trung đội ném lựu đạn khói để đánh dấu chu vi của chúng tôi cho những phi công. Rồi sau đó họ tiến hành yểm trợ hỏa lực thật gần.

Sau khi ném khói màu một chút, thì trung sĩ Jemison bị trúng đạn lần thứ 2, một viên đạn xé toạc vai trái. Nó cách khoảng 20 phút từ lúc anh bị trúng viên đạn đầu tiên. Một lần nữa anh lại đứng dậy tiếp tục chiến đấu. 30 phút sau Jemison bị trúng đạn lần thứ 3: “Đó là súng tự động. Đạn trúng vào tay phải tôi và bẻ gãy khẩu súng của tôi thành những mảnh nhỏ. Tất cả những gì còn lại là cái báng nhựa. Một viên đạn khác cắt đứt cái khoá kim loại của cái dây buộc quanh cằm tôi và hất tung mũ tôi xuống. Nó đập thật mạnh và tôi nghĩ cái cổ mình đã gãy. Tôi bị ném xuống đất, tôi đứng dậy và không còn gì trong tay. Không vũ khí, không lựu đạn, không có gì hết.”

Tương tự, Comer và Poley, ở cách Jemison về phía trái 30 mét, cũng bắt đầu gặp khó khăn. Poley nói: “một trái lựu đạn cán dài rơi xuống ngay trước hố. Comer hét lên: ‘Nằm xuống’ và dùng chân đá nó ra xa được một chút. Nó không nổ. Tới lúc đó chúng tôi gần sắp hết đạn, và khẩu súng lại bị hóc. Trong đám bụi khói mờ mịt chúng tôi chuyển qua bên trái, cố tìm những vị trí khác của trung đội 2 chúng tôi. Đó là lúc tôi bị bắn trúng ngực và ngã mạnh xuống đất. Tôi đứng dậy và bị trúng đạn vào hông lại ngã xuống. Comer và tôi mất liên lạc với những người khác giữa những đám cỏ voi cao ngất. Chúng tôi đã mất người tiếp đạn, binh nhất Charles H. Collier, người Mount Pleasant, Texas, người đã bị giết ngày hôm trước. Cậu ta mới chỉ 18 tuổi và mới tới VN có vài ngày. Tôi cố chạy khoảng 20 mét một lần và chạy được 3 lần thì cuối cùng cũng tới được vị trí đặt trung đội súng cối. Một trung sĩ cho 2 người giúp tôi vượt qua bãi trống để tới trạm cứu thương tiểu đoàn nơi tổ mối, bác sĩ tiểu đoàn, một đại úy sơ cứu cho tôi.”

Đại úy Edwards vẫn còn nằm trong hố cáo của mình: “Tôi nghĩ hỏa lực yểm trợ đã ngăn quân địch tăng viện vào thời điểm chúng có thể tiêu diệt chúng tôi. Quân thâm nhập đã lọt tới những hàng hố đầu tiên của 2 trung đội bị tổn thất nhiều nhất.” Đại úy John Herren của Bravo nói, “Quân địch tiến tới trước vị trí chỉ huy của Edwards thì bị chặn lại chủ yếu bởi pháo binh, không quân, rocket và súng máy từ trực thăng mà tiểu đoàn đã gọi tới. Theo tôi đó chính là điểm sâu nhất chúng ta bị chọc qua.”

Trận chiến của riêng Edwards còn lâu mới kết thúc. Cách chỗ anh khoảng 30 mét là một tổ mối lớn có những bụi cây nhỏ và cỏ bao quanh. Trên đỉnh của nó là một tên lính Bắc Việt, kẻ đã bắn ra những viên đạn gây chết chóc cho trung đội bằng một khẩu tự động. Hắn đã giết trung sĩ Hostuttler; làm bị thương Edwards và trung úy Arrington; và hắn ta vẫn tiếp tục bắn. “Chúng tôi gần như bị ấn nằm bẹp xuống bởi một khẩu súng tự động đặt sau một tổ mối ngay phía trước phía trái của trung đội 3. Trung úy Franklin cố tiến tới chỗ chúng tôi nhưng cũng bị trúng đạn. Tôi không rõ là anh bị trước hay sau khi Arrington bị thương. Ít nhất là 4 người trong chúng tôi bị trúng đạn bởi một tên địch trong vòng một giờ. Rồi trung sĩ Kennedy tới, sau khi Arrington bị thương, và tự mình tiêu diệt mối nguy hiểm bằng lựu đạn và khẩu tiểu liên của anh. Chúng

tôi như cất được một tảng đá khỏi đầu.”

Không phải duy nhất khẩu súng máy của Comer và Poley buộc phải im tiếng. George Foxe, 25 tuổi và Nathaniel Byrd, 22 tuổi, nằm vắt qua khẩu súng M-60 im lặng của họ, xung quanh là hàng đồng vỏ đạn và những thùng đạn trống rỗng. Họ đã chết cùng với nhau, vai kề vai. Trung sĩ Jemison đã khâm phục họ như là những chiến binh chuyên nghiệp: “Byrd và Foxe đã làm được một việc phi thường. Họ bắn cho tới khi hết đạn và không rời khẩu súng. Họ đã ở lại với nó cho tới chết.”

Giờ là lúc phải quét sạch số quân địch đã tràn vào phía trái của đại đội Charlie. Dillon và tôi hội ý và đồng ý lúc này phải đưa lực lượng dự bị vào. Tôi nói trung úy James T. Rackstraw chỉ huy trung đội trinh sát và tiến hành phản công ra phía trái khu vực của đại đội Charlie. Tôi chỉ một khu vực yếu huyệt anh ta cần phải chiếm và nói anh phối hợp sự di chuyển của mình với trung úy Litton của đại đội Delta. Sau khi trung đội của anh chiếm được phía trái của Charlie. Tôi nói anh cùng với Litton giết hết những tên địch phía sau những khẩu súng cối. Để tiếp tục duy trì lực lượng dự bị, tôi ra lệnh cho đại úy Myron Diduryk đưa nhóm chỉ huy đại đội cùng một trung đội của anh ra khỏi tuyến phòng thủ của đại đội Bravo, tiểu đoàn 2, trở về vùng bị bỏ trống tại sở chỉ huy tiểu đoàn của tôi. Anh phải chờ ở đó để có thể chặn, tăng viện, hoặc phản công tới khu của Edwards hay bất kỳ một khu vực nào khác trên phòng tuyến một khi bị tấn công dữ dội.

Diduryk đã chạy dưới mưa đạn theo sau là trung đội của trung úy Rescorla vào lúc 8g15. Trung đội tổn thất một người chết, một người bị thương bởi những luồng đạn ngang dọc khắp xung quanh LZ.

Tới lúc này hầu hết những người thuộc 2 trung đội bị đánh mạnh nhất của Edwards đã chết hoặc bị thương. Việc chống chọi lại quân thù giờ được đặt vào tay một vài người vẫn còn khả năng chiến đấu. Không biết bằng cách nào mà binh nhất Larry D. Stevenson của đại đội Delta lại ở trong khu vực phòng thủ của trung đội trung úy Geoghegan, anh là người duy nhất còn lại đang chiến đấu để giữ một phòng tuyến dài 45 mét. Anh bình tĩnh quỳ một chân và bắn vào khoảng 15 tên địch trước khi quân tiếp viện tới kịp. Đó là trung đội trinh sát của tiểu đoàn. Họ quét sạch phía trái của Charlie sau đó chuyển vào trung tâm của hàng quân đại đội và liên kết với toàn đại đội cho tới lúc kết thúc trận đánh. Phần khu vực này của chu vi giờ đã nằm trong tầm kiểm soát. Hành động này đã giảm áp lực lên vùng LZ và chúng tôi ngay lập tức nhận thấy tiếng súng nổ giảm dần, và những viên đạn bắn ngang dọc LZ cũng không còn nữa. Tôi điện cho sở chỉ huy Lữ đoàn gửi cho tôi đại đội Alpha của tiểu đoàn 2, Sư đoàn kỵ binh số một bằng trực thăng.

Trong khoảng thời gian này tôi thấy điện đài viên của tôi, Bob Ouellette, đã ngồi lên được, trông vẫn còn yếu nhưng đã tỉnh táo. Tôi nhìn cậu ấy gần hơn và phát hiện ra rằng cậu ta bị bất tỉnh bởi một viên đạn trúng mũ sắt nhưng lại không trúng vào đầu. Tôi nói: “Ouellette, đừng bao giờ vứt cái mũ ấy đi, nó cứu sống cậu đấy.” Người trung sĩ già cộc cằn của trung đội quân y, Thomas Keeton, nói: “Tôi nhớ điện đài viên của trung tá Moore, anh ta bất ngờ đổ xuống. Tôi

nghe anh ta mệt quá và ngủ gục xuống. Tôi như tức điên lên; chạy tới và đá vào người cậu ta; và nói cậu ta hãy xách dít dậy và đi giúp chúng tôi chuyển những người bị thương. Không có phản ứng gì. Tôi lột mũ cậu ta ra và một viên đạn rớt xuống. Nó đã xuyên qua lớp thép và lớp vải lót. Hạ cậu ấy bất tỉnh như một khối đá vậy. Đầu cậu ấy sừng lên một cục to tướng.”

Tất cả những người chúng tôi đang ở trong khu vực sở chỉ huy tiểu đoàn phải chứng kiến một sự kiện không mong muốn xảy ra, như một cuộn phim quay chậm ngay trước những đôi mắt kinh hoàng của mình. Tôi đang quỳ một chân hướng mặt về dãy núi. Ouellette vẫn còn choáng, đang quỳ bên cạnh tôi. Mắt tôi thấy có một chuyển động từ phía tây bên phải tôi, Tôi ngoảnh đầu nhìn thẳng vào mũi 2 chiếc phản lực F-100 Super Sabre đang hướng thẳng tới chỗ chúng tôi. Ngay vào lúc đó, chiếc đi đầu thả 2 thùng napalm, dài 1,8 mét sáng loáng, nó bắt đầu từ từ rơi theo chiều quán tính mà điểm kết thúc sẽ là ngay chỗ chúng tôi.

Những hình ảnh khủng khiếp của những thùng napalm này luôn in đậm trong tâm trí tôi. Nó chỉ mất có 3 hoặc 4 giây kể từ lúc được thả cho tới khi chạm đất và phát nổ, nhưng thời gian tưởng dài như vô tận. Nó được thả ra bởi chiếc máy bay đầu tiên và hướng trực tiếp tới bên trái của vị trí chỉ huy tiểu đoàn, nơi trung sĩ George Nye và nhóm công binh của anh đang núp dưới hố trong đám cỏ cao. Những chiếc phản lực đang bay với tốc độ rất chậm. Tôi không thể làm được điều gì với 2 thùng napalm của chiếc đi đầu đã thả ra, nhưng tôi phải làm điều gì đó để ngăn viên phi công của chiếc thứ 2 thả những thùng napalm của hắn, đang hướng vào phía trái của sở chỉ huy. Nếu hắn ta nhấn nút ‘thả’, hắn ta sẽ thiêu rụi hoàn toàn: Hal Moore, đại úy Carrara, trung sĩ Keeton, đại úy Dillon, Thượng sĩ Plumley, Joe Galloway, đại úy Whiteside, trung úy Hasting, những điện đài viên của chúng tôi, lính liên lạc, trang bị quân, và đạn dược cùng với những người bị thương đang nằm la liệt trong trạm cứu thương. Trung tâm thần kinh trung ương- trung tâm của sự sống- của tiểu đoàn này sẽ ngay lập tức bị tiêu diệt trong lúc trận đánh sống còn này đang ở trong giai đoạn nóng bỏng.

Tôi hét muốn nổ tung phổi của mình lên với trung úy Charlie Hasting, FAC của Không lực: “Kêu thẳng chó đẻ ấy thôi ngay! Kêu nó thôi ngay!” Galloway nghe thấy Hasting gào trong điện đài: “Kéo lên! Kéo Lên!” Matt Dillon nói, “Tôi có thể thấy những thùng napalm đang rơi thẳng xuống đầu chúng tôi. Tôi nhớ mình đã nghĩ, ‘Quay mặt đi nếu không muốn bị mù’ Tôi úp mặt vào vai một phóng viên để giấu đôi mắt mình. Đó là Joe Galloway. Tôi có thể nghe thấy Charlie Hasting ‘Good Time’ hét vào điện đài: ‘Kéo Lên!’ Chiếc máy thứ 2 đã làm như anh nói. Napalm từ chiếc thứ nhất đã trúng vài người và đốt cháy một số đạn. Thượng sĩ Plumley nhảy lên chạy tới dập lửa quanh những hòm đạn. Tôi cũng chạy ra LZ để đặt một thanh đánh dấu cho máy bay.”

Trung sĩ Nye nói: “Hai người của tôi, binh nhất Jimmy D. Nakayama, và binh nhất 5 James Clark, ở phía bên kia của tôi chỉ cách vài mét. Ai đó hét lên và trung tá Moore đứng đó hét lên giống như là bị lên đồng vậy và tôi nhìn lên. Có 2 chiếc máy bay đang bay tới, một chiếc đã thả thùng napalm và mọi thứ như một cuộn phim chiếu chậm. Mọi thứ bị thiêu rụi. Nakayama cháy đen thui và cả người Clark bị bỏng và rỉ máu.”

Galloway: “Trước đó tôi bước qua và nói chuyện với mấy tay công binh trong những hố cáo nhỏ

của họ. Giờ chính những người đó đang nhảy múa trong lửa. Tóc của họ bị thiêu cháy ngay lập tức. Quần áo biến thành tro. Một người bị phỏng dập toàn thân; người kia thì không tệ đến thế, nhưng anh hít phải lửa vào bên trong phổi. Khi ngọn lửa yếu đi chúng tôi tất cả chạy ra chỗ đám cỏ đang cháy. Ai đó hét lên với tôi hãy nắm lấy chân một trong số người lính đang cháy thành than. Khi tôi nắm chúng, chiếc giày nát vụn ra và da thịt cũng rơi ra theo. Tôi có thể cảm nhận xương đầu gối của anh ấy trơ ra trong bàn tay mình. Chúng tôi mang anh ấy tới trạm cứu thương. Tôi cần còn nhớ những tiếng la hét của họ.”

Binh nhất 4 Thomas E. Burlie, một y sĩ của đại đội Bravo của Diduryk, tiểu đoàn 2, chạy nhanh ra bãi trống xách theo túi cứu thương nhằm giúp cho những nạn nhân napalm. Vài phút sau Burlie bị trúng đạn vào đầu và chết trong tay của Rescorla. Là một người Oklahoma, anh mới chỉ 23 tuổi bốn ngày trước đó.

Trung sĩ Ketton, tại trạm cứu thương, nhanh chóng tiêm cho họ những mũi moocphin, nhưng chúng chẳng giúp gì nhiều. Họ bị bỏng quá nặng. Tiếng rên la của họ làm tan nát nhưng trái tim của những người nghe thấy. Cả hai người lính đều được di tản, nhưng binh nhất Nakayama, người vùng Rigby, Idaho, chết sau đó 2 ngày, lúc chỉ còn 2 ngày nữa là sinh nhật lần thứ 23 của anh.

Trung sĩ Nye: “Nakayama là người bạn thật sự của tôi. Một cậu nhóc tốt bụng. Thường gọi tôi là China Joe. Một lần cậu ta bắt gặp tôi đi cùng một cô gái người Trung quốc và cái tên đó đã dính vào tôi trong suốt thời gian chiến tranh. Tôi gọi cậu ấy là Mizo. Theo tiếng Nhật đó là ‘Thần Mưa’. Ngày cậu ta chết cũng là lúc vợ cậu sinh em bé. Một tuần sau khi chết việc phong sĩ quan dự bị của cậu được thông qua, một thiếu úy. Mỗi người đã từng xuống LZ X-ray đều là những anh hùng, nhưng anh hùng thật sự là những tay như Nakayama. Tôi mất những người bạn tốt ở đó; họ đã cho đi tất cả những gì họ có. Cứ mỗi lần tôi nghe thấy tiếng trực thăng là mắt tôi lại nhoè ướt. Thật khó để giải thích.”

Quay trở lại sở chỉ huy, FAC không lực của chúng tôi, Hasting đang bị choáng váng bởi tấn thảm kịch do không quân đánh nhầm. Anh nhớ lại: “Sau khi Napalm cháy trung tá Moore nhìn tôi và nói một điều mà tôi không bao giờ quên: ‘Đừng bận tâm về chuyện đó, cứ gọi họ đến nữa đi’”

Một lúc sau khi Napalm dội xuống, một lính địch toi tả và loạng choạng tiến vào bãi trống từ sau sườn trái của Edwards. Hắn không có vũ khí, bị thương nặng và từ bộ quần áo màu đen, có thể đoán được hắn là thành viên của tiểu đoàn H-15 VC. Trung sĩ Ortis J. Hull, 30 tuổi, người Terra Alta, West Virginia, cùng một người thuộc trung đội trinh sát của anh chạy tới và đưa tên lính địch vào trạm cứu thương tiểu đoàn để sơ cứu. Hắn ta chết một lúc sau đó trước khi chúng tôi có thể chuyển hắn đi, chúng tôi chôn hắn vào một nắm mồ nông gần bên cạnh.

Cơn thịnh nộ trút lên khu vực của đại đội Charlie vẫn chưa kết thúc. Hầu hết người của trung đội Kroger đã ngã xuống. Một số người nhanh trí, giống như Arthur Viera, đã thoát khỏi những tiểu đội hành quyết của quân địch và đang núp dúi dụi trong những hố cáo, họ được pháo bình

dựng một hàng rào sắt thép bảo vệ. Ở phía xa bên phải, trung đội của trung úy Lane đang bị ảnh hưởng bởi những loạt pháo binh này- có lẽ bởi vì họ ở ngay phía trái của con suối cạn, cái đại lộ hướng tới những vị trí của chúng tôi. Trung sĩ John Setelin: “Không quân và pháo binh bắn gần như vào những hố của chúng tôi trong hơn 40 phút có khi tới một giờ. Đó là lúc tôi bị trúng những mảnh phốt pho trắng. Những đợt tấn công đánh vào nhiều phần khác nhau của hàng phòng thủ chúng tôi. Chúng kiên quyết tràn ngập chúng tôi. Tôi nghĩ chúng tôi cũng đủ kiên quyết để không bị chọc thủng. Và chúng tôi đã đứng vững.”

Khoảng 9 giờ sáng trung úy Dick Tifft, người đang điều khiển những chiếc trực thăng chuyển quân, gửi tới tôi một tin tốt lành, đại đội Alpha, tiểu đoàn 2, Kỳ binh 7, còn vài phút nữa là tới X-Ray. 9g10 đại úy Joel E. Sugdinis, 28 tuổi, West Point khoá 1960, đáp xuống cùng trung đội 3 của anh, chỉ huy bởi trung úy William Sisson. Trung đội đó ngay lập tức tiến ra phía nam, thẳng tới những tiếng súng đang nổ trên khu vực của đại đội Charlie, triển khai trong những bụi cây phía sau vài người sống sót còn lại của trung đội trung úy Geoghegan. Tôi ra lệnh ngăn gọn cho Sugdigis và chỉ cho anh khu vực của Diduryk, và thông báo cho Diduryk rằng Sugdigis đã xuống đây.

S. Lawrence Larry Gwin Jr., 24 tuổi người Boston, là sĩ quan điều hành của Sugdigis. Được phong sĩ quan từ ROTC của đại học Yale, Gwin đã trải qua 2 năm tại sư đoàn dù 82, hoàn tất huấn luyện Biệt động quân, và anh đã học tiếng Việt 2 tháng tại trường ngôn ngữ quốc phòng ở Monterey, California. “LZ rất nóng bỏng, khi tôi nhảy ra khỏi trực thăng có những viên đại bay tới. Ngoài LZ, binh nhất Donald Allfed ngã lăn ra đám cỏ và nói: “Trung úy ơi, tôi trúng đạn rồi.” Chúng tôi băng bó qua loa cho cậu ta. giờ chúng tôi biết rằng mình đang ở trong vùng Zululand. Đại đội Alpha địch sát vào nhau, ngoại trừ trung đội của Sisson, họ đã được tung vào trận đánh ngay lập tức. Bốn ngày sau chúng tôi mới gặp lại họ.”

Trung sĩ John Maruhnich, một lính chuyên nghiệp 35 tuổi, từ Scranton, Pennsylvania là một tiểu đội trưởng trong trung đội súng cối của Sugdigis. “Chúng tôi hạ cánh ngay khi tiếng súng gia tăng. Lúc đó chúng tôi tạm quên mình là những pháo thủ súng cối để chiến đấu như những tay súng bộ binh. 5 người chúng tôi được lệnh tới một khu vực hàng quân vốn chỉ được phòng vệ lỏng lẻo. Chúng tôi phát hiện khoảng 20 quân địch, và giết chúng hết. Một lính Bắc Việt mà tôi giết, chạy lại phía tôi vừa la hét vừa bắn súng. Sau khi giết hắn ta, tôi thấy hắn là một sĩ quan. Tôi lấy khẩu súng ngắn trong bao súng của hắn và nhét nó vào túi tôi.”

Sau 2 tiếng rưỡi đồng hồ trận đánh của đại đội Charlie cuối cùng cũng giảm xuống. Trung sĩ Setelin: “Tiếng súng ngừng bật cũng nhanh lúc nó bắt đầu. Quân địch chết xếp thành hàng 2, 3 lớp ngay trước mặt chúng tôi. Trong những lúc ngừng bắn, chúng tôi phải xúc đất đắp lên chúng để ruồi nhặng khỏi bay tới.” Trung úy Lane giờ có thể đi tới hố của đại úy Edwards mà không bị ngăn trở. Tất cả sĩ quan của đại đội Charlie không chết thì cũng bị thương. Đại úy Edwards đã làm tất cả những gì mà nhiệm vụ đòi hỏi, thậm chí còn nhiều, rất nhiều hơn thế nữa. Anh bị mất rất nhiều máu. Chuyển quyền chỉ huy cho trung úy Lane; anh được Lane, trung sĩ Kennedy và trung sĩ Castleberry kéo khỏi hố.

Tại sở chỉ huy nơi gò mồi, tôi gọi Diduryk tới và lệnh cho anh đưa trung đội đang bố trí chờ ở đó tới khu vực của đại đội Charlie, nhận lấy quyền kiểm soát khu vực và những người sống sót của Charlie và trung đội của Lane, rồi quét sạch những tên địch còn lẩn quất trong khu vực và bảo vệ phần phòng thủ ấy. 9g4m một anh và lính của mình tiến ra, một lúc sau, những trung đội khác của anh cũng ra theo, sau khi giao lại khu của mình cho Joel Sugdigis. Tôi điều phối trung đội 3 của Sugdigis chỉ huy bởi trung uý Sisson cho đại đội Bravo, tiểu đoàn 2, của Diduryk.

Vào lúc 10 giờ quân sống sót Bắc Việt đang rút lui. Đại đội Charlie đã giữ vững được trận địa của mình trong những nỗ lực của cá nhân và đồng đội dũng cảm. Những người lính dũng cảm của trung đội Geoghegan và Kroger đã đứng đó chiến đấu cho tới chết vì nhau và giữ được vị trí của mình. Cấp hàm cao nhất còn sống sót trong cả 2 trung đội này là trung sĩ trung đội, Jemison. Khi được hỏi tại sao quân địch thất bại trong việc tràn ngập trung đội của anh, Jemison nói: “Trước tiên là nhờ vào Byrd và Foxe với khẩu súng máy của họ ở bên trái. Và cuối cùng khẩu súng máy của Comer đã cứu chúng tôi.”

Đại đội Charlie, tiểu đoàn 1, Kỵ Binh 7 đón ngày mới với 5 sĩ quan và 106 lính. Tới giữa trưa, nó không còn sĩ quan nào nữa và chỉ còn 49 người không bị thương. Tổng cộng có 42 sĩ quan và binh lính chết cùng với 20 nữa bị thương trong một trận đánh giáp lá cà dài 2 tiếng rưỡi đồng hồ. Xác của hàng trăm lính Bắc Việt rải đầy máu me khắp trên khu chiến.

Edwards được binh nhất 54 Paolone giúp dìu qua bãi trống tới trạm cứu thương tiểu đoàn. Y sĩ ở đó lập tức truyền huyết thanh và IV fluids cho anh. Vài phút sau binh nhất Viera được đưa tới trên một tấm poncho, máu chảy ra từ rất nhiều chỗ bị thương. Chỗ nặng nhất là nơi viên đạn găm xuyên qua cổ. Đại úy Carrara, bác sĩ phẫu thuật của tiểu đoàn, quỳ kế bên Viera dưới tiếng súng và bình tĩnh thực hiện phẫu thuật mở khí quản ngay tại chiến trường mà không có thuốc gây tê hay thậm chí một đôi tay sạch. Trung sĩ Yamaguchi, quay phim chiến trường, quỳ phía trước và thu những hình ảnh không nằm trong kịch bản này vào trong những thước phim. Sau khi những cuộn phim của anh quay về Lầu Năm Góc, Yamaguchi và đồng nghiệp của mình, trung sĩ Schiro bị khiển trách vì đã quay những cảnh hiện thực chiến đấu trần trụi một cách quá sinh động. Vượt qua mọi đau khổ, Viera đã sống sót.

Khi Diduryk và Rescorla tới được khu của đại đội Charlie, họ bị sốc bởi những gì họ nhìn thấy. Diduryk đã viết: “Khi tôi tới, chỉ còn một nhóm người thuộc C/1/7 và trung đội của tôi mà đã phối thuộc cho họ là sống sót. Đại đội đó đã chịu một tổn thất nặng nề. Quân địch đã lọt tới rìa phía nam của LZ X-Ray nhưng đã không chiến thắng được. Vẫn còn những giao tranh lẻ tẻ diễn ra, nhưng trên những mục tiêu thực tế quân địch đã bị đánh bại hoàn toàn.”

Dillon bố trí những người sống sót tả tơi của Charlie gần gò mồi chỉ huy như là lực lượng dự bị mới của tiểu đoàn, cứ tạm coi họ như vậy. Họ lấy đạn dược, nước, và khẩu phần C. Đại đội Charlie đã lao động quần quật 2 ngày qua. Trung sĩ Kennedy người có cấp bậc còn sống sót, tổ chức những người mệt mỏi của mình thành 2 trung đội và chỉ định những người chỉ huy tạm thời.

Những người của Diduryk bắt đầu làm một công việc đau xót, thu hồi xác của những người Mỹ bị chết và bị thương cùng với việc thu thập tài liệu và vũ khí của quân địch. Trung úy Rescorla sẽ không bao giờ quên những hình ảnh đập vào mắt mình khi anh đi vào khu chiến: “Xác những người Mỹ và VN ở khắp mọi nơi. Khu của tôi là nơi trung đội của Geoghegan chiếm giữ. Có vài tên lính Bắc Việt chết xung quang hầm chỉ huy của anh. Một người lính chết khi đang dính chặt với một tên lính NVA, tay của anh bóp chặt lấy cổ họng hắn. Có 2 người lính, một da đen, một Mỹ La tinh, nằm chết kề bên nhau. Trông giống như họ chết khi đang cố giúp nhau. Rất nhiều lính Bắc Việt chết. Chúng cắt tóc cao, cạo trắng ở dưới, còn để tóc rậm trên đỉnh. Vũ khí của chúng cũng vương vãi đầy xung quanh.”

Rescorla đã đi hết chiều dài phòng tuyến khi anh nhận lệnh lấy vài người qua giúp đỡ trung úy Lane phía bên phải. “Quân NVA nằm khắp nơi. Moore và Plumley cũng ra ngoài này với chúng tôi. Chúng tôi thu thập tất cả vũ khí, quân trang và đạn dược rồi xếp chúng thành 2 đống, một của NVA, một của quân Mỹ. Dường như NVA đã kéo một số người chết và bị thương của chúng tôi đi nơi khác. Đêm đó khi chúng tôi bị đánh, nhiều vũ khí của chúng tôi bị hóc hay hết đạn, chúng tôi sử dụng một vài số vũ khí còn dư của đại đội Charlie. Chúng tôi cũng sử dụng quân trang của họ vì chúng tôi đã để lại quân trang của mình ở phía sau. Sau đó khi chúng tôi tiến ra ngoài 270 mét, lại càng có thêm nhiều xác NVA. Chúng tôi có dư thời gian để dọn quang tầm bắn, đào hầm, lấy điểm chuẩn cho pháo binh rồi sẵn sàng chờ đêm xuống.”

Cho dù quân địch đã rút lui nhưng chúng vẫn để những tên bắn tỉa ở lại, lính của Diduryk thỉnh thoảng lại bị bắn, cả ở bãi trống và sở chỉ huy của tôi cũng vậy. Có những tên ngụy trang rất kỹ trên những ngọn cây và trên những gò mồi. Quân Bắc Việt đã bị đẩy lùi nhưng vẫn chưa chịu bỏ cuộc. Bên ngoài khu vực của đại đội Charlie thượng sĩ Plumley và tôi bước qua những đống đổ nát kinh hoàng của trận đánh. Chúng tôi tìm thấy xác của trung úy Geoghegan, hai chúng tôi tự mình đưa anh về từ khu chiến. Khi chúng tôi quay lại, phát hiện ra trung sĩ trung đội Luther Gilreath, và đưa anh quay lại LZ, bắt đầu một chuyến hành trình dài về nhà.

Cách xa chúng tôi từ phía đông, một sự tăng viện khác cũng đang tới, trung tá Bob Tully và tiểu đoàn 2, Kỳ binh 5 đang hành quân trên vùng đất cao. trước đó Tully đã điện cho tôi hỏi đường tiến quân và cách bố trí đội hình tốt nhất để tới được X-Ray. Vì phải giữ bí mật tối đa trên sóng điện đài nên tôi nói với anh: Đặc biệt chú ý tới sườn bên trái, đi sát theo núi. Tully: “Tôi đã hành quân như thế nào hả? một đại đội hành đi dọc theo sườn núi, một đại đội khác đi trước để phát quang bụi rậm. Cứ 2 đại đội tiến trước, một đại đội ở phía sau. Lúc đầu sự quan tâm của tôi là quân địch có thể chặn chúng tôi hoặc làm chậm chúng tôi gần điểm cắt nhau giữa phía bắc và phía nam của quả núi. Để ngăn ngừa điều này. Tôi cho đại đội Bravo qua phải và gọi pháo binh đội tập trung xuống khu vực đó. Một khi chúng tôi vượt qua được sườn núi đó tôi biết là chúng tôi có thể tới được X-Ray một cách an toàn.”

Tiểu đoàn của Tully không phải gặp một tên địch nào cho tới 10 giờ sáng. Lúc đó đại đội Alpha của đại úy Larry Bennett chạy ngay vào một khu vực chiếm giữ của quân Bắc Việt. Bennett, “Chúng tôi còn cách X-Ray khoảng 700 mét thì 2 trung đội đi đầu của tôi bất ngờ phải nằm bẹp xuống vì đạn từ rất nhiều súng tự động bắn tới. NVA ở trên những cành cây, phía sau và trên

đỉnh nhữn gò mối. Chúng tôi dùng hỏa lực mạnh mẽ bắn trả và cơ động 2 trung đội đi đầu. Tôi điều trung đội 3 của mình vòng qua sườn phải và sự kháng cự bị dập tắt nhanh chóng. Trong lúc vận động chiến đấu chúng tôi đã tới được phần phía nam của X-Ray.”

Với việc LZ đã trở nên tương đối an toàn, chúng tôi gọi Crandall điều trực thăng tới đưa thương binh đi. WO Pop Jekel: “Chúng tôi được lệnh chờ để đưa hết thương binh lên. Chúng tôi đậu ở LZ ít nhất là bằng thời gian hoàn thành quân dịch, cho tới khi có ai đó tới bên những chiếc trực thăng, 4 chiếc, để nói rằng: Biến khỏi đây thôi, các anh đang là mối cho bọn chúng đấy.” Chúng tôi bay lên và cũng bị đạn bắn tới.”

Đại úy Edwards bay trên một chiếc trực thăng cấp cứu quá tải của Crandall. Matt Dillon nhớ lại rằng trung úy Franklin bị thương quá nặng ở bụng dưới, bị đặt qua một bên, “vô vọng”, với vết thương như vậy anh không có cơ hội sống. Chỗ của anh được dành cho người khác mà y sĩ cảm thấy có khả năng sống nhiều hơn. Matt Dillon nhất quyết không chịu: Anh kéo Franklin lại chiếc Huey và một mục cho rằng anh ấy phải được đưa đi. Franklin được kéo lên, đầu anh treo ngoài cửa máy bay. Edwards nói: “Họ ném anh ấy ngay trên người tôi.”

Trực thăng chuyển người xuống ở Falcon, Edwards nhớ rằng anh đã nói chuyện với thiếu tá Herman Wirth, sĩ quan điều hành của tiểu đoàn, và trung úy Bobby Hadaway, trong bộ phận hậu cần của tiểu đoàn. Wirth: “Bob Edwards bị trúng đạn nghiêm trọng ở vai trái và bị mất nhiều máu. Mặt anh trắng bệch ra, trông như sắp chết. Người ta hỏi anh có thể sống được không. Họ truyền máu cho anh, rồi Bob tỉnh dần lại có thể nói chuyện được. Sự biến đổi kỳ diệu.” Edwards nhớ là bị đặt trên một cái cáng để trên mặt đất, cánh tay trái bị thương “rời ra ngoài cáng đặt trên nền đất bụi”. Anh hét đủ lớn khi ai đó đập lên cánh tay đó và họ “lôi nó trở lại cái cáng.” Cho dù Edwarda nói anh đã không bị ngắt ở X-Ray hay trên máy bay cứu thương, khi anh tới được viện quân y ở Quy Nhơn thì mọi chuyện lại khác: “Tôi phải đi đái. Họ đưa cho tôi một cái túi nhựa trong để đái vào trong lúc đang nằm. Tôi không muốn làm như thế, vì vậy tôi đứng dậy để đái. Khi vừa đái tôi ngã ngửa ra sàn.” Trung úy Franklin, người đã bay ra ngoài X-Ray trên người Edwards, cũng đã sống sót.

Trên sóng radio tôi nhận được tin là tiểu đoàn 2, kỵ binh 5 của Tully còn cách khoảng 30 phút nữa là tới X-Ray. Dillon chuyển lệnh cho khu vực đông và nam của chu vi không được nổ súng, rồi khoảng 11g45 những đơn vị đi đầu của tiểu đoàn Tully bắt đầu tới. Trung úy Rscorla đang đứng gần hồ chỉ huy của trung úy Geoghegan nhìn ra phía đông nam: “Hầu hết họ ở phía bên trái tôi, đi thẳng tới chúng tôi theo đội hình khối. Người trung sĩ lại gần tôi và nói: ‘Những chàng trai các anh đã xây cho chúng một hỏa ngục ở đây.’ Tôi nói: ‘Không, không phải chúng tôi. Công thuộc về họ.’ Tôi chỉ tay vào những người Mỹ đang nằm chết- những lính của đại đội Charlie, tiểu đoàn 1, Kỵ binh 7.”

Đại đội Bravo của Tully tiến vào, qua khu vực của đại đội Delta, nơi 9 khẩu súng máy của trung sĩ Warren Adams từng bị thổi bay hai giờ trước đó. Trung úy Litton và trung sĩ Adams vui mừng nhìn quân tăng viện tiến vào. Adams: “Tôi nhìn người đi đầu tiến vào và những lời đầu tiên của chàng trai trẻ là ‘Chúa ơi, phải có một trận đánh dữ dội ở đây. Quỷ tha ma bắt, có

rất nhiều xác chết quanh thung lũng trên đường chúng tôi tới đây. 30 phút vừa rồi chúng tôi phải đạp lên xác chết mà đi. Các ông đã thực sự đánh nhau ở đây.”

Binh nhất Vincent Cantu nhìn quân tăng viện tiến vào và lần thứ hai bị bất ngờ. Cantu đã gặp người bạn học cũ, Joe Galloway. Giờ anh lại có một sự đoàn tụ gia đình ở đây nữa: “Người đầu tiên tôi thấy bước vào là người em họ của tôi, Joe Fierova, từ Woodsboro, Texas. Cậu ấy nhìn thấy tôi và nói: ‘Chuyện gì xảy ra vậy Cat? Tôi trả lời: ‘Joe, cúi thấp xuống và ở lại đây.’ Chúng tôi thu dọn những người chết.”

Binh nhất 4 Pat Selleck, 24 tuổi, người Mount Kisco, New York, nói: “Tôi nhớ có một người cầm một lá cờ Mỹ ở phía sau ba lô. Khi tôi nhìn thấy, tôi rất tự hào. Nó luôn luôn gây xúc động trong tôi mỗi khi nhớ về nó. Rồi lá cờ này được treo trên một cái cây một gãy, giống y như là ở Iwo Jima. Lại một trận đánh khác mà chúng tôi đã giành chiến thắng cho nước Mỹ.” Lá cờ Mỹ nhỏ bé đó đã được treo trong suốt thời gian còn lại của trận đánh, nó làm nâng cao tinh thần của chúng tôi.

Chúng tôi có rất nhiều việc phải làm, trước tiên tôi phải xếp đặt các công việc theo thứ tự ưu tiên. Trước tiên và quan trọng nhất là duy trì tình trạng chiến đấu cao nhằm đối phó với những đợt tấn công khác của quân địch. Thứ hai là phải đi cứu trung đội bị chia cắt của Savage. Thứ 3 tôi muốn có một thống kê sớm về tên tuổi của số người chết và bị thương. Cuối cùng chúng tôi cần cung cấp thêm đạn, nước và khẩu phần C. Thiếu tá Wirth đã điều trợ lý S-4, trung úy Bobby Hadaway, tới bãi tập kết thương vong của đại đội quân y Charlie ở trại Holloway, nơi anh tự mình kiểm đếm những thương vong được đưa tới và kiểm tra tên tuổi của họ theo danh sách tiểu đoàn. Trung úy Hadaway đã ở đại đội Charlie gần 2 năm. Anh biết hết tất cả mọi người ở đó. Số phận run rủi Hadaway tới những hàng dài xác chết, nhìn vào mặt rất nhiều người từng là bạn và đồng đội của mình rồi đánh dấu “kill in action.” Đó là một công việc đau khổ.

Lúc 12g03 Tiểu đoàn của Tully đã tới X-Ray. Tôi bắt tay anh ấy và nói các anh được đón chào nồng nhiệt ở đây. Dillon và tôi thảo luận làm cách nào để cứu Savage và những người sống sót, và lúc này chúng tôi có một ý tưởng khá rõ ràng. Giờ chúng tôi thông báo ngắn gọn tình hình cho Tully, và vai trò của tiểu đoàn của anh trong kế hoạch giải cứu này. Cùng lúc đó chúng tôi được thông báo rằng Tướng Dick Knowles đã ra lệnh triển khai thêm 2 khẩu đội pháo 105mm gồm 12 khẩu nữa tới LZ Columbus cách chúng tôi 3 dặm. một khẩu đội thuộc tiểu đoàn 2, trung đoàn pháo binh 17, chỉ huy bởi người bạn cùng khoá West Point của tôi, trung tá Harry O. Amos, Jr., 42 tuổi, người Alabama. Khẩu đội kia từ tiểu đoàn một của trung tá Bob Short trung đoàn pháo binh 21. Chúng tôi sẽ sớm có 4 khẩu đội, 24 khẩu pháo lớn, bắn trực tiếp yểm trợ chúng tôi. Cuối cùng thì mọi việc đã nằm dưới tầm khống chế của chúng tôi.

## 14/ GIẢI CỨU TRUNG ĐỘI BỊ BAO VÂY

*War is fear cloaked in courage.*  
-General William C. Westmoreland

Bây giờ đã gần trưa ngày thứ 2, 15 tháng 11, thời điểm để tiến ra ngoài một lần nữa, lần này với đội hình 3 đại đội, nhằm cứu trung đội bị mất tích. Cho dù những người lính của tiểu đoàn tôi muốn họ là những người đi đưa những đồng đội của họ về, nhưng lý trí bao giờ cũng chiến thắng tình cảm trong những trường hợp như thế này, và tiểu đoàn 2, Kỵ binh 5 mới tới của trung tá Tully, được đại đội Bravo của John Herren dẫn đường, đã được giao nhiệm vụ này. Những người lính Garry Owen của tôi rất cần khoảng yên lặng này để tái tổ chức lại những tiểu đội và trung đội kiệt sức của mình, di tản thương binh, bổ sung đạn dược, nước uống và dọn dẹp khu chiến trước mặt họ. Hai đại đội của Tully đang ở phía nam của bãi trống, có thể dễ dàng tiếp tục di chuyển theo vòng ngoài của phòng tuyến và tới thẳng chỗ những người bị mắc kẹt. Không thể lãng phí thời gian nhằm kéo những đại đội của tôi ra khỏi phòng tuyến, rồi thay thế họ bằng người của Tully, rồi sau đó lại phải bố trí đội hình tiến quân cho họ.

Tully và tôi cùng đồng ý: Tôi sẽ chuyển cho anh đại đội Bravo của đại úy Herren, họ biết rõ địa hình và lối đi, và anh sẽ để lại cho tôi đại đội Bravo và Delta của anh. Tully có thể tiến hành một cuộc tấn công cỡ tiểu đoàn, được hỏa lực bắn chuẩn bị mạnh, với 2 đại đội dàn hàng ngang đi trước và một đại đội di chuyển phía sau làm lực lượng dự bị. Tully: “Đề nghị của Moore rất thực tế và hợp lý. Đơn vị của tôi vẫn đang cơ động, vẫn đang di chuyển. Thời gian là yếu tố cốt yếu. Tiểu đoàn của tôi sử dụng đội hình đơn giản- 2 trước, một sau- A/2/5 phía bên trái, B/1/7 phía bên phải, C/2/5 đi phía sau A/2/5. Lý do để xếp đội hình nghiêng về bên trái là vì những hoạt động chủ yếu của quân địch xuất hiện từ vùng núi phía bên trái chúng tôi. Tất cả những gì cần thiết là đưa Herren vào đội hình và tiến lên. Ngoài những điều lệnh phối hợp, không có gì cần thiết để nói với Herren. Anh biết nơi trung đội bị cô lập và rất nóng lòng giải thoát cho họ.”

Đại đội Alpha gồm 96 người của Tully, đi phía bên trái, được chỉ huy bởi đại úy Bennett. “Chúng tôi vượt qua phần phía nam của X-Ray dưới những tiếng súng bắn tỉa khá mạnh từ phía nam, ít nhất chúng cũng làm cho những người bộ hành dựng tóc gáy.” Phía sau Bennett là đại đội Charlie tiểu đoàn 2 kỵ binh 5 chỉ huy bởi đại úy Ed Boyt. Sau khi pháo bắn chuẩn bị, Tully và 3 đại đội của anh xuất phát tiến công vào lúc 1g15.

Herren: “Chúng tôi không gặp bất kỳ quân địch nào trên đường. Chúng tôi đã gọi trực thăng phóng rocket liên tục giữa trung đội bị cô lập và chúng tôi. Một lúc sau tôi nhìn thấy 2 lính NVA chạy trốn phía bên phải, xuyên qua những hàng cây gỗ cách khoảng 270 mét. Khi chúng tôi tới được chỗ của trung đội bị chia cắt chúng tôi bị bắn tỉa từ phía sườn núi Chu Pong trên hướng tây nam.” Trung úy Deal và những người lính còn sống của trung đội mình ở sườn trái của đại đội Herren, lần này thì anh rút kinh nghiệm của lần trước: “Chúng tôi có rất nhiều lựu đạn và ném chúng vào tất cả những gò mồi mà chúng tôi nhìn thấy. Chúng tôi ném chúng suốt trên đường cho tới khi tới được chỗ của trung đội 2. Tất cả hóa ra chẳng cần thiết. Chúng tôi không gặp phải một sự kháng cự nào. Chúng tôi sử dụng lựu đạn để dò địch và điện cho Savage biết chúng tôi làm như vậy. Chúng tôi chẳng muốn có bất kỳ một tên địch nào còn sống giữa chúng tôi và trung đội giống như lần trước. Riêng mình tôi đã ném tới 8 hoặc 10 quả lựu đạn.”

Mặc dù vậy, đây không phải là một đợt tiến quân nhanh chóng. Bob Tully là một vị chỉ huy chiến trường nhiều kinh nghiệm, anh thấy không cần thiết phải làm một cuộc chạy đua với thời gian. Sĩ quan hành quân của anh là đại úy Ronald W. Crooks, anh nói: “Hỏa lực yểm trợ hầu như đã bắn những viên đạn lấy chuẩn nhằm xác định vị trí một khi chúng tôi cần hỗ trợ nhanh chóng. Chúng tôi không cố làm bất ngờ quân địch. Chúng biết chúng tôi ở đâu và tôi chắc rằng chúng cũng biết nhiệm vụ của chúng tôi. Chúng tôi bắn thêm vào phía nam như là một hỏa lực ‘quấy rối và ngăn chặn’ dọc theo dãy núi nhằm bảo vệ an toàn cho sườn phía trái, và phía trước của A/2/5.”

Chẳng có gì ở ngoài đó. Không bắn tỉa. Không phục kích. Chẳng có gì ngoài xác chết của NVA và vũ khí của chúng. Tôi phân vân nhưng rất mừng khi nhận những báo cáo qua radio. Trong lúc Tully đang tiến quân tôi ra lệnh cho các đại đội của mình còn trong X-Ray tiến ra ngoài quan sát khoảng 270 mét và tiến hành thu dọn chiến trường. Tôi và thượng sĩ Plumley một lần nữa cùng đi ra ngoài khu vực của đại đội Charlie của Bob Edwards.

Trong bản báo cáo sau trận đánh của mình, tôi mô tả cảnh tượng như sau: “Những lính PAVN chết, những mảnh cơ thể và vũ khí của PAVN nằm rải vô khối xung quanh rìa và phía trước chu vi phòng thủ. Rất nhiều mảnh cơ thể được nhìn thấy. Có rất nhiều bằng chứng, vết máu, bông băng v.v.. của nhiều tên PAVN khác đã được kéo đi khỏi khu vực. Có rất nhiều xác chết chất thành đống phía sau các gò mồi lớn. Chúng tôi nhìn thấy vài lính của chúng chết với một dây thừng quấn quanh đầu gối đầu kia tuột ra nằm lơ lửng. Tôi thấy 2 lính của mình chết cũng có những dây thừng giống như vậy buộc chặt quanh 2 đầu gối. Có thể họ bị bắt sống và khi bị kéo đi thì bị giết. Chúng tôi tìm thấy một vài ví da và thẻ bài của những người mình trong người những tên NVA nằm chết. Pháo binh và không quân chiến thuật đang dội xuống khu rừng cây gỗ kể đó, nơi những con đường mất hút trong đó. Thêm rất nhiều vũ khí của quân địch được thu dọn cùng với một số súng pháo khác. Hai tù binh bị bắt và được chuyển đi. Những người chết và bị thương của mình cũng được thu lượm hết. Một vài lính bị giết và bị thương trong quá trình thu dọn chiến trường này.”

Ở phía xa bên sườn phải khu vực của đại đội Charlie, trung sĩ John Setelin vẫn còn sống sót sau cuộc thảm sát. “Chúng tôi được lệnh quét sạch khoảng 200 mét phía trước. Chúng tôi có lẽ dàn hàng ngang tiến lên được khoảng 50 mét thì chúng tôi có thể nhìn thấy quân địch ngay phía trước mình. Chúng tôi nổ súng. Chúng bắn trả. Rồi chúng tôi nghe thấy có tiếng ai đó bên sườn phải: ‘Chúng đang tuôn từ trên núi xuống!’ Trung sĩ Charlie McManus, binh nhất Larry Stacey, Lamothe và tôi vượt qua phía tây của suối cạn. Rồi chúng tôi thấy bọn chúng ở sau lưng chúng tôi, giống như chúng muốn bao vây chúng tôi lại vậy. Phần còn lại của trung đội cũng đã tiến tới, lúc này trung sĩ McManus đẩy mạnh Stacey và tôi ra khỏi chỗ đứng. Chúng tôi nghe thấy một tiếng nổ, khi nhìn xuống Charlie McManus nằm đó, chết. Anh đã đề lên một trái lựu đạn để cứu mạng chúng tôi. Trái lựu đạn bay từ lòng suối tới. Tên địch rõ ràng đã tuồn theo lòng suối cạn để lại gần chúng tôi. Stacey nhanh chóng thổi mấy trái M-79 vào chỗ đó và tiêu diệt hắn ta. Trug sĩ Charles V. McManus, từ Woodland, Alabama, được 32 tuổi khi anh hi sinh thân mình để cứu những người bạn.

Quay qua phía bắc của chu vi, binh nhất Jon Wallenius đang khám phá sự bí ẩn đằng sau cái chạc cây chữ Y và những mục tiêu nằm trong tầm bắn dễ dàng như rang lạc: “một đơn vị tiến hành càn quét phía trước vị trí của chúng tôi, họ báo rằng có 7 xác chết quân NVA phía sau cái cây, tất cả đều bị bắn vào đầu. Tôi chẳng tới đó để coi.”

Trong lúc ngừng bắn này nhiệm vụ đau lòng và gây buồn bã nhất chính là việc thụ lượm những người chết và chất họ lên máy bay. Vì có quá nhiều người chết nên Lữ đoàn đã ra lệnh cho những chiếc trực thăng lớn, những chiếc Chinook CH-47, bay tới. một chiếc như vậy đã chở tất cả 42 người bị chết của đại đội Charlie. Họ đã xuống đây cùng với nhau, chết cùng nhau và giờ họ được chuyển đi cùng với nhau, được bó trong những tấm poncho màu xanh quân đội.

Binh nhất Vincent Cantu nói: “Chúng tôi thu nhặt những người chết và đưa họ lên trực thăng. Một vài người trong số họ tôi đã quen biết trong 2 năm qua, vậy mà tôi chỉ nhận ra họ khi nhìn vào những tấm thẻ bài. Những gương mặt của họ bị thổi bay, biến dạng, méo mó. Thật muốn phát bệnh lên được. Chúng tôi nhìn nhau, không nói một lời nào, chỉ cứ việc tiếp tục xếp người chết của chúng tôi lên trực thăng.”

Khoảng giữa buổi sáng, trước khi Tully tới, Đại tá Tim Brown đã bay tới thăm. Plumley nhớ lại: “Trung tá Moore chào Brown và nói, ‘Tôi đã nói với anh không nên tới đây, ở đây không an toàn đâu.’ Tim giật cái ve áo bên phải và ve vẩy cái phù hiệu đại tá hình đại bàng của mình trước mặt Moore: ‘Xin lỗi nhé!’ Dillon và tôi trình bày báo cáo tình hình cho ông. Brown hỏi liệu ông có thể ở lại X-Ray và thiết lập một sở chỉ huy nhỏ của lữ đoàn ở đây không, và điều hành chỉ huy. Chúng tôi đều chống lại việc này. Tôi biết vùng này, chỉ cần Bob Tully và tôi cùng ở đây là ổn rồi. Brown đồng ý. Trung úy Dick Merchant nói: ‘Đại tá Brown tin tưởng vào những thuộc cấp của mình. Tôi nhận thấy cái cảm giác của ông khi muốn xuống X-Ray và thiết lập một sở chỉ huy. Tôi không bao giờ chấp nhận điều này. Tiểu đoàn 1, kỵ binh 7 có lẽ là tiểu đoàn tốt nhất ở VN, được huấn luyện tốt, chỉ huy siêu việt với những sĩ quan và hạ sĩ quan xuất sắc toàn đơn vị. Brown nên ở ngoài X-Ray. Bên cạnh đó chẳng còn chỗ trống nào cho một sở chỉ huy lữ đoàn đặt ở đây, tôi nhớ là phía sau cái gò mối ấy giờ như là một đám đông nhộn nhạo.’”

Trước khi đi, Brown nói rằng chúng tôi đã hoàn thành xuất sắc công việc nhưng giờ với sự có mặt của tiểu đoàn Tully hoàn toàn sung sức cùng với 2 đại đội của tiểu đoàn 2, kỵ binh 7 ở đây, ông sẽ rút chúng tôi ra khỏi X-Ray vào ngày hôm sau. Khi chúng tôi bước qua nhưng đồng trang bị thu được ngày càng nhiều của quân Bắc Việt, Brown quay lại hỏi ông có thể lấy một chiếc mũ làm từ mạt gỗ của quân Bắc Việt hay không. Ông ta đã có chiếc mũ mà mình muốn.

Khi ngừng bắn kéo dài và Tully tiếp tục báo cáo không gặp phải sự kháng cự nào trong lúc di chuyển, Dillon và tôi cố phán đoán hành động tiếp theo của quân địch. Những tên sống sót của những tiểu đoàn này ở đâu? Chúng mang thương binh tới chỗ nào? Chúng phải lấy nước để uống, nấu nướng và chăm sóc thương binh. Phải có những dòng suối hay khe nước trên những vách núi Chu Pong phía trên chúng tôi, nhưng để mang thương binh vượt qua những sườn núi dốc này là một hành trình khó khăn và chậm chạp. Dòng nước gần nhất đang chảy theo bản đồ của chúng tôi là la Drang cách đó 2 dặm về phía bắc. Chúng tôi đoán dường như có thể có một

quân y viện đã chiến trên những sườn núi. Củng cố cho suy đoán này là sự kiện: ngay sau giữa trưa ngày 15 tháng 1 những chiếc pháo đài bay B52 của không lực tầm cao thực hiện ngày đầu tiên trong 6 ngày chiến dịch 'Ánh hồ quang' dội bom xuống dãy Chu Pong. Lần đầu tiên trong lịch sử, những chiếc B52 chiến lược được sử dụng trong vai trò yểm trợ chiến thuật cho những người lính Mỹ dưới mặt đất.

Bản chất của trận đánh này thay đổi một cách rất ấn tượng, và người chỉ huy của quân địch không thể là người hài lòng trong buổi trưa nay được. Trung tá Nguyễn Hữu An đang đứng tại một đường liên lạc trên những sườn núi của dãy Chu Pong. Ông nhớ là đã thấy và đã đếm, ngay trên đầu mình, 18 chiếc B-52 trước khi ông chui lại vào hầm đào sâu dưới lòng đất của mình. Vài phút sau, những loạt bom đầu của những trái bom 500 pound nổ không cách hầm của ông quá 600 mét, nhưng những tiếng nổ lớn này đã tránh xa trung tá An. Ông phải sống để tiếp tục chiến đấu nhưng luôn luôn nhớ tới những tiếng ầm ĩ đã vọng tới ông ngày hôm đó ở Chu Pong.

Trên mỏm đất của nhỏ của trung đội bị cô lập, trung sĩ Ernie Savage đã thông báo cho mọi người rằng sự cứu viện đang tới. Điều đó làm tăng tinh thần của mọi người nhưng không làm giảm sự nguy hiểm đang rình rập họ. Savage nói: "Chúng tôi bị bắn ngay lúc trời sáng. Chúng tôi vẫn nằm sát đất. Bất kỳ lúc nào chúng thấy chúng tôi là chúng nổ súng vào chúng tôi." Thật không rõ ý định của quân địch đối với những người Mỹ bị bao vây. Đợi họ chạy ra ngoài? Hay lừa họ ra? Hoặc hạ từng người một bằng những phát đạn bắn tỉa?

Cho dù có những tính toán gì đi nữa, ngay lúc 3g khi những đại đội của Herren và Bennett tới được khe nước nông, họ ngay lập tức bị bắn bằng những khẩu tiểu liên. Tuy nhiên chúng ngay lập tức bị đè bẹp bởi hỏa lực vượt trội tuôn ra từ những khẩu súng máy của những người Mỹ. Savage luôn theo dõi sự tiến triển của đoàn quân đi cứu mình: "Có những phát súng ngay trước khi quân giải toả đến được chỗ chúng tôi. Họ đụng phải một đám quân, không nhiều lắm. Tôi có thể nghe họ nói chuyện trên radio về việc giết được một vài tên bắn tỉa nào đó."

Những người đi cứu nạn vượt qua khe nước cạn giống như những gì mà người của trung úy Herry Toro Herrick đã làm ngày hôm trước. Từ phía bờ tây của khe nước, tầm nhìn trở nên dễ dàng vì đất dốc lên tới một mỏm đất nhỏ ở phía tây bắc của bãi trống. Nhiệm vụ giải cứu đã hoàn thành, bãi trống đã được chiếm giữ. Bob Tully: "Chúng tôi bảo vệ trung đội đơn giản bằng cách bao quanh lấy họ sau khi chúng tôi tới được vị trí của họ." Đại úy Bennett nói: "Khi tới bãi trống, tôi được lệnh chiếm giữ nửa phía đông của nó. Bãi trống có hình quả trứng, rộng khoảng 230-250 mét, với cỏ cao và những khóm cây nhỏ khắp xung quanh."

Herren nhớ lại: "Chúng tôi vượt qua những gốc cây bị thổi bay, những gò mồi, và những bụi cây rậm rạp cho tới lúc chúng tôi tới được trung đội. Lúc đó một vài lính của Bennett nhìn thấy một nhóm nhỏ những người sống sót và gọi họ. Trung sĩ Zallen, ở trên mỏm đất cùng với Savage, biết rằng sự thử thách dài dằng dặc đang kết thúc, nhưng tim anh vẫn thổn thức: "Tôi không thể chịu đựng được khi nhìn vào trung sĩ Palmer."

Lúc này những nhóm đi đầu của đại đội Herren tiến tới bãi trống, Herren chính là người

dẫn đầu hàng quân vì anh nóng lòng tái ngộ với những người lính còn lại của mình thuộc trung đội 2. Herren: “Đó là cảnh tượng tôi không bao giờ quên. Trước tiên chúng tôi tìm thấy những gì còn lại của trung sĩ Hurdle và tiểu đội súng máy của anh, những người đã bị tràn ngập. Có nhiều lính Bắc Việt chết nằm co quắp xung quanh. Kể đó là những nhóm người của Savage và McHenry, một vài người được băng bó quanh người, tất cả họ bị bụi và đất phủ khắp lên người và trông rất mệt mỏi, nhưng rất hồ hởi khi trông thấy chúng tôi.” Trung sĩ William Roland thuộc trung đội 1, đại đội Bravo, nói khoảng cách giữa nơi Hurdle và những xạ thủ súng máy của anh chiến đấu và hy sinh cách những người còn lại của trung đội Herrick là khoảng 55-65 mét, điều này cho thấy rõ ràng là những xạ thủ súng máy dũng cảm đã hy sinh thân mình nhằm giúp cho đồng đội có thời gian rút tới vùng đất cao hơn.

Trong cái vòng nhỏ bé ấy, những người còn lại đều chĩa súng lên trời và bắn hết số đạn còn lại sau 26 giờ chiến đấu. Trung đội 2, đại đội Bravo, tiểu đoàn 1, Kỳ binh 7 có 29 người khi trận đánh bắt đầu. 29 người này đều được đưa về, 9 chết, 13 bị thương, và 7 người lành lặn. Tất cả thương vong đều xảy ra khoảng 90 phút đầu tiên của trận đánh.

Đại úy Herren nói đó là điều kỳ diệu khi không một người bị thương nào bị chết, và điều kỳ diệu có tên là Doc Lose. Herren: “Tôi hoàn toàn bị thuyết phục rằng một trong những lý do chính giúp cho trung đội vượt qua được sự thử thách chính là những hành động của binh nhất 5 Charles Lose, người y sĩ. Bất kỳ người nào thuộc trung đội khi tôi nói chuyện đều nhất trí cho rằng Doc Lose đã cứu mạng những người bị thương nặng.”

Trung úy Dennis Deal là một trong những người đầu tiên gặp trung đội. “Chúng tôi không thể thấy nhau, Tôi gọi: ‘Các anh còn đó không?’ Có tiếng trả lời: ‘Có chúng tôi ở đây’ Tôi bước tới nơi người bạn của tôi Henry Herrick nằm, chết, tôi nhìn xuống anh ấy. Trời rất nóng, nóng khủng khiếp, xác anh bắt đầu bốc mùi. Tôi không muốn nhớ về anh ấy bằng những hình ảnh như vậy, vì thế tôi quay đi và tự buộc mình vào những công việc khác. Nhưng hình ảnh đó cứ bám theo tôi.” Trung sĩ Savage nói những người đầu tiên bước vào chu vi của họ không thể nhìn thấy ai trong số những người của anh. “Pháo binh đá thổi đầy bụi và đất lên người chúng tôi, trông chúng tôi giống như một phần của đất vậy.”

“Nó thật kỳ dị” Deal nói, “Những người sống sót chẳng thèm đứng dậy. Họ vẫn nằm đó trong những hố nông choẹt mà họ đã cào được trên mặt đất. Họ vẫn trong tình trạng sốc bởi những gì họ đã trải qua.” Binh nhất Galen Bungum: “Người đầu tiên tôi nhìn thấy là trung úy Duncan, sĩ quan điều hành của đại đội Bravo. Tôi hét vào anh ta là nằm xuống. Anh nói, ‘Ồn rồi, thôi nào, chúng ta đi thôi!’ Rồi anh ném cho tôi một bình nước của anh. Thêm nhiều người nữa đến xung quanh, tôi nghĩ họ bị mất trí rồi. Chúng tôi không thể tin được. Không ai trong số chúng tôi đứng lên. Sau một vài lời an ủi, chúng tôi mới từ từ đứng dậy.”

Trung úy Deal thấy rất nhiều lính Bắc Việt nằm chết chỉ cách những người Mỹ có vài tấc và một tên vẫn còn sống. “một lính Bắc Việt đang ngồi dựa vào một gốc cây, bị bắn tan nát. Nhưng anh ta vẫn tiếp tục cố rút một quả lựu đạn trong túi ra. trước khi chết anh ta vẫn muốn ném trái lựu đạn đó. Tôi bị ấn tượng mạnh bởi toàn bộ cử chỉ ấy. Anh ta cố, cho tới khi chết hoàn toàn, lấy

bằng được qua lựu đạn ra khỏi túi, chúng tôi đứng đó và nhìn anh ta. Anh ta không thể kéo nó ra được dù chỉ 1, 2 inch, rồi nó rơi trở lại và anh ta lại tiếp tục bắt đầu một lần khác.”

Trung sĩ trung đội Larry Gilreath nói, “Điều làm tôi nhớ nhất là cái dáng vẻ hiền hòa của trung sĩ Palmer, anh nằm ngửa ra, hai tay cuộn trước ngực. Chúng tôi ở thật gần bên nhau. Rồi mỗi người trong trung đội có một cách xin nước uống. Tôi chỉ còn một nửa bình nước tới lúc đó để cho họ, rất nhanh nó hết nhẵn. Tôi giúp một người trong số họ, trung sĩ Thompson tôi nghĩ, anh ấy bị thương, đi lại rất khó khăn, và anh ấy xin tôi một chút nước. Tôi không nghĩ lúc đó có một gallon nước dù là toàn tiểu đoàn. Nước quá ít, tôi không thể cho anh ấy một ngụm nước nào.”

Một trong những người lính gọi trung úy Deal chú ý tới một thứ gì đó nằm dưới đất. ‘Người lính nói, ‘Coi kìa, có thứ gì màu đỏ và tôi không biết nó là cái gì.’ Đó là một cuốn sổ mà một người lính Bắc Việt đã đánh rơi. Nó ghi đầy những dòng chữ với nét chữ đẹp, và trang trí đẹp”. Đó là những đoạn ngắn ghi lại nỗi nhớ nhà của một người lính trẻ- gồm thơ, bài viết, và những bức thư. một trích đoạn: “Ôi, Em yêu. Người vợ trẻ của anh. Khi những đoàn quân trở về trong chiến thắng, em sẽ không thấy anh trong đó, em hãy nhìn lên những lá cờ vinh quang. Em sẽ thấy anh ở đó và em sẽ cảm thấy ấm lòng dưới bóng những hàng tre.”

Khi Deal giúp người và vũ khí chuẩn bị di tản, anh bị ấn tượng sâu sắc bởi một hình ảnh: “Đó là những hành động cuối cùng trước khi chết của một lính Bắc Việt. Trước khi chết anh ta lấy một trái lựu đạn giữ chặt lấy nó cùng với cái báng súng của mình. Rồi anh ta kẹp nó vào giữa 2 đầu gối nằm xoay lại. Nếu có ai đó cố lấy vũ khí của anh ta họ sẽ tự khai hỏa trái lựu đạn. Khi tôi thấy sự xả thân này của 2 người lính Bắc Việt với những trái lựu đạn của mình, tôi đã thầm nghĩ: Chúng ta đang phải đánh nhau với một kẻ thù sẵn sàng chấp nhận một cuộc chiến dài lâu.”

Cho dù đoàn quân giải toả đã không gặp phải sự kháng cự lớn nào, nhưng giờ họ bắt đầu bị những vũ khí hạng nhẹ bắn nhiều hơn từ những kẻ địch ẩn nấp xung quanh. Đại úy Bennett, chiếm giữ nửa phía đông của bãi trống, nhận lệnh mới, đưa quân dàn rộng ra và bao bọc xung quanh vòng tròn. Trong quá trình thi hành mệnh lệnh, Bennett và 2 người lính của mình bị trúng đạn từ những tên bắn tỉa.

Những tiếng súng bất ngờ của quân địch khiến cho nhiệm vụ trở nên cấp bách. Bob Tully và tôi đồng ý rằng nhiệm vụ ưu tiên lúc này là đưa Savage và người của anh cùng vũ khí quay về. Không đếm xác, không tìm kiếm vũ khí quân địch. Không cần phải ở quanh ngoài đó. Hãy ra khỏi chỗ khốn kiếp đó, Chúng tôi không muốn đùa giỡn với may mắn của mình. Giờ là 3g30 và có rất nhiều việc phải làm trước khi trời tối: Di tản những người chết và bị thương. Kêu thêm máy bay chở đạn dược và nước uống. Tuần tra bên ngoài chu vi phòng thủ. Xếp tiểu đoàn của Tully vào phòng tuyến. Phát quang tầm bắn, lấy điểm chuẩn pháo binh, cài lựu đạn phát sáng, những trái lựu đạn gắn với những sợi dây làm bẫy sẽ nổ khi có ai vướng vào.

Tully nói: “Mối quan tâm của chúng tôi là cách di chuyển những người thuộc trung đội bị chia

cắt trở lại X-Ray. Rất nhiều người trong số họ cần phải cáng. Thật là lạ vì di tản những thương vong của họ và một số ít của chúng tôi lại tốn nhiều người hơn, tới 2 đại đội. Cáng những người bị thương và chết không phải là một công việc dễ dàng khi phải di chuyển một đoạn dài. Và cố duy trì tư thế hành quân tốt trong trường hợp như thế là rất khó khăn. Lính tráng cứ xoay vần xung quanh; những người khiêng cáng trở nên mệt mỏi và cần thay thế. Tôi tập trung vào việc di chuyển thương vong nhanh nhất và bảo đảm việc lui quân trở lại X-Ray theo một đội hình được tổ chức tốt.”

Trên mỏm đất việc chuẩn bị quay về đang diễn ra. Trung sĩ Larry Gilreath: “Sau khi thu dọn khu vực, chắc chắn rằng tất cả mọi người đã được thống kê và tất cả các vũ khí đã được lấy lại. Tôi khỏi trung sĩ Savage liệu tôi có thể cáng Palmer được không. Anh đồng ý.”

Trung úy Deal nói, “Tôi nhớ ai đó nói ‘Giờ chúng ta đã có tất cả họ rồi’. tôi quay lại. Ngay lúc đó một những người cáng Herrick để chiếc cáng xuống, tôi nhìn xuống thấy mặt của Herrick trên nền bụi đỏ. Đầu của anh treo bên rìa của cái cáng. Tôi không hiểu tại sao những hình ảnh kiểu này cứ đọng mãi suốt một thời gian dài, bất chấp sự kiện đã lùi xa vào dĩ vãng. Dường như không được tự nhiên cho lắm khi người bạn tôi nằm sắp bụng và gương mặt úp lên bụi đất đỏ. Tôi nhớ lại mình đã nhìn cậu ấy lúc Trung tá Moore cho phép một số ít binh lính được rời khỏi tàu khi nó đang thả neo ở Long Beach, California, trên đường đi VN. Trung úy Herrick là một trong số rất ít người có gia đình sống ở đó và được cho phép về thăm cha mẹ anh. Khi tôi nhìn anh ấy tôi nhớ là mình đã vui vì anh ấy có thể gặp gia đình lần cuối. Tôi đã tới năm mộ của Henry Herrick nhiều lần ở Arlington. Nó ngay gần Mộ những người khuyết danh trên một sườn đồi rất đẹp. một cây lớn mọc ở phía trên và nó rủ bóng lên tấm bia đá. Phía bên kia của Mộ những người khuyết danh là năm mồ của đại úy Tom Metsker.”

Trung tá Tully nhìn xung quanh một lần cuối rồi ra lệnh rút về X-Ray. Với binh nhất Galen Bungum, sự thử thách cuối cùng cũng kết thúc, anh có một trong những ấn tượng mà không dễ gì xoá bỏ trong khi khập khiễng bước về X-Ray: “Tôi nhớ mình loạng choạng rồi vấp té xuống đất, mặt tôi úp xuống, khi ngoái lên tôi đối mặt với một gương mặt của một lính địch chết, với đôi mắt mở trừng trừng. Tôi sẽ không bao giờ quên hình ảnh đó.”

Ngay trước 4g, Matt Dillon nhận được một cuộc điện đài từ sĩ quan hành quân của Tully báo rằng đoàn quân giải toả còn cách X-Ray khoảng 15 phút. Dillon nói với trung úy Tiffet gọi trực thăng tới. Rồi máy bay của Tiffet tới gần chu vi. Đó là một khoảnh khắc ngọt ngào. Hạnh phúc, an ủi, và hài lòng khi đưa được trung đội trở về, tôi bước tới Tully, cảm ơn anh và những người của anh. Tôi bắt tay với Ernie Savage và nói với anh rằng anh và những người lính của mình đã thực hiện một công việc vĩ đại trong một tình huống tồi tệ nhất. Tiếp đó là cảnh tượng lạnh lẽo và tàn nhẫn của những người bị chết và bị thương lướt qua. Những người chết nằm trên những chiếc cáng poncho, 2 hay 3 người bị thương tự đi được, số còn lại được đồng đội sức 2 bên nách. Một vài người dù không bị một vết xước nhưng quá kiệt sức nên cũng yêu cầu được giúp đỡ.

Đại úy Carrara, trung sĩ Keeton, trung sĩ Keith nhanh chóng làm việc với những người bị

thương. Những người chết được nhẹ nhàng đặt xuống bên rìa của bãi trống, những đôi chân mang giày của họ xiên xẹo, không nhúc nhích, đem lại một nỗi buồn sâu nặng. Mắt tôi lướt qua trung sĩ Palmer, và giống như Larry Gilreath, tôi bị ấn tượng bởi nét hiền hoà của anh, gương mặt anh như mỉm cười.

Trung sĩ Gilreath tham gia bó xác những người chết bằng những tấm poncho rồi bước lại gần thượng sĩ Plumley: “Tôi nhặt được khẩu .45 ở trên đường và quên bém đi cho tới khi tôi tới CP. Plumley hỏi tôi có biết rằng khẩu súng đầy đạn và kim hỏa đã kéo ra sau rồi không. Chúng tôi quyết định ngồi xuống và khoá an toàn nó lại.”

Những chiếc trực thăng bắt đầu tới, trung úy Dick Merchant giờ có nhiệm vụ ở LZ: “Tôi vẫn còn nhớ việc đưa trung sĩ Palmer và trung sĩ Hurdle lên máy bay. Tôi tranh thủ chạy ra để gặp John Herren và đại đội Bravo. Anh mô tả sự chiến đấu tuyệt vời của trung đội 2. Câu đầu tiên của anh ấy là: ‘Dick, suýt chút nữa là chúng tôi mất trung đội của cậu’ Anh ấy kiệt sức nhưng vẫn còn quyết tâm, khi nghĩ về John Herren tôi vẫn thường coi anh là người chỉ huy đích thực của mình.”

Khi Savage, Bungum và những người khác bước vào sở chỉ huy, Joe Galloway nói chuyện ngắn với họ: “Họ giống như là những người trở về từ cõi chết. Người gộp chúng tôi đã bắn thủng, họ thì còn vượt xa sự bắn thủng. Những bộ quân phục nhàu nát của họ bị xé tả tơi; đôi mắt thì thâm quầng trông như 2 hốc máu bầm tím trên nền của gương mặt là lớp bụi đỏ. Tôi hỏi từng người tên tuổi và quê quán, rồi ghi chép cẩn thận vào cuốn sổ tay, cũng với những gì họ đã trải qua. Những người viết tựa bài đã ghi lại: ‘The Lost Platoon’ giống như tôi gửi về để đăng tin.”

Bằng cách nào đó, Galen Bungum, Joe F. Mackey, và trung sĩ Wayne M. Anderson, những người không bị thương, đã được đưa lên trực thăng và đưa về căn cứ tại An Khê. 4 người không bị thương còn lại của trung đội 2 được điều lại vào chiến đấu trong chu vi X-Ray. Savage: “Chúng tôi trở lại hàng quân nơi suối cạn không xa gò mỗi bao nhiêu. Binh nhất Russell P. Hicks lại xách một khẩu súng máy khác. Có rất nhiều tiếng súng trong buổi chiều hôm đó, nhưng không có cuộc tấn công nào cả, việc phải đối phó chính là hạ những tên bắn tã.”

Khoảng nửa tiếng sau khi lực lượng của Tully quay về X-Ray, Chuẩn tướng Richard Knowles điện đài hỏi ông có thể đáp xuống được không. Ông nói: “Chúng tôi hạ cánh nhanh, tôi nhảy ra thì trực thăng bay lên. Tinh thần binh lính rất cao, tiểu đoàn một hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ. Tôi đưa cho Hal một chiếc Gà, và anh báo cáo ngắn gọn tình hình chiến trận cho tôi. Trung tá John Stoner, sĩ quan liên lạc Không Quân của chúng tôi, đi theo tôi. Tôi đưa Stoner tới nhằm điều yểm trợ không quân tới gần hơn. Khi Hal kết thúc báo cáo, một quả bom rơi sát sở chỉ huy. Mặt đất rung rinh, một mảnh bom bay vào khu CP, chỉ cách 3-3,5 mét chỗ chúng tôi đứng. John Stoner bước tới, nhặt mảnh bom đang bốc khói đó lên, quay lại và đưa nó cho tôi: ‘Tướng quân, thế này đã đủ gần chưa?’”

Trước khi đi, Tướng Knowles nói với chúng tôi rằng ông sẽ chỉ đạo Tim Brown rút tiểu đoàn của tôi và các đơn vị phối thuộc ra khỏi X-Ray vào ngày hôm sau rồi cho chúng tôi 2 ngày nghỉ

ngôi tại Trại Holloway. Nhưng lúc này chúng tôi phải đối mặt với một đêm dự đoán sẽ dài và khó khăn nữa nhằm bảo vệ chu vi này.

Tôi và Dillon đã tìm ra một phương án để bố trí tiểu đoàn của Tully vào trong hàng quân. Chúng tôi xiết chặt hàng quân và đặt người của Tully vào phần đông và bắc của chu vi, nhìn chung là quay lưng lại núi và nhìn hướng vào thung lũng. Tôi vẫn giữ tiểu đoàn của mình cộng với 2 đại đội phối thuộc từ tiểu đoàn 2, kỵ binh 7 ở nơi họ chiếm đóng, bảo vệ những phần được thu gọn hơn trong hàng quân, nhưng vẫn kiểm soát những khu vực đã diễn ra các trận đánh trước đó. Tới lúc này binh lính đã nắm được địa hình nơi đó, nên không phải là lúc để chuyển quân giữa các đơn vị của người Mỹ chúng tôi.

Tully thiết lập sở chỉ huy của anh trong một lùm cây nhỏ cách chúng tôi khoảng 35 mét. Đạn dược, nước và khẩu phần ăn được phân phối lại, với sự chú trọng việc đưa đạn dược xuống càng nhiều càng tốt cho từng người lính, từng tổ súng máy, và từng khẩu đội cối.

4 đại đội của tiểu đoàn 1, kỵ binh 7 bây giờ giảm xuống chỉ còn 260 người. Đại đội Charlie ban sáng mất đi 40 bị chết—2 trung úy, 16 trung sĩ và 24 lính. Họ cũng phải chịu 20 người bị thương--đại úy đại đội trưởng, 2 trung úy nữa, 2 trung sĩ và 15 lính. Charlie giờ không còn là một đại đội còn khả năng chiến đấu hiệu quả nữa. Nhưng chúng tôi có một tiểu đoàn mới cộng với 2 đại đội bộ binh từ tiểu đoàn 2, kỵ binh 7. Chỉ có một vài sự quấy nhiễu không đáng kể suốt buổi chiều, các đại đội đã có dư thời gian để bố trí đội hình chờ đêm xuống.

## 15/ NHỮNG CHIẾN BINH ĐÊM

*There is many a boy here today who looks on war as all glory, but, boy, it is all hell.*  
-William Tecumseh Sherman

Đại úy Myron F. Diduryk, chỉ huy đại đội Bravo, tiểu đoàn 2, Kỵ binh 7, có linh cảm mạnh mẽ rằng anh và người của mình, những người đang giữ những vị trí cũ của đại đội Charlie, sẽ bị tấn công bởi số đông quân địch trong đêm nay. Anh chẳng mất thời gian thuyết phục binh lính rằng quân địch đang tới và họ đã chuẩn bị sẵn sàng cho trận đánh một cách tốt nhất theo khả năng. Với Myron Diduryk và trung úy Rick Rescorla, đại đội Bravo, tiểu đoàn 2 có 2 sĩ quan sinh trưởng ngoài nước Mỹ, những người được tổ tiên và dòng họ truyền cho cái tinh thần lê dương. Và định mệnh đã lựa chọn họ, Diduryk gốc Ucraina và Rescorla gốc Anh, trong vòng 70 tiếng sắp tới, trở thành những huyền thoại chiến đấu ở Trung đoàn Kỵ Binh 7 vì những hành động và sự chỉ huy của họ dưới lửa đạn.

Cả buổi chiều làm công việc chuẩn bị chiến đấu ở trung đội, Rick Rescorla đi lại vị trí chỉ huy của Diduryk-hổ cáo cũ của Bob Edwards- ngay lúc chạng vạng tối. Diduryk hỏi: “Lính của cậu sẵn sàng chưa? Cậu có tin là họ có thể giữ được không?”

Rescorla trả lời: “Chúng tôi chưa bao giờ sẵn sàng như lúc này. Nhưng nếu chúng chọc qua được chúng tôi, ông sẽ là người đầu tiên biết đấy. Cái CP này chỉ cách sau chúng tôi có 45 mét thôi.” Tay Cossack (Cô-dắc) Khùng chẳng còn vui vẻ với cái cách giấu cọt thường thấy ở Rescorla. “Mẹ kiếp, Hard Corps, đừng đùa nữa” Diduryk búng tay, “Luôn ở trong tình trạng báo động. Chúng tôi dựa hết vào các cậu đấy.”

Diduryk, lúc đó 27 tuổi, đã nắm đại đội này từ tháng 5. Anh hăng hái và tháo vát, cực kỳ chuyên nghiệp; 3 ngày và đêm kể tiếp anh đã tạo hình ảnh 1 người chỉ huy đại đội chiến đấu tốt nhất mà tôi từng biết, không có ai có thể sánh bằng. Anh hành động trên nguyên tắc cơ bản nhất: gây thiệt hại tối đa cho quân địch với tổn thất thấp nhất.

Lính của Diduryk có khoảng 3 tới 4 giờ yên lặng vào ban ngày để chuẩn bị cho những gì sắp tới, và họ đã gần như làm xong mọi thứ. Đại đội của anh được tăng cường trung đội 3, đại đội Alpha, tiểu đoàn 2, Kỳ binh 7, giờ giữ 130 mét thuộc chu vi phòng thủ giống như những người thuộc của Edwards đã từng giữ. Trung úy William Sissin cùng với trung đội của mình nằm ở bên trái; binh nhất John C. Martin, 25 tuổi, người Wichita, Kansas, ở trong số họ.

Martin nói: “Chúng tôi thiết lập phòng tuyến, đào những hố chiến đấu chứa được 2 người. Tôi nhớ trung sĩ trung đội Charles L. Eschbach tới từng vị trí nói: ‘Đào sâu hơn và đắp bờ đất lớn vào cao hơn nữa. Làm thông thoáng tầm bắn. Tập trung tối đa!’ Chúng tôi bề ngoài thì chẳng sợ hãi gì, nhưng tất cả đều giấu sự lo lắng trong sâu thẳm tâm trí. Chúng tôi chăm chú làm theo mệnh lệnh, củng cố vị trí cho dù đất ở đó rất cứng. Giống như là chúng tôi đào lỗ trên bề mặt xi măng vậy. Tôi nhớ, tôi sẽ luôn luôn nhớ, trung sĩ nhất Frank Miller đứng đó, không đội mũ, cái đầu hói cháy trong nắng, đang hút 1 điếu xì gà.”

Myron Diduryk cùng lính của mình chưa được kinh qua chiến đấu thực sự, nhưng họ sẽ sớm được thử thách. Trong suốt thời gian yên lặng, Diduryk đã kiểm tra chắc chắn tầm bắn và tầm quan sát được dọn quang trong vòng hơn 200 mét; những hố chiến đấu đã được chuẩn bị thật tốt, những khẩu súng máy được đặt vào những vị trí có thể đảm bảo bên sườn, kết hợp các tầm bắn của các bộ phận khác; những thiết bị phát hiện xâm nhập và lựu đạn sáng đã được lắp đặt ở khoảng cách 300 mét phía trước; mỗi lính chiến đấu đều có đủ đạn dược và các điểm cung cấp đạn dược chỉ định rõ; tất cả các điện đài được kiểm tra và song kiểm. Tiếp đó Diduryk bàn bạc kỹ càng với những quan trắc pháo binh nhằm đo đạc và định vị rõ từng vị trí cần yểm trợ. Sĩ quan quan trắc pháo binh, trung úy William Lund có tới 4 khẩu đội 105mm, với 24 khẩu pháo, đã lấy phần tử bắn và chờ đợi sẵn sàng.

Bill Lund, 23 tuổi, người Edina, Minnesota, là 1 người tốt nghiệp ROTC từ trường đại học Minnesota. Anh ấy đã trải qua đêm đầu tiên tại LZ X-Ray để biết được cái thế giới thất sự của việc cận yểm trợ hỏa lực. Những năm đó những bài giảng từ trường pháo binh đưa ra khoảng cách 360 mét là tối thiểu để tránh cho quân bộ binh khỏi bị nguy hiểm. Lund khám phá ra ở X-Ray rằng để sống sót thì phải đưa những viên đạn pháo vào gần tới 35 đến 45 mét. Lund nói: “Myron Diduryk và tôi ở bên cạnh nhau suốt thời gian, vì vậy tôi có cái nhìn của lính bộ binh về những gì đang diễn ra.”

Rick Rescorla, chỉ huy trung đội 1, mới chỉ tốt nghiệp OSC tại trường lục quân ở Fort Benning có 6 tháng. Nhưng trong hành trang của anh có những kiến thức huấn luyện tuyệt vời. Anh từng phục vụ trong quân đội Anh ở Cyprus và trong lực lượng Cảnh sát thuộc địa tại Rhodesia, anh ấy biết đời lính là như thế nào. Những gì anh đã làm trong các công việc chuẩn bị chiến đấu cho binh lính nói lên tính chuyên nghiệp mà anh theo đuổi.

“Tôi gặp trung úy Bill Sesson, A/2/7, người sẽ ở phía sườn trái của tôi. Sisson, 1 người bạn thân cùng khoá OSC tháng tư năm 1965, nhìn xung quanh những xác chết quân NVA và khịt khịt cái mũi. Chúng bắt đầu bốc mùi lên rồi. “Cậu có mong trở lại tàu ngầm không đấy?” Tôi hỏi. Sisson đeo huy hiệu 2 con cá heo trên ngực nhận được khi phục vụ trong lực lượng dự bị Hải quân ở Rhode Island. Cùng bị thuyết phục rằng quân NVA sẽ trở lại vào ban đêm, chúng tôi cố thắt chặt mối liên hệ giữa các vị trí của nhau, chúng liên với nhau như những cái dít vệt vậy. Không có bất cứ mối liên kết nào bị bỏ quên.”

Rescorla bước trên địa hình của vùng đất và cố đặt mình vào vị trí của quân địch nhằm có cái nhìn của những kẻ sắp tấn công. Những bụi cây, bãi cỏ voi, gò mồi và những bờ đất kéo dài phía trước. Mặt đất không bằng phẳng như là mới nhìn qua, mà có những rãnh lồi lõm kéo dài xuống phía nam, với dốc nghiêng nhẹ hướng về vị trí của anh. Những hố nông choẹt mà đại đội Charlie, tiểu đoàn 1 đã đào trong màn đêm dưới sức ép của quân địch, Rescorla lùi quân của mình lại phía sau khoảng 45 mét không chỉ nhằm thu hẹp khu vực chiếm giữ mà còn có tác dụng khiến quân thù phải ra ngoài những hàng cây và phải vượt qua 1 khoảng 36 mét trong 1 khu vực hoàn toàn trống trải để tiến những hố chiến đấu của đại đội Bravo.

Rescorla nhớ lại: “Vì hàng quân thu hẹp, tôi giảm số hố chiến đấu. Hố được mở rộng để chứa được 3 người. Những khẩu M-60 được bố trí trên những hướng cơ bản, từ đó chúng có thể đổi hướng bắn, liên hợp với những hỏa lực khác cũng như những khẩu súng máy ở hai bên sườn chúng tôi. Hố chiến đấu và những bờ đất bảo vệ được chăm chút từng chi tiết. Tôi thử chui vào vài hố, có một số sâu đến nỗi người ở dưới thậm chí không nhìn thấy bờ đất bao quanh. Trong những trường hợp này lại phải cho những thứ gì đó làm những bậc thang. Hai giờ trước khi trời tối Trung sĩ Eschbach, A/2/7 và trung sĩ Thompson tổ chức lắp đặt những bẫy mìn. Cẩn thận họ gài những trái lựu đạn, và nhúng viên pháo sáng trên những đường tiếp cận chính vào khu vực. mìn Claymore được chôn rải rác nhưng hiệu quả không cao. Chỉ là 1 hành động lên dây cót nhưng tôi cảm thấy chúng tôi sẵn sàng đập nhau với những tên lính Bắc Việt tinh nhuệ nhất.”

Tiếp đó, sau khi nói chuyện với đại úy Diduryk về không quân yểm trợ, pháo binh, và súng cối. Rescorla làm 1 chuyến bộ hành cuối cùng trên hàng quân, tới thăm trung đội 2 bên cạnh. Anh nói: “James Lamothe Sút Răng nằm trong nhóm quân ở bên sườn phải của tôi. Anh là người to mồm nhất ở đại đội, nhưng là 1 người làm việc cật lực và có tinh thần cao. Tôi hỏi: ‘Này khi đánh nhau bắt đầu các cậu tính dính vào đâu vậy? Nếu các cậu định chuồn ra, nhớ cho tôi biết nhá’ Lần này thì họ hiểu cái kiểu đùa của tôi. “Thưa ngài, chúng tôi sẽ ở đây tới sáng. chỉ cần bảo đảm rằng Hard Corps [trung đội của Rescorla] không bị chọc thủng và bỏ chạy là được rồi.’

Đám lính truyền tai nhau cái câu chuyện đùa này.

“Trung sĩ Eschbach, 1 người mỏng cơm, cọc cằn, 43 tuổi, NCO từ Detroit, bước tới từ trung đội của trung úy Sisson và nhập bọn. “Tôi đang bán vé chuyển bay cuối cùng về Pleiku đây,” tôi nói với anh. “Thối thật, tôi sẽ không bỏ lỡ chuyến này đâu, thưa sếp” Eschbach nói rồi nhìn xuống con dao Randall trên thắt lưng tôi rồi tiếp: ‘Nhưng nếu tôi quyết định chuẩn, tôi sẽ tới và lấy con dao này của ngài đấy.’ Mấy cái kiểu tinh thần này của lính tráng chính là những gì tôi đang tìm kiếm. Trước khi đi tôi khuyên họ 1 vài điều: ‘Chúng sẽ tới vừa nhanh vừa chậm, không có mục tiêu ngon ăn đâu. Bắn ở tầm thấp ngang với người đang bò. Phải tạo 1 bức tường thép trước mặt chúng. Đó là điều duy nhất có thể chặn chúng tiến vào vị trí của chúng ta.’”

Binh nhất Richard Karjer, người Los Angeles, mới 19 là 1 trong những người trẻ nhất trên chiến trường, hỏi Rescorla: “Điều gì sẽ tới nếu chúng chọc thủng chúng ta?” Rescorla trả lời: “Nếu chúng chọc thủng và tràn ngập chúng ta, hãy ném lựu đạn xung quanh hố của cậu. Hãy xếp lựu đạn xung quanh hào đất và cúi đầu thấp hơn mặt đất. Nằm ngửa trong hố, xả đạn vào mặt chúng. Nếu chúng ta làm tốt công việc của mình thì chúng chẳng tới được gần như thế đâu.” Những người lính quay trở lại những hố của họ, và Rescorla di chuyển về vị trí chỉ huy của mình, 1 gò mồi nhỏ đã được trung úy Jack Geoghegan sử dụng vào đêm trước. Xác của Geoghegan đã tìm thấy ở đó. Nó chỉ cách có 20 mét phía sau những hố cáo sâu của phòng tuyến mới.

Quay lại sở chỉ huy tiểu đoàn tôi cũng kiểm tra lại tình hình lần cuối cùng. Chúng tôi đang trong đội hình được bố trí tuyệt hảo và tinh thần thì rất cao. Chu vi phòng thủ được gia cố; chúng tôi dự trữ nhiều đạn dược và thiết bị y tế, tất cả thương vong đã được di tản; không quân và pháo binh đã chắc chắn về vị trí của chúng tôi. Bắn không ngưng nghỉ, hỏa lực H và I [quấy rối và ngăn chặn] bắt đầu từ lúc chạng vạng kéo dài tới sáng. Điều lệnh chiến đấu yêu cầu hạn chế tối đa việc nổ súng và phát ánh sáng. Không được bắn đạn cối trừ khi có sự chấp thuận của tôi, đặc biệt là những viên đạn phát sáng. Tôi muốn những khẩu súng cối tiết kiệm những viên đạn phát sáng của họ phòng trường hợp không quân và pháo binh xài hết số pháo sáng mà họ có.

Vào lúc 7g30, trời tối như mực. Chúng tôi mong đợi trăng ló dạng, trời quá tối. Nhưng trong suốt 4 tiếng đồng hồ đầu tiên của buổi tối, ngoại trừ những viên đạn thăm dò đầu đó trên phòng tuyến, quân Bắc Việt không có 1 hành động nào với chúng tôi. Trước nửa đêm tôi có 1 tin nhắn từ sở chỉ huy lữ đoàn: Tiểu đoàn của tôi sẽ được rút ra khỏi X-Ray vào ngày hôm sau và được gửi về Trại Holloway. Mệnh lệnh được truyền tới Dillon thông qua sóng hành quân.

Trăng sáng và gần như đầy đặn cuối cùng cũng xuất hiện vào lúc 11g20. Khoảng nửa đêm trung tá Edwards C. (Shy) Meyer, sĩ quan hành quân của Lữ đoàn 3, chuyển tới tôi 1 tin tức gây ngạc nhiên: Bộ chỉ huy của tướng William Westmoreland muốn tôi “rời X-Ray vào sáng sớm hôm sau tới Sài Gòn để báo cáo cho ông và ban tham mưu của ông về trận đánh.” Tôi không thể tin được rằng mình được lệnh rút ra trước khi trận đánh kết thúc! Tôi rất bối rối khi sở chỉ huy sư đoàn đã không phản đối cái mệnh lệnh không thích hợp này trước khi nó tới được tôi.

Chỗ của tôi hiển nhiên là ngay bên cạnh lính của mình.

Ngay lúc tin đó truyền đến, tiếng súng tự động của quân Bắc Việt nổ trước khu vực của trung đội Rescorla, và những chớp sáng xanh lè từ những loạt đạn bầu lấy vị trí của anh ở độ cao 4,5 mét. Rescorla và điện đài viên bò tới trước, lặn xuống 1 hố của binh nhất Curtis Gordon, từ Detroit. Rescorla, nhận địch những khẩu súng của quân địch cách ít nhất là 450 mét, anh nghi ngờ quân địch đang thăm dò phòng tuyến nên ra lệnh không được nổ súng cho quân mình.

Tiếp đó vào lúc 1g sáng, 1 cuộc tấn công thăm dò gồm 5 lính NVA vào vị trí trung tâm của đại đội Bravo, tiểu đoàn 1, của Herren. Hàng quân của Herren chỉ cách sở chỉ huy tiểu đoàn có 40 mét về phía tây. Một vài viên đạn rớt trên đầu chúng tôi. Hai trong số 5 tên địch bị giết, số còn lại lủi vào trong bóng tối của rừng rậm. Đợt tấn công thăm dò này cùng với những tiếng súng trên vị trí của Rescorla là những điềm xấu tương tự như đêm hôm trước và chứng tỏ rõ ràng rằng quân Bắc Việt vẫn chưa từ bỏ X-Ray.

Bị dính chặt vào những tình huống này, tôi không có thời gian để trả lời cái lệnh phải tới Sài Gòn. Cuối cùng vào khoảng 1g30, tôi gặp Shy Meyer trên điện đài và báo cáo rằng không chắc tôi có thể tuân theo được mệnh lệnh dựa trên tình hình thực tế. Tôi nói rõ ràng rằng trận đánh vẫn chưa kết thúc và vị trí của tôi là ở bên cạnh lính của mình- rằng tôi là người đầu tiên của tiểu đoàn đặt chân lên mảnh đất chết chóc kinh hoàng này và tôi cương quyết tính rằng mình sẽ là người cuối cùng rời khỏi đây. Chuyện chấm dứt ở đây. Tôi không còn nghe gì thêm về mệnh lệnh này nữa.

Ngoài hàng quân mọi thứ vẫn bình lặng nhưng sự căng thẳng gia tăng. Diduryk nói: “Trong những giờ sau nửa đêm tôi nhận được những báo cáo từ những chỉ huy trung đội về những âm thanh lạ phía trước hàng quân. Thêm nữa có 1 âm thanh cao nghe thấy giữa hai loạt pháo H-I. Những cái còi sau này được tìm thấy trong những xác chết của quân địch đã trả lời cho câu hỏi. Quân địch rõ ràng đã sử dụng những cái còi với những lần thổi dài ngắn khác nhau để tổ chức đội hình và di chuyển binh lính khi họ chuẩn bị cho cuộc tấn công.”

Rick Rescorla nói trong giai đoạn im lặng đáng sợ đó anh cố tạo sự chuyển trò giữa các hố, nhằm giảm sự căng thẳng. Khi tất cả nỗ lực thất bại, Rescorla chậm rãi và bình tĩnh hát bài “Wild Colonial Boy” và 1 ca khúc ưa thích của người Cornish [vùng Cornwall, trung nước Anh], “Going Up Camborne Hill”, anh được hưởng ứng lại bằng những tiếng hô “Hard Corps!” và “Garry Owen!”, nó nói lên lính của anh đang vững vàng.

Ngay trước 4g sáng Diduryk thấy và nghe những dấu hiệu rõ ràng rằng quân địch đang di chuyển về phía hàng quân của mình. “Vào khoảng 0400 những thiết bị cảnh báo-pháo sáng và thiết bị phát hiện di chuyển- chỉ rõ những chuyển động ngay phía trước của trung đội 3, A/2/7 và trung đội 1 và 3 của tôi. Một vài thiết bị ở cách xa khoảng 270 mét. Nó cho thấy dường như quân địch đang dàn rộng ra theo 1 hàng quân có thể để tấn công. Nó cũng cho thấy quân địch đang tiến hành 1 cuộc tấn công vào ban đêm mà không có hoả lực yểm trợ, kể từ lúc những trái Rocket 40mm không còn được sử dụng.

Cho dù những bầy lựu đạn và pháo sáng đã nổ nhưng vẫn chưa thể thấy được 1 tên địch nào. Điều này nhanh chóng thay đổi. Vào lúc 4g22 trung úy Sisson điện cho Diduryk: “Tôi thấy chúng đang tới. Tôi có thể bắn chúng được chưa?” (Các trung đội được lệnh giới hạn nổ súng nhằm tiết kiệm đạn). Trung úy Lund nhớ lại Diduryk hỏi: “Chúng gần tới mức nào?” Khi Sisson trả lời, “Tôi gần như chạm được vào chúng đấy!” Phản ứng ngay tức thời của Myron là “Bắn! Giết chúng đi”

Theo trung tá Hoàng Phương, tiểu đoàn 7, trung đoàn 66 quay trở lại với lực lượng tăng viện đang dò dẫm trên vùng phía nam và đông nam của LZ X-Ray. Tiểu đoàn H-15 Việt cộng phụ giúp cuộc tấn công cũng như mang vác đạn dược và tải thương binh.

Trong cuốn nhật ký của mình Diduryk viết: “Các trung đội ở trung tâm và bên trái bị tấn công dữ dội bởi 1 tiểu đoàn địch. Có thể thấy những tên khốn này tràn tới như những đợt sóng, những đợt sóng của biển người. Chúng tôi chào đón chúng bằng 1 bức tường sắt thép. Tôi gọi pháo sáng. Trung úy Lund gọi yểm trợ trực tiếp từ 4 khẩu đội 105mm. Những khẩu pháo này nã đạn liên tục với những viên đạn nổ khi chạm đất và những viên đạn phát nổ trên không. những cành cây và cây lớn ngay phía trước giúp cho cả hai loại đạn này hoạt động tốt. Chúng tôi cũng cho bắn một số đạn photpho trắng.

Với Bill Lund, đây là giấc mơ hoang đường nhất của 1 quan trắc pháo binh biến thành sự thật. “Quân địch trong vùng trống” Anh điện lại cho những pháo thủ. Hàng đàn quân địch đang tràn tới phòng tuyến của Diduryk, chúng bị nhìn thấy rõ ràng trong ánh sáng quái đản của những trái pháo sáng bắn từ những khẩu lựu pháo, đang bay lơ lửng trên không.

Diduryk và Lund cùng ở trong hố chỉ huy, Diduryk đang kiểm soát tình 1 cách chắc chắn. Diduryk viết: “Pháo binh không bắn liên tục vào cùng 1 mục tiêu. Trung úy Lund chỉ dẫn mỗi khẩu đội bắn vào 1 mục tiêu tập trung khác nhau và mỗi khi chuyển làn luôn ở khoảng cách 90 mét. Điều tra trận đánh sau này cho thấy kiểu bắn này đã gây thiệt hại nghiêm trọng cho quân địch.”

Đợt tấn công trên thực địa đầu tiên của quân địch diễn ra trên phần của trung úy Sisson sau đó lan sang trung đội của Rescorla. Anh nhớ lại: “Những khẩu M-16 bị hóc, người thứ ba trong hố phải cúi xuống dưới đáy hố dùng những miếng vải để lau sạch khẩu súng. Những vỏ đạn đồng nóng hồi tuôn xuống cổ những người lau súng kém may mắn. Quân NVA tiến công tới theo kiểu chạy ngắn, sụp xuống, bắn, rồi lại tiến gần hơn. Những tiếng còi. Những ám hiệu chói tai đầy dữ tợn của những hạ sĩ quan Bắc Việt xua quân của họ tiến tới. Một viên RPG xe gió bay qua. Những khẩu súng của trung đội Geoghegan bỏ lại giúp chúng tôi không bị ngắt quãng khi bắn khi những khẩu súng của chúng tôi bị hóc.”

Cuộc tấn công đầu tiên, có ít nhất 300 quân Bắc Việt, bị đánh tan tác trong vòng chưa tới 10 phút bằng những khẩu súng tiểu liên, súng máy, và pháo binh từ đại đội Bravo, tiểu đoàn 2, rất cảnh giác và luôn sẵn sàng. Vào lúc 4g31, 20 phút sau, chúng quay lại. Diduryk: “Mức độ tấn

công của chúng gia tăng và tôi bị tấn công vào khu vực của 3 trung đội phía bên trái.”

Những tiếng la hét, tiếng hô hoán, và những tiếng còi xé toạc màn đêm khi quân Bắc Việt trên núi tràn xuống, thẳng tới vùng chết chóc đầy khói và bụi. Lúc này tất cả các khẩu cối của tiểu đoàn tôi và của Tully đều nhả đạn, góp thêm những tiếng nổ đinh tai vào sự náo động tổng thể. Tay súng John Martin, lính trong hàng quân của Diduryk nói: “Chúng tôi liên tục xả đạn các loại vào chúng cùng với pháo binh, và chúng bị đánh cho tan nát, rồi rút chạy. Tôi không nghĩ chúng tôi có thương vong nào nhưng quân địch thì như nằm trong hỏa ngục vậy.”

Lúc này những chiếc C123 ‘Smoky the Bear’ của Không quân đang bay vòng vòng trên đầu, phi hành đoàn đang liên tục thả những trái pháo sáng ra bên ngoài. Chúng tôi ngăn đạn phát sáng của pháo binh lại nhằm dự trữ cho những thời điểm sau nếu cần thiết. Myron Diduryk viết: “Đạn pháo sáng chúng tỏ giá trị quan trọng của nó. Nó cho phép chúng tôi khả năng nhìn thấy và nổ cả súng hạng nhẹ vào vị trí của quân địch. Tôi có thể nhìn thấy đội hình của quân địch khi chúng tấn công vào khu vực của tôi. Quan trắc pháo binh của tôi có thể thấy mục tiêu và gọi pháo binh bắn trúng vào đám quân địch. Quân địch phải đợi cho tới lúc những ngọn pháo sáng cháy hết thì mới dám di chuyển về vị trí của chúng tôi. Trong lúc những trái pháo sáng rơi rõ trên khu chiến, quân địch phải tìm nơi ẩn nấp trong những đám cỏ, phía sau các thân cây và gò mồi, hoặc bò tới trước. Những loạt đạn bắn tầm thấp ngăn ngừa những tên địch thâm nhập, nhưng một vài tên đã xoay sở để lọt tới gần các hố chỉ cách có 5-10 mét. Chúng bị quét sạch bởi súng tiểu liên và lựu đạn.”

Trong số những đám pháo sáng này có 1 trái bốc cháy rất nhanh xuống vì chiếc dù của nó không mở, nó rơi vào 1 bãi chứa đạn được ngay gần sở chỉ huy tiểu đoàn. Nó đậu ngay trên 1 thùng lựu đạn và cháy dữ dội. Không 1 chút ngần ngại, thượng sĩ Plumley chạy tới đó, hai bàn tay không với lên những thùng lựu đạn và nắm lấy quả pháo đang cháy sáng. Plumley luồn tay xuống được phần đuôi pháo, quay lại và ném nó vào vùng trống bên ngoài. Sau đó anh dập tắt những đám cỏ cháy bởi pháo sáng bên trong và xung quanh khu chứa đạn.

Bên ngoài phòng tuyến những người lính của Rescorla vẫn tiếp tục chiến đấu. “Những khẩu súng M-79 của chúng tôi bây giờ chuyển qua bắn thẳng trực tiếp và cho viên đạn rơi xuống ở khoảng cách 65 mét cho tới 90 mét.

Những cành cây yên lặng di chuyển gần hơn. Rồi RPG và súng máy nổ đồng loạt, chúng bắn chúng tôi từ phía mặt tối của bờ đất. Khi vượt qua khu trống đội hình của chúng không đồng đều, nhóm đầu tiên bị hạ gục khi tiến lên được vài mét. Một vài tên khác liền xông tới, chúng nằm trượt dài phía sau những đồng đội chết của mình, dùng họ làm vật cản đạn. 1 kẻ thù đáng kinh ngạc, có kỹ thuật cao. Một người lính cao giọng chửi rủa và hô hào: “God damn it, chặn cái bọn khốn này lại”

Trong khoảng 30 phút kế tiếp pháo binh chiến trường, 4 khẩu đội với 24 khẩu lựu pháo 105mm bắn từ LZ Falcon cách đó chỉ 5 dặm và LZ Columbus cách chỉ 3 dặm, hoàn toàn làm chủ chiến trường. Trung úy Bill Lund chính là nhạc trưởng tài hoa của dàn pháo này, với những

hiệu chỉnh cận yểm trợ ngoài sức tưởng tượng. Có thể trông thấy quân Bắc Việt kéo xác những người chết và bị thương của chúng rút lui. Trong đợt tấn công lần trước vào đại đội Charlie của Bob Edwards, 24 giờ trước đây, chúng đã nhanh chóng lèn được vào bên trong của hàng rào pháo binh và xiết cổ những người của Edwards trong 1 trận đánh cận chiến tàn nhẫn. Đêm nay chúng bị chặn đứng ở ngoài 1 cách lạnh lùng.

Vào lúc 4g40 Diduryk gọi tiếp viện đạn dược, dưới làn đạn trung đội trinh sát của tiểu đoàn tôi thực hiện chuyển đầu tiên trong hai chuyển tiếp đạn, chuyển những thùng đạn tiểu liên, đạn súng máy và những trái M-79 từ vị trí sở chỉ huy tiểu đoàn tới những hố cáo.

Rõ ràng là chỉ huy quân địch đã cho rằng khu vực bên trái của Diduryk là do những người còn sống sót kiệt quệ của đại đội Charlie đang kiểm soát một cách yếu ớt. Khi ông ta phát hiện tình hình phát triển thuận lợi hơn, ông ta chuyển mũi tấn công chính của mình vào 2 trung đội bên phải của Diduryk. Vào lúc 5g30 đợt tấn công thứ 3 bắt đầu, lần này là vào trung đội của trung úy Lane. Trung sĩ John Setelin nhớ lại: "Vào buổi chiều chúng tôi đã đặt những bẫy mìn báo động và phát sáng. Những thiết bị đó có kích cỡ của bao thuốc lá và có dây gài bẫy và khí nén. Khi dây đứt có một tiếng báo động nhỏ và ánh sáng phát ra báo cho biết có thứ gì đó ở bên ngoài. Chúng tôi gài rất nhiều. Lúc đó khoảng 4g sáng, tôi nhìn thấy có ánh sáng bùng lên trên 1 thiết bị và có những âm thanh nhỏ kéo dài. Tôi đoán chừng có thứ gì đó đang tới. Lamothe ra hiệu cho tôi nằm xuống và im lặng."

Setelin khe khẽ ra lệnh cho tiểu đội của mình, nhất là với những người ở phía bên của anh không được bắn cho tới khi quân địch lọt vào vùng trống ngay trước mặt. "Thành lính 1 lựu đạn sáng và 1 bẫy mìn nổ tung, chúng đứng ngay đó trong đám cỏ và bắn vào chúng tôi. Tôi trúng đạn vào phía trên khuỷu tay, không có gì nghiêm trọng, chỉ là 1 hay 2 vết cắt, sau trận đánh có thể băng chúng bằng 1 miếng gạc. Không ai nổ súng lại. Rồi chúng bước tới bãi trống. Những trái pháo sáng tiếp tục cháy, chúng chiếu sáng rực, mọi thứ dễ dàng được nhìn thấy. Chúng tôi khai hoả và quét sạch bọn chúng. Đó chỉ là 1 cuộc tấn công nhẹ nhàng. Rồi chúng tấn công dữ dội hơn, khoảng 30 phút sau, chúng thối kèn, thối còi làm ám hiệu. Chúng tôi giết sạch chúng. Một vài trái đạn pháo phosphorus dội xuống chỉ cách những cái hố chiến đấu có 5 mét, tôi mất gần hết quân trang của mình và cả chiếc áo ngoài nữa. Có tới 8 chỗ bỏng trên 1 cánh tay của tôi." John Setelin ngồi xuống, dưới ánh sáng của những trái pháo sáng anh dùng mũi lưỡi lê để gạt những mảnh WP đang cháy ra khỏi da thịt của mình.

Trong vòng 1 tiếng rưỡi đồng hồ cuộc tấn công vào bên phải của Diduryk bị đẩy lùi một cách tàn bạo. Trung đội trinh sát của trung úy Rackstraw thuộc tiểu đoàn 1 thực hiện chuyển tiếp đạn lần thứ 2 cho quân của Diduryk. Vào lúc 5g50, 40 phút trước khi trời sáng, Smoky, máy bay thả pháo sáng, đã xài hết số lượng pháo họ có. Không còn ánh sáng từ trên trời. Tôi liền ra lệnh cho tái sử dụng đạn phát sáng của pháo binh và bãi bỏ lệnh hạn chế dùng đạn phát sáng cho súng cối.

Vào lúc 6g27 sáng, chỉ huy quân Bắc Việt mở 1 đợt tấn công nữa, lần này trực tiếp nhằm thẳng vào vị trí chỉ huy của Diduryk. Một lần nữa những người lính thuộc trung đội của Rescorla và

Sisson nhận trách nhiệm phòng thủ chính. Binh nhất Martin: “Khoảng 6g30 chúng lại đánh chúng tôi với kiểu ‘được ăn cả ngã về không’, nó giống như 1 cuộc triển lãm bắn súng vậy. Từng đợt sóng quân Bắc Việt tràn xuống theo hàng ngang từ núi Chu Pong.” Binh nhất 4 Pat Selleck thuộc trung đội trinh sát đang chuyển đạn cho hàng quân nói: “Tôi nghe thấy tiếng kèn. Trong ánh sáng của pháo sáng tôi nhìn thấy quân địch dàn hàng ngang tiến xuống từ núi Chu Pong như những đợt sóng. Một tên đội 1 chiếc mũ trắng, trông hắc giống như đang dẫn đầu đội hình tiến công. Hắn đeo vũ khí ngang vai. Chúng cứ tiếp tục tiến xuống giống như chúng không biết sợ hay coi chừng mạng sống. Đại đội trên phòng tuyến bắn chúng giống như là bắn những đám vịt trong đầm lầy vậy.”

Theo cái nhìn của trung úy Bill Lund, chỉ huy của quân địch không thể lựa chọn được chỗ nào tốt hơn để mở đợt tấn công này. Trong ánh sáng của pháo sáng, số đông quân địch không thể bị phát hiện rõ ràng trong khoảng cách hơn 45 tới 90 mét dọc theo chiều dài 90 của phòng tuyến. Lund cắt nhỏ từng đơn vị địch theo từng miếng với cơn mưa đạn pháo 105mm và những quả đạn cối nổ không ngừng nghỉ. Với tiểu liên và súng máy, những người lính bộ binh trong những hố cáo phía trước diệt nốt những tên nào thoát được cái bức tường lửa ấy. Chỉ sau có 14 phút đạn lửa, một số ít tên Bắc Việt sống sót bỏ dở cuộc tấn công và rút về nơi chúng xuất phát, phía đông nam, kéo theo một vài đồng đội bị thương.

Phía trước trung đội của Rescorla, số lượng quân địch di chuyển cứ teo dần lại. “Bất ngờ có 1 tên NVA vẫn tiếp tục di chuyển, đẩy cái than mập mập của hắn lên phía trước trong một nỗ lực cuối cùng. Tất cả các khẩu súng đều bắn về phía hắn. Cuối cùng hắn ngã xuống cách 1 hố cáo bên sườn phải của chúng tôi có 3 bước chân. Trong 5 phút tiếp theo lính vẫn cứ bắn vào người hắn, họ chối từ tin rằng hắn đã bất động. Thật là 1 người lính dũng cảm và kiên cường. ‘Nhìn kìa hắn đeo 1 khẩu súng ngắn,’ trung sĩ Musselwhite hô lên. Tôi bắt đầu bò tới để dành lấy cái chiến lợi phẩm đó, nhưng trung sĩ John Leake ngăn tôi làm chuyện đó. Binh nhất 4 Robert Marks nói to: ‘Này, tôi nghĩ tôi bị trúng đạn rồi.’ Người lính mạnh mẽ đó đến từ Baltimore đã bị trúng đạn vào cổ trước đó, nhưng đã từ chối báo cáo cho tới lúc trận đánh kết thúc.”

Rescorla nói tiếp, “Một sự im lặng bao trùm lên trận địa. chúng tôi tiếp tục bắn vào những hàng xác chết xung quanh hố chiến đấu, để cho chắc. Đạn được lại được trung đội trinh sát tiếp tế. Hai cơ sở đạn đầy đủ đã được tiếp thêm. Chúng tôi nằm lăn ra đất trong binh minh xám xịt. Bất ngờ 1 xác NVA bật lên cao. Quả lựu đạn của hắn phát nổ ngay dưới thân thể. Tự sát hay là tai nạn? Chúng tôi chăm chú nhìn khắp trận tuyến. Những xác chết ngày hôm trước lẫn lộn với những cái xác mới. Mùi thật khó ngửi. Cách khoảng 40 mét 1 tên lính Bắc Việt trẻ nhảy xuống phía sau 1 cái cây, hắn cố chạy ịch về hướng xuất phát. Tôi nổ 2 phát súng. Hắn xụp xuống. Tôi la lối hàng quân vì đã không nổ súng cho thật nhanh.”

Đợt tấn công đêm đã thất bại; nó bị đánh bại bởi sức mạnh của hỏa lực yểm trợ và sự chuyên nghiệp của Myron Diduryk và binh lính của anh. Thêm hàng trăm lính Bắc Việt nữa đã chết một cách dũng cảm khi đã làm hết khả năng để chọc thủng hàng phòng ngự thép của Diduryk.

Đại đội Bravo, tiểu đoàn 2 của Diduryk là nơi chịu mũi dùi chính của cuộc tấn công, nhưng chỉ

bị thương nhẹ có 6 người, không ai bị chết, thật giá trị!

Trong suốt 2,5 tiếng đồng hồ của đợt tấn công vào khu vực Diduryk, phần còn lại của chu vi im ắng, quá im ắng. Dillon và tôi thảo luận khả năng làm một đợt bắn trinh sát nhằm thăm dò sự hiện diện của quân địch ở đâu đó dọc theo hàng quân. Chúng có dư dả đạn dược, và thật khốn kiếp là lúc này quân địch biết được vị trí của chúng tôi giống như là những gì tôi biết vậy. Chúng tôi chuyển mệnh lệnh trên sóng tiểu đoàn: Vào đúng 6g55 mỗi người trên phòng tuyến phải bắn bằng chính vũ khí của mình và tất cả các khẩu súng máy phải xả đạn ở chế độ tự động hoàn toàn trong vòng 2 phút. Yêu cầu là phải bắn vào tất cả các cây, gò mồi, bụi rậm, đám cỏ cao ở phía trước và phía trên các vị trí quân Mỹ. Các tay súng có thể bắn vào bất cứ thứ gì làm họ lo ngại. Tới lúc này chúng tôi đã học được những bài học đau đớn về việc quân địch lợi dụng đêm tối để thâm nhập gần tới chỗ chúng tôi, trèo lên những cành cây và sẵn sàng gây tổn thất một khi trời hửng sáng. Giờ là lúc quét sạch phía trước của mình.

Vào thời điểm được ấn định mọi người trong khu vực bị xé rách màng nhĩ bởi những tiếng súng. Và ngay lúc đó 1 nhóm khoảng 30 tới 50 quân Bắc Việt nhóm dậy từ chỗ ẩn nấp ngay phía trước đại đội Alpha, tiểu đoàn 2 của Joel Sugdinis, chúng bắt đầu bắn trả lại. ‘Phút điên loạn’ đã buộc chúng bắt đầu khai hỏa sớm cuộc tấn công. Pháo binh được gọi tới ngay lập tức và đánh tan chúng. Khi tiếng súng tắt 1 tên bắn tĩa treo lủng lẳng trên 1 chiếc dây thừng buộc vào 1 cái cây ở phía trước trung đội thuộc Diduryk đứng xa nhất về phía trái. Một tên khác rơi xuống từ 1 cây ngay phía trước vị trí chỉ huy đại đội Bravo của Herren. Một tên bắn tĩa Bắc Việt thứ 3 bị giết khoảng 1 giờ sau, khi hắn cố trèo xuống cái cây hắn nấp và bỏ chạy.

Cánh tay của trung sĩ Setelin, lổm đổm với những mảnh WP cháy, giờ bắt đầu làm anh đau đớn. “Tôi được gửi trở lại trạm cứu thương, tại đó cánh tay tôi được băng bó, và tôi ngồi đợi trực thăng cứu thương đưa đi. Càng ngồi tôi càng nhận ra là tôi không thể ở trong tình trạng tốt đẹp đó được, bay ra khỏi chỗ này bỏ những đồng đội kia ở lại. Vì vậy tôi tháo dây đeo tay ra và quay trở lại. Ai đó hỏi: “Anh đi đâu đó?” Tôi nói: ‘Quay lại hố chiến đấu của tôi.’ Không ai nói thêm điều gì.”

## 16/ THU DỌN CHIẾN TRƯỜNG

*Nothing except a battle lost can be half so melancholy as a battle won*  
*-The Duke of Wellington, in a dispatch from Waterloo, 1985*

Trong ‘phút điên loạn’ chúng tôi đã quét sạch phía ngoài chu vi phòng thủ. Giờ tôi ra lệnh 1 cuộc càn quét bên trong hàng quân. Vào lúc 7g46 những đơn vị dự bị, trung đội trinh sát và những người còn lại của đại đội Charlie bắt đầu 1 cuộc tuần tra rất cẩn trọng trong khu vực bên trong chu vi. Tôi ra lệnh cho họ thực hiện càn quét bằng tay và đầu gối, lật từng ngọn cỏ tìm kiếm những thương vong của quân mình và những kẻ thâm nhập của quân địch. Họ cũng kiểm tra những cái cây bên trong những hố chiến đấu 1 cách cẩn thận. Tới 8g50 họ báo cáo kết quả hoàn toàn khả quan.

Vào lúc 8g10 các đơn vị trên hàng quân được lệnh phối hợp với những đơn vị bên sườn của mình chuẩn bị di chuyển 450 mét ra phía trước trong 1 đợt càn 'tìm kiếm và dọn sạch', thu gom bất kỳ thương vong nào tìm thấy và thu nhặt tất cả các vũ khí của quân địch. Phải mất 1 thời gian dài trì hoãn trước khi hành động nguy hiểm nhưng cần thiết này có thể bắt đầu. Kiểm tra điện đài, tái bổ sung đạn dược, phối hợp với những đơn vị bên cạnh-tất cả những thứ này làm mất nhiều thời gian cho những người đang suy giảm tinh thần và sức lực sau 48 tiếng chiến đấu căng thẳng và không được ngủ. Lần nghỉ ngơi cuối cùng của tôi là giấc ngủ 5 tiếng vào đêm 13 tháng 11. Tôi vẫn có thể suy nghĩ minh mẫn, nhưng tôi phải nhủ thầm với bản thân mình định nói gì trước khi mở miệng. Nó giống như việc nói ngoại ngữ trước khi bạn thông thạo hoàn toàn nó vậy. Tôi đang dịch từ tiếng Anh sang tiếng Anh. Tôi phải giữ đầu óc tỉnh táo, tập trung vào những sự kiện đang tiến triển và nghĩ xem những gì sẽ tới.

Cuộc càn quét bắt đầu lúc 9g55, những người của Diduryk chỉ đi được có 70 mét thì họ gặp phải sự chống trả của quân địch, có cả những trái lựu đạn ném tới. Trung úy James Lane, chỉ huy trung đội 2 của Diduryk bị thương nặng. Ngay lập tức tôi hạ lệnh ngừng mọi di chuyển và ra lệnh cho đại đội của Diduryk quay về hố chiến đấu của họ. Trung sĩ Setelin với cánh tay bị bỏng vẫn đang đau nhức, không hài lòng lắm: "Sáng đó chúng tôi được lệnh càn quét phía trước vị trí. Tôi chẳng thích chút nào. Lúc đêm tôi cảm thấy yên tâm vì Charlie không thể nhìn thấy chúng tôi và chúng tôi ở trong hố không phải ra ngoài. Nhưng khi rời sáng tôi muốn rửa trung tá Moore vì buộc chúng tôi phải chui ra ngoài. Chúng tôi được lệnh rằng phải thực hiện đợt càn quét cuối cùng, kiểm tra xung quanh lần cuối. Trong cuộc càn quét này, Lamothe và tôi đem về 1 trong số những người chết cuối cùng của chúng tôi. Một người cao lớn, tóc đỏ, ria mép rậm. Chúng tôi tìm thấy anh ta gần 1 cái cây, tư thế như đang ngồi ngửa ra, khẩu súng của anh lại chống vào 1 cái cây khác. Một viên đạn trúng ngực, viên khác xuyên qua đáy cổ họng. Chúng tôi đưa anh về, vừa kéo vừa chạy."

Trung úy Rescorla, như mọi lần ở ngay trung tâm của sự việc. "Tôi dẫn trung đội tiến lên khu vực im lìm. Chúng tôi lần theo 1 đường mòn ngoằn ngoèo vượt qua hàng đồng xác chết của quân địch. Được hơn 45 mét chúng tôi vượt qua 1 bãi trống tiến tới 1 nhóm xạ thủ súng máy nằm chết của quân địch. Còn không đầy 7 thước nữa thì đầu tên địch động dậy. Tôi quăng người sang 1 bên. Mọi thứ diễn ra như phim chiếu chậm. Một gương mặt cau có của tên địch, đôi mắt mở to, khói tuôn ra từ nòng súng của hắn. Tôi bắn hai lần và nằm cúi xuống, kinh ngạc nhìn vào hộp băng đạn trống rỗng của mình. 'Lựu đạn' tôi gọi lại đằng sau cho điện đài viên của tôi, binh nhất Salvatore P. Fantino. Cậu ta tung cho tôi 1 quả. Tôi tóm lấy, kéo chốt và ném đó vào chỗ những cái đầu NVA đang nhấp nhô. Tiếng súng nổ ran dọc theo hàng quân và chúng tôi phải bò về những cái hố cáo của mình. Thêm 7 người nữa bị thương dọc theo hàng quân, bao gồm cả trung úy Lane. Trung sĩ Larry L. Melton và tôi bò ngược trở lại với 1 túi lựu đạn, trong lúc những người khác bắn yểm trợ chúng tôi. Nhóm quân địch, từng người một, bị giết chết, phía sau gò mồi.

Khi tiếng súng nổ ra Diduryk báo cáo qua điện đài. Tôi nắm lấy Charlie Hastings, kiểm soát không quân tiền phương và điện đài viên của tôi, binh nhất Bob Ouellette, cùng với Plumley, chúng tôi chạy hơn 70 mét về hướng vị trí chỉ huy của Diduryk. Rescorla ở phía trước bên trái

cách khoảng 30 tới 40 mét đang tập hợp quân của mình. Tôi nói với Hastings bãi bỏ mọi lệnh ngừng oanh tạc và gọi xuống tất cả hỏa lực không quân anh ta có trong tay, gọi tới ngay tức thì. Đang quần lượn trên đầu là những chiếc A-1E Skyraider từ Phi đội không quân xung kích số 1. Đại úy Bruce Wallace, chỉ huy phi đội, nói: “Tôi nhớ là nói chuyện với Hastings trên điện đài. ‘X-Ray, đây là Hobo Three-One, 4 chiếc A-1E, bom, napal và súng máy. Hãy trình bày yêu cầu của anh cho rõ ràng.’ Tiếng trả lời: ‘Roger, Hobo Three-One, X-Ray. Mục tiêu của anh là 1 vùng tập trung của 1 nhóm quân địch ngay gần phía đông nam chúng tôi. Muốn các anh trước tiên là dội bom, sau đó là Napal, cuối cùng là súng máy vào bất cứ thứ gì chúng tôi thấy vẫn còn chuyển động xung quanh ngoài đó.’ ‘Xác nhận X-Ray. Chúng tôi sẵn sàng tiến xuống.’”

Đợt tấn công của không quân bắt đầu. Hastings cũng gọi thêm những chiếc phản lực cơ chiến đấu và ném bom tới. Trong vòng có vài phút những bụi rậm phía trước hàng quân của Diduryk phải chịu hàng loạt tiếng nổ của rocket, bom 250 và 500 pound, napal, đạn 20m súng máy, bom cluster và bom WP. Peter Arnett, lúc đó là 1 phóng viên của AP, đã nhảy xuống X-Ray sáng hôm đó, anh ở gần với hố của Diduryk và liên tục chụp hình.

Sau một vài phút oanh tạc, tôi nói với Hastings: “Thêm 1 đợt 500 pound thật, thật gần để giết sạch bất kỳ tên PAVN nào còn sót lại ngoài đó, rồi kêu họ ngưng.” Tôi nói Diduryk ra lệnh cho lính gấn lê và tiến ra ngoài. Không tới 10 giây chúng tôi nhảy lên xông vào những đám khói đen do những trái bom 500 pound cuối cùng tạo nên. Ở trên cao, phi đội Spad của đại úy không lực Bruce Wallace đang sắp xếp lại đội hình và nhận đánh giá hiệu quả oanh tạc từ Charlie Hastings: “Trong nhiều phi vụ những báo cáo bao gồm ước đoán số lượng xe tải đậu của quân địch hay những lán trại tre bị huỷ diệt hoặc số lượng thương vong có thể gây ra cho quân địch. LZ X-Ray thì khác, Hastings chỉ nói với chúng tôi như là. Khéo léo nếu chúng tôi không chính xác: ‘Roger, Hobo, không có điểm hôm nay, nhưng dù sao cũng cảm ơn vì đã giúp.’ Động viên nếu chúng tôi đội chính xác: ‘Roger, Hobo, hoàn toàn chính xác vào những gì chúng tôi muốn. Chỉ huy mặt đất gửi lời biết ơn tới các anh.’”

Rescorla và binh lính ngồi nhìn cuộc trình diễn không quân với những đánh giá cao. “Chúng tôi đang tập hợp cho đợt càn quét cuối cùng. Bất ngờ 1 chiếc ném bom chiến đấu nhào xuống từ trên cao. Chúng tôi nằm chúi mũi xuống đáy hố cáo của mình. Một loạt những tiếng rít ập xuống rồi những tiếng nổ làm rung chuyển mặt đất. Bom rơi xuống chỉ cách chúng tôi có 30 mét. Chúng tôi đứng lên với bụi và rác phủ đầy người. Mệnh lệnh tới buộc phải tiến ra ngoài. Mọi người lính có thể, gồm cả trung tá Moore, tiến ra phía ngoài chu vi.”

Lần này thì chẳng còn 1 trở ngại nào. Chúng tôi giết thêm 27 tên địch và quét sạch mọi sự chống cự. Tôi nhìn 1 vùng phủ đầy với những xác chết quân địch, 1, 2 hoặc từng đồng cú trải dài theo dải đất tan nát và nham nhở. Máu me, mảnh cơ thể người, những bộ quân phục xơ xác, mảnh vũ khí vương vãi đầy trên mặt đất. Những hình ảnh này như làm tôi tỉnh táo lại. Những người này, kẻ thù của chúng tôi, cũng có cha có mẹ. Nhưng chúng tôi đã làm những việc chúng tôi phải làm.

Bên cạnh việc muốn cho Diduryk và lính của anh thực hiện nhiệm vụ 1 cách an toàn và chu

đảo. Tôi có 1 lý do nữa để buộc tự mình phải tham gia vào cuộc càn quét cuối cùng. Rick Rescorla: “Trung tá Moore, trong khu vực của chúng tôi, chạy tới 1 đồng xác, kéo từng xác ra một. ‘Ông trung tá làm quái gì ở đây thế?’ Trung sĩ Thompson hỏi. Tôi lắc đầu. Lúc sau chúng tôi thấy ông quay lại, đi trước vài người đang được cáng trên ponchos. Vào lúc 10g30 trung tá Moore đã tìm thấy những gì ông ấy đang tìm kiếm. 3 lính Mỹ chết giờ không còn mất tích nữa; giờ họ trên đường trở về nhà với những người thân yêu của mình.”

Trung tá Robert McDade và phần còn lại của tiểu đoàn 2, Kỵ binh 7 đã bắt đầu hành quân tới X-Ray từ bãi Columbus, 3 dặm phía đông, vào khoảng 9g30. McDade mang theo tiểu đoàn bộ của ông cùng với đại đội Charlie và Delta của tiểu đoàn 2. Ông cũng được phối thuộc đại đội Alpha, tiểu đoàn 1, Kỵ Binh 5. Họ tới gần chỗ chúng tôi vào khoảng giữa trưa. Đi đầu hàng quân là binh nhất 4 Jack P. Smith, con trai của 1 phóng viên radio và truyền hình Howard K. Smith. Jack Smith viết những gì anh nhìn thấy trên 1 bài báo cho tờ Saturday Evening Post, vào năm 1967: “Tiểu đoàn 1 đã chiến đấu liên tục trong hơn 3 hoặc 4 ngày, tôi chưa bao giờ trông thấy đám binh lính nào dơ dáy bẩn thỉu như vậy. Trông họ hầu hết có vẻ bị sốc. Họ nói rất ít, chỉ nhìn ngó xung quanh với đôi mắt thâm quầng và bối rối. Cứ mỗi khi nghe thấy tiếng đạn pháo rít tới là tôi nằm chụp xuống, nhưng họ vẫn cứ đứng. Phải có chừng 1000 xác chết đang mục rữa ở đó, bắt đầu cách từ 20 mét quanh 1 vòng khổng lồ những hố cáo.”

Những người khác cũng phụ họa theo sự kinh ngạc của Smith. Binh nhất Pat Selleck, một mỗi bởi 3 ngày ở X-Ray nghe những người mới tới nói: “Tôi nghe 1 người nói, ‘Jesus Christ, mấy người các anh đã làm gì ở đây? Nó giống như 1 cuộc tắm máu vậy. Tất cả những gì thấy được là xác chết ở khắp nơi khi chúng tôi bước tới đây.’” Binh nhất 4 Dick Ackerman, người Merced, California, thuộc trung đội trinh sát của McDade khi họ tiến vào X-Ray. “Trên đường tiến vào LZ thứ đầu tiên tôi thấy là xác quân địch được xếp như đồng củi dọc theo đường đi, từng đồng cao ít nhất là 1m8. Tôi không bao giờ quên hình ảnh đó.”

Vào lúc 10g40 với 2 tiểu đoàn sung sức-tiểu đoàn 2, kỵ binh 5 của Tully và tiểu đoàn 2, kỵ binh 7 của McDade- giờ đang ở trong hoặc đang tới X-Ray, đại tá Tim Brown ra lệnh cho những người sống sót mỗi của tiểu đoàn 1, kỵ binh 7 của tôi chuẩn bị rút ra nghỉ ngơi. Brown cũng nói với chúng tôi rằng đại đội Bravo củaa Diduryk thuộc tiểu đoàn 2 và trung đội của trung úy Sisson thuộc đại đội Alpha của tiểu đoàn 2, những người đã chiến đấu cùng chúng tôi cũng có cơ hội được nghỉ ngơi và tái nạp năng lượng. Chúng tôi sẽ bay bằng những chiếc Huey tới LZ Falcon và từ đó sẽ được đưa về Trại Holloway ở Pleiku bằng những chiếc Chinook CH-47.

Tôi nói với Dillon tổ chức và điều hành cuộc di tản. Những người của Tully và McDade sẽ thực hiện thay phiên, nhận lấy những vị trí của chúng tôi ở X-Ray. Dillon để Merchant thực hiện việc rút quân, trong khi chúng tôi phối hợp thay phiên với Bob Tully và sĩ quan hành quân của anh, đại úy Ron Crooks. Chúng tôi không chỉ rút khỏi X-Ray với lính và vũ khí của mình mà còn mang theo những người chết và bị thương cuối cùng của đơn vị và cả 1 lượng không thể tin được vũ khí và quân trang của địch thu được.

Lúc này, vào cuối buổi sáng, thứ 3 ngày 16 tháng 11, tính chất của LZ X-Ray đã thay đổi. Những gì trước đây tạo nên vùng chết chóc đã thay đổi thành 1 thứ gì đó khác. Chúng tôi đi đứng tự do, thoải mái trong khu vực chỉ vài giờ trước đây việc di chuyển đồng nghĩa với cái chết. Ngoại trừ tiếng pháo binh và không quân dội bom không còn nghe thấy bất cứ thứ gì nữa. Mọi thứ quá im lặng, quá ngớ ngàng, làm tôi không cảm thấy thoải mái. Một nguyên tắc cũ: Nothing was wrong except that nothing was wrong. Quân địch ở đâu? Quay đầu lại CPC ? Vẫn còn trên núi, chuẩn bị tấn công nữa? Quay về phía bắc tới sông Drang và nguồn nước quan trọng của chúng? Và lại 1 câu hỏi cũ: Những khẩu súng máy hạng nặng chống máy bay 12.7mm của quân địch ở đâu? Nếu chỉ huy quân địch mang những khẩu súng này chĩa vào chúng tôi từ trên núi phía trên, LZ X-Ray với 3 tiểu đoàn lính Mỹ chen chúc hiện là miếng mồi quá ngon. Tôi nói với Dillon gia tăng hỏa lực pháo binh quấy nhiễu và ngăn chặn và tiếp tục cho không quân dội bom xuống những sườn núi phía trên chúng tôi. Tôi nói với anh rằng tôi muốn có một bản chụp hoàn hảo, vẽ tất cả những vị trí đặt hỏa lực mà có thể bắn được vào chỗ chúng tôi.

Tiếp đến, vẫn còn nỗi lo lắng là chúng tôi đã kiểm kê tất cả mọi người hay chưa. Tôi ra lệnh cho sở chỉ huy hậu phương của tiểu đoàn kiểm kê lại 1 lần nữa tất cả những người chết và bị thương của chúng tôi. Và tôi nói với Diduryk đưa đại đội của anh ra ngoài 1 lần cuối cùng, càn quét phía trước khoảng 150 mét. Khu vực này chính là nơi diễn ra trận đánh giáp lá cà dữ dội nhất và tôi muốn nó được kiểm tra lại lần cuối cùng. Tôi kiên quyết giữ lời hứa rằng tiểu đoàn này sẽ không bao giờ bỏ rơi ai lại chiến trường, rằng mọi người đều sẽ được đưa về nhà.

Trung sĩ trung đội Fred J. Kluge của đại đội Alpha, tiểu đoàn 1, Kỵ binh 5 đang chỉ dẫn người của mình chiếm lĩnh những hố chiến đấu dọc theo chu vi cũ. “Hai người lính của tôi gọi tôi lại và chỉ xuống. Đó là 1 trung sĩ Mỹ bị chết trong đống đổ nát. Tôi nhìn anh ấy và cứ bị ám ảnh rằng: Anh ấy trông giống như mình. Tôi nói với hai người lính: ‘Cẩn thận lòi anh ấy lên rồi kéo anh ấy về phía những chiếc trực thăng.’ Có người đến sau lưng tôi và nói: ‘Không, các anh không được làm như vậy, trung sĩ. Anh ấy là người lính của chúng tôi, và các anh phải kính trọng anh ấy. Lấy thêm 2 người nữa và ‘cáng’ anh ấy về bãi đáp.’ Đó là trung tá Moore, đang kiểm tra lần cuối cùng những vị trí của ông. Nếu chúng tôi không tìm thấy người trung sĩ ấy, thì ông ấy cũng sẽ tìm thấy. Tôi có lý do để nhớ tới lời của ông và phải lặp lại những từ đó chỉ hai ngày sau.”

Gần trưa 1 chiếc Chinook chở nhiều nhà báo, phóng viên ảnh và nhóm quay phim truyền hình đáp xuống X-Ray dưới sự hướng dẫn của đại úy J. D. Coleman, thuộc phòng quan hệ cộng đồng của sư đoàn. Dơ dáy, mệt đến liệt người, và gần như điếc đặc sau 2 ngày đêm chiến trận, Joe Galloway đứng nhìn những đồng nghiệp của mình, họ bày tỏ sự khâm phục với anh và đang cố bắt lấy những hình ảnh của trận đánh này. Frank McCulloch, lúc đó là trưởng văn phòng tạp chí Time tại Sài Gòn nói, “1 chiếc trực thăng chở nhóm phóng viên chúng tôi bay tới X-Ray vào ngày thứ 3. Có một vài viên đạn bắn tới và chúng tôi đều phải nhảy vội xuống đất. Chúng tôi nhìn xung quanh và Galloway đứng đó, nói: ‘Thối tha, mấy viên đạn đó không nhằm vào chúng ta đâu.’”

Charlie Black của tờ Columbus Ledger-Enquirer, tới ghì chặt Galloway. Hai người cùng bước xa

khỏi đám đông, Galloway cố phác họa 1 vài hình ảnh về những gì đã xảy ra ở nơi này, Black cố ghi lại bằng 1 máy đánh chữ xách tay chạy bằng pin cũ kỹ những gì anh có thể hiểu được và viết những bài báo dài điện chúng về quê nhà, những thứ đó được đăng trên tờ báo nơi quê nhà của Sư đoàn kỵ binh bay số 1, được vợ và con của những người lính đọc: “Charlie, đây là những người lính vĩ đại nhất đã từng tham gia vào 1 cuộc chiến! Chẳng có một thứ gì có thể sánh bằng trận đánh này trước đây. Tôi muốn mọi người Mỹ phải hiểu được những đứa con của họ đã làm những gì. Hãy nhìn khắp nơi kìa, những thứ đó không làm anh cảm thấy tốt đẹp sao?” Người phóng viên trẻ dẫn đồng nghiệp nhiều tuổi hơn mình tới 1 khu vực của chu vi nơi 1 GI đã cắm 1 lá cờ Mỹ nhỏ trên đỉnh của 1 cái cây cụt.

J. D. Coleman mô tả khoảnh khắc và ý nghĩa của lá cờ nhỏ trong cuốn sách của ông 'Pleiku: Bình Minh của chiến thuật trực thăng vận ở VN': "Thực ra đó chỉ là 1 cảnh quay như trong mọi bộ phim chiến tranh đều có, nhưng khi đó ở X-Ray, giữa những cảnh chết chóc, hủy diệt và chủ nghĩa anh hùng siêu thực, sự hiện diện của nó làm cho cảm xúc dâng trào."

Những phóng viên khác giờ bữa vây xung quanh tôi. Tôi nói với họ đây là 1 trận đánh đầy thử thách, khó khăn, rằng rõ ràng chúng tôi đã đánh nhau với 1 quân thù dũng cảm, kiên cường và cực kỳ lợi hại trong hàng quân của Bắc Việt.- nhưng hỏa lực của người Mỹ, kỷ luật, sự gan dạ và sự sẵn lòng hy sinh để chiến thắng đã làm nên X-Ray. "Những người lính Mỹ dũng cảm và những khẩu M-16 đã giành chiến thắng ở đây." Tôi nói. Giọng nói tôi nghẹn lại và mắt tôi ngấn lệ khi tôi nói với các phóng viên rằng rất nhiều người của tôi bị giết ở nơi này chỉ còn vài ngày nữa là hết hạn phục vụ trong quân đội- nhưng họ đã chiến đấu và dũng cảm hy sinh. Khi tôi đứng đó tôi biết rằng điện tin sẽ làm tan nát nhiều trái tim và cuộc sống của nhiều gia đình Mỹ có người thân đang lính.

Charlie Black tới chỗ tôi, lần cuối cùng tôi nhìn thấy anh ta là ở đường băng tại trang trại Catecka 6 ngày trước đây khi chúng tôi thực hiện hành quân trong khu vực Pleime. Charlie đang trên đường về sau 2 tuần vất vả bám theo những hoạt động của Lữ đoàn 1. Tôi thuyết phục anh ấy đi cùng chúng tôi; Charlie Black được chào đón ở mọi đơn vị trong sư đoàn kỵ binh bay. Anh ấy viết cho tờ báo mà các gia đình chúng tôi đọc. Nhưng anh xin miễn, thay vào đó chọn 1 vài ngày R&R ở Sài Gòn. Giờ tôi trêu chọc Charlie vì đã bỏ lỡ trận đánh lớn nhất của cuộc chiến tranh từ trước tới nay. Anh cười nhe cái răng ánh vàng của mình, rồi thụi tôi 1 cái mạnh vào mạng sườn.

Tiếp đó phóng viên tờ New York Times Neil Sheehan, người suốt buổi sáng đi vòng quanh chu vi phỏng vấn binh sĩ, đến hỏi chuyện tôi. Tôi biết anh ta là người đã ở VN lâu năm và là người có óc quan sát sắc sảo và nghiêm túc. Đừng gặng gò mỗi chỉ huy của tôi, anh nói: "Đây có thể là trận đánh ấn tượng nhất của chiến tranh VN kể từ trận Ấp Bắc." Anh hoàn toàn đúng.

Tôi quay trở lại công việc. Sở chỉ huy hậu phương của tiểu đoàn đã điện cho biết tất cả thành viên của tiểu đoàn tôi và các đơn vị phối thuộc từ tiểu đoàn 2, kỵ binh 7 đã được kiểm đếm và di tản. Không 1 người nào mất tích. Đại đội của Diduryk báo cáo lại sau chuyến càn quét cuối cùng của họ dọc theo chiến trường: Không có thương vong Mỹ nào được tìm thấy. Những báo cáo này thuyết phục lương tâm tôi rằng không có MIA nào nữa, vì vậy tôi đồng ý cho Dillon bắt đầu cuộc chuyển quân ra khỏi X-Ray. Vào lúc 11g55 đơn vị đầu tiên được chuyển đi là đại đội Charlie của Edwards, hay là những gì còn lại của nó. Dick Merchant nói: "Nhiệm vụ cuối cùng của tôi là điều khiển bãi đón và chuyển quân cho tiểu đoàn. Công việc dường như kéo dài bất tận. 4 chiếc trực thăng 1 lần với mỗi chiếc chỉ chở có 4 lính." Tại sao chỉ có 4 người được lên máy bay trong khi khoang có thể chứa tới 10 người? Bởi vì mỗi chiếc trực thăng không chỉ chở có 4 người mà còn chất tới hàng đồng vũ khí của quân địch và những vũ khí và trang bị chưa dùng của chúng tôi.

Trong bản báo cáo sau trận đánh, tôi đề nghị quân đội phải thiết lập sự kiểm soát chặt chẽ hơn trong cả hai thứ vũ khí của quân ta cũng như quân địch khi được chuyển ra khỏi khu chiến. Chúng tôi đã mất rất nhiều vũ khí của riêng mình, bị lấy đi từ những người bị thương phải vào viện, và rất nhiều vũ khí quân địch tịch thu được và gửi tới bộ phận tình báo để đánh giá, chúng biến mất 1 cách đơn giản, bị dò rỉ như là những món quà tặng bởi những người lính ở tuyến sau, lính quân y và phi hành đoàn trực thăng. Chúng tôi chuyển ra khỏi X-Ray 57 khẩu AK-47, 44 khẩu cạc bin SKS, 17 trung liên tự động Degtyarev, 4 khẩu súng máy hạng nặng Maxim, 5 súng phóng rốc két RPG-2, 2 nòng cối 82mm, 2 súng ngắn 9mm ChiCom và 6 bộ cứu thương. Công binh thu gom và tiêu hủy hàng trăm khẩu súng trường và súng máy khác, 300 tới 400 trái lựu đạn, 7000 viên đạn, 3 thùng đạn RPG, và 150 dụng cụ đào bới.

Giờ tới lúc đếm xác. Từ lúc bắt đầu trận đánh tôi đã biết rằng bộ chỉ huy cấp cao muốn biết kết quả cuối cùng những gì chúng tôi gây thiệt hại cho quân địch. Vì vậy sau mỗi một đợt giao tranh lớn của trận đánh, dù rất ghét, tôi lại yêu cầu những chỉ huy đại đội đánh giá đúng đắn nhất số quân địch bị giết. Diễn biến, cường độ trận đánh tăng lên sục sôi liên tục trong suốt 3 ngày 2 đêm, khiến nó có tất cả mọi thứ trừ sự ngăn nắp. Không có ông trọng tài nào thổi ngừng trận đấu để đếm xác. Chúng tôi cố gắng hết sức có thể để giữ được con số xác thực nhất của số quân địch bị giết. Cuối cùng bằng đếm xác nó lên tới 834 chết, cộng thêm khoảng 1215 chết và bị thương theo đánh giá do không quân và pháo binh gây ra. Riêng tôi tôi giảm con số 834 xuống còn 634, phép trừ cần thiết vì những nhầm lẫn cá nhân trong đám khói bụi mờ mịt của trận đánh, và giữ nguyên con số ước lượng 1215. Chúng tôi bắt được và chuyển về 6 tù binh.

Về phía quân mình, chúng ta mất 79 lính Mỹ KIA và 121 bị thương, không có người mất tích.

Nhưng việc đếm xác với cả hai bên, dù là đó là điều thảm hại, cũng không phải là cốt lõi của vấn đề. Những gì xảy ra trong 3 ngày này là 1 sự thay đổi lớn lao trong chiến tranh Việt Nam. Lần đầu tiên kể từ Điện Biên Phủ, quân đội Bắc Việt chiến đấu trong đội hình sư đoàn. Những người lính của quân đội Nhân Dân tuồn xuống phía nam theo đường mòn Hồ Chí Minh không ngừng gia tăng, và lúc này họ trực tiếp tác chiến bằng sức mạnh trên chiến trường Nam Việt Nam. 79 người Mỹ chết trong vòng có 3 ngày tại X-Ray. Cái giá phải trả cho sự liên quan của nước Mỹ vào hành động sen đầm mờ mịt này tăng lên 1 cách chóng mặt. Việt Nam giờ là 1 trò chơi mới bao gồm toàn bộ chính trị, quân sự và ngoại giao. Washington và Hà nội giờ phải ra những quyết định, và họ phải quyết định sớm.

Tới lúc này, tuy nhiên, ưu tiên hàng đầu của tôi là đưa lính của mình ra khỏi X-Ray nhanh chóng và an toàn, và bàn giao mảnh đất hoang tàn, phủ đầy máu này cho trung tá Bob Tully.

Trung sĩ Glenn Kennedy và nhóm 42 người còn sống của đại đội Charlie đáp xuống LZ Falcon vào lúc 12g20. Họ ra khỏi những chiếc Huey và nằm dài ra cỏ trong ánh nắng chói chang, chờ đợi những chiếc Chinook đưa họ về trại Holloway. Đại đội Delta bắt đầu rút khỏi X-Ray vào lúc 12g45.

Binh nhất Vince Cantu đang đợi tới lượt. Anh nói, “Hết chiếc này chiếc khác xà xuống rồi bay lên. Dường như nó kéo dài vô tận, chờ đợi làm cho người ta bị Stress. Nhưng chúng tôi phải chờ tới lượt mình. Sau khi chúng tôi lên được trên không tôi nhớ mình đã cầu nguyện: ‘Làm ơn, hỡi đức Ngài, đừng để chúng bắn rơi chúng con.’ Tôi đã thấy 2 chiếc trực thăng và 1 máy bay bị bắn rơi. Tôi nghĩ, ‘Đức Ngài chắc sẽ không để chúng bắn rơi chúng con sau khi Ngài cho chúng con sống sót qua 3 ngày 2 đêm trong Địa ngục.’ Chúa ở trên cao đang dõi theo chúng tôi; Ngài đem chúng tôi về nhà. Khi chúng tôi ra ngoài đó, tôi chỉ còn 6 ngày trong quân ngũ. Cuối cùng tôi cũng về đến nhà hoàn toàn vô sự, không có lấy 1 vết sẹo. Vài người bạn của tôi không được may mắn như vậy. Tôi nghĩ về họ rất nhiều.”

Binh nhất 4 Willard Parish, 1 người lính khác thuộc đại đội Delta nhớ lại hành động cuối cùng ở X-Ray: “Có những thứ bạn nhớ mãi. Chúng tôi chôn những hộp thiếc của khẩu phần C và những thứ giống như vậy, sẵn sàng chờ những chiếc trực thăng tới chở ra khỏi thung lũng. Lúc trước khi chúng tôi đào những hố chiến đấu của mình, có 1 bụi cây nhỏ ở ngay góc trái hố, nó phủ đầy lá xanh. Lúc chúng tôi ngồi chờ ở đó, tôi nhìn vào nó và chỉ còn duy nhất 1 chiếc lá còn sót lại trên cây. Vì lý do nào đó mà tôi không biết, tôi với tay và ngắt chiếc lá cuối cùng đó đi, khiến cho bụi cây hoàn toàn trơ trụi.”

Trung úy Rescorla: “Chúng tôi bay ra xa, nhưng cái mùi hôi thối của xác chết cứ ám ảnh tôi nhiều năm sau này. Phía dưới, với những xác chết của quân địch mặt đất trông như đang nổi những hạch đậu mùa. Ai trong trung đội cũng cười. Bất ngờ 1 xạ thủ M-79 ngồi kể nôm thoác vào vạt áo của tôi. Tôi hiểu tâm trạng của cậu ta. Cậu ấy, giống như nhiều người khác, đã chiến đấu thật dũng cảm cho dù họ chưa hề có 1 kinh nghiệm về cảnh đầu rơi máu chảy. Mỗi người lính sẽ nhìn nhận trận đánh qua lăng kính cá nhân của mình. Nói theo kiểu chiến thuật, đây là 1 hành động ‘tìm kiếm, định vị và tiêu diệt địch- đúng như là những gì được dạy cho các chàng trai tại Fort Benning. Một cuộc trình diễn gọn gàng, và quân NVA bị đánh bại 1 cách êm ái lạnh lùng, giống như họ lừa từng đơn vị một của mình vào 1 cái máy xay thịt vậy.”

Joe Galloway chụp những bức ảnh cuối cùng một nhóm lính mệt mỏi của đại đội Alpha của Tony Nadal xung quanh gò mồi, thu dọn vũ khí và đồ dùng của riêng mình rồi tìm tôi để nói lời tạm biệt. Chúng tôi đứng nhìn nhau và bất ngờ, không 1 chút thẹn thùng, những giọt nước mắt chảy dài trên khuôn mặt đầy bụi đỏ của chúng tôi. Tôi nói trong nghẹn ngào: “Hãy đi và nói với nước Mỹ về những điều anh hùng mà những người lính này đã thực hiện; hãy nói những đứa con của họ đã chết như thế nào.” Cậu ấy bay về Pleiku, dọc trên đường dây liên lạc của quân đội câu chuyện của mình cho văn phòng UPI ở Sài Gòn; ngày hôm sau câu chuyện của anh về trận đánh dưới chân núi Chu Pong làm kinh ngạc các gia đình của chúng tôi ở Fort Benning và gây sốc cho toàn thế giới. Ở Columbus, Georgia, vợ tôi, Julie, đưa lũ trẻ tới trường học và mua 1 tờ Enquirer vào buổi sáng đó: “Đoạn đầu tiên của câu chuyện-được viết bởi Galloway-nói rằng đó là trận đánh đẫm máu nhất trong lịch sử chiến tranh VN. Rồi ở đoạn kế tiếp, anh dẫn lời chồng tôi. Tôi phải hít 1 hơi thật sâu trước khi đọc tiếp phần còn lại.”

Khi Galloway kết thúc việc đọc bản tin của mình, Bryce Miller, trợ lý trưởng văn phòng UPI hỏi: “Này cậu có nghe gì về Dickey Chapelle không? Cô ấy bị giết trong khi hành quân cùng Thủy

quân lực chiến đấu.” Galloway bước ra trên những bậc thang của doanh trại đặt trong khu MACV vùng II, và ngồi xuống. Dickey Chapelle, 1 phóng viên chuyên nghiệp kỳ cựu, người đã từng theo dõi đưa tin cả tá các cuộc chiến tranh và xung đột cách mạng, là 1 người bạn tốt và luôn sẵn lòng trợ giúp cho những phóng viên mới tham gia vào trò chơi chiến tranh. Galloway ngồi đó, trong bóng tối, lắc đầu trong im lặng, đưa tay quệt những giọt nước mắt khóc cho người bạn cũ của mình và cho tất cả những người mới biết, chết ngay bên cạnh anh mấy ngày qua. Đây sẽ là 1 cuộc chiến tranh kéo dài. Tưởng thưởng cho công việc anh đã làm ở thung lũng Ia Drang, UPI tăng lương cho anh từ 135 USD lên 150 USD /1tuần. Khi anh báo cho mẹ mình về việc được tăng lương, bà lắc đầu và nói rằng đó là “đồng tiền xương máu”. Galloway nghĩ rằng có thể bà đúng, nhưng chắc chắn rằng không có tiền nào có thể so sánh với những giọt máu đã đổ.

Đại úy Bruce Wallace và những chiếc A-1E của anh bảo vệ chúng tôi rút khỏi X-Ray: “Rồi cũng tới lúc rút khỏi X-Ray, tôi thấy rõ là việc rút ra cũng nguy hiểm không kém lúc đổ quân. Chúng tôi trút 1 màn bom đạn vào giữa khoảng cách của quân địch với LZ X-Ray nhằm ngăn chặn hoạt động của chúng đủ dài cho đoàn bay chuyển quân bay tới, chất người và vũ khí, rồi bay ra. Tôi nhớ âm thanh của những tiếng súng truyền qua microphone của Charlie Hasting khi anh trèo lên 1 chiếc trực thăng, tôi chỉ cảm thấy thoải mái khi họ đã bay lên trên cao. Tôi chỉ huy chuyển bay cuối cùng đó nhằm bảo vệ cho tiểu đoàn 1 kỵ binh 7, rút ra khỏi thung lũng Ia Drang. Phi vụ đó kết thúc mọi sự liên hệ của tôi với kỵ binh 7 tại X-Ray.”

Đã gần tới 3 giờ chiều và chỉ còn lại vài người trong chúng tôi ở sở chỉ huy tiểu đoàn chờ được đưa đi: Matt Dillon, Charlie Hasting, Jerry Whiteside, những điện đài viên của họ, thượng sĩ Plumley, Bob Ouellette và tôi. Plumley, Ouellette và tôi là những người cuối cùng rời khỏi gò mồi. Chúng tôi leo lên chiếc Huey thứ 4 của chuyến chuyển quân cuối. Nó đang đậu đó, chờ đợi, cánh quạt xoay phành phạch, mũi hướng về phía tây. Tôi là người cuối cùng ngồi xuống mép cửa bên trái của trực thăng và chúng tôi cất cánh trong 1 cua lượn gấp sang hướng bắc. Khi tôi nhìn xuống mặt đất đầy những vết sẹo của chiến tranh, tôi cảm thấy tự hào về những gì chúng tôi đã làm, đau buồn về những mất mát và cảm thấy có tội rằng tôi vẫn còn sống.

## 17/ NÓ SẼ KHÔNG KẾT THÚC CHO TỚI KHI NÓ KẾT THÚC

*Those who do not do battle for their country do not know with what ease they accept their citizenship in America.*

*-Dean Brelis, The Face of South Vietnam*

1 chuyến bay ngắn, nhanh tới LZ Falcon, cách X-Ray về phía đông chỉ 5,5 dặm. Khi chúng tôi hạ cánh xuống giữa những khẩu pháo, tôi nhìn thấy 1 nhóm lính ở cách khoảng 70 mét trên triền tây bắc của LZ. Họ ở trong những đám cỏ khô, bị chà nát, đang đợi những chiếc Chinook tới đưa về Trại Hollway. Thượng sĩ Plumley và tôi đi tới hướng đó và nhanh chóng nhận ra họ là khoảng 70 người thuộc đại đội Bravo của đại úy John Herren. Chúng tôi đi giữa đám đông, bắt tay và cảm ơn về tất cả những gì họ đã làm, nhìn vào đôi mắt thâm quầng của họ. Tất cả chúng tôi cũng đều kiệt sức, nhưng không bằng với đại đội Bravo. John Herren và người của

anh đã không ngủ trong hơn 81 giờ đồng hồ qua. Chúng tôi còn đau đớn khủng khiếp bởi những cái chết của đồng đội.

Dean Brelis, phóng viên NBC, đang ở LZ Falcon vào chiều hôm đó. Anh ghi lại hình ảnh trong cuốn sách của mình xuất bản năm 1967, *The Face of South Vietnam*.

‘Hal Moore là người cuối cùng rút ra khỏi khu chiến. Đây là trận đánh lớn nhất mà ông từng tham gia. Ông là 1 trung tá, và ông đã thể hiện mình như người đáng rất tự hào. Thượng sĩ của ông luôn bên cạnh ông. Phải cần tới 1 Shakespeare để mô tả những gì xảy ra ở đó, nhưng có thể nói nó giống như tình yêu, tình người và sự tự hào. Đó là khoảnh khắc của sự dũng cảm. Hal đi hết nhóm này tới nhóm khác, và chỉ có rất ít người khí khái đứng lên bởi vì lúc này không có sự đặc quyền nào, không cấp bậc, và Hal Moore không muốn họ đứng lên và chào hỏi mình. Chính ông đang đi chào đón họ. Ông nói chuyện với họ. Ông cảm ơn họ. Không hề có tính hình thức và cách chào mừng của ông không như cái cách mà 1 chính trị gia thường làm. Với hai bàn tay không, cả nghĩa đen lẫn nghĩa bóng, ông bắt tay từng người. Đó là 1 tập thể đoàn kết, những người đã chiến đấu và đã đánh bại kẻ thù, dù không phải là 1 chiến thắng cuối cùng, 1 chiến thắng kết thúc cuộc chiến tranh, mà 1 chiến thắng vượt qua những điều không chắc chắn, chưa hề biết tới. Khi tới lượt họ thì họ làm tốt công việc của mình, thể thôi, trong đầu của Moore chắc cũng nghĩ như vậy. Và ông nói rằng nếu họ không giành được sự kính trọng của ai, thì họ có được của ông.’

Sau 40 phút hoặc hơn ở cùng với đại đội của Herren chúng tôi bước tới những vị trí pháo binh, của khẩu đội A và C thuộc tiểu đoàn 1, pháo binh 21, chỉ huy bởi đại úy Don Davis và đại úy Bob Barker. Họ tự gọi mình là ‘Big Voice of Garry Owen’ vào thời điểm đó, nhưng vào tháng 11 năm 1990, 1 phần tư thế kỷ sau, Joe Galloway nhận ra 1 trong hai khẩu đội này đang yểm trợ cho Sư đoàn Kỵ Binh số 1 tại hoang mạc Ả rập Xê út. Một đại úy trẻ sáng sủa từ Virginia, hiểu biết truyền thống của đơn vị mình, cùng với binh lính đón chào người phóng viên và nói với Galloway 1 cách tự hào: “Thưa ngài, chúng tôi gọi mình là Falcons và tôi biết rằng ông hiểu rõ hơn ai hết tại sao chúng tôi đặt tên mình như thế. Chúng tôi chính là những pháo binh đã yểm trợ cho ông vào cái lúc ông nguy nan nhất ở LZ X-Ray.” Anh nài nỉ Galloway thăm viếng khẩu đội trước khi dùng bữa tối nhân lễ Tạ ơn cùng với họ.

Tôi nhờ Barker và Davis tập hợp người của họ lại. Những pháo thủ đã bắn hơn 18000 viên đạn pháo trong 53 giờ liên tục, đều kiệt sức. Hàng đồng khổng lồ vỏ đạn, thùng đạn trống rỗng, chất đầy xung quanh những khẩu pháo. Những pháo thủ đang đứng xung quanh tôi cởi trần, da của họ đỏ lựng trong bụi và mồ hôi. Từ đáy lòng tôi nói lời cảm ơn họ. Tôi nói với họ một cách chính xác nhất những gì mà bầy đạn pháo có sức công phá lớn của họ đã hữu ích cho chúng tôi trong những lúc căng thẳng nhất của trận đánh, và họ đã gây tổn thất ghê gớm như thế nào cho quân địch. Trung sĩ nhất Warren Adams tình cờ gặp 1 người bạn cũ đang là trung sĩ trưởng của 1 khẩu đội, Adams nói, “Chúng tôi làm nóng chảy vài nòng pháo để cố giữ cho các cậu được an toàn ngoài đó.”

Trung sĩ nhất Clarence W. Blount người vùng Pensacola, Florida, là trưởng 1 nhóm tác xạ trong

khẩu đội của đại úy Davis. Gần 20 năm sau anh viết cho tôi: “Tôi nhớ ông và thượng sĩ Plumley đến vị trí pháo của chúng tôi và ông đã đọc cho đơn vị 1 bài diễn văn dài cảm ơn những hỗ trợ pháo binh to lớn mà chúng tôi đã dành cho các ông trong suốt trận đánh X-ray. Nó gây ấn tượng dài lâu trong tôi. Tôi cảm thấy mình có ích cho tổ quốc, quân đội và đơn vị của mình đã thật sự ở đỉnh cao nhất vào lúc đó. Tôi đã đợi rất lâu để nói những điều này cho một người nào đó.”

Barker nhớ lại: “Có nhiều lúc trong suốt thời gian của trận X-Ray chúng tôi đã vượt qua quy định về thời gian duy trì tỷ lệ tác xạ cao. Bộ phận chống giạt của 2 khẩu pháo đã bị hỏng sáng sớm ngày thứ 2. Một tổ lắp đạn đã nhanh chóng sửa chữa chúng trong buổi sáng hôm đó. Khi tiểu đoàn của trung tá Moore rút ra khỏi X-Ray, ông đã nói chuyện với tất cả lính pháo binh ở Falcon. Những lời của ông làm cho những xạ thủ cảm thấy họ đóng 1 vai trò trọng đại trong trận đánh.”

Sau đó những chiếc Chinook bắt đầu chở những người lính bộ binh tới trại Holloway, Plumley và tôi ở lại thêm một thời gian nữa, nói chuyện với lính pháo binh, trước khi lên 1 chiếc Huey để về trại. Chúng tôi không ở đó để thấy những gì phóng viên Dean Berlis chứng kiến ở Holloway và viết lại trong cuốn sách của mình:

“Tới cuối buổi chiều tất cả họ đã trở lại Pleiku. Họ bước ra từ những chiếc Chinook cồng kềnh và, dù chẳng có ai ra lệnh, họ xếp thành hàng thẳng. Họ không còn là những người lính bộ binh bắn thủ và mỗi một nữa.

Tiểu đoàn của Moore tự giác chần chừ hàng ngũ cứ như là họ trở về lại với cuộc sống vậy. Và những GI khác, những người không có mặt ở X-Ray liếc nhìn họ với ánh mắt có gì đó khiếp sợ bởi vì họ là những tay đã chui ra từ đó. Không có những lời chúc mừng, nhưng họ không thể che dấu sự ngưỡng mộ của mình. Một vài GI chụp hình khi chúng tôi đi qua-có cảm giác như hình ảnh này mang tính đóng kịch, bởi vì những người của Moore vẫn chưa hồi phục sau những gì họ trải qua. Những người may mắn có thể quay về này chẳng nói cười, chẳng la mừng bởi vì đó là sự may mắn của số phận. Nhưng có những dấu hiệu thể hiện qua gương mặt những người này rằng họ đang quay trở về căn cứ và họ không thể hành quân quay về như thể không có chuyện gì đã xảy ra. Họ đi trong im lặng và suy tư, không hề có í định làm 1 cuộc diễu binh kiểu mẫu. Bạn cũng sẽ như vậy nếu như bạn là 1 người trong số họ. Những GI trong bộ quân phục và gương mặt sạch sẽ đứng theo dõi họ để chờ họ có thể nói gì về trận đánh. Đó là hình ảnh mà Hollywood sẽ không bao giờ làm ra được, bởi vì bụi bẩn và máu khô của chiến trận đã thấm vào những người này. Bạn sẽ chỉ có thể bắn thủ và tự hào như vậy nếu bạn tham gia vào trận đánh và sống sót quay về. Bạn không thể tự có mà được.

Trong khoang lái của chiếc Huey chở tôi thẳng tới Pleiku là Serpent 6, Old Snake, Thiếu tá Bruce Crandall, bên cạnh anh là phi công, đại úy Jon Mills. Old Snake là người chở chúng tôi tới, bây giờ anh lại là người đưa chúng tôi ra. Khi chúng tôi đáp xuống Camp Holloway, tôi và thượng sĩ Plumley, tách riêng để kiểm tra xem lính của mình có được chăm sóc tốt hay không. Ngay trước lúc bước đi, tôi nói với Crandall rằng tôi rất muốn làm 1 ly sau mọi chuyện căng

thằng này. Old Snake chỉ tới 1 hội quán của sĩ quan tên Quonst-hut, sơn phết loè loẹt, gần đó, chúng tôi đồng ý sẽ gặp lại ở đó 1 lúc nữa.

Plumley và tôi nhận thấy lính tráng đều ổn thoả. họ được tắm nước nóng, phát cho những bộ quần áo mới, bữa ăn nóng, bia ướp lạnh và lều bạt để qua đêm. Sau thời gian ở Ia Drang những thứ này thật quá xa xỉ. Xạ thủ Bill Beck: “Chúng tôi được phát cho áo mới và sạch. Bộ quần áo cũ của tôi dính quá nhiều máu, trên vai, ống tay, phía trước, phía sau, ống quần. Chúa ơi! Đó là những thứ tôi nhớ nhất mỗi khi nghĩ về Ia Drang-làm thế quái nào lại có nhiều máu đến thế kia chứ.” Quan trắc súng cối Jon Wallenius: “Chúng tôi rút ra khỏi X-Ray về Pleiku đề nghị R&R. Dường như chúng tôi về ngay bữa ăn tối. Chúng tôi ngủ trên mặt đất gần đường băng sân bay.” Binh nhất 4 Ray Tanner: “Khi tôi trở về tới khu vực được dành cho ở Peiku tất cả chúng tôi bắt đầu tìm kiếm những người mất tích. Tôi có 1 thằng bạn cùng quê ở C/1/7 thế nên tôi đi tìm nó. Cùng lúc đó nó tới đại đội Delta để tìm tôi. Mỗi thằng chúng tôi đều nghe nói là đứa còn lại đã bị giết hay bị thương gì đó. Chúng tôi nhảy bổ vào nhau. Đó là khoảnh khắc tái hợp tuyệt diệu. Đừng bao giờ nói rằng lính tráng ngại ôm hôn và khóc lóc, chúng tôi đã làm cả hai điều đó. Tên hấn ta là Hardy Brown.”

Trung sĩ Steve Hansen nhớ lại: “Tôi say tuý lúy ở Holloway. Cũng nhớ là bữa ăn đầu tiên mà chúng tôi nhận: hamburger trong khẩu phần B, nóng và phết kem Marmite. Mùi vị giống như thịt nướng vậy. Một đầu bếp tới xin lỗi từng người vì đó là tất cả những gì họ có. Tôi vẫn nhớ cái cảm nghĩ của mình lúc đó, tôi như đã được thử thách và đã xứng đáng là 1 người đàn ông.”

Sau khi chắc chắn lính mình được chăm sóc tốt, tôi gặp lại Bruce Crandall và Jon Mills, chúng tôi đi uống rượu. Tôi vẫn còn mặc bộ quần áo bẩn thỉu, vải dệt chéo lẫn lộn với kiểu của WWII, quân phục tôi đã mặc 5 ngày qua. Trong cuốn ‘Pleiku: Bình minh của chiến thuật trực thăng vận ở VN’, J. D. Coleman viết những gì diễn ra sau đó: “Khi họ bước tới quầy Bar, bartender nói rằng anh ta không thể phục vụ cho họ vì Moore quá bẩn thỉu. Mills nhớ rằng Moore đã từ tốn giải thích ông mới từ chiến trường ra và đang rất muốn làm 1 cốc. Bartender trả lời: ‘Ông đang ở Sư đoàn Kỵ Binh số 1. Câu lạc bộ này không thuộc về ông; Ông phải đi khỏi nơi này.’ Mills nói rằng đó là lúc Moore mất bình tĩnh. Ông nói: ‘Đi gọi sĩ quan câu lạc bộ lại đây và chúng ta sẽ giải quyết chuyện này. Những ngay bây giờ, tôi ngồi đây và tôi muốn có 1 ly rượu. Và tôi muốn có nó trong 1 phút.’ Bartender thối lui nhanh chóng để đi gọi sĩ quan câu lạc bộ tới nhưng vẫn từ chối rót rượu cho 3 người. Thế là Moore cởi khẩu M-16 trên vai xuống và đặt nó trên quầy Bar. Mills và Crandall cũng nghiêm mặt đặt mấy khẩu 0.38 của họ xuống bàn. Moore nói tiếp: ‘Mày có chính xác là 30 giây để mang cái gì đó uống được tới đây nếu không tao quét sạch cái chỗ này.’ Bartender lúc này hiểu ra và nhanh chóng phục vụ. Cũng lúc đó, Sĩ quan phụ trách câu lạc bộ vừa tới. Ông ta đã nghe nhiều về trận đánh trong thung lũng và biết Moore là ai. Và thế là mọi chuyện vỡ ra, tất cả mọi người trong câu lạc bộ vây lấy họ. Kể từ lúc đó, 3 người chẳng mua thêm được 1 ly rượu nào nữa. Đó là lúc họ biết rằng trận đánh ở X-Ray cuối cùng cũng kết thúc.’

Bruce Crandall lôi 1 hộp xì gà Bering ra, loại được bọc những ống nhôm. Anh đưa cho mọi người xung quanh. Tôi châm 1 điếu và nhấp 1 ngụm gin và tonic lạnh, và để cho đầu óc mình

trống rỗng. Trung úy Rick Rescorla, nhớ lại đêm đó: “Sau khi tắm rửa, nhưng không thay quần áo mới, tôi nhập cùng với những sĩ quan của tiểu đoàn 1, kỵ binh 7, ở câu lạc bộ sĩ quan Holloway. Chúng tôi nốc bia, nhưng không để say. Chẳng phải ăn mừng chiến thắng nào nhiệt gì; chúng tôi đều mất đi vài người đồng đội thân thiết nhất. Chúng tôi vây đặc quanh trung tá Moore đến nỗi dù ông muốn đi cũng chẳng di chuyển được. Những người gần nhất gần như bám vào người ông như trong 1 trận Rugby vậy. Cứ vài phút 4 hay 5 người gần ông nhất lại từ từ đổi chỗ cho những người ở vòng ngoài. Những người mới lại dính chặt mắt vào tư lệnh. Sự kính trọng và thông hiểu lẫn nhau diễn ra trong im lặng. Có người lầm bầm ‘Garry Owen’ hay ‘Shit’ đúng theo giọng điệu khi nói ‘Amen’. Tất cả 12 hoặc hơn sĩ quan đã hiểu được điều đặc biệt gì đó nơi bản thân và người khác khi họ chiến đấu dưới tay Moore trong trung đoàn 7 kỵ binh ở thung lũng Ia Drang.”

Chúng tôi đều kiệt sức. Sau khoảng 1 hoặc 2 giờ bù khú với những cảm xúc khác nhau, chúng tôi chia tay và đi ngủ. Tôi đến lều hành quân của tiểu đoàn, đang hoạt động trong im ắng. Trung sĩ Robert Brown là NCO trực ở đó. Tôi cởi bỏ mọi thứ, giày và tất cả, ngã mình xuống 1 cái giường bạt của GI ngủ ngay tức thì. Khi tôi tỉnh dậy vào buổi sáng ngày 17, tháng 11, tôi nhận ra trung sĩ Brown đã đắp lên mình tôi 1 cái chăn bông GI màu nâu vào lúc nào đó trong đêm.

Trở lại LZ X-Ray với 2 tiểu đoàn của Tully và McDade, đêm nay là 1 đêm khá yên tĩnh. Yên bình nhưng cả 2 đơn vị đều trong tình trạng báo động hoàn toàn. Những tiếng súng rời rạc, vài viên đạn cối, và hỏa lực H & I của quân Mỹ nổ liên tục luôn giữ cho họ tỉnh táo. Hơn nữa, mùi hôi thối của hàng trăm xác chết của địch đang phân huỷ trong cái nóng cũng khiến cho họ không thể ngủ được ngay cả khi được phép. Đại tá Tim Brown đã báo động cho cả 2 tiểu đoàn rằng họ sẽ phải rút ra X-Ray vào sáng hôm sau; B-52 sẽ dội bom xuống những sườn núi Chu Pong gần đó, và lính Mỹ phải cách xa vùng ảnh hưởng ít nhất là 2 dặm. Thời gian khởi hành được quyết định là 9 giờ sáng.

Hai tiểu đoàn sẽ hành quân theo hướng đông bắc, Tully dẫn đầu, hướng thẳng tới LZ Columbus. Tiểu đoàn của McDade sẽ theo sau Tully một quãng rồi quặt qua hướng tây và tây bắc thẳng tới 1 bãi trống nhỏ có mã là LZ Albany. Tiểu đoàn của McDade không còn đại đội Bravo của Diduryk và 1 trung đội của đại đội Alpha, họ giờ đang ở Pleiku nghỉ ngơi, nhưng Tim Brown đã phối thuộc cho McDade đại đội Alpha của đại úy George Forrest thuộc tiểu đoàn 1, kỵ binh 5.

Trung tá Bob Tully đã chỉ huy tiểu đoàn mình được 18 tháng. Anh hiểu rõ những sĩ quan và binh lính của mình: Chính anh đã huấn luyện họ. Như trò chơi may rủi, Trung tá Bob McDade, 1 người lính đã trải qua 3 cuộc chiến tranh, mới chỉ huy tiểu đoàn của mình có 3 tuần. Trong suốt 18 tháng trước anh làm việc trong G-1 của sư đoàn, trưởng ban quân lực, và đã gần mười năm trôi qua kể từ khi anh không còn chỉ huy lính chiến đấu. Dù McDade đã từng chỉ huy 1 trung đội súng trường ở Nam Thái Bình Dương trong WWII và 1 đại đội bộ binh ở Triều Tiên- và đã nhận 2 ngôi sao Bạc và 3 Trái Tim Màu Tím-anh nhận thấy mình tham gia vào cuộc chiến này và chức vụ chỉ huy này 1 cách rất thận trọng.

McDade đã hoàn thành xuất sắc công việc của trưởng ban quân lực sư đoàn cho Tư lệnh, trung tướng Harry W. O. Kinnard và Kinnard tưởng thưởng cho anh bằng việc chỉ huy 1 tiểu đoàn. Nhưng không phải không có sự đề phòng, ông bổ nhiệm trợ lý riêng của mình, thiếu tá Frank Henry, xuống tiểu đoàn 2, kỵ binh 7, làm sĩ quan thừa hành của McDade để “tiến hành mọi việc trôi chảy cho tới lúc McDade quen thuộc với công việc.”

Tiểu đoàn 2, trung đoàn kỵ binh số 7, cũng là tập hợp những lính quân dịch, những NCO giỏi, những trung úy trẻ và những chỉ huy đại đội xuất sắc tương tự như tiểu đoàn 1 anh em của nó. Nhưng nó không có được đợt huấn luyện cơ động không vận nâng cao giống như chúng tôi có được trong đợt Thử Nghiệm của Sư đoàn Air Assault số 11. Khi Sư đoàn Kỵ Binh số 1 được lệnh tới VN, Lục quân chuyển thêm cho Kinnard 2 tiểu đoàn bộ binh vào tháng 7 năm 1965 để bù vào chỗ thiếu trong đội hình sư đoàn. Tiểu đoàn 2, trung đoàn kỵ binh số 7, là 1 trong 2 tiểu đoàn đó.

Đại tá Tim Brown nhớ lại: “Khi họ gia nhập với chúng tôi, họ đang rải đều trên toàn quốc, vài đơn vị ở Bragg, số khác ở Fort Jackson, lại còn thiếu quân số nữa. Tôi hỏi tư lệnh tiểu đoàn, trung tá John White, anh có bao nhiêu người. Anh ta nói chỉ có 100 người cho toàn tiểu đoàn. Vì vậy Lục quân phải tìm người cho đủ quân số của tiểu đoàn, họ lấy từ sư đoàn 101, sư đoàn 82, một vài người từ Fort Lewis. Họ hoàn toàn là một nhóm người xa lạ với nhau. Quý tha ma bắt, tôi phải mượn một số trực thăng, và nhờ họ chở tiểu đoàn 2/7 đi vài vòng nhằm để họ biết trực thăng là cái thứ gì. Đó là tất cả những gì về cơ động không vận mà chúng tôi huấn luyện cho họ ở Fort Benning.”

Thượng sĩ tiểu đoàn, James Scott nói: “Chúng tôi có rất nhiều người thay thế tới, bổ sung cho đủ quân số tiểu đoàn, nhằm đưa tiểu đoàn gia nhập với Kỵ Binh Bay. Huấn luyện không vận ư? Chúng tôi chỉ duy nhất 1 lần bay trên trực thăng ở Fort Benning đó là sự huấn luyện cơ động không vận của chúng tôi. Không quá 2% tiểu đoàn có kinh nghiệm chiến đấu. Sự lo sợ là những điều chúng tôi nghĩ tới. Chúng tôi là 1 đơn vị hoàn toàn mới và không được huấn luyện trong hành quân cơ động không vận.”

Thiếu úy J. L. Alley, Jr., người South Carolina, gia nhập Sư đoàn bộ binh số 2 vào tháng 8 năm 1965 trực tiếp từ Trung tâm huấn luyện sĩ quan dự bị (ROTC) ở trường Đại học Furman dưới 1 chương trình thử nghiệm của Lục quân gọi là U2. Họ lấy những người tốt nghiệp ROTC và đưa trực tiếp vào vị trí chỉ huy quân lính mà không qua khoá học bộ binh cơ bản dành cho sĩ quan. “Tôi trải qua 3 tháng trực tiếp trên thao trường trong Air Assault II. Tôi thuộc tiểu đoàn 1, trung đoàn bộ binh số 9 và chúng tôi là 1 đơn vị bộ binh kỹ thuật. Họ thực nghiệm tấn công không vận lên chúng tôi. Tôi trở về từ chiến trường diễn tập vào Lễ tạ ơn, rồi ngày 15 tháng 2 năm 1965 tôi được gửi tới Fort Sill, Oklahoma, tới trường sĩ quan thông tin, thời gian kéo dài tới 3 tháng. Khi tôi trở về chúng tôi chuyển tới Fort Bragg để nhận lấy nhiệm vụ huấn luyện tân binh bởi vì Sư đoàn dù 82 đã đi tới Cộng hoà Dominica và họ có một đồng lính mới mà không có ai ở Bragg để huấn luyện cả. Tôi ở đó tới tháng 7 khi tổng thống Johnson tuyên bố trên truyền hình rằng Sư đoàn Kỵ binh bay sẽ được triển khai ở VN.

“Ngày hôm sau chúng tôi được gọi lại Benning, Tôi ngay lập tức được bổ sung cho tiểu đoàn 2, bộ binh 9, vào cái ngày nó được đổi thành tiểu đoàn 2, kỵ binh 7. Nó chỉ có cái tên là cũ còn là toàn thứ mới, người mới tới trình diện hàng ngày. Chẳng ai biết thứ gì và không ai biết ai. Nó giống như việc người ta tập trung những chiếc xe hơi cũ các loại và đóng gói rồi bán ra nước ngoài. Huấn luyện cơ động không vận ư? Quý tha ma bắt, tôi lần đầu tiên trong đời được bay trên trực thăng là đoạn đường từ bờ biển Qui Nhơn tới sở chỉ huy sư đoàn tại An Khê ở VN.”

Thiếu úy Alley cho rằng tiểu đoàn 2, kỵ binh 7 là 1 đơn vị tương tự, không tốt hơn cũng không tệ hơn với hầu hết những đơn vị còn lại. “Những NCO và ban tham mưu đều giỏi giang. Đại úy Jim Spires, sĩ quan hành quân của tiểu đoàn, là 1 chỉ huy hàng đầu, và tôi không thể nói tốt hơn về thiếu tá Frank Herry. Anh là 1 tay hạng nhất, một cái đầu thật lạnh dưới bom đạn. Những chỉ huy đại đội dường như hiểu biết công việc của họ, đặc biệt là Skip Fesmire và Muron Diduryk. Chúng tôi có 1 hay là 2 đơn vị đã từng có những đụng độ nhỏ với quân địch trên chiến trường. Tiểu đoàn bộ là một đơn vị khác biệt với những đại đội thông thường khác. Chúng tôi là những người của ban tham mưu, tiếp liệu, thông tin, và quân y. Những người quản lý và phục vụ chiến đấu không trực tiếp tham gia chiến đấu.”

Trung tá Edward C. Shy Meyer, người sau này là Tổng tham mưu trưởng liên quân, là sĩ quan thừa hành của Tim Brown ở Lữ đoàn 3 vào mùa thu năm đó. Ông hồi tưởng lại: “Một quyết định rất thận trọng được đưa ra trong những đợt hành quân đầu tiên ở VN này từ Pleiku nhằm đưa 2/7 vào khu vực họ có thể có cơ hội thực nghiệm những nguyên tắc cơ bản, phối hợp các di chuyển trong rừng rậm, vì thế ít nhất họ có thể làm việc chung với nhau ở một nơi không có sự hiện diện của quân địch. McDade là 1 tư lệnh tiểu đoàn mới mẻ, nhưng tôi phải nói rằng anh ấy có những chỉ huy đại đội rất mạnh mẽ, và cả những NCO giỏi với kinh nghiệm của chiến tranh Triều Tiên thậm chí cả WWII nữa. Tôi biết một số người từ hồi còn ở Triều Tiên và họ thật giỏi giang. Frank Henry, sĩ quan thừa hành, luôn luôn kiểm soát được tình hình; anh có những giác quan tốt trong việc đưa quân tuần tra và quan tâm tới hậu cần. Tôi nghĩ anh là người phụ tá tốt và chuyên nghiệp cho McDade trong quá trình làm quen với công việc của 1 tư lệnh tiểu đoàn.”

Một trong những sức mạnh của tiểu đoàn 2 chính là thượng sĩ James Scott. Anh đã từng đổ bộ xuống Normandy, và bị thương 3 lần trong chiến đấu trong khoảng thời gian từ tháng 6 tới tháng 12 năm 1944. Anh chiến đấu 13 tháng ở Triều Tiên và cùng với sư đoàn bộ binh số 2 ở Fort Benning được 6 năm. “Tôi đã có 24 năm phục vụ vào năm 1965; tôi đã có thể nghỉ hưu, nhưng đó không phải là lúc để bỏ đi, khi bạn biết mình sẽ có ích và bạn có một ít kinh nghiệm. Trung tá White, chỉ huy tiểu đoàn mùa hè đó, là 1 cựu binh của WWII, chúng tôi nói chuyện nhiều với nhau về những kinh nghiệm đã trải qua.”

Scott để ý tới Trung sĩ nhất Charled Bass, là 1 lính của sư đoàn 2 nhưng không buộc phải sang VN vì anh mới trở về từ đó sau 1 nhiệm kỳ làm cố vấn quân sự cho quân đội Nam VN. “Anh ấy có rất nhiều kinh nghiệm. Tôi gặp anh ấy một lần trên đường phố Columbus, Georgia, và anh nói: ‘Hãy hứa thăng chức cho tôi, tôi sẽ xung phong đi với các anh.’ Tôi nói rằng anh ấy biết là

tôi chẳng thể nào đảm bảo cho anh sự thăng quan tiến chức nhưng tôi sẽ luôn để anh trên đầu danh sách mỗi khi có đợt. Thế là anh ấy đến với chúng tôi, nhận chức danh trung sĩ hành quân. Anh ấy và tôi cùng ở chung 1 lều ở VN. Một NCO nữa đã đến chia sẻ trí tuệ của anh với chúng tôi. Charles có thể nói hàng giờ về chiến tranh, cách phối hợp với pháo binh, không bao giờ đánh giá thấp quân địch-chúng kiên trì, luôn canh chừng khẩu AK-47 của chúng, 1 loại vũ khí tốt. Cảnh giác với những gò mồi, bắn vào những cái cây và những gò mồi mỗi khi đi và đến. Kẻ địch VN này rất giỏi; chúng luôn kiên định với mục tiêu của mình. Những điều đó nghe mà phát sợ nhưng tất cả đều là sự thật.”

Trung úy S. Lawrence Gwin trẻ, tóc vàng, cao 1m85; anh là một người đi theo tiếng gọi của tổng thống Kennedy. Anh được phong sĩ quan chính quy từ ROTC của đại học Yale vào tháng 6 năm 1963. Không chỉ tốt nghiệp nhảy dù và biệt động quân, anh đã học ngôn ngữ 3 tháng ở trường tiếng Việt Nam. Vào tháng 9 năm 1965 anh đang là cố vấn cho 1 tiểu đoàn quân Nam VN ở đồng bằng sông Mekông thì anh bất ngờ được chuyển lên phía bắc và được bổ nhiệm vào tiểu đoàn 2, kỵ binh 7 làm sĩ quan thừa hành của đại đội Alpha, dưới quyền đại úy Joel Sugdinis.

Gwin nói, “McDade tới nhận quyền chỉ huy, vài tuần đầu tiên ông chỉ im lặng quan sát, chỉ ra những mệnh lệnh mà tôi có thể gọi là nhẹ như lông ngỗng. Một sự quét dọn sạch sẽ cơ cấu chỉ huy của tiểu đoàn. Thiếu tá Frank Henry thay Pete Mallet. S-3 được thay bởi đại úy Jim Spires, người mà tôi rất thích bởi anh cũng từng là 1 cố vấn. S-3 là trung úy Mike Kalla, hoàn toàn mới với cuộc chơi. Thế là chúng tôi lên Pleiku với một cơ cấu chỉ huy hoàn toàn không quen thuộc. Một cách cơ bản tiểu đoàn này bao gồm đám lính kinh khủng với những NCO rần rỏi. Thiếu sót là: họ đến từ sư đoàn 2 bộ binh, không có bản sắc của kỵ binh. Họ không được huấn luyện hành quân cơ động không vận. May mắn là, đại úy Sugdinis được chuyển tới từ D/1/7; anh là 1 người tốt nghiệp West Point, được huấn luyện tốt và là 1 sĩ quan xuất sắc.”

Một người như nằm trong túi áo của 1 vị chỉ huy đó chính là điện đài viên, họ được nối bằng 1 sợi dây điện bọc nhựa màu đen. Jim Epperson, 26 tuổi, người Oakland, California, từng là điện đài viên của John White, giờ làm cho Bob McDade, “White là tuýp người lãnh đạo, có lẽ lính tráng không ưu kiểu đó. Ông quần chúng tôi cứ như là chúng tôi là đơn vị mẫu cho toàn quốc vậy. McDade thì nhàn nhã hơn. Ông đến với chúng tôi từ ban tham mưu, đã lâu ông không ở cùng với lính. Tôi đã phục vụ cả 2 người, nhưng tôi với McDade chúng tôi có nhiều quan hệ cá nhân hơn. Tôi thích McDade bởi vì tôi thường được ăn tới 2 khẩu phần C, của tôi và của ông ấy. Tất cả những thứ ông có thể ăn được là bánh xốp và hoa quả. Khẩu phần C thông thường làm ông đau dạ dày, vì vậy ông thường không ăn. Ông là 1 người cao và gầy, thường đeo 1 cái lắc bằng vàng.”

Trung tá McDade chỉ nói như thế này về tiểu đoàn của mình: “Cho tới khi tôi nhận quyền chỉ huy 2/7 chẳng có gì phải làm với cơ cấu của nó. Ấn tượng của tôi là mọi người đều thành thạo công việc. Tôi không nghĩ lúc đó họ có nhiều kinh nghiệm đến thế cũng như là những trang bị cần thiết cho quân kỵ binh. Những phẩm chất của kỵ binh vẫn chưa được thử thách. Tướng Kinnard gửi Frank Henry xuống chỗ tôi bởi vì anh có rất nhiều kinh nghiệm về cơ động không

vận và trực thăng, và vì đã từng làm việc rất gần bó với Kinnard và những trợ lý của ông. Đó là việc cho chúng tôi những kinh nghiệm về chiến thuật trực thăng vận mà Frank có. Toàn bộ kinh nghiệm mà tôi có hoàn toàn là của 1 lính bộ binh.”

Trở lại Holloway, vào thứ tư, ngày 17 tháng 11, suốt buổi sáng chúng tôi hoàn tất việc tẩy sạch binh lính, vũ khí và quân trang, cấp phát quần áo mới, tái tổ chức lại những chức vụ tạm thời và bắt đầu chuẩn bị giấy tờ cho những người sắp về Mỹ do hết hạn phục vụ trong 10 ngày hay 1 tuần nữa. Lúc này mọi người đang nghỉ ngơi, một vài người đang ngủ. Vài người viết thư. Vài người uống bia. Một vài người làm tất cả những thứ đó.

Rick Rescorla nói: “Bravo 2/7 trải qua 1 đêm thoải mái cuộn tròn trong những chiếc poncho thẳng hàng, ngủ theo đội hình trung đội xếp dọc theo 1 con đường gần bãi đáp máy bay của Holloway. Tỉnh dậy vào buổi sáng 17, nghỉ ngơi vì được hứa là sẽ trở về căn cứ An Khê, tinh thần xung quanh là ‘Chúng ta đã hoàn thành xong nhiệm vụ, trở về An Khê đẹp dễ thôi. Trong lúc đó, hãy nghỉ ngơi và chờ đợi phần còn lại của tiểu đoàn 2/7, lau sạch vũ khí và thưởng thức khẩu phần C nóng hổi đi.’ Tới trưa, vũ khí dựng vào nhau, mọi người nốc bia ở câu lạc bộ NCO và EM (enlisted men) hoặc nhai những thanh kẹo và uống soda ở cửa hàng tạp hóa.”

Ở cách 31 dặm về phía tây nam của Holloway, trong thung lũng Ia Drang, đội hình quân Mỹ rút khỏi X-Ray vào 9 giờ sáng như được hướng dẫn. Lệnh được truyền tai nhau giữa những người lính của McDade là họ sẽ làm 1 chuyến đi dạo dưới nắng mặt trời, hành quân nhẹ nhàng chuyển qua 1 bãi trống khác, tại đó trực thăng sẽ tới và bốc họ đi, bước chân đầu tiên của chuyển hành trình trở về căn cứ An Khê. Mệnh lệnh đã sai hoàn toàn.

### PHẦN III – ALBANY

#### 18./ Đi Dạo Dưới Ánh Mặt Trời

*I will tell you one thing that sticks in my mind: This was the least airmobile operation that occurred probably in the entire Vietnam War. It was right back to 1950 Korea or 1944 Europe. All we got were verbal orders: Go here. Finger on map. And we just marched off like we were in Korea.*

*-Colonel Robert A. McDade*

Gọi nó là định mệnh. Gọi nó là định mệnh của Cluster. Cho dù có chuyện gì xảy ra đi nữa cơ động không vận là 1 khái niệm không tồn tại ở đây. Hai tiểu đoàn thừa hưởng LZ X-Ray đang chuẩn bị bỏ nó đi, và họ đi giống như cách họ tới: bằng đôi chân. Cho dù 435 chiếc trực thăng của sư đoàn kỵ binh bay đang làm gì vào buổi sáng thứ tư đầy nắng, ngày 17, tháng 11, 1965, chúng cũng không sẵn sàng để chuyên chở tiểu đoàn 2, kỵ binh 5, của trung tá Bob Tully tới LZ Columbus hay tiểu đoàn 2, kỵ binh 7 của trung tá McDade tới 1 điểm, chấm trên bản đồ với tên LZ Albany. Rên rĩ và làm bầm, cả hai tiểu đoàn thu xếp quân trang. Mệnh lệnh đã truyền xuống: những chiếc B-52 khổng lồ đã sẵn sàng xuất phát ở Guam, mục tiêu của chúng là những triền núi phía trên của Chu Pong. Lực lượng đồng minh phải ra khu vực an toàn cách 2 dặm vào giữa

buổi sáng khi hơn 200 tấn bom loại 500 pound sẽ rải từ trên độ cao 11000 mét xuống. Đúng 9g sáng quân của Tully khởi hành, về hướng đông bắc.

Tully nói: “Chúng tôi qua đêm ở đó với tiểu đoàn của McDade. Tôi được lệnh tới Columbus. Chúng tôi đi đầu khi rút ra khỏi X-Ray, di chuyển đúng theo cách chúng tôi tiến vào, 2 đại đội phía trước, 1 ở sau. Chúng tôi gọi pháo binh bắn 1 trái phía trước mặt khoảng 360 mét hoặc cứ mỗi nửa giờ để chúng tôi có 1 điểm định vị tập trung. Bằng cách đo, nếu gặp rắc rối chúng tôi có thể ngay lập tức gọi pháo binh.”

Mười phút sau quân của McDade di chuyển. Tư lệnh lữ đoàn 3, Tim Brown, ở trên mặt đất X-Ray vào lúc đó, theo dõi việc chuyển quân. Chỉ dẫn của Brown cho McDade là đi theo sau tiểu đoàn của Tully. Qua nửa đường tới LZ Columbus 1 chút, tiểu đoàn của McDade sẽ quặt lên phía tây bắc tới LZ Albany. Bãi trống này được phối kiểm trên bản đồ là YA 945043, nằm cách sông Drang 565 mét về phía nam.

CWO Hank Ainswoth, 28 tuổi, người Weatherford, Oklahoma, đã có 10 năm quân ngũ và 1 năm rưỡi qua là phi công Huey của Sư đoàn Xung kích không vận số 11 và sư đoàn Kỵ binh bay số 1. Hank là phi công của trực thăng chỉ huy tiểu đoàn 2 kỵ binh 7 vào ngày hôm đó: “Tôi được giao nhiệm vụ lái chiếc trực thăng chỉ huy 2/7 làm 1 chuyến trinh sát. Chúng tôi bay trên bầu trời phía bắc của X-Ray vào sáng 17. Những người trên máy bay đang tìm kiếm 3 hay 4 LZ khác nhau có khả năng sử dụng. Họ chọn Albany, bãi nhỏ nhất mà chúng tôi bay qua, thực sự là bãi đáp chỉ cho 1 trực thăng. Chúng tôi bay thấp, cách ngọn cây chỉ 270 tới 360 mét, kiểm tra con đường mà họ dùng để tới được đó. Tôi hoàn toàn không trông thấy bất kỳ dấu hiệu nào chứng tỏ có quân địch dưới mặt đất. Chúng tôi không bị bắn lấy 1 phát đạn nào.”

Khi tiểu đoàn 2, kỵ binh 7 rời khỏi X-Ray vào sáng hôm đó, nhiệm vụ của họ là gì? Nhật ký hàng quân của lữ đoàn 3, tiểu đoàn 1 và tiểu đoàn 2, kỵ binh 7 đều không có trong lưu trữ của Ủy Ban Lưu Trữ quốc gia (National Archives) và đã không được tìm thấy bất chấp 1 cuộc tìm kiếm vẫn còn dở dang được thực hiện bởi Trung tâm Lịch sử Quân sự được bắt đầu từ tháng 9 năm 1967. Tại sao những tài liệu quan trọng này biến mất vẫn còn là 1 bí ẩn. Bản báo cáo sau trận đánh của sư đoàn vào tháng 3, 1966 viết rằng tiểu đoàn 2 “cần quét lên phía tây và tây bắc thẳng tới 1 vị trí theo bản đồ có thể dùng làm 1 bãi đáp. Vị trí trên bản đồ YA945043 được đặt tên là ALBANY.”

Đại tá Brown nhớ lại: “Ý định của tôi là Albany chỉ là 1 điểm tạm thời, nơi McDade đi qua để tới LZ Crooks. Tôi muốn chuyển 2/7 tới đó hơn là tập trung tất cả họ (2/5;2/7;1/5) vào LZ Columbus. Chúng tôi phải hỗ trợ cho quân Nam VN đang tiến lên trên đó, thế nên tôi sẽ chỉ đảo quân ra phía tây. Nhiệm vụ vẫn không thay đổi: chúng tôi vẫn còn ở ngoài này để tìm kiếm quân địch. Vì vậy tôi để họ di chuyển bằng đôi chân. Tôi có thể chuyển họ bằng trực thăng sau đó nếu tôi thấy cần thiết. Albany chỉ là 1 điểm trên đường đi, chỉ vượt qua nó và tới Crooks.”

Bãi trống được gọi là Crooks ở cách 8,1 dặm về phía tây bắc của X-Ray, trên phối kiểm bản đồ nó là YA 872126. Giữa khoảng cách này, theo đường chim bay chính là thung lũng la Drang.

Albany nằm cách X-ray 2 dặm về phía đông bắc và cách Crooks 6,8 dặm về hướng đông nam.

Shy Meyer nói do B-52 đội bom nên 2 tiểu đoàn ở X-Ray phải chuyển đi: “Lời đề nghị cho 2/7 là di chuyển lên phía bắc và tìm 1 LZ thích hợp. Tôi không nghĩ thậm chí có 1 điểm chấm Albany trên bản đồ. Sau này khi phải họp báo, tôi thấy rõ ràng rằng đây không thể là 1 cuộc phục kích cổ điển, vì quân địch không biết chúng ta đi đâu. Chỉ có quý mới biết cái tiểu đoàn này đi đâu mà thôi.”

Trung tá McDade, tư lệnh tiểu đoàn 2, cũng mù tịt. “Chúng tôi thật sự không biết cái chó gì hết, không tình báo, khi Tully và tôi rời khỏi X-Ray. Chúng tôi chẳng có ý thức gì về những điều chờ đợi chúng tôi ngoài đó. Họ bảo chúng tôi đi tới 1 chỗ gọi là Albany và thiết lập 1 LZ ở đó; chẳng có ai nói chúng tôi phải chiến đấu trên đường tới đó, chỉ là hãy đi và thiết lập 1 LZ. Còn có những việc khác theo sau nữa chứ, thời gian thì gây áp lực. Họ nói, tới đó và tổ chức 1 LZ. Thế là bạn phải cày qua; bạn chẳng có cảm giác gì về đường đi nước bước. Vì vậy tôi cứ mò mẫm tiến lên. ‘Đó là mục tiêu của tôi, vì vậy đi thôi!’ Chúng tôi bước đi tới Albany suốt buổi sáng. Chúng tôi được lệnh dừng lại và chờ khoảng 1 giờ gì đó trong lúc B-52 đội bom. Chúng tôi ngồi bệt xuống đất, rồi tiếp tục đi.”

Đại úy James W. Spires, S-3, sĩ quan hành quân của McDade, nhớ nhiệm vụ của họ là chặn đứng bất kỳ sự di chuyển nào của NVA dọc theo Ia Drang. “Có suy nghĩ là chúng thâm nhập dọc theo đường đó từ CPC để tấn công những vị trí hỏa lực của chúng ta. Họ nghĩ rồi cuối cùng chúng tôi cũng được bốc đi khỏi LZ đó hay 1 điểm nào khác trong khu vực.” Khi được hỏi về thông tin tình báo hay bất kỳ sự cảnh báo nguy hiểm nào, Spires nói: “Không có gì đặc biệt khiến tôi phải chú ý; không có bất kỳ báo cáo nào về tình hình ngoài đó.”

Thượng sĩ Scott: “Vào ngày 17, sáng sớm, tôi nghe rằng chúng tôi phải chuyển tới 1 LZ khác. Tôi hỏi trung sĩ Charles Bass, ‘Nhiệm vụ của chúng ta là gì?’ Anh nói: ‘Một trong 3 khả năng: Đánh nhau với quân địch; rút ra khỏi khu vực để B-52 làm việc; hoặc là được bốc đi, trở về An Khê.’”

Đại úy Dedley Tademy, điều phối viên hỏa lực yểm trợ (FSC) thuộc Lữ đoàn 3 của Tim Brown là người phối hợp tất cả các hỏa lực yểm trợ: không quân chiến thuật, pháo binh, ARA. “Vị trí của tôi là theo bất kỳ nơi nào Tim Brown đến. FSC nằm trong túi áo của tư lệnh, luôn sẵn sàng đối phó với những tình huống phát sinh. Chúng tôi quen với việc lên trực thẳng từ sáng sớm và ở trên đó chỉ huy suốt cả ngày.”

“Chúng tôi có thời khoá biểu của những chiếc B-52 tới vùng núi, và chúng tôi phải tránh xa LZ đó. Họ đang di chuyển tới 1 địa điểm khác, không có tên, chỉ là 1 vòng tròn trên bản đồ. Chúng tôi cần phải đưa những người này ra khỏi những cái hố cá nhân của họ, LZ X-Ray. Chúng tôi đã để lính ngồi trong đó suốt 4 ngày.”

Thượng sĩ Scott ở trong nhóm chỉ huy tiểu đoàn khi họ rời X-Ray: “Chúng tôi bắt đầu rời khỏi X-Ray theo đội hình nghiêm chỉnh, theo từng đại đội. Chúng tôi có người bên quân y, phụ tá

cha tuyên úy, bộ phận quân lực, một số đầu bếp và người làm bánh. Trung sĩ trưởng và chỉ huy tiểu đoàn bộ cũng đi cùng với chúng tôi. Đại úy William Shucart là bác sĩ phẫu thuật của tiểu đoàn. Anh cùng với chỉ huy trung đội quân y, trung úy John Howard và trung sĩ trợ lý trung đội quân y, Charles W. Storey cũng có mặt trong hàng quân.

Ngay trước khi đại đội Alpha, tiểu đoàn 2 khởi hành, chỉ huy của nó, đại úy Joel Sugdinis đã ra 1 lệnh khác thường. Sĩ quan thừa hành của anh, trung úy Larry Gwin, vẫn còn nhớ nó: “Đại đội đã ở trong trạng thái báo động hơn 52 tiếng đồng hồ. Chúng tôi ở trong tình trạng kiệt sức nên đại úy Sugdinis hướng dẫn mỗi người uống 2 viên APC, aspirin và caffeine, 1 hành động nhằm nâng cao tinh thần, tỉnh táo cho binh lính. Trung đội trinh sát tăng cường cho chúng tôi dưới sự chỉ huy của trung úy Pat Payne được chỉ định dẫn đầu bởi vì họ đã dẫn đầu tiểu đoàn khi tiến vào LZ X-Ray ngày hôm qua trong một vài vùng địa hình tương tự. Sugdinis nói: ‘Tình hình địch không rõ ràng, nhưng có NVA trong khu vực. Chúng ta tới Albany, bảo đảm 1 LZ cho khả năng quay về Pleiku.’ Chúng tôi triển khai hành quân 1 cách chiến thuật và chờ đợi đụng phải quân địch. Sugdinis nói với chúng tôi rằng luôn phải cảnh giác.”

Trước khi nhận quyền chỉ huy đại đội Alpha, tiểu đoàn 2, Sugdinis đã phục vụ ở tiểu đoàn 1. Khi đại tá Brown hỏi 1 sĩ quan để thay thế chỗ chỉ huy đại đội Alpha, Sugdinis ngay lập tức được đề cử. Joel 28 tuổi, là 1 người tốt nghiệp West Point, có một hành trang dồi dào làm lính sau lưng, gồm 2 năm ở sư đoàn xung kích không vận thử nghiệm số 11, và sư đoàn kỵ binh số 1. Anh cũng có 1 năm chiến đấu -1962-1963 làm cố vấn cho 1 tiểu đoàn bộ binh của VN. Sugdinis nói: “Khi tôi yêu cầu pháo binh hỗ trợ mở đường tới Albany, tiểu đoàn thông báo với tôi rằng chúng tôi không được trinh sát bằng hỏa lực bởi vì nó sẽ làm lộ sự hiện diện của chúng tôi, hay là điều gì đó giống như vậy. Tôi không được báo rằng tiểu đoàn 2 và 5 của kỵ binh 5 được trinh sát bằng hỏa lực khi họ di chuyển.”

“Là đơn vị đi đầu của 2/7, tôi xếp đại đội theo đội hình chữ V. Tôi để trung đội trinh sát, được tăng cường, ở đỉnh hay trung tâm, và mỗi bên để hai trung đội còn lại của tôi như là đơn vị vệ tinh. Tôi đặt nhóm chỉ huy của mình ở trung tâm đội hình phía sau gót của trung đội trinh sát. Lúc đầu chúng tôi theo sau 2/5.”

Đại úy Henry Hank Thorpe, người Bắc Carolina, là 1 mustang-có nghĩa là anh được phong sĩ quan trực tiếp từ cấp lính lên vào đầu năm 1960s. Anh chỉ huy đại đội Delta, đơn vị phía sau Sugdinis trong hàng quân. Thorpe nói: “Chúng tôi được lệnh theo sau hàng quân phía trước. Đó là 1 chuyến đi dạo dưới ánh mặt trời; không ai biết chuyện gì đang diễn ra.”

Theo sau Delta là lính thuộc đại đội Charlie của đại úy John A. Skip Fesmire, cũng theo đội hình chữ V. “Trong đoạn di chuyển đầu tiên, đã ngay lập tức biểu lộ là kiểm soát cái kiểu đội hình nay sẽ rất khó khăn một khi có nổ súng.” Fesmire nhớ lại, “chỉ huy tiểu đội và trung đội của Charlie có máy PRC 6's-loại máy điện đài walkie-talkie từ thời Triều Tiên, nhưng chúng không được tin cậy cho lắm. Hơn nữa một khi có người gục xuống trong đám cỏ cao, những chỉ huy tiểu đội chẳng có nhiều thời gian để định vị họ. Thế nên sau đoạn đầu tiên tôi để đại đội theo đội hình hàng dọc từng trung đội. Chúng tôi không phải là đơn vị dẫn đầu cũng không phải là

đơn vị khoá đuôi. Chúng tôi theo sau đại đội Delta, đại đội hoả lực chiến đấu.”

Trung úy Enrique V. Pujals, người Hato Rey, Puerto Rico, đã chỉ huy trung đội 3 của Fesmire hơn 1 tháng. “Ấn tượng của tôi là chúng tôi đơn giản phải rút ra càng nhanh càng tốt vì B-52 đang tới. Đại đội của chúng tôi di chuyển theo đội hình đại đội với từng trung đội một. Nó giống như một trong những đội hình hành quân cơ bản ở Benning ngay sau khi kết thúc 1 buổi diễn tập.”

Binh nhất 4 Jack Smith, 20 tuổi, Washington D.C., gia nhập quân đội để tìm 1 lối thoát sau khi thi trượt đại học, anh thuộc đại đội của Fesmire: “Mệnh lệnh truyền xuống chúng tôi phải di chuyển. Tôi đoán là các chỉ huy nghĩ trận đánh đã kết thúc. Ba tiểu đoàn PAVN đã bị tiêu diệt. Phải có tới 1000 xác định nằm ngoài đó, khi chúng tôi rời khỏi chu vi chúng tôi phải bước qua chúng. Một vài trong số đó đã nằm ở đó 4 ngày rồi.”

Đơn vị kế tiếp của hàng quân là tiểu đoàn bộ gồm nhân viên hậu cần và thư ký; đội quân y tiểu đoàn, tiếp liệu, phụ tá cha tuyên úy, sĩ quan thông tin và những thợ sửa chữa điện đài của anh ta, và những người khác.

Trung úy John Howard, người Pennsylvanian, là sĩ quan của Binh đoàn Quân Y Nghĩa vụ (Medical Service Corps) và là trợ lý điều hành cho bác sĩ phẫu thuật tiểu đoàn. Anh nhớ lại đã trải qua đêm 16 tháng 11 ở X-Ray bên cạnh Trung sĩ Storey. “Charlie Storey lại gần tôi trước khi chúng tôi di chuyển khỏi X-Ray vào sáng hôm đó và nhờ tôi mời thuốc, bởi vì anh quá hồi hộp đôi tay run rẩy không thể giữ được hộp quẹt. Tôi cố giúp anh trấn tĩnh bằng những câu đàm thoại thông thường, nhưng anh vẫn còn rất mất bình tĩnh. Tôi nghĩ anh đã linh cảm được điều gì đó.”

Trung úy Alley, sĩ quan thông tin của tiểu đoàn, cũng đi với tiểu đoàn bộ: “Người ta nói với chúng tôi rằng đây là 1 cuộc chuyển quân có tính chiến thuật. Vẫn còn nhiều trang bị trên trận địa: thiết bị, thực phẩm, quân trang của địch cần phải kiểm tra và tiêu hủy. Tình hình rất khẩn trương. Tôi phải mang thêm cây ăng ten RC-292 ngoài quân trang hành quân thông thường. Tôi nặng khoảng 70 ký; quân trang chiến đấu của tôi khoảng 20 tới 25 ký; cây ăng ten RC-292 nặng tới 30 ký nữa. Nhiệt độ phải lên tới 36°C và độ ẩm cũng hơn 95. Chúng tôi phải di chuyển thật nhanh qua những đám cỏ voi cao, những bụi cây rậm rạp nhiều khi chúng như những bức tường chắn ngang. Lưng chúng tôi đều gù xuống, mọi người đều mệt mỏi chết đi được.”

Trong sâu thẳm con tim nghĩ mình là 1 sĩ quan bộ binh hơn là 1 bác sĩ quân ý, đại úy William Shucart hành quân trong đội hình thẳng tới Albany. Doc Shucart là một trong những sỹ quan được kính trọng nhất ở tiểu đoàn. Anh học ở Đại học Missouri rồi chuyển tới Trường Đại học Y khoa Washington. “Tôi là 1 nhân viên của Bệnh viện Peter Bent Brigham ở Boston khi tôi bị gọi đi quân dịch. Lúc trước tôi có giấy hoãn nhập ngũ nhưng tôi mất nó khi chuyển qua khoa phẫu thuật. Tôi được bổ nhiệm vào bộ phận bỏng của bệnh viện quân đội Brooke ở San Antonio. Tôi thường chơi thể thao với một nhóm những lính quân dịch tốt bụng vào những buổi chiều. Khi Việt Nam là câu chuyện thường ngày, rồi sự kiện Vịnh Bắc bộ, rất nhiều trong

số họ được gửi tới đó. Tôi trở nên lẻ loi và suy nghĩ 1 việc quan trọng để làm trong cuộc đời. Vì thế tôi tình nguyện đi VN. Tôi bay tới Long Beach và đón một chuyến tàu chở lính rời bờ biển phía đông sớm nhất

Shucart nói thêm: “Người chỉ bảo cho tôi nhiều nhất về cuộc sống trong quân đội là trung úy Rick Rescorla, 1 người Anh, và trung sĩ John Driver, một người Ai Len. Driver từng làm chuột địa đạo; anh đã chui xuống đó và gọi: ‘Có ai ở nhà không?’ Khác với người khác, anh chẳng bao giờ ném lựu đạn khỏi xuống trước cả. Sau nhiệm kỳ của mình, anh trở về nhà và đi học sĩ quan, rồi quay trở lại VN với hàm trung úy, rồi bị giết. Driver có những quy tắc chiến tranh của riêng mình, và anh cố dạy những điều đó cho tôi. Bạn biết đấy, khi lau vũ khí nguyên tắc đầu tiên là luôn luôn lau ổ đạn trước. Driver thì không, nguyên tắc đầu tiên của anh là kiểm tra xem đó có phải là súng của mình không đã, để chẳng phải bao giờ lau súng nhằm của một người khác. Anh và Rescorla đã dạy cho tôi rất nhiều để trở thành 1 lính bộ binh. Tôi hành quân với họ để nhận biết cuộc sống thật sự nó như thế nào. Bạn biết không, công việc phẫu thuật viên tiểu đoàn là hoàn toàn lãng phí thời gian. Họ không cần phải lấy 1 bác sĩ y khoa để làm công việc đó. Tôi nhận ra rằng công việc chính mà tôi làm chỉ là những hỗ trợ về tinh thần, không phải là những công việc y khoa thực sự. Chẳng có cái quái gì bạn có thể làm được với điều kiện ngoài chiến trường. Tôi thường ra ngoài với các cuộc hành quân bởi vì tôi thích được như thế.”

Một trong những người mà Shucart thực sự thích là Myron Diduryk. “Anh ta thật tuyệt vời. Anh khoá nghiền ngẫm chiến lược quân sự. Anh ấy khuyên tôi nên đọc cuốn ‘Men against fire’, của S. L. A. Marshall, tất cả những thứ được viết ra. Chúng tôi nói chuyện về những gì khiến cho người lính trong chiến đấu thực hiện những hành vi của mình. Anh ấy ưa nói chuyện lỗ mãng theo kiểu những gã giang hồ xuất thân từ đường phố New Jersey, nhưng anh ấy là một người hay suy nghĩ và rất sáng dạ. Tôi rất tự hào về những sĩ quan mình quen biết trong quân đoàn và bị họ gây ấn tượng mạnh.”

Đại úy George Forrest, 27 tuổi, người Leonardtown, Maryland, chỉ huy đại đội Alpha, tiểu đoàn 1, kỵ binh 5. Anh là người khoá đuôi, theo sau bộ phận hành chính và yểm trợ của McDade. Forrest, người được phong sĩ quan từ ROTC của Trường đại học Morgan State ở Baltimore, đã chỉ huy đại đội được 3 tháng. Anh nhớ lại: “McDade nói chúng tôi sẽ là đại đội cuối cùng tiến ra. Tôi biết chúng tôi sẽ nhận lấy 1 công việc khó khăn bởi vì chúng tôi là lực lượng tăng cường. Những chỉ dẫn của McDade rất mơ hồ. Lúc đó tôi nghĩ bởi vì bản thân ông ấy cũng không có thông tin tổng thể. Chúng tôi chỉ có duy nhất 1 bản đồ, và tôi phải yêu cầu trung đội trưởng hỏa lực tôi 1 bản đồ tương tự, rồi chấm những điểm yểm trợ hỏa lực dọc theo đường đi để nếu có chuyện gì xảy ra chúng tôi biết mà yểm trợ cho nhau. Tôi xếp đại đội theo đội hình chữ V, và cho 1 vài nhóm bảo vệ hai bên sườn, rồi tiến lên.”

Cho dù cuộc rút lui khỏi LZ X-Ray không thoát khỏi tầm quan sát của những trinh sát Bắc Việt trên những triền núi Chu Pong ở trên cao, nhưng khi quân Mỹ lọt sâu vào những rừng cây và những đám cỏ voi cao thì họ biết mất khỏi tầm quan sát của những kẻ theo dõi ở trên. Trung tá Hoàng Phương nói: “Chúng tôi có rất nhiều những nhóm trinh sát nhỏ theo dõi trên toàn vùng. Chúng tôi có 1 vị trí trên đỉnh núi quan sát thấy các ông di chuyển, nhưng rất khó nhìn từ đó để

tới được chỗ rừng rậm mà các ông đang đi qua. Vì vậy chúng tôi để người lại để theo dõi các bãi đáp, bãi trống. Chúng tôi tổ chức 1 trung đội cùng với những người hỗ trợ ở mỗi bãi đáp để sẵn máy bay.”

Lời của trung tá Phương được xác nhận bởi trung sĩ Donald J. Slovak, anh là tiểu đội trưởng của tiểu đội đi đầu thuộc trung đội trinh sát-những người dẫn đầu hàng quân. “ Chúng tôi thấy những dấu dếp Hồ Chí Minh, thứ chúng tôi gọi là ‘tire tracks’ bởi vì những đôi dếp này được làm từ những vỏ xe cũ. Chúng tôi thấy những mũi tên bằng tre được xếp trên mặt đất chỉ về hướng bắc, những đám cỏ bị dẫm đạp, và những hạt gạo. Tôi báo cáo tất cả những thứ đó cho trung úy Payne.”

Sau 1 giờ hành quân, thượng sĩ Scott kiểm tra lại mọi thứ. “Tôi lên xuống hàng quân, tới đại đội A và D và trung đội quân y. Tôi để ý thấy một vài người đã vứt bỏ một số quân trang như ponchos và khẩu phần C. Họ đã kiệt sức. Họ đã thức 2 -3 đêm rồi. Tôi trở lại tìm trung sĩ Bass và nói với anh mọi người cần nghỉ một chút”

Bản báo cáo sau trận đánh của tiểu đoàn, do đại úy Spires viết, có ghi sau khi hành quân khoảng “2000 mét tiểu đoàn rẽ qua hướng tây bắc.” Trung úy Larry Gwin nói đại đội Alpha, dẫn đầu hàng quân, xoay qua trái sau khi vượt qua 1 triền đất nhỏ. Tiểu đoàn của Tully vẫn tiếp tục đi thẳng tới vị trí pháo binh ở bãi Columbus.

Trung úy Gwin mô tả sự hành quân của tiểu đoàn tới Albany như sau: “Địa hình khá trống trải, cỏ cao tới đầu gối, tầm nhìn khoảng 25 mét trong những đám cây. Chúng tôi đụng phải 1 triền đất nhỏ, vượt qua nó, và rẽ trái. Địa hình và cỏ cây bắt đầu gây khó khăn hơn. Rất nhiều cây gãy và cỏ cao. Những thứ trên lưng lúc này nặng khủng khiếp. Chúng tôi đi tiếp, nhìn thấy một vài nóc chòi hoang bên tay trái, đại úy Sigdinis ở lại giữ hàng quân trong khi người của trung úy Grove đi kiểm tra chúng, họ tìm thấy một vài cái nà của người Thượng. Grove được lệnh đốt mấy cái chòi. Chúng tôi tiếp tục đi về phía tây. Khoảng 360 mét sau chúng tôi vượt qua 1 con suối, ở đó mọi người đều hứng đầy nước vào những chiếc bi đông. Lúc này cỏ voi đã cao tới ngực, cây cỏ xanh hơn và dày hơn, cây cối cũng cao hơn. Chúng tôi thật sự mệt mỏi. Chúng tôi đi thêm được khoảng 270 mét nữa thì có lệnh dừng chân, để cho các đơn vị ở phía sau hứng nước ở dòng suối.”

Đại úy Thorpe và đại đội Delta của anh theo sau đại đội Alpha. “Khi chúng tôi đi theo sau họ, có những lều nhỏ bằng gỗ và cỏ bị đốt cháy, ai đó trên tuyến đầu của đội hình đã đốt nó. Giờ thì bất kỳ ai ở thung lũng đều biết chúng tôi đang tới,” Thorpe nói, “Chúng tôi vượt qua 1 con suối nhỏ, qua nó chúng tôi dừng hàng quân lại. Tôi nói người của mình ngồi xuống ăn uống, nghỉ ngơi, và hút thuốc nếu như họ còn điếu nào. Mọi người đều đổ sụp xuống dưới chân. Chúng tôi đã không ngủ hai đêm liền, và tất cả đều rất mệt.”

Binh nhất James H. Shadden, 23 tuổi, người Etowah, Tennessee, thuộc trung đội súng cối của Thorpe: “Tiểu đội trưởng của tôi, trung sĩ Osvaldo Amodias, người Miami, yêu cầu tôi vác 1 đĩa súng cối 81mm. Anh nói tôi mang nó tới lúc nào còn có thể được thì thôi, anh sẽ để ý xem tình

trạng tôi thế nào rồi sẽ tự sách nó. Chúng tôi ở 3 khối khác nhau và cách khoảng 20 tới 30 mét, thay đổi mỗi khi chúng tôi bước tới. Càng đi xa chúng tôi càng cảm thấy cái đồng hồ trên lưng càng nặng. Nếu có ai đó ngã, họ lại phải dừng lại và giúp người ta đứng lên. Tôi vác 1 đĩa súng cối và 3 trái đạn 81mm, cộng với tất cả quân trang bình thường của 1 lính bộ binh nữa. Thật kinh khủng. Tất cả mọi người trong trung đội súng cối đều phải mang tương tự như vậy. Chúng tôi tới 1 con suối, dừng lại đủ để hứng đầy nước rồi đi tiếp.”

Binh nhất 4 Robert L. Towles, người Ohioan, cũng thuộc đại đội Delta của Thorpe, được bổ vào trung đội súng chống tăng. Những trung đội này được xếp lên tàu với những khẩu 106mm không giật gắn trên những chiếc jeep và những khẩu súng máy .50. Lúc đó, 1965, ở Việt Nam không có xe tăng của địch nên hầu hết những trung đội này đổi qua làm trung đội súng máy. Nhưng trung đội chống tăng của đại đội Delta thì không. Họ mang những khẩu M-16 của mình cộng với 2 tới 3 trái LAW mỗi người. Towles nói trung đội của anh cho những đội bảo vệ 2 bên sườn khoảng 30 tới 40 mét Thorpe và nhóm chỉ huy ở ngay phía trước anh. Shadden và đội súng cối ở phía sau Towles, gần với đại đội Charlie hơn là đại đội Delta khi những người lính di chuyển trong rừng cây.

Towles nói: “Sau khi chúng tôi vượt qua 1 đỉnh đồi thấp thì cây cối trong rừng bắt đầu rậm rạp hơn, hai rồi tới 3 tầng cây. Những cây cao vót ngay trên đầu chúng tôi. Rất khó khăn khi cơ động dọc theo những cành cây gãy và những vết đất trời lún. Chúng tôi được nghỉ giải lao 1 chút, ăn khẩu phần C trong ánh sáng mờ mờ, vẫn chưa tới chính ngọ. Rồi chúng tôi lại sách quân trang, chậm chạp đi tiếp, rừng bắt đầu thoáng hơn. Tầm nhìn nhanh chóng tăng lên và chúng tôi tới gần 1 dòng suối. Nước thật là sáng khoái. Khi chúng tôi vượt qua những cái cây cách đó có vài mét, 2 con nai chạy vọt ra từ hàng cây gỗ lớn rậm rạp ở phía phải. Lúc đó tôi nghĩ những đội bảo vệ bên sườn đã lừa chúng nó.”

Sở chỉ huy tiền phương sư đoàn ở Pleiku đã đưa được tiểu đoàn của Tully tới mục tiêu của họ, bãi đáp Columbus vào lúc 11g38. “Chúng tôi tới Columbus, ở đó người ta đã chuẩn bị cho chúng tôi bữa ăn nóng. Hamburger, khoai tây nghiền và đậu que.” Tully nói, “Đang ngồi ăn, tôi nghe thấy McDade đang cố liên lạc với ai trên điện đài; anh không thể nổi sóng được với họ, vì vậy tôi trả lời và nói tôi sẽ chuyển thông điệp cho anh. Chúng tôi chuyển thông tin của anh tới Tim Brown, Sau đó 1 lúc, tôi nghĩ McDade đã nổi được liên lạc trực tiếp.”

Trong lúc Bob Tully và tiểu đoàn 2 của mình đang đắm mình trong những thùng gỗ đựng thức ăn ở LZ Columbus an toàn, thì McDade và tiểu đoàn 2, kỵ binh 7 của anh đang oằn lưng, mồ hôi như tắm, nhọc nhằn qua những đám cỏ voi cao ngút tới thẳng một khu vực có đông đặc quân địch thuộc tiểu đoàn 8 trung đoàn 66, tiểu đoàn 1 trung đoàn 33 và tiểu đoàn bộ của tiểu đoàn 3, trung đoàn 33. Theo tướng An, trong khi các tiểu đoàn của trung đoàn 33 suy giảm sức chiến đấu trầm trọng vì những thương vong mà họ phải gánh chịu khi bao vây Pleime và trong lúc rút lui về thung lũng, tiểu đoàn 8 trung đoàn 66 là lực lượng dự bị của ông, vừa mới tới từ đường mòn Hồ Chí Minh. Tiểu đoàn 8 chỉ duy nhất 1 lần đụng độ với quân Mỹ trước đó, đại đội vũ khí hạng nặng củ nó bị phi đội 1, kỵ binh 9 của John B. Stockon phục kích ngay khi nó vừa vượt biên giới vào VN 2 tuần trước đây. Họ hoàn toàn khoẻ khoắn, được nghỉ ngơi, và đang

nóng lòng đánh nhau với quân Mỹ.

Trung úy Larry Gwin của đại đội Alpha nói: “Rừng cây xung quanh chúng tôi ngày càng rậm rạp hơn. Đó là lúc sự sợ hãi xuất hiện. Thành lính chẳng có bất cứ 1 sự hiện diện nào của không quân, mọi người im lặng và tôi tự hỏi những chiếc trực thăng, những chiếc ARA của chúng ta ở đâu. Về chiến thuật chúng tôi không thay đổi đội hình hành quân, nhưng thực tế thì chúng tôi phải dịch vào gần nhau hơn để duy trì tầm liên lạc. Địa hình buộc những bộ phận bên sườn phải thu hẹp vào trong.”

Trong lúc bố trí cho đội hình chuyển hướng về bắc tây bắc, đại úy Joel Sugdinis thành lính nghe thấy những tiếng ầm ầm nơi xa đang cuộn cuộn tới từ phía sau: Những chiếc B-52 đang bay tới Chu Pong. Cùng lúc đó anh cảm thấy quan ngại rằng anh vẫn chưa thấy bãi trống Albany, mà đáng lẽ nó phải rất gần rồi. Cách Sugdinis 135 mét ở phía trước là trung úy D.P. Payne, chỉ huy mới của trung đội trinh sát, người Waco, Texas, tốt nghiệp ROTC ở trường A&M Texas, Pat đã phục vụ ở tiểu đoàn 2 14 tháng. “Tôi ở ngay mũi nhọn của trung đội,” Payne nói, “Khi chúng tôi đi vòng qua 1 gò mồi lớn cao tới 1m8, bất ngờ tôi gặp 1 lính Bắc Việt đang nằm nghỉ ở đó. Tôi nhảy lên người hắn, trói chặt tay, và hô hoán cho mọi người biết. Điện đài viên của tôi túm lấy 1 tay của hắn ta. Cùng lúc đó, bên trái tôi khoảng 10 mét, trung sĩ trung đội của tôi cũng phát hiện 1 lính địch và vồ lấy hắn ta. Thế là chúng tôi choáng váng và la hét ầm ĩ lên 1 lúc.”

Payne báo cáo sự việc xuống phía dưới hàng quân, đại úy Sugdinis nhanh chóng vọt lên. Anh nói: “Tôi ngay lập tức nói Payne cho những đội quan sát tiến ra phía trước, xung quanh. Tôi nhớ rằng 1 người đã lọt vào ngay vùng đất của quân địch và báo cáo có những chuyển động ở vùng đất cao phía bắc chúng tôi. Tôi nhìn ra ngoài, và nghĩ rằng tôi nhìn thấy cái gì đó, nhưng không chắc lắm.”

Người ta đã nhìn thấy thứ gì đó- và những thứ họ nhìn thấy chính là những thành viên khác của những đội trinh sát Bắc Việt đang chạy về phía nam để thông báo quân Mỹ đang tới. Sau này trung tá Hoàng Phương nói: “Một lính trinh sát khác đã trở về sở chỉ huy của tiểu đoàn 1 trung đoàn 33 báo cáo cho chỉ huy, và chúng tôi đã tổ chức trận đánh ở đó.”

Gwin nói trật tự và đội hình của hàng quân đại đội Alpha vẫn còn ổn thoả cho tới khi 2 tù binh bị bắt và mọi thứ ngưng trệ lại. “Khi tôi tới, Sugdinis đang thẩm vấn 2 tù binh. Tình trạng của chúng trông rất tốt: vũ khí mới, lựu đạn, quần trang mới, nhưng cả hai đều đang sốt, sợ hãi và run rẩy. Không một ai trong ban chỉ huy đại đội chúng tôi từng nhìn thấy 1 lính Bắc Việt gần như vậy. Và đây không phải là những tên cuối cùng chúng tôi nhìn thấy trong ngày hôm đó. Chúng tôi cho chúng uống nước và báo lại cho tiểu đoàn.” Joel Sigdinis nhìn 1 tên, nó dường như lên cơn co giật bởi sốt rét. Anh đưa cho hắn 1 trong những viên thuốc chống sốt rét của mình, nhưng người lính Bắc Việt đang sợ hãi từ chối uống. Sugdinis thấy 1 viên vào miệng mình rồi uống 1 ngụm nước lớn từ bi đông của anh. Sau đó tên tù binh đồng ý uống viên thuốc, một cách mang ơn.

Gwin thêm rằng Trung tá McDade điện ra lệnh mọi người đứng tại vị trí và báo rằng ông sẽ lên

phía trước để tự mình thẩm vấn tù binh. “Trung tá và S-2 của ông cùng với những điện đài viên của họ, 1 người thông dịch và tất cả những người xung quanh đều tập trung ở điểm đầu của đơn vị tôi. Tôi lấy làm bối rối khi đứng lơ xớ quanh đó. Tôi lùi lại châm 1 điếu thuốc và kiểm tra tình hình đại đội Alpha của mình. Xung quanh rất yên tĩnh. Khi cuộc thẩm vấn diễn ra, đại đội Alpha nghỉ ngơi tại chỗ. Tôi bất ngờ khi thấy trung úy Don Cornett, sĩ quan thừa hành của đại đội Charlie, người bạn thân nhất của tôi, đang tiến lên phía trước để xem chuyện gì đang diễn ra. Trông anh mệt mỏi nhưng tinh thần vẫn tốt, chúng tôi trao đổi với nhau tại sao sự vô tổ chức của hàng quân lại xảy ra. Chúng tôi nói cho nhau biết vị trí quân của mình rồi chia tay. Đó là lần cuối cùng tôi nói chuyện với anh ấy.”

Chỉ huy đại đội Charlie, Skip Fesmire, nói: “Tôi gửi Cornett đi lên phía trước để xem chuyện gì xảy ra, tại sao chúng tôi phải dừng lại quá lâu. Đồng thời tôi cảm thấy đại đội Delta đã trải quá dài và tôi muốn biết chính xác là bao nhiêu.”

Vào lúc 11g57 báo cáo về việc bắt giữ 2 tù binh đến sở chỉ huy tiền phương của sư đoàn tại Pleiku và được báo lại cho sở chỉ huy sư đoàn ở An Khê, tại đó nó được ghi vào sổ nhật trình của sư đoàn vào lúc 12g40. Điện báo nói POW bị bắt tại tọa độ trên bản đồ là YA943043, cách rìa tây nam của bãi trông Albany 100 mét.

Đại úy Jim Spire đi cùng với McDade lên đầu hàng quân. Những tù binh Bắc Việt ra sức nói chúng là những kẻ đi lạc, Spires nói, “nhưng tôi để ý súng và trang bị của chúng. Chúng tôi ngừng ở đó khoảng nửa giờ khi thẩm vấn cả hai. Chúng tạo 1 ấn tượng là chúng đang sợ chết khiếp. Tiếng Anh của thông dịch viên không tốt lắm nên khó có thể cảm nhận được sự chân thực trong lời nói của chúng. Tôi nói được 1 ít tiếng Việt nên tôi cố tự mình thẩm tra chúng.”

Trung sĩ Bass và thượng sĩ Scott chia sẻ sự hoài nghi của Spires: “Bass và thông dịch viên nói chuyện với những tên tù binh này. Lúc đó chúng bị trói quặt tay sau lưng. Bass nói với tôi: ‘Chúng nói chúng đi lạc và đang rất đói.’ Chúng tôi nhìn nhau và tôi lên tiếng: ‘Charles, chúng trông quá bảnh, chúng dường như là những tay cảnh giới vòng ngoài.’”

Jim Epperson, điện đài viên của McDade: “Chúng tôi có 1 thông dịch viên: trung sĩ Võ Văn Ôn. Ôn là 1 trí thức, sinh viên đại học, nói tiếng Anh tương đối tốt nếu so sánh với những sinh viên khác. Anh ta tới với chúng tôi từ khi chúng tôi đến VN, anh là thông dịch viên đầu tiên của chúng tôi. Chúng tôi ngồi xuống, nghỉ ngơi, trong lúc các sĩ quan thẩm vấn. Rồi McDade gọi các chỉ huy đại đội lại chỗ ông ấy.

Binh nhất 4 Bob Towles thuộc đại đội Delta nói về những gì diễn ra ở phía dưới hàng quân: “Mọi người đều phục xuống đất, tôi cởi những trái rocket LAW ra, bởi vì chúng quá nặng. Tôi ngồi dựa lưng vào 1 cái cây, mặt ngoảnh xuống phía dưới hàng quân. Khi nhóm chỉ huy tiến lên phía trước, họ tạo ra một khoảng trống chừng 30 tới 40 mét trong hàng quân. Chúng tôi nằm la liệt xung quanh, hút thuốc và đi tè, thoải mái người một chút. Rồi trung sĩ trung đội súng cối đi tới, anh tiến thẳng tới chỗ của thiếu úy James Lawrence, sĩ quan thừa hành mới của Delta, để tìm hiểu tình hình. Trung sĩ bỏ lại quân trang mình ở phía sau khi anh bước đi. Anh đeo thắt

lưng dắt 1 khẩu súng ngắn, nhưng không mang theo khẩu tiểu liên và không đeo cả băng gài đạn. Lawrence thông báo rằng đơn vị đi đầu bắt được 2 tù binh. Những tên khác có thể còn trong khu vực. Chúng tôi lè lưỡi lắc đầu.”

Binh nhất James Shadden, thuộc trung đội súng cối của Delta: “Trong hàng quân bên trái, tôi để ý trung sĩ Loransia D. Bowen và đại úy Thorpe cởi bỏ hành trang và đi lên phía trước. Mọi người đều tranh thủ ngồi nghỉ, hút thuốc. Tôi tin rằng đó là lúc những tên tự gọi là đi lạc bị bắt.” Điện đài viên binh nhất 4 John C. Bratland cùng đi lên phía trước với Thorpe để họp với các chỉ huy đại đội theo yêu cầu của McDade.

Đại úy George Forrest, chỉ huy đại đội Alpha, tiểu đoàn 1, kị binh 5 ở hậu quân cách hơn 500 mét. “McDade yêu cầu tất cả các chỉ huy đại đội đi lên phía đầu hàng quân để họp. Trung úy Adams, sĩ quan thừa hành của tôi, vừa mới gia nhập từ 1 chiếc trực thăng tiếp tế; anh cho rằng không nên đi. Tôi nói với cậu ta: ‘Tôi sẽ lên phía trước, cậu ở lại chỉ huy và triển khai lính theo đội hình xương cá, và trải đều họ ra cho thật tốt.’ Tôi bước đi với 2 điện đài viên của mình. Khi tôi lên tới đầu hàng quân, mọi người đều dừng lại, ngồi trên ba lô. Đúng như là 1 cuộc dạo chơi vào ngày chủ nhật, và giờ chúng tôi đang nghỉ giải lao. Tôi tiến dọc theo hàng quân, xuyên qua những cây rừng dày đặc”

Đại úy Fesmire, chỉ huy đại đội Charlie, cũng di chuyển lên phía trước thẳng tới vị trí của McDade. Cùng với anh là 2 điện đài viên, quan trắc pháo binh của anh, trung úy Sidney Smith và người điện đài viên, cùng với trung sĩ nhất Franklin Hance. Fesmire để thiếu úy Donald C. Cornett, 24 tuổi, người Lake Charles, Louisiana, từng tốt nghiệp đại học McNeese State, chỉ huy đại đội Charlie. Fesmire nói khi hàng quân dừng lại lần đầu, anh đã điều những đội cảnh giới hai bên sườn, và anh tự mình kiểm tra việc thực thi nó.

Vào cái thời điểm quan trọng này, thời điểm bên bờ của thảm họa, đây là những gì đang diễn ra: Đại đội Alpha của Sugdinis đang di chuyển thẳng tới bãi trống Albany. Trung tá McDade và nhóm chỉ huy tiểu đoàn của ông ở cùng với đại đội Alpha. Những chỉ huy đại đội khác đã rời đại đội của mình, theo mệnh lệnh, và đang tiến lên phía trước để tham dự 1 cuộc họp với McDade. Tiểu đoàn bị kéo dài dọc theo đường hành quân một đoạn ít nhất là 500 mét. Lính thuộc đại đội Delta đang ngả ngón dưới mặt đất. Đại đội Charlie cử những đội đi canh gác 2 bên sườn nhưng hầu hết họ đang ngồi hoặc nằm nghỉ. Lính của Forrest, ở đuôi hàng quân, đang trong đội hình chữ V và cũng cử những đội cảnh giới hai bên sườn. Binh lính của tiểu đoàn gần như đã rời sau 60 giờ đồng hồ không ngủ và 4 tiếng hành quân mệt nhọc qua vùng địa hình khó khăn. Tầm nhìn trong đám cỏ voi cao tới ngực rất hạn chế.

Trung úy Larry Gwin, đang ở đầu hàng quân: “Chúng tôi lại tiếp tục đi. Lần này nhóm chỉ huy tiểu đoàn ở ngay cùng chúng tôi và McDade dẫn chúng tôi tới 1 bãi trống. Chúng tôi lọt vào 1 vùng trông giống như là Albany. Một khu khá trống trải, có kích cỡ của 1 sân bóng đá, dốc nhẹ lên một vùng hình tròn nhỏ nơi có nhiều cây gỗ và gò mồi. Cỏ cao tới hông. Chúng tôi đã tới nơi. Xung quang tĩnh lặng như tờ. Ngay lúc đó tôi sững sờ nhìn McDade và những người xung quanh sải bước nhanh vượt qua tôi, tiến thẳng vào bãi trống, di chuyển rất nhanh.

“Tôi cũng tiến lên, Joel Sugdinis đang quỳ tại rìa của bãi trống. Anh nói: ‘Tôi đã điều trung đội 1 vòng qua phải, trung đội 2 vòng qua trái, và trung đội trinh sát đi thẳng, nhằm thám thính những rìa phía xa của bãi trống’. Nhóm của McDade vượt qua chúng tôi và đi xuyên những đám cỏ tới vòng tròn những cái cây kia. Ở bên trái nó hơi bị lầy, bên phải thì cỏ mọc rất dày. Tôi không hề biết có một bãi trống khác ở phía bên kia những cái cây.”

Báo cáo sau trận đánh của tiểu đoàn viết rằng trung đội trinh sát của trung úy Pat Payne vào lúc 1g07 “đã càn qua rìa phía tây của LZ mục tiêu,” và 2 trung đội khác của đại đội Alpha đã tới vùng bắc và nam của bãi trống Albany. Nó viết thêm: “đội hình phần còn lại của tiểu đoàn phân tán dọc theo lối đi vào phía đông của khu vực mục tiêu.”

Một giờ và 10 phút đã trôi qua kể từ lúc 2 tù binh bị bắt và những tên khác đã chạy thoát về. Các chỉ huy đại đội đã tới được bãi trống.

Thượng sĩ James Scott: “Trung sĩ Bass nói: ‘Hãy thẩm vấn những tên tù binh này thêm nữa, tôi chẳng tin lấy một câu những gì chúng nói.’ Lúc đứng đó chỉ có Bass, tôi, hai tên tù binh và thông dịch viên. Rồi Bass nói: ‘Tôi nghe thấy những người Việt Nam nói chuyện với nhau.’ Người thông dịch viên bắt đầu sợ hãi. ‘Đúng’, anh ta nói. ‘Họ là quân Bắc Việt.’ Vậy chúng ta có gì khi đó? Tất cả các chỉ huy đại đội đều ở phía trước và quân Bắc Việt ở xung quanh tất cả chúng ta. Ngay lúc đó có những tiếng súng hạng nhẹ nổ lộp bộp. Bass nói: ‘Chúng ở trên những ngọn cây.’ Charles Bass bị giết ngay lúc nói xong câu đó. Tôi nhập với đại đội Alpha, cách đó không quá 30 mét. Trung sĩ nhất Frank Miller và tôi dựa lưng vào nhau bắt đầu nổ súng bắn trả.”

Trung úy Gwin: “Chúng tôi ở đó được 1 chút, khoảng 5 phút, thì tôi nghe thấy tiếng súng nổ gần chỗ trung đội 1 của chúng tôi. Tôi nghĩ: ‘Họ chắc là đang đuổi bắt những tên NVA đi lạc nữa’. Rồi mọi thứ nổ tung. Tiếng súng lớn dần. Không phải họ tìm thấy những tên đi lạc. Họ đã đụng ngay vào đám quân Bắc Việt. Tôi đang ở ngoài những đám cỏ cách xa hàng cây khá xa khi súng nổ. Dạn bay nhanh và dữ dội ngay trên đầu, chúng nổ lộp bộp vào những thân cây, bóc từng mảnh vỏ cây ra. Tôi chạy về phía những cái cây. Một viên trúng ngay vào cái cây tôi đang núp, chỉ cách đầu tôi có 1 inch. Tôi nói: ‘Holy Shit!’ và chạy tới chỗ Joel. Chúng tôi đều phải nằm xuống. Rồi tôi nghe thấy tiếng súng cối nổ như tiếng khạc đàm, rơi xuống chỗ tôi từng thấy trung đội 2 mất hút ở đó.”

Quay lại sở chỉ huy lữ đoàn 3 đóng tại Catecka, đại úy John Cash, 29 tuổi sĩ quan trợ lý hành quân đang trực, đang viết thư cho vợ mình. “Thình lình trung sĩ Russell ép sát vào radio và nói. ‘Thưa ngài, có gì đó đang diễn ra.’ Anh có thể nghe thấy những điện đài viên đang gọi hỏa lực yểm trợ khắp nơi, nghe thấy họ nói: ‘Chúng tôi bị bao vây!’ Anh có những người bạn ở tiểu đoàn 2 đang hành quân. Chúng tôi không thể nghe thấy họ trên điện đài- không nghe thấy trung sĩ Bass. Con số thương vong tiếp tục tăng lên, tăng cao. Tôi đi đánh thức thiếu tá Pete Mallet, S-3. Đang là giờ chiều. Chúng tôi không thể có bức tranh rõ ràng. Thiếu tá Mallet bước vào và lập tức chú ý tới tình hình. thiếu tá Harry Crouch, S-4 (sĩ quan tiếp liệu), bước vào,

khuôn mặt buồn rười. Anh nói, ‘Chúng giết đại úy McCarn [S-4 của tiểu đoàn 2] rồi. Tất cả mọi chuyện vẫn còn tiếp tục xấu đi.’

Trận đánh ‘một ngày’ tàn bạo nhất của chiến tranh Việt Nam mới chỉ bắt đầu. Tiểu đoàn 2, kỵ binh 7 vừa bước vào một cái hầm đầy chông: Lực lượng dự bị của Bắc Việt, 550 người thuộc tiểu đoàn 8, trung đoàn 66, đã đóng trại trong những rừng cây gỗ phía đông bắc hàng quân của McDade. Tiểu đoàn 1 thiếu của trung đoàn 33, phối hợp hành động với tiểu đoàn 8 đang phục quân của mình phía trước đơn vị dẫn đầu của quân Mỹ. Và những người đi đầu của trung đội trinh sát chỉ cách nơi đặt sở chỉ huy của tiểu đoàn 3 trung đoàn 33 không quá 200 mét. Một thượng úy gom những anh nuôi, và y tá lại rồi tham gia vào cuộc tấn công. Trung tá Phương nói những người lính Bắc Việt khác trong khu vực làm nhiệm vụ đi lấy gạo hay canh gác vòng ngoài đều “chạy tới gia nhập vào trận đánh.”

Trong lúc rất nhiều lính của McDade đang nằm dài trên cỏ nghỉ ngơi, hàng trăm quân Bắc Việt đã bu đầy quanh họ. Những tiếng súng bắt đầu nổ trong những đám cỏ voi cao xung quanh Albany và dọc theo hàng quân báo hiệu 1 cuộc thử thách khắc nghiệt cho những người lính đang trải dài trong rừng và đang đợi lệnh di chuyển. Đó là lúc 1g15 chiều thứ 4, 17 tháng 11. Khi sự thử thách qua đi vào trước bình minh ngày hôm sau, 155 lính Mỹ đã bị giết và 124 người khác bị thương. Những người sống sót không bao giờ quên sự tàn bạo, khốc liệt, và tàn sát trong 16 giờ đồng hồ này.

## 19/ ĐỊA NGỤC Ở MỘT NƠI RẤT NHỎ BÉ

*War is a crime. Ask the infantry and ask the dead.*  
-Ernest Hemingway

Tư lệnh chiến trường Bắc Việt, sau này là thượng tướng Nguyễn Hữu An, theo dõi quân Mỹ rút khỏi nơi họ gọi là bãi trống X-Ray. Ông và thuộc cấp của mình, trung tá Lã Ngọc Châu, chỉ huy trung đoàn 66, đều có chung 1 suy nghĩ luôn đặt trên đầu: đó chính là châm ngôn ‘trận đầu phải thắng’ của Tướng Võ Nguyên Giáp. Trận đánh với người Mỹ bắt đầu vào ngày 14 tháng 11, ở LZ X-Ray, mà ngày càng làm cho tướng An lo lắng, vẫn chưa kết thúc. Nó chỉ đơn giản là đang chuyển ra 1 địa điểm mới cách đó không xa.

An nói: “Tôi nghĩ trận đánh ngày 17 tháng 11 này là trận quan trọng nhất trong toàn bộ chiến dịch. Tôi ra lệnh cho các tiểu đoàn của mình: Khi gặp quân Mỹ, hãy chia quân ra thành nhiều nhóm và tấn công đoàn quân địch từ tất cả các hướng, chia cắt quân địch ra thành từng nhóm nhỏ. Hãy lọt vào trong hàng quân địch, nắm lấy thắt lưng của chúng, vì như vậy sẽ tránh được tổn thất do bom và pháo. Chúng tôi có một vài lợi thế: Chúng tôi tấn công đoàn quân của các ông từ bên sườn, và vào lúc bắt đầu của cuộc tấn công, chúng tôi đang đợi các ông tới. Đây là tiểu đoàn dự bị của chúng tôi và họ đang chờ đợi đến lượt mình. Tiểu đoàn 8 chưa được sử dụng từ khi bắt đầu chiến dịch. Họ hoàn toàn nguyên vẹn, sung sức.”

Nhìn tứ phía người Mỹ, tiếng súng của trận đánh nổ ra ở đầu hàng quân của tiểu đoàn 2 và

nhANH chóng lan xuống phía dưới từ phía bên phải hay phía đông của hàng quân Mỹ với tốc độ của một trận bão.

Binh nhất 4 Dick Ackerman là người ở xa nhất bên sườn phải của nhóm đi đầu thuộc trung đội trinh sát, mà bản thân trung đội lại đang dẫn đầu tiểu đoàn. Anh nói: “Chúng tôi đang đi qua phía trái để tới 1 bãi trống. Chúng tôi đi được khoảng 30 mét thì nghe thấy 1 vài tiếng súng, rồi thêm nhiều tiếng nữa và cuối cùng là 1 hỏa ngục chụp xuống. Đòn đánh chủ yếu của cuộc tấn công ban đầu là ngay vào chỗ chúng tôi đứng trước đó vài phút. Chúng tôi chúi xuống đất bụi. Tôi nằm giữa 1 khoảng trống và những viên đạn phạt ngang những ngọn cỏ bắn tung tóe bụi mù vào mắt tôi.”

Một vài người trong trung đội tập trung ở 1 hàng cây ngay phía trước Ackerman. “Tôi không định chạy tới đó với 1 đồng quân trang trên lưng, nên tôi cởi ba lô và nhảy tới những cái cây. Chúng tôi thấy NVA đang núp lấp ló. Chúng tôi bắt đầu hạ chúng và tôi không nghĩ là chúng kịp nhận ra vị trí của chúng tôi. Một lúc sau chúng tôi nghe thấy ai đó gọi chúng tôi từ 1 vòng cây. Chúng tôi bắt đầu chạy về phía đó, chạy vượt qua khoảng trống trải. Tôi ngã sau 1 cái cây nhỏ. Tôi dựa vai vào gốc cây thì nghe động lớn và cảm thấy cái cây rung rinh. Nó vừa bị trúng 1 viên đạn ngay phía đối diện với cái vai của tôi. Tôi quyết định là phải nằm bẹp dí xuống.”

Một thượng sĩ đang đứng đó, la hét, và làm hiệu chỉ dẫn. “Anh đã cởi áo ngoài và đang mặc 1 chiếc Tee-Shirt. Anh giơ cánh tay trái để chỉ và tôi có thể thấy chỗ 1 viên đạn đã khoan vào đó xé toạc phần bên trong của cánh tay và 1 phần phía bên ngực. Anh vẫn còn đứng ra hiệu lệnh. Rồi chúng tôi được lệnh chuyển qua 1 phần khác của vòng cây nơi đang yếu thế. Nó đối mặt với khu vực bị tấn công chính. Mọi người chạy khắp nơi. Chúng tôi không thể nổ súng ở hướng đó bởi vì có người của mình ngoài đó. Chúng tôi đặt chế độ bán tự động và bắn hạ bất cứ thứ gì mà chúng tôi biết chắc là mục tiêu.”

Chỉ huy trung đội trinh sát của Ackerman, trung úy Payne, đã di chuyển hầu hết người của mình vượt qua bãi trống thứ 2 rộng hơn và đã vào những hàng cây ở phía tây hay phía bờ xa của bãi trống Albany. Đại đội Alpha đã chia nhỏ, điều 1 trung đội vòng qua rìa đông bắc và 1 trung đội khác vòng qua rìa phía tây nam của bãi trống. Pat Payne đang tiến qua bãi trống để hợp với trung đội của mình thì, anh nói, “mọi thứ nổ ra dọc theo bên phải của LZ. Tôi quay qua phải và quan sát thấy một vài lính Mỹ đang di chuyển về phía tây bắc để thiết lập những vị trí chiến đấu và họ ngục xuống dưới làn mưa đạn. Trong vòng vài phút tất cả chúng tôi đều bị tấn công dữ dội, tôi và điện đài viên bị ẩn bẹp dí xuống mặt đất ở ngay trung tâm LZ do hầu hết hỏa lực đến từ phía bắc và tây bắc.”

Điện đài của Payne trở nên rộn ràng khi các chỉ huy trung đội của đại đội Alpha báo cáo giao tranh lớn. Payne nói: “Đạn cối bắt đầu rơi xuống, đây là thứ mới mẻ với mọi người vì chúng tôi chưa bao giờ bị bất kỳ loại cối nào nhắm tới. Tiếng nổ thật không thể tin được. Tôi nhớ mình đã ép thân mình thật sát xuống dưới mặt đất như chưa bao giờ từng làm trong đời và nghĩ chắc chắn rằng điểm cao nhất trên người tôi là cái ngón chân. Đạn cối tiếp tục rơi xuống, tiếng súng máy và súng hạng nhẹ nổ cuồn cuộn. Cuối cùng tâm trí tôi cũng tỉnh lại, và suy nghĩ về

tình hình đang diễn ra và điều gì chúng tôi phải làm.

Payne nhóm đầu lên và nhìn thấy rằng cuộc tấn công của quân NVA vào đại đội Alpha trông không hẳn là 1 cuộc phục kích. “Tôi nói với điện đài viên hãy ở yên vị trí, rồi tôi nhảy lên, chạy khoảng 25 mét về vị trí sở chỉ huy tiểu đoàn ở trong vòng cây giữa 2 bãi trống, tại đó tôi tìm thấy S-3 của tiểu đoàn, Jim Spires. Tôi giải thích tình hình và đề nghị kéo trung đội trinh sát của tôi lại vượt qua LZ và thiết lập những vị trí có những tầm bắn hiệu quả. Ở X-Ray tôi đã từng thấy lợi thế của tầm bắn hiệu quả mà tiểu đoàn 1 đã thiết lập được và họ đã đẩy lùi được những cuộc tấn công như thế nào. S-3 đồng ý, tôi quay lại giữa LZ để tìm điện đài viên của mình.”

Payne có thể liên lạc với tất cả các tiểu đội trưởng của mình trên radio, “Giải thích cho họ những gì chúng tôi sẽ phải thực hiện tiếp theo rồi phối hợp di chuyển. Chúng tôi đếm ngược để xuất phát, rồi tất cả chúng tôi chạy đua qua LZ trống trải. Thật kỳ diệu, chúng tôi chỉ bị mất có 1 người, chết, 1 tân binh đã sợ chết cứng người. Ngay khi chúng tôi tới được hàng cây, chúng tôi thiết lập 1 chu vi và đối mặt với 2 hay 3 lính tấn công đầu tiên của Bắc Việt đang vượt qua bãi trống từ phía tây, nơi mà chúng tôi vừa mới chuyển đi. Tôi vẫn còn nhớ rõ đợt tấn công đầu tiên đó; chúng tôi chặn được chúng. Chúng bất ngờ bởi hỏa lực khủng khiếp mà chúng tôi tuôn vào bãi trống.”

Anh nói thêm: “Khi chúng tái tập hợp tôi nhìn thấy một tên nhất định là đại đội trưởng Bắc Việt, chạy tới chạy lui dọc theo hàng quân để động viên và trấn tĩnh lính. Hắn ta sau đó dẫn đầu đợt tấn công. Tôi ngưỡng mộ sự dũng cảm của hắn, bởi vì có ít nhất là 20 người chúng tôi đang cố chặn hắn lại. Sau nỗ lực lần thứ 3, quân NVA không cố vượt qua LZ nữa. Sau đó chúng bắt đầu đi vòng qua phía bắc.”

Chỉ huy đại đội Alpha, đại úy Sugdinis, đang ở trong những cái cây, đang chạy về chỗ anh từng thấy nhóm chỉ huy tiểu đoàn mất hút ở đó. “Ngay khi tôi phát hiện được 1 bãi trống nhỏ ngay trước mặt, thì tôi nghe thấy 1 hay 2 tiếng súng ở phía sau tôi, nơi trung đội 1 và 2 của tôi đứng. Tôi quay lại. Có một khoảng lặng chừng vài giây rồi hỏa ngục ập xuống. Lúc đó tôi đang dẫn đầu những người còn lại của đại đội và tôi không bắn khi giao tranh vừa nổ ra, tôi tiếp tục di chuyển lên phía trước thẳng tới Albany. Tôi biết mình phải thiết lập 1 chu vi phòng thủ có thể đón được trực thăng, thiết lập 1 vùng cho hỏa lực yểm trợ và phải là 1 nơi cho người ta cơ động tới.”

Albany không phải là 1 bãi đáp điển hình- một bãi trống đơn lẻ được bao bọc xung quanh bởi những hàng cây. Thật ra, bãi trống nhỏ mà đại úy Sugdinis tin rằng đó là Albany chỉ là bãi trống đầu tiên trong hai bãi trống. hòn đảo gồm những cây gỗ nhỏ đã chia cắt một bãi trống lớn. Trong vòng cây nhỏ đó ít nhất có 3 gò mồi khổng lồ: 1 ở bên rìa những cái cây phía bờ bắc, 1 gò khác ở bên rìa phía tây và gò thứ 3 ở chính giữa. Vòng cây không hoàn toàn lọt trong một vùng trống; hai rìa phía tây và đông của nó nối với rừng cây bằng những cây nhỏ chỉ cách khoảng 6 mét hoặc hơn 1 chút.

Sugdinis nói: “Larry Gwin và tôi tới được rìa của Albany bên bờ đông bắc của bãi trống khi hàng quân bắt đầu bị bắn dữ dội hơn. Chúng tôi bị những phát bắn tĩa rời rạc. Một phần của trung đội trinh sát đã tới được đảo cây. Tôi gọi dọc theo bãi trống nhằm kêu ai đó yểm trợ cho chúng tôi. Chúng tôi chạy tới đảo. Vào lúc này tôi gọi trên radio trung đội 1 và trung đội 2 của tôi. Gần như ngay lập tức tôi mất liên lạc với trung đội 1. Trung sĩ trung đội của trung đội 2 trả lời trên điện đài, đó là trung sĩ nhất William A. Ferrell, 38 tuổi, người Stanton, Tennessee. Anh là cựu binh từ WWII và Chiến tranh Triều Tiên, từng bị bắt làm tù binh ở Triều Tiên, và đã có thể chọn ở lại quê nhà. Đáng ra anh không phải lên đường tới VN với chúng tôi. Mọi người gọi anh là Pappy.”

Ferrell liên tục hỏi đại úy Sugdinis rằng anh đang ở đâu, nói với anh rằng họ đang trộn lẫn với quân Bắc Việt và đã có vài người bị giết và bị thương. “Tôi không thể xác định được vị trí của anh ấy. Tôi biết chỗ anh ấy phải tới-thẳng hướng đông của đảo cây. Rồi Pappy điện báo anh ấy bị trúng đạn; có khoảng 3, 4 người đang cùng ở đó với anh. Tôi có thể nghe thấy tiếng súng nổ quanh anh trên điện đài. Tôi không còn nghe thấy tiếng của anh ấy nữa. Anh đã không sống sót được.

“Những người sống sót của trung đội 1 của tôi và của trung đội trinh sát là những người đầu tiên tiến hành chiến đấu bảo vệ Albany. Nhóm chỉ huy tiểu đoàn đã an toàn tới được chu vi phòng thủ. Bob McDade và Frank Herry có thể đã nợ mạng sống của họ cho những tên tù binh Bắc Việt. Nếu họ không tiến lên phía trước như họ đã làm, và ở phía trên hàng quân, thì họ đã ở xa phía dưới trong hàng quân và có thể đã không sống sót được. Vào lúc nào đó ở Albany tôi hỏi chuyện gì đã xảy ra với những tên tù binh Bắc Việt và được trả lời là chúng cố trốn thoát khi tiếng súng nổ và đã bị bắn hạ.”

Bản thân trung tá McDade nhớ lại: “Khi trận đánh nổ ra tôi đang ở cùng với đại đội Alpha. Tôi biết là mình phải hình dung ra được chuyện gì đang xảy ra. Tôi di chuyển rất nhanh- hãy chạy tới chỗ kia, chỗ những cái cây và hãy đi cùng với nhau. Quân địch dường như ở tất cả mọi nơi trong rừng cây. Chúng tôi kiểm soát tốt khu vực chúng tôi đang đứng và đang cố xác định vị trí của những người khác. Có một thứ tôi rất lo ngại là binh lính cứ nhắm mắt bóp cò và chỉ bắn vào đám cỏ. Tôi nói với họ: ‘Một khi chắc chắn mới được bắn bởi vì chúng ta đang bị chia cắt.’”

Trung sĩ Jim Gooden, trung sĩ phụ tá của sĩ quan hành quân tiểu đoàn, đang ở cùng với tiểu đoàn bộ, phía sau hàng quân. “Chúng tôi bị bắn từ 3 phía. Từ trên cây và từ hai bên sườn. Một người ở kế tôi trúng đạn và tôi chụp lấy khẩu súng máy của anh ấy. Tôi tựa ngực vào 1 gò mồi. Rồi chúng tôi bị đạn cối trùm lên. Nó nổ ngay trên chúng tôi. Tôi nhìn xung quanh và mọi người đều đã chết. Trung sĩ nhất Melvin Gunter trúng mảnh ngay mặt ngã vật xuống, chết. Viên đạn cối đã giết Gunter cũng văng những mảnh của nó lên lưng và vai tôi. Quân địch đang tiến lại gần chuẩn bị cho cuộc tấn công cuối. Tôi bắn như điên dại, cố tạo một lỗ hổng, nhưng không biết chạy đi đâu. Tôi chạy sai chỗ, vào ngay 1 vùng chết chóc. Tôi thấy GI chết từng lớp.” Gunter, 38 tuổi, người Vincent, Alabama.

Sĩ quan hành quân tiểu đoàn, đại úy Spires, tin rằng việc các chỉ huy đại đội vắng mặt ở đại đội

mình khi trận đánh nổ ra đã góp phần tạo nên sự rối loạn. “Tôi nghĩ nó ảnh hưởng lớn nhất với đại đội Charlie. Chỉ huy của họ, đại úy Skip Fesmire, ở phía trên hàng quân và Don Cornett, sĩ quan thừa hành của đại đội Charlie, bị giết ngay từ lúc đầu, vì vậy họ không còn chỉ huy và họ hoàn toàn mất sự gắn kết.”

Spires cũng nhớ là tiếng súng nổ bắt đầu từ “phía trên của hàng quân, rồi nó di chuyển xuống phía dưới. Tôi nghĩ tiểu đoàn địch tao ngộ với lính của trung đội trinh sát và đại đội Alpha, rồi rút lui, vòng qua sườn và tiến thẳng vào đại đội Charlie. Chúng cũng đụng với 1 phần của đại đội Delta. Nhóm chỉ huy tiểu đoàn ngay ở phía trên của Delta. Tôi có 4 người ở dưới đó gồm cả trung sĩ hàng quân của tôi, 3 người trong số họ đã bị giết.”

Binh nhất 4 Jim Epperson, điện đài viên của McDade, nói: “Chúng tôi đặt điện đài xuống phía sau 1 gò mối. Những gã bên pháo binh gào thét bên những chiếc điện đài của họ gọi pháo tới. Thật tình chúng tôi không biết 1 chút gì về tình hình bên dưới hàng quân. Một vài điện đài viên đã bị giết. Chúng tôi bị tách rời khỏi những người khác. Trung tá McDade không nhận được tin gì từ những người phía dưới hàng quân. Charlie, Delta, tiểu đoàn bộ không hề báo cáo bởi vì họ nếu không chết thì cũng, trong trường hợp của tiểu đoàn bộ là, họ không có 1 chiếc điện đài nào cả.”

Lúc này là 1g26 phút. Trung đội trinh sát; chỉ huy đại đội Alpha, Sugdinis và sĩ quan thừa hành, Gwin; và nhóm chỉ huy của McDade đang nằm trong 1 vùng nhỏ gồm nhiều cây gỗ ở giữa hai bãi trống. Sugdinis và Gwin ở gần 1 trong những gò mối, trung đội trinh sát của Payne gần 1 gò khác, và McDade và nhóm chỉ của mình ở phía sau 1 gò mối thứ 3.

Trung úy Larry Gwin quay lại nhìn về phía nam, nơi anh và đại úy Sugdinis vừa mới vọt ra từ rừng rậm vài phút trước đó; toàn bộ khu vực giờ tràn ngập quân địch, chúng hiển nhiên là đã cắt đứt hàng quân của tiểu đoàn, chia tách phần đầu hàng quân với phần còn lại. Gwin nhìn thấy 3 GI từ trong đám cỏ chạy tới, họ phải vượt qua khu vực quân địch bu đầy. “Tôi nhảy lên và la hét gọi họ, vẫy họ chạy tới. Họ nhìn thấy tôi và chạy về phía chúng tôi. Người đầu tiên là đại úy Kenneth L. Weitzel, sĩ quan liên lạc phi đội trực thăng 229 của chúng tôi. Tôi chỉ chỗ của nhóm chỉ huy tiểu đoàn, đang núp phía sau chúng tôi ở 1 gò mối khác, anh ta bò tới chỗ họ. Theo sau anh là thượng sĩ tiểu đoàn, Jim Scott, anh ngã ngay phía sau tôi. Cuối cùng là 1 binh nhất trẻ, nhỏ thó, đang mê sảng và tay đang nắm khúc ruột lòi ra của mình. Cậu ấy luôn lảm nhảm: ‘Trực thăng có tới không?’ Tôi nói, ‘Có, ráng đợi chút đi.’”

“Chỉ huy tiểu đoàn lúc đầu nghĩ rằng những viên đạn đang bay tới là do quân ta bắn quân mình. Ông hét lên với chúng tôi là phải ngừng bắn và mệnh lệnh này được truyền trên làn sóng chỉ huy nhưng không có hiệu lực, bởi vì binh lính trong chu vi phòng thủ có thể ‘nhìn thấy’ quân Bắc Việt. Thượng sĩ và tôi đang tìm kiếm quân mình ở phía sau thì nghe thấy 1 tiếng nổ lớn. Thượng sĩ hét lên: ‘Tôi dính rồi, thừa ngài’. Anh bị 1 viên đạn trúng vào lưng, phía dưới nách và có một lỗ thủng lớn ở mặt trong của cánh tay phải. Tôi nói với anh rằng anh sẽ không sao, và tự băng bó cho mình. Anh tự làm nó, xé toạc chiếc áo ngoài. Rồi anh cầm lấy khẩu M-16 của mình quay trở lại 1 trong những gò mối. Sau đó, tôi còn nhìn thấy anh ấy một vài lần nữa và anh

chiến đấu như 1 con thú.”

Thượng sĩ Scott nói: “Tôi bị trúng 1 viên đạn xuyên qua ngực, khoảng 15 hay 20 phút kể từ khi có tiếng súng. Tôi có thể thấy quân địch ở phía bên trái, bên phải và phía trước trong đội hình trung đội, đại đội. Chúng ở cao trên những ngọn cây, trên đỉnh những gò mối, và trong những đám cỏ cao ngút. Chúng tôi hoàn toàn vô tổ chức. Chúng tôi không có thời gian. Mọi thứ xảy ra tức thì. Tôi không hề thấy 1 hồ chiến đấu nào được đào cho tới trước 8 giờ tối hôm đó. Chúng tôi chỉ sử dụng gốc cây và gò mối làm vật che chắn. Khoảng sau nửa giờ có 1 nỗ lực nhằm tổ chức những nhóm chiến đấu vào những vị trí phòng vệ của 1 khu vực cỡ đại đội. Từng cá nhân tự thực hiện không có ai chỉ dẫn cả. Tôi nghĩ điều này đã cứu chúng tôi.”

Trung úy Gwin tái nhập với nhóm chỉ huy đại đội Alpha bên rìa phía tây của vòng cây. “Joel Sugdinis nói với tôi rằng trung đội 1 của chúng tôi, ở phía bên phải, đã tiêu rồi và trung đội 2 ở phía sau chúng tôi, bị chia cắt và tất cả mọi người ở đó đều bị thương hoặc chết. Tôi đứng dậy để có thể nhìn rõ hơn những hàng cây gỗ, bên phía xa của bãi trống thứ 2, phía bắc và nhìn thấy khoảng 20 lính Bắc Việt đang lom khom đi thẳng tới vị trí của chúng tôi, chỉ cách chúng tôi khoảng 50 mét. Tôi hét lên: ‘Chúng tới kìa!’ rồi nhảy tới nổ súng. Tôi nghe thấy chỉ huy tiểu đoàn hô: ‘Rút lui!’, tôi nghĩ thật là kì quặc bởi vì dường như chẳng có chỗ nào để rút cả.”

“Hầu như tất cả mọi người đều nhảy lên và chạy ngược lại tới gò mối thứ 3. Chỉ còn trung sĩ nhất Frank Miller; Joel Sugdinis; quan trắc pháo binh tiền phương, Hank Dunn; binh nhất Dennis Wilson, điện đài viên; và tôi ở lại, giết hết quân Bắc Việt. Tôi bắn hạ khoảng 3 tên với loạt đạn đầu và nhớ rằng mình nhìn chăm chăm vào tên đi đầu, hấn mang 1 khẩu AK-47. Tôi bắn trúng hấn bằng viên đạn đầu tiên, nhìn thấy hấn ngã xuống đất, rồi hấn bắt đầu bò lên. Tôi sợ rằng hấn sẽ ném lựu đạn. Tôi nhắm bắn rất cẩn thận và bóp cò 1 lần nữa. Tôi nhìn thấy hấn nảy bật lên bởi viên đạn thứ 2 của tôi nhưng hấn tiếp tục di chuyển. Tôi đứng dậy khỏi nơi trú nấp và bắn hết những viên đạn còn lại trong băng đạn vào người hấn. Hấn còn cách gò mối khoảng 18 mét. Đợt tấn công bị chặn lại, nhưng chúng tôi có thể nhìn thấy nhiều, rất nhiều quân Việt Nam tràn ngập xung quanh phía khác của bãi trống.”

Nhóm chỉ huy đại đội Alpha giờ trở lại vị trí ban đầu của họ, đối mặt với khu vực mà họ tiến ra từ rừng, phía tây nam. Trung úy Gwin nói, “Joel Sugdinis và tôi cùng quyết định rằng chúng tôi sẽ phải đứng vững ngay tại đây. Không có nơi nào để đi cả. Quân Bắc Việt đã ở giữa chúng tôi và phần còn lại của hàng quân tiểu đoàn và nơi rừng rậm kia đầy những gã khốn kiếp. Chúng vừa đánh vừa di chuyển xuống phía dưới hàng quân.”

Sugdinis và Gwin cùng đồng ý là không lâu sau đó, chỉ huy trung đội 2 bị mất hút của đại đội Alpha, trung úy Gordon Grove, tả tơi mò tới được vị trí của quân Mỹ từ phía đông. Larry Gwin: “Tôi nhìn thấy Gordy Grove chạy tới dọc theo bãi trống cùng với 2 người bị thương. Họ chính là những người còn sót lại của trung đội, những người còn di chuyển được. Grove như mất trí. Chúng tôi đón anh và 2 người kia về chỗ chúng tôi, và kêu y sĩ chăm sóc cho người bị thương. Rồi Grove hỏi xin người cùng với anh đi trở lại để đưa người của anh về. Sugdinis nói: ‘Gordy, tôi không thể điều người nào quay ra ngoài đó.’ Rõ ràng là rời khỏi chu vi này đồng nghĩa với

cái chết. Bất cứ nơi đâu bạn nhìn, đều thấy quân Bắc Việt. Gordy xin phép để nói chuyện với chỉ huy tiểu đoàn. Sugdinis nói cứ đi đi. Anh tập tễnh đi, thỉnh cầu McDade giúp đưa người của anh về, và nhận sự từ chối, vì vậy anh quay trở lại chỗ gò mồi của chúng tôi.”

Gwin nói thêm, “Một trận đánh kinh khủng tiếp diễn trong khu vực mà chúng tôi đã đi qua để tới được bãi trống và phía sau nó nơi trong rừng sâu. Đó là đại đội Charlie, bị đánh ngay vào vùng chết của cuộc phục kích, đang chiến đấu cho sinh mạng của chính mình. Súng cối nổ rồi im bật-những nòng cối của quân địch rõ ràng đã bị đại đội Charlie tiêu diệt, bởi vì chúng tôi tìm thấy chúng vào ngày hôm sau-nhưng vẫn còn hàng trăm quân Bắc Việt từ tốn đi xung quanh khu vực mà chúng tôi đang quan sát. Giờ bắt đầu giai đoạn bắn tỉa trong trận đánh của chúng tôi. Tôi gọi chúng như thế vì trong 1 khoảng thời gian dài tất cả những gì chúng tôi làm là bắn hạ từng tên địch đang lang thang quanh chu vi của chúng tôi, và điều này chỉ kết thúc khi chúng tôi nhận được những yểm trợ không quân đầu tiên. Tới thời điểm đó chiến sự đã kéo dài được 30 phút.”

Gwin nhìn thấy thiếu tá Frank Henry, sĩ quan thừa hành của tiểu đoàn, nằm ngửa ra, gọi điện đài, cố gắng 1 cách điên cuồng để nhận được yểm trợ không quân chiến thuật và đã thành công. “Không quân đang tới, nhưng sẽ chưa có pháo binh hay ARA’. Jim Spires, S-3, chạy tới chỗ chúng tôi và vặn hỏi Gordy Grove về tình hình bên ngoài chu vi nơi anh vừa mới rút đi. Grove nói vẫn còn người ngoài đó, liên kết với nhau thành 1 chu vi phòng thủ nhỏ, nhưng tất cả họ đều bị thương và đang chết dần, và điện đài đã bị bắn hỏng hết. Đại úy Spires hỏi lại 1 lần nữa theo Grove nghĩ liệu còn người nào còn sống không. Tất cả chúng tôi đều nín lặng.”

Gwin trèo lên 1 đỉnh của 1 gò mồi và bắt đầu bắn tỉa bằng khẩu M-16 những tên địch mà anh nhìn rõ dọc theo bãi trống trong những hàng cây phía nam. “Có rất nhiều mục tiêu, tôi nhớ mình hạ khoảng 10 tới 15 tên NVA từ vị trí này. Những ký ức của tôi cứ xoay tròn xung quanh những cách mà mỗi tên lính địch ngã xuống mỗi khi tôi bắn trúng. Một vài tên sụp rũ xuống đất, một vài tên khác phản ứng như bị 1 chiếc xe tải đâm vào. Một vài tên tôi bắn hụt viên đầu tiên, viên thứ hai cũng sượt qua nó, cho tới khi tôi hạ được nó. Vào lúc đó chúng tôi không biết rằng chúng đang lùng xục xung quanh những đám cỏ voi để tìm những người Mỹ còn sống sót và giết họ từng người 1.”

Sau khi 1 viên đạn sượt qua đầu, Gwin giao lại vị trí thuận lợi của mình cho trung úy Grove, người đang nóng lòng muốn báo thù cho trung đội bị mất tích của mình. Gwin và chỉ huy của mình, đại úy Sugdinis, nghỉ ngơi sau gò mồi, nằm ngửa và hút điếu thuốc lá đầu tiên. Gwin nói, “Điều thuốc đó đã giúp chúng tôi lấy lại cảm giác, chúng tôi nói chuyện về tình hình trong lúc tiếng súng đạn nổ rầm trời xung quanh. Chúng tôi biết mình đã mất 2 trung đội của Alpha, khoảng 50 người, chỉ trong vòng nửa giờ đầu tiên. Joel rất chán nản.”

Những người sống sót đang giữ vòng tròn cây mong manh nơi đầu hàng quân tiểu đoàn có thể nghe thấy những tiếng nổ khủng khiếp của trận đánh đang diễn ra tại nơi phần còn lại của tiểu đoàn bị phục kích. Sau khi chặn và tiêu diệt hầu hết 2 trung đội chiến đấu của Sugdinis, quân Bắc Việt ngay lập tức đưa xuống phía dưới hàng quân Mỹ, từng nhóm nhỏ chia cắt quân Mỹ và

tấn công họ.

Khi cuộc tấn công bắt đầu, tất cả các chỉ huy đại đội của McDade đang ở phía trên, tách rời với quân lính của mình. Họ đem theo điện đài viên và trong vài trường hợp cả quan trắc pháo binh và trung sĩ nhất của mình. Tất cả họ đã ở lại chu vi phòng thủ của McDade cho tới khi kết thúc trận đánh trừ 1 người.

Tuân theo lệnh triệu tập của trung tá McDade, đại úy George Forrest, 1 người tốt nghiệp trung học và là vận động viên điền kinh ở trường đại học, người có thể chất rất tốt, đã lặn lội trên 450 mét từ đại đội Alpha, tiểu đoàn 1, kỵ binh 5, của mình, nơi cuối hàng quân để tiến lên phía đầu hàng quân. Hai điện đài viên của anh đi cùng với anh.

Ngay lúc McDade bắt đầu nói chuyện với họ, vài viên đạn súng cối bay tới nổ tung. Forrest ngay lập tức quay lại và chạy trốn về đại đội của mình. “Tôi không chờ tới khi ông ta giải tán chúng tôi. Tôi vọt liền. Cả 2 điện đài viên của tôi đều trúng đạn và bị giết trong cuộc chạy đua về đó. Tôi thì không bị lấy 1 vết xước. Khi tôi về tới đại đội, thì thấy sĩ quan thừa hành của tôi đã ngục xuống, bị trúng mảnh cối vào lưng. Tôi không nắm rõ tình hình nên tôi kéo đại đội ra khỏi đường mòn về hướng đông, đặt họ vào 1 vòng phòng thủ. Phải một lúc dường như đạn bắn tới từ tất cả các hướng, vì vậy chúng tôi quây tròn lại. Tôi nghĩ tình trạng bắn nhau kiểu đó kéo dài khoảng 35 tới 40 phút. Tất cả các trung đội trưởng của tôi vẫn còn chỉ huy tốt ngoại trừ trung úy Larry L. Hess [Hess, 20 tuổi, người Gettysburg, Pennsylvania, bị giết ngay những phút đầu tiên.]. Trung sĩ trung đội hỏa lực của tôi thì bị thương.”

George Forrest chạy khoảng 550 mét dưới làn mưa đạn, thật kỳ diệu là không bị 1 vết xước, và việc bố trí người của mình thành 1 chu vi phòng thủ đã giúp đại đội Alpha, tiểu đoàn 1, kỵ binh 5, thoát khỏi tấn thảm kịch chung với Charlie, Delta, và tiểu đoàn bộ của tiểu đoàn 2 ở khu vực giữa của hàng quân.

Quân Bắc Việt trèo lên những ngọn cây và trên đỉnh những gò mối được bao phủ bởi những bụi cây, rồi xả những loạt đạn xuống những người lính kỵ binh thuộc bộ phận giữa hàng quân đang bị mất kết dưới những đám cỏ cao. Một cuộc đấu súng mãnh liệt, gồm cả đạn cối, từ 2 phía. Tiếp theo đợt tấn công vào bộ phận đi đầu của hàng quân quân địch nhanh chóng thực hiện 1 cuộc tấn công bao vây và mọi chuyện tưởng như dần dần đến hồi kết.

Rõ ràng là một vài trung đội của McDade đã được báo động trước và đã thiết lập được những đội hình phòng thủ có thể tạo nên được trong những đám cỏ voi, bụi cây, và những bụi cây gai dày đặc. Nhưng những trở ngại về tầm nhìn đã gây khó khăn cho viện duy trì đội hình, và 1 hệ quả là lính Mỹ đã xích gần với nhau hơn so với quy tắc chiến thuật chiến đấu, đã tạo ra những miếng mồi thơm ngon cho lựu đạn, đạn cối hoặc những tràng đạn AK-47. Dọc theo hàng quân, từng tá những trung đội trưởng, trung sĩ, điện đài viên, và những tay súng khác bị giết hoặc bị thương trong vòng 10 phút đầu tiên, nhanh chóng làm cho thông tin bị gián đoạn, sự liên kết và kiểm soát hoàn toàn không có.

Đại úy Fesmire ở gần bãi trống Albany khi tiếng súng nổ ra. Anh tin rằng những trung đội chiến đấu của đại đội Charlie đã đủ gần với bãi trống để có thể cơ động vọt qua quân địch và tới được chu vi phòng thủ nếu anh đốc họ di chuyển thật nhanh và nếu anh may mắn. Fesmire điện cho Jim Spires, sĩ quan hành quân của tiểu đoàn, báo cáo vị trí của anh, và nói với Spires anh sẽ quay lại với lính của mình. Anh đã không thực hiện được điều đó.

Fesmire nhớ lại: “Tiếng súng trở nên vô cùng dữ dội. Quan trắc pháo binh tiền phương của tôi [trung úy Sidney C M. Smith, 23 tuổi, người Manhasset, New York] bị trúng đạn và chết. Tôi đang liên lạc điện đài với trung úy Cornett [sĩ quan thừa hành của Fesmire]. Anh nói với tôi rằng đang bắn nhau dữ dội, đặc biệt là những viên đạn cối rơi xuống ngay khu vực đại đội gây thiệt hại nặng nề. Tôi hướng dẫn anh ấy đưa đại đội di chuyển lên phía trước dọc theo sườn phải của đại đội Delta. Đây chính là hướng mà quân địch xuất phát tiền công. Tôi cảm thấy cần thiết phải củng cố vị trí của tiểu đoàn; giúp bảo vệ sườn phải của đại đội Delta và đưa đại đội Charlie ra khỏi vùng sát thương của súng cối.”

Đại úy Fesmire nói thêm, “Khi tôi di chuyển trở lại phía đông nam thẳng tới đại đội của mình, tôi có thể nhìn thấy quân Bắc Việt trong những hàng cây ở phía bên kia bãi trống. Chúng đang di chuyển gần như cùng hướng với tôi, thẳng tới đại đội Charlie. Cũng lúc này trung úy Cornett cho đại đội di chuyển; họ đụng với những đơn vị đi đầu của tiểu đoàn thuộc trung đoàn 66, và ngay lập tức bị đè bẹp bởi số quân địch đông gấp bội. Hậu quả thật khắc nghiệt, từng người lao vào đánh giáp lá cà. Trong cảnh hỗn loạn, tôi không biết chính xác vị trí của đại đội. Khi trung úy Cornett chết, hoàn toàn vô vọng để tôi nói chuyện với ai trong đại đội của tôi. Trận đánh rõ ràng đã trở thành cuộc vận lộn vì sự sống của từng cá nhân riêng lẻ. Trung sĩ nhất Hance, 2 điện đài viên, và tôi chỉ tìm tới nơi đại đội bị chặn lại. Chúng tôi ở rìa một khu vực trống trải và tất cả những gì chúng tôi thấy là quân địch

Binh nhất 4 Jack P. Smith, thuộc đại đội Charlie, từng là 1 điện đài viên cho tới 1 tuần trước khi cuộc hành quân này bắt đầu thì được chuyển qua công việc của 1 thư ký tiếp liệu. Những sự kiện của ngày 17 tháng 11 vẫn còn khắc sâu trong tâm trí anh. Chỉ huy đại đội của Smith, đại úy Fesmire, giống như những người khác, bị gọi lên phía trên. “Rồi sau này, nhiều người chỉ ra đó chính là sai sót chính, và theo như những gì xảy ra thì đúng là như vậy. Tiến súng nổ quanh chúng tôi. Sĩ quan điều hành của đại đội, Don Cornett, 1 sĩ quan rất giỏi, nhảy lên theo cái kiểu mẫu mực nhất mà trường bộ binh đã dạy hô: ‘Theo tôi!’

“Những đơn vị của trung đội 1 và 2 của chúng tôi tới thẳng 1 vùng gồm một dãy gò mồi. Tới cách nó không quá 3 mét chúng tôi thấy 1 khẩu súng máy phía sau nó và bắn xối xả vào chúng tôi. Mọi người xung quanh tôi bắt đầu ngã xuống như rạ. Tôi chưa từng bao giờ nhìn thấy người bị giết trước đó. Họ bắt đầu ngục xuống như ruồi và chết ngay trước mặt tôi. Đó là những người bạn duy nhất mà tôi có và họ đang chết hết xung quanh tôi.”

Đại đội Charlie, tiểu đoàn 2, kỵ binh 7 chịu tổn thất lớn nhất so với tất cả các đơn vị chiến đấu ở LZ Albany. Trước cuộc đụng độ tàn khốc với quân Bắc Việt này, đại đội có 112 thuộc quân số. Khi mặt trời mọc ngày hôm sau, 18 tháng 11, 45 người đã chết và hơn 50 người khác bị

thương; chỉ có khoảng 1 tá người trả lời ‘có mặt’ ở lần điểm danh sau đó.

Đại úy Henry Thorpe, chỉ huy đại đội Delta, ở cách đại đội của mình khoảng 100 mét khi trận đánh bắt đầu. Anh và trung sĩ nhất của mình cùng với điện đài viên chạy hết tốc lực tới cái đảo cây trong bãi trống Albany để nhập với nhóm chỉ huy tiểu đoàn và giúp tổ chức và kiểm soát chu vi phòng thủ. Điện đài viên, binh nhất 4 John C. Bratland, bị bắn vào chân. Họ đã may mắn khi ở chỗ đó. Đại đội Delta, ở phía dưới hàng quân, thì đang bị xé nát từng mảnh. Ngày hôm đó họ sẽ có 26 người bị chết và rất nhiều người bị thương nặng.

Binh nhất James H. Shadden, thuộc trung đội súng cối của Thorpe. Shadden nói những binh lính thuộc trung đội súng cối đều kiệt sức sau 1 đoạn hành quân dài, sụp xuống trên lối mòn để nghỉ ngơi 1 chút và hút 1 điếu thuốc. Anh nhớ lại, “Tôi đã mang mâm cối được 1 quãng dài. Trung sĩ Amodias giữ lời, tới lấy lại nó và cho tôi nghỉ ngơi, rồi quay lại đi mất. Khi cuộc phục kích của địch bùng lên, Amodias bị giết ngay tức thì. Những người không bị giết bởi loạt đạn đầu tiên đều ngã dúi xuống đất, ngoại trừ điện đài viên của chúng tôi, Duncan Krueger. Tôi nhìn thấy anh ta vẫn đứng vài giây sau đó, cho tới khi anh bị bắn hạ. Tôi không biết tại sao anh ta không nằm xuống.” Binh nhất Duncan Krueger, 18 tuổi, người West Allis, Wisconsin, bị giết ngay chỗ anh đã đứng.”

Cường độ của trận đánh nhanh chóng tăng lên đến lúc Shadden chẳng còn nghe thấy thứ gì ngoài tiếng súng nổ. “Tone Johnson bò tới chỗ tôi, bị trúng đạn vào má và mặt sau của bàn tay. Những hàng cây đầy quân Bắc Việt nhưng xác địch được 1 tên thì gần như không thể. Chúng ẩn nấp quá giỏi. Tôi cố nhóm lên để phát hiện được 1 mục tiêu nào đó. Matthews Shelton, nằm kế tôi cứ kéo tôi xuống. Khi tôi nhóm lên 1 lần nữa 1 viên đạn xuyên qua mũ sắt của tôi, từ trước ra sau. Tôi lại nằm xuống cho tới lúc tôi hoàn hồn trở lại thì 1 viên đạn trúng ngay cái cây ngay cạnh đầu tôi từ phía sau.

“Tôi không biết là chúng tôi đã bị bao vây hay là do người của mình bắn. Họ đang bắn loạn xạ- bất cứ cái gì chuyển động, là có người bắn vào nó. Một người lính bò tới gần tôi, bắn thật thấp, chỉ cách mặt đất vài inch, vào những đám cỏ, về nơi mà người của chúng tôi đang nằm, hắn anh không biết là anh ta đang làm cái gì. Tôi nói với anh ta phải biết chắc chắn rằng anh ta bắn vào cái gì.”

Tiếng súng cuối cùng cũng bắt đầu giảm xuống. Shadden không biết gì về thời gian nữa, anh không biết trận đánh đã kéo dài bao lâu. Chẳng có cách nào để bấm thời gian cho những trận đánh kiểu như thế. “Mọi người bị thương và chết khắp nơi trong khu vực. Sáu người còn sống mà tôi biết đến lúc đó là: Trung sĩ Earthell Tyler, binh nhất Carter, binh nhất Johnson, binh nhất Shelton, binh nhất Cohens và tôi. Tyler ra một mệnh lệnh duy nhất mà tôi nghe thấy trong toàn bộ trận đánh: ‘Cố rút lui lại phía sau, trước khi chúng tiêu diệt chúng ta.’ Shelton lạnh cứng người dưới đất không chịu di chuyển. [binh nhất Matthews Shelton, 20, người Cincinnati, Ohio, bị giết sau đó vào buổi chiều.] 5 người chúng tôi tiến hành nỗ lực lui lại phía sau, nhưng những kẻ bắn tỉa vẫn còn trên những cành cây. Ngay sau đó tôi bị dính đạn vào vai phải, nó liệt mất một lúc. Cùng lúc đó Tyler bị trúng đạn vào cổ, anh ấy chết chỉ cách tôi có 1 cánh tay,

miệng kêu gào y sĩ, binh nhất 4 William Pleasant, người đã chết trước đó. [Pleasant 23 tuổi, người thành phố Jersey, New Jersey.] Câu nói cuối cùng trước khi chết của Tyler là “Tôi đang chết đây.” Trung sĩ Earthell Tyler, 35 tuổi, người Columbus, Nam Carolina.

Shadden với giọng nói nhẹ nhẹ tiếp tục, “Sự bơ vơ, trơ trụi mà tôi cảm thấy vượt xa những gì mô tả được. Vài phút sau tôi lại bị trúng đạn, vào đầu gối trái. Đau không thể chịu nổi, Cohens bị trúng đạn vào bàn chân và gót chân. Chúng tôi đều bị thương và bị kẹt lại. Tôi có thể thấy quân mình bị quét sạch như thế nào. Một đồng đội giúp tôi băng bó cái chân. Anh lấy bông băng từ 1 lính Bắc Việt đã chết. Tôi tới phía sau 1 gốc cây và thấy 1 lính Việt Nam ở đó, ngửa người lên, đã chết. Chỗ này là ở sau lưng chúng tôi, vì thế tôi mới biết rằng chúng tôi đã bị bao vây.”

Binh nhất 4, Bob Towles, thuộc trung đội chống tăng của đại đội Delta, nghe thấy tiếng súng và đạn cối nổ ở phía trước và có thể nhìn thấy nơi đường mòn mất hút vào những bụi cây phía trước mặt mình. Nhưng chẳng thấy người nào ở phía trước cả. Khi phía trước trở nên rộn ràng bởi tiếng súng nổ ngày càng lớn và không nhận được bất kỳ tin tức gì, mối lo lắng của Towles nhân đôi lên: “Âm thanh của tiếng súng phía bên phải chúng tôi khiến chúng tôi tập trung theo dõi. Tất cả chúng tôi đều hướng mặt về hướng đó. Hai hạ sĩ quan lớn tuổi di chuyển lên phía trước và nhập với hàng quân của đám lính quân dịch. Chúng tôi hình thành 1 hàng quân chiến đấu khá vững chãi khoảng 20 mét dài; 12 người chúng tôi. Những viên đạn rớt trên đầu. Chúng tôi vẫn chưa nhìn thấy thứ gì. Chúng tôi chờ đợi, mong mỗi những người được điều ra ngoài nhằm bảo vệ bên sườn sẽ vượt qua và trở lại trong chu vi an toàn mà chúng tôi mới lập. Họ không bao giờ về được. Tiếng nổ ngày càng gần hơn. Chỉ vài giây hàng cây gỗ thay đổi.

“Lính Bắc Việt vạch lá cây và tiến thẳng tới chỗ chúng tôi như đua tới đích cuối cùng, với nòng súng AK-47 chớp sáng. Tôi chọn tên gần nhất và bắn 2 phát súng. Tôi bắn trúng hấn nhưng hấn không chịu gục xuống; hấn tiếp tục tiến tới và tiếp tục bắn. Tôi vặn khẩu M-16 sang chế độ hoàn toàn tự động, bắn, và hấn ta gục xuống. Tôi chuyển qua mục tiêu khác và bóp cò. Súng không nổ. Nỗi sợ hãi mà tôi cảm thấy đã lên tới cùng cực. Tôi thấy 1 vỏ đạn kẹt trong ổ súng. Tôi lấy nó ra, nạp đạn và tiếp tục bắn. Chúng tiếp tục tuôn ra từ hàng cây gỗ, chúng tôi tiếp tục bắn; cuối cùng chúng dừng lại. Trên mặt đất phía trước tôi nằm đó 3 băng đạn tôi cuộn lại với nhau cho dễ cầm cộng với 1 băng đạn khác. Tôi đã bắn hơn 80 viên đạn.”

Tiếng súng giảm đi kéo dài không lâu. Towles núp sau 1 gò mồi hướng thẳng với trung đội súng cối. “Cứ như là mặt đất mở ra và nuốt chửng những pháo thủ súng cối, họ ngã xuống quá nhanh,” Shadden nhớ lại. “Một đợt sóng vàng của thần chết trùm lấy họ và cuốn tới đại đội Charlie. Quân Việt Nam trộn lẫn với họ. Rồi thực tế là: quân dịch giữ phần đất phía sau gò mồi. Hàng quân bị cắt làm đôi.”

“Những tiếng súng vọt tới khiến chúng tôi lại phải chú ý vào hàng cây gỗ. Tiếng súng nhanh chóng gia tăng. Chúng tôi bắn trả vào những chớp sáng. Tôi nghe thấy 1 tiếng động phía sau mình. Quay lại tôi thấy 1 trái lựu đạn ChiCom, rơi xuống, nổ chớp sáng và sì khói, không ai bị thương. Cường độ súng nổ gần như không thể chịu đựng nổi. Đạn bóc từng lớp thân cây ra. Cây

cổ nát bấy ra. Tôi kiểm trung úy James Lawrence để nhờ giúp đỡ thì nhìn thấy đầu của anh giật ngược lại đằng sau. Anh nằm sấp trong đám bụi.

“Một giây sau tôi bị lộn vòng quanh, rồi té xuống đất. tôi bò bằng tay và đầu gối bắt đầu lúi lũi. Máu chảy khắp mọi nơi. Khẩu súng ngắn .45 của trung sĩ bị bắn văng khỏi tay của anh. Bàn tay phải của anh treo lủng lẳng nơi cổ tay, và máu đang tuôn xối xả xuống mặt đất. Có ai đó đang cố băng lại vết thương cho anh. Rồi có người lật trung úy Lawrence lại cố lay anh dậy. Tiếng súng vẫn nổ đều.”

Hàng quân 12 người mỏng manh của Towles nhanh chóng co lại. “Tôi quay lại chỗ hàng cây gỗ và phát hiện những chuyển động. Tôi chuyển qua hướng đó và phát hiện quân Bắc Việt dưới những bụi cây. Quân địch chuyển qua bên sườn chúng tôi! Vị trí của chúng tôi không còn giữ được nữa. Tôi ngoái lại cảnh báo. Trung sĩ Jerry Barker lúc này nhận quyền chỉ huy; anh ấy nhận ra rằng chúng tôi cần phải rút ra. Anh chỉ định những người không bị thương hoặc bị thương nhẹ để giúp những người bị thương nặng. Một lúc sau anh ra lệnh di chuyển.

“Tôi dẫn đầu cuộc rút lui vì vị trí của mình trên hàng quân. Tôi đứng dậy và đi như chạy về hướng duy nhất không có tiếng súng của địch-thẳng tới bên trái phía sau chúng tôi. Được khoảng từ 30 tới 40 mét chúng tôi vọt ra khỏi rừng cây và lọt vào một bãi trống trải, cỏ mọc tới hông. Ánh nắng mặt trời khiến mắt tôi bị choá. Được khoảng 20 mét bên trong bãi trống tôi phát hiện thấy 1 người chạy cà nhấc tới phía sau mình rồi ngã xuống. Tôi nằm xuống đất và quay lại nhìn thấy binh nhất Marlin Klarenback đang vật lộn với cái chân trái bị thương.”

Đại úy George Forrest giờ đã trở lại với đại đội Alpha tiểu đoàn 1, kỵ binh 5 nơi hậu quân của hàng quân. “Tôi đã mất các điện đài viên của mình khi tôi chạy trở về và phải lấy 1 điện đài khác. Tôi biết được những đơn vị đi đầu của McDade đang bị đánh dữ dội ở phía trước và phía tây. Có lẽ tôi nhận được 2 mẫu tin từ McDade, rồi mất liên lạc. Chúng tôi quây tròn lại. tiểu đoàn mẹ của tôi đã xuất hiện trên sóng và tôi có thể liên lạc với đại úy Buse Tully, chỉ huy đại đội Bravo, tiểu đoàn 1, kỵ binh 5. Tôi chưa bao giờ cảm thấy sự nhẹ nhõm như vậy khi nghe thấy và nhận ra giọng nói quen thuộc. Tôi biết rằng có người đang quan tâm tới chúng tôi và đang trên đường giúp đỡ chúng tôi.”

Qua con mắt của 2 tay súng thuộc đại đội Alpha của đại úy Forrest, binh nhất David A. Lavender người Murphysboro, Illinois và binh nhất 4 James Young của vùng Steelville, Missouri. chiến tranh Việt Nam thực sự giống như thế này. Lavender nói: “Trung đội của tôi đảm nhận việc khoá đuôi. Chúng tôi bắt đầu cơ động và mở đường tiến lên phía trước hàng quân nhằm giúp những người ở phía trước. Mỗi lần chúng tôi di chuyển chúng tôi bị súng cối bắn tới. Đó là thứ gì đó bạn không thể mô tả được. Người ta ngã xuống như ruồi. Tiếng nổ đầu tiên giết 1 tay lính trẻ tên [binh nhất Vincent] Locatelli. Mỗi khi chúng tôi di chuyển chúng lại rót đạn cối vào chúng tôi. Tôi biết chúng tôi phải mất khoảng 12 tới 15 người bị thương gồm cả trung đội trưởng của mình.

“Đây là những người bạn thân thuộc của tôi trong suốt 2 năm trong quân ngũ. Đa số lính trong

tiểu đoàn của chúng tôi bị gọi đi quân dịch ở độ tuổi 21 và đã phục vụ được 18 tháng. Tất cả chúng tôi đã gần 23 tuổi. Qua thời gian họ đã trở thành anh em. Nghe thấy họ la hét, nghe thấy họ bị giết, từ đó luôn làm tim tôi đau nhói. Phần chốt yếu của trận đánh này là lúc khởi điểm. Nó là sự bất ngờ. Chúng phục kích chúng tôi theo lối cổ điển hình chữ U và với súng cối chúng đã chia cắt chúng tôi.”

Jim Young nói: “Tôi ngồi xuống và chợp mắt liền. Chúng tôi đã có những đội cảnh giới hai bên sườn cách xa khoảng 100 mét, vì vậy tôi nghĩ là an toàn để ngủ 1 giấc. Vài tiếng súng nổ ra ở phía trên làm cho một thứ tệ đi. Nó là tôi thức giấc. Rồi trung đội 1 của chúng tôi bị trúng đạn cối. Năm người bị thương. Tôi nghe thấy họ gọi cứu thương. Đạn cối vẫn tiếp tục dội xuống. Tôi nghe thấy họ ra lệnh cho trung đội 1 lùi lại, rút ra khỏi khu vực đang bị súng cối đang nã vào.”

Trung đội của Young được lệnh dàn hàng tiến lên để đối chọi với quân địch. “Mọi người đều nằm úp xuống khi đạn cối bay tới. Họ nói chúng tôi phải di chuyển thẳng tới quân địch. Chúng tôi dàn hàng ngang và bước ngay vào chỗ quân địch phục sẵn ở đó. Chúng ở phía sau gốc cây, gò mồi, và dưới đất. Có rất nhiều cỏ cao tới hông và cây cối mọc đầy xung quanh chúng tôi. Những tên lính địch hoà lẫn trong cỏ. Rất khó nhìn thấy chúng nên chúng tôi phải bắn vào chỗ mà chúng tôi nghĩ rằng chúng nằm ở đó. Y sĩ xoay như chong chóng cũng không thể chăm lo được hết cho toàn bộ số người bị thương. Một người bên phải tôi bị trúng đạn vào gót chân, anh tên là Harold Smith.

“Có một bãi cỏ trống trải nằm bên trái tôi khoảng 25 tới 30 mét, và một tên bắn tỉa phía bên phải tôi. Tôi không thể thấy hắn, nhưng tôi thấy 1 viên đạn vạch qua tay tôi. Tôi cảm thấy luồng gió của nó. Viên đạn đó cũng sượt qua phía sau cổ của Smith. Anh may mắn vì vừa cúi đầu xuống. Chỉ huy đại đội của chúng tôi, đại úy Forrest, chạy dọc theo hàng quân. Anh dừng lại nói với từng người nơi phải tập hợp. Anh hành động cứ như là anh vô hình với đạn địch vậy. Tôi chẳng biết tại sao mà anh ấy không bị trúng đạn.”

Ngay phía trước đại đội Alpha, tiểu đoàn 1, kỵ binh 5, là 1 mớ hổ lốn những người thuộc bộ phận tham mưu, thư ký, quân y, thông tin của tiểu đoàn bộ tiểu đoàn 2, kỵ binh 7. Doc William Shucart, bác sĩ phẫu thuật tiểu đoàn 2; trung úy John Howard chỉ huy trung đội quân y; và trung úy Bud Alley, chỉ huy trung đội thông tin.

Shucart nói: “Trước khi súng nổ tôi nhớ là mình ngửi thấy mùi khói thuốc lá. Thuốc lá Việt Nam. Tôi nói: ‘Tôi ngửi thấy quân địch đang hút thuốc!’ Chuyện kể tiếp theo là đạn cối rơi xung quang tất cả chỗ chúng tôi, rồi rất nhiều đạn của súng hạng nhẹ bay tới và rồi mọi thứ trở nên hỗn loạn. Chúng tôi cho rằng những đơn vị đi đầu của hàng quân đã quay lại và không biết lí do gì lại nã súng vào chúng tôi. Nhiều người ngã gục xuống xung quanh chúng tôi. Dường như chỉ rất nhanh thôi tôi thấy còn trơ trọi lại có 1 mình. Chúng tôi bị phân tán ra quá rộng. Tôi cứ chạy vòng quanh với 1 khẩu M-16. Tôi có 1 khẩu .45 nhưng nó vô dụng nên tôi nhặt 1 khẩu M-16 của ai đó.

“Lần này thì tôi ở trực tiếp dưới làn đạn của quân địch. Tôi bị 1 viên đạn sượt qua lưng, không có gì nghiêm trọng, chỉ là một vết cắt rồi sẽ để lại 1 vết sẹo đẹp. Đây là lần sợ hãi lớn nhất trong cuộc đời tôi. Tôi đang đeo nơi cổ 1 huy hiệu thánh Christopher, mà ai đó đã gửi cho tôi. Tôi nghĩ: ‘Đây là lúc phải cầu nguyện.’ Rồi tôi lại nghĩ: ‘Mình chưa bao giờ thật sự có niềm tin. Ông ấy [Chúa] chắc chắn muốn ban phước cho mình.’ Vậy tôi đứng dậy và bắt đầu tìm kiếm người nào đó, bất kỳ ai. Tôi tìm thấy 1 trong những điện đài viên của chúng tôi, đã chết, tôi dùng điện đài của anh để gọi có ai đó không. Tôi nhớ là mình đã cố kêu họ ném một vài trái khố để tôi có thể kiếm được họ.”

Trung úy John Howard nhớ lại: “Ngay sau những tiếng súng đầu tiên, đạn cối và lựu đạn bắt đầu nã vào tất cả các nơi xung quanh chúng tôi. Rồi súng hạng nhẹ bắn tới rào rào, binh lính nhanh chóng gục xuống bởi trúng đạn hoặc mảnh cối và mảnh lựu đạn. Tình hình thật hỗn loạn, vài người nghĩ rằng mình đang bị chính quân Mỹ bắn. Sự nhầm lẫn này nhanh chóng được sáng tỏ khi quân tấn công Bắc Việt tiến lại thật gần đến nỗi chúng tôi có thể nhìn thấy và nghe thấy chúng nói chuyện.

“Chúng bất ngờ xuất hiện phía sau những gò mồi và trên những cành cây, nhắm bắn vào bất kỳ người nào chuyển động, chúng tôi buộc phải bắn vào tất cả các hướng, vì chúng ở khắp nơi. Khi chúng tôi bò loanh quanh trong những đám cỏ voi cao, rất khó khăn để nói với nhau vị trí của mình, hoặc xác định đó là quân ta hay địch. Một điều mà tôi phát hiện rất nhanh là cách mà NVA ra hiệu với nhau trong bãi cỏ cao, chúng gõ vào báng gỗ của khẩu AK-47.”

Trung úy Bud Alley còn nhớ rõ khi “tin tức truyền xuống là trung đội trinh sát bị bắn. Rồi đội trinh sát bị phục kích. Rồi có lệnh cho đại đội Charlie ngay phía trước chúng tôi, dàn hàng ngang tiến lên chiếm lấy bên sườn. John Howard và tôi ngồi bên cạnh nhau. Bất thành linh vài tiếng súng vang lên chỉ cách chúng tôi có 25 mét. Lúc này tất cả chúng tôi đều đứng dậy, sợ hãi. Những tiếng gọi ngược trở lại: ‘Y sĩ! Y sĩ!’. Nhóm y sĩ đầu tiên, trước mặt chúng tôi tiến lên, John Howard đi cùng với họ. Những lính chiến đấu của đại đội Charlie hò hét: ‘Dàn hàng ra!’ Tôi đặt người của mình thành 1 hàng, khoảng 25 mét bên trong những hàng cây, thế rồi hỏa ngục ập xuống. Đạn bay rào rào, và rất khó khăn để duy trì hàng quân.

“Một lính trẻ bị chúng đạn và đang gào thét. Điện đài viên và tôi chạy tới lôi cậu ta lại phía sau 1 gốc cây. Cậu ta bị bắn trúng vào cổ tay và vẫn tiếc tục la hét. Rồi cậu ta lại bị trúng đạn lần nữa. Tôi đặt khẩu M-16 ở chế độ tự động hoàn toàn và bắn lên trên cao, có thứ gì đó rơi từ trên cây xuống. Tôi bò tới 1 gò mồi nơi có hai người ở đó. Tôi ở lại đó, thấy 1 người có điện đài. Tôi gọi để biết chuyện chết tiệt gì đang diễn ra. Cũng lúc đó thì sóng liên lạc tắt ngúm; có ai đó bị chết và ngón tay của anh ta dè lên nút truyền sóng, hay chuyện gì đó giống như vậy. Điều cuối cùng tôi nghe thấy trên sóng là Ghost 5 đã bị hạ; đó là Don Cornett, sĩ quan thừa hành của đại đội Charlie.”

Đại tá Tim Brown, tư lệnh lữ đoàn 3, người có quyền ra lệnh đưa quân tăng viện tới, đang bay vòng vòng phía trên, trong chiếc trực thăng chỉ huy, hỏi sĩ quan dưới đất của mình, trung tá Bob McDade, về sự nghiêm trọng của tình hình. Cùng với Brown là điều phối viên hỏa lực lữ

đoàn, đại úy Dudley Tadey, người đang nóng lòng đợi xuống tất cả các thứ có trong tay, pháo binh, không quân và ARA.

Brown và Tadey vừa mới rời khỏi LZ Columbus sau khi nói chuyện với trung tá Tully thì những tiếng súng đầu tiên nổ ra ở Albany. Đại tá Brown đang quay đầu về sở chỉ huy lữ đoàn ở trang trại chè.

Đại úy Tadey nhớ lại: “Thình lình tôi nghe thấy Joe Price, quan trắc pháo binh tiền phương đi cùng với tiểu đoàn của McDade, nói ‘Chúng tôi gặp rắc rối! Tôi cần hỗ trợ!’ Price gào thét xin bất cứ cái gì có thể: không quân, pháo binh, ARA. Cuối cùng chúng tôi phải yêu cầu anh nói chậm lại để chúng tôi có thể hiểu được chuyện gì đang diễn ra. Tôi báo cáo đại tá Brown rằng có chuyện gì đó đang xảy ra dưới kia. Ông cố bắt làn sóng chỉ huy và nói chuyện với McDade. Tôi vẫn giữ làn sóng pháo binh để cố tìm thứ gì hỗ trợ cho họ. Lúc đó chúng tôi đang bay trên đầu vị trí của họ và chúng tôi có thể nhìn thấy từng đụn khói bốc lên từ những hàng cây gỗ. Khi Joe Price có thể nói được trên sóng tôi có thể nghe thấy những tiếng đạn nổ ầm ỉ qua điện đài của họ.”

Thiếu tá Roger Bartholomew, chỉ huy của những chiếc ARA, liên lạc được với Tadey và đã bay theo kiểu zigzag phía trên cánh rừng nhằm xác định những vị trí chính xác của quân mình để trực thăng của anh có thể yểm hộ cho họ. Anh không gặp may. Đại úy Tadey cho pháo binh bắn những viên đạn khói để định vị những vị trí bảo vệ. Cũng không gặp may. “Chúng không giúp được gì bởi vì lúc đó mọi người dưới đất như trộn lẫn vào nhau. Chúng tôi có không quân chiến thuật, ARA, và pháo binh thế mà vẫn chưa thể làm được cái quái gì. Đó là sự bất lực nhất, vô vọng nhất mà tôi từng chứng kiến.”

Trực thăng của Brown sắp hết nhiên liệu, nó quay trở về Catecke để tiếp xăng. Brown nói, “Tôi biết họ đang giao chiến. Tôi không biết nó nghiêm trọng tới mức nào, hoặc bất kỳ thứ gì khác. Khi tôi nói chuyện với McDade tôi có thể nghe thấy tiếng súng tiểu liên nổ, nhưng anh ta chẳng biết chuyện gì đang xảy ra. Tôi hỏi: ‘Chuyện gì xảy ra với đơn vị đi đầu của anh?’ Anh ta không biết. ‘Những đơn vị theo sau ở đâu?’ Anh ta không biết. Và anh ta cũng không biết chuyện gì đang diễn ra với bất kỳ đơn vị nào trong phần còn lại của hàng quân. Chẳng ai biết chuyện quái gì đang diễn ra. Chúng tôi không thể dội pháo hay không quân xuống bởi vì chúng tôi chẳng biết ném chúng xuống đâu.

Đại úy John Cash đang ở giữa sở chỉ huy lữ đoàn ở Catecka, giờ trở nên rất sôi động, nhớ lại lúc quay về của Brown: “Brown đứng đó, bên điện đài của chúng tôi, hỏi McDade chuyện gì đang diễn ra, hét lên, ‘Tiên sư nó, chuyện gì đang xảy ra thế?’ McDade trả lời, ‘Bị một vài KIA ở đây và đang cố giải quyết tình hình. Tôi sẽ trở lại với ông sau. Hết’ Đại úy Tadey, ở bên cạnh Brown trong trung tâm hành quân chiến thuật [TOC] nói, ‘Tôi nghe McDade nói. Brown vẫn cứ tiếp tục hỏi anh chuyện gì đang xảy ra. Rồi loa của radio chỉ còn tiếng om sòm. Những gì tôi nghe được là mọi chuyện chẳng tốt lành gì trong khu vực của McDade.’”

Sau khi chiếc trực thăng chỉ huy được nạp nhiên liệu. Brown lại bay vào thung lũng. “Rồi thình

lính tôi nghe thấy tất cả các loại súng đạn nổ dồn trên radio trong lúc tôi đang nói chuyện với McDade. Anh ta hét lên: ‘Họ đang chạy kìa! Họ đang chạy kìa! Trong 1 giây kinh hoàng tôi nghĩ anh ta nói tới tiểu đoàn của anh ta đang chạy tán loạn. Thực ra là thế này, không quân vừa ném bom napalm vào 1 đơn vị Bắc Việt cỡ 1 đại đội và ‘họ’ đang chạy, chứ không phải quân Mỹ. Từ lúc đó tôi bắt đầu hình dung ra được là McDade đã gặp rắc rối thật sự.”

Chỉ tới lúc này đại tá Brown mới bắt đầu tập hợp lực lượng tăng viện để cứu giúp cho tiểu đoàn 2 của McDade. Brown ra lệnh cho trung tá Frederic Ackerson điều 1 đại đội thuộc tiểu đoàn 1, kỵ binh 5, hành quân bộ từ LZ Columbus tới LZ Albany. Ackerson phái ngay đại đội Bravo, tiểu đoàn 1, kỵ binh 5 do đại úy Walte B. Tully chỉ huy vượt qua quãng đường 2 dặm để tới được cái đuôi của hàng quân của McDade. Cùng lúc đó, Brown điện ra lệnh báo động cho đơn vị còn thiếu của McDade, đại đội Bravo, tiểu đoàn 2, kỵ binh 7 của đại úy Sugdinis, để chuẩn bị được không vận từ trại Holloway tới LZ Albany.

Brown nhận ra như thế đã quá ít và quá trễ. “Hằng năm qua tôi nghĩ mãi về sự hiệu quả của những hành động này, và tôi tin rằng hầu hết thương vong thiệt hại đều xảy ra trong giờ đầu tiên của trận đánh. Tôi nghĩ rằng họ đã nhanh chóng thực hiện mọi chuyện theo đúng cách trở lại. Quân của McDade đã không bảo đảm an ninh tuyệt đối khi di chuyển trong rừng rậm.”

Về phần mình, trung tá McDade xác nhận rằng anh không thể cung cấp cho Brown những báo cáo chi tiết về 3 trong số 4 đại đội thuộc hàng quân bị phục kích của mình-hầu hết họ ở ngoài tầm nhìn và tầm kiểm soát. McDade nói, “Trong giờ đầu tiên đó, tình hình thay đổi liên tục đến nỗi tôi hành động giống như là 1 chỉ huy trung đội hơn là 1 tư lệnh tiểu đoàn. Chúng tôi cố gắng bảo vệ 1 chu vi phòng thủ. Bản thân tôi cũng phải tự hình dung xem chuyện quái quỷ gì đang diễn ra. Tôi không nghĩ có bất kỳ ai trong tiểu đoàn có thể nói cho bạn biết thực sự tình hình như thế nào vào thời điểm đó. Tôi có thể nhận thấy mình đã để Tim Brown vào trong tình trạng mù mờ về tình hình; Bản thân tôi cũng chẳng biết gì nữa là, cho tới khi mọi thứ lắng xuống.”

Người tiểu đoàn trưởng nói tiếp, “Tôi có thể gào và hét lên rằng chúng tôi rơi vào 1 cái bẫy chết người, và tất cả đang bị đánh bại. Nhưng tôi không biết mọi chuyện xấu tới mức độ nào. Tôi chẳng có cách nào để kiểm tra dù là phỏng đoán hay trên thực tế, bằng cách đi ra ngoài chu vi đó, vì vậy tất cả những việc tôi có thể làm là hy vọng mọi chuyện rồi sẽ nằm trong tầm kiểm soát. Không phải tôi định than vãn hay biện hộ, đặc biệt trong 1 tình huống mà chẳng ai có thể làm được bất kỳ điều gì.”

Trung tá John A. Hemphill là sĩ quan hành quân ở sở chỉ huy tiền phương sư đoàn của chuẩn tướng Knowles ở Pleiku. Anh nhớ mình và Knowles bay trên bầu trời Ia Drang vào ngày 17 tháng 11 và theo dõi B-52 ném bom vào sườn núi Chu Pong. Sau đó họ bay trở lại Pleiku. Hemphill nói: “Khi chúng tôi quay lại Pleiku, Tim Brown đợi sẵn ở đó, ông muốn gặp Knowles. Tôi đưa ông tới chỗ Knowles, và ông nói, ‘Tôi không nghe được gì cũng như không liên lạc được với McDade và tôi rất lo lắng.’ Vì vậy chúng tôi thu xếp công việc rồi bay ra ngoài vào cuối buổi chiều, tôi nghĩ đó là lúc mà chúng tôi lần đầu tiên biết được có chuyện gì đó rất xấu.”

Cho dù Knowles không nhớ ra Brown tới sở chỉ huy của mình như là Hemphill mô tả, ông vẫn còn nhớ rõ về cách mà ông nắm được thông tin tiểu đoàn của McDade đụng độ mãnh liệt với quân địch. “Tôi có 1 chuẩn úy ở sở chỉ huy ở Pleiku. Công việc của anh ta là theo dõi quân trang, đạn dược, nhiên liệu và thương vong. Anh ta có 1 đường dây nóng trực tiếp tới tôi; tôi muốn biết ngay lập tức khi có chuyện gì đi trật khỏi đường rày. Vào buổi chiều, khoảng 2 hoặc 3 giờ, anh ta gọi tôi và nói: ‘Tôi nhận được 14 KIA từ tiểu đoàn của McDade.’ Tất cả các đường dây đều không có ai trả lời. Tôi gọi phi công của mình, Wayne Knudsen, và John Stoner, sĩ quan liên lạc không quân của tôi, và đi ra ngoài để tìm McDade. Tôi dừng lại ở lữ đoàn 3 trước khi bay tới Albany. Tim Brown chẳng có gì để nói với tôi cả.”

Knowles tiếp tục: “Chúng tôi tới được Albany và McDade đang gặp rắc rối lớn. Tôi muốn hạ cánh. McDade nói, ‘Tướng quân, tôi không thể lo cho ngài được. Tôi thậm chí không thể đưa trực thăng cứu thương vào.’ Tôi không thể hạ cánh. Tôi muốn làm thứ gì đó ở phía dưới mặt đất. Tôi nói với Stoner và Bill Becker, chỉ huy pháo binh của sư đoàn. ‘Những tay này chẳng biết họ đang có cái gì, hãy đặt 1 vòng thép xung quanh họ.’ Tôi có thể giúp anh ta với hỏa lực yểm trợ và tôi đã làm như thế. Rồi tôi quay lại để tìm Tim, người cho đến giờ vẫn chẳng có thông tin gì. Tôi rất khó chịu. Một mớ lộn xộn chết tiệt; tôi chẳng hỏi han gì.”

Tiểu đoàn 2, kỵ binh 7, đã bị giảm từ 1 tiểu đoàn đầy đủ trên đường hành quân xuống còn lại 1 chu vi phòng ngự nhỏ chống chọi bởi vài người sống sót của đại đội Alpha, trung đội trinh sát, một nhóm người đào thoát được từ đại đội Delta và Charlie và nhóm chỉ huy tiểu đoàn ở bãi trống LZ Albany- cộng với 1 chu vi phòng thủ nhỏ khác, cách đó khoảng 450 mét tới 630 mét về phía nam, do đại đội Alpha tiểu đoàn 1 kỵ binh 5 của đại úy Forrest thiết lập. Còn ở giữa đó, là những người chết hoặc bị thương hoặc trốn trong những đám cỏ cao, thuộc quyền chỉ huy của McDade: những đơn vị của 2 đại đội chiến đấu, 1 đại đội hỏa lực, và tiểu đoàn bộ tượng đương 1 đại đội.

Từng người và tất cả mọi người còn sống trên bãi chiến trường đó, quân Mỹ và quân Việt Nam, đều đang chiến đấu vì mạng sống của mình. Trong đám cỏ cao, những người lính của cả hai bên gần như không thể nhận ra bạn hay thù cho tới khi tới thật gần. Quân Mỹ trong bộ quân phục màu ô liu xám và quân bắc Việt trong màu nâu mù tạt đang đánh lẫn nhau và chết bên cạnh nhau. Trận đánh có vẻ bắt đầu như là 1 cuộc tao ngộ chiến hay 1 cuộc phục kích vội vã hoặc 1 cuộc tấn công bất ngờ, 1 trận vận động chiến- dù thật ra nó bao gồm tất cả những thứ đó- nhưng, sau một vài phút nó biến thành 1 trận đánh giáp lá cà man rợ, một cuộc đấu súng, những chiến binh không chỉ giết quân địch mà đôi khi giết phải ngay đồng đội của mình dù họ chỉ cách đó có vài bước chân.

Chẳng có 1 chiến thắng giá rẻ nào cho cả hai bên vào ngày hôm đó. Mà thật ra, chẳng có 1 chiến thắng nào hết- chỉ có 1 điều chắc chắn là sự chết chóc khủng khiếp tràn ngập trong những đám cỏ cao.

## 20/ CHẾT TRONG ĐÁM CỎ VOI

*I did not mean to be killed today.*

*-dying words of the Vicomte de Turenne, at the Battle of Salzbach, 1665*

Chỉ huy chiến trường của quân Bắc Việt, Nguyễn Hữu An, vẫn còn háo hức khi nói tới kỷ niệm về buổi chiều đẫm máu ngày 17 tháng 11, 1965, trên đường mòn tới LZ Albany: “Các cán bộ và binh lính của tôi báo cáo trận đánh rất ác liệt. Tôi nói 1 cách thẳng thắn với ông rằng, lính của các ông đã chiến đấu rất can đảm. Họ không có chọn lựa nào khác. Các ông 1 là sống hai là chết. Đó là 1 trận đánh giáp lá cà. Hệ quả là, khi chúng tôi kiểm tra chiến trường, khi chúng tôi thu gom người bị thương của mình về, xác của lính các ông và lính của chúng tôi nằm cuốn lấy nhau. Trận đánh ác liệt nhất từng diễn ra.” Đúng là như thế, không ở đâu sự ác liệt lại sánh bằng nơi quân Mỹ, đang bị căng dài ra, từng đại đội bị chia cắt thành từng nhóm nhỏ.

Trung úy John Howard ở trong tiểu đoàn bộ gần cuối của hàng quân. “Vào lúc nào đó khi mới bắt đầu trận đánh, tôi ở gần 1 gò mối lớn. Một trung sĩ, ở cách không xa tôi lắm, bị một vết thương rất nặng ở chân và anh đang kêu gào trong đau đớn. Tôi bò tới gần anh ấy, băng bó chân cho anh. Rồi ngay khi tôi đang cố nói anh ấy đừng rên la nữa thì tôi bị trúng 1 viên đạn, nó đẩy tôi ngã xống xoài ra đất. Viên đạn trúng vào bên phải dạ dày tôi. Tôi kéo chiếc áo lên để coi nó nghiêm trọng như thế nào, may mắn là nó cắt qua thịt nhưng không xuyên ra bao tử. Tôi bị 1 vết thương ngoài da dài khoảng 5 inch.”

Đạn vẫn tiếp tục bắn xuống xung quanh Howard. Anh nắm lấy người trung sĩ và nói rằng họ cần phải đi vòng qua phía bên kia của gò mối. “Ở phía bên kia, chúng tôi nhập chung với 4 người lính khác, họ vây làm thành 1 nhóm trong đám cỏ. Chúng tôi tiếp tục bắn vào lính Bắc Việt ở phía sau những cái cây và gò mối và cố gắng tìm hiểu xem chúng tôi cần làm gì tiếp theo.”

Cho dù lúc này họ ở ngoài tầm nhìn của nhau, trung úy Bud Alley, sĩ quan thông tin của tiểu đoàn 2, bạn của Howard, không ở đâu xa. “Đó là sự kinh hoàng,” Alley nói, “mọi người 2 bên tôi đang bị trúng đạn. Vào thời điểm đó tôi vẫn chưa thấy 1 tên địch nào. Tất cả những gì tôi nhìn thấy là cây cối và lính bên mình. Tôi cố di chuyển lên bên phải. Tôi di chuyển vào ngay 1 cơn mưa đạn. Mọi người đều đang cố gắng di chuyển lên phía trước để tới được LZ. Tôi tới 1 gò mối lớn, có 1 khẩu súng máy ở đó. Một lính trẻ nằm bên phải tôi, 1 người Puerto Rico, bị thương. Tôi đổi khẩu súng ngắn .45 của mình để lấy khẩu súng máy của cậu ta.

“Tôi xách khẩu súng máy, di chuyển vòng qua bên trái của gò mối, rồi cố đi lên phía trước, bắn ngay trước mặt. Tôi bò tới 1 người nằm phía sau 1 cái cây nhỏ; rồi 2 khẩu súng tự động bắn về phía chúng tôi, cắt đứt cái cây nhỏ đó xuống. Anh ta la lên và đập vào lưng tôi. Tôi lăn lên phía trên anh ta và thấy 2 tay của anh đang ôm lấy mặt. Anh nói với tôi: ‘Đừng lo cho tôi; tôi chết rồi.’ Anh buông 2 tay ra, 1 viên đạn tạo thành 1 cái lỗ ngay giữa trán của anh. Anh giật 2 trái lựu đạn và ném chúng. Tôi bắt đầu bò trở lại cái gò mối lớn nơi tôi xuất phát. Tôi biết rằng không

thể di chuyển lên phía trước được. Khi tôi quay về đúng cái gò mối đó, 1 người bị thương, một hoặc hai người chết, một gã thương binh khác và người sửa radio của tôi tất cả túm tụm phía sau gò mối. Đường nào cho chúng tôi đi?”

William Shucart, bác sĩ phẫu thuật của tiểu đoàn, cũng ở trong khu vực đó trong hàng quân. “Tôi đứng dậy tìm kiếm ai đó, bất kỳ ai. Tôi chạy loạn lên và đâm xăm vào 2 tên địch. Cuộc hội ngộ này khiến tôi hải đến nỗi phọt cút ra ngoài, và chúng cũng vậy. Tôi dương khẩu M-16 lên trước khi chúng kịp làm tương tự. Thế là kết thúc chuyện. Rồi tôi nhìn quanh và nhìn thấy 1 trung sĩ đang tựa người vào 1 cái cây. Anh nói, “Tôi có thể giúp gì được cho ngài không, đại úy? Thật là bình tĩnh. Đó là trung sĩ Fred Kluge thuộc đại đội Alpha tiểu đoàn 1, kỵ binh 5. Chúng tôi quay trở lại về chỗ 1 nhóm lính đông hơn ở phía đuôi hàng quân, có lẽ khoảng 15 tới 20 người, với 1 vài người bị thương. Chúng tôi ở trong 1 khu vực với nhiều thương binh mà không có trang bị y tế, chỉ có 1 vài ống morphine và một ít bông băng.’

Ngay phía trước khu vực của tiểu đoàn bộ trên hàng quân, Đại đội Charlie bắt đầu chết dần. Binh nhất 4 Jack Smith ở bộ phận đi đầu trong đội hình của đại đội, gần với trung úy Don Cornett, khi đại đội chui ngay vào hòng của những khẩu súng máy của quân địch. Trong những giây đầu tiên Smith trông thấy 1 trong những điện đài viên chết vì 1 viên đạn xuyên qua ngực, mắt và lưới lòi cả ra ngoài. Lính của đại đội Charlie đang bắn tán loạn ra mọi hướng.

Bất ngờ, Smith nói, anh nghe thấy một tiếng rên rỉ nhỏ của trung úy Don Cornett. Anh xé chiếc áo màu xanh nhàu nát của người sĩ quan, nhìn thấy 1 vết thương do 1 viên đạn gây ra ở lưng, phía bên phải cột sống. Anh cùng 1 người lính khác băng bó vết thương cho trung úy. Smith nghĩ, làm thế nào mà tất cả họ lại dựa vào vào người duy nhất này, đang bị thương nặng nữa chứ, người chỉ huy duy nhất có thể liên hệ được. Rồi người lính bên cạnh của Smith trúng đạn vào cánh tay, cắt đứt 1 động mạch và máu chảy ra xối xả. Tiếp đến 1 viên đạn lại xé toạc 1 chiếc giày của Cornett, cắt đứt toàn bộ ngón chân của anh.

Lúc này 1 lính Bắc Việt với 1 khẩu súng máy hạng nặng Maxim xuất hiện chỉ cách Smith có 3 bước chân. Người lính trẻ gạt cần súng M-16 sang chế độ hoàn toàn tự động và bắn 1 tràng đạn dài vào mặt xạ thủ súng máy của địch. Một quả lựu đạn nổ tung hạ gục 1 người lính Mỹ ngay gần đó.

Chỉ mới một vài phút trôi qua thôi mà cả thế giới của John Smith đều bị bắn chết hết xung quanh anh. Rồi, anh nói, có 1 điều xảy ra khiến anh tiếp tục chiến đấu. Trung úy Don Cornett, nói trong đau đớn, gây ra bởi vết thương, với Smith rằng anh phải làm gì đó để cố tập hợp binh lính. Cornett bò đi xa tới 1 vùng cỏ cao. Người trung úy trẻ chết khi đang thi hành nhiệm vụ của mình ở nơi nào đó trong 1 cuộc chiến giáp la cà.

Smith nhớ lại: “Chỉ trong vòng có 20 mươi phút mọi người xung quanh tôi đều đã chết hoặc bị thương. Bạn phải hiểu là trong khu vực của chúng tôi, cỏ voi cao tới ngực, một khi bạn ngã xuống dưới đất, thế giới quan của bạn chỉ còn lại bằng 1 cái bàn ăn tối. Thế giới của bạn bị giam hãm trong cái vùng đó cùng với 6 hay 7 người xung quanh. Vào lúc đó, chúng tôi bị cô lập.

Đại đội Alpha cũng trong tình trạng tương tự. Rồi quân Bắc Việt quét qua. Tôi tin rằng chúng đến giữa đại đội Alpha và đại đội chúng tôi và bắt đầu bắn vào từng người. Chúng tôi không biết tiếng ồn ào cách khoảng 5 bước chân, khi chúng bắt đầu bắn vào từng người, là quân ta hay quân địch.”

Smith nhìn thấy những người lính ôm 1 khẩu súng máy, nằm sát dưới mặt đất, và bắt đầu bắn vào những đám cỏ. “Thường thì họ bắn vào ngay những chớp sáng của những khẩu súng máy của quân Mỹ khác. Người ta la hét yêu cầu ngừng bắn. Nó sự bắt đầu của những yếu tố đầu tiên tạo thành 1 cuộc thảm sát. Không ai nắm quyền kiểm soát cả bởi vì tất cả sĩ quan đã đi lên phía trước và các điện đài viên của chúng tôi đều đã ngã xuống, đè lên những chiếc radio của họ, chết.”

Ở ngay phía trước đại đội Charlie, cùng với những khẩu súng cối của đại đội Delta, binh nhất James Shadden đang đau đớn cùng cực bởi 2 vết thương nặng. “Tới lúc này một vài lính NVA đang đi qua lại khu vực giết bất cứ ai đang gào thét hay đang gọi y sĩ. Snyder Bambry bị giết theo cách này bởi 1 người Bắc Việt nói tiếng Anh, có thể là 1 sĩ quan. Hắn bắn Bambry khi Bambry đang gào thét, với 1 khẩu súng tự động và rồi nói những từ này bằng tiếng Anh: ‘Wait a minute, Who are we shooting?’ Tôi gần như buột miệng nói ‘Americans’ để trả lời trước khi tôi nhận ra chuyện gì đang xảy ra. Hắn nói có trọng âm.” Binh nhất Snyder Bambry người Unadilla, Georgia, 21 tuổi khi chết.

Không có khả năng để đánh trả hay làm bất cứ gì để cứu đồng đội của mình khỏi những kẻ hành quyết Việt Nam, James Shadden làm 1 hành động cuối cùng: Anh làm một cái bẫy người trên chính thân mình. “Vết thương ở tay khiến tôi không làm được gì ngoại trừ nắm được 1 trái lựu đạn, nhưng không thể ném được nó, vì vậy tôi ngằm lại không cố ném.” Shadden nhớ lại, “Và rồi thêm nhiều quân địch lại gần chỗ tôi từ hướng khác. Vậy tôi đặt lựu đạn dưới nách mình, rút chốt ra. Tôi định nếu chúng tóm tôi thì tôi sẽ cho nổ tung.”

Binh nhất 4 Bob Towles thuộc trung đội chống tăng của Delta đã chạy vào 1 bãi cỏ, dẫn đầu cho khoảng 1 tá đồng đội, vài người trong số họ bị thương rất nặng. Anh dừng lại và ngoái nhìn về hàng cây gỗ nơi hàng quân: “Tôi chăm chú nhìn qua cỏ và cố định vị lại vị trí trước đây của chúng tôi. Chỉ toàn quân Bắc Việt ở đó, đang lục soát những gì chúng tôi bỏ lại. Rồi chúng bắn hàng tràng đạn AK xuống dưới đất. Giờ tôi nhận ra chúng tôi đã bỏ lại đó những gì. Không phải tất cả chúng tôi đã rút ra được ngoài. Tôi định bắn lại chúng. Rồi tôi nghĩ điều tốt hơn lúc đó. Nó sẽ chỉ thu hút sự chú ý của chúng mà thôi trong khi chúng tôi không còn điều kiện để chiến đấu nữa.”

Hầu hết người đi cùng với Towles đều bị thương, nằm co quắp trên mặt đất và nằm đè lên nhau. “Từ lúc đó chúng tôi không thể đảm nhiệm chức năng của 1 đơn vị chiến đấu được nữa. Rồi trung sĩ Baker ra lệnh cho tôi di chuyển ra ngoài 1 lần nữa. Tôi đứng dậy và hướng tới hàng cây gỗ phía xa của bãi trống. Đi được khoảng 45 mét, tôi phát hiện chuyển động trong những cái cây phía bên phải. Người Mỹ! tôi cắt đường tiến qua phải và lọt vào 1 vòng cây. Khoảng 3 tới 4,5 mét phía bên trong những cái cây, hai phát súng nổ vang. Tôi nghe thấy nó rít phía sau.

Trung sĩ Baker lao đảo rồi ngã xuống. Một viên đạn trúng ngực, một viên khác trúng vào lưng. Anh ở phía sau bên trái tôi, cách chỉ có nửa bước chân. Tôi dừng lại, quỳ xuống và quan sát những cái cây. Không có gì hết. Trung sĩ Baker ôm chặt lấy ngực và ra lệnh cho tôi tiếp tục đi tới. Một lúc sau ai đó tới được chỗ anh và giúp anh đi tiếp.”

Towles đứng dậy và đi về hướng anh đang tới trước khi Baker bị trúng đạn. “Tôi nhìn thấy trung sĩ Miguel Baeza đang quỳ sau 1 cái cây và đến bên anh. Phải mất một lúc tôi mới lấy lại nhịp thở và trấn tĩnh bản thân. Rồi tôi hỏi anh về khu vực này. Anh không biết chắc điều gì. Tôi báo cho anh biết quân địch đã quét sạch trung đội súng cối và đã tràn ngập đại đội Charlie. Baeza lôi cái lưới lê của anh ra, cắt tấy áo của tôi và băng bó vết thương nơi cánh tay phải cho tôi. Bàn tay tôi tê cứng dính chặt vào cái băng súng nhưng ngón tay bóp cò vẫn còn làm việc được. Không đau đớn gì; cánh tay tôi đã tê cứng rồi.

“Tôi nhìn xung quanh vị trí của chúng tôi. Nó trông có vẻ rất tốt. Những cái cây đủ lớn để thiết lập 1 vòng cung đối mặt với 1 bãi trống nằm đối diện với 1 bãi trống mà chúng tôi mới di chuyển tới. Họ bố trí người canh giữ hướng mà chúng tôi mới vừa tới. Một vài người khác bảo vệ phía bờ tây và bờ bắc phía xa. Tôi để ý thấy binh nhất Lester Becker ở phía xa quay mặt anh ra ngoài phía đông. Cái cây anh đang chiếm giữ đủ chỗ cho 1 người nữa núp ở đó. Tôi nói trung sĩ Baeza tôi sẽ đi tới chỗ Becker và giúp bao quát khu vực đó. Tôi chạy khoảng 10 mét tới cái cây và chiếm lấy vị trí bên phải nó.”

Nằm phía sau cái cây đó Bob Towles và Lester Becker nghe thấy tiếng rên rỉ gần đó, trong đám cỏ cao ngoài bãi trống và quyết định đi xác minh nó. Towles nhớ lại: “Tôi đi vòng qua bên phải cái cây, còn Becker bên trái. Ngay tức thì có hai phát súng. Tôi nghe thấy tiếng lụp bụp khi cả hai viên đạn xuyên vào da thịt. Tôi bắt đầu sờ người ra vì tuyệt vọng khi Becker sụp xuống đập tay ôm lấy bụng. Tôi không thể cử động. Những người khác chạy tới và lôi cậu ta lại mấy gốc cây. Vào lúc đó, đại úy Hank Thorpe, [chỉ huy đại đội Delta] xuất hiện phía sau chúng tôi. Anh gọi chúng tôi lùi lại vị trí của anh. Chúng tôi tuân theo, và mang Becker đi bằng 1 cái poncho. Rồi từ đó chúng tôi để Becker lại cho bên quân y. Anh sống sót cho tới khi được trực thăng cứu thương đưa đi, nhưng sau đó thì chết.” Becker, 25 tuổi, từ Havard, Illinois.

Nhóm người sống sót nhỏ bé của Towles đã tới được bãi trống Albany. Họ nhập với hàng quân mỏng manh đang bảo vệ vòng tròn nhỏ gồm những cái cây quây lại, nơi sở chỉ huy tiểu đoàn ở đó.

Ở phía đầu kia của hàng quân, Đại úy Forrest đã tập trung được lính của mình thuộc đại đội Alpha tiểu đoàn 1, kỵ binh 5 ra khỏi đường mòn hình thành 1 cấu trúc phòng thủ.

James Young lính thuộc đại đội Alpha nhớ Forrest đã ra lệnh cho họ rút khỏi 1 bãi cỏ trống trải, đang bị hỏa lực của địch khống chế, rồi yêu cầu 1 người tình nguyện thực hiện 1 nhiệm vụ nguy hiểm. Đại đội Alpha đang bị bắn bởi 1 khẩu súng máy, mà theo tiếng nổ của nó, thì là 1 khẩu M-60 của Mỹ. Forrest muốn 1 người bò ra ngoài, chui vào trong đám cỏ, định vị khẩu súng máy, và nói với những xạ thủ rằng họ đang bắn vào những đồng đội người Mỹ của mình.

Young, người lớn lên trên những cánh rừng vùng Missouri, có hiểu biết về thực vật, nói anh sẽ đi. “Một tay súng nữa, một binh nhất từ Chicago, Ronald Fortune, nói anh sẽ đi cùng tôi. Chúng tôi bắt đầu bò, khẩu súng máy vẫn bắn đạn bay vèo vèo trên đầu chúng tôi. Đó là 1 khẩu M-60 và chúng tôi chắc đó là những người Mỹ. Khi tới gần, 45 hoặc 55 mét gì đó, chúng tôi bắt đầu gọi họ. Rồi tôi nhận ra đó là quân địch. Giống như có người nói với tôi: “đó không phải là người của mình. Chúng không trả lời chúng ta.”

Young nói Fortune ngừng gọi. “Tôi tiếp tục bò tới hướng khẩu súng, cố gắng định vị chính xác vị trí của chúng. Tôi định hạ chúng nó. Rồi 1 viên đạn trúng vào đầu tôi. Tôi biết mình bị trúng đạn vào đầu và tôi nghĩ mình sẽ chết. Nó đập tôi khá mạnh nhưng không làm tôi bất tỉnh. Tôi đã gài cái khoá sắt của dây mũ nên nó không hất cái mũ sắt xuống được. Tôi hỏi Fortune liệu cậu ta có thể tới gặp cha mẹ tôi và nói với họ rằng điều cuối cùng mà tôi lo nghĩ là về họ. Tôi nghĩ mọi chuyện đã kết thúc với tôi. Tôi nhờ cậu ta băng bó cho mình. Cậu ta lấy bông băng từ dây thắt lưng của tôi và băng cho tôi. Cậu ta nói vết thương không quá tệ đâu, và tôi sẽ không sao cả.

“Rồi tôi lại cố bò theo hướng khẩu súng máy. Fortune nghĩ tôi đã bị mất trí và cố ngăn tôi lại. Cả hai chúng tôi lúc này đều nằm sát xuống đất. Mỗi khi tôi định di chuyển cậu ta lại giữ tôi lại bằng cách nắm hai chân tôi lại. Sau một lúc giằng co với tôi cậu ta nói, “Tôi quay trở lại đây” và cậu ta bỏ đi. Tôi nói với cậu ta rằng tôi sẽ đi hạ khẩu súng máy đó. Thực ra là tôi rất sợ phải chìa cái lưng mình ra cho cái khẩu súng máy đó nhắm vào.”

Viên đạn từ khẩu súng máy đã bằm nát chiếc mũ sắt của Young và đập vỡ 1 bên đầu của anh. Nhưng anh vẫn kiên quyết muốn hạ khẩu súng đó. “Khi tôi di chuyển tôi nghe thấy người Việt Nam gọi nhau gì đó. Rồi thì tôi không còn nghe thấy tiếng súng máy nữa. Những gì tôi nghe thấy là những câu ra lệnh cho chúng cầm súng lên và di chuyển. Tôi di chuyển tới chỗ mà tôi nghĩ rằng nó đã ở đó, vẫn còn sợ đầu ngẩng lên sẽ làm mồi cho những tên bắn tỉa. Có rất nhiều tiếng súng. Tôi không bao giờ tìm thấy khẩu súng máy đó. Chúng đã đi rồi.”

Trung úy Enrique- 1 học viên cùng lớp ở trường Pennsylvania Military College cùng với trung úy Jack Geoghegan của đại đội Charlie, tiểu đoàn 1, kị binh 7, người đã bị giết ở X-Ray- đang chỉ huy 32 người thuộc trung đội 3 của đại đội Charlie tiểu đoàn 2, kị binh 7 của đại úy Skip Fesmire. Trung đội của anh đi sau cùng trong đội hình của đại đội, ngay phía trước tiểu đoàn bộ. Pujals nói lính của mình đi theo đội hình khối, chứ không theo hàng dọc, khi tiếng súng nổ ra.

“Rồi tôi nhận lệnh qua điện đài: Triển khai trung đội của anh cơ động qua phải. Tôi dùng tay ra hiệu cho trung đội dàn hàng ngang. Khi tôi quay lại, thì chỉ mình tôi là tiến lên phía trước, toàn trung đội vẫn còn nguyên vị trí cũ, sau tôi chừng vài mét. Tôi quay lại, ra lệnh bằng lời, trung đội dàn hàng ngang và đi theo tôi. Khi một vài người bắt đầu đứng vào vị trí thì điện đài viên của tôi gọi tôi lại và nói chỉ huy đại đội mới gửi 1 thông báo cho tôi: ‘Ở lại ngay vị trí đang đứng. Dừng ngay việc cơ động và chỉ bắn vào mục tiêu đã xác định rõ.’ Tôi cố tìm hiểu xem

chuyện quái quỷ gì đang xảy ra, nhưng anh nói: ‘Hết’.

“Tiếng súng vẫn tiếp tục tăng lên phía trước bên phải chúng tôi. Rồi đạn bắt đầu vọt tới chỗ chúng tôi. Không nhiều lắm, nhưng chúng khiến tôi lo lắng. Tôi muốn kiểm ai đó qua radio để nhắc họ phải coi xem họ đang bắn cái gì và để hỏi về tình hình. Vẫn không có gì. Tôi cố thiết lập 1 vòng phòng thủ. Trong lúc đó, phía trước, những tiếng la hét trở thành 1 phần âm thanh quái dị của bản giao hưởng trận đánh.”

Pujals không thể tin nổi là toàn tiểu đoàn lại đang bắn loạn xạ chỉ bởi vì có 1 vài tên bắn tía. “Tôi nói với điện đài viên rằng tôi sẽ di chuyển lên phía trước để gặp chỉ huy trung đội hỏa lực. Cây cối thay đổi khi tôi di chuyển. Nơi mà trung đội của tôi đang đứng cây và cây bụi nổi tiếp cách nhau chừng 4,5 mét và cỏ cao tới eo (với tôi, một người cao 1m65, đôi chỗ nó cao tới cổ). Nhưng trung đội hỏa lực đã lọt vào 1 vùng rậm rạp đầy cỏ và những bụi cây gai rất cao. Chúng tôi đang di chuyển theo đội hình khối, còn trung đội hỏa lực thì đi hàng dọc từng người.”

Pujals hỏi vài người anh gặp, trung đội trưởng của họ ở chỗ nào, và được trả lời: Ở phía trên. Rất ít người nằm xoài ra, chờ đợi. Rất ít người xoay đối mặt với phía có tiếng súng nổ. Hầu hết đều đang ngả lưng vào thứ gì đó hoặc ngồi dựa lưng vào nhau, nghỉ ngơi. Chẳng ai buồn để ý chuyện gì đang diễn ra. “Tôi di chuyển lên phía trước. Tôi đang ở bờ ngoài của đám bụi rậm rạp thì cảm thấy sốc như bị dao đâm vào gót chân. Tôi nghĩ mình đã đạp phải 1 trong những cái chông rất nổi tiếng ở vùng này. Tôi nắm lấy chân trái để kéo nó ra, thì tôi cảm thấy như bị giáng một búa tạ vào bắp đùi phải. Tôi nhìn thấy 1 đám bụi nhỏ bị thổi tung và ống quần bị rách, tôi biết mình đã bị trúng đạn.

Đầu tôi nảy ra những suy nghĩ ngốc nghếch, như là những lời tự an ủi khi có chuyện gì tệ hại đã đoán trước mà vẫn xảy ra: ‘Thế là tiêu kỳ nghỉ cuối tuần rồi.’ Chân phải của tôi bị vặn vẹo không còn hình thù bình thường nữa và bắt đầu sụp xuống. Tôi cố nhướn mình về phía sau càng nhiều càng tốt để tránh cho mình lại đề lên chân mình khi ngã xuống. Tôi đã làm được. Chân của tôi bị căng dài ra phía trước không còn bình thường nữa. Đùi tôi bị gãy, không còn nghi ngờ gì nữa. Giờ tôi nằm ngửa ra, vô dụng và không được giúp đỡ. Tôi có thể làm được gì? Đúng rồi, gọi y sĩ. Những sẽ ra sao nếu chúng giết y sĩ của tôi khi anh ấy chạy lại chỗ tôi? Tôi đang bị mất máu và nếu tôi để tình trạng này kéo dài tôi sẽ chết vì chảy quá nhiều máu vì vậy tôi đánh liều và cất tiếng gọi giúp đỡ.

“Y sĩ chạy tới cùng với 1 trong số những chỉ huy nhóm hỏa lực của tôi. Họ băng bó cho tôi. Tôi để họ dùng khẩu M-16 của tôi làm cái nẹp để bó chân phải tôi. Rồi y sĩ lấy ra 1 ống morphine. Tôi từ chối, phản đối, tránh phải dùng nó, nhưng tôi vẫn bị tiêm. Họ kéo tôi về 1 gốc cây, và cởi ba lô của tôi ra. Tôi có 15 băng đạn đầy nhóc trong đó và thêm 800 viên bên ngoài nữa, tôi lấy chúng lúc còn ở Chu Pong. Lính của tiểu đoàn 1, kỵ binh 7 nói rằng hãy mang nhiều nhất số đạn mà anh có thể mang và mang thêm nhiều nữa. Tôi xin họ và họ bỏ đạn đầy vào hai bi đông của tôi.”

Pujals gọi trung sĩ trung đội của mình lại và nói anh ta hãy nhận lấy quyền chỉ huy và khi trung

sĩ bắt đầu công việc thì tiếng súng đột ngột thay đổi. “Trung đội của tôi bắt đầu bị trúng đạn. Một thân cỏ bị cắt ngang rơi xuống người tôi. Giờ thì tiếng la hét xuất phát từ lính của tôi. Tôi không trông thấy họ chết, nhưng tôi chắc chắn là nghe thấy họ. Một trong số họ hét lên, ‘Lạy chúa, hãy tha thứ cho tôi!’ Tôi vẫn còn tin là chúng tôi bị bắn bởi chính lính của mình. Tôi vô cùng giận dữ. Lính của tôi đang chết xung quanh mà tôi chẳng làm được gì. Đó là những suy nghĩ của tôi lúc đó. Sau này khi tôi hiểu được sự thật thì tôi rất xấu hổ.”

Ở đầu hàng quân, nhóm sĩ quan và binh lính ít ỏi cùng với trung tá McDade bị dính vào 1 cuộc đấu súng dữ dội với 1 kẻ thủ kiên quyết tiêu diệt họ. Đại úy Joel Sugdinis chỉ huy đại đội Alpha, tiểu đoàn 2, kị binh 7 vẫn còn lo lắng cho trung đội 2 bị mất liên lạc của mình, đã chuyển qua bờ phía đông nam của vòng cây để theo dõi dọc theo khu vực, nơi lính của anh biến mất.

Sugdinis nhớ lại: “Tôi có thể thấy những chuyển động nhưng không thể nói đó là quân ta hay quân địch. Tôi nhìn thấy 1 lính đứng lên và bắt đầu giúp 1 lính bị thương tập tễnh ra khỏi khu chiến. Tôi lấy ống nhòm, khi tôi xoay cận cảnh và họ, chúng là quân Bắc Việt và tên lính khỏe hơn đang cặp súng bên hông, bắn vào một mục tiêu mà dường như rất gần chân của hắn. Suy nghĩ của tôi là hăng đang bắn người bị thương của mình. Tôi bắn 1 phát đạn, cả hai đứa đều xụp xuống. Sau khi trận đánh kết thúc chúng tôi đã chuyển ra khỏi vùng đó rất nhiều xác chết của trung đội 2 của tôi và một vài người bị bắn ngay vào đầu.

“Ai đó ở khu vực của nhóm chỉ huy tiểu đoàn hét lên rằng quân Bắc Việt đang bò về phía chúng tôi từ phía nam. Đó là 1 vùng trống trải với cỏ cao từ đầu gối cho tới eo. Một vài người chúng tôi đứng dậy, quay lại và bắn vào đám cỏ. Một vài lính Bắc Việt định chạy trốn. Một lính Bắc Việt đứng dậy và tiếp tục tiến thẳng về phía chúng tôi, vừa đi vừa bắn bằng khẩu AK-47 cặp ngang hông, người hùng kiểu John Wayne. Tôi nghĩ bất kỳ ai trông thấy hắn đều nhằm bắn vào hắn. Tôi chắc là nó chỉ diễn ra trong 1 hay 2 giây, nhưng dường như trông hắn ta không bao giờ ngã xuống.”

Trung úy Pat Payne và trung đội trinh sát của anh ở trung tâm của trận đánh xung quanh bãi trống Albany từ lúc bắt đầu. “Trong suốt giờ đầu tiên, chúng tôi không hề có bất kỳ sự yểm trợ pháo binh nào. Chúng tôi đang phải học những bài học khắc nghiệt. Điều thứ 2 là chúng tôi cũng không có yểm trợ của trực thăng. Trên đầu chẳng có 1 chiếc trực thăng vũ trang nào. Trong 1 hoặc 2 giờ đầu tiên ấy, hoàn toàn sòng phẳng, người đấu với người. Chẳng có sự khác biệt nào dù bạn là 1 thiếu tá, đại úy, trung sĩ hoặc binh nhì. Tất cả chúng tôi vai kề vai, chĩa súng và bắn nhau với NVA. Tôi có thể nghe thấy họ la ‘Chúng tôi tới kìa!’ và tất cả chúng tôi cùng đứng dậy và bắn điên loạn. Có sự sợ hãi trong bầu không khí, nhưng tôi không thấy có sự hoảng loạn, ít nhất là sau 10, 20 phút đầu tiên.

Payne nghĩ rằng quân Bắc Việt đã phán đoán và chuẩn bị tốt hơn cho trận đánh, “nhưng quân Mỹ, những người sống sót sau đợt tấn công dữ dội đầu tiên bắt đầu trấn tĩnh lại. Với 1 sự tôn trọng, bạn có thể nghĩ nó giống như ở Little Bighorn; chúng tôi bị bao vây, ba lô để trước mặt và chĩa súng bắn ra xung quanh. Trong suốt buổi chiều dài vô tận đó tôi không hề thấy 1 người lính nào chối bỏ nhiệm vụ. Tôi không thấy ai rúm ró lại trước kẻ thù. Chúng tôi đã vào thế dựa

lưng tường, tình thế sống còn. Mọi người mà tôi trông thấy đều tận dụng mọi cơ hội để chiến đấu. Vào lúc nào đó trong buổi chiều chúng tôi bắt đầu nhận được 1 chút yểm trợ của pháo binh. Tuy nhiên, tới lúc đó, chúng tôi đã bị căng quá dài. Tôi nhớ là chúng tôi không có khả năng sử dụng pháo binh có hiệu quả nhất là việc cho pháo yểm trợ gần.”

Trận đánh đã kéo dài hơn 1 tiếng đồng hồ, trung úy Gwin, sĩ quan thừa hành của đại đội Alpha, nhìn về phía tây bắc, nơi trung đội 1 của Alpha biết mất từ đợt tấn công đầu tiên. Anh choáng váng bởi những gì nhìn thấy: “Hai người tả tôi đang loạng choạng tiến về vị trí của chúng tôi! Họ là trung sĩ Walter T. Caple, quyền trung sĩ trung đội, và trung sĩ Rother A. Temple, 1 tiểu đội trưởng. Họ đã phải mở 1 đường máu để thoát được cuộc bao vây. Họ kiệt sức và cho biết họ có thể là những người còn lại còn sống. Họ nói rằng một vài người thuộc trung đội súng cối của đại đội đã tới và ở cùng vị trí với quân của đại đội Delta và họ đã ổn. Nhưng chúng tôi vẫn mất liên lạc chỉ huy.”

Giờ là lúc có những sự kiện sẽ làm thay đổi chiều hướng của trận đánh ở đầu hàng quân thuận lợi cho người Mỹ. Trung úy Gwin mô tả những gì xảy ra: “Đại úy Jim Spires, S-3 của tiểu đoàn, luồn lách tới vị trí của chúng tôi. Anh nói không quân chiến thuật sắp tới và muốn biết người của chúng tôi ở vị trí nào. Chúng tôi ở vào tình thế nào? Anh hỏi liệu có còn người nào còn sống ngoài đó không. Chúng tôi không nói gì. Spires nói: ‘Các anh có ý là tất cả mọi người ngoài đó nếu không chết thì cũng đã bị bắt rồi phải không? Im lặng là sự trả lời. Spires nói: Các anh chắc chứ?’ Anh ấy thoả mãn khi chúng tôi nói chắc. Anh chạy trở lại gò mồi của tiểu đoàn. Không quân sắp tới, nhưng tôi không nhớ là có pháo binh hay ARA. Chẳng ai biết ai ở đâu.”

Chỉ một lúc sau mệnh lệnh xuất hiện trên sóng tiểu đoàn: Ném khói. Trung úy Gwin di chuyển 1 đoạn ngắn trong đám cỏ và những người trong chu vi Albany tất cả bắt đầu ném lựu đạn khói. “Tôi nhìn thấy Skip Fesmire, chỉ huy đại đội Charlie, đang ném khói. Tôi chẳng biết anh ta đang làm chuyện quái quỷ gì ở đây. Chu vi phòng thủ của chúng tôi bị đánh dấu bởi khói của tất cả các màu vạch rõ vị trí của chúng tôi, và 1 chút sau, không quân bắt đầu dội bom.”

“Chúng là những chiếc A-1E SkyRaider thả xuống Napalm! Những thùng napalm đầu tiên rơi xuống đúng ngay chỗ Sugdinis và tôi vọt ra khỏi rừng để tới đây. Chúng tôi có thể thấy hàng đồng quân Bắc Việt ở phía bên kia. Chúng tôi chắc chắn chúng đang định tiến về phía chúng tôi. Tôi nghĩ chúng đang dọn dẹp ngoài đó, bắn xuống dưới đất, kết liễu những người bị thương. Đợt dội bom đầu tiên đó với 1 thùng napalm trúng ngay mục tiêu. Tôi nhìn thấy nó va vào ngọn cây và napalm rần trào từ trên cây xuống, quân Bắc Việt nhảy căng lên để tránh khỏi bị nhận chìm trong ngọn lửa. Tôi nhìn đi nhìn lại cảnh đó.”

Những chiếc Skyraider già cỗi, tin cậy, chậm chạp bay xung quanh hàng cây bao quanh bãi trống Albany nơi những người phòng thủ đang bị lấn át, trước tiên sử dụng những thùng napalm-xăng khô - rồi tới những trái bom 250 pound, và rồi xả đạn từ những nòng cannon 20mm để oanh tạc vào đám quân Việt Nam đang bu xung quanh bãi trống.

Trung úy Gwin nhớ lại: “Nó quét hết đám cỏ này qua đám cỏ khác. Mấy thằng chó đó nhảy

tung lên và cố trốn chạy. Chúng không thoát được. Lúc này những người Mỹ hò reo và cười to mỗi đợt oanh tạc. Tiếng hò reo chấm dứt khi họ ném 2 thùng napalm xuống ngay chỗ những người còn lại của trung đội 2 từng cố thủ. Đáng lẽ tôi đã ở đó, tất cả những gì tôi nghe được là tiếng nổ của những viên đạn còn sót lại đang bị đốt cháy bởi ngọn lửa nhấn chìm những người của chúng tôi. Không ai trong chúng tôi vào thời điểm đó biết được có còn người nào còn sống không, nhưng lúc đó cũng không ai trong chúng tôi muốn nghĩ tới điều đó.”

Gwin và những người khác thấy rằng tiếng súng của quân địch có giảm xuống, nhưng mỗi khi những chiếc SkyRaider oanh tạc, những cánh rừng xung quanh lại sôi lên những tiếng súng của quân Bắc Việt, chúng nhắm tất cả những gì chúng có vào chiếc máy bay nào xà xuống. Tôi ngạc nhiên vì chưa bao giờ thấy những con chim này lại đẹp như thế, bay thẳng tới vị trí của chúng tôi với tất cả những gì chúng mang theo được.”

Rồi Gwin xoay lại ngược nhìn lên, trông thấy 1 chiếc A-1E đang hướng thẳng tới chỗ anh. “Nó thả thùng napalm xuống ngay chỗ tôi. Nó vèo qua trên đầu, tôi có thể thấy cả những đinh tán của thùng napalm và nó nổ ngay giữa bãi trống. Một tên Bắc Việt nhảy lên và chạy về chỗ chúng tôi, chúng tôi bắn hấn chết. Tôi đoán là họ ném chừng 15 tới 20 thùng napalm. Một chiếc ném ngay trước mặt chúng tôi, tôi nghĩ phi công đã nhầm lẫn khi để bom rơi quá gần, nhưng khi thùng napalm đụng đất và bùng lên 1 ngọn lửa khổng lồ , khoảng 5 tên địch nhảy chồm lên, chỉ cách chu vi chúng tôi có 30 thước, chúng bị những loạt đạn của chúng tôi cắt ra làm hai. Đợt công phá cuối cùng liên quan tới 1 tổ mối do quân địch kiểm soát phía trước chúng tôi, tại đó chúng đặt 1 khẩu súng máy hạng nặng, bắn vào những chiếc A-1E. Phi hành đoàn không một chút nao núng đối mặt với họng súng của thần chết và tiếp tục công phá cho tới khi thùng napalm cuối cùng rơi xuống và hỏa táng cái gò mối đó.”

Trung úy Pat Payne, chỉ huy trung đội trinh sát, vẫn còn nhớ sự giải cứu mà không quân đã phù hộ cho họ. “Đó là những hình cảnh dễ chịu, và tiếng hò reo nổi âm lên khi họ nhào xuống lần đầu tiên. Những chiếc máy bay xà xuống thấp đến nỗi bạn có thể nhìn thấy cả bảng ghi chép của phi công trong buồng lái. Họ vòng qua vòng lại để oanh tạc vào đám quân NVA đang tấn công; họ cho máy bay bay thật chậm, thật thấp, xả súng máy, và cày xới từng mét đất theo nghĩa đen phía trước mặt. Những chiếc máy bay khác tới và thả bom napalm. Bạn có thể thấy 1 nhóm lớn quân Bắc Việt, từ 50 tới 100, một số lượng đáng kể, chỉ cách chỗ chúng tôi 50 tới 65 mét- đang tập hợp cho 1 đợt tấn công mới- khi 1 máy bay thả napalm trúng ngay chúng, chúng tôi hò reo.”

Thiếu tá Frank Henry và đại úy Joe Price, điều phối viên hỏa lực của tiểu đoàn, không chỉ gọi Không quân tới mà còn gọi được cả pháo binh dội xuống xung quanh Albany, lần đầu tiên kể từ lúc trận đánh nổ ra. Pháo binh dội xuống ngay những nhóm quân NVA có thể nhìn rõ trong những hàng cây. Trong những khu vực đó, ít nhất, họ có thể tin rằng không còn người Mỹ nào còn sống. Tương lai của những người còn lại của tiểu đoàn đã sáng sủa hơn 1 chút.

Cho dù bị thương nặng, thượng sĩ Jim Scott vẫn nhớ những khoảnh khắc đó: “Sau khi không quân yểm trợ, pháo binh bắt đầu bắn tới. Lúc này khoảng 2 giờ đồng hồ sau khi trận đánh nổ

ra. Họ trông thấy từng nhóm quân địch và đã gọi pháo binh dội tới. Tất cả những thứ này chỉ cách chúng tôi có 50 mét. Tôi có thể nhìn thấy sự việc từ chỗ của mình, trên đỉnh của 1 gò mồi, quân NVA đang cố tấn công tiểu đoàn. Chúng tập hợp 1 đội hình khoảng 40 tới 50 người, rồi Frank Henry hay là sĩ quan pháo binh đã hiệu chỉnh pháo rót xuống trúng chỗ bọn chúng. Bất thành công, mọi thứ trở nên im lặng, lúc đó khoảng giữa 4g và 5g chiều. Tôi biết rằng tiểu đoàn sẽ sống sót, cho tới trước lúc đó thì tôi không tin như vậy. Chúng tôi nhận được những bản báo cáo qua điện đài rằng những đại đội khác trong hàng quân bị chia cắt, trong tình trạng rất xấu, nhận thương vong theo cấp số nhân. Họ đang chiến đấu trong từng tiểu đội, trung đội bị cô lập. Tôi biết rằng tổn thất là rất nặng nề, nhưng tôi không nghĩ có ai biết được chính xác tình hình vào lúc đó. Mọi người bị rải rác khắp nơi.”

Trung tá McDade lo lắng khi liên lạc với những chiếc A-1E về vị trí họ sẽ dội napalm và khoảng cách gần tới mức nào. Sự lo ngại của ông là có thể hiểu được. “Chúng tôi lo lắng về rủi ro khi bỏ bom trúng vào người của mình. Tôi chẳng biết đại đội Alpha/1/5 của đại úy Forrest ở chỗ nào. Tôi biết họ ở gần đấy và biết chung chung là họ ở hướng đó, nhưng chúng tôi phải sử dụng napalm và câu hỏi là: Chúng tôi có thể sử dụng nó 1 cách an toàn không? Chúng tôi quyết định: Hãy đưa máy bay vào thật gần chỗ chúng tôi tới mức cho phép; điều đó có nghĩa là chúng tôi đưa nó tránh xa những đơn vị khác. Việc này đã có hiệu quả.”

Quay lại hàng quân, trung úy Bud Alley tiếp tục tìm kiếm 1 chu vi an toàn nhưng không thể tìm ra. “ Trung úy Butch Aull, chỉ huy trung đội của đại đội Charlie, và 1 người của anh tới từ 1 sườn dốc nhỏ; anh đang tìm kiếm người của mình. Anh trượt xuống đụng ngay vào đầu gối của tôi. Tôi kéo anh ấy xuống. Vào lúc đó chúng nổ súng vào chỗ chúng tôi. Anh nói: ‘Nhìn xem chúng bắn tôi vào đầu.’ Anh đeo 1 dây bao súng ngắn .45. Anh trúng 1 viên đạn vào dây gài súng, nó nằm ngay trước ngực anh. Anh nói anh OK, ‘nhưng chút xíu nữa là chúng hạ được tôi’. Tôi hỏi anh chúng ta phải làm gì để ra khỏi cái chỗ hỗn loạn này. Anh nói chúng ta cần phải di chuyển qua phía bên trái của hàng quân, ở đó họ kiểm soát được tình hình tốt hơn.”

Có khoảng 6 hay 7 người trong nhóm. Butch nói với họ cần đếm ngược và theo hiệu lệnh sẽ nhảy lên và chạy. Khoảng lúc đó những chiếc A-1E đang bay qua đầu họ. Aull nói: ‘chúng nên đi bây giờ thì hơn’. Rồi, Alley nói, “Butch nhảy lên trước, trước mặt tôi. Chúng tôi cứ chạy 5 bước rồi lại thụp xuống. Anh nhảy lên, tôi nhảy lên. Tôi nói: ‘Butch, anh ở đâu?’ Tôi không bao giờ nhìn thấy hay nghe thấy tiếng anh ấy nữa. [trung úy Earl D. Aull, 23 tuổi, người New Orleans, Louisiana, bị giết vào ngày hôm đó.] Tôi cố tiếp tục di chuyển. Lại 1 đợt oanh tạc nữa của A-1Es và tôi nhảy lên dưới tiếng gầm rú của nó và chạy. Ý nghĩ của tôi lúc đó là thà bị người của mình bắn trúng còn hơn là bị bọn chúng hạ.

Ở phía trên, trong chu vi phòng thủ của bãi trống Albany, tình hình tiến triển ngày càng tốt hơn. Binh nhất 4 Dick Ackerman, thuộc trung đội trinh sát, nhớ lại: “Pháo binh bắn yểm trợ thật gần với chúng tôi, đôi khi mảnh pháo văng tới chỗ chúng tôi. Rồi những chiếc máy bay thả bom cũng thật gần. Chúng tôi bắt đầu đào hố chiến đấu bất kỳ lúc nào có thể. Xẻng của tôi vẫn còn nằm trên ba lô mà tôi đã bỏ lại ngoài bãi trống, vì thế tôi dùng lưỡi lê, những ngón tay và xẻng của người khác bất kỳ lúc nào mượn được. Cái hố thoải mái đến độ bạn không tin được

đầu, khi nhét thân mình vào đó là bạn không thể xoay ngang được.”

Cách đó không quá 200 mét, trong hàng quân tử tử của những người lính Mỹ tuyệt vọng. Một người đang cầu nguyện 1 sự kì diệu và Không quân Hoa Kỳ đã ban phát nó. Binh nhất Jim Shadden, đại đội Delta, người đã gài bẫy lên chính người mình với 1 trái lựu đạn, đang bị thương rất nặng và không thể di chuyển. Anh đang nằm trên đường đi của một nhóm lính Bắc Việt đang càn quét mặt đất một cách có tổ chức, giết những đồng đội bị thương của anh. “Trước khi quân Bắc Việt tới chỗ tôi, khoảng nửa tá, 1 phi công cho máy bay tới ở độ cao bằng ngọn cây, rồi ngoặt thẳng, thả 1 thùng napalm vào giữa bọn chúng. Tôi không bao giờ hết ngạc nhiên về sự chính xác quả trái bom đó. Sức nóng của napalm phủ vào mặt và cơ thể tôi, giống như tôi đang đứng trước 1 lò luyện kim vậy. Tôi nợ viên phi công đó một thứ còn hơn mạng sống của mình. Mong Chúa phù hộ cho tất cả các phi công!”

Binh nhất Bob Towles, bị thương, giờ đang ở trong chu vi phòng thủ nơi đầu hàng quân: “Chúng tôi biết pháo binh sẽ yểm hộ. Điều này giúp tim chúng tôi đập bình thường hơn. Một phút hoặc hơn, có 1 tiếng nổ chết chóc ở bên trong chu vi. Những tiếng gào thét, la hét và những mẩu phosphorus trắng văng khắp nơi. Tôi nghe thấy tiếng người ta hét ngừng bắn. Cuối cùng những viên đạn có sức công phá lớn đó nổ trong hàng cây phía bờ bên kia của bãi trống. Toàn bộ cánh rừng biến mất trong lửa, khói, và bụi mù. Không ai có thể sống nổi trong đó, kể cả bọn chúng? Sai.”

Towles còn 1 thử thách nữa phải chịu đựng: “Tôi nghe những tiếng ồn ào vội vã phía sau lưng. Trung sĩ Ronald Benton, trung sĩ trung đội trinh sát, di chuyển dọc theo phía trong của hàng quân và cúi xuống tìm chỗ nấp. Một viên đạn cắt đứt một cành cây, nó rơi trúng ngay mũ của tôi. Tôi quay lại để chửi rửa trung sĩ Benton vì đã nổ phát súng đó, và nhìn thấy 1 con bò cạp đang bò trên chân tôi. Tôi quên phắt mọi thứ và cố gạt nó xuống. Rồi tôi bật dậy, đập loạn xạ khắp nơi và đánh trúng nó bằng cái nòng súng, rồi chà xát con bò cạp dưới đất. Tôi nhận ra những gì vừa làm thật ngớ ngẩn. Tôi bò lại cái gốc cây cũ.

Trung úy Enrique Pujals, bị thương nặng và đang cố thoát khỏi cơn lờ đờ do mũi morphin, làm theo sự chỉ dẫn trên điện đài, một cách tốt nhất, để chỉ đường cho Không quân: “Vào lúc đó tôi được lệnh ném khói, và nói khoảng cách và hướng của đám khói tới chỗ mình. Trung sĩ trung đội của tôi, ở phía sau tôi, cũng ném khói để đánh dấu giới hạn vị trí của chúng tôi. Không có quả bom nào rơi vào, ít nhất là, vị trí của tôi. Tiếng súng tăng lên trong khu vực của chúng tôi, nhất là ở phía hậu quân. Trung đội của tôi vẫn giữ nguyên vị trí. Tiếng súng thay đổi; nó trở thành từng loạt được bắn lúc ngưng lúc mạnh, nhưng rất dữ dội.”

Pujals nghe thấy tiếng hát của những tên lính địch ngày càng tiến gần hơn. “Chúng nghe rất sôi nổi, chúng chỉ cho nhau những gì có vẻ nguy hiểm hoặc mục tiêu nào đó, rồi bắn hàng tràng đạn dữ dội từ súng tự động. Thỉnh thoảng có tiếng gào thét. Chúng tôi biết đó là gì và ai đó đoán chắc chắn là: “Chúng đang giết những người bị thương của chúng ta!” Điều này thật kinh khủng. Chúng tôi đã thua trận. Và quân địch đang lau dọn chiến trường và không thèm bắt tù binh. Chúng tôi chết chắc.”

Trung úy Pujals quyết định sẽ chết cùng với càng nhiều càng tốt quân địch mà anh có thể giết được. “Tôi có 2 khẩu súng ngắn .45. Một khẩu tôi lấy của điện đài viên của tôi. Anh ta đã không lau chùi nó vài ngày qua và tôi gặp khó khăn khi nạp đạn cho nó. Tôi đã quá yếu sức. Ai đó giúp tôi nạp đạn. Tôi có thể bắn được bao nhiêu phát từ cái khẩu súng đầy đất này? Tôi nói điện đài viên của mình rằng giờ anh ta mới hiểu tại sao luôn phải đặt đít xuống ghế mà lau chùi vũ khí; giờ cuộc sống của anh tùy thuộc vào bao nhiêu viên đạn có thể bay ra khỏi nòng súng.”

Pujals nghĩ rằng anh chỉ còn cách có vài giây trước lệnh hành quyết khi 1 đám khói đen khổng lồ trùm lên đúng khu vực mà những giọng nói của quân địch phát ra. “Napalm, tôi nghĩ. Không quân đã tới! Những giọng nói ngưng bật và tiếng súng giảm đi, lúc này nó chỉ còn tập trung phía xa bên phải tôi. Một đợt không kích đã làm gọn gàng mọi thứ. Chúng tôi đã thắng, chỉ còn là vấn đề thời gian trước khi quân Mỹ tới được chỗ chúng tôi; 1 giờ hoặc hơn. Tôi rơi vào giấc ngủ. Nhưng trận đánh thật ác liệt; trung đội của tôi đã ở trong tình trạng thật tồi tệ.”

Sự thử thách của binh nhất Jack Smith cùng đại đội Charlie, mặt khác, càng lúc càng tệ hơn: “Quân Bắc Việt càn quét xung quanh, bắn vào những người đã ngã xuống, quăng lựu đạn, và nếu chúng không làm như vậy thì chính chúng tôi bắn vào nhau. Tôi di chuyển ra xa, napalm rơi xuống thật gần, nó khiến cho cỏ cứ cháy xoắn trên đầu tôi. Tôi tới 1 khu vực khác, và lại một lần nữa tôi là người duy nhất ở đó không bị thương. Nó làm tôi kinh hãi. Tôi đang băng bó cho 1 trung sĩ thì bất thành lình một vài lính Bắc Việt nhảy dè lên người chúng tôi. Tôi giả chết; thật dễ dàng bởi vì thân thể tôi thấm đẫm máu me của những người khác. Tên lính bắc Việt bắt đầu dùng tôi làm bao cát để đặt khẩu súng máy của hắn.

“Lý do duy nhất mà hắn ta không phát hiện ra tôi còn sống là hắn ta bị kích động còn hơn cả tôi. Hắn ta không thể lớn tuổi hơn tôi được, tôi 19 tuổi vào lúc đó. Hắn bắt đầu bắn vào vị trí của trung đội súng cối; trung đội súng cối của chúng tôi ném trả lại bằng lựu đạn vào hắn và khẩu súng của hắn. Tôi nằm đó và nghĩ, ‘Nếu tôi đứng dậy và nói, ‘anh em ơi! đừng bắn vào tôi’, thì NVA sẽ bắn tôi. Còn nếu tôi vẫn nằm như vậy thì người của mình sẽ bắn vào tôi.’ Lựu đạn nổ khắp xung quanh; tôi bị thương, tên lính Bắc Việt nằm trên người tôi bị giết, người trung sĩ cũng bị giết. Tôi di chuyển tới 1 vị trí khác và ở đó cho tới hết buổi chiều. Cứ mỗi chỗ tôi tới là tôi bị thương, nhưng không chết. Tất cả những người xung quanh tôi đều chết.”

Cho dù những đợt không kích đã đẩy lui đợt tấn công của quân Bắc Việt vào chu vi phòng thù của chỉ huy tiểu đoàn, nhưng số quân Bắc Việt ở phía dưới dọc theo hàng quân chẳng hề suy giảm. Chỉ huy tiểu đoàn 2, trung tá McDade, đơn độc ở trong chu vi Albany rất khó khăn để thiết lập liên lạc điện đài một cách thông suốt, rõ ràng với những đại đội bị mắc kẹt phía dưới, cũng như từ chỗ McDade tới đại tá Tim Brown, chỉ huy lữ đoàn. McDade có thể biết được chuyện gì đang diễn ra xung quanh cái chu vi nhỏ bé của mình, nhưng anh phải phụ thuộc vào điện đài để biết được chuyện gì đang diễn ra với những đại đội thuộc quyền, Charlie, Delta, tiểu đoàn bộ, thế mà mọi thứ đều chìm trong im lặng.

Sự giúp đỡ đang trên đường tới, nhưng nó sẽ không tới đúng lúc cũng như đúng chỗ để có thể

có ích nhiều hơn cho những lính Mỹ đang bị mắc kẹt và còn sống trong hàng quân. Nhật trình của sư đoàn ghi rằng vào lúc 2h30 tiểu đoàn 1, kỵ binh 5 ở LZ Columbus đã “được báo động để ứng cứu” đoàn quân của McDade. Đại đội Bravo của đại úy Buse Tully thuộc tiểu đoàn 1, kỵ binh 5 được chỉ định vào nhiệm vụ tấn công “để giảm bớt sức ép và cố gắng bắt tay với tiểu đoàn đang bị bao vây.”

Vào lúc 2h55, 120 sĩ quan và binh lính của đại đội Bravo bắt đầu hành quân đường bộ từ vị trí pháo binh ở LZ Columbus tới hậu quân của hàng quân của tiểu đoàn 2, kỵ binh 7 với khoảng cách xấp xỉ 2 dặm. Tới 4 giờ chiều đại đội của Tully chỉ còn cách chu vi phòng thủ của đại đội Alpha của đại úy Forrest có 550 mét. Tully dừng ở đó cho tới khi Không quân hoàn tất những đợt oanh tạc vào quân Bắc Việt, rồi anh tiếp tục hành quân. Vào lúc 4g30 đại đội của anh đã thấy trong tầm nhìn những lính Mỹ, “những người còn lại của đại đội A, những người đã thoát ra được cái bẫy chết người.”

Trong 1 chuyên mục về hành quân viết cho tạp chí Armor, 1 ấn phẩm của quân đội, vào năm sau, Tully nói: “Cùng với họ là những đơn vị của tiểu đoàn bộ và đại đội C/2/7. Đại đội A đã bị nhiều thương vong và nguyên 1 trung đội đang bị mất tích. Bạn không thể hình dung được gương mặt hạnh phúc đến nhường nào của đại úy Forrest khi thấy đồng đội của mình. Tôi bị anh ấy xiết chặt như 1 con gấu.”

Quân tăng viện của Tully triển khai và thiết lập 1 bãi đáp cho 1 trực thăng tại cuối hàng quân để đưa trực thăng cứu thương tới. Lúc đó là 5g. “Khi phần lớn thương binh đã được di tản,” Tully viết:

Tôi ra lệnh di chuyển lên phía trước, tới chỗ mà tôi nghĩ rằng phần còn lại của tiểu đoàn 2, kỵ binh 7, ở đó. Đại đội A của chúng tôi đi theo sau trong đội hình khối ngay khi những người bị thương còn lại đã được di tản hết. Chúng tôi di chuyển được không quá 360 mét thì đất dưới chân như sụp xuống với đạn cối và súng hạng nhẹ nổ vang. Đại đội triển khai theo đội hình chữ V và vừa mới vượt qua 1 gờ đất nhỏ. Phía trước là hàng cây gỗ rậm rậm. Cả 3 trung đội đều bị bắn, tiếng súng ngày càng tăng.

NVA ở trong hàng cây. Hai người bị giết và 3 bị thương trong loạt đạn đầu tiên. Một trong những người bị thương là trung úy chỉ huy trung đội 3 của tôi Emil Satkowsky. Một người khác là binh nhất Martin [Binh nhất Roger Martin người Kenosha, Wisconsin, là người đã không tuân theo lời bác sĩ để quay trở lại cùng với đồng đội của mình hành quân tới Albany. Hồng bên trái của anh bị xé nát bởi 1 viên đạn.], người chỉ còn có 14 ngày nữa thôi là hết hạn phục vụ và là người đêm hôm trước đã bị phỏng nặng ở bàn tay vì 1 trái sáng, và đã được di tản. Trước khi đi cậu ta thề với đồng đội là sẽ quay trở lại vào ngày hôm sau. Giữ lời, trên chuyến trực thăng tiếp tế đầu tiên bay tới Columbus vào ngày 17, cậu ta quay về. Cậu ta nói với bác sĩ là chỉ băng bó cho bàn tay và để cho cậu quay về. Cậu ta là người đi đầu thuộc trung đội dẫn đầu khi chúng tôi bị bắn và hông cậu vỡ toác ra. Tới lúc này thì không còn sự lựa chọn nào khác là thúc quân tiến lên với hy vọng rằng nếu chiếm được hàng cây thì tiếng súng sẽ bị chặn lại.

Lúc này quân của Tully bắt đầu hạ gục quân địch.

Những xạ thủ M-79 cho thấy sự lợi hại trong việc đẩy quân địch đang nấp sau 1 cái cây văng ra. Cho tới lúc chúng tôi tới được hàng cây gỗ chúng tôi đã giết được một số quân địch và đẩy số còn lại ra đủ xa vào sâu trong rừng, tiếng súng bây giờ chỉ còn là những phát bắn tĩa rời rạc. Cũng khoảng lúc đó, đại úy Forrest điện cho biết có thêm nhiều thương binh đã về được bãi trống từ phía tây và yêu cầu tôi giữ vị trí để anh có thể cho cứu thương tới di tản họ. Quá trình này lặp đi lặp lại khi có thêm nhiều người đào thoát mò được về. Ban chỉ huy tiểu đoàn khuyến khích và tới 6g25 thì có lệnh thiết lập 1 chu vi phòng thủ gồm 2 đại đội và chuẩn bị cho việc càn quét lên phía bắc để bắt tay với tiểu đoàn 2, kị binh 7 vào sáng hôm sau. Khi đêm xuống, chúng tôi vẫn còn tới 22 người bị thương nằm trong chu vi. Họ được chăm sóc trong điều kiện cho phép, trong 1 đêm dài chờ đợi tới sáng.

Quân tăng viện cũng đang trên đường tới chu vi của nhóm chỉ huy tiểu đoàn ở đầu hàng quân. Trong suốt buổi chiều, những người lính vẫn còn vương bụi chiến trường từ trận đánh ở LZ X-Ray, thuộc đại đội Bravo/2/7 của đại úy Diduryk nhận lệnh báo động chuẩn bị cho 1 cuộc tấn công đổ bộ vào ban đêm xuống 1 LZ nóng bỏng. Những người lính của đại đội Bravo đang hân hoan vì sống sót khỏi 1 trận đánh từ địa ngục và đang tận hưởng 1 sự nghỉ ngơi xứng đáng với rất nhiều bia lạnh ở trại Holloway, họ kinh ngạc khi được nói rằng họ sẽ bị ném trở lại vào 1 nơi nguy hiểm, một cách quá bất ngờ.

Binh nhất Jon Wallenious, quan trắc súng cối của đại đội B, đang đón mừng 1 chuyện rất nghiêm chỉnh. Anh không chỉ sống sót khỏi X-Ray mà không bị lấy 1 một vết xước, mà ngày hôm nay, 17 tháng 11 còn là ngày sinh nhật của anh. “Tôi 22 tuổi. Chúng tôi được cho ăn và tắm rửa cùng với những bộ quần áo mới. Tôi ở suốt buổi chiều trong câu lạc bộ của lính trơn, uống bia cùng với trung đội, kể cho nhau nghe những câu chuyện và ăn mừng sinh nhật của mình. Khoảng 4g Diduryk tới và nói chúng tôi ‘xếp hàng’ – saddle up-. Chúng tôi sẽ đi cứu tiểu đoàn.

“Khoảng 16g” trung úy Rescorla nhớ lại, “Đại úy Diduryk bước lại. ‘Tập hợp đại đội. Tiểu đoàn gặp phải rắc rối rồi. Chúng ta có lẽ sẽ phải tới đó. Cậu là chỉ huy trung đội duy nhất còn lại trong đại đội. Giúp các trung đội tập hợp lại với nhau đi.’ Mọi người tuôn ra khỏi các câu lạc bộ và nhanh chóng mặc quân trang vào người. Họ hành động nhanh chóng, chui mình vào trong đồng quân trang. Không 1 lời phản đối nhưng mắt họ thì chứa đầy sự thiếu tin tưởng. Lại nữa? Sau đó Diduryk ra một mệnh lệnh ngắn nhất trong lịch sử của đại đội: ‘Chúng ta sẽ tiếp đất từ phía đông nam. Bắn vào bất cứ thứ gì ở phía bên trái. Chạy qua bên phải của mình.’ Một bãi đáp nguy hiểm với quân Bắc Việt giữ một bên bãi trống. Sitrep [báo cáo tình hình] từ dưới đất: Ác liệt. Dự báo chúng tôi như 1 miếng sandwiched nằm giữa hai làn đạn của quân ta và quân địch.”

Vào khoảng 5g45, Rescorla tập hợp trung đội, “Họ đứng thật sát nhau, lắng nghe mệnh lệnh kỹ càng. Trung sĩ nhất John A. Uselton, trung sĩ trung đội súng cối, Trung sĩ William F. Martin, binh nhất 4 Andrew Vincent, binh nhất Wallenious và trung sĩ Larry L. Melton. Hơn tám mươi

người. Những gương mặt trẻ, già với những đôi mắt trũng sâu. ‘Các bạn biết là tiểu đoàn đang ở trong 1 đồng cút’, tôi nói. ‘Chúng ta được chọn để nhảy vào đồng cút đó và kéo họ ra. Nếu các bạn chiến đấu giống như ở X-Ray các bạn sẽ làm được việc này. Hãy luôn ở bên nhau. Thôi! hãy bước ra chỗ những chiếc trực thăng và sẵn sàng.’”

“Đọc theo đường băng những chiếc trực thăng chuyên chở đang nổ máy. ‘Đưa họ lên’ Đại úy Diduryk hét lên. Tôi quay lại và dẫn đầu, Fantino theo sau cùng 1 chiếc PRC-25. Tin tức lan truyền rằng chúng tôi đang lao vào 1 trận đánh tự sát. Bị ném ra khỏi cái bong ke ẩm cúng, những người hạnh phúc nhất của Holloway xếp hàng xem chúng tôi bước đi. Người thì trong những chiếc áo sơ mi Hawai, người mặc những bộ cánh của phi công, quần jean, tay cầm những lon bia. Đầu bếp và những người rửa chén, người đốt lò, người trong ban dự án, những người điều hành câu lạc bộ. Cùng một quân đội, nhưng có những công việc quá khác nhau. Đại đội bước đi từng bước, trong 1 khối quân xiết chặt trong đám bụi nâu.”

Một vài người mang những khẩu AK, chiến lợi phẩm từ X-Ray. “Chưa ai kịp cạo râu.” Rescolar để ý, “nhưng vũ khí của chúng tôi thì sáng loáng. “Đơn vị của anh là gì?” một khán giả hỏi. “The Hard Corp của đại đội Bravo, tiểu đoàn 2, trung đoàn kỵ binh số 7.” ‘Cách anh đi đâu?’ “Đi đá vào mấy cái mông’ tôi hét lên. Cả đoàn quân phì cười, mọi người la hét, nguyên rủa. Không ai trong số chúng tôi đi đâu với cái mông đầy mỡ như thế. Khi chúng tôi đi qua, tôi hỏi Fantino: ‘Tình hình dưới hàng quân như thế nào?’ Cậu ta trả lời: ‘Không có ai chuẩn cả, thừa xếp. Mọi người đều xách dùi đi theo chúng ta.’ Khi đội hình của chúng tôi tới chỗ lên máy bay, tôi quay nhìn đồng đội của mình. Không có 1 hàng quân Mỹ nào bước đều khi hành quân hơn những người này vào thời điểm đó. Chúng tôi chui vào những chiếc Huey mà không hề nghe thấy những chỉ dẫn khi bước lên máy bay như thường ngày và bay đi trong những ánh sáng xám xịt của buổi chiều muộn.”

Vào lúc 6g15 những chiếc trực thăng đợt đầu tiên đã lượn trên chu vi nhỏ bé Albany và lính của đại úy Diduryk tuôn ra khỏi máy bay xuống những đám cỏ cao. Những lính kỵ binh đã cưỡi mây tới giải cứu. Nhưng sự giết chóc, cái chết, và sự kinh hoàng tiếp tục diễn ra bên ngoài chu vi phòng thủ của người Mỹ trong suốt 1 đêm dài

## 21/ ĐÀO THOÁT VÀ LẤN TRỐN

*One cannot answer for his courage when he never in danger*  
-Francois, Duc de La Rochefoucauld, Maximes, 1965

Trong sự hỗn loạn của 1 trận đánh biến chuyển nhanh, hai bên đan quện vào nhau, vô tổ chức như trận đánh này dọc theo đường mòn tới bãi trống Albany-với những chỉ huy bị giết, bị thương, hoặc bị chia cắt khỏi lính của mình, và sự liên kết đơn vị bị suy giảm trong những đám cỏ voi cao và trong bão lửa đạn quân thù- những người lính rút dần ra khỏi hoặc bị buộc phải di chuyển ra xa. Điều này, có lẽ, là nỗi khiếp đảm kinh khủng nhất: bị lạc và đơn độc trong 1 vùng thù địch, nơi những người mà ta gặp đều muốn giết ta.

Giải pháp mà Quân đội cung cấp cho trường hợp này là yêu cầu người lính ẩn nấp cho tới khi chắc chắn về địa hình của mình, và sau đó di chuyển một cách lặng lẽ nhất có thể về phía giới tuyến quân mình. Điều lệnh quân đội cho tình huống khó khăn và nguy hiểm này là "Đào thoát và Lẩn trốn" (Escape and Evade). Quay trở lại bên trong giới tuyến của mình ở giữa hai làn đạn là sự khó khăn có tính kỹ thuật. Bạn có thể bị bắn và bị giết bởi chính những đồng đội của mình cũng như bởi quân địch.

Cuối buổi chiều ngày 17 tháng 11, E and E hiển nhiên nằm trong đầu rất nhiều những người Mỹ sống sót đang bò ngang dọc qua những đám cỏ voi trong vùng chết chóc dọc theo con đường tiến về bãi trống Albany. Hầu hết trong số họ không thoát về được hai chu vi phòng thủ của quân Mỹ ở hai đầu hàng quân. Nhưng vượt qua mọi khó khăn khoảng ít nhất 1 tá sĩ quan và lính, tất cả đều bị thương, đã luồn lách trên những lối mòn như làm xiếc về tới được LZ Columbus. Những câu chuyện của họ, đặc biệt là của James Young và Toby Braveboy, như là 1 minh chứng cho sự dũng cảm, và khát vọng vô bờ với cuộc sống.

Cho dù trung tá McDade và sĩ quan thừa hành của mình, thiếu tá Frank Henry, đã cố điều chỉnh cho không quân dội bom xuống gần vị trí của mình, nơi đầu hàng quân 1 cách gần nhất, nhưng 1 vài đợt không kích lại rơi xuống phía xa dưới hàng quân, tận chỗ tiểu đoàn bộ, nơi trung úy John Howard, 1 trung sĩ bị thương và 4 người lính Mỹ khác đang đánh nhau với quân địch phía sau 1 gò mồi. Howard nói, "Chiếc A-1Es đảo 1 vòng rồi ném napalm xuống chỉ cách phía trái chúng tôi khoảng xấp xỉ 45 mét. Cho dù họ đã tiêu diệt được 1 vài tên NVA nhưng tôi tin chắc rằng những trái bom cũng đã trúng vào một vài lính của chúng tôi, bởi vì vào thời điểm đó tất cả chúng tôi đều lẫn lộn với nhau, quân ta cũng như quân địch. Nó đúng là 1 sự hỗn loạn khủng khiếp. Chiếc A-1Es làm 1 chuyển càn quét thật rộng rồi bắt đầu quay lại lần thứ 2."

Trung úy Howard nhanh chóng nhận ra rằng lần này bom có thể rơi trúng ngay trên đầu họ, và họ phải nhanh chóng tránh xa đường đi của Napalm: "Chúng tôi quyết định phải chạy xuống cái gò đất, thẳng tới trước cái lòng suối cạn để tránh xa đợt dội bom lần thứ 2. Sáu người chúng tôi nhảy lên và chạy, vượt qua lòng suối khoảng 90 mét, rồi nhảy xuống 1 cái hố rộng khoảng 4,5 mét trông giống như được tạo ra 1 một quả pháo. Khi chúng tôi chạy khỏi gò mồi, chiếc A-1Es đang thực hiện vòng lượn thứ 2 và quân Bắc Việt đang nhắm bắn vào nó, chẳng để ý gì đến chúng tôi.

"Sau khi nằm trong hố chúng tôi nhận ra mình đang ở trong vùng đất -không-người ngoài tầm với của quân địch và cũng cách rất xa bất kỳ 1 đơn vị quân mình nào. tiếng súng dữ dội vẫn nổ đều cách đó khoảng vài trăm mét, nhưng sau khi ở đó được khoảng 1 tiếng, chúng tôi không hề nhìn thấy thêm bất kỳ 1 tên địch nào nữa trong vùng."

Ở cách đó không xa, 1 nhóm nhỏ người Mỹ tuyệt vọng khác cũng đang thành lập và đang cố tìm đường thoát khỏi cái bẫy chết chóc đó. Nhóm này được dẫn dắt bởi bạn của trung úy Howard, trung úy Bud Alley. chỉ huy trung đội thông tin. Alley đã gom được 5 người bị thương khác, gồm cả trung sĩ trung đội của anh; trung sĩ phụ tá hành quân, James Gooden và 1 người lính thuộc đại đội Alpha của đại úy Forrest, tiểu đoàn 1, Kỵ binh 5.

Alley nói, "một trong những lính tạp vụ bị thương khá nặng và đang hoảng loạn. Chúng tôi cố mang anh ta theo nhưng anh ta quá to lớn, chúng tôi không thể xoay xở được. một lính khác bị trúng đạn vào mắt, dù bị băng kín mắt nhưng vẫn nói là cậu ta có thể nhìn thấy được. Một người lính quân dịch còn trẻ. Chúng tôi tìm đường tới 1 lòng suối. Có những người khác ở trong lòng suối khi chúng tôi tới đó."

"Tôi nhớ 1 người trong số họ nói: "trung úy, có thể cầu nguyện được không? Chúng tôi đều cầu nguyện; rồi chúng tôi rút tiếp về bên trái, cố tìm 1 sĩ quan cấp cao, người có thể nói cho chúng tôi biết phải làm gì. Chúng tôi có người bị bắn mù hai mắt, Gooden bị trúng đạn ở ngực, người khác thì bị trúng đạn ở tay và chân. Chúng tôi tiếp tục bò và chúng tôi nhận ra rằng chúng tôi không thể trở lại chỗ chó chết đó được; điều tốt nhất bây giờ chúng tôi có thể làm là tới chỗ pháo binh, nếu chúng tôi có thể đi được tới đó."

...

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách :

Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>